ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TS HUỲNH VĂN CHẨN (chủ biên)
và nhiều tác giả

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT) :

THÀNH TỰU QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

CONFERENCE PROCEEDINGS

SOCIAL WORK WITH LESBIAN, GAY, BISEXUAL, TRANSGENDER (LGBT) CLIENTS:

INTERNATIONAL SUCCESS AND LESSONS FOR VIET NAM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

BAN CHỈ ĐẠO

PGS.TS Ngô Thị Phương Lan

BAN TỔ CHỨC

TS Lê Hoàng Dũng - Trưởng ban

TS Huỳnh Văn Chẩn - Phó Trưởng ban

ThS Mai Thị Kim Khánh - Phó Trưởng ban

TS Lê Minh Công

ThS Hồ Quang Viên

BAN NỘI DUNG

TS Huỳnh Văn Chẩn - Trưởng ban

TS Lê Minh Công - Phó trưởng ban

TS Lê Văn Công - Phó trưởng ban

TS Đỗ Thị Nga

ThS Nguyễn Thị Thanh Tùng

TS Nguyễn Thị Quốc Minh

TS Nguyễn Thị Hằng Phương

TS Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

TS Nguyễn Hữu Long

TS Nguyễn Cao Minh

TS Nguyễn Lê Hoài Anh

TS Hoàng Tuấn Ngọc

BAN THƯ KÝ

ThS Tạ Thị Thanh Thuỷ - Trưởng ban

ThS Phạm Thị Tâm - Phó trưởng ban

ThS Cao Văn Quang

ThS Phạm Thị Thu

ThS Phạm Thị Thu Hương

CN Nguyễn Thị Quỳnh Như

CN Lưu Tuấn Anh

CN Cù Thị Xuân

CN Đỗ Quang Thông

LỜI NÓI ĐẦU

Sự tồn tại của cộng đồng người đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển giới (LGBT) ngày càng trở nên hiện hữu trong đời sống xã hội Việt Nam. Mặc dù chưa có con số thống kê chính xác, tuy nhiên, theo số liệu của một số tổ chức đã công bố thì số lượng người trong cộng đồng LGBT chiếm khoảng 3% tổng dân số[1]. Đây được xem là nhóm thiểu số, thường xuyên phải chịu sự kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực dựa trên xu hướng tình dục của họ[2].

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra nhu cầu của nhóm đối tượng này với các dịch vụ hỗ trợ từ ngành Công tác xã hội (CTXH) nói riêng và nhiều ngành khác. Các nghiên cứu của iSEE (2010), CSAGA (2009) và CCIHP (2012) đã đề cập đến nhu cầu của cộng đồng LGBT với các dịch vụ như: hỗ trợ kết nối cộng đồng, hỗ trợ việc công khai (come - out), tư vấn tâm lý, tư vấn pháp lý,… Trên thực tế, đã có một số dịch vụ Công tác xã hội dành cho người LGBT được triển khai, trong đó, phát triển mạnh nhất là các dịch vụ tư vấn tâm lý, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ cha mẹ và người thân của người LGBT[3].

Tuy vậy, một vài nghiên cứu gần đây cho thấy, khoảng cách rất lớn giữa nhu cầu của cộng đồng LGBT và mức độ tiếp cận của họ với các dịch vụ hỗ trợ, nhất là các dịch vụ Công tác xã hội tại Việt Nam[4]. Khoa Công tác xã hội, trong những năm qua, cũng đã triển khai nhiều chương trình/ dự án khác nhau hướng đến việc hỗ trợ hoặc phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho cộng đồng LGBT như: 1) Triển khai học phần Công tác xã hội với người LGBT trong chương trình đào tạo cử nhân và chương trình thạc sĩ; 2) Hợp tác với Tổ chức Cứu trợ Trẻ em tại Việt Nam (SCI) thực hiện Dự án "Quản trị Quyền trẻ em - Trẻ em và thanh thiếu niên LGBT tại Việt Nam được tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội"; 3) Hợp tác với CSAGA triển khai dự án Dự án "Chấm dứt tình trạng quấy rối/ bạo lực tình dục đối với phụ nữ và người nữ yêu nữ"; 4) Xuất bản giáo trình "Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)". Tuy nhiên, một vài chương trình như trên vẫn là chưa đầy đủ và chưa nhiều bằng chứng học thuật để phát triển một lĩnh vực còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Do đó, việc tổ chức Hội thảo **"Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT): Thành tựu quốc tế và bài học cho Việt Nam"** là tiền đề quan trọng để phát triển mạnh mẽ cho chủ đề nghiên cứu và thực hành này. Mục đích của hội thảo là hướng đến việc tạo một không gian học thuật, trao đổi, thảo luận những vấn đề lý luận và thực hành công tác xã hội với người đóng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, là cơ hội giúp các nhà nghiên cứu công bố những khám phá về các vấn đề thuộc đời sống của cộng đồng LGBT, từ đó, bước đầu thảo luận, đề xuất mô hình thức hành công tác xã hội với cộng đồng LGBT tại Việt Nam.

---

1 ISEE. 2012. "Sơ lược về người đồng tính ở Việt Nam". Hà Nội. Tờ thông tin.

2 UNDP. 2014. *Human Development Report 2014: Sustaining Human Progress - Reducing Vulnerabilities and Building Resilience.* New York

3 Lê Thị Mai Trang, Nguyễn Tuấn Anh. 2015. "Dịch vụ hỗ trợ người đồng tính ở Hà Nội và tính chuyên nghiệp trong các dịch vụ này". Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Các chiều cạnh của sự tách biệt xã hội: Hướng tới các chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ", Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm), Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Văn phòng UNESCO Hà Nội, tổ chức ngày 29/9/2015 tại Hà Nội.

4 Nguyen Tuan Anh, Trang M Le (2014). "Nhu cầu và mức độ tiếp cận của người đồng tính nữ đối với dịch vụ công tác xã hội". Conference: Reality and Integration of Social Work Development in Vietnam, Tổ chức tháng 12/2014, tại Hà Nội, Việt Nam.

Sau khi thông báo chủ đề của Hội thảo: ***"Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT): Thành tựu quốc tế và bài học cho Việt Nam"***, Ban tổ chức đã nhận được hơn 60 bài báo khoa học của các tác giả là giảng viên, nhà nghiên cứu và thực hành công tác xã hội ở các trường đại học, aao đẳng, viện nghiên cứu, trung tâm trên cả nước. Hội đồng biên tập của Hội thảo đã phản biện, trao đổi với các tác giả và thống nhất lựa chọn 34 bài báo đảm bảo chất lượng (thông qua nhiều lần phản biện/ đọc duyệt) để in vào cuốn kỷ yếu này.

Các bài báo cáo tập trung vào 03 chủ đề chính:

1) Các vấn đề chung của cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam: Khái quát về người LGBT trong xã hội Việt Nam từ góc nhìn lịch đại (Huỳnh Văn Chẩn, Nguyễn Trọng Lăng); Nhu cầu học tập cảm xúc - xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới (Phan Thị Cẩm Giang); Tìm hiểu đặc điểm chung trong trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái (Hoàng Tuấn Ngọc, Võ Thị Tường Vy); Công khai xu hướng tính dục ở sinh viên thuộc cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới: thuận lợi, rào cản và các yếu tố tác động (điển cứu tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM) (Nguyễn Thị Thanh Tùng, Lê Minh Công, Phạm Thị Thu Hương)…

2) Nhận thức của xã hội về cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT): Việc nhận con nuôi trong các gia đình đồng tính, song tính và chuyển giới và đa dạng giới (LGBTQ) ở Hoa Kỳ (Nguyễn Đức Hữu); Nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT (Trương Thị Thuý Hoà & Vũ Thị Minh Phương); Những yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội về cộng đồng LGBT (Phạm Thanh Hải, Phạm Tất Hiệp); Thái độ của cha mẹ có con là người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam (Lương Thị Đào & Nguyễn Văn Thanh); Bạo lực giới nơi người chuyển giới nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh: Sự trình diễn của khuôn mẫu giới - văn hóa (Phù Khải Hùng); Thực trạng đối xử với người đồng tính ở Việt Nam và giải pháp can thiệp, trợ giúp của Công tác xã hội (Nguyễn Lê Hoài Anh),…

3) Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT): Kinh nghiệm quốc tế và thực tế ở Việt Nam như: Cơ sở lý luận về thực hành công tác xã hội với người chuyển giới tại một số quốc gia trên thế giới và bài học vận dụng ở Việt Nam (Nguyễn Thị Quốc Minh); Hoà nhập xã hội của nhóm yếu thế - cộng đồng người song tính, đồng tính và chuyển giới - với những vấn đề đặt ra cho quản lý phát triển xã hội tại Việt Nam (Tạ Thị Thanh Thuỷ, Phạm Thị Tâm, Nguyễn Thị Hồng); Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp người đồng tính công khai xu hướng tính dục (Đỗ Thị Vân Anh); Khảo sát tự đánh giá về năng lực và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người LGBT của các nhà tham vấn tại Việt Nam: thực trạng, khó khăn và khuyến nghị (Trịnh Đình Minh Việt, Nguyễn Cao Minh, Vương Khả Phong, Đặng Thùy Dương),…

Đây cũng là 03 phần được trình bày trong cuốn Kỷ yếu này.

Chúng tôi hy vọng cuốn Kỷ yếu sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích, được các cơ sở đào tạo, các nhà khoa học cũng như những nhà thực hành đón nhận.

Trân trọng!

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

Lời nói đầu ..... *v*

PHẦN 1. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT) TẠI VIỆT NAM **1**

1. Khái quát về người LGBT trong xã hội Việt Nam từ góc nhìn lịch đại **3**
Huỳnh Văn Chẩn, Nguyễn Trọng Lăng, Tạ Thị Thanh Thủy

2. Nhu cầu học tập cảm xúc - xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới **11**
Phan Thị Cẩm Giang

3. Tìm hiểu đặc điểm chung trong trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái **21**
Hoàng Tuấn Ngọc, Võ Thị Tường Vy

4. Công khai xu hướng tính dục ở sinh viên thuộc cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới: thuận lợi, rào cản và các yếu tố tác động (điển cứu tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HCM) **29**
Nguyễn Thị Thanh Tùng, Lê Minh Công & Phạm Thị Thu Hương

5. Công khai xu hướng tính dục với gia đình của người đồng tính tại Việt Nam **38**
Trương Thị Ly

6. Mối quan hệ giữa sự cô đơn và sức khoẻ tinh thần của cộng đồng LGBT **46**
Lê Văn Hiền & Nguyễn Diệu Hương

7. Các hình thức sử dụng chất ma tuý trong nhóm thanh niên LGBT tại TP Hồ 55Chí Minh **55**
Phạm Thị Thu, Nguyễn Thị Phượng & Đỗ Trinh Trong

8. Những thách thức của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong tiếp cận dịch vụ xã hội ở Việt Nam hiện nay **64**
Nguyễn Thị Phương Mai

9. Một số khó khăn tâm lý của người LGBT và vai trò của nhà tâm lý **75**
Minh Thị Lâm, Lê Quốc Tuấn và Dương Thanh Vương

10. Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Chi Lê, Hoa Kỳ Và Uganda **85**
Nguyễn Huyền Linh, Võ Xuân Hoà, Phạm Thị Tâm

11. Những rào cản của thanh niên LGBT trong tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý tại Việt Nam **94**
Đỗ Thị Nga, Nguyễn Thị Huỳnh Oanh

12. Chứng phiền muộn giới ở trẻ em, thanh thiếu niên và một số gợi ý về những trợ giúp của nhân viên công tác xã hội **103**
Phạm Thanh Bình & Lê Việt Hùng

13. Rào cản tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp luật của người có xu hướng tình dục đồng giới (nghiên cứu tại TP Hồ Chí Minh năm 2021) 110
Lê Thị Hoàng Liễu, Lê Văn Gắt, Tô Thị Kim Phụng, và Lê Bá Phẩm

14. Khó khăn làm rào cản việc tiếp cận quyền bình đẳng của công nhân lao động là người LGBT 120
Lê Văn Công, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Hữu Khánh

15. Tác động của mạng xã hội đối với sức khoẻ tâm thần của thanh thiếu niên LGBT hiện nay 129
Vũ Hồng Hạnh, Phan Thanh Hải

PHẦN 2. NHẬN THỨC CỦA XÃ HỘI VỀ CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT). 137

16. Việc nhận con nuôi trong các gia đình đồng tính, song tính và chuyển giới và đa 139dạng giới (LGBTQ) ở Hoa Kỳ 139
Nguyễn Đức Hữu

17. Nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - xã hội về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT 147
Trương Thị Thúy Hoà & Vũ Thị Minh Phương

18. Những yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - xã hội về cộng đồng LGBT 156
Phạm Thanh Hải, Nguyễn Tất Hiệp

19. Thái độ của cha mẹ có con là người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam 165
Lương Thị Đào & Nguyễn Văn Thanh

20. Bạo lực giới nơi người chuyển giới nữ ở thành phố Hồ Chí Minh: Sự trình diễn của khuôn mẫu giới - văn hoá 173
Phù Khải Hùng

21. Thực trạng đối xử với người đồng tính ở Việt Nam và giải pháp can thiệp, trợ giúp của Công tác xã hội 187
Nguyễn Lê Hoài Anh

22. Nhận thức về bạo lực giới trong gia đình của người LGBT tại tỉnh Bình Dương 197
Nguyễn Huyền Châu, Trần Văn Thành và Nguyễn Thị Ngọc Thương

PHẦN 3. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT): KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ THỰC TẾ VIỆT NAM 207

23. Cơ sở lý luận về thực hành công tác xã hội với người chuyển giới tại một số quốc gia trên thế giới và bài học vận dụng ở Việt Nam 209
Nguyễn Thị Quốc Minh

24. Hoà nhập xã hội của nhóm yếu thế - cộng đồng người song tính, đồng tính và chuyển giới - với những vấn đề đặt ra cho quản lý phát triển xã hội tại Việt Nam 219
Tạ Thị Thanh Thuỷ, Phạm Thị Tâm, Nguyễn Thị Hồng.

25. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp người đồng tính công khai xu hướng tính dục 227
Đỗ Thị Vân Anh

26. Hiệu quả từ mô hình nâng cao nhận thức cộng đồng về người LGBT thông qua hành trình xuyên Việt (nghiên cứu từ Tổ chức PFLAG Sài Gòn) 235
Tống Thị Hương & Đinh Văn Mãi

27. Xây dựng hệ sinh thái an toàn cho học sinh LGBT trong trường học 243
Phan Thị Thanh Hương

28. Nhận thức, thái độ của sinh viên về người đồng tính và đề xuất một số vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ người đồng tính 251
Nguyễn Văn Nga & Phạm Thị Hải Lý

29. Thực trạng giáo dục cảm xúc - xã hội cho người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động trải nghiệm 262
Phan Thị Cẩm Giang

30. Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai trước bối cảnh dịch COVID-19 271
Nguyễn Hữu Long, Ngô Thu Trà My & Bùi Phương Thảo

31. Vấn đề chuyển đổi giới tính ở các nước trên thế giới và bài học vận dụng cho nhân viên công tác xã hội ở Việt Nam 278
Nguyễn Thị Quốc Minh

32. Khảo sát tự đánh giá về năng lực và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người LGBT của các nhà tham vấn tại Việt Nam: thực trạng, khó khăn và khuyến nghị 287
Trịnh Đình Minh Việt, Nguyễn Cao Minh, Vương Khả Phong & Đặng Thùy Dương

33. Ứng dụng phương pháp phát triển cộng đồng trong làm việc với cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới 298
Nguyễn Thị Thanh Tùng

34. Thực trạng dạy nghề cho thanh niên LGBT tại TP Bến Tre 307
Đặng Thanh Trâm, Nguyễn Văn Sia và Vũ Thị Minh Phương

PHẦN I

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT) TẠI VIỆT NAM

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI LGBT TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN LỊCH ĐẠI

OVERVIEW OF LGBT PEOPLE AT VIETNAMESE SOCIETY THROUGH THE PROCESS OF CHANGE IN HISTORY TO MODERN TIME

***Huỳnh Văn Chẩn*[*], *Nguyễn Trọng Lăng*[**], *Tạ Thị Thanh Thủy*[***]**

TÓM TẮT

Như chúng ta đã biết, ở mọi thời đại và mọi nền văn hóa, người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) luôn có mặt và họ cũng luôn là chủ đề nhạy cảm, thu hút sự quan tâm của dư luận với những quan niệm đồng thuận cũng như trái chiều, mâu thuẫn đan xen lẫn nhau. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, hành vi tính dục đồng giới và người chuyển giới đã được ghi chép trong lịch sử của Việt Nam từ thời phong kiến. Trước thời hiện đại, xã hội Việt Nam không có những định kiến hoặc phân biệt những người có xu hướng tính dục thiểu số này với đại đa số còn lại. Về sau này, vì xã hội có nhiều sự thay đổi, trong đó có cả sự thay đổi về quan niệm về người LGBT. Trong suốt một thời gian dài, người LGBT đã chịu nhiều sự kì thị, phân biệt đối xử. Chỉ trong một vài năm gần đây, mới có những chuyển biến lớn và tích cực trong việc công nhận sự tồn tại của những người LGBT và những thách thức về quyền con người mà họ phải đối mặt. Trong bài viết này, chúng tôi khái quát chặng đường phát triển, những thay đổi và những tiếp biến văn hóa cũng như những hoạt động, những phong trào có liên quan đến cộng đồng người LGBT trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam.

Từ khóa: *người đồng tính, người song tính, người chuyển giới, xu hướng tính dục thiểu số, tiếp biến văn hóa.*

ABSTRACT

As we all know, in all times and all cultures, gay, bisexual, transgender (LGBT) people are always present and they are also always a sensitive topic, attracting the public attention with conflicting issue and contradictory ideas. Like many other countries in the world, homosexual behavior and transgender people have been recorded in the history of Vietnam. Before modern times, Vietnamese society did not have prejudices or discriminated against this minority group (LGBT) from the rest of the population. Recently, Vietnamese society had many changes, including a change in the concept of LGBT people. For a long time, LGBT people have suffered from stigma and discrimination. Only in the last few years have there been major and positive changes in the recognition of LGBT people and the human rights challenges they face. In this article, we will summarize the development, changes and acculturation as well as activities and movements related to the LGBT community throughout history in Vietnam.

Keywords: *gay people, bisexual people, transgender people, minority sexual orientation, acculturation.*

[*] Tiến sĩ, Trưởng khoa, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: huynhchanxhnv@gmail.com.

[**] Tiến sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Trà Vinh. Email: ntlang@tvu.edu.vn.

[***] Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: Thuyta102@yahoo.com.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mở đầu bài viết này, chúng tôi xin được mượn câu nói của bà Hillary Clinton làm lời dẫn: *"Người đồng tính sinh ra và thuộc về mọi cộng đồng trên thế giới. Họ ở đủ mọi lứa tuổi, chủng tộc, tôn giáo. Họ là bác sĩ, giáo viên, nông dân, nhân viên ngân hàng, binh sĩ và vận động viên. Cho dù chúng ta biết và nhìn nhận điều đó như thế nào, thì họ đều là gia đình, bạn bè, xóm giềng. Đồng tính không phải được phát minh ra, mà nó là sự tự nhiên trong mỗi con người"*. Thật vậy, người đồng tính nói riêng và người LGBT nói chung, không phải là ý thích, là sự nhân tạo mà đó là sự tự nhiên như thể "tạo hóa" đã tạo ra. Người LGBT có trong mọi quốc gia, mọi nền văn hóa. Trước đây, do nhiều nguyên nhân khác nhau, khiến rất nhiều người đồng tính buộc phải tự che giấu và không dám mạnh dạn công khai giới tính của mình. Có những người đã phải sống cuộc sống bất hạnh vì không được là chính mình cho đến hết cuộc đời. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, sự giao lưu, tiếp biến văn hóa với các nước phương Tây và sự trưởng thành của thế hệ trẻ - lớp người được sinh ra trong một "thế giới phẳng"... đã dẫn đến những thay đổi mạnh mẽ của con người trong suy nghĩ, thái độ và hành vi đối với nhiều vấn đề xã hội, trong đó có quyền được sống thật với giới tính của mình, nên phong trào và hoạt động vì người LGBT cũng ngày một nhiều hơn.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ khái quát chặng đường phát triển, những thay đổi và những tiếp biến văn hóa cũng như những hoạt động, những phong trào có liên quan đến cộng đồng người LGBT trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích tài liệu liên quan để xây dựng nội dung nghiên cứu và cơ sở lý luận của của vấn đề nghiên cứu, hệ thống những kinh nghiệm của các nghiên cứu trước đây gần với nội dung nghiên cứu, cũng như nghiên cứu các chủ trương, chính sách hiện nay đang áp dụng cho người LGBT.

Chúng tôi tìm kiếm, thu thập, sử dụng và tổng quan các tài liệu có sẵn, từ các báo cáo, tạp chí, công trình nghiên cứu, giáo trình, luận văn, luận án, tài liệu sưu tầm trên mạng Internet,… liên quan đến người LGBT để xây dựng nên khung lý thuyết cho nghiên cứu.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Hình ảnh người LGBT trong lịch sử Việt Nam

Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, hành vi tình dục đồng giới và người chuyển giới đã được ghi chép trong lịch sử của Việt Nam. Trước thời hiện đại, xã hội Việt Nam không có những định kiến cụ thể hoặc phân biệt những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác với phần còn lại của xã hội. Với thời hiện đại, khuôn mẫu giới và quan hệ tình dục được thể chế hóa, nó quy định con người phải như thế nào và họ phải yêu ai, đồng thời, gạt ra ngoài lề những người không thuộc về khuôn mẫu đó. Người đồng tính và người chuyển giới đột ngột cảm thấy họ bị ruồng bỏ khỏi xã hội hiện đại, phải đối mặt với định kiến và sự phân biệt đối xử từ phần còn lại của xã hội. Chỉ trong một vài năm gần đây mới có những chuyển biến lớn và tích cực trong việc công nhận sự tồn tại của những người LGBT và những thách thức về quyền con người mà họ phải đối mặt.

Để hiểu rõ hơn về những định kiến và sự phân biệt đối xử chống lại cộng đồng LGBT ở Việt Nam, và để hiểu biết rằng văn hóa Việt Nam trước đây không có khái niệm xu hướng tính dục và bản dạng giới như trong văn hóa phương Tây và xem đó là điều quan trọng. Là một xã hội phụ hệ và trọng nam, xu hướng tính dục và bản dạng giới không tuân theo những quy chuẩn thường được coi như là đồng tính nam. Chuyển giới từ nam sang nữ và những người thích mặc quần áo của người khác giới được xem là các hình thức cực đoan và có thể nhìn thấy được của người đồng tính. Những người đồng tính nữ, nếu được nhắc đến, thì thường cũng không mang theo quá nhiều hệ lụy hoặc không gây tranh cãi, miễn là người phụ nữ đó tuân theo quy chuẩn xã hội là lấy chồng, sinh con, xây dựng gia đình. Với những thiên kiến về văn hóa như vậy, từ "đồng tính" thường được dùng một cách chính thức và phổ biến để chỉ cộng đồng LGBT. Điều này cũng giống như từ "gays" có thể được dùng để chỉ những người LGBT nói chung ở nước Mỹ. Trong phần này, từ "đồng tính" được sử dụng để phản ánh đúng bản dịch của luật pháp và các tài liệu tiếng Việt.

3.1.1. Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX

Một số di vật từ thời tiền sử của Việt Nam đã chỉ ra rằng, tính dục được xem như một điều lành mạnh và thuận với tự nhiên. Những lễ hội địa phương khuyến khích việc khám phá tính dục cũng như hoạt động tính dục (kể cả đồng tính ở thanh niên) để đẩy mạnh khả năng sinh sản và sự thịnh vượng. Quan hệ tính dục chỉ trở thành điều cấm kỵ từ khi có sự du nhập của đạo Phật và đạo Khổng, thậm chí kể cả sau đó, quan điểm hà khắc về tính dục và đạo đức của phụ nữ chỉ còn thống trị ở xã hội chính thống và thượng lưu.

Việc mặc quần áo khác giới và đảm nhận vai trò của người khác giới là phổ biến trong văn hóa Việt Nam. Nam giới ăn mặc và có những cử chỉ giống phụ nữ thường được coi là điều cấm kỵ và đáng chú ý hơn, và vì thế, nó đã được ghi chép lại nhiều hơn. Ở nông thôn, nam giới ăn mặc như phụ nữ thường được biết đến là thầy phù thủy và được gọi là *"bóng cái"* ở miền Nam và/hay *"đồng cô"* ở miền Bắc.

Vì sự mập mờ về tính dục của họ, nên họ được xem là có khả năng nói chuyện với những thế lực tâm linh. Việc cho trẻ em mặc quần áo khác giới được xem là cách để bảo vệ những đứa trẻ yếu ớt khỏi ma quỷ vì chúng (ma quỷ) sẽ bị nhầm lẫn. Tuy nhiên, tục lệ này không liên quan đến tính dục và bản dạng giới của đứa trẻ.

Ghi chép đầu tiên về người chuyển giới ở Việt Nam là vào thế kỷ XIV, *Đại Việt Sử ký toàn thư* đã nhắc đến một người phụ nữ trở thành đàn ông ở Nghệ An, và trường hợp của An Vương Tuấn, một thành viên của hoàng tộc, là một người thông minh, uyên bác và mạnh mẽ nhưng ngang bướng và thích mặc quần áo của phụ nữ. Bằng chứng đầu tiên của quan hệ đồng tính ở Việt Nam là vào thế kỷ XVI, vào thời nhà Mạc, tại bộ luật có tên *Hồng Đức Thiện Chính thư*, bộ luật được đặt theo tên của một vị vua nhà Tiền Lê. *Hồng Đức Thiện Chính thư* là bộ luật bao gồm tất cả những vấn đề luật pháp dưới thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu là Hồng Đức. Vào năm 1476, có một vụ án về hai người phụ nữ, một người đã lấy chồng và đang mang thai, một người thì độc thân, hai người sống cùng với nhau. Người ta nói rằng hai người phụ nữ đã giao hợp với nhau dẫn đến việc người đàn bà độc thân có thai. Người đàn bà độc thân bị buộc tội ngoại tình với đàn ông, ngoại tình lúc đó là một trọng tội, nhưng quan khám án lại phán xử rằng, người đàn bà kia mang thai là do được truyền tinh trùng của người chồng khi hai người phụ nữ giao hợp với nhau. Vì thế,

 ISBN: 978-604-73-8639-0

cuối cùng, người đàn bà độc thân được xử vô tội. Điều đáng lưu ý là, vụ án này không lên án mối quan hệ đồng tính giữa hai người đàn bà cũng như không coi đó là một tệ nạn xã hội.

Mặc dù đồng tính hoặc bản dạng giới không tuân theo quy chuẩn có thể được miêu tả là trái với tự nhiên hoặc là điềm gở, nhưng họ không bao giờ bị coi là một tội. Các tài liệu đã chỉ ra rằng, vua Khải Định (1885-1933) được biết đến là có xu hướng thích đàn ông, mặc dù ông có 12 bà vợ. Ông thường bị nói là vô sinh bởi vì ông không có hứng thú đối với phụ nữ. Hoàng tử Vĩnh Thụy, con trai duy nhất của ông, và cũng là người kế vị ngai vàng, được cho là con nuôi. Khải Định cũng thường bị chỉ trích vì cách ăn mặc, ông thích đeo trang sức và ăn mặc như phụ nữ.

Cuộc thảo luận đầu tiên cho rằng đồng tính, cách thể hiện của người chuyển giới và việc thích mặc đồ của người khác giới là một tội bắt nguồn từ các tài liệu phương Tây, bởi do thực dân Pháp khi họ viết về văn hóa bản địa vào cuối thế kỷ XIX. Trong suốt thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng, vấn đề đồng tính ở Nam Kỳ (hiện nay là miền Nam Việt Nam) được thực dân Pháp mô tả là kế thừa từ văn hóa Trung Quốc. Vào thời kỳ đó, phụ nữ không được phép làm diễn viên nên những vai nữ thường được đóng bởi những chàng trai trẻ. Khi đến các rạp hát Trung Quốc ở phía Nam thuộc địa Nam Kỳ, Jacobus X. quan sát thấy: "Cái cách họ bắt chước điệu bộ, dáng đi và giọng nói của những người phụ nữ Trung Quốc thật hoàn hảo, thật khó để phân biệt họ với phụ nữ. Họ, thậm chí, còn làm được hơn cả vậy, họ đóng vai phụ nữ theo các cách khác… Tuy nhiên, tôi không thể im lặng trước một dạng lập dị của trò chơi tình ái. Những nam diễn viên Trung Quốc đóng những vai nữ, mặc các phục trang của họ (đến nhà thổ), và đóng vai một trinh nữ thùy mị, sợ mất đi trinh tiết của mình, một sự điêu luyện đến khiến người ta phải thán phục. Trước mặt những người đàn ông lớn tuổi, cảnh đêm tân hôn được diễn tả mà không có chút xấu hổ nào".

Còn người Việt Nam lại cho rằng, thói quen này du nhập từ nền văn minh phương Tây. Việc những người đàn ông châu Âu thường có quan hệ tình dục với những cậu bé Việt Nam và Trung Quốc tuổi từ 15 đến 25 tuổi được coi là bình thường. Họ bị gọi một cách xúc phạm là "pê-đê", hay là "pédéraste" trong tiếng Pháp, từ dùng để miêu tả những người đàn ông quan hệ tình dục bằng đường hậu môn với những cậu bé. Từ này sau đó đã được sử dụng rộng rãi trong xã hội Việt Nam để chỉ những người có bất kỳ xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới nào khác so với quy chuẩn xã hội.

Vấn đề đồng tính trong thời kỳ này cũng vẫn tồn tại ở địa phận Bắc Kỳ, tuy nhiên, nó ít được ghi lại hơn.

3.1.2. Thế kỷ XX

Các trung tâm thành thị phát triển tạo không gian cho những người LGBT tụ hợp với nhau như một phần của việc hiện đại hóa của Việt Nam. Do đó, việc phát hiện ra sự tồn tại của cộng đồng thiểu số về giới tính và tính dục ngày trở nên dễ dàng hơn. Trong suốt thời kỳ Chiến tranh Việt Nam (1945-1975), hoạt động đồng tính không được chấp thuận và bị kết tội ở miền Nam, tuy nhiên, "những người Việt đồng tính gặp nhau một cách cởi mở và thường xuyên ở một nhà hàng sang trọng tại trung tâm Sài Gòn". Có nhiều điểm đến dành cho người đồng tính nam hơn là cho người đồng tính nữ, và thậm chí, có nơi còn có một ca sỹ ăn mặc chuyển giới.

Sau năm 1975, thời kỳ kiến thiết xã hội chủ nghĩa nhấn mạnh vào quyền bình đẳng giữa nam và nữ, nhưng lại gây áp lực lên tính dục bằng việc thúc đẩy chủ nghĩa anh hùng và kêu gọi sự hy

sinh tình cảm cá nhân cho lợi ích chung. Các mối quan hệ trước hôn nhân và các mối quan hệ ngoài hôn nhân bị coi là bất hợp pháp và suy đồi. Giáo dục giới tính không tồn tại, sinh hoạt tình dục của phụ nữ bị giám sát và kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo vệ những giá trị, danh dự của gia đình. Thậm chí khi đó, đồng tính và chuyển giới không bị coi là một tội. Thực tế, đồng tính và chuyển giới không được đề cập đến trong bất kỳ văn bản pháp luật nào, điều này dẫn đến sự lúng túng và các lỗi diễn giải mang tính chủ quan của các cán bộ địa phương khi giải quyết những vụ việc liên quan đến cộng đồng LGBT.

Vài thập kỷ sau đó, người chuyển giới thường tham gia những gánh hát rong đi khắp các tỉnh miền Nam. Trong khi miền Nam Việt Nam thì đã quen với vai trò mua vui của những người chuyển giới, thì người chuyển giới ở miền Bắc vẫn ít lộ diện hơn và chỉ giới hạn vai trò của mình trong các nghi lễ tôn giáo. Mặc dù xã hội Việt Nam có thái độ khoan dung đối với những người chuyển giới trong việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo vì lý do văn hóa và tín ngưỡng, ví dụ như thầy phép, nhưng xã hội Việt Nam hiện đại vẫn không chấp nhận những sự lệch lạc về khuôn mẫu giới. Hiện nay ở Việt Nam, định kiến và sự phân biệt đối xử trong luật pháp đã củng cố thêm việc loại trừ người chuyển giới cũng như gạt họ ra bên lề của xã hội. Về cơ bản, người chuyển giới bị buộc phải làm công việc mại dâm hoặc "biểu diễn" như hát trong đám ma để kiếm sống, vì họ không nhận được sự ủng hộ của gia đình và thường bị những nhà tuyển dụng từ chối do định kiến, sự phân biệt đối xử và cả việc các văn bản pháp luật không thể hiện giới tính mà họ lựa chọn, vì thế, họ dễ dàng bị nhận ra là người chuyển giới bởi các nhà tuyển dụng. Ở Việt Nam, mọi người tin rằng việc hát trong đám ma sẽ giúp cho linh hồn người chết được siêu thoát và những người còn sống sẽ tiếp tục sống hạnh phúc. Vì thế, người chuyển giới thường được thuê để làm việc này vì họ bị xem là đối tượng để tiêu khiển, mua vui. Trong hoàn cảnh đó, việc người chuyển giới phải chịu đựng sự bóc lột, hành hung tính dục và bạo lực không phải là điều ngạc nhiên.

Năm 1990, ca nhiễm HIV đầu tiên được ghi nhận ở TP Hồ Chí Minh. Từ năm 1992 đến năm 2005, số lượng ca nhiễm HIV tăng mạnh từ 11 ca lên 104.111 ca. Để đối phó với tình hình đó, Chính phủ Việt Nam đã tập trung vào duy nhất một nhóm đối tượng có nguy cơ cao, đó là những nam thanh niên sử dụng ma túy. Sự tập trung vào một nhóm đối tượng duy nhất này đã khiến cho những cộng đồng dễ bị tổn thương khác như cộng đồng MSM bị xao lãng. Đến năm 2006, tỷ lệ nhiễm HIV ở Hà Nội của nhóm MSM cao đến 20%. Định kiến và sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới đã khiến cho người LGBT phải che giấu bản thân, và vì thế, đã làm tăng mức độ dễ bị lây nhiễm HIV của họ do việc tiếp cận các dịch vụ y tế và các chương trình giáo dục là điều rất khó khăn.

Tình hình trở nên tệ hơn KHI vào năm 2002, các kênh truyền thông nhà nước của Việt Nam tuyên bố đồng tính là một tệ nạn xã hội, một tội được so sánh với cờ bạc, mại dâm và buôn bán ma túy, cũng như kêu gọi việc bắt giữ các cặp đôi đồng tính. Khái niệm "tệ nạn xã hội" khá là mập mờ, nhưng nó được mô tả là "những giá trị không mong muốn được du nhập vào xã hội Việt Nam khi đất nước tiếp xúc nhiều hơn với thế giới, mà ở đó, tồn tại nhiều những sự suy đồi về đạo đức". Điều này đã củng cố cho quan điểm truyền thống cho rằng, bệnh dịch này là do đạo đức suy đồi và "những hành vi xấu" chứ không phải là do việc giữ gìn vệ sinh cá nhân không đúng cách. Đến tận năm 2006, Quốc hội mới đưa nhóm người đồng tính vào danh sách những nhóm có nguy cơ cao cần được ưu tiên trong các chương trình phòng ngừa HIV.

Đại dịch HIV/AIDS đã có những tác động đối lập đối với cộng đồng LGBT. Một mặt, vì người đồng tính nam, nhóm MSM, và người chuyển giới nữ được xác định là nhóm có nguy cơ

ISBN: 978-604-73-8639-0

cao, cả cộng đồng LGBT, do đó, bị gắn liền với đại dịch và phải chịu nhiều định kiến hơn nữa. Mặt khác, đại dịch đã mang những nguồn viện trợ nước ngoài cho cộng đồng LGBT dưới danh nghĩa là các chương trình phòng ngừa và chữa trị HIV, chủ yếu thông qua các mạng lưới HIV/AIDS mà những người đồng tính nam và những người chuyển giới nữ tập hợp lại với nhau và hình thành các cộng đồng trên khắp đất nước để chống lại đại dịch, nhưng cùng lúc đó, họ biết nối kết với nhau và nhận thức về những vấn đề quyền lợi khác. Những tổ chức xã hội dân sự hiện tại dành cho nhóm MSM và người chuyển giới nữ được thành lập chủ yếu cho việc xây dựng các chương trình HIV/AIDS và đã không thành công trong việc đi xa hơn vấn đề sức khỏe để có thể thúc đẩy đối thoại về SOGI, về định kiến và sự phân biệt đối xử với cộng đồng LGBT và thúc đẩy quyền và sự bình đẳng cho các cộng đồng LGBT.

Việc kết hôn và các đám cưới vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX đã thách thức khoảng trống trong luật về vấn đề đồng tính và các mối quan hệ đồng tính ở Việt Nam. Vào năm 1997, một đám cưới công khai đầu tiên giữa hai người cùng giới tính được tổ chức. Hai người đàn ông đã tổ chức một lễ cưới hoành tráng tại một khách sạn lớn ở TP Hồ Chí Minh bất chấp sự phản đối của người dân. Trước đó, vì đồng tính là một điều cấm kỵ, nên đám cưới giữa hai người đồng giới thường được tổ chức một cách kín đáo. Có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề hôn nhân này. Ngay cả vị Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn Tình yêu, Hôn nhân và Gia đình cũng cho rằng hành vi này đáng bị lên án, trong khi công an nói rằng không có điều nào trong luật quy định việc truy tố cặp đôi này. Vào năm 1998, sự can thiệp đầu tiên của Chính phủ vào đám cưới giữa hai người cùng giới đã xảy ra. Đám cưới của hai người phụ nữ ở Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long, đã bị hủy bỏ ngay khi nó được tổ chức theo lệnh của Bộ Tư pháp.

3.2. Pháp lý về người chuyển giới

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT (đồng tính, song tính và chuyển giới) với nhiều thay đổi tích cực về cả xã hội lẫn luật pháp. Ngày 24/11/2015, Quốc hội đã biểu quyết thông qua quyền chuyển đổi giới tính được chính thức hợp pháp hóa trong Bộ luật Dân sự (sửa đổi).

Cụ thể, Điều 37 của Bộ luật Dân sự quy định về việc chuyển đổi giới tính như sau: "Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của Luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan".

Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị định 88/2008/NĐ-CP hiện đang nghiêm cấm việc chuyển đổi giới tính và không thừa nhận giới tính mới của những người đã phẫu thuật chuyển giới. Điều này gây rất nhiều khó khăn, phân biệt đối xử tới cuộc sống hàng ngày của người chuyển giới.

Bà Lương Minh Ngọc, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), cho biết: "Theo một khảo sát năm 2014, cứ 5 người chuyển giới tại Việt Nam thì có 4 người mong muốn được phẫu thuật chuyển đổi giới tính. Trong đó, có 11% đã phẫu thuật thay đổi ít nhất một bộ phận trên cơ thể, đa phần là làm ở nước ngoài. Việc thừa nhận chuyển đổi giới tính không chỉ giúp người chuyển giới từ nay có thể thực hiện phẫu thuật với chi phí hợp lý, an toàn ngay tại Việt Nam, mà còn là một bước tiến quan trọng của pháp luật trong việc thừa nhận sự tồn tại và bình đẳng của người chuyển giới được sống là chính mình".

Năm 2014, Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam đã bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người đồng tính. Ở nhiều nước, việc thay đổi giới tính trên giấy tờ không phụ thuộc vào đã phẫu thuật hay chưa, mà chỉ cần giấy chứng nhận tâm lý của bác sĩ chuyên môn, và có 12 tháng dùng hormone liên tục là được.

Đã có 61 quốc gia trên thế giới hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính, và Việt Nam là quốc gia thứ 62 trên thế giới, thứ 11 tại châu Á cho phép việc thay đổi giới tính trên giấy tờ nhân thân.

Từ ngày 01/01/2017, Bộ luật này đã chính thức có hiệu lực thi hành. Để thực thi nhằm hỗ trợ người chuyển giới thực hiện được quyền của mình, một số văn bản pháp luật được ban hành để hướng dẫn cụ thể cho nhóm đối tượng này.

3.3. Tác động của việc hợp pháp hóa chuyển giới

Khi thảo luận đến các vấn đề pháp lý liên quan tới chuyển giới và người chuyển giới, có một câu hỏi mà nhiều người có thể đặt ra là liệu việc chuyển giới có những tác động, ảnh hưởng như thế nào đến xã hội hay không.

Chuyển giới là một tình trạng một người cảm nhận về giới tính của mình không đúng với giới tính bẩm sinh của họ. Việc cho phép một người thực hiện phẫu thuật chuyển giới, về mặt pháp lý mà nói, đơn giản là việc cho phép họ thực hành quyền tự do về cơ thể, quyền riêng tư và quyền không bị phân biệt đối xử. Vì thế, không có nghiên cứu cụ thể theo hướng tác động, ảnh hưởng của chuyển giới lên xã hội, mà theo hướng là việc kỳ thị, không chấp nhận chuyển giới sẽ ảnh hưởng đến cộng đồng người chuyển giới và xã hội nói chung như thế nào. Các tác động này thường xoay quanh việc kỳ thị sẽ làm tăng rủi ro sức khỏe tinh thần, tính dục của người chuyển giới, dẫn tới gia tăng chi phí xã hội, giảm tiếp cận dịch vụ công hoặc như có nghiên cứu định tính là kỳ thị chuyển giới, đồng tính sẽ làm giảm GDP như thế nào, v.v.

Nhiều người vẫn lo ngại liệu hợp pháp hóa chuyển giới, hay pháp luật có những quy định công khai bảo vệ người chuyển giới thì có gây tổn thất, tác động tiêu cực gì không. Trên thực tế, những tổn thất lại đang xảy ra theo chiều ngược lại. Hợp pháp hóa chuyển giới không chỉ hợp pháp một nguyên vọng chính đáng của một nhóm dân cư, mà còn giúp khẳng định rõ ràng hơn những mục tiêu bình đẳng giới mà Nhà nước theo đuổi. Việc bản dạng giới là nam hay nữ không giới hạn cơ hội và làm giảm phẩm giá của bản thân người đó.

4. KẾT LUẬN

Qua tất cả những gì chúng tôi vừa trình bày khái quát ở trên, chúng ta thấy rằng, để có được như ngày hôm nay, cộng đồng người LGBT đã trải qua nhiều sự kiện, nhiều biến cố. Và hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam, cộng đồng người LGBT vẫn đang tiếp tục đấu tranh cho những quyền lợi hợp pháp, hợp lí và chính đáng của mình. Đồng hành với họ là những cá nhân, những tổ chức rất tâm huyết, chẳng hạn, tại Việt Nam có tổ chức SCI. SCI (Save the Children) là một trong các tổ chức đi đầu trong việc nâng cao nhận thức về quyền của trẻ em và thanh thiếu niên LGBT tại Việt Nam. Cùng với các tổ chức có quan tâm như iSEE, ICS, USSH (University of Socio-Science and Humanity - Trường Đại học Khoa học, Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM), SCI đã thực hiện các nghiên cứu (2012 và 2015) về tình hình và việc thực hiện quyền cho trẻ em

 ISBN: 978-604-73-8639-0

LGBT tại Việt Nam. Một dự án đã được triển khai tại TP HCM và Cần Thơ hướng đến nhóm dễ bị tổn thương này nhằm nâng cao năng lực cho các ban/ ngành, các tổ chức xã hội, và trao quyền cho các gia đình có người LGBT và các tổ chức LGBT, đặc biệt là thanh thiếu niên LGBT. Thiết nghĩ, khi được xã hội thừa nhận, khi được những quyền lợi như người dị tính thì chúng tôi mong rằng cộng đồng LGBT sẽ có những đóng góp thiết thực, ý nghĩa bằng những việc làm thiết thực chứ không chỉ dừng lại ở những phong trào mang tính chất tượng trưng hoặc bề nổi. Và tất cả chúng ta hãy ghi nhớ rằng: Bạn là ai không phải là vấn đề, mà vấn đề chính là bạn sống, học tập, lao động như thế nào!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2012), *Trả lời các câu hỏi của bạn về đồng tính và xu hướng tính dục (dịch từ tài liệu chính thức của Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (American Psychological Association, APA)).*
2. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2013). *My Rights (Quyền của tôi),* phát hành nội bộ.
3. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2013), *Góp ý dự thảo sửa đổi hiến pháp - kiến nghị của nhóm người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)*.
4. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí Tuyên truyền (2011), *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*, NXB Thế Giới.
5. Phạm Xuân Hậu BSCK2 (2017), Tình dục học - một ngành khoa học trẻ, https://suckhoecongdong.com/thuong-thuc/giao-duc-gioi-tinh/gioi-tinh-tuoi-hoa/tinh-duc-hoc-mot-nganh-khoa-hoc-tre.html.
6. Thiên Chương (21/12/2007), *Những ngộ nhận thường gặp về người đồng tính,* http://doisong.vnexpress.net/tin-tuc/gia-dinh/nhung-ngo-nhan-thuong-gap-ve-nguoi-dong-tinh-2267217.html
7. Thanh Niên (08/11/2002), *Các dạng đồng tính ái,* http://doisong.vnexpress.net/tin-tuc/suc-khoe/cac-dang-dong-tinh-ai-2253434.html
8. Trích đoạn cuộc trao đổi giữa Đức Ông Tony Anatrella và Hãng thông tấn ZENIT liên quan đến cuốn sách "Lý thuyết phái tính và nguồn gốc của đồng tính", truy cập tại: http://www.ubmvgiadinh.org/article/%C2%AB-l%C3%BD-thuy%E1%BA%BFt-ph%C3%A1i-t%C3%ADnh-v%C3%A0-ngu%E1%BB%93n-g%E1%BB%91c-c%E1%BB%A7a-%C4%91%E1%BB%93ng-t%C3%ADnh-%C2%BB

NHU CẦU HỌC TẬP CẢM XÚC - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI

EDUCATIONAL DEMANDS SOCIAL - EMOTIONAL CAPACITY OF GAY, BISEXUAL AND TRANSGENDER

Phan Thị Cẩm Giang*

TÓM TẮT

Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng cho người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT), việc hỗ trợ học tập cảm xúc - xã hội (Emotional - Social Education, viết tắt SEL) cho họ là vấn đề cần thiết. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng nhu cầu học tập cảm xúc - xã hội của 40 người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số người đồng tính, song tính và chuyển giới cảm thấy cần thiết và muốn được học tập cảm xúc - xã hội để họ có thêm các năng lực cảm xúc - xã hội. Từ đó, tác giả đề xuất việc tổ chức giáo dục các năng lực cảm xúc xã hội cho LGBT, hỗ trợ LGBT hình thành các năng lực cảm xúc - xã hội, tự vượt qua những phân biệt, đối xử và rào cản trong tiếp cận các dịch vụ xã hội, giảm thiểu đến mức tối đa những tác động từ tình trạng này.

Từ khóa: *giáo dục cảm xúc - xã hội, LGBT.*

ABSTRACT

In addition to community support activities, social-emotional education (SEL) is essential for lesbian, gay, bisexual and transgender (LGBT). This paper presents the results of a study on the current situation of socio-emotional education needs of 40 gay, bisexual and transgender people in Ho Chi Minh City. Research results show that the majority of gay, bisexual and transgender people feel it is necessary and desirable to receive socio-emotional education so that they have more social-emotional capacities. From there, it is proposed to organize education on socio-emotional capacities for LGBT, support LGBT to form socio-emotional capacities, overcome discrimination, discrimination and barriers in accessing social services, social services, minimizing the impacts from this situation.

Keywords: *social-emotional education, LGBT.*

1. MỞ ĐẦU

Những năm gần đây, với sự cổ vũ của phong trào LGBT thế giới, phong trào LGBT ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn, LGBT được nhắc đến nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông, trở thành đối tượng khảo sát trong một số chương trình nghiên cứu và dự án can thiệp của các tổ chức phi chính phủ như iSEE, ICS, CSAGA, CCIHP, ISDS,… Nhìn chung, xã hội Việt Nam đang dần cởi mở hơn trong nhìn nhận, đánh giá về cộng đồng LGBT. Nhờ vậy, nhiều người trong cộng đồng LGBT đã bước ra xã hội, dám thể hiện và sống với đúng giới tính mình mong muốn, khẳng định bản thân trong học tập, công việc và có những đóng góp hữu ích cho xã hội. Tuy nhiên, những thách thức mà cộng đồng LGBT đang còn phải đối mặt cũng không hề nhỏ. Mặc dù

* Thạc sĩ, Giảng viên, Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam.
Email: camgiang.phan1909@vwa.edu.vn

ISBN: 978-604-73-8639-0

có giảm hơn, song, sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người LGBT vẫn còn rất nhiều trong xã hội Việt Nam (Phạm Quỳnh Phương và cộng sự, 2018). Thực tế cho thấy, muốn vượt qua những rào cản xã hội, trước tiên, LGBT cần vượt qua cảm giác xấu hổ, sợ hãi, muốn che giấu chính mình. Để làm được điều này, LGBT cần được SEL.

SEL là xu hướng mới được phát triển trên thế giới trong thế kỷ XXI, tập trung vào việc phát triển năng lực cảm xúc - xã hội ở các lứa tuổi khác nhau. Năng lực cảm xúc - xã hội (Social-Emotional Competence) là tập hợp các năng lực giúp con người biết cách ứng xử với chính mình, với người khác, với các mối quan hệ và hoạt động một cách hiệu quả. Các năng lực cảm xúc - xã hội chính bao gồm: Tự nhận thức, Tự quản lý (cảm xúc, hành vi), Nhận thức xã hội, Quan hệ xã hội và Ra quyết định có trách nhiệm (CASEL, 2014).

Tuy đây là một trong những vấn đề khá mới mẻ cả ở trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng đã có nhiều nghiên cứu cho thấy, hiệu quả tích cực của việc phát triển năng lực cảm xúc - xã hội trong việc nâng cao sức khỏe tinh thần, khả năng giải quyết vấn đề cũng như chất lượng các hoạt động và thành tích học tập của học sinh (Durlak và cộng sự, 2011). Chính vì vậy, cần đầu tư nghiên cứu về SEL và nhu cầu giáo dục SEL cho học sinh nói chung và LGBT nói riêng. Để có cơ sở tổ chức và phát triển hoạt động SEL cho LGBT, cần tính đến việc tìm hiểu nhu cầu được SEL từ LGBT. Nghiên cứu này thực hiện nhằm hướng đến việc tìm hiểu thực trạng nhu cầu được SEL của LGBT, trên cơ sở đó, đề xuất cho việc tiến hành tổ chức SEL cho LGBT.

Như vậy, bên cạnh việc xây dựng và thực hiện các luật, các dịch vụ hỗ trợ cộng đồng LGBT, để đạt được mục tiêu lâu dài và tự lực ở cộng đồng LGBT trong việc tự vượt qua các rào cản từ chính mình và xã hội, cần hỗ trợ cộng đồng LGBT hình thành và phát triển các năng lực cảm xúc - xã hội như: tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ xã hội và đưa quyết định có trách nhiệm.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện trên 40 LGBT độ tuổi từ 15-22 đang tham gia diễn đàn Fanpage Cộng đồng LGBT Việt Nam. Thời gian thực hiện khảo sát: từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra bằng bảng hỏi dưới hình thức trực tuyến, trên nền tảng Google form là phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này.

Mục đích của phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trong nghiên cứu này là thu thập thông tin từ LGBT nhằm tìm hiểu thực trạng nhu cầu SEL. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 bậc. Dữ liệu từ phiếu hỏi được phân tích và mô tả, sử dụng điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), tìm giá trị lớn nhất (GTLN), giá trị nhỏ nhất (GTNN).

Chúng tôi sử dụng thang Likert 5 điểm, tìm giá trị nhỏ nhất (Min - GTNN), giá trị lớn nhất (Max - GTLN), trung bình và độ lệch chuẩn. Với thang đo này, chúng tôi có các mức độ đồng ý dựa trên câu trả lời của đáp viên như sau:

1.00 - 1.49: Rất không đồng ý

1.50 - 2.49: Không đồng ý

2.50 - 3.49: Bình thường

3.50 - 4.49: Đồng ý

4.49 - 5.00: Rất đồng ý

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tìm hiểu thực trạng nhu cầu học tập cảm xúc - xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới thông qua phần mềm SPSS 20.0.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

Nhu cầu

Theo *Từ điển thuật ngữ Tâm lý học,* "Nhu cầu là trạng thái cá nhân, xuất phát từ chỗ nhận thấy cần những đối tượng cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của mình, và đó là nguồn gốc tính tích cực của cá nhân" (Vũ Dũng, 2012).

Học tập cảm xúc - xã hội (SEL)

"SEL là quá trình mà, thông qua đó, tất cả thanh niên và người lớn có được và áp dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để phát triển bản sắc lành mạnh, quản lý cảm xúc và đạt được các mục tiêu cá nhân và tập thể, cảm nhận và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ hỗ trợ và có trách nhiệm và các quyết định quan tâm. SEL nâng cao sự công bằng và xuất sắc trong giáo dục thông qua quan hệ đối tác thực sự giữa nhà trường-gia đình-cộng đồng để thiết lập môi trường học tập và trải nghiệm có mối quan hệ tin cậy và hợp tác, chương trình giảng dạy và giảng dạy nghiêm túc và có ý nghĩa, cũng như đánh giá liên tục. SEL có thể giúp giải quyết các hình thức bất bình đẳng khác nhau và trao quyền cho thanh niên và người lớn để cùng tạo ra các trường học phát triển và đóng góp cho các cộng đồng an toàn, lành mạnh và công bằng. Học tập cảm xúc - xã hội (SEL) là xu hướng mới được phát triển trên thế giới trong thế kỷ XXI, tập trung vào việc phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh các lứa tuổi khác nhau. Nội dung và cách thức triển khai các chương trình SEL rất đa dạng và phong phú dựa trên cơ sở các mô hình khác nhau. Trong đó có thể kể đến mô hình được Tổ chức hợp tác về Học tập các môn Văn hóa, Xã hội và Cảm xúc (Collaborative for Academic, Social and Emotional Learning, CASEL) đề xuất. Mô hình này bao gồm 05 thành phần cốt lõi gồm *Tự nhận thức, Tự quản lý (cảm xúc, hành vi), Nhận thức xã hội, Quan hệ xã hội và Ra quyết định có trách nhiệm*" (CASEL, 2020).

Cộng đồng LGBT

"LGBT" là từ viết tắt của *"lesbian"* (đồng tính nữ), *"gay"* (đồng tính nam), *"bisexual"* (lưỡng tính) và *"transgender"* (chuyển giới).

Đồng tính luyến ái nữ (lesbian): Lesbian là nữ giới có xu hướng bị hấp dẫn bởi phái nữ trên phương diện tình dục hoặc tình yêu, và không có đặc điểm bên ngoài nào để nhận biết người đồng tính nữ với những người khác.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Đồng tính luyến ái nam (gay): Diễn tả xu hướng tình dục (hoặc tình yêu) giữa nam và nam, nam giới bị thu hút về mặt tâm hồn và thể xác bởi người cùng giới.

Tương tự như mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới, đồng tính luyến ái cũng bao gồm cả những rung động về mặt cảm xúc chứ không chỉ đơn thuần là tình dục. Đồng tính không phải là bệnh.

Song tính luyến ái (bisexual): Lưỡng tính là một cách gọi khác của song tính luyến ái, chỉ những người bị hấp dẫn về mặt cảm xúc và tình dục với cả hai giới (nam và nữ). Bisexual sẽ không rõ ràng về việc thích nam hay nữ hơn vì điều đó phụ thuộc vào trái tim và cảm xúc của họ.

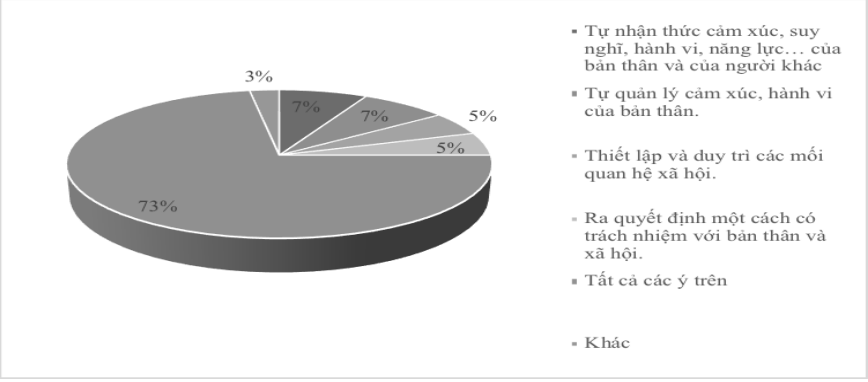
Người chuyển giới (transgender): Miêu tả những đối tượng có cơ thể của một giới tính này, nhưng lại cảm thấy rằng họ là người thuộc về giới tính kia, giống như họ được sinh ra nhầm cơ thể. Những người chuyển giới thường được xếp vào nhóm giới tính chung với lesbian và gay để xác định những người không cảm thấy họ thuộc vào xu hướng giới tính "thẳng".

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Nhận thức của LGBT

Nhận thức là một trong ba mặt quan trọng của đời sống tâm lý con người. Nhận thức đúng đắn, con người sẽ nảy sinh thái độ, tình cảm, từ đó, lựa chọn hành vi phù hợp nhất. Nếu LGBT nhận thức đúng về cảm xúc - xã hội, tính hữu ích, mức độ quan trọng của hoạt động SEL thì sẽ tham gia tìm hiểu, hình thành, phát triển các kỹ năng và ngược lại. Chính vì vậy, chúng tôi đã tiến hành khảo sát nhận thức của LGBT về SEL, tính hữu ích, mức độ quan trọng của hoạt động SEL. Kết quả thu được như trong Hình 1, 2 và 3.

**** Nhận thức của LGBT về giáo dục cảm xúc - xã hội***



Hình 1. Nhận thức của LGBT về giáo dục cảm xúc - xã hội

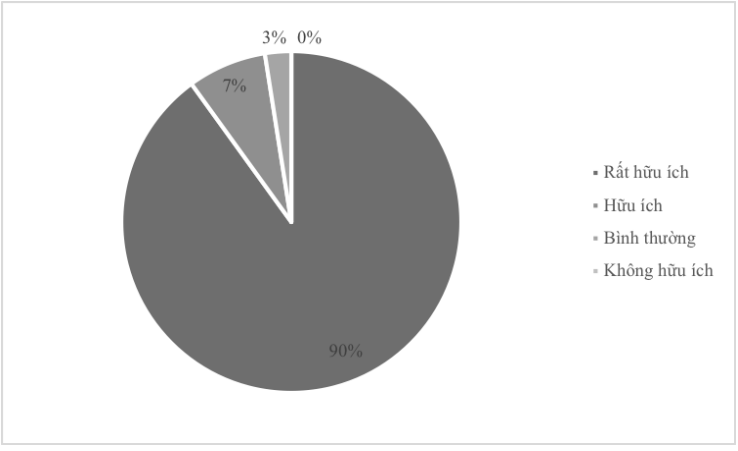
(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

Kết quả cho thấy, đa số LGBT cho rằng, SEL bao gồm "Tất cả các ý trên" (73%). Số LGBT chọn đơn lẻ từng vấn đề liên quan đến SEL chỉ chiếm 27%, chưa đến 1/3 trên tổng số đáp viên. Như vậy, tổng hợp lại, Hình 1 cho thấy, LGBT thực sự thấy cần thiết phải được giáo dục cảm xúc - xã hội mà cụ thể là phát triển các năng lực thành phần của năng lực cảm xúc - xã hội. Điều này có thể xuất phát từ việc trước khi trao đổi cùng các đáp viên về nghiên cứu này, chúng tôi đã giới thiệu những vấn đề cơ bản về SEL trong bối cảnh toàn cầu hóa, vai trò của SEL đối với học sinh

trong nhà trường hiện nay,… nên các đáp viên đã nhận thức được tầm quan trọng của năng lực cảm xúc - xã hội đối với chính bản thân mình. Một khi không nhận thức được tầm quan trọng, thấy được tính cần thiết thì họ sẽ quan tâm đến việc giáo dục và phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho chính mình. Nếu đúng như vậy, đây là kết quả tích cực đối với sự phát triển toàn diện của LGBT, giúp họ vượt qua những trở ngại của chính bản thân họ và rào cản từ xã hội, đáp ứng được mục tiêu "học để chung sống" của giáo dục thế kỷ XXI.

**** Nhận thức của LGBT về tính hữu ích của giáo dục cảm xúc - xã hội***

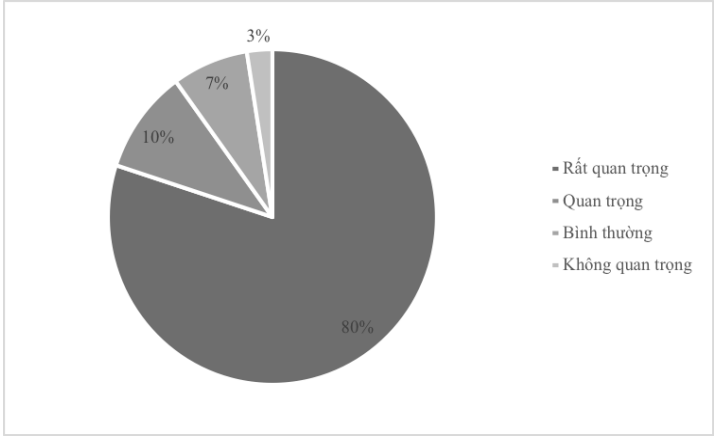
Hình 2 cho thấy, hầu hết LGBT đều cho biết họ đã nhận thức rõ ràng ý nghĩa và lợi ích khi được SEL. Cụ thể, nội dung "Rất hữu ích" được hầu hết đánh giá của LGBT với 90% phiếu đánh giá, chiếm tỷ trọng cao nhất. Thêm vào đó, có 7% LGBT đánh giá là "Hữu ích" và chỉ có 3% LGBT được hỏi cho rằng học tập cảm xúc - xã hội là bình thường, không có lựa chọn nào cho rằng học tập xúc - xã hội là không hữu ích.



Hình 2. Nhận thức của LGBT về tính hữu ích của giáo dục cảm xúc - xã hội

(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

**** Nhận thức của LGBT về mức độ quan trọng của giáo dục cảm xúc – xã hội***



Hình 3. Nhận thức của LGBT về mức độ quan trọng của SEL

(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

ISBN: 978-604-73-8639-0

Hình 3 cho thấy, cách nhìn tổng quan về nhận thức của LGBT về mức độ quan trọng của SEL. Đánh giá này có tỷ lệ thuận với đánh giá về nhận thức giáo dục cảm xúc - xã hội, tính hữu ích của giáo dục cảm xúc - xã hội. Việc LGBT nhìn nhận đúng về tầm quan trọng của SEL sẽ hỗ trợ các em khi tham gia học tập, hình thành các năng lực cảm xúc - xã hội do nhà trường tổ chức hoặc do các dịch vụ xã hội tổ chức. Kết quả này cũng là hướng mở cho các ban/ ngành liên quan, các dự án quan tâm đến LGBT trong việc lựa chọn, tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục cho các em.

3.2.2. Nhu cầu được học tập cảm xúc - xã hội của LGBT

Nhu cầu là nguyên nhân khởi đầu cho các hành động khác nhau của con người. Nhu cầu là động lực ban đầu để nảy sinh hành vi, đồng thời, cũng là nguồn gốc tính tích cực của cá nhân. Nhu cầu thể hiện ở động cơ, cái thúc đẩy con người hành động chiếm lĩnh đối tượng để thỏa mãn nhu cầu đó. Khi xuất hiện một nhu cầu cụ thể thì chủ thể sẽ hướng trí lực và việc tìm kiếm các phương thức, điều kiện để thỏa mãn nhu cầu, và do vậy, nảy sinh hành vi với tư cách là phương thức thỏa mãn nhu cầu. Con người trong xã hội chủ yếu hành động theo nhu cầu. Chính sự thỏa mãn nhu cầu làm cho họ hài lòng và khuyến khích họ hành động. Đồng thời, việc nhu cầu được thỏa mãn tối đa là mục đích hành động của con người. Theo cách xem xét đó, nhu cầu trở thành động lực quan trọng và việc tác động vào nhu cầu cá nhân sẽ thay đổi được hành vi của con người. Với LGBT, khi có nhu cầu được giáo dục cảm xúc - xã hội, họ sẽ tích cực tìm tòi các nội dung, các phương pháp, các hình thức được giáo dục nhằm hỗ trợ thêm trong quá trình tiếp thu và hình thành tri thức mới của mình.

**** Nhu cầu về nội dung***

Bảng 1. Nhu cầu của LGBT về nội dung SEL

Thống kê mô tả							
Mô tả	**GTNN**	**GTLN**	**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường
Tự nhận thức cảm xúc, suy nghĩ, hành vi, năng lực,… của bản thân	3	5	4,6	0,54	25 (62,5%)	14 (35,0%)	1 (2,5%)
Nhận thức cảm xúc, suy nghĩ, hành vi, năng lực,… của người khác trong xã hội	3	5	4,6	0,54	25 (62,5%)	14 (35,0%)	1 (2,5%)
Tự quản lý cảm xúc, hành vi của bản thân	3	5	3,9	0,81	11 (27,5%)	14 (35,0%)	15 (37,5%)
Thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội	3	5	3,9	0,81	11 (27,5%)	14 (35,0%)	15 (37,5%)
Ra quyết định một cách có trách nhiệm với bản thân và	3	5	4,95	0,31	39 (97,5%)	1 (2,5%)	0 (0%)

(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

Kết quả Bảng 1 cho thấy, hầu hết các LGBT đều rất muốn học, tìm hiểu các nội dung giáo dục cảm xúc - xã hội như: *Tự nhận thức, Tự quản lý (cảm xúc, hành vi), Nhận thức xã hội, Quan hệ xã hội* và *Ra quyết định có trách nhiệm.*

Có những nghiên cứu cho kết quả rằng, thanh niên là LGBTQ có nguy cơ tìm cách tự tử cao gấp 4 lần so với các bạn khác giới vì họ gặp những khó khăn về cảm xúc, thái độ, hành vi, cách tạo lập mối quan hệ, việc ra quyết định quan trọng cho chính họ (CDC, 2016; Dự án Trevor,

2019). Thực tế cho thấy, nếu LGBT được giáo dục, trang bị các kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị liên quan giáo dục cảm xúc - xã hội, họ sẽ có được sức mạnh để họ: nhận thức được về sức khỏe, phúc lợi và nhân phẩm của mình.

Giá trị trung bình của các biến liên quan đến nội dung SEL đều nằm trong mức điểm từ 3 đến 5 trên thang đo Likert 5 điểm. Như vậy, phần lớp các đáp viên tham gia trả lời bảng khảo sát đều đồng ý và có nhu cầu được giáo dục các nội dung liên quan giáo dục cảm xúc - xã hội trên. Thêm vào đó, giá trị trung bình của các nội dung từ 1 cho đến 5 không chênh lệch nhau nhiều và trung bình chung của LGBT về nhu cầu được giáo dục 5 nội dung cảm xúc - xã hội là 4,39, trong mức độ đồng ý. Điều này cho thấy rằng, cần thiết giáo dục các nội dung SEL cho LGBT, đồng thời, LGBT tham gia nghiên cứu đồng ý và có nhu cầu được giáo dục các nội dung trên.

**** Nhu cầu về phương pháp***

Bảng 2. Nhu cầu của LGBT về phương pháp giáo dục cảm xúc - xã hội

Mô tả	GTNN	GTLN	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
Động não	2	3	2,58	0,64	0 (0%)	0 (0%)	21 (52,5%)	19 (47,5%)
Thảo luận nhóm	3	4	3,56	0,56	0 (0%)	21 (52,5%)	19 (47,5%)	0 (0%)
Đóng vai	3	5	4,08	1,01	21 (52,5%)	0 (0%)	19 (47,5%)	0 (0%)
Trải nghiệm	3	5	4,08	1,02	21 (52,5%)	0 (0%)	19 (47,5%)	0 (0%)
Trò chơi	4	5	4,54	0,52	21 (52,5%)	19 (47,5%)	0 (0%)	0 (0%)
Thuyết trình	0	3	3,06	0,41	0 (0%)	0 (0%)	40 (100%)	0 (0%)
	3,65	**0,64**						

(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

Qua khảo sát, có thể thấy nhu cầu về phương pháp SEL ở LGBT có thể thấy hầu hết các phương pháp trong giáo dục SEL đều có những đánh giá tích cực, tuy nhiên, nổi trội lên là LGBT có nhu cầu cao nhất là phương pháp phương pháp trò chơi (điểm trung bình 4,56), tiếp theo là thảo luận nhóm và phương pháp trải nghiệm (cùng điểm trung bình 4,08). Điều này cũng rất phù hợp với thực tế giảng dạy và hình thành các năng lực cảm xúc - xã hội. Do đó, kết quả này cũng là một lưu ý khi lựa chọn các phương pháp SEL cho LGBT sau này.

Giá trị trung bình chung của các biến liên quan đến phương pháp SEL là 3,65 trên thang đo Likert 5 điểm. Như vậy, phần lớp các LGBT tham gia trả lời bảng khảo sát đều đồng ý với các phương pháp nêu trên.

**** Nhu cầu về hình thức***

Năng lực cảm xúc - xã hội của LGBT có thể được hình thành một cách tự nhiên, ngẫu nhiên trong cuộc sống hàng ngày thông qua quan sát, bắt chước; từ những trải nghiệm của cá nhân và bằng con đường giáo dục, trong đó, giáo dục nhà trường là chủ đạo. Giá trị trung bình chung của các biến liên quan đến hình thức giáo dục SEL là 3,92 trên thang đo Likert 5 điểm. Như vậy, phần lớp các đáp viên tham gia trả lời bảng khảo sát đều đồng ý với các hình thức SEL trên.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Bảng 3. Nhu cầu của LGBT về hình thức SEL

Mô tả	GTNN	GTLN	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
Lồng ghép vào các môn học khác	3	5	4,07	0,61	6 (15%)	29 (72,5%)	5 (12,5%)	0 (0%)	0 (0%)
Tổ chức các buổi học ngoại khóa	3	5	4,08	0,83	12 (32,0%)	17 (42,5%)	11 (27,5%)	0 (0%)	0 (0%)
Tổ chức thành một môn học chính thức	3	5	4,06	0,85	12 (30,0%)	16 (40,0%)	12 (30,0%)	0 (0%)	0 (0%)
Tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ	2	5	3,47	1,04	5 (12,5%)	12 (32,5%)	17 (42,5%)	6 (15,0%)	0 (0%)
Tổng			**3,92**	**0,5**					

(Nguồn: Từ số liệu khảo sát, 2021).

3.2.3. Bàn luận và đề xuất

Thực hiện nghiên cứu này trên nhóm LGBT nhằm nhìn thấy những mong muốn của giới này trong việc vượt qua những rào cản xã hội. Xã hội nói chung đang thay đổi, hiện nay đã có nhiều nước cho phép các cặp đồng giới kết hôn. Bên cạnh đó, nhiều trường học đã hỗ trợ cho thanh thiếu niên LGBT và tạo môi trường an toàn cho tất cả học sinh. Tuy nhiên, qua những trao đổi, chúng tôi được biết tình trạng những học sinh LGBT bị bắt nạt ở trường hoặc không được chấp nhận, không được nhận sự ủng hộ bởi gia đình và trường học. Những yếu tố này có thể khiến một thiếu niên LGBT cảm thấy lo lắng và cô đơn, nhiều khả năng sẽ bị trầm cảm. Nhiều người trong số họ đã đối phó với những suy nghĩ và cảm xúc này theo những cách tiêu cực. Họ có thể làm tổn thương chính họ hoặc chuyển sang ma túy và rượu. Một số bỏ học, bỏ nhà ra đi.

Báo cáo ngày 02/8/2021 của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố một báo cáo toàn diện lần đầu tiên về môi trường pháp lý và xã hội mà người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) và các tổ chức xã hội dân sự hoạt động vì quyền của người LGBT tại Việt Nam đang phải đối mặt. Báo cáo cho thấy, mặc dù "Hiến pháp của Việt Nam được sửa đổi năm ngoái đã khẳng định nguyên tắc không phân biệt đối xử, một nguyên tắc giúp thúc đẩy bảo vệ pháp lý đối với quyền của người LGBT trong những năm tới. Do vậy, công tác vận động có vai trò quan trọng để nâng cao nhận thức của xã hội về môi trường của cộng đồng người LGBT và đề cao quyền của họ trong mọi lĩnh vực của xã hội, dù là trong gia đình, ở nơi làm việc hay trong các dịch vụ xã hội". Như vậy, người LGBT vẫn gặp phải sự kỳ thị và phân biệt đối xử đáng kể trong nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, việc làm, chăm sóc y tế, truyền thông và trong gia đình (USAID, UNDP; 2021). Chính vì những rào cản thực tế đang tồn tại, nếu được quan tâm giáo dục cảm xúc xã hội, cộng đồng LGBT sẽ được hình thành các năng lực cảm xúc - xã hội, nhờ vậy, việc họ nhận thức vấn đề, vượt qua rào cản, ra quyết định có ý nghĩa với cuộc đời họ sẽ tích cực hơn.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, khái niệm và nội hàm của SEL tuy còn khá mới mẻ với giáo dục Việt Nam nói chung, với cộng đồng LGBT nói riêng, tuy nhiên, kết quả khảo sát đã cho thấy những tín hiệu tích cực về mặt nhận thức và nhu cầu SEL của LGBT. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, cần nâng cao hiểu biết của LGBT về SEL, đưa các nội dung SEL vào giảng dạy, lựa chọn các phương pháp và hình thức giáo dục cảm xúc - xã hội phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý LGBT. Để làm được điều này, đội ngũ quản lý, các tổ chức chính phủ và phi

chính phủ, các dự án thực hiện cho LGBT, các tổ chức và dịch vụ xã hội,… cần quan tâm đến SEL, vai trò của SEL đối với cộng đồng LGBT. Thêm vào đó, cần bồi dưỡng kiến thức liên quan SEL cho đội ngũ trực tiếp giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT, các phương pháp và các hình thức giáo dục cảm xúc - xã hội phù hợp.

4. KẾT LUẬN

Thông qua bài viết này, chúng tôi mong muốn trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ từ ngành Công tác xã hội nói riêng và nhiều ngành khác, cần chú ý đến các nhu cầu khác của cộng đồng LGBT, cụ thể ở đây là nhu cầu SEL cho cộng đồng LGBT như mong muốn của họ. Việc giáo dục cảm xúc - xã hội cho cộng đồng LGBT mà cụ thể là tập trung vào 05 thành phần cốt lõi gồm *Tự nhận thức, Tự quản lý (cảm xúc, hành vi), Nhận thức xã hội, Quan hệ xã hội* và *Ra quyết định có trách nhiệm* sẽ giúp LGBT có những năng lực riêng.

Để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ LGBT một cách đồng bộ, để môi trường học đường trở thành một môi trường an toàn hơn, thân thiện hơn và khẳng định sự thoải mái cho thanh thiếu niên LGBT, chúng ta phải thực hiện các chương trình hỗ trợ phù hợp với những thách thức và nhu cầu riêng của cộng đồng LGBT và học tập dựa trên cảm xúc - xã hội ở trường là một trong những cách đáp ứng nhu cầu như thế. Các chương trình SEL, được thực hiện bởi giáo viên và/hoặc nhân viên xã hội hoặc cố vấn của trường, hoạt động để phát triển học sinh trong các lĩnh vực như nhận thức về bản thân, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm thông qua các hoạt động tương tác rõ ràng.

Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, cần có cái nhìn mở từ các cơ quan chức năng, các lực lượng hỗ trợ cộng đồng LGBT, từ phía Ban Giám hiệu nhà trường đối với vấn đề giáo dục cảm xúc - xã hội, sau đó là nâng cao hiểu biết của giáo viên về năng lực cảm xúc - xã hội, từ đó, thúc đẩy giáo viên quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển năng lực này cho cộng đồng người LGBT, cần có các chương trình tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên liên quan đến nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục cảm xúc - xã hội. Việc sử dụng đồng bộ các liệu trình, dịch vụ trong hỗ trợ cộng đồng LGBT sẽ kích thích, khơi gợi các nguồn lực vốn có từ các em, để các em tự tin lĩnh hội tri thức, nhìn nhận đúng vấn đề bản thân. Với những phân tích và kết quả nghiên cứu trên, để đạt được mục tiêu lâu dài và tự lực ở cộng đồng LGBT trong hỗ trợ, kết nối cộng đồng, việc hướng cộng đồng này đến việc hình thành những kỹ năng như tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ xã hội và đưa quyết định có trách nhiệm là điều cần thực hiện. Và để hình thành được các kỹ năng trên, giáo dục cảm xúc - xã hội cho cộng đồng LGBT được xem là cần thiết và đáp ứng nhu cầu của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Tú Anh, Nguyễn Phước Cát Tường, Đinh Thị Hồng Vân (2017). *"Phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho sinh viên sư phạm- Một hướng tiếp cận mới trong đào tạo giáo viên".* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông". NXB Đại học Huế.
2. Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning (CASEL) (2014). 2015 CASEL guide: Effective social and emotional learning programs-Preschool and elementary school edition.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

3. Durlak, J., Weissberg, R. P., Dymnicki, A. B., Taylor, R. D., & Schellinger, K. B. (2011). "The Impact of Enhancing Students' Social and Emotional Learning: A Meta Analysis of School-Based Universal Interventions". *Child Development, 82*(1), 405-432.
4. Vũ Dũng (2012, chủ biên), *Từ điển Thuật ngữ Tâm lý học,* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2018), *Cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ quyền của con là người LGBT: những yếu tố tác động*, Viện Nghiên cứu Xã hội, kinh tế và Môi trường.
6. Phạm Quỳnh Phương (2013), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*, Tổng luận các nghiên cứu.
7. USAID, UNDP (2021), *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam: Tổng hợp và phân tích môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)*, United Nations Development Programme UNDP Asia-Pacific Regional Centre.
8. Natalia Vasiliou và Rachel Rios-Richardson, *The Need for LGBTQ Social Emotional Learning Programs*.
https://childwellbeing.asu.edu/LGBTQLearningPrograms.

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CHUNG TRONG TRẢI NGHIỆM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

PHENOMENOLOGIAL STUDY ON THE PSYCHOLOGICAL EXPERIENCE OF HOMOSEXUALS

Hoàng Tuấn Ngọc*

Võ Thị Tường Vy**

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này là mô tả và thảo luận về những trải nghiệm tâm lý của những người đồng tính luyến ái. Để làm được điều này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp luận của Giorgi về hiện tượng học, một trong số các phương pháp nghiên cứu định tính. Khách thể nghiên cứu được chọn từ 3 người đồng thuận tham gia nghiên cứu. Để thu thập dữ liệu, trước tiên, chúng tôi phân tích dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn sâu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi mở bán cấu trúc theo các giai đoạn của nghiên cứu hiện tượng do Giorgi trình bày. Kết quả sau khi tìm hiểu nội dung tường thuật của người tham gia, chúng tôi đưa ra 60 đơn vị ý nghĩa, 17 nhân tố phụ, 8 nhân tố chính và 3 phạm trù.

Từ khoá: *trải nghiệm tâm lý, đồng tính luyến ái, hiện tượng học*

ABSTRACT

The purpose of this study is to describe and discuss the psychological experiences of homosexuals phenomenologically. To do this, we used Giorgi's methodology of technological phenomenology among qualitative research methods. Participants in this study were selected from 5 homosexual. For data collection, we first analyzed the data gathered from in-depth interviews using semi-structured open questionnaires according to the stages of scientific phenomenology presented by Giorgi. As a result, after understanding the participants' narrative content, we gave 60 meaningful units, 17 secondary factors, 8 main factors and 3 categories.

Keywords: *psychological experiences, homosexuals, phenomenology research*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội và pháp luật Việt Nam trong những năm gần đây đã có nhiều thay đổi tích cực trong việc thảo luận và bảo vệ quyền của người đồng tính, trong đó Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, khoản 5 Điều 3 đã bỏ điều cấm và phạt kết hôn cùng giới, mặc dù không thừa nhận hôn nhân cùng giới. Và Bộ luật Dân sự (sửa đổi) 2015 đã hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính và thay đổi giấy tờ nhân thân cho người chuyển giới. Tuy nhiên, cứ 3 người tham gia khảo sát thì có một người cho biết họ cảm thấy mình bị phân biệt đối xử vì xu hướng tính dục và bản dạng giới với tần suất khá cao. Cụ thể, trong gia đình có các hành vi phân biệt đối xử, chủ yếu hướng tới việc ngăn thông tin về thành viên gia đình mình là người đồng tính, cố gắng thay đổi xu hướng tính dục và bản dạng giới của người đồng tính bằng các biện pháp y học, tâm linh hay lối sinh hoạt, và ngăn cản các mối quan hệ tình cảm của họ. Còn trong trường học, hơn một nửa người đồng tính từng bị bạn bè bắt nạt, và gần một phần tư bị giáo viên, cán bộ nhà trường quấy rầy, bắt nạt. Trong cơ hội việc làm, người đồng tính ngoài việc từng bị từ chối việc làm, họ còn đối mặt với

* Tiến sĩ, Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Email: ngocht@hcmue.edu.vn

** Tiến sĩ, Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Email: vyvtt@hcmue.edu.vn

ISBN: 978-604-73-8639-0

những nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp, sếp và khách hàng, đối tác (Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương, 2015).

Ở Việt Nam, có các nghiên cứu tập trung vào các nhóm cụ thể như, đồng tính nam, đồng tính nữ (iSEE, 2010), hay tập trung vào khía cạnh cụ thể như thể hiện hình ảnh đồng tính trên truyền thông (iSEE, 2011), mối quan hệ chung sống cùng giới (iSEE, 2013). Nhiều phát hiện ở các nghiên cứu trên đều có mô tả về trải nghiệm bị phân biệt đối xử của người đồng tính. Theo Nghiên cứu trực tuyến "Đặc điểm kinh tế xã hội của nam giới có quan hệ tình dục đồng giới tại Việt Nam" (iSEE, 2008), 86% người đồng tính nam phải che giấu chuyện tính dục của mình với mọi người xung quanh; 15% người đồng tính nam cho biết đã bị gia đình mắng chửi khi nói ra mình đồng tính. Nghiên cứu về đồng tính nữ (iSEE, 2009) chỉ ra rằng, gia đình khi biết con mình đồng tính là thất vọng, níu kéo, ngăn cấm con quen bạn gái hay chơi với bạn đồng tính nữ khác, dọa cắt nguồn tài chính, học phí, ép lấy chồng. Sự chênh lệch về nhận thức, về thái độ, cũng như cách ứng xử đối với người đồng tính luyến ái khiến cho họ có những trải nghiệm tâm lý không mong đợi.

Chính vì thế, nghiên cứu này tập trung vào hai nội dung chính như sau: *Thứ nhất*, tìm hiểu những trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái; *Thứ hai*, tìm hiểu những xung đột trong tâm lý của người đồng tính luyến ái.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hiện tượng (phenomenology research) mô tả ý nghĩa của một khái niệm hoặc hiện tượng được trải nghiệm bởi nhiều cá nhân. Dạng nghiên cứu này tập trung vào mô tả các điểm chung trong kinh nghiệm của đối tượng nghiên cứu, bao gồm họ đã có những kinh nghiệm gì và những kinh nghiệm đó diễn ra như thế nào đối với họ (Creswell, 2007).

Vì vậy, theo Giorgi (2004), trong nghiên cứu sử dụng phương pháp hiện tượng, việc lựa chọn các mẫu nghiên cứu là quan trọng để đảm bảo các cá nhân được chọn đã có hiểu biết hoặc trải nghiệm về hiện tượng hoặc vấn đề nghiên cứu. Ngoài ra, một yếu tố quan trọng khác cần lưu ý trong việc sử dụng phương pháp này là quan điểm và sự hiểu biết của người nghiên cứu phải được tách bạch trong quá trình nghiên cứu và báo cáo kết quả. Theo đó, nghiên cứu này phân tích theo cách tiếp cận của Giorgi để tìm hiểu những trải nghiệm tâm lý một cách cụ thể của người đồng tính luyến ái.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Để tìm hiểu đặc điểm chung trong trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái, nghiên cứu lựa chọn khách thể tham gia phù hợp với tên đề tài và mục đích nghiên cứu, phải là những khách thể có những trải nghiệm đầy đủ của bản thân về đồng tính luyến ái. Chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và chọn mẫu không xác suất, bằng cách tập hợp những người đồng ý tham gia vào nghiên cứu. Sau đó, giới thiệu tên và mục đích nghiên cứu để chọn lựa đối tượng nghiên cứu có những trải nghiệm tâm lý phù hợp. Những nội dung của người tham gia sẽ được ẩn danh và bảo mật. Hơn nữa, trước khi xác nhận các câu trả lời tham gia, họ phải được nhận và ký vào bản tự nguyện với đầy đủ thông tin (informed consent). Bản này ghi rõ ràng quyền không tham gia và quyền rút khỏi nghiên cứu nếu muốn.

Bảng 1. Mô tả thông tin cá nhân của người tham gia

STT	Giới tính	Độ tuổi	Tình trạng hôn nhân	Nghề nghiệp	Học lực
1	Nam	20	Độc thân	Sinh viên	Đại học
2	Nam	20	Độc thân	Sinh viên	Đại học
3	Nam	30	Độc thân	Nhân viên pha chế	Tốt nghiệp đại học

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi tuân thủ 4 nguyên tắc đạo đức trong khoa học của Christians (2008) gồm: *Thứ nhất*, người tham gia nghiên cứu phải được tự do về mặt tâm lý và thể chất, không có bất cứ một áp lực hay tác động không tốt nào từ phía người nghiên cứu; *Thứ hai*, nội dung trong bản tự nguyện người tham gia ký trước khi phỏng vấn phải đúng với mục đích và tên đề tài nghiên cứu; *Thứ ba*, mọi thông tin cá nhân của người tham gia sẽ được giữ bí mật và ẩn danh. Trong quá trình phỏng vấn, nếu có những thông tin người tham gia không muốn công khai cũng sẽ được giữ bí mật; *Thứ tư*, nội dung nghiên cứu phải đảm bảo tính chính xác.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Theo Giorgi (2004) trong nghiên cứu hiện tượng cần phải theo 4 bước như sau:

Bảng 2. Các giai đoạn nghiên cứu

Bước 1	Nhận thức tổng thể: phân tích và thông diễn nội dung tường thuật. Nhận diện các khái niệm hoặc các ý tưởng quan trọng ẩn bên trong nội dung có liên quan đến trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái.
Bước 2	Phân loại các đơn vị ý nghĩa trong nội dung tường thuật của người tham gia nghiên cứu.
Bước 3	Chuyển đổi các đơn vị ý nghĩa thành các khái niệm khoa học.
Bước 4	Tổng hợp đơn vị ý nghĩa thành nhóm và cuối cùng phát triển thành các phạm trù phù hợp.

2.4. Phương pháp xử lý phân tích số liệu

Câu hỏi phỏng vấn mở được hệ thống hóa nhằm mục đích tìm hiểu đặc điểm và ý nghĩa những trải nghiệm của người đồng tính luyến ái. Để đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lý trong nội dung trong câu hỏi phỏng vấn, chúng tôi đã hỏi ý kiến một chuyên gia về lĩnh vực tâm lý học lâm sàng và một chuyên gia tư vấn tâm lý. Quá trình phỏng vấn được thực hiện từ tháng 9/2016 đến tháng 10/2017. Thời gian phỏng vấn từ 1 đến 2 tiếng. Sau đây là nội dung các câu hỏi phỏng vấn người tham gia:

Câu 1. Bạn có thể kể về trải nghiệm tâm lý mà bạn nhớ khi lần đầu tiên phát hiện xu hướng tính dục của mình không? Ví dụ như các suy nghĩ, cảm xúc của bạn lúc ấy.

Câu 2. Bạn đã chấp nhận xu hướng tính dục của mình như thế nào? Hãy kể về giai đoạn đó.

Câu 3. Sau khi chấp nhận xu hướng tính dục của mình thì cuộc sống hiện tại của bạn như thế nào?

Câu 4. Gia đình và bạn bè có biết về xu hướng tính dục của bạn không? Gia đình và bạn bè đã phản ứng như thế nào khi bạn nói cho họ biết? Cảm xúc của bạn trước những phản ứng đó như thế nào?

ISBN: 978-604-73-8639-0

Câu 5. Bạn đã làm cách nào để phát hiện xu hướng tính dục của mình? Bạn có đi tư vấn tâm lý không? Bạn có thể kể thêm về những trải nghiệm đó được không?

Câu 6. Bạn có thể nói về cảm nghĩ của mình sau khi thực hiện cuộc phỏng vấn này?

Chúng tôi đã chọn lựa thời gian và địa điểm phỏng vấn phù hợp để người tham gia có thể thể hiện đầy đủ những trải nghiệm của mình. Sau khi phỏng vấn kết thúc, chúng tôi nghe lại nội dung được ghi âm và ghi chép lại những lời nói cũng như những cử chỉ phi ngôn ngữ, cảm xúc đa dạng của người tham gia.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để tìm hiểu đặc điểm chung trong trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái. Để nhận biết được ý nghĩa trong trải nghiệm tâm lý, đầu tiên, chúng tôi cố gắng khám phá và mô tả những ý nghĩa tiềm ẩn trong ngôn ngữ mà người tham gia nói bằng cách sao chép tài liệu gốc mà người tham gia đã tường thuật và đọc nội dung trong buổi phỏng vấn liên tục nhiều lần. Kết quả sau khi tìm hiểu nội dung tường thuật của người tham gia, chúng tôi đưa ra 60 đơn vị ý nghĩa, 17 nhân tố phụ, 8 nhân tố chính và 3 phạm trù bao gồm: nhận thức và trải nghiệm, đặc điểm tâm lý trong mối quan hệ xã hội, mâu thuẫn trong nhận diện bản sắc cá nhân.

3.1. Nhận thức và trải nghiệm

Những người tham gia nghiên cứu đều trả lời rằng, họ trải qua những cảm xúc đa dạng sau khi thừa nhận xu hướng tính dục của bản thân. Những cảm xúc đa dạng này bao gồm: phủ nhận sự thực, khủng hoảng bản sắc cá nhân, xấu hổ.

Phủ nhận sự thật là một trạng thái tâm lý khi người đồng tính luyến ái không thể thừa nhận bản sắc của mình và không dám phủ nhận một cách cương quyết, họ né tránh và không dám đối diện. Đặc biệt, trong mối quan hệ với mọi người xung quanh, họ phải trải qua cảm giác hỗn loạn vì sự khác biệt tính dục. Người đồng tính luyến ái họ rất sợ hãi khi phải thừa nhận sự khác biệt của mình với người khác, chính vì thế, họ thường hành xử như không có gì.

Khủng hoảng bản sắc cá nhân là một trải nghiệm đau khổ về mặt tinh thần, khi người đồng tính luyến ái bị từ chối, bị bắt nạt, bị đối xử khác biệt và không được tôn trọng bởi mọi người xung quanh. Khủng hoảng xảy ra khi bị ai đó nhìn thấy được sự khác biệt trong xu hướng tính dục của bản thân, bị vạch trần, bị trêu ghẹo. Họ so sánh chính mình với những người khác, nhìn thấy sự thiếu sót và khác biệt của mình, và đưa ra những đánh giá tiêu cực về bản thân mình.

Xấu hổ là phản ứng phổ biến trong cảm xúc của người đồng tính luyến ái. Ngay từ giây phút họ phủ nhận hoặc tránh né bản sắc cá nhân của mình chính là họ đang trải nghiệm cảm xúc xấu hổ. Lúc này, họ cảm thấy sợ hãi về cuộc sống tương lai của mình trong xã hội vẫn còn nhiều định kiến về đồng tính luyến ái, và họ cảm thấy lo lắng nếu phải sống không đúng với bản sắc thật của mình. Đặc biệt, họ còn lo lắng về cuộc sống hôn nhân sau này.

3.2. Đặc điểm tâm lý trong mối quan hệ xã hội

Những người tham gia nghiên cứu bằng phương pháp phỏng vấn sâu đã làm sáng tỏ trải nghiệm tâm lý đa dạng trong mối quan hệ xã hội của người đồng tính luyến ái. Những trải nghiệm

đó bao gồm: sự cô lập và cảm giác bị xa lánh, lo lắng và sợ hãi xã hội. Họ tiếp nhận những phản ứng đa dạng từ mọi người xung quanh khi mọi người biết về bản sắc và xu hướng tính dục của mình. Nếu như mọi người xung quanh yêu thương và động viên thì họ có thể thích ứng được với bản sắc của mình. Ngược lại, nếu như họ bị xa lánh, bị cô lập, bị bắt nạt thì có thể gây nên những cảm xúc tiêu cực như: trầm cảm, lo sợ, phẫn nộ, bất an, áp lực,… Pipper (2003) cho rằng, những cảm xúc trên sẽ làm suy yếu đời sống tinh thần của một con người, bởi vì sự sợ hãi đến từ các mối quan hệ giữa con người với nhau.

3.3. Mâu thuẫn trong nhận diện bản sắc cá nhân

Những người tham gia nghiên cứu đã cho thấy, mâu thuẫn trong nhận diện bản sắc cá nhân thông qua quá trình họ chấp nhận sự khác biệt, chấp nhận những cảm xúc về bản sắc cá nhân của mình. Theo một nghiên cứu của tác giả Kang (2014) về các yếu tố ảnh hưởng đến cảm xúc của người đồng tính luyến ái đã cho thấy, khoảng thời gian mà người đồng tính luyến ái biết được bản sắc và xu hướng tính dục là từ 13 đến 16 tuổi. Và nhờ vào các buổi tư vấn tâm lý cũng như nhận diện được cảm xúc với người cùng giới mà họ nhận biết được xu hướng tính dục của mình. Tuy nhiên, sau khi biết được xu hướng tính dục của mình, họ thường phủ nhận và chống đối chứ không dễ dàng chấp nhận. Thêm vào đó, họ cảm thấy có điều gì đó không đúng về con người của mình và phản kháng lại. Oetjen (2000) cũng cho biết phần lớn những người đồng tính luyến ái sẽ không dễ dàng chấp nhận xu hướng tính dục của bản thân và thường hay che giấu nó. Để giải thích cho lý do đó, Oetjen cho rằng những phong tục, tập quán hay văn hóa ứng xử của khu vực người đồng tính luyến ái sinh sống không khuyến khích và cho phép bản sắc thật của họ. Thậm chí, họ có khả năng bị tổn thương, bị xâm hại hoặc bạo lực vì bản sắc các nhân của chính mình.

Bảng 3. Tóm tắt kết quả nghiên cứu

Đơn vị ý nghĩa	Nhân tố phụ	Nhân tố	Phạm trù
1. Tôi nghĩ rằng mình không có xung đột tâm lý.	(1) Phủ nhận sự thật	Xung đột tâm lý	1. Nhận thức và trải nghiệm
2. Tôi luôn giả vờ rằng mình là người không có cảm xúc.			
3. Tôi phản ứng một cách tự nhiên như không có việc gì xảy ra.			
4. Tôi cảm thấy mình khác với mọi người.	(2) Khủng hoảng bản sắc cá nhân		
5. Tôi cảm giác không thể thân thiết với mọi người.			
6. Tôi cho rằng tôi là người đặc biệt không giống người bình thường.			
7. Tôi cảm thấy xấu hổ với chính mình.	(3) Xấu hổ	Phủ nhận	
8. Tôi cảm thấy xấu hổ khi bạn bè biết con người thật của mình.			
9. Tôi cảm thấy xấu hổ về những hành động của mình.			
10. Tôi cảm thấy sợ hãi về cuộc sống sau này của mình.	(4) Lo lắng về tương lai		
11. Tôi cảm thấy lo lắng về vấn đề hôn nhân sau này.			
12. Tôi cảm thấy sợ hãi không biết rằng mình có thể giống như những người bình thường được không.			

ISBN: 978-604-73-8639-0

13. Tôi cảm thấy xao xuyến trước những người cùng giới.	(5) Trải nghiệm không quen thuộc	Cảm giác mâu thuẫn	
14. Tôi cảm thấy lạ lẫm với những gì đang xảy ra trong cơ thể mình.			
15. Tôi nghĩ mình phải khắc phục được xu hướng tính dục của mình.	(6) Mong muốn vượt qua		
16. Tôi chắc chắn mình sẽ không trở thành người đồng tính.			
17. Bạn bè đều an ủi và động viên tôi.	(7) Phản ứng chấp nhận của mọi người xung quanh	Phản ứng của mọi người xung quanh	2. Đặc điểm tâm lý trong mối quan hệ xã hội
18. Gia đình an ủi và động viên tôi			
19. Gia đình và bạn bè giúp đỡ tôi để tôi có thể bình tâm lại.			
20. Khi tôi đau khổ, gia đình và bạn bè luôn bên cạnh tôi.			
21. Tôi đã nghe người khác nói những lời không tốt về mình.	(8) Phản ứng tiêu cực của mọi người xung quanh		
22. Tôi đã nhìn thấy bạn bè thất vọng về tôi.			
23. Gia đình không chấp nhận, mọi người kỳ thị tôi.			
24. Tôi cảm thấy tuyệt vọng khi giao tiếp với mọi người.			
25. Tôi không dám ra ngoài đường.	(9) Sự cô lập của xã hội và cảm giác bị xa lánh	Khó khăn trong thích ứng xã hội	
26. Tôi bị cô lập trong các mối quan hệ xã hội.			
27. Tôi rất ngại đi chơi với mọi người.			
28. Tôi mệt mỏi trong các mối quan hệ xã hội.			
29. Tôi cảm thấy như mình đang ở một mình giữa biển khơi.			
30. Tôi cảm thấy xa lạ với mọi người xung quanh.			
31. Tôi lo lắng về những gì người khác sẽ nghĩ về tôi.	(10) Lo lắng và sợ hãi xã hội		
32. Tôi sợ mất đi những người bạn của mình.			
33. Tôi sợ tiếp xúc với những người xung quanh.			
34. Tôi phát hiện sự khác biệt của mình từ khi đi khám bác sĩ.	(11) Cách phát hiện bản thân mình là người đồng tính	Con đường thừa nhận bản sắc cá nhân	3. Mâu thuẫn trong nhận diện bản sắc cá nhân
35. Tôi phát hiện sự khác biệt của mình thông qua những buổi tư vấn về sức khỏe giới tính.			
36. Tôi biết được thông qua những bài phát biểu về giới.			
37. Tôi biết được thông qua sự tương tác với bạn bè.			
38. Tôi thừa nhận mình bị thu hút bởi những người cùng giới.	(12) Chấp nhận chính mình		
39. Tôi gặp gỡ và tiếp xúc với những người giống mình.			
40. Tôi thích thân mật với người đồng giới hơn người khác giới.			
41. Tôi cảm thấy đó không phải là mình.	(13) Phủ nhận	Những	

42. Tôi chống lại những xu hướng về giới của mình.	bản thân	cảm xúc về bản sắc cá nhân
43. Tôi khó khăn khi chấp nhận mình là người đồng tính.		
44. Tôi nghĩ hiện tượng này chỉ là nhất thời.		
45. Tôi luôn nghĩ tại sao chuyện này lại xảy ra với tôi.	(14) Khủng hoảng về bản sắc cá nhân	
46. Tôi luôn nghĩ tôi đã làm sai chuyện gì đó.		
47. Tôi bực bội khi phải giấu việc tôi bị đồng tính.	(15) Không thể nói sự thật về mình	
48. Tôi phải giấu kín không để ai biết.		
49. Tôi biết sẽ có ngày mọi người biết việc của mình. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn giấu kín.		
50. Cha mẹ sẽ thất vọng về tôi.	(16) Khó khăn khi tiết lộ với gia đình	
51. Tôi lo sợ cha mẹ sẽ buồn.		
52. Cha mẹ sẽ tức giận với tôi.	(17) Mâu thuẫn nội tại vì ý thức mình là một tội nhân	Che giấu bản sắc cá nhân
53. Tôi thấy có lỗi với gia đình.		
54. Tôi thấy mình giống như một tội nhân.		
55. Tôi nhận thức chuyện của mình và cảm thấy rất nặng lòng.		
56. Đồng tính là do tội lỗi.		
57. Tôi không thể làm theo ý mình vì tôi có cảm giác tội lỗi với gia đình và xã hội.		
58. Tôi cảm thấy rất buồn.		
59. Tôi phải đấu tranh với con người của mình.		
60. Nội tâm tôi lúc nào cũng có mâu thuẫn.		

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trình bày 8 nhân tố chính và 17 nhân tố phụ liên quan đến những đặc điểm chung trong trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái bao gồm: xung đột tâm lý (phủ nhận sự thật, khủng hoảng bản sắc cá nhân); phủ nhận (xấu hổ, lo lắng về tương lai); cảm xúc mâu thuẫn (trải nghiệm không quen thuộc, mong muốn vượt qua); phản ứng của mọi người xung quanh (phản ứng chấp nhận của mọi người xung quanh, phản ứng tiêu cực của mọi người xung quanh); khó khăn trong thích ứng xã hội (sự cô lập của xã hội và cảm giác bị xa lánh, lo lắng và sợ hãi xã hội); con đường thừa nhận bản sắc cá nhân (cách phát hiện bản thân mình là người đồng tính luyến ái, chấp nhận chính mình); cảm xúc về bản sắc cá nhân (phủ nhận bản thân, khủng hoảng về bản sắc, không thể nói sự thật về mình cho người khác); che giấu bản sắc cá nhân (khó khăn khi tiết lộ với gia đình, mâu thuẫn nội tại vì ý thức mình là một tội nhân).

Những người tham gia nghiên cứu đều nhận thức rõ bản sắc cá nhân của mình, tuy nhiên họ khó khăn và lúng túng khi trải nghiệm chúng. Họ phải đối diện với những áp lực tâm lý, không muốn chấp nhận bản thân mình. Bên cạnh đó, những người đồng tính luyến ái còn khá nhạy cảm trong phản ứng từ các mối quan hệ với mọi người xung quanh. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy,

ISBN: 978-604-73-8639-0

nếu mọi người xung quanh luôn an ủi và khích lệ thì người đồng tính luyến ái sẽ cảm nhận một cách tích cực về chính mình. Ngược lại, họ sẽ cảm thấy thất vọng và tuyệt vọng nếu như nhận sự công kích, phê bình. Thêm vào đó, trong quá trình phỏng vấn người tham gia nghiên cứu còn trả lời rằng họ cảm thấy rất sợ hãi, thậm chí, là muốn tránh né mọi mối quan hệ xã hội. Họ sợ mọi người sẽ không chấp nhận bản sắc cá nhân của mình, nên không dám thể hiện một cách thành thật với mọi người xung quanh. Khi người đồng tính luyến ái chấp nhận bản sắc cá nhân của mình, họ có nhiều cách để thể hiện. Người tham gia nghiên cứu đều nỗ lực vượt qua quá trình nhận dạng bản sắc và khuynh hướng tính dục của chính mình. Bên cạnh đó, họ đều nhận được sự tham vấn tâm lý và giúp đỡ từ gia đình, bạn bè và mọi người.

Nghiên cứu này không chỉ tìm hiểu đặc điểm chung về trải nghiệm tâm lý của người đồng tính luyến ái mà còn nhận thức về những khó khăn trong tâm lý mà họ có thể gặp phải để tìm cách giúp đỡ phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Creswell J. W. (2007). *Qualitative inquiry & research design - choosing among five approaches*, 2nd edn, SAGE Publications Inc. U.S.
2. Christians C. G. (2008). "Ethics and Politics in Qualitative Research", *The Landscape of Qualitative Research,* 3rd ed., Norman Denzin, and Yvonna Lincoln (Thousand Oaks, CA.; London: Sage, 2008), 144-145.
3. Giorgi, A., & Giorgi, B,. (2004). The descriptive phenomenological psychological method. In P. M. Camic, J. E. Rhodes, & L. Yardley (Eds.) *Qualitative research in psychology: Expanding perspectives in methodology and design*. (Washington, DC. : American Psychological Association), 243-273.
4. Oetjen, H. (2000). "When lesbians aren't gay: Factors affecting depression among lesbians". *Journal of Homosexuality*. *39*(1): 49-72.
5. Kang, B. C. (2014). "Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của thanh thiếu niên đồng tính luyến ái". *Tạp chí về Khoa học trẻ vị thành niên. Cuốn 12*, tr.276.
6. Pipper, R. M. (2003). *A man After my own heart*. NXB Seoul. ISSBN: 9788932820644(8932820643)
7. Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và Gia đình*, Việt Nam.
8. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự (sửa đổi)*, Việt Nam.
9. Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2016). *"Có phải bởi vì tôi là LGBT?" - Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. NXB Hồng Đức.
10. ISEE (2011). *Thông điệp Truyền thông về Đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*, NXB Thế Giới.
5. ISEE (2014). *Khảo sát trải nghiệm và nhu cầu pháp lý của người chuyển giới*. Truy cập ngày 20 tháng 8 năm 2021 từ http://isee.org.vn/khao-sat-ve-nhu-cau-phap-ly-cua-nguoi-chuyen-gioi-22-28092014/
6. ISEE (2011). *Kỳ thị và phân biệt đối xử của nhân viên y tế qua cung cấp dịch vụ y tế cho nam quan hệ tình dục đồng giới*. Truy cập ngày 20 tháng 8 năm 2021 từ http://csaga.org.vn/song-trong-mot-xa-hoi-di-tinh-cau-chuyen-tu-40-nguoi-nu-yeu-nu-quan-he-voi-cha-me--cht992.html

CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC Ở SINH VIÊN THUỘC CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI: THUẬN LỢI, RÀO CẢN VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG (Điển cứu tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM)

COME OUT OF SEXUAL ORIENTATION WITH GAY, BISEXUAL, TRANSGENDER STUDENTS COMMUNITY: ADVANTAGE, DIFFICULT AND IMPACT FACTORS

(Case study: University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM)

***Nguyễn Thị Thanh Tùng*[*],**
***Lê Minh Công*[**],**
***Phạm Thị Thu Hương*[***]**

TÓM TẮT

Công khai xu hướng tính dục là quá trình mà người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBTI+) bộc lộ bản dạng giới, xu hướng tình cảm và tính dục của mình với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và toàn xã hội. Quá trình này không hề dễ dàng mà vô cùng khó khăn, gian nan với chính bản thân họ và những người xung quanh.

Sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ cũng đã, đang và sẽ có những thuận lợi bên cạnh những rào cản không thể tránh khỏi. Rào cản đến từ các yếu tố chủ quan (bản thân) cũng như khách quan (cha mẹ, anh chị em, họ hàng, bạn bè, thầy cô, cộng đồng). Vậy, những giải pháp nào cần đưa ra để hỗ trợ họ trên tất cả mọi mặt (thể chất, tâm lý,...) trong quá trình công khai xu hướng tính dục là vấn đề cần được bàn luận để có thể xây dựng một mô hình hỗ trợ phù hợp cho cộng đồng sinh viên LGBTI+ tại nơi điển cứu nói riêng và toàn thể sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ nói chung.

Từ khóa: *đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính, chuyển giới, công khai, xu hướng tính dục, bản dạng giới.*

ABSTRACT

Come out of sexual orientation is the process by which LGBTI+ people reveal their gender identity, emotional and sexual orientation to family, friends, colleagues and the whole society. This process is not easy but it is an extremely difficult struggle with themselves and those around them. Students of the LGBTI+ community have also been, are and will face advantages in addition to inevitable barriers. Barriers come from subjective (self) as well as objective (parents, siblings, relatives, friends, teachers, community) factors. So what solutions should be given to support them in all aspects (physical, psychological, ...) in the process of disclosing their sexual orientation is an issue that needs to be discussed in order to build a appropriate support model for the LGBTI+ student community in the case study in particular and all students of the LGBTI+ community in general.

Keywords: *lesbian, gay, bisexual, transgender, come out, sexual orientation, gender identity.*

[*] Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Email: thanhtungctxh@hcmussh.edu.vn
[**] Tiến sĩ, Khoa Công tác xã hội, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Email: congle@hcmussh.edu.vn
[***] Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Email: phamhuongxw@gmail.com

ISBN: 978-604-73-8639-0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBTI+) có thể bị những sự kỳ thị, phân biệt đối xử từ xã hội cũng như khó nhận được sự cảm thông, thấu hiểu và chấp nhận từ gia đình, họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp, khi họ mang trên mình một "hình ảnh" quá khác biệt với người khác. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng, LGBTI+ là vấn đề hoàn toàn tự nhiên của tạo hóa, không ai có thể lựa chọn giới tính cho mình khi sinh ra, nhưng họ hoàn toàn có quyền sống thật với giới tính và xu hướng tính dục của mình. Công khai xu hướng tính dục (come out) là quá trình mà người LGBTI+ bộc lộ bản dạng giới, xu hướng tình cảm và tính dục của mình với mọi người. Quá trình này không hề dễ dàng mà là một đoạn đường đấu tranh dài, vô cùng khó khăn, gian nan với chính bản bản thân họ và những người xung quanh và với mỗi người mỗi khác, phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Trong thời gian qua, các khảo sát cho thấy, tỷ lệ công khai xu hướng tính dục đã tăng lên theo từng năm cùng với các hoạt động mạnh mẽ của một số tổ chức hoạt động vì quyền của người LGBTI+, nhưng theo nghiên cứu của ICS và iSEE, hiện mới chỉ có 9,8% người đồng tính, song tính và chuyển giới công khai hoàn toàn với gia đình; 16,9% công khai hoàn toàn trong trường học; 12% ở nơi làm việc và 15% ngoài xã hội (ICS, iSEE, 2014). Cuộc điều tra quốc gia được thực hiện năm 2015 của iSEE với 2.363 người LGBTI+ tham gia khảo sát chỉ ra cứ 10 người thì có khoảng 09 người (88,3%) đã công khai ít nhất với một người bạn của mình. Một nửa (48,9%) đã công khai ít nhất với một thành viên trong gia đình. Tỷ lệ công khai này ít hơn với đồng nghiệp và hàng xóm. Điều này cũng phản ánh rằng những người ở lứa tuổi trẻ (tuổi trung bình là 19,1 tuổi) thường có xu hướng dễ chấp nhận hơn với việc công khai của người LGBTI+ (Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương - iSEE, 2015). Ngoài ra, có tới 32% số người trong một khảo sát nghĩ rằng xu hướng tính dục có thể trở thành cơ sở cho việc phân biệt đối xử khi sử dụng các dịch vụ của Nhà nước (UNDP, USAID, 2014). Trong đó, nhóm chuyển giới có mức độ trải nghiệm phân biệt cao nhất (49,4% đối với chuyển giới nam và 48,5% đối với chuyển giới nữ). Cứ 03 người công khai thì có 01 người (33,3%) cảm thấy mình bị phân biệt đối xử trong 12 tháng qua. Việc một người LGBTI+ không công khai có thể giúp họ giảm đi 17% khả năng bị người khác phân biệt, đối xử (Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương - iSEE. 2015). Chính do phải che giấu bản thân nên nhiều người trong nhóm LGBTI+, nhất là thanh thiếu niên LGBTI+, phải tự đối đầu với những vấn đề của mình như khủng hoảng tâm lý, không dám chia sẻ khó khăn này với những người xung quanh (UNDP, USAID. 2014). Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các vấn đề như stress, trầm cảm, tự làm hại bản thân, sử dụng chất kích thích, gây nghiện, thậm chí là tự tử. Trong một nghiên cứu của iSEE với 2.000 người đồng tính nữ thì có tới 17% cho biết họ đã từng tự tử ít nhất một lần (Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Thu Nam, Lê Nguyễn Thu Thủy, Lê Quang Bình - iSEE, 2010).

Sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ cũng gặp những sự kỳ thị, phân biệt đối xử và có những mong muốn nhất định trong công khai xu hướng tính dục của mình. Quá trình này ở họ có những thuận lợi cũng như gặp phải các rào cản từ nhiều phía: bản thân, gia đình, bạn bè, thầy/cô, cộng đồng xã hội. Bài viết phân tích những yếu tố tác động đến quá trình công khai xu hướng tính dục của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (thuận lợi và khó khăn). Trên cơ sở đó, các tác giả sẽ đưa ra một số khuyến nghị về giải pháp nhằm hỗ trợ cho nhóm sinh viên này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu của bài viết được trích ra từ một cuộc khảo sát về "Các vấn đề sức khỏe tâm trí của sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+" vào tháng 9/2021. Chúng tôi sử dụng kết hợp hai phương pháp nghiên cứu: phương pháp nghiên cứu định lượng với tổng mẫu là 38 sinh viên LGBTI+ (chọn mẫu thuận tiện) và phương pháp nghiên cứu định tính với tổng mẫu là 07 sinh viên (chọn mẫu chỉ tiêu) thuộc các nhóm bản dạng giới khác nhau, công khai và chưa công khai xu hướng tính dục. Biến độc lập được chúng tôi xác định là biến giới tính, năm học, hộ khẩu thường trú, tôn giáo, sự chấp nhận của gia đình, sự hiểu biết và chấp nhận của thầy/cô, bạn bè và cộng đồng. Biến phụ thuộc là công khai hay không công khai xu hướng tính dục, thuận lợi và rào cản khi công khai, những lo lắng/e ngại khi công khai xu hướng tính dục.

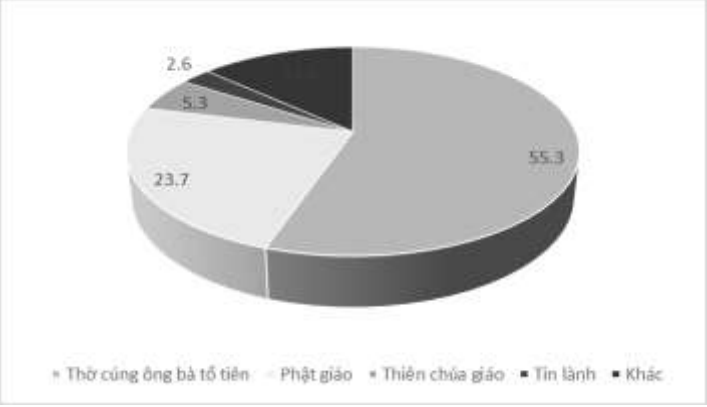
3. NỘI DUNG

3.1. Đặc điểm nhân khẩu - xã hội của sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ trong mẫu nghiên cứu

Trong 38 sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ trong mẫu khảo sát, có 29 sinh viên (78,4%) hiện đang theo học các khối ngành thuộc Khoa học xã hội (Giáo dục học, Tâm lý học, Nhân học, Xã hội học, Công tác xã hội,...) và 09 sinh viên (21,6%) hiện đang theo học các khối ngành thuộc Ngoại ngữ (Đông phương, Ngữ văn Anh, Nhật Bản học,...).

Đa số sinh viên trả lời hiện đang học năm 1 và năm 2 (lần lượt là 13 sinh viên, chiếm 34,2% và 14 sinh viên, chiếm 36,8%). Sinh viên năm 3 trong mẫu khảo sát là 05 em (13,2%) và năm 4 (06 sinh viên, 15,8%).

Hơn một nửa số sinh viên được khảo sát theo tôn giáo thờ cúng ông bà, tổ tiên (21 em, chiếm 55,3%). Tiếp đến là Phật giáo (09 em, 23,7%), tín ngưỡng khác (05 em, 13,2%), Thiên chúa giáo (02 em, 5,3%) và Tin Lành (01 em, 2,6%).



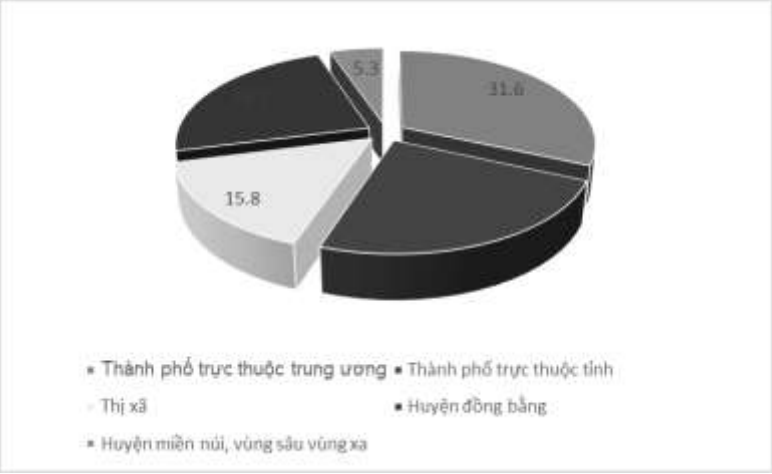
Biểu đồ 1. Tín ngưỡng của sinh viên LGBTI+

Nguồn: Kết quả khảo sát của bài viết, 9/2021

Phần lớn sinh viên LGBTI+ có hộ khẩu thường trú thuộc khu vực miền Nam (22 em, chiếm 59,5%). Có 09 em (24,3%) thuộc khu vực miền Trung. Còn lại 06 em (16,2%) thuộc khu vực miền Bắc.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Đa số sinh viên LGBTI+ trong mẫu khảo sát hiện đang sinh sống tại các thành phố và thị xã (27 em, chiếm 71,1%). Trong đó có 12 sinh viên (31,6%) đang sống ở các thành phố lớn trực thuộc Trung ương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ; 09 sinh viên (23,7%) đang sống ở các thành phố trực thuộc tỉnh; 06 sinh viên (15,8%) đang sống ở thị xã. Bên cạnh đó, có 09 sinh viên (23,7%) đang sống ở các huyện vùng đồng bằng và 02 em (5,3%) là ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa. Do đó, hầu hết các em là dân tộc Kinh (36 sinh viên, chiếm 94,7%). Chỉ có 02 em (5,3%) là dân tộc thiểu số.



Biểu đồ 2. Hộ khẩu thường trú của sinh viên LGBTI+

Nguồn: Kết quả khảo sát của bài viết, 9/2021

Như vậy, đặc điểm chung của sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ trong mẫu khảo sát chủ yếu học các khối ngành Khoa học xã hội, là sinh viên năm 1 và năm 2, dân tộc Kinh. Các em chủ yếu theo tín ngưỡng thờ cúng ông bà, tổ tiên và hiện đang sinh sống ở các thành phố lớn trực thuộc Trung ương hoặc trực thuộc tỉnh và phần lớn ở miền Nam. Những đặc điểm nhân khẩu - xã hội của sinh viên trong khảo sát này sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến thuận lợi và khó khăn của các em khi quyết định công khai xu hướng tính dục của mình.

3.2. Công khai xu hướng tính dục ở sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+: thuận lợi, rào cản và các yếu tố tác động

Các nghiên cứu của iSEE và ICS trước đây đều chỉ ra người LGBTI+ gặp phải những rào cản trong quá trình công khai xu hướng tính dục của mình như: chưa đủ can đảm, chưa tự tin với bản thân (chưa đủ tuổi trưởng thành, chưa có công việc, tài chính không ổn định,…); chưa nhận được sự cảm thông của gia đình (bố mẹ, anh chị em) và họ hàng; những nhận thức không đầy đủ của cộng đồng xã hội về LGBTI+ (là bệnh, là hậu quả của kiếp trước,…); lo sợ dư luận và sự kỳ thị của xã hội (bị tẩy chay, xa lánh; mất việc làm;…); quá trình công khai không được xã hội đón nhận,… (iSEE và ICS, 2015).

Thông thường, một người bắt đầu nhận thức được xu hướng tính dục của mình trong giai đoạn dậy thì, trong khi bản dạng giới có thể được hình thành từ rất sớm - khi đứa trẻ có đủ nhận thức về bản thân, thậm chí là khi mới 3 tuổi. Tuy nhiên, quá trình công khai xu hướng tính dục đối với người LGBTI+ không hề dễ dàng, mà là sự đấu tranh lâu dài với quyết tâm được sống thật với bản thân mình.

Trong số 38 sinh viên LGBTI+ trong mẫu khảo sát của chúng tôi, khi được hỏi về xu hướng tính dục và bản dạng giới của bản thân, chiếm số lượng nhiều nhất (14 em, 37,8%) các em tự nhận mình là đồng tính nam (gay), tiếp theo là đồng tính nữ (lesbian) với 11 em lựa chọn (27%). Số lượng sinh viên song tính (bisexual) và khác (toàn tính, vô tính,...) đều là 06 em (16,2%). Ngoài ra, có 02 em (5,2%) cho rằng mình là chuyển giới (transgender).

Bảng 1. Xu hướng tính dục và bản dạng giới của sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+

Xu hướng tính dục và bản dạng giới	*Đồng tính nam*	*Đồng tính nữ*	*Song tính*	*Chuyển giới*	*Khác*
Tần suất	14	11	6	2	6
Phần trăm	37.8	27	16.2	5.2	16.2

Nguồn: Kết quả khảo sát của bài viết, 9/2021

> *"Em biết bản thân mình là gay từ khi bắt đầu dậy thì ở những năm cấp 2. Em có cảm xúc rung động với một bạn nam học rất giỏi trong lớp. Sau này lên cấp 3, em càng khẳng định bản thân mình là gay và cũng có quen theo kiểu yêu đương với một bạn nam khác lớp"* (Đồng tính nam, 21 tuổi)

> *"Hồi cấp 2, em toàn chơi với tụi con trai trong lớp. Đi đánh bida này nọ. Nhưng nghĩ tới yêu nam là em thấy ghê ghê. Em biết em thích con gái từ lúc em còn học cấp 1 lận cô ơi"* (Chuyển giới nam, 20 tuổi).

Một kết quả khả quan trong cuộc khảo sát là có tới 26 sinh viên (70,3%) cho biết mình đã công khai xu hướng tính dục của bản thân. Đối tượng được các em công khai cùng nhiều nhất là bạn bè (31 lựa chọn, 88,6%).

> *"Trường Nhân văn là trường mà mọi người hay gọi với cái tên là nữ nhi quốc. Ở đây, thầy/cô, bạn bè đều rất cởi mở với vấn đề LGBTI+. Do đó, em cảm thấy em được sống thật với bản thân mình, em có thể thể hiện xu hướng tính dục của mình mà không lo sợ. Tất cả các bạn trong lớp và thầy/cô trong khoa đều biết em là đồng tính nam"* (Đồng tính nam, 22 tuổi).

> *"Ngay từ lúc nhỏ, em đã biết mình là nam chứ không phải là nữ nhưng em giấu hết mọi người. Chỉ cho tới khi vào học trường Nhân văn, em mới thoải mái công khai với bạn bè trong lớp và tích cực tham gia vào các hoạt động và dự án có liên quan đến LGBTI+. Ở đây có rất nhiều các dự án liên quan đến người LGBTI+ nên em được biết thêm nhiều kiến thức mới và càng tự tin với xu hướng tính dục của bản thân... Với bạn bè, vì cùng lứa tuổi lại cùng nhận thức, sẵn sàng tiếp nhận những điều mới mẻ nên bạn bè là người hiểu em nhất"* (Chuyển giới nam, 23 tuổi).

Tiếp theo, anh chị em trong gia đình là nhóm thứ hai được sinh viên lựa chọn công khai xu hướng tính dục của mình với 16 lựa chọn, chiếm 45,7%. Các em cho rằng, vì anh chị em là người gần tuổi mình, cho nên, có những tư tưởng thoáng, cởi mở về LGBTI+. Anh chị em lại là người chung dòng máu huyết thống nên có sự yêu thương nhau cũng như sẵn sàng chấp nhận bản thân các em dù các em là ai.

> *"Chị em ở nhà cứ hay hỏi em là "ê, mày là bê-đê hả?" theo kiểu quan tâm chứ không phải phân biệt đối xử gì đâu"* (Chuyển giới nữ, 21 tuổi).

 ISBN: 978-604-73-8639-0

"Mấy đứa em trai trong nhà đều biết em là đồng tính kiểu chuyển giới nhưng tụi nó không nói gì mà rất thương em. Em đi học là do mấy đứa em em trong nhà đi làm nuôi em đó" (Chuyển giới nam, 23 tuổi).

Người được tin tưởng thứ ba để các em công khai đó là mẹ (7 em, 20%). Đối với các em, mẹ là người gần gũi, yêu thương mình và luôn sẵn sàng đón nhận mình dù mình là ai và có phạm lỗi thế nào đi chăng nữa. Các em chia sẻ:

"Lúc mới đầu em cũng lo là Mẹ sẽ buồn khi biết em "khác" với người khác. Vì em là con trai út trong nhà nên Mẹ cưng em lắm. Nhưng em không thể giấu bản thân em mãi được. Vì thế em cố tình để nhật ký của em cho Mẹ xem. Thật bất ngờ khi sau này Mẹ nói với em rằng Mẹ biết em là đồng tính lâu rồi nhưng Mẹ đợi em mở lời với Mẹ. Em quá may mắn khi có được người mẹ luôn yêu thương và chia sẻ với em" (Đồng tính nam, 19 tuổi).

Ngoài ra, các em còn công khai với mọi người khác (công khai hoàn toàn) (04 lựa chọn, 11,4%) và với họ hàng (03 lựa chọn, 8,6%). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra, việc công khai xu hướng tính dục của bản thân với cha là hoàn toàn không có và không được các em chọn lựa. Các phỏng vấn sâu được chúng tôi ghi nhận đã giải thích cho điều này: hoặc là sợ cha mình thất vọng khi bản thân mình không giống với "người bình thường" hoặc là cha quá gia trưởng, độc đoán và khó tính trong gia đình.

"Ba em kỳ vọng vào em dữ lắm. Lúc Ba nhậu với bạn cứ hay gọi em ra ngồi cùng rồi khoe con gái út của tui giỏi ngoan, sau này, tui phải chọn rể kỹ để cho nó ở với tui. Rồi em muốn gì Ba cũng chiều cũng cho. Thế nên, em không dám nói với Ba em là chuyển giới nam. Em sợ Ba buồn và thất vọng. Em sợ mọi người nói này nói nọ ba em" (Chuyển giới nam, 21 tuổi).

"Ba em khó tính lắm Cô ơi. Trong nhà Ba em nói là không ai dám cãi lại. Thế nên em sợ Ba em mà biết em vậy thì Ba em đuổi em ra khỏi nhà mất" (Đồng tính nữ, 20 tuổi).

Khi được hỏi cảm nhận của bản thân với xu hướng tính dục của mình, có 12 em (32,4%) cho biết mình cảm thấy khá lo lắng với xu hướng tính dục "khác" với người "bình thường" của mình. Những lo lắng bao gồm: lo lắng gia đình buồn khi biết mình khác với người khác (12 lựa chọn, 80%):

"Nhà em ở quê cũng thuộc có danh tiếng, địa vị xã hội tại địa phương. Nếu mọi người biết em là đồng tính thì em sợ gia đình em bị nói ra nói vào, bị chê cười. Em không nỡ để ba mẹ em buồn, không dám gặp ai" (Đồng tính nữ, 18 tuổi).

"Em là con trai duy nhất của gia đình và là cháu đích tôn của dòng họ. Em lại là người Trung. Mà người Trung rất quan trọng có con trai nối dõi tông đường. Nếu ông bà nội em mà biết em đồng tính chắc không sống nổi. Ông bà đặt rất nhiều kỳ vọng vào em khi từ nhỏ tới lớn em luôn nghe lời và học giỏi. Mỗi lần về nhà ông bà đều hỏi em có người yêu chưa? Đưa người yêu về nhà ra mắt gia đình. Em không biết phải trả lời ông bà như thế nào nữa (buồn)" (Đồng tính nam, 21 tuổi).

Bên cạnh nỗi lo về gia đình, các sinh viên LGBTI+ trong khảo sát cũng cùng chung nỗi lo họ hàng, hàng xóm, bạn bè, xã hội kỳ thị (11 lựa chọn, 73,3%):

"Chỗ em ở là khu vực nông thôn, người dân vẫn chưa biết nhiều về LGBTI+. Em thấy nhiều người bị gọi là bê-đê, bóng với sự trêu chọc và kỳ thị. Do đó, em không dám thể hiện xu hướng tính dục của mình khi về nhà" (Chuyển giới nữ, 20 tuổi).

"Khi ở Thành phố Hồ Chí Minh, em có thể ăn mặc và thể hiện nam tính. Nhưng khi về nhà là em phải để lại tóc dài, không dám cắt ngắn mà mặc các bộ đồ ở nhà màu sắc để mọi người không biết em là chuyển giới nam" (Chuyển giới nam, 21 tuổi).

Ngoài ra, sinh viên thuộc cộng đồng LGBTI+ cũng thổ lộ rằng, với xu hướng tính dục như thế này, các em khó tìm được người yêu và lập gia đình sau này (04 lựa chọn, 26,7%):

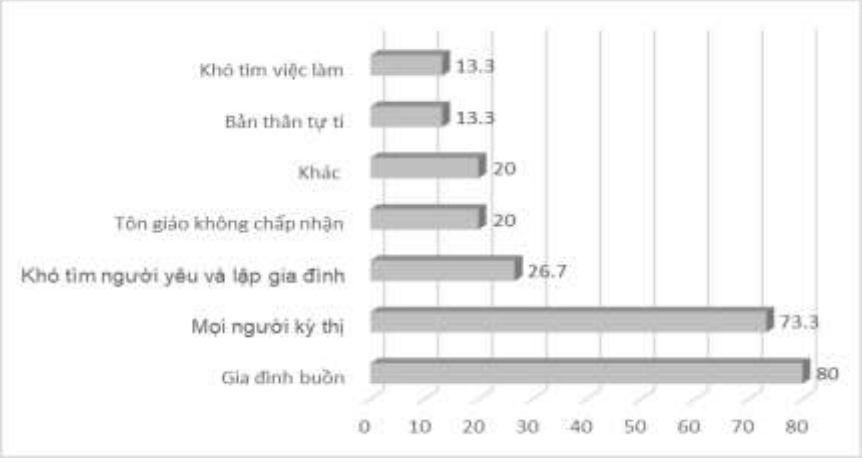
"Em chưa bao giờ dám nghĩ tới mình sẽ có gia đình sau này. Hiện tại, qua một vài mối tình không đến đâu, em thấy rằng người LGBTI+ khó tìm được tình yêu đích thực lắm Cô à... Còn nếu như sau này có may mắn lập gia đình, em cũng sẽ không tổ chức cưới hay đăng ký kết hôn, chỉ lặng lẽ sống cùng nhau thôi. Em sợ mọi người biết rồi ba mẹ em sẽ buồn" (Chuyển giới nam, 21 tuổi).

Tôn giáo cũng là yếu tố tác động đến việc quyết định không công khai xu hướng tính dục của sinh viên LGBTI+ (03 lựa chọn, 20%), các nguyên nhân khác (03 lựa chọn, 20%). Các em cho rằng, mặc dù hiện nay tôn giáo đã có sự cởi mở, tuy nhiên, những ràng buộc trong giáo lý, trong quy định vẫn là rào cản để các em có thể công khai xu hướng tính dục của bản thân.

"Gia đình em có đạo gốc. Từ thời ông bà em, tới cha mẹ em và tới em. Dù em biết bây giờ tôn giáo đã cởi mở và chấp nhận LGBTI+ nhưng bản thân em vẫn thấy tội lỗi khi mình không giống người bình thường" (Đồng tính nữ, 20 tuổi).

Song song đó, các em cũng cho biết bản thân vẫn chưa thể chấp nhận xu hướng tính dục của bản thân (02 lựa chọn, 13,3%) và nếu mình là LGBTI+ sẽ khó khăn trong tìm việc làm sau này (02 lựa chọn, 13,3%). Đó chính là lý do mà các em phải giấu kín xu hướng tính dục của mình.

"Khi vào trường Nhân văn, em tiếp cận nhiều với các kiến thức LGBTI+ nhưng thật sự cho tới bây giờ em vẫn còn chưa thể chấp nhận xu hướng tính dục của bản thân. Em vẫn không hiểu và... khó lắm Cô à" (Chuyển giới nam, 21 tuổi).



Biểu đồ 3. Những lo lắng về xu hướng tính dục của bản thân sinh viên LGBTI+

Nguồn: Kết quả khảo sát của bài viết, 9/2021

ISBN: 978-604-73-8639-0

Với 25 sinh viên (67,6%) còn lại chọn trả lời không hề lo lắng về xu hướng tính dục của bản thân, các em giải thích rằng, bản thân thấy xu hướng tính dục của mình là bình thường (25 lựa chọn, 92,6%).

> *"LGBTI+ cũng là con người, có gì khác với người dị tính đâu ạ. Quan trọng là ở bản thân mình. Mình học tốt, sống tốt, trở thành người thành công thì mình cũng không quan trọng về xu hướng tính dục của mình nữa đâu ạ"* (Chuyển giới nam, 23 tuổi).

Các em cũng cho biết, từ khi bước chân vào Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, bạn bè, thầy cô, xã hội đều chấp nhận và không kỳ thị (19 lựa chọn, 70,4%). Các em cảm thấy rất hài lòng khi được học, được sinh hoạt trong môi trường có cái nhìn thân thiện với người LGBTI+.

> *"Từ ngày vào trường em cảm thấy tự tin vào bản thân mình nhiều hơn. Khoa em học cũng có môn học liên quan tới LGBTI+. Thầy Cô đều quan tâm, bạn bè chấp nhận và yêu thương em. Ngoài ra em còn tham gia các dự án về quyền cho người LGBTI+. Do đó, em cảm thấy rất tự tin về bản thân mình, không có gì phải xấu hổ hay mặc cảm"* (Song tính, 20 tuổi).

Yếu tố nơi ở cũng là nguyên nhân quan trọng để sinh viên chấp nhận và công khai xu hướng tính dục của bản thân. Có 16 lựa chọn, chiếm 59,3% các em cho biết nơi mình ở mọi người cũng không kỳ thị về LGBTI+. Do đó, bản thân các em cũng thoải mái khi thể hiện bản thân.

> *"Em sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bản thân em là đồng tính nam và em thấy chẳng có vấn đề gì với chuyện này cả vì cả gia đình em, họ hàng hay mọi người xung quanh em đều biết từ lâu. Em thấy mình may mắn khi sinh ra và lớn lên tại Thành phố cởi mở và thoáng trong nhìn nhận các vấn đề mới. Nhiều bạn em biết sống ở quê thì không được may mắn như em"* (Đồng tính nam, 21 tuổi).

Trong các yếu tố tác động đến việc công khai xu hướng tính dục một cách thuận lợi, thì yếu tố gia đình có vai trò rất quan trọng. Do đó, có 04 lựa chọn (14,8%) các em cho biết, gia đình cởi mở, thoải mái chấp nhận xu hướng tính dục của mình, vì vậy, các em không sợ bất kỳ điều gì khi thể hiện mình với mọi người.

> *"Mới đầu khi quyết định nói với Mẹ về xu hướng tính dục của bản thân mình, em cũng lo là Mẹ không chấp nhận. Nhưng mọi sự happy vô cùng. Mẹ bảo Mẹ biết từ lâu rồi. Sau đó cả nhà em ai cũng chấp nhận hết. Mà gia đình là quan trọng nhất. Gia đình chấp nhận rồi thì mình không còn sợ gì nữa Cô à"* (Đồng tính nam, 21 tuổi).

Như vậy, chúng ta có thể thấy, các yếu tố tác động đến thuận lợi/khó khăn trong công khai xu hướng tính dục của sinh viên thường bao gồm: sự chấp thuận của gia đình; sự quan tâm/chấp nhận của Thầy/cô, bạn bè; thái độ của họ hàng, hàng xóm, láng giềng và cộng đồng; nơi ở của sinh viên; tôn giáo; nhận thức, quan điểm của sinh viên về bản thân. Tất cả các yếu tố này đều có tác động qua lại với nhau và tạo ra những hỗ trợ/rào cản trong quá trình công khai xu hướng tính dục của sinh viên để các em có thể được sống thật với bản thân mình.

4. MỘT SỐ BÀN LUẬN

Việc công khai/không công khai xu hướng tính dục của mình là sự lựa chọn của bản thân mỗi người, miễn sao họ có thể sống hạnh phúc với xu hướng tính dục của bản thân. Hiện nay, có nhiều người trong cộng đồng LGBTI+, nhất là các bạn trẻ, sinh viên đã lựa chọn công khai xu hướng

tính dục để được sống thật với bản thân mình. Quá trình công khai ở họ cũng gặp nhiều thuận lợi hơn khi xã hội đã có cái nhìn thoáng, cởi mở hơn về LGBTI+ cũng như nhận thức của xã hội về LGBTI+ được tăng lên với sự hoạt động tích cực, mạnh mẽ của các tổ chức, các nhóm hoạt động về quyền của người LGBTI+. Tuy nhiên, dưới góc độ của người làm việc trực tiếp với sinh viên cũng như các em trong nhóm cộng đồng LGBTI+, theo chúng tôi, việc công khai xu hướng tính dục của các em không phải là chuyện một sớm một chiều mà các em cần có sự chuẩn bị lâu dài về: tài chính, công việc, kiến thức của bản thân; năng lực thích ứng với những tình huống liên quan đến sự kỳ thị và phân biệt đối xử khi cộng đồng biết mình là LGBTI+; sự hiểu biết nhất định về LGBTI+ của gia đình. Bên cạnh đó, hiện nay, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM cũng đã triển khai nhiều hoạt động liên quan đến nâng cao nhận thức về LGBTI+ như: thực hiện dự án về quyền trẻ em và người LGBT với Save the Children, kết hợp với CSAGA thực hiện các dự án trong sinh viên liên quan tới chủ đề quấy rối tình dục và LGBT, thành lập các câu lạc bộ sinh viên LGBTI+ như W.AY up, Be+, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan tới LGBTI+. Tuy nhiên, cần đa dạng hơn các hoạt động hướng tới các nhóm bản dạng giới và xu hướng tính dục khác nhau, nhất là nhóm nữ yêu nữ (đồng tính nữ, song tính nữ, chuyển giới nam), nhóm khác (toàn tính, vô tính,...) thay vì chỉ chú trọng tới nhóm đồng tính nam và chuyển giới nữ. Trong tương lai, cần hướng tới các hoạt động mang tính liên kết trong trường (giữa các khoa) và ngoài trường (các trường đại học, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tổ chức xã hội) trong triển khai các chương trình/dự án liên quan tới LGBTI+ trong các hoạt động thực tập, hoạt động xã hội nhằm góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về LGBTI+.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thu Nam, Lê Quang Bình, Vũ Kiều Châu Loan, Lương Thế Huy. (2012). *Trẻ em đồng tính, song tính và chuyển giới tại Thành phố Hồ Chí Minh.* Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE).
2. Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương. (2015). *Có phải bởi vì tôi là LGBT: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam.* Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). NXB Hồng Đức. Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Hồng Phong, Lê Quang Bình. (2012). *Khảo sát thái độ xã hội đối với người đồng tính*. Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE). Hà Nội.
4. Phạm Quỳnh Phương và Lương Thế Huy. (2015). *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE). NXB Hồng Đức.
5. Vũ Hồng Phong, Nguyễn Thị Thu Nam. (2010). *Tổng quan về kỳ thị đối với người LGBT*. Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE). Hà Nội.
6. Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Thu Nam, Lê Nguyễn Thu Thủy, Lê Quang Bình. (2010). *Sống trong một xã hội dị tính: Câu chuyện từ 40 người nữ yêu nữ*. Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường (iSEE). Hà Nội.
7. UNDP, USAID. (2014). *Báo cáo quốc gia LGBT Việt Nam - Là LGBT ở châu Á*. Bangkok.
8. UNDP và USAID. (2014). *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở châu Á: báo cáo quốc gia Việt Nam (Tổng hợp và phân tích môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)).* Hà Nội.

CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC VỚI GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH TẠI VIỆT NAM

SEXUAL TREND PUBLICITY OF GAY AND LESBIAN TO FAMILY IN VIETNAM

Trương Thị Ly*

TÓM TẮT

Công khai xu hướng tính dục với gia đình là nhu cầu chính đáng và có vai trò quan trọng đối với người đồng tính. Với chức năng tình cảm, gia đình là nơi cá nhân có thể tìm thấy sự đùm bọc, chia sẻ và giúp đỡ. Tuy nhiên, những quan niệm truyền thống ở Việt Nam thường khiến cho cha mẹ của người đồng tính rất khó chấp nhận khi con cái mình có xu hướng tính dục và biểu hiện lệch lạc so với với chuẩn mực xã hội. Chính vì thế, không phải người đồng tính nào cũng dám công khai xu hướng tính dục để có thể nhận được sự cảm thông và sẻ chia từ chính gia đình mình. Bên cạnh đó, không phải người đồng tính nào dám công khai tính dục của mình với một người nào đó ngoài cộng đồng LGBT cũng dám công khai với tất cả các thành viên trong gia đình.

Từ khóa: *xu hướng tính dục, công khai xu hướng tính dục, đồng tính.*

ABSTRACT

Sexual trend publicity of gay and lesbian is legitimate and important to homosexuals. Family, with its emotional function, is the place where individuals can find affection, sharing and help. However, traditional beliefs in Vietnam often make it difficult for parents of homosexuals to accept the fact that their children have sexual orientation and behaviors different from social norms. Therefore, not all homosexuals dare disclose their sexual orientation in order to receive sympathy and sharing from their own family. Besides, not every gay, lesbian, bisexual or transgender who dare disclose their sexuality to someone outside the LGBT community also dare disclose it to all of their family members.

Keywords*: sexual trend, sexual trend publicity, gay and lesbian.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với chức năng tình cảm mà không một thiết chế xã hội nào có thể thay thế được, gia đình là nơi cá nhân có thể tìm thấy sự đùm bọc, chia sẻ và giúp đỡ trong một thế giới đầy khó khăn, trắc trở và nhiều biến động (Hoàng Bá Thịnh (Chủ biên), 2016:129). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không phải cá nhân nào cũng nhận được sự đùm bọc, sẻ chia từ phía gia đình, đặc biệt là những người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT). Những quan niệm truyền thống về giới tính, tính dục, hôn nhân và gia đình ở Việt Nam thường khiến cho cha mẹ của người đồng tính rất khó chấp nhận khi con cái mình có xu hướng tính dục và biểu hiện khác biệt so với với chuẩn mực xã hội. Chính vì thế, không phải cá nhân nào cũng dám công khai để có thể nhận được sự cảm thông và sẻ chia từ chính gia đình mình. Phần lớn người đồng tính nam và đồng tính nữ che giấu xu hướng tính dục của họ vì lo sợ sẽ làm bố mẹ buồn phiền và phải chịu những phản ứng tiêu cực từ bố mẹ và gia đình (UNDP, USAID, 2014). Trong bài viết này, tác giả muốn mô tả thực trạng công khai xu hướng tính dục của người đồng tính với chính gia đình của họ. Bên cạnh đó, mỗi

* Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Công đoàn. Email: truonglyxh@gmail.com.

một nhóm nhỏ xu hướng tính dục lại có những trải nghiệm khác biệt (Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương, 2015:33) nên bài viết còn đi sâu phân tích những khác biệt giữa các nhóm người đồng tính nam và đồng tính nữ, giữa nhóm người đồng tính đã đi làm và đồng tính chưa đi làm, khác biệt về độ tuổi, học vấn trong công khai xu hướng tính dục với gia đình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG THAM GIA KHẢO SÁT

Bài viết được thực hiện trên cơ sở kết quả do nhóm nghiên cứu của chúng tôi thực hiện bằng bảng hỏi online năm 2017 và phỏng vấn sâu năm 2021. Có 203 người tại 36 tỉnh/thành phố trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam trả lời bảng hỏi và 09 người tham gia trả lời phỏng vấn sâu. Trong đó, người trả lời tập trung đông nhất tại Hà Nội (87 người), Thái Nguyên (25 người), Thành phố Hồ chí Minh (18 người) và Đồng Nai (18 người). Dữ liệu từ bảng câu hỏi được phân tích bằng phần mềm SPSS (phiên bản 22.0). Các kết quả được mô tả bằng cách tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm. Với mức ý nghĩa thống kê $p<0,05$, kiểm định Chi-Square được thực hiện để kiểm tra mối quan hệ giữa các biến có liên quan đến công khai xu hướng tính dục của người đồng tính với gia đình.

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

	Số lượng	**Tỷ lệ (%)**
Tổng	**203**	**100.0**
Tuổi		
<18	29	14.3
18-22	87	42.9
23-25	49	24.1
>25	38	18.7
Trình độ học vấn		
Phổ thông	141	69.5
Trung cấp, cao đẳng, đại học	47	23.1
Sau đại học	15	7.4
Tình trạng làm việc		
Chưa đi làm	107	52.7
Đã đi làm	96	47.3
Xu hướng tính dục		
Đồng tính nam (Gay)	97	47.8
Đồng tính nữ (Lesbian)	106	52.2

Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính

Cũng như những khảo sát online khác, đối tượng tham gia trả lời khảo sát online này tập trung nhiều ở nhóm trẻ có trình độ học vấn, đặc biệt là nhóm sinh viên. Chiếm 42,9% những người trả lời cho biết mình hiện đang trong độ tuổi 18-22 tuổi. Tiếp đến là nhóm 23-25 tuổi với

ISBN: 978-604-73-8639-0

24,1%. Nhóm lớn hơn 25 tuổi chiếm 18,7% và nhóm dưới 18 tuổi - tức là nhóm học sinh chiếm tỷ lệ thấp nhất với 14,3%. Con số này cũng tương ứng với việc có đến 52,7% những người tham gia khảo sát cho biết mình hiện tại chưa đi làm và có 47,3% hiện đã đi làm.

Do số lượng học sinh, sinh viên nhiều nên trình độ học vấn của người trả lời cũng tập trung nhiều ở nhóm phổ thông với 69,5%, tiếp đến là nhóm có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học với 23,2%. Nhóm có trình độ sau đại học chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ với 7,4%.

Những người tham gia khảo sát này là người đã xác định được xu hướng tính dục của mình. Trong số 203 người tham gia khảo sát, 47,8% cho biết mình có xu hướng tính dục là đồng tính nam (Gay) và 52,2% có xu hướng tính dục là đồng tính nữ (Lesbian).

3. XU HƯỚNG TÍNH DỤC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

Xu hướng tính dục là "khả năng một người cảm thấy hấp dẫn về mặt cảm xúc sâu sắc, tình cảm, tình dục, mối quan hệ gần gũi với những cá nhân có giới khác, cùng hay nhiều hơn một giới". Theo cách hiểu được chấp nhận phổ biến nhất, người có xu hướng tính dục hướng tới người cùng giới gọi là người đồng tính, hướng tới người khác giới là người dị tính, hướng tới cả hai giới là người song tính (Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), 2018). Công khai xu hướng tính dục của người đồng tính là quá trình nhận diện hoặc công khai xu hướng tính dục với chính bản thân mình, với những người xung quanh hoặc gia nhập vào cộng đồng đồng tính. Hình thức công khai có thể là với tất cả mọi người hoặc với một số ít người (Trương Hồng Quang, 2019:36).

Bảng 2. Tầm quan trọng của việc công khai xu hướng tính dục

		Xu hướng tính dục						P
		Đồng tính nam (Gay)		Đồng tính nữ (Lesbian)		Chung		
		N	%	N	%	N	%	
Tầm quan trọng của việc công khai	Rất không quan trọng	0	0	0	0	0	0	P=0.468
	Không quan trọng	7	7.2	3	2.8	10	4.9	
	Bình thường	19	19.6	23	21.7	42	20.7	
	Quan trọng	30	30.9	38	35.8	68	33.5	
	Rất quan trọng	41	42.3	42	39.6	83	40.9	

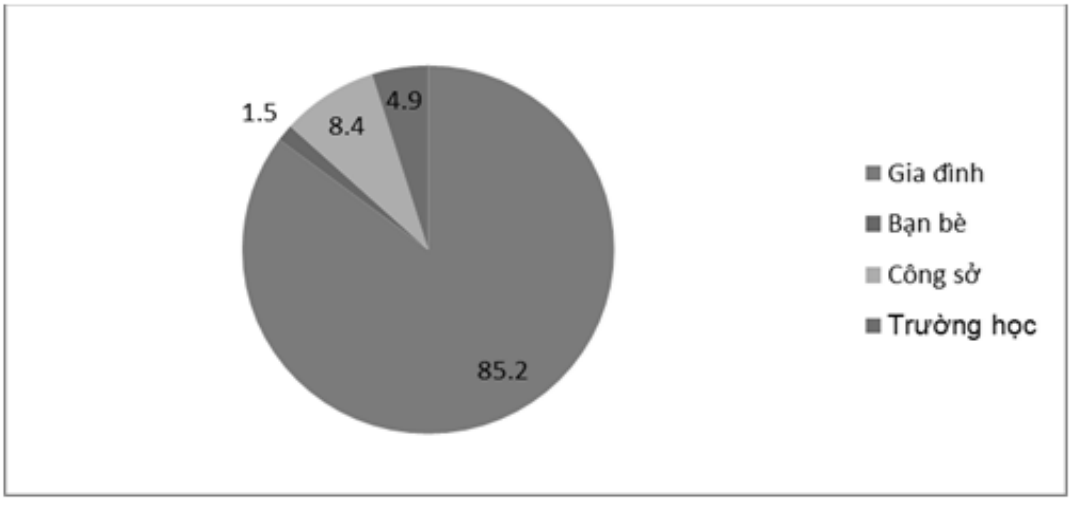
Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính

Theo Maslow, con người là thành viên của xã hội nên có nhu cầu được hòa nhập trong xã hội và được người khác thừa nhận (Nguyễn Trung Hải (chủ biên), 2020:136). Người đồng tính là một thực thể của xã hội và cũng có những nhu cầu như những người khác ngoài xã hội, trong đó có nhu cầu được công khai và thừa nhận *"mình chỉ mong muốn được là chính mình, được yêu thương người mình yêu, mong muốn được tôn trọng với chính con người của mình"* (PVS, đồng tính nữ). Khi được hỏi về tầm quan trọng của việc công khai xu hướng tính dục với bản thân, chỉ có 4,9% người trả lời cho biết việc công khai là không quan trọng và không có ai cho rằng việc

công khai là hoàn toàn không quan trọng. Trong khi đó, có đến 33,5% đánh giá ở mức quan trọng và 40,9% đánh giá việc công khai là rất quan trọng với bản thân mình. Kết quả kiểm định Chi-Square với P=0,468>0,05 cho thấy không có sự khác biệt giữa đồng tính nam và đồng tính nữ trong đánh giá tầm quan trọng của việc công khai xu hướng tính dục. Với giá trị trung bình (mean) bằng 4,10 cho thấy xu hướng chung của người trả lời đánh giá việc công khai xu hướng tính dục là quan trọng. Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy công khai có vai trò quan trọng đối với người đồng tính: *"Tôi không biết đối với người khác thì như thế nào nhưng đối với tôi thì vô cùng quan trọng. Bạn không thể cứ sống ở vậy không lấy vợ tới cuối đời mà không có lý do, không bị bố mẹ, người xung quanh hỏi, ghép với người này, người khác"* (PVS, đồng tính nam).

4. THỰC TRẠNG CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC VỚI GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

Có thể thấy, công khai xu hướng tính dục là một hoạt động quan trọng đối với người đồng tính. Tuy nhiên, trong thực tế không phải người đồng tính nào cũng dám công khai xu hướng tính dục của mình. Kết quả khảo sát cho thấy, 149 người chiếm 73,4% trong số 203 người tham gia khảo sát cho biết mình đã công khai xu hướng tính dục với người ngoài cộng đồng LGBT. Điều này có nghĩa là vẫn còn 26,6% chưa công khai xu hướng tính dục của mình với bất cứ ai ngoài cộng đồng LGBT dù là trong gia đình, bạn bè, trường học hay công sở, như lời tâm sự của một đồng tính nam: *"Tôi rất muốn nói cho gia đình biết nhưng đối với tôi việc come out khó hơn rất nhiều khi chị tôi cũng là LGBT và tôi cũng là cháu đích tôn"* (PVS, đồng tính nam).



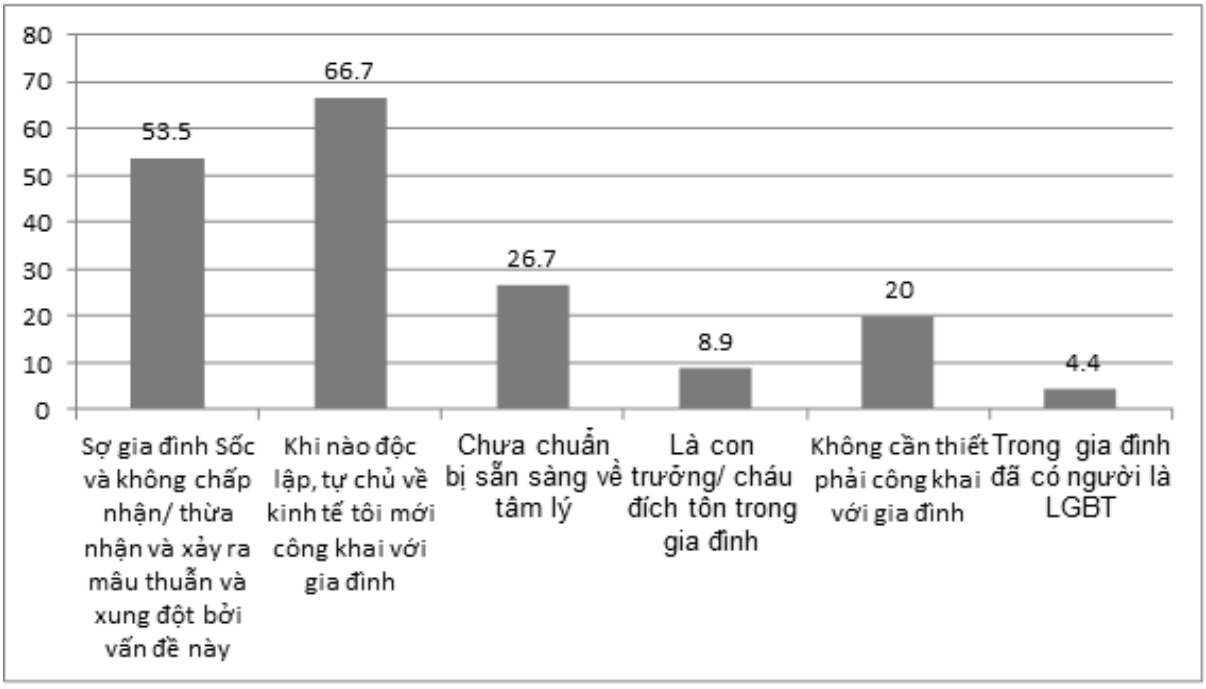
Biểu đồ 1. Bối cảnh khó khăn nhất khi công khai xu hướng tính dục

Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính

Số lượng người đồng tính công khai với gia đình còn thấp hơn khi chỉ có 51,2% cho biết mình đã công khai với gia đình và có đến 48,8% cho biết mình chưa công khai với bất cứ một ai trong gia đình về xu hướng tính dục của mình. Điều này đồng nghĩa với việc trong số 149 người đã công khai xu hướng tính dục, chỉ có 104 người, chiếm 69,8% cho biết mình đã công khai xu hướng tính dục với ít nhất một người trong gia đình. Như vậy, có đến 45 người (30,2%) đã công khai xu hướng tính dục với ít nhất một người nào đó, có thể là bạn bè, đồng nghiệp, nhưng lại chưa công khai với các thành viên trong gia đình của mình. Thực tế này cũng là điều dễ hiểu bởi

ISBN: 978-604-73-8639-0

lẽ có đến 85,2% cho biết trong bốn bối cảnh là gia đình, bạn bè, công sở và trường học thì gia đình chính là bối cảnh khó khăn nhất khi công khai xu hướng tính dục, kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy điều này, *"mình có thể chấp nhận được ánh mắt và sự kỳ thị của mọi người nhưng không dám đối diện với bố mẹ và gia đình. Mọi người kỳ vọng rất nhiều điều ở mình - một thằng cháu đích tôn. Mình không biết phải mở lời như thế nào"* (PVS, đồng tính nam). Chính vì thế, có đến 1/3 số người tham gia khảo sát dám công khai với người ngoài gia đình nhưng lại chưa dám công khai với các thành viên trong gia đình. Kết quả nghiên cứu này cũng đồng nhất với nghiên cứu của Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2015) khi cứ 10 người thì có khoảng 9 người (88,3%) đã công khai với ít nhất một người bạn của mình nhưng chỉ có khoảng một nửa (48,9%) đã công khai ít nhất với một thành viên trong gia đình.



Biểu đồ 2. Lý do chưa công khai xu hướng tính dục với gia đình

Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính

Với 45 người đồng tính đã công khai xu hướng tính dục nhưng lại chưa công khai với gia đình, 53,5% trong số này cho biết lý do bản thân chưa dám công khai với gia đình là vì sợ các thành viên trong gia đình sẽ sốc, không chấp nhận hoặc thừa nhận dẫn đến xảy ra mâu thuẫn hoặc xung đột. Chiếm tỷ lệ cao nhất với 66,7% cho biết lý do mình chưa công khai với gia đình là vì bản thân còn phụ thuộc kinh tế vào gia đình nên khi nào độc lập độc lập, tự chủ về kinh tế sẽ công khai với gia đình. Bên cạnh đó, 26,7% cũng cho biết mặc dù đã công khai tính dục với người khác nhưng bản thân lại chưa sẵn sàng về tâm lý để công khai với gia đình. Ngoài ra, còn có những người chưa công khai xu hướng tính dục của mình do thấy không thực sự cần thiết phải công khai hoặc do bản thân là con trưởng, cháu đích tôn trong gia đình, hoặc do trong gia đình đã có người là người đồng tính nên không dám công khai, *"Với mình về nhà thật sự áp lực. Nhiều khi về nhà muốn nói ra nhưng không thể nói khi thấy ánh mắt của cha mẹ. Rồi lại nghĩ đến chữ hiếu. Rồi lại nghĩ đến hạnh phúc của bản thân. Nó quá mệt mỏi"* (PVS, đồng tính nữ).

Bảng 3. Công khai xu hướng tính dục với ít nhất một người trong gia đình

		Công khai xu hướng tính dục với ít nhất một người trong gia đình				**P**
		Đã công khai		**Chưa công khai**		
		N	**%**	**N**	**%**	
	Chung	104		99	48.8	
Xu hướng tính dục	Đồng tính nam (Gay)	0.932	51.5	47	48.5	0.932
	Đồng tính nữ (Lesbian)		50.9	52	49.1	
Trình độ học vấn	Phổ thông	69	48.9	72	51.1	
	Trung cấp, CĐ, ĐH	28	59.6	19	40.4	0.421
	Sau đại học	7	46.7	8	53.3	
Tuổi	<18	12	41.4	17	58.6	
	18-22	42	48.3	45	51.7	0.331
	23-25	30	61.2	19	38.8	
	>25	20	52.6	18	47.4	
Tình trạng làm việc	Chưa đi làm	44	41.1	63	58.9	0.002
	Đã đi làm	60	62.5	36	37.5	

(Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính)

Xét cụ thể việc công khai xu hướng tính dục với gia đình của các nhóm đồng tính, nhìn bảng số liệu trên ta thấy có sự tương đồng về tỷ lệ đồng tính nam (51,5%) và đồng tính nữ (50,9%). Tỷ lệ đồng tính nam công khai có cao hơn so với đồng tính nữ nhưng không đáng kể, chỉ với 0,6%. Kết quả kiểm định với P=0,932>0,05 cho thấy không có sự khác biệt giữa đồng tính nam và đồng tính nữ trong việc công khai xu hướng tính dục với gia đình.

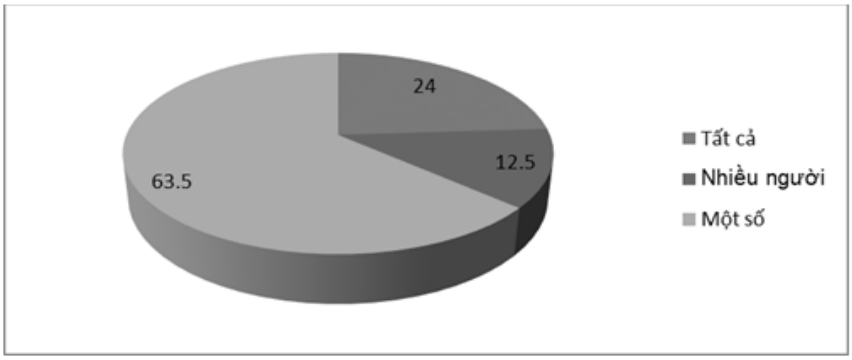
Số liệu khảo sát cho thấy sự chênh lệch không đáng kể tỷ lệ công khai xu hướng tính dục với gia đình của các nhóm đồng tính có trình độ học vấn khác nhau. Nhóm có trình độ học vấn trung cấp, cao đẳng, đại học có tỷ lệ công khai xu hướng tính dục cao nhất với 69,6%. Tiếp đến là nhóm có trình độ học vấn ở bậc phổ thông với 48,9% đã công khai xu hướng tính dục và 46,7% trong nhóm có trình độ sau đại học cho biết mình đã công khai xu hướng tính dục. Với P=0,421>0,05, kết quả kiểm định cũng cho thấy không có mối quan hệ giữa trình độ học vấn và việc công khai xu hướng tính dục với gia đình của người đồng tính.

Mặc dù P=0,331 >0,05 cho thấy không có mối quan hệ giữa các nhóm đồng tính ở các độ tuổi khác nhau với việc công khai xu hướng tính dục với gia đình nhưng nếu xét theo tỷ lệ phần trăm số người đã công khai ở từng nhóm tuổi ta thấy có sự khác biệt giữa các nhóm. Nhóm có tỷ lệ công khai xu hướng tính dục với gia đình thấp nhất là nhóm nhỏ hơn 18 tuổi với 41,4% và nhóm 18 - 22 tuổi với 48,3%. Cả hai nhóm này đều có tỷ lệ công khai thấp hơn so với tỷ lệ công khai chung. Đây là hai nhóm tập trung những người tham gia khảo sát đang là học sinh, sinh viên - những người còn chịu nhiều phụ thuộc vào gia đình. Trong khi đó, ở nhóm > 25 tuổi tỷ lệ công

ISBN: 978-604-73-8639-0

khai là 52,6% và nhóm 23-25 tuổi có tỷ lệ công khai lên đến 61,2%, cao hơn so với tỷ lệ công khai chung.

Xét theo tình trạng việc làm của đối tượng khảo sát, ta thấy có sự chênh lệch giữa nhóm đã đi làm và nhóm chưa đi làm. Tỷ lệ công khai của nhóm đã đi làm là 62,5%, cao gấp rưỡi so với nhóm chưa đi làm là 41,1%. Kết quả kiểm định với P=0,002<0,05 cũng cho thấy có sự khác biệt giữa nhóm chưa đi làm và nhóm đã đi làm trong việc công khai xu hướng tính dục với gia đình. Từ những khác biệt về tỷ lệ công khai của người đồng tính thuộc các nhóm tuổi khác nhau và tỷ lệ công khai của người đồng tính đã đi làm và chưa đi làm cho thấy những người còn phụ thuộc vào gia đình công khai xu hướng tính dục ít hơn so với những người không còn phụ thuộc vào gia đình.



Biểu đồ 3. Mức độ công khai xu hướng tính dục với gia đình

Nguồn: Kết quả khảo sát 203 người đồng tính

Việc quyết định công khai xu hướng tính dục với ai, với thành viên nào hay với tất cả mọi người trong gia đình cũng là vấn đề mà người đồng tính cần phải quyết định. Số đông những người đồng tính tham gia khảo sát lựa chọn hình thức công khai cho một số thành viên trong gia đình thay vì công khai cho tất cả mọi người. Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy thay vì ngay lập tức come out với tất cả các thành viên trong gia đình, người đồng tính thường lựa chọn chia sẻ với từng thành viên: "*Mình không dám nói với bố. Mình rất sợ bố mình đánh và đuổi mình đi nên quyết định nói với mẹ trước*" (PVS, đồng tính nữ). Phương án công khai với anh/chị em trong gia đình trước khi nói cho bố mẹ cũng được nhiều người đồng tính lựa chọn: *"Nhà có hai chị em, mình quyết định nói với chị gái của mình trước để nhờ chị thăm dò ý kiến của bố mẹ" (*PVS, đồng tính nam). Trong số 104 người đã công khai với gia đình, chỉ có 24,0% cho biết mình mình đã công khai với tất cả các thành viên trong gia đình và 12,5% công khai với nhiều người trong gia đình, trong khi có đến 63,5% chỉ công khai với một số thành viên trong gia đình. Điều này cho thấy, dù đã quyết định công khai xu hướng tính dục của mình với gia đình nhưng không phải người thân nào trong gia đình người đồng tính cũng có thể hoặc sẵn sàng chia sẻ.

5. KẾT LUẬN

Công khai xu hướng tính dục, được mọi người xung quanh thừa nhận, được là chính mình, được yêu thương và tôn trọng với tất cả những gì vốn có của cá nhân mình là nhu cầu chính đáng của những người đồng tính tại Việt Nam cũng như toàn thế giới. Việc công khai xu hướng tính dục nói chung, công khai xu hướng tính dục đối với gia đình nói riêng được người trả lời ghi nhận có vai trò quan trọng đối với người đồng tính.

Trong những năm gần đây, mặc dù xã hội và pháp luật Việt Nam đã có nhiều thay đổi tích cực trong việc thảo luận và bảo vệ quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới nhưng nhìn chung các quy định pháp luật cũng như thái độ chung của xã hội vẫn còn tồn tại những định kiến và phân biệt đối xử với LGBT (Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương, 2015). Chính vì thế, không phải người đồng tính nào cũng dám công khai xu hướng tính dục của mình; không phải người đồng tính nào dám công khai tính dục của mình cũng dám công khai với gia đình và công khai với tất cả các thành viên trong gia đình.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa nhóm đồng tính nam và đồng tính nữ, giữa các nhóm có trình độ học vấn khác nhau trong việc công khai xu hướng tính dục với gia đình. Tuy nhiên, ở những nhóm đồng tính có độ tuổi khác nhau, đặc biệt là giữa nhóm đồng tính đã đi làm và nhóm đồng tính chưa đi làm có sự khác biệt trong việc công khai giới tính với gia đình. Những người còn phụ thuộc vào gia đình có tỷ lệ công khai xu hướng tính dục với gia đình ít hơn so với những người không còn phụ thuộc vào gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Bá Thịnh (chủ biên). (2016). *Giáo trình Gia đình học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương. (2015). *Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường (iSEE).
3. Nguyễn Trung Hải (Chủ biên). (2020). *Giáo trình Lý thuyết công tác xã hội.* Trường Đại học Lao động - Xã hội (tài liệu lưu hành nội bộ).
4. Trương Hồng Quang. (2019). *Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ. Học viện Khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
5. UNDP, USAID. (2014). *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam.* http://www.vn.undp.org/.
6. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE). (2018). *Người LGBT trong mắt công chúng. Lắng nghe các quan điểm trái chiều để xây dựng chiến lược truyền thông vì quyền LGBT.*

MỐI QUAN HỆ GIỮA SỰ CÔ ĐƠN VÀ SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG LGBT

THE RELATIONSHIP BETWEEN LONELINESS AND MENTAL HEALTH OF THE LGBT COMMUNITY

Lê Văn Hiền*,
Nguyễn Diệu Hương**

TÓM TẮT

Bài viết "Mối quan hệ giữa sự cô đơn và sức khỏe tinh thần của cộng đồng LGBT" được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng mức độ cô đơn, lo âu và trầm cảm và chỉ ra mối quan hệ giữa sự cô đơn và sức khỏe tinh thần ở cộng đồng LGBT. Chúng tôi sử dụng các trắc nghiệm có độ tin cậy cao như thang đo cô đơn UCLA; thang đo rối loạn lo âu GAD - 7 và thang do trầm cảm - PHQ - 9. Nghiên cứu được tiến hành trên 224 người LGBT ở Việt Nam bằng hình thức phiếu hỏi online trên facebook. Kết quả cho thấy, mức độ cô đơn của cộng đồng LGBT ở mức độ cao. Hầu hết biểu hiện mức độ lo âu, trầm cảm ở mức nhẹ và vừa. Khi phân tích mối quan hệ giữa cảm xúc cô đơn mức độ trầm cảm, lo âu ở người LGBT cho thấy có mối tương quan dương, điều này có nghĩa là, khi họ mang cảm xúc cô đơn thường xuyên sẽ gặp những vấn đề về sức khỏe tinh thần. Kết quả nghiên cứu đã chỉ báo được những khó khăn hiện tại của cộng đồng LGBT và họ đang rất cần sự quan tâm, hỗ trợ từ các lực lượng trong xã hội.

Từ khóa: *cô đơn, sức khỏe tinh thần, LGBT.*

ABSTRACT

The article on the relationship between loneliness and mental health of the LGBT community aims to understand the status of loneliness, anxiety and depression and point out the relationship between loneliness and mental health. in the LGBT community. We use highly reliable tests such as the UCLA Loneliness Scale; Scale of Anxiety Disorder GAD - 7 and scale of depression - PHQ - 9. The study was conducted on 224 LGBT people in Vietnam by means of an online questionnaire on facebook. The results show that the loneliness level of the LGBT community is high. Most showed mild to moderate anxiety and depression. When analyzing the relationship between feelings of loneliness, the level of depression and anxiety in LGBT people, it shows that there is a positive correlation, this is that when they are feeling lonely often, they will have health problems in the spirit. The research results have shown the current difficulties of the LGBT community, all of which need attention and support from social forces.

Keywords*: loneliness, mental health, LGBT.*

1. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU

Các nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa sự cô đơn và sức khỏe tinh thần. Trải nghiệm cô đơn có liên quan tình trạng sức khỏe kém và các triệu chứng trầm cảm (Barg FK et al., 2006), (Luo Y et al., 2012).

* Cử nhân, Trường TH THCS, THPT FPT Đà Nẵng. Email: HienLV7@fe.edu.vn.
** Cử nhân, Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Email: nguyendieuhuongpsy@gmail.com.

Những người trải qua cảm giác cô đơn có nhiều khả năng gặp phải một loạt các kết quả tiêu cực về sức khỏe tâm thần, bao gồm gia tăng các triệu chứng trầm cảm và lo lắng (Cacioppo et al., 2016).

Như vậy, cô đơn là gì? Có mối quan hệ như thế nào giữa sự cô đơn và sức khỏe tinh thần ở người đồng tính?

Sự cô đơn là một trạng thái cảm xúc gần như bất kỳ ai cũng có thể trải nhiệm trong đời. Sự cô đơn không phải bệnh lý nên hầu hết mọi người đều có khả năng vượt qua. Theo Weiss (1973), trong cuốn *"Cô đơn: Trải nghiệm của sự cô lập cảm xúc và xã hội",* ông định nghĩa: "Cô đơn là một cảm xúc hoặc kinh nghiệm tâm lý chủ quan xảy ra khi một cá nhân cảm thấy thiếu hài lòng với các mối quan hệ và có khoảng trống giữa mong muốn của họ với mức độ gắn kết thực tế".

Trầm cảm là một trạng thái được đặc trưng bởi sự buồn chán, thiếu năng lượng, cảm giác tội lỗi và giá trị bản thân thấp (Comer et al., 2016). Trong tâm lý học lâm sàng, khái niệm *trầm cảm* thường được sử dụng để chỉ pha trầm cảm chủ yếu trong các rối nhiễu khí sắc, trong đó có rối loạn trầm cảm chủ yếu và rối loạn lưỡng cực (Marshal et al., 2011).

Lo âu là một trạng thái cảm xúc đối với những mối đe dọa trong tương lai được đặc trưng bởi cảm giác e ngại, lo lắng, thiếu kiểm soát đối với các phản ứng xúc cảm của bản thân và cũng thường đi kèm với những cảm nhận như hổ thẹn, tội lỗi, hưng phấn, tức giận, hay buồn chán. Bên cạnh đó, lo âu cũng thường xuất hiện cùng với sợ hãi và được biểu hiện ra với các triệu chứng cơ thể như căng cơ, khô miệng, tim đập nhanh, run rẩy, chóng mặt và khó thở (Marshal et al., 2011).

LGBT là tên viết tắt của *đồng tính nữ* (Lesbian), *đồng tính nam* (Gay), *song tính* (Bisexual) và *chuyển giới* (Transgender). Những thuật ngữ như *Gay, Lesbian, Bisexual* dùng để mô tả xu hướng tính dục của một người, tức là họ có sự hấp dẫn tình yêu và tình dục khác với những người dị tính (hay Straight - những người bị hấp dẫn bởi người thuộc giới tính trái ngược với mình). *Gay* là từ dùng để mô tả một người nam bị thu hút bởi những người cùng giới. *Người đồng tính nữ* (Lesbian) là một người phụ nữ bị thu hút bởi những người phụ nữ khác. *Người song tính* (Bisexual) mô tả một người (nam hoặc nữ) bị thu hút bởi cả hai giới (Isee, 2011).

Nhiệm vụ cho các nghiên cứu về cộng đồng LGBT là tập trung vào việc khảo sát, đánh giá thực trạng khó khăn của họ để đề xuất các biện pháp ứng phó tích cực, hiệu quả và sát đối tượng nhằm giúp họ thích ứng với đổi thay và áp lực, sống một cuộc sống lành mạnh về thể chất và tinh thần.

Để góp phần khảo sát những vấn đề khá cấp thiết về cảm xúc cô đơn và thực trạng trầm cảm lo âu ở cộng đồng LGBT, nghiên cứu *"Mối quan hệ giữa sự cô đơn và sức khỏe tinh thần của cộng đồng LGBT"* như một hướng tiếp cận có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

2. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Trong số 224 tham gia khách thể nghiên cứu bằng khảo sát trực tuyến, cho thấy phần lớn *khu vực sống* tập trung ở thành thị (81,1%), ở nông thôn chỉ (chiếm 18,1%). Về *đặc điểm nghề nghiệp,* phần lớn là sinh viên (40,6%) và lao động tri thức (34,4%). Về *tình trạng mối quan hệ,* khách thể tham gia phần lớn đang độc thân (59,4%). *Bản dạng giới và xu hướng tính dục* đa dạng nhưng số lượng không đều giữa các nhóm. Cụ thể, nhóm đồng tính nam tham gia khảo sát đông

ISBN: 978-604-73-8639-0

nhất (50%), nhóm chuyển giới tham gia ít nhất (9,4%). Đặc điểm khách thể nghiên cứu được thể hiện cụ thể ở Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Đặc điểm khách thể		Số lượng	Phần trăm
Khu vực sống	Nông thôn	42	18,8
	Thành thị	182	81,3
Nhóm người	Đồng tính nam	112	50,0
	Đồng tính nữ	14	6,3
	Song tính	77	34,4
	Chuyển giới	21	9,4
Nghề nghiệp	Lao động chân tay	21	9,4
	Lao động tri thức	77	34,4
	Thất nghiệp	21	9,4
	Lĩnh vực lao động khác	7	3,1
	Sinh viên	91	40,6
	Học sinh	7	3,1
Tình trạng mối quan hệ	Độc thân	133	59,4
	Đã từng hẹn hò	21	9,4
	Đang hẹn hò	56	25,0
	Đang sống chung	7	3,1
	Đã kết hôn	7	3,1
	Độc thân	133	59,4
Tổng mẫu		**224**	**100,0**

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thang đo cô đơn UCLA (University of California Los Angeles Loneliness Scale)

Thang đo được phát triển vào những năm 1970 và sửa đổi vào những năm 1990. Bộ công cụ được xây dựng dựa trên lý thuyết sai lệch nhận thức về sự cô đơn (tức là sự cô đơn xảy ra khi con người thiếu hài lòng trong các mối quan hệ, ngay cả khi có nhiều người xung quanh). UCLA được làm lại dựa trên hai thang đo cũ hơn, bao gồm 75 câu mô tả sự cô đơn của 20 nhà Tâm lý học, 25 câu hỏi được chọn ra và thử nghiệm. Cuối cùng, 20 câu được chọn để đo lường cảm xúc cô đơn lẫn sự cô đơn xã hội. Phiên bản 3 của thang đo ra đời nhằm giúp người tham gia kiểm tra để hiểu câu hỏi hơn. Theo (Russell,1996), thang đo UCLA III bao gồm 11 câu theo hướng tiêu cực (cô đơn) và 09 câu theo hướng tích cực (không cô đơn bao gồm câu 2.1, 2.5, 2.6, 2.9, 2.10, 2.15, 2.16, 2.19, 2.20) được đảo để cùng chiều với thang đo.

- Thang đo rối loạn lo âu GAD - 7

Để đo lường mức độ lo âu, nghiên cứu sử dụng Thang đo rối loạn lo âu lan tỏa 7 item (Generalized Anxiety Disorder 7 item) do (Spitzer et al.,2006) xây dựng.

Thang đo bao gồm các item thể hiện triệu chứng của lo âu như "*Lo lắng, lo âu, hay bồn chồn"* hay "*Cảm thấy lo sợ như thể điều gì đó tồi tệ sẽ xảy ra".* Khách thể được yêu cầu đánh giá mức độ thường xuyên có các triệu chứng lo âu trong vòng 2 tuần trở lại đây theo thang Likert 4 điểm với 1 là "Hoàn toàn không" và 4 là "Gần như mọi ngày". Hệ số Cronbach's alpha của Thang rối loạn lo âu lan tỏa là 0.79.

Để đánh giá mức độ và theo dõi cần tính điểm và phân loại. Cách tính điểm như sau: cộng điểm của tất cả các câu từ 1 đến 7, tổng điểm cao nhất sẽ là 21. Phân loại theo tổng điểm như sau: Điểm 0-4: không lo âu; Điểm 5-9: lo âu nhẹ; Điểm 10-14: Lo âu vừa; Điểm 15-21: lo âu nặng.

- Thang do trầm cảm – PHQ- 9

Để đo lường mức độ trầm cảm của con cái, nghiên cứu sử dụng Bảng câu hỏi sức khỏe bệnh nhân 9 item (Patient Health Questionnaire 9 item) do (Kroenke et al., 2001) xây dựng.

Thang đo bao gồm các item mô tả triệu chứng của trầm cảm, chẳng hạn như "Không hứng thú với việc gì" hay "Cảm thấy buồn bã, chán nản, hay vô vọng". Khách thể được yêu cầu đánh giá mức độ thường xuyên có các triệu chứng trầm cảm trong vòng 2 tuần vừa qua theo thang Likert 4 điểm với 1 là "Hoàn toàn không" và 4 là "Gần như mọi ngày". Hệ số Cronbach's alpha của thang do là 0.83.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng sự cô đơn của cộng đồng LGBT

Để tìm hiểu mức độ cô đơn của cộng đồng LGBT chúng tôi sử dụng thang do UCLA III để kiểm tra thực trạng và mức độ cô đơn, kết quả như sau:

Bảng 2. Thực trạng sự cô đơn của cộng đồng LGBT

Các nhận định	ĐTB	ĐLC
Tôi cảm thấy mình hòa hợp với mọi người xung quanh*	1,65	0,68
Tôi cảm thấy thiếu những người bạn đồng hành	2,59	0,72
Tôi chẳng có ai ở bên động viên và an ủi tôi	2,53	0,55
Tôi cảm thấy cô đơn	3,26	0,16
Tôi cảm thấy mình là một thành viên trong nhóm bạn bè*	1,93	0,76
Tôi thấy mình là người có điểm chung với mọi người xung quanh	2,36	0,86
Tôi cảm thấy không thân thiết với bất kỳ ai	2,68	0,18

ISBN: 978-604-73-8639-0

Tôi không thể chia sẻ sở thích của mình với mọi người xung quanh	2,61	1,01
Tôi đánh giá mình là người thoải mái và thân thiện*	1,98	0,96
Tôi cảm thấy mình gần gũi với mọi người	2,03	0,87
Tôi thấy mình bị bỏ rơi	2,61	0,98
Tôi cảm thấy những mối quan hệ xung quanh không đủ bền chặt, ý nghĩa	3,11	0,97
Tôi thấy không ai thực sự hiểu tôi	3,24	0,87
Tôi thấy cô độc giữa mọi người*	2,92	0,93
Tôi có thể tìm một người đồng hành bất cứ nơi nào tôi mong muốn*	2,76	0,98
Luôn có những người xung quanh sẵn sàng hiểu tôi*	2,68	0,19
Tôi cảm thấy mình xấu hổ, nhút nhát	2,67	1,26
Mọi người ở xung quanh nhưng không để tâm đến tôi	2,23	0,89
Có rất nhiều người tôi có thể nói chuyện*	2,16	0,98
Tôi có người động viên và ủng hộ tôi*	1,93	0,78
Điểm trung bình thang do	3,53	1,46

Ghi chú: *Những item có dấu * đã được đổi điểm*

Cô đơn là một cảm nhận chủ quan ở các cá nhân, nó xuất hiện khi chất lượng và số lượng tương tác xã hội của họ không được kỳ vọng. Điểm trung bình mức độ cô đơn cho thấy 224 người LGBT có ĐTB cô đơn là 3,53 ở mức cao. Trong đó, các nhận định *"Tôi cảm thấy cô đơn*" với ĐTB là 3.26; "*Tôi thấy không ai thực sự hiểu tôi"* với ĐTB là 3,24; *"Tôi thấy cô độc giữa mọi người"* với ĐTB là 2,92 là 03 nhận định có điểm trung bình cao trong tổng thang đo cô đơn. Có thể thấy, cô đơn là cảm xúc thường gặp ở người LGBT. Như vậy, đây là chỉ số cho thấy người LGBT cần nhận được sự quan tâm từ cộng đồng và các nhà chuyên môn, để giúp họ giải tỏa các cảm xúc tiêu cực ở hiện tại.

Phân loại mức độ cô đơn của khách thể nghiên cứu cho kết quả như sau:

Bảng 3. Đánh giá mức độ cô đơn của cộng đồng LGBT

Mức độ cô đơn					
Thấp		**Trung bình**		**Cao**	
Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
32	14,3	178	79,4	14	6,3

Có thể thấy, cô đơn là trải nghiệm cảm xúc phổ biến ở khá nhiều ở người LGBT, có 178 người cảm nhận ở độ trung bình và 14 người cảm nhận có mức độ cô đơn cao. Số người tự đánh giá mức độ cô đơn thấp là 32 người. Sự cô đơn có thể đi từ chính sự nhận thức nội tâm như cảm nhận sự nhút nhát trong ứng xử hoặc tự nhận mình là người cô đơn. Sự cô đơn cũng có thể xuất phát từ những cảm nhận bên ngoài khi cho rằng người khác

không hiểu mình, không còn ở bên mình. Nguyên nhân cô đơn rất đa dạng, bao gồm các yếu tố xã hội, các mối quan hệ, vấn đề tình cảm. Dù cho nguyên nhân nào thì lý do mất hoặc giảm thiểu mức độ tương tác xã hội tối ưu của con người và việc tự coi mình là cô đơn đều có thể dẫn đến cô đơn... (Trần Thị Minh Đức & Cao Quốc Thái 2018). Tìm hiểu những nguyên nhân gây nên cô đơn ở người LGBT cũng là các hướng nghiên cứu tiếp theo để các nhà khoa học lý giải thực trạng và đề ra các giải pháp phù hợp cho cộng đồng này.

3.2. Thực trạng sức khỏe tinh thần ở cộng đồng LGBT

3.2.1. Thực trạng lo âu ở cộng đồng LGBT

Bảng 4. Mức độ lo âu của cộng đồng LGBT

	Số lượng	**Phần trăm** *(%)*
Không lo âu	123	54,9
Lo âu nhẹ	61	27,3
Lo âu vừa	27	12
Lo âu nặng	13	5,8
Tổng	**224**	**100,0**

Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bảng trên cho thấy, tỷ lệ người ở cộng đồng LGBT có lo âu chiếm 45,1%, trong đó có 27,3% lo âu nhẹ; 12% lo âu vừa; lo âu nặng chiếm 5,8%.

Nghiên cứu trên thế giới cũng đã chỉ thực trạng lo âu ở cộng đồng LGBT. Các nghiên cứu của Hoa Kỳ và quốc tế đều kết luận rằng, thanh niên LGBT báo cáo tỷ lệ đau khổ về cảm xúc, các triệu chứng liên quan đến rối loạn tâm trạng và lo âu, tự làm hại bản thân cao so với thanh niên dị tính (Eskin et al., 2005), (Marshal et al., 2011).

3.2.2. Thực trạng trầm cảm ở cộng đồng LGBT

Bảng 5. Mức độ trầm cảm ở cộng đồng LGBT

	Số lượng	**Phần trăm** *(%)*
Không trầm cảm	99	44,2
Trầm cảm nhẹ	59	26,3
Trầm cảm vừa	47	21,0
Trầm cảm nặng	19	8,5
Tổng	**224**	**100,0**

Tỷ lệ trầm cảm chiếm 55,8%, trong đó nhóm người trầm cảm nhẹ chiếm 26,3%; trầm cảm vừa chiếm 21%; và trầm cảm nặng chiếm 8,5%.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Marshal và cộng sự (2011) báo cáo rằng, thanh niên thiểu số tình dục có nguy cơ tự tử cao gấp ba lần; những nhà điều tra này cũng ghi nhận sự khác biệt vừa phải về mặt thống kê về các triệu chứng trầm cảm so với thanh niên có quan hệ tình dục khác giới. Kết quả từ một nghiên cứu cho thấy: gần 18% người đồng tính đáp ứng các tiêu chí về trầm cảm nặng và 11,3% trong 12 tháng trước, và 31% trong số mẫu LGBT cho biết họ có hành vi tự tử vào một thời điểm nào đó trong đời (Kessler et al., 2012), (Nock et al., 2013).

Tóm lại, bằng chứng rõ ràng và nhất quán chỉ ra rằng các vấn đề sức khỏe tâm thần toàn cầu đang gia tăng trong giới trẻ LGBT và kết quả tương tự cũng được tìm thấy đối với số lượng nghiên cứu nhỏ hơn sử dụng tiêu chí chẩn đoán để đo lường sức khỏe tâm thần.

3.3. Mối liên hệ giữa sự cô đơn với mức độ trầm cảm, lo âu của cộng đồng LGBT

Kết quả phân tích tương quan, được trình bày ở Bảng 6, cho thấy cảm xúc cô đơn có tương quan ở mức độ mạnh cả với lo âu và trầm cảm.

Bảng 6. Tương quan giữa các biến số

Biến số	1	2	3
Sự cô đơn	1		
Lo âu	0,63**	1	
Trầm cảm	0,47**	0,53**	1

Chú thích: ***: p< 0.01*

Kết quả phân tích tương quan (Bảng 6) cho thấy, cảm xúc cô đơn có mối tương quan dương với mức độ trầm cảm, lo âu ở người LGBT (r dao động từ 0,47 đến 0,63; p < 0,01). Mối liên hệ giữa cô đơn và trầm cảm đã được xác định trong nhiều nghiên cứu (Cacioppo et al., 2016), (Trần Thị Minh Đức & Cao Quốc Thái 2018), với một số ý kiến cho rằng cô đơn là một yếu tố nguy cơ phát triển các triệu chứng trầm cảm (Fergusson et al., 2005), (Marshal et al., 2011), trong khi những người khác cho rằng mối quan hệ hai chiều, có đi có lại (Trần Thị Minh Đức & Cao Quốc Thái 2018) do đó những người bị trầm cảm có thể dễ bị cô đơn hơn, và những người cô đơn có thể trở nên trầm cảm do thiếu tiếp xúc với xã hội.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu sử dụng các thang đo có độ tin cậy cao như UCLA III, GAD - 7, PHQ - 9. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Mức độ cô đơn của cộng đồng LGBT Việt Nam ở mức độ cao. Điều này cho ta thấy, những người thuộc nhóm này đang gặp khó khăn, trở ngại. Mối quan hệ xung quanh là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến trải nghiệm cảm xúc cô đơn. Nhóm người LGBT lại

thường xuyên bị kỳ thị, định kiến, do đó, nhu cầu được chấp nhận và hòa nhập rất cao. Điều này đặt ra những yêu cầu cho xã hội, truyền thông, chính sách pháp luật cần có những biện pháp kịp thời để giảm thiểu những cảm xúc tiêu cực ở cộng đồng LGBT.

Về vấn sức khỏe tinh thần của cộng đồng LGBT chiếm tỷ lệ cao trong mẫu nghiên cứu. Kết quả cho thấy, cảm xúc cô đơn có tương quan ở mức độ mạnh cả với lo âu và trầm cảm. Như vậy, những người có khó khăn rối nhiễu về tâm lý sẽ khó kiểm soát cảm xúc của mình hơn và dễ bị tác động bởi môi trường, các mối quan hệ xã hội nên dễ gặp phải trạng thái cô đơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barg FK, Huss-Ashmore R, Wittink MN, Murray GF, Bogner HR, Gallo JJ (2006), "A mixed-methods approach to understanding loneliness and depression in older adults". *J Gerontol B Psychol Sci Soc Sci*. 61(6):S329–39. https://doi.org/10.1093/geronb/61.6.s329.
2. Cacioppo S, Grippo AJ, London S, Goossens L, & Cacioppo JT (2015), Loneliness: Clinical Import and Interventions. *Perspectives on Psychological Science*, 10(2), 238-249. 10.1177/1745691615570616.
3. Comer, R. J. (2016). *Fundamentals of Abnormal Psychology*.
4. Trần Thị Minh Đức, Cao Quốc Thái (2018), "Cảm nhận cô đơn của sinh viên và mối liên hệ giữa cảm nhận cô đơn với tự đánh giá bản thân, tiêu điểm khiếm soát bên ngoài"*, Tạp chí Tâm lý học*, Số 8 (233), tr 16 - 30.
5. Eskin M, Kaynak-Demir H, Demir S (2005), "Same-sex sexual orientation, childhood sexual abuse, and suicidal behavior in university students in Turkey". *Arch. Sex. Behav* 34:185-95.
6. Fergusson DM, Horwood LJ, Ridder EM, Beautrais AL (2005), "Sexual orientation and mental health in a birth cohort of young adults". *Psychol. Med.*35:971-81.
7. Fleming TM, Merry SN, Robinson EM, Denny SJ, Watson PD (2007), "Self-reported suicide attempts and associated risk and protective factors among secondary school students in New Zealand". *Aust. N Z J. Psychiatry*. 41:213-21.
8. Kessler RC, Avenevoli S, Costello J, Georgiades K, Green JG, et al. (2012), "Prevalence, persistence, and sociodemographic correlates of DSM-IV disorders in the National Comorbidity Survey Replication adolescent supplement". *Arch. Gen. Psychiatry.* 69:372-80.
9. Kroenke, K., Spitzer, R. L., & Williams, J. B. (2001). "The PHQ-9: validity of a brief depression severity measure". *Journal of General Internal Medicine*, 16(9), 606-613.
10. Luo Y, Hawkley LC, Waite LJ, Cacioppo JT (2011), Loneliness, health, and mortality in old age: a national longitudinal study. *Soc Sci Med.* 2012;74(6):907–14. https://doi.org/10.1016/j.socscimed.11.028.
11. Marshal MP, Dietz LJ, Friedman MS, Stall R, Smith HA (2011), "Suicidality and depression disparities between sexual minority and heterosexual youth: a meta-analytic review". *J. Adolesc. Health.*49:115-2
12. Nock MK, Green JG, Hwang I, McLaughlin KA, Sampson NA, et al. (2013), "Prevalence, correlates, and treatment of lifetime suicidal behavior among adolescents". *JAMA Psychiatry.* 70:300-10.

ISBN: 978-604-73-8639-0

13. Russell, D. W. (1996), UCLA Loneliness Scale (Version 3): "Reliability, validity, and factor structure". *Journal of Personality Assessment,* 66(1), 20-40

14. Spitzer, R. L., Kroenke, K., Williams, J. B. W., & Löwe, B. (2006), "A Brief Measure for Assessing Generalized Anxiety Disorder: The GAD-7". *Archives of Internal Medicine, 166(10),* 1092. https://doi.org/10.1001/archinte.166.10.1092

15. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2011). *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng.*

16. Weiss, R.S (1973), Loneliness: *The experiengece of emotional and socialisolation*, Cambrid, Mass: MIT Press.

ACÁC HÌNH THÁI SỬ DỤNG CHẤT MA TÚY TRONG NHÓM THANH NIÊN LGBT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

FORMS OF DRUG USE IN LGBT YOUTH GROUPS IN HO CHI MINH CITY

***Phạm Thị Thu*[*],**
***Nguyễn Thị Phượng*[**],**
***Đỗ Trinh Trong*[***]**

TÓM TẮT

Thanh niên LGBT có nguy cơ cao đối với các vấn đề sức khỏe và hành vi khác nhau, trong đó có việc sử dụng các chất ma túy. Các hình thái sử dụng ma túy phổ biến trong nhóm thanh niên LGBT bao gồm: dùng thử, dùng có mục đích, dùng nhiều và nghiện.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chính là phương pháp định lượng, với những câu hỏi cấu trúc được thực hiện trên 200 thanh niên LGBT đang sinh sống, học tập và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm tìm hiểu các lý do vì sao thanh niên LGBT lại sử dụng chất gây nghiện, từ khi bắt đầu sử dụng lần đầu tiên, cho đến khi có ý định từ bỏ và lại tiếp tục sử dụng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số thanh niên LGBT đang có nhận thức chưa chính xác và đầy đủ về ma túy nói riêng và chất gây nghiện nói chung. Điều này cũng có những ảnh hưởng nhất định đối với hình thái sử dụng hiện tại của thanh niên LGBT. Nhóm tác giả cũng đã tìm ra sự ảnh hưởng gia đình, bạn bè và cộng đồng đối với hành vi sử dụng chất gây nghiện của thanh niên nói chung và thanh niên LGBT nói riêng. Bên cạnh đó, sự sẵn có của chất gây nghiện cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hình thái sử dụng của thanh niên LGBT.

Từ khóa: *ma túy, chất gây nghiện, hình thái sử dụng ma túy, thanh niên sử dụng ma túy, thanh niên LGBT.*

ABSTRACT

LGBT youth are at high risk for various health and behavioral problems, including drug use. Common patterns of drug use among LGBT youth include: trial, intentional use, heavy use, and addiction.

The study uses the main method which is the quantitative method, with structured questions conducted on 200 LGBT youth living, studying and working in Ho Chi Minh City, in order to find out the reasons for this. Why do LGBT youth use drugs, from the time they first start using them, until they intend to give up and continue using them?

Research results show that the majority of LGBT youth have inaccurate and incomplete awareness about drugs in particular and addictive substances in general. This also has certain effects on the current usage patterns of LGBT youth. The author has also discovered the influence of family, friends and community on substance use behavior of young people in general and LGBT youth in particular. Besides, the availability of drugs is also one of the factors affecting the use patterns of LGBT youth.

Keywords: *drugs, addictive substances, forms of drug use, youth drug use, LGBT youth.*

[*] Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.
[**] HVCH Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: phuongnguyenk3@gmail.com.
[***] HVCH, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, đất nước ta đã thu được những thành tựu quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, quan hệ với nước ngoài được mở rộng. Tuy nhiên, dưới tác động của kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập và xu hướng toàn cầu hóa cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội, trong đó có việc gia tăng sử dụng chất gây nghiện, đặc biệt là ma túy.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2019, ước tính nước ta có trên 22 triệu người trong độ tuổi thanh niên, chiếm 23,8% dân số cả nước. Tuy nhiên, quá trình phát triển, thanh thiếu niên bị kìm hãm một phần do việc sử dụng các chất gây nghiện, trong đó có ma túy. Các nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy, sử dụng ma túy tạo ra những gánh nặng rất lớn về mặt sức khỏe, kinh tế và xã hội, làm suy giảm khả năng độc lập và tinh thần trách nhiệm của thanh niên khi trưởng thành và làm giảm sự tham gia của thanh niên vào các hoạt động xã hội. Số liệu năm 2010 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cũng cho thấy, tỷ lệ thanh niên từng sử dụng ma túy (cần sa, thuốc lắc, ma túy đá, ma túy tiêm) là 0,4% trong cả hai nhóm tuổi từ 16-19 và 20-24. Tỷ lệ này có thể thấp hơn thực tế do đây là các thông tin nhạy cảm, các hình thức thu thập thông tin thông thường như phát vấn hay phỏng vấn có thể không thu được số liệu chính xác.

Người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính (viết tắt là LGBT) là một nhóm thiểu số trong dân số (chiếm thiểu số bên cạnh nhóm dị tính chiếm đa số) và ngày càng hiện diện rõ nét trong xã hội. Tuy nhiên, với quan niệm truyền thống của các tầng lớp xã hội, những người LGBT thường phải đối mặt với sự kỳ thị của xã hội, phân biệt đối xử và những thách thức khác mà những người dị tính không gặp phải. Sự kỳ thị, phân biệt đối xử đối với các đối tượng này xảy ra khá phổ biến khiến cuộc sống của họ gặp phải nhiều rào cản và khó khăn hơn nữa. Bên cạnh đó, họ cũng phải đối mặt với nguy cơ bị quấy rối và bạo lực cao hơn. Do hậu quả của những điều này và các yếu tố gây căng thẳng khác, người LGBT có nguy cơ cao đối với các vấn đề sức khỏe và hành vi khác nhau, trong đó có việc sử dụng các chất ma túy.

Tuy nhiên, không phải bất cứ ai sử dụng chất gây nghiện đều là người nghiện. Có nhiều hình thái sử dụng chất gây nghiện khác nhau. Các hình thái sử dụng chất gây nghiện phổ biến bao gồm: dùng thử, dùng có mục đích, dùng nhiều và nghiện. Hình thái sử dụng chất gây nghiện sẽ khác nhau giữa những người sử dụng và đối với các dạng chất gây nghiện khác nhau tại từng thời điểm cụ thể.

Xuất phát từ thực tế này, nhóm tác giả thực hiện đề tài *"Các hình thái sử dụng ma túy trong nhóm thanh niên LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh"* để tìm hiểu các hình thái sử dụng chất ma túy phổ biến trong nhóm thanh niên LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở thực tiễn cho các hoạt động giảm thiểu tình trạng sử dụng chất ma túy trong nhóm thanh niên và là tài liệu tham khảo cho các nhà thực hành Công tác xã hội khi làm việc với đối tượng là thanh niên LGBT cũng như trong các lĩnh vực liên quan đến thanh niên sử dụng chất ma túy.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát trên 200 thanh niên LGBT đang sinh sống hoặc làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh

Để tìm hiểu các hình thái sử dụng ma túy trong nhóm thanh niên LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã sử dụng kết hợp hai phương pháp định tính và định lượng. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phân tích tư liệu sẵn có và phương pháp Công tác xã hội nhóm để can thiệp nhằm đạt được mục tiêu của nghiên cứu.

Công cụ thu thập thông tin được sử dụng đối với phương pháp định lượng trong nghiên cứu là bảng câu hỏi cấu trúc. Bảng hỏi này được xây dựng trên cơ sở của thang sàng lọc nghiện chất và được thiết kế cho người tham gia nghiên cứu trả lời trong khoảng 30-45 phút. Bên cạnh đó, việc một người có phải là người LGBT hay không chỉ được xác định khi họ tự thừa nhận. Vì lý do đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu chỉ tiêu, phi xác suất, là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên dựa trên sự tiếp cận với đối tượng được khảo sát.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức về ma túy và hành vi sử dụng ma túy của thanh niên LGBT

Kết quả của một số nghiên cứu được thực hiện trước đó cho thấy, tỷ lệ thanh thiếu niên sử dụng ma túy có thể thấp hơn so với thực tế do người được khảo sát không muốn thừa nhận với điều tra viên về tình trạng sử dụng hiện tại do e ngại các thông tin sẽ không được giữ bí mật và có thể dẫn đến các hậu quả xấu về mặt pháp luật.

Tỷ lệ thanh niên LGBT được phỏng vấn cho biết đã từng sử dụng các chất ma túy ngay khi được hỏi lần đầu tiên là khá cao, cụ thể: 6% thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu đã từng sử dụng cần sa (cỏ, tài mà, bồ đà, gai dầu,…); 4,5% thanh niên LGBT đã từng sử dụng cocain; chất ma túy được sử dụng nhiều nhất là chất kích thích dạng amphetamine (đá, thuốc lắc, hồng phiến, amphetamine, ritalin, ecstasy, X, thuốc viên giảm cân, pha lê, dexedrin methamphetamine,…) với 8% thanh niên LGBT đã sử dụng; bên cạnh đó, 7,5% thanh niên LGBT đã dùng các chất dung môi hữu cơ (keo dán gỗ, keo dán sắt, keo con chó, sơn xịt, xăng, khí cười bóng cười, oxit nitơ,…); tỷ lệ thanh niên LGBT từng sử dụng thuốc an thần (thuốc an thần hay thuốc ngủ diazepam, xanaz, dipam, seduxen, librium, dalman, ativa, halcion, miltown, thorazine, mellaril, restoril, rohypnol, GHB, phenobarbital,…) là 3%; tỷ lệ thanh niên LGBT đã sử dụng các chất gây ảo giác (ketamine, LSD, axit, nấm thần, PCP, bụi thiên thần, THC, kẹo, ke, vitamin k, 2C-B,...) là 7%; tỷ lệ này với chất dạng thuốc phiện (heroin, morphine, thuốc phiện, methadon, codein, buprenorphin,…) là 4%; không có tỷ lệ người tham gia nghiên cứu sử dụng các chất gây nghiện khác.

Bảng 1. So sánh kết quả trả lời trong hai lần được hỏi về các chất ma túy đã sử dụng

Các chất ma túy	Lần 1		Lần 2	
	N	%	N	%
Cần sa	12	6	14	7
Cocain	9	4,5	9	4,5
Chất kích thích dạng amphetamin (đá, thuốc lắc, hồng phiến,…)	16	8	19	9,5
Dung môi hữu cơ (keo, sơn xịt, xăng, bóng cười, ôxít nitơ,…)	15	7,5	17	8,5
Thuốc an thần và thuốc ngủ	6	3	6	3
Các chất gây ảo giác (ketamine, LSD, nấm thần,…)	14	7	14	7
Chất dạng thuốc phiện (heroin, morphine,…)	8	4	9	4,5
Chất khác	0	0	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

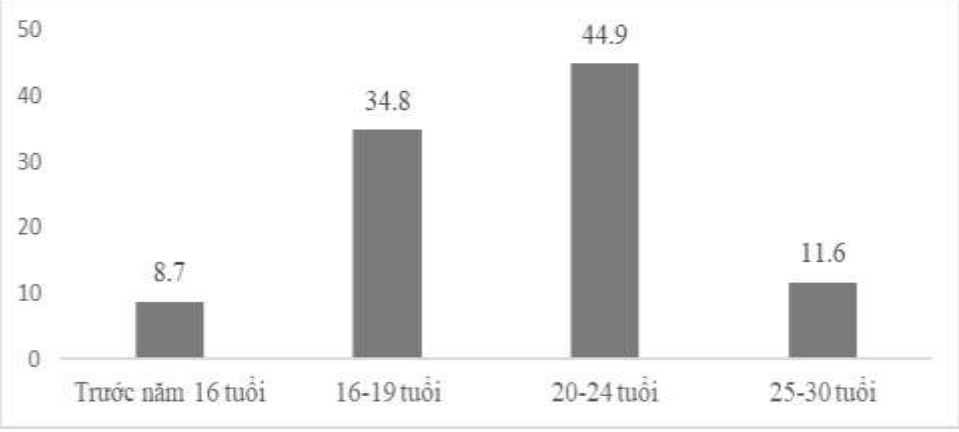
ISBN: 978-604-73-8639-0

Trong lần thứ hai được hỏi về các chất ma túy đã sử dụng, có sự thay đổi về tỷ lệ một số chất ma túy mà thanh niên LGBT đã từng sử dụng, cụ thể: tỷ lệ thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu đã từng sử dụng cần sa (cỏ, tài mà, bồ đà, gai dầu,…) tăng từ 6% lên 7%; tỷ lệ thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu đã từng sử dụng chất kích thích dạng amphetamin (đá, thuốc lắc, hồng phiến, amphetamine, ritalin, ecstasy, X, thuốc viên giảm cân, pha lê, dexedrin methamphetamine,...) tăng từ 8% lên 9,5%; tỷ lệ thanh niên LGBT đã dùng các chất dung môi hữu cơ (keo dán gỗ, keo dán sắt, keo con chó, sơn xịt, xăng, khí cười bóng cười, ôxít nitơ,…) tăng từ 7,5% lên 8,5%; tỷ lệ này với chất dạng thuốc phiện (heroin, morphine, thuốc phiện, methadon, codein, buprenorphin,…) tăng từ 4% lên thành 4,5%.

Có thể lý giải một cách đơn giản về sự thay đổi này là do sự tin tưởng của người được khảo sát với điều tra viên thực hiện khảo sát có sự thay đổi trong quá trình phỏng vấn. Những câu hỏi đầu tiên của bảng hỏi nhằm khai thác những đặc điểm cá nhân của người tham gia khảo sát, chính vì thế, ngay sau phần thu thập thông tin cá nhân, khi được hỏi về hành vi sử dụng chất ma túy, người được khảo sát sẽ có tâm lý đề phòng và không cho thông tin chính xác. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều thanh niên trong mẫu khảo sát trả lời có biết một người nào đó sử dụng ma túy. Mặc dù phạm vi của nghiên cứu không trực tiếp tìm hiểu nhóm tuổi của các đối tượng mà thanh niên LGBT biết là đã sử dụng ma túy, nhưng số liệu của nhiều nghiên cứu khác về tình trạng sử dụng ma túy cho thấy phần lớn người sử dụng ma túy là thanh thiếu niên (64,9% số người sử dụng ma túy ở độ tuổi 18-25).

3.2. Độ tuổi và lý do bắt đầu sử dụng

Tuổi trung bình bắt đầu sử dụng ma túy của thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu là 19 tuổi. Tuổi bắt đầu sử dụng chất gây nghiện càng sớm thì nguy cơ phụ thuộc/nghiện chất sẽ càng cao, mặc dù đa số thanh niên LGBT bắt đầu dùng ma túy trong độ tuổi trưởng thành (sau 18 tuổi), thế nhưng nguy cơ phụ thuộc/nghiện ma túy của thanh niên LGBT còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Phần lớn thanh niên LGBT đều bắt đầu sử dụng ma túy khi đã ở độ tuổi trưởng thành, cụ thể 44,9% thanh niên LGBT bắt đầu sử dụng ma túy trong độ tuổi 20-24 tuổi, 11,6% người bắt đầu sử dụng ma túy trong độ tuổi 25-30 tuổi. Bên cạnh đó, vẫn có tỷ lệ cao thanh niên LGBT bắt đầu sử dụng các chất ma túy khi chưa đến tuổi trưởng thành, tỷ lệ bắt đầu sử dụng ma túy trong độ tuổi 16-19 tuổi là 34,8%, thậm chí có 8,7% thanh niên LGBT bắt đầu sử dụng ma túy từ trước năm 16 tuổi.



Biểu đồ 1. Độ tuổi lần đầu sử dụng ma túy của người tham gia khảo sát

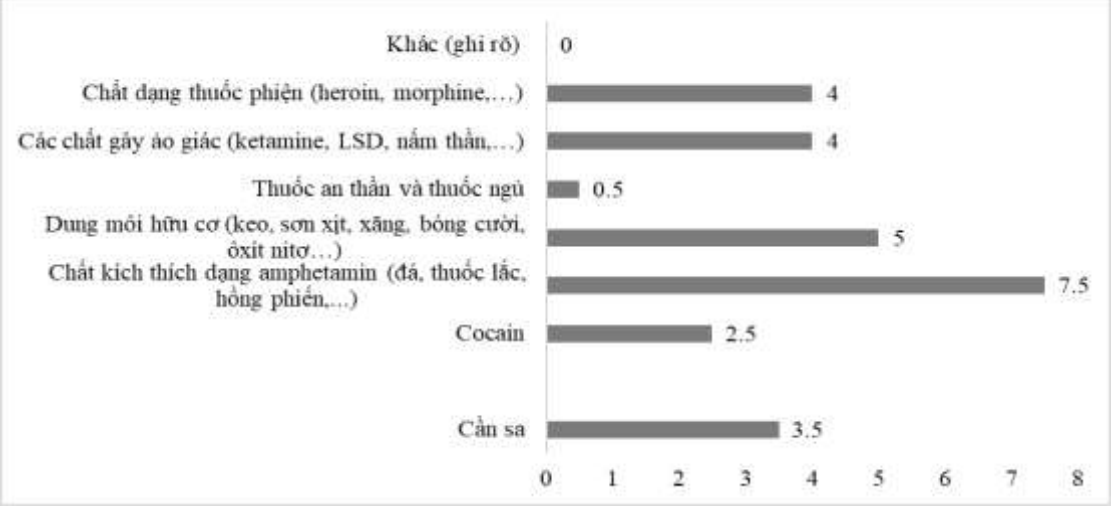
Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

Có nhiều nguyên nhân khiến người ta sử dụng ma túy, có thể kể đến như: do tò mò muốn thử, muốn gây ấn tượng cho bạn cùng lứa, nhằm giảm đau hoặc giảm trầm cảm, hoặc để trốn tránh/hay quên đi những rắc rối buồn phiền trong cuộc sống của họ. Thanh niên có thể bắt đầu sử dụng ma túy như một cách giải trí và trốn tránh những rắc rối phiền muộn, và họ cũng thường bị ảnh hưởng bởi các bạn bè cùng trang lứa. Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số thanh niên LGBT đã từng có hành vi sử dụng ma túy, lý do chính khiến thanh niên LGBT bắt đầu dùng ma túy nhiều nhất là vì tò mò muốn thử (38%*);* tiếp đến là lý do liên quan đến những người khác như: do bạn bè và mọi người xung quanh họ đều sử dụng (chiếm 26,4%), những lý do còn lại như để giải tỏa bớt căng thẳng, giảm áp lực hay để chứng tỏ bản lĩnh, gây ấn tượng chiếm tỷ lệ thấp hơn với tỷ lệ lần lượt là 20,6% và 15%. Có thể thấy, phần lớn thanh niên LGBT bắt đầu sử dụng ma túy với hình thái là dùng thử: dùng vì tò mò, dùng vì do bạn bè và mọi người xung quanh họ đều sử dụng, nhưng cũng vẫn có tỷ lệ thanh niên LGBT ngay trong lần đầu tiên sử dụng đã có mục đích: để giải tỏa bớt căng thẳng, giảm áp lực hay để chứng tỏ bản lĩnh, gây ấn tượng.

3.3. Các hình thái sử dụng ma túy và tỷ lệ tương ứng

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ sử dụng ma túy trong nhóm thanh niên LGBT là rất cao, có đến 34% thanh niên LGBT được khảo sát trả lời rằng đã từng sử dụng qua ma túy, nghĩa là trung bình cứ 3 thanh niên LGBT lại có 1 người đã từng sử dụng ma túy.

Biểu đồ 2. Các chất ma túy được sử dụng trong 3 tháng vừa qua của người tham gia khảo sát



Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

Các câu hỏi trong khảo sát nhằm tìm hiểu về việc sử dụng các chất ma túy từ trước đến nay và trong ba tháng vừa qua của thanh niên LGBT. Điều này giúp cho tác giả không chỉ thu thập được thông tin liên quan đến tình trạng sử dụng các chất ma túy ở thời điểm hiện tại của thanh niên LGBT mà còn nắm được những thông tin ngắn gọn về lịch sử sử dụng chất của khách hàng, về những chất gây nghiện mà người được hỏi từng sử dụng trong cuộc đời, kể cả đối với những chất chỉ sử dụng một lần duy nhất. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ thanh niên LGBT cho biết đã từng sử dụng các chất ma túy là 34%, tỷ lệ này giảm xuống còn 23,5% đối với hành vi sử dụng trong vòng 3 tháng vừa qua.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Tỷ lệ các chất ma túy được sử dụng trong 3 tháng vừa qua cũng có sự thay đổi, chất ma túy được sử dụng nhiều nhất trong vòng 3 tháng trở lại đây là chất kích thích dạng amphetamin (đá, thuốc lắc, hồng phiến,...) với 7,5% thanh niên LGBT sử dụng; tiếp đến là dung môi hữu cơ (keo, sơn xịt, xăng, bóng cười, ôxít nitơ,…) với tỷ lệ thanh niên LGBT có sử dụng là 5%; các chất gây ảo giác (ketamine, LSD, nấm thần,…)và chất dạng thuốc phiện (heroin, morphine,…) có cùng tỷ lệ sử dụng với 4%; tỷ lệ sử dụng đối với các chất cần sa, cocain, thuốc an thần/thuốc ngủ lần lượt là 3,5%, 2,5% và 0,5%.

Mặc dù tỷ lệ người đã từng có hành vi sử dụng ma túy chiếm 34% thanh niên LGBT tham gia khảo sát, thế nhưng, tại thời điểm khảo sát lại có 10,5% thanh niên LGBT đã từng sử dụng ma túy trả lời trong 3 tháng trở lại đây không có lần nào sử dụng; điều này có nghĩa là, tại thời điểm khảo sát, họ không thường xuyên sử dụng ma túy, rất hiếm khi họ mới sử dụng hoặc không còn tiếp tục sử dụng nữa. Với tần suất sử dụng không liên tục, có thể thấy, họ thuộc nhóm có hành vi sử dụng ma túy với mức độ không thường xuyên, thỉnh thoảng khi có dịp hoặc họ chỉ dùng thử chứ không liên tục. Hình thái sử dụng ma túy tương ứng của thanh niên LGBT thuộc nhóm này là dùng thử hoặc sử dụng có mục đích.

Bảng 2. Mức độ thường xuyên sử dụng các chất ma túy của người tham gia khảo sát

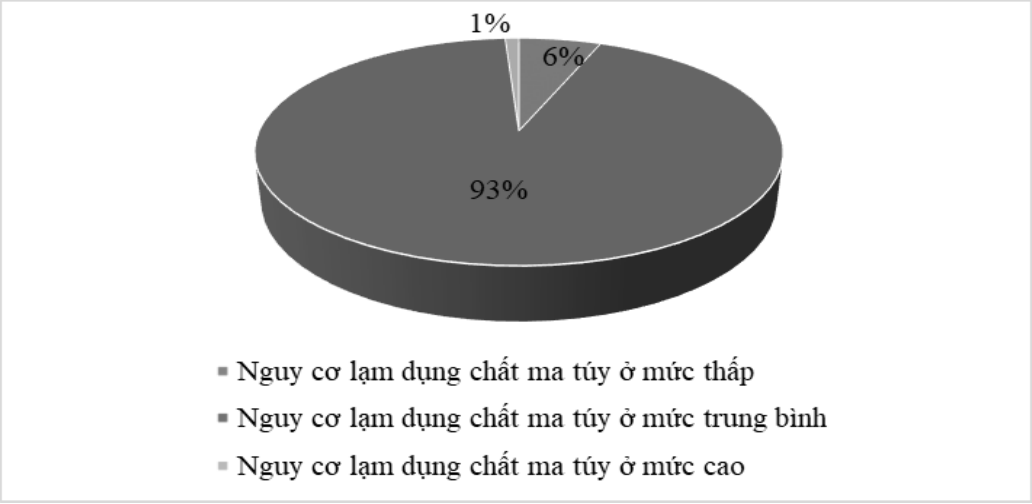
Mức độ thường xuyên sử dụng	Không lần nào		Ít hơn hàng tháng		Hàng tháng		Hàng tuần		Hầu như hàng ngày		Tổng cộng	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Cần sa	0	0	4	57.1	1	14.3	2	28.6	0	0	8	100
Cocaine	0	0	1	20	3	60	1	20	0	0	5	100
Hồng phiến/ Đá/ Thuốc lắc	0	0	5	33.3	10	66.7	0	0	0	0	15	100
Keo/Khí cười/ Bóng cười/Xăng	0	0	6	60	4	40	0	0	0	0	10	100
LSD/Nấm thần/ Ketamine	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100
Thuốc an thần/ thuốc ngủ	0	0	2	25	5	62.5	1	10.5	0	0	8	100
Chất dạng thuốc phiện	0	0	2	25	4	50	2	25	0	0	8	100
Chất khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

Kết quả phân tích cho thấy, mức độ thường xuyên sử dụng của thanh niên LGBT với các chất có sự khác nhau, tần suất sử dụng phổ biến là ít hơn hàng tháng hoặc hàng tháng, không có tỷ lệ sử dụng với mức độ hầu như hàng ngày. Có thể nói, tần suất sử dụng là căn cứ quan trọng để xem xét đến hình thái sử dụng cũng như nguy cơ lạm dụng hoặc nghiện chất đối với người có hành vi sử dụng ma túy. Bên cạnh đó, phần câu hỏi dành cho người có hành vi sử dụng các chất ma túy trong bảng hỏi khảo sát của nghiên cứu được tác giả thiết kế dựa trên công cụ ASSIST- thang đánh giá mức độ nguy cơ sử dụng chất, đây là công cụ phổ biến được sử dụng để sàng lọc nguy cơ lạm dụng thuốc lá, rượu và các chất gây nghiện khác. Công cụ ASSIST với 8 câu hỏi, mỗi phương án trả lời trong từng câu hỏi sẽ được quy định một số điểm cụ thể. Với tổng cộng 8 câu hỏi, mức độ nguy cơ sử dụng chất sẽ được phân chia thành 3 nhóm như sau:

- 0-3 điểm: nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức thấp
- 4-26 điểm: nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức trung bình
- ≥ 27 điểm: nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức cao

Thông tin thu thập được dựa trên đánh giá mức độ nguy cơ sử dụng chất khi dùng công cụ ASSIST cho thấy, có đến 93% thanh niên LGBT tham gia trong nghiên cứu có nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức độ trung bình, 6% có nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức độ thấp, chỉ có 1% thanh niên LGBT có nguy cơ lạm dụng chất ma túy ở mức độ cao.



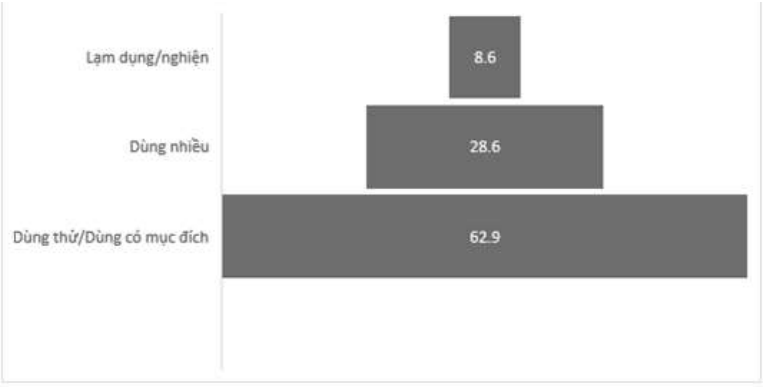
Biểu đồ 3. Nguy cơ lạm dụng chất ma túy của thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu

Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

Căn cứ theo ICD-10 (Tiêu chuẩn Phân loại bệnh tật quốc tế), lạm dụng chất hay sử dụng chất có hại đặc trưng bởi sự tiêu thụ lặp đi lặp lại chất gây ra những tổn thương thực thể, tâm lý, xã hội đối với chính người sử dụng hoặc đối với xung quanh, mặc dù vẫn chưa đến mức độ lệ thuộc. Đặc tính bệnh lý của sự lạm dụng chất là cùng lúc xác định bởi sự sử dụng lặp đi lặp lại và những rắc rối, tổn hại do sự lạm dụng này gây ra. Sự tiêu thụ lặp đi lặp lại chất ma túy của thanh niên LGBT đã được thể hiện rõ khi mà tần suất sử dụng phổ biến là ít hơn hàng tháng hoặc hàng tháng, tuy nhiên, một điểm đáng lưu ý là đa số thanh niên LGBT được phỏng vấn đều chỉ nhìn nhận việc sử dụng các chất ma túy gây nên các vấn đề pháp luật hoặc kinh tế (như bị công an bắt hay tốn tiền) chứ không thừa nhận các vấn đề đối với sức khỏe, gia đình và xã hội do việc sử dụng ma túy của họ gây nên. Chính vì vậy, việc nhận diện chính xác hình thái sử dụng ma túy của thanh niên LGBT gặp phải một số khó khăn nhất định. Với nguy cơ lạm dụng ma túy ở mức độ trung bình chiếm tỷ lệ rất cao trong nhóm thanh niên LGBT có hành vi sử dụng ma túy, hình thái sử dụng của nhóm này không nhất thiết là dùng nhiều, vẫn có tỷ lệ những người sử dụng với hình thái là sử dụng có mục đích hoặc nghiện.

Biểu đồ hình thái sử dụng ma túy của thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu mở rộng ở phần đáy, càng lên đỉnh thì càng thu nhỏ. Có thể nói, trong nhóm thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu, dùng thử và dùng có mục đích là hình thái sử dụng phổ biến nhất đối với ma túy (62,9%); tiếp đến là tỷ lệ thanh niên LGBT sử dụng ma túy với hình thái dùng nhiều (28,6%), chiếm tỷ lệ thấp nhất là hình thái sử dụng ở mức độ lạm dụng/nghiện với 8,6%.

ISBN: 978-604-73-8639-0



Biểu đồ 4. Hình thái sử dụng ma túy của thanh niên LGBT tại thời điểm khảo sát

Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2020

3.4. Trải nghiệm khi sử dụng và ảnh hưởng của ma túy đối với cuộc sống

Việc sử dụng ma túy cũng có những ảnh hưởng nhất định đến cuộc sống của thanh niên LGBT tham gia nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, có đến 75,9% thanh niên LGBT có sử dụng ma túy trong 3 tháng vừa qua đã gặp phải các vấn đề đối với sức khỏe, gia đình, xã hội, pháp luật hoặc kinh tế do sử dụng ma túy mà ra; 74,1% người có sử dụng ma túy trong 3 tháng vừa qua không làm được những công việc đã dự định làm trước đó. Tần suất với từng trải nghiệm cụ thể có sự khác nhau, cụ thể đối với trải nghiệm *"việc sử dụng ma túy gây nên các vấn đề đối với sức khỏe, gia đình, xã hội, pháp luật hoặc kinh tế"*: có 24,1% thanh niên LGBT chưa bao giờ có trải nghiệm này trong vòng 3 tháng vừa qua, tỷ lệ thanh niên có trải nghiệm này ít hơn hàng tháng là 29,6%, 35% có trải nghiệm này với tần suất là hàng tháng, 11% trải nghiệm hàng tuần và không có tỷ lệ thanh niên có trải nghiệm này hằng ngày hoặc gần như hằng ngày.

Theo thiết kế của công cụ ASSIST, hai câu hỏi về những trải nghiệm nêu trên không được thực hiện với những người đã trả lời không có hành vi sử dụng chất ma túy trong 3 tháng vừa qua. Chính vì vậy, kết quả khảo sát đã không thu thập được thông tin liên quan đến trải nghiệm của tất cả những người tham gia nghiên cứu đã từng có hành vi sử dụng ma túy. Rất có thể 10,5% thanh niên LGBT trả lời trong 3 tháng trở lại đây không có lần nào sử dụng cũng đã từng có những trải nghiệm này trước đó. So với tỷ lệ đã từng có những trải nghiệm này thì tỷ lệ không hoặc chưa chiếm tỷ lệ thấp hơn.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, bước đầu có thể nhận định, thanh niên LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ sử dụng chất gây nghiện cao, trong đó có ma túy với các hình thái sử dụng khác nhau. Để có thể giảm thiểu tình trạng sử dụng ma túy cũng như giảm thiểu việc diễn tiến sang hình thái sử dụng cao hơn, điều quan trọng là phải thay đổi nhận thức của người đang sử dụng hoặc người có nguy cơ sử dụng, giúp họ hiểu đúng bản chất của chất ma túy. Các hoạt động can thiệp được thực hiện phù hợp với kết quả sàng lọc mức độ nguy cơ sử dụng ma túy của nhóm thân chủ đã tạo ra những chuyển biến nhất định, tạo cơ sở tốt cho các chương trình can thiệp và trị liệu về sau và cần có vai trò của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực này.

4.2. Khuyến nghị

Trong quá trình làm việc với các bạn LGBT sử dụng ma túy, nhân viên hỗ trợ xã hội có thể là nhân viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác xã hội, cán bộ y tế,... có kinh nghiệm chuyên môn và được đào tạo cơ bản về các kiến thức, kỹ năng hỗ trợ xã hội với người nghiện chất. Nhân viên xã hội sẽ hỗ trợ các bạn nâng cao khả năng giải quyết vấn đề, kết nối, điều phối các nguồn lực nhằm hỗ trợ thanh niên nói riêng và người sử dụng chất gây nghiện nói chung giải quyết vấn đề và đáp ứng những nhu cầu thiết thực của họ. Ngoài ra, nhân viên hỗ trợ xã hội còn tương tác với các nhóm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình,... nhằm tạo ra môi trường hỗ trợ tốt nhất cho người sử dụng chất gây nghiện trước, trong và sau khi can thiệp hoặc điều trị.

Cung cấp tập huấn kỹ năng tương tác xã hội: Tập huấn kỹ năng tương tác xã hội được áp dụng để giúp thanh niên sử dụng chất gây nghiện hòa nhập, giải trí và đối phó với những tình huống căng thẳng khi tương tác với người khác mà không phải tìm đến chất gây nghiện. Mục tiêu là giúp thanh niên trải nghiệm những tác động tích cực nhiều hơn thay vì các tác động tiêu cực, có hại từ việc tương tác với người xung quanh.

Khuyến khích một lối sống cân bằng: Các nỗ lực điều trị, phục hồi và dự phòng tái nghiện nên giải quyết tất cả các khía cạnh sinh học, tâm lý, xã hội và tinh thần trong cuộc sống của thanh niên. Nhân viên xã hội cần giúp cho họ biết giá trị của các hoạt động giải trí, sở thích và cách kết hợp chúng vào chương trình phục hồi của họ. Nhiều hoạt động giải trí có thể tạo cơ hội cho thanh niên học hỏi hoặc thực hành các kỹ năng xã hội như học cách hợp tác, làm việc theo nhóm, cạnh tranh lành mạnh và khả năng lãnh đạo.

Điều trị/can thiệp với các bạn sử dụng ma túy cần mang tính hợp tác với các thành viên của gia đình, cộng đồng (như các dịch vụ y tế khác, tổ chức phi chính phủ, nhóm tự lực, người có uy tín trong làng, xã,…) để tạo mạng lưới hỗ trợ tốt cho bệnh nhân, không chỉ khi bệnh nhân ở phòng khám mà cả khi họ về lại với cộng đồng. Kết nối tốt với các nguồn lực tại gia đình và cộng đồng là điều kiện quan trọng để điều trị đạt được hiệu quả lâu dài và bền vững

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Xuân Mai (chủ biên) (2013), *Giáo trình chất gây nghiện và xã hội*, NXB Lao động Xã hội.
2. Blum R và Peggy Mann (2001), *Reducing the Risk: Connections that Make a Difference in the Lives of Youth,* Đại học Minnesota.
3. Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC) (2017), *Báo cáo toàn cầu về ma túy,* https://www.unodc.org/wdr2017/index.html.
4. Cục Phòng, Chống tệ nạn xã hội/Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2005), *Báo cáo về tình hình sử dụng ma túy*.
5. Nguyễn Thị Phượng (2020), *Các hình thái sử dụng chất gây nghiện trong nhóm thanh niên LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh.* Luận văn, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.
6. Tổng cục Thống kê, *Điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009.*
7. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (2010), *Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam lần thứ 2 (SAVY 2).*

NHỮNG THÁCH THỨC CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TRONG TIẾP CẬN DỊCH VỤ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

CHALLENGES OF HEX, BISEXUAL AND TRANSGENDER PEOPLE IN ACCESSING SOCIAL SERVICES IN VIETNAM TODAY

Nguyễn Thị Phương Mai*

TÓM TẮT

Hiện nay, sự tồn tại của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ngày càng hiện hữu trong đời sống xã hội Việt Nam. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra nhu cầu cần hỗ trợ của nhóm đối tượng này với các dịch vụ xã hội. Tuy nhiên, những thách thức về cơ hội việc làm, cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế - chăm sóc sức khỏe, tư vấn pháp lý, hỗ trợ tâm lý,… đã làm cho người đồng tính, song tính và chuyển giới chưa tiếp cận được và gặp nhiều khó khăn, thách thức khi sử dụng các loại hình dịch vụ trợ giúp này. Bài viết dưới đây sẽ đi sâu phân tích những thách thức của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong tiếp cận các dịch vụ xã hội ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội dành cho nhóm LGBT ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: *LGBT, thách thức, tiếp cận, dịch vụ xã hội.*

ABSTRACT

Currently, the existence of gay, bisexual and transgender (LGBT) people is increasingly present in Vietnamese social life. Many studies have shown the need for support of this group of people with social services. However, challenges in terms of job opportunities, access to education, health care, legal advice, psychological support, etc. have made gay, bisexual and transgender people not yet access and encounter many difficulties and challenges when using these types of support services. The following article will analyze in depth the challenges of gay, bisexual and transgender people in accessing social services in Vietnam today. On that basis, the author analyzes some solutions to improve the efficiency in accessing social services for LGBT groups in our country today.

Keywords: *LGBT, challenges, access, social services.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cho đến nay, chưa có số liệu thống kê chính xác về người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Việt Nam nhưng sự tồn tại của họ ngày càng trở nên rõ nét trong đời sống xã hội. Nhóm LGBT được xem là một nhóm thiểu số, họ thường xuyên phải chịu sự kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực dựa trên xu hướng tính dục của họ (UNDP, 2014). Sự kỳ thị không chỉ đến từ xã hội mà đến từ chính người thân, gia đình họ. Để được gia đình, xã hội chấp nhận là cả một hành trình dài. Có nhiều người trong cộng đồng LGBT vẫn chưa dám hoặc chưa thể công khai giới tính thật của mình. Chính sự kỳ thị đó đã làm cho cơ hội có việc làm, cơ hội được học tập, cơ hội được chăm sóc sức khỏe hay hỗ trợ pháp lý,… của người đồng tính, song tính và chuyển giới gặp rất nhiều khó khăn.

Từ thực tiễn đó, nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm giúp cộng đồng và xã hội có được nhìn nhận đúng hơn về cộng đồng LGBT cũng như những nhu cầu của nhóm đối tượng này đối

* Tiến sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Công đoàn. Email: nguyenphuongmai171@gmail.com.

với cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội hỗ trợ. Những phân tích dưới đây sẽ tập trung vào tìm hiểu và làm rõ những thách thức của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong tiếp cận các dịch vụ xã hội ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, bài viết phân tích một số gợi ý về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội dành cho nhóm LGBT ở nước ta hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết dựa vào việc tổng thuật và phân tích tài liệu các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước từ năm 1995 đến nay liên quan đến những thách thức của người đồng tính, song tính và chuyển giới khi tiếp cận các dịch vụ xã hội. Trên cơ sở tổng quan tài liệu, tác giả tổng hợp và phân tích những vấn đề và thách thức đặt ra đối với nhóm LGBT khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao cơ hội và khả năng tiếp cận của nhóm LGBT trong giai đoạn hiện nay.

3. NHỮNG THÁCH THỨC CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TRONG TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong phạm vi nội dung bài viết này, tác giả làm rõ một số thách thức trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam hiện nay:

3.1. Thách thức trong tiếp cận việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm

Lực lượng lao động ngày nay đang trở nên đa dạng hơn về giới tính, dân tộc, tôn giáo cũng như xu hướng tình dục. Có nhiều bằng chứng cho thấy, những người đồng tính phải đối mặt với sự phân biệt đối xử tại nơi làm việc và rào cản khi tiếp cận việc làm (Karel Fric, 2019). Bởi vì, việc tiết lộ xu hướng tình dục của một người có thể làm tăng nguy cơ bị xã hội từ chối, định kiến và phân biệt đối xử (Chaudoir, Fisher, 2010). Chính vì vậy, họ có nhiều khả năng che giấu bản thân do sợ bị phân biệt đối xử và kỳ thị cũng như bị buộc thôi việc cho đến việc bị sa thải trong công việc (Ragins, Cornwell, 2001; Emir Ozeren, 2014). Các hành vi như: từ chối thăng chức của một nhân viên vì họ là người đồng tính, song tính và chuyển giới; phân biệt đối xử về các điều khoản, điều kiện hoặc đặc quyền trong việc làm, cung cấp mức lương thấp hơn cho một nhân viên vì xu hướng tình dục của họ hoặc từ chối quyền lợi bảo hiểm sức khỏe vợ/chồng cho nhân viên nữ vì người phối ngẫu hợp pháp của cô ấy là phụ nữ, trong khi cung cấp bảo hiểm sức khỏe vợ chồng cho một nhân viên nam có vợ hợp pháp là một phụ nữ; quấy rối nhân viên vì xu hướng tình dục của họ, như sử dụng các thuật ngữ xúc phạm, nhận xét có khuynh hướng tình dục hoặc nhận xét, chê bai khi kết giao với một người cùng giới hoặc khác giới (EEOC-NVTA, 2014),...

Sự phân biệt đối xử với người LGBT tại nơi làm việc là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự khác biệt về kinh tế - xã hội đối với nhóm LGBT (McGarrity, 2014). Có 42% đến 68% cá nhân LBGT bị phân biệt đối xử trong việc làm (Badgett, 2012, Fassinger, 2007); hay sự phân biệt đối xử về tiền lương (Badget, 2003; Elmslie & Tebaldi, 2007); thiếu phúc lợi xã hội như nghỉ phép y tế chăm sóc gia đình, nghỉ mất sức, chăm sóc con cái, trợ cấp cho bạn tình đồng giới,... (Fassinger, 2008); 90% người chuyển giới cho biết họ từng bị quấy rối, ngược đãi hoặc phân biệt đối xử tại nơi làm việc do bản dạng giới của họ (Grant và cộng sự, 2011); 47% người chuyển giới cho biết họ bị phân biệt đối xử trong tuyển dụng, sa thải và thăng chức; 25% cho biết họ đã bị mất việc làm do bị phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới của họ (Grant và cộng sự, 2011). Waldo (1999) đã chứng minh mối quan hệ giữa môi trường tổ chức của người sử dụng lao động và trải nghiệm

ISBN: 978-604-73-8639-0

về chủ nghĩa dị tính tại nơi làm việc, sau đó, có liên quan đến các kết quả bất lợi về tâm lý, sức khỏe và công việc ở những người nhân viên LGBT. Kết quả của Badget (1995) cũng cho thấy, lao động đồng tính nam và lao động lưỡng tính kiếm được ít hơn từ 11% đến 27% so với lao động nam dị tính có cùng kinh nghiệm, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân và khu vực cư trú.

Kết quả nghiên cứu của iSEE Việt Nam (iSEE, 2015) cũng cho thấy, với nhóm đồng tính và song tính: 19,25% cho rằng họ bị từ chối nhận vào làm trong khi đủ điều kiện làm việc; 7,45% cho rằng họ bị đuổi việc; 11,95% cho rằng họ bị trả lương kém hơn so với người cùng vị trí, năng lực; 15,6% cho rằng họ bị hạn chế trong việc thăng tiến; 11,97% cho rằng họ bị buộc phải chuyển sang vị trí công việc khác; 13,52% cho rằng họ bị buộc phải mặc đồng phục theo giới tính không mong muốn; 2,45% cho rằng họ không được giải quyết bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; 44,07% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp; 29,27% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ sếp và 26,82% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ phía khách hàng, đối tác.

Với nhóm chuyển giới nam và chuyển giới nữ: 56,5% cho rằng họ bị từ chối nhận vào làm trong khi đủ điều kiện làm việc; 13,7% cho rằng họ bị đuổi việc; 20,8% cho rằng họ bị trả lương kém hơn so với người cùng vị trí, năng lực; 45,45% cho rằng họ bị hạn chế trong việc thăng tiến; 22,5% cho rằng họ bị buộc phải chuyển sang vị trí công việc khác; 45,85% cho rằng họ bị buộc phải mặc đồng phục theo giới tính không mong muốn; 8,5% cho rằng họ không được giải quyết bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; 67,3% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp; 50,65% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ sếp 47,27% cho rằng họ nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ phía khách hàng, đối tác.

Bảng 1. Thách thức trong tiếp cận việc làm của nhóm LGBT

	Đồng tính, song tính *(nam/nữ)*	**Chuyển giới** *(nam/nữ)*
Bị từ chối nhận vào làm trong khi đủ điều kiện	19,25%	56,5%
Bị đuổi việc	7,45%	13,7%
Bị trả lương kém hơn so với người cùng vị trí, năng lực	11,95%	20,8%
Bị hạn chế thăng tiến	15,6%	45,45%
Bị buộc chuyển sang vị trí công việc khác	11,97%	22,5%
Bị buộc phải mặc đồng phục theo giới tính không mong muốn	13,52%	45,85%
Không giải quyết bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	2,45%	8,5%
Nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp	44,07%	67,3%
Nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ sếp	29,27%	50,65%
Nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ khách hàng, đối tác	26,82%	47,27%

(Nguồn: Tác giả xử lý từ số liệu của iSEE, Có phải vì tôi là LGBT?, 2015)

Kết quả cho thấy, giữa hai nhóm đồng tính, song tính và chuyển giới có sự khác biệt khá lớn về mức độ phân biệt đối xử. Cơ hội việc làm với người đồng tính vẫn nhiều hơn người chuyển giới, đặc biệt là đối với nhóm từ nam sang nữ. Khác với người đồng tính có thể che dấu khuynh hướng tình dục, người chuyển giới có khát khao thể hiện ra ngoài nên không thể che giấu bản dạng giới, vì vậy, họ thường gánh chịu sự kỳ thị, phân biệt đối xử nặng nề và nghiêm trọng hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ người chuyển giới bị từ chối khi xin việc khi đủ điều kiện cao hơn rất nhiều so với nhóm đồng tính, song tính (56,5% và 19,25%). Những người chuyển giới nam và nữ cũng phải chịu sự phân biệt, kỳ thị rất lớn từ việc trả lương (20,8%), thăng tiến trong công việc (45,45%) hay việc phải nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ đồng nghiệp, từ lãnh đạo, từ phía khách hàng (tương tứng với 67,3% - 50,65% - 47,27%)...

Như vậy, những người đồng tính, song tính và chuyển giới còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức khi tiếp cận với môi trường làm việc cũng như các dịch vụ hỗ trợ việc làm cho họ. Đối với nhóm LGBT, cơ hội có việc làm của họ bị từ chối vì lý do xu hướng tính dục và bản dạng giới vẫn là một vấn đề chưa được gợi mở nhiều trong bối cảnh văn hóa của Việt Nam hiện nay. Việc phải che giấu bản thân hay sự lẩn tránh càng làm cho những người đồng tính, song tính và chuyển giới gặp nhiều khó khăn và áp lực trong công việc và cuộc sống. Chỉ khi nào họ sẵn sàng chia sẻ trong môi trường làm việc, trong những mối quan hệ xã hội về con người thật của chính mình thì họ mới có thể tạo dựng được sự gắn kết với công việc, môi trường làm việc, nâng cao hiệu quả lao động của bản thân và có được cuộc sống tinh thần thoải mái. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền để các đơn vị, doanh nghiệp, người sử dụng lao động,... đảm bảo không được "phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân..." (Luật Lao động, 2019), đồng thời, phát huy vai trò của các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp,... giúp cho nhóm LGBT có thể tiếp cận với công việc thuận lợi và hiệu quả cũng như khuyến khích nhóm LGBT tham gia xác định, giải quyết các rào cản tiềm ẩn đối với sự thành công và phát triển nghề nghiệp của bản thân.

3.2. Thách thức trong tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

Quyền được chăm sóc sức khỏe được coi là của toàn dân. Thực tế, nhiều quốc gia đang vi phạm các quyền cơ bản của con người, đặc biệt là đối với các nhóm xã hội thiểu số như đồng tính, song tính và chuyển giới (Grayce A. Albuquerque và cộng sự, 2016). Họ phải sự chịu định kiến và phân biệt đối xử trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ này.

Việc phân biệt đối xử dẫn đến những tác động tiêu cực tới sức khỏe của nhóm LGBT, hạn chế cơ hội và khả năng tiếp cận của họ với các nguồn lực quan trọng trong các lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe. Các nghiên cứu cho thấy, nhóm LGBT gặp khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ y tế do thái độ khác biệt của các chuyên gia y tế cũng như sự phân biệt đối xử khi chăm sóc sức khỏe, 18% nhóm LGBT cho rằng họ tránh chăm sóc sức khỏe do bị phân biệt đối xử (Logan S. Casey và cộng sự, 2019). Sự phân biệt đối xử đó là vi phạm nhân quyền trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế (Grayce A. Albuquerque và cộng sự, 2016). Shabab Ahmed và Caitlin Rooney (2017) đã chỉ ra các dạng phân biệt đối xử mà nhóm LGBT phải đối mặt khi tìm kiếm dịch vụ chăm sóc sức khỏe đó là:

(1) *Đối với nhóm đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và đồng tính luyến ái:* 8% nói rằng bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác từ chối gặp họ vì xu hướng tình dục thực tế hoặc nhận thức của họ; 6% nói rằng bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác từ chối cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên quan đến xu

ISBN: 978-604-73-8639-0

hướng tình dục thực tế hoặc nhận thức của họ; 7% nói rằng bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác từ chối công nhận gia đình của họ, bao gồm một đứa trẻ hoặc vợ/chồng đồng giới hoặc bạn tình; 9% nói rằng bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác đã sử dụng ngôn từ thô bạo hoặc lạm dụng khi điều trị cho họ; 7% nói rằng họ đã trải qua sự tiếp xúc thân thể không mong muốn từ bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác (như mơn trớn, tấn công tình dục hoặc cưỡng hiếp).

(2) *Đối với nhóm chuyển giới:* 29% cho biết bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác từ chối gặp họ vì lý do nhận dạng giới tính thực tế hoặc nhận thức của họ; 12% cho biết bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác từ chối cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên quan đến chuyển đổi giới tính cho họ; 23% cho biết bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác đã cố tình chuyển hướng sai hoặc sử dụng tên sai; 21% cho biết bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác đã sử dụng ngôn từ thô bạo hoặc lạm dụng khi điều trị cho họ; 29% nói rằng họ đã trải qua sự tiếp xúc cơ thể không mong muốn từ bác sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác (như mơn trớn, tấn công tình dục hoặc cưỡng hiếp) (Shabab Ahmed Mira, Caitlin Rooney, 2018).

Nghiên cứu về phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam cũng cho kết quả như sau:

Bảng 2. Thách thức trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế của nhóm LGBT

	Đồng tính, song tính *(nam/nữ)*	**Chuyển giới** *(nam/nữ)*
Bị từ chối, khó khăn khi điều trị cấp cứu (bởi lễ tân, y tá, bác sĩ...)	2,67%	11,2%
Bị từ chối, khó khăn khi khám, điều trị không phải cấp cứu (bởi lễ tân, y tá, bác sĩ...)	4,92%	13%
Bị ép buộc, gợi ý phải thực hiện kiểm tra tâm lý, xét nghiệm	4,02%	12%
Bị xúc phạm bằng lời nói	20,32%	35,25%
Nhận lời khuyên không liên quan tới việc khám, điều trị	11,27%	28,25%
Bị tò mò quá mức về chuyện cá nhân	32,3%	51,7%
Các nhu cầu riêng biệt không được xem xét (ví dụ liên quan tới người chuyển giới)	5,75%	33,05%
Nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ các nhân viên y tế	18,15%	46,25%

(Nguồn: Tác giả xử lý từ số liệu của iSEE, Có phải vì tôi là LGBT?, 2015)

Đối với nhóm đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính nữ và song tính nam: 2,67% cho rằng họ bị từ chối, gặp khó khăn khi điều trị cấp cứu bởi nhân viên lễ tân, y tá, bác sĩ; 4,92% cho rằng họ bị từ chối, khó khăn khi khám, điều trị không phải cấp cứu bởi lễ nhân, y tá, bác sĩ; 4,02% bị ép buộc, gợi ý thực hiện các kiểm tra tâm lý, xét nghiệm; 20,32% bị xúc phạm bằng lời nói; 11,27% nhận lời khuyên không liên quan tới việc khám, điều trị; 32,3% bị tò mò quá mức về chuyện cá nhân; 5,75% các nhu cầu riêng biệt không được xem xét; 18,15% nghe, nhìn thấy những nhận xét, hành động tiêu cực từ các nhân viên y tế.

7dạng và bao dung nhưng kết quả nghiên cứu trên đã chỉ ra không hẳn như vậy. Những cử chỉ, điệu bộ, kiểu tóc, trang phục, sự bắt nạt, sự quấy rầy,... là yếu tố khiến LGBT bị phân biệt và gây áp lực nhiều nhất. Điều này đã làm cho những người đồng tính, song tính và chuyển giới không thể tập trung khi học (40,6%), đầu óc luôn căng thẳng (47,2%) (CCIHP, 2012). Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng, nếu họ bị trở thành nạn nhân, họ có nhiều khả năng: bỏ học, tỷ lệ nghỉ học cao hơn, có mức độ trầm cảm và lo lắng cao hơn, suy giảm khả năng học tập, kết quả học tập sa sút,...

Tại Điều 13 - Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân được nêu trong Luật Giáo dục (2019) nhấn mạnh: Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập (Luật Giáo dục, 2019).

Các nghiên cứu đã cho thấy, nhóm LGBT còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận với cơ hội giáo dục. Do vậy, để đảm bảo quyền và cơ hội cho những người đồng tính, song tính và chuyển giới có thể tiếp cận với cơ hội giáo dục một cách công bằng và bình đẳng, cần phải: (1) thúc đẩy các môi trường giáo dục và học tập an toàn hơn, hỗ trợ hơn bằng cách phát triển và thực hiện các chính sách bảo vệ nhóm LGBT khỏi bị phân biệt đối xử, bạo lực và bắt nạt cùng với việc thiết lập các phương pháp thúc đẩy môi trường học tập; (2) đánh giá môi trường giáo dục để cung cấp thông tin giáo dục đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển giới cho người học; (3) nâng cao năng lực của giáo viên và các nhân viên khác trong các cơ sở giáo dục, tạo ra nhiều môi trường hỗ trợ hơn cho nhóm LGBT; (4) thành lập các tổ chức và câu lạc bộ nhằm mở rộng sự hỗ trợ tại trường học cho nhóm LGBT - ngoài việc đưa các cuộc trò chuyện về hình mẫu LGBT cũng như giới tính và bản dạng tính dục trong các bài học trên lớp và các sự kiện của cơ sở đào tạo, giáo dục thì còn cần đưa chủ đề này vào chương trình giảng dạy, giáo dục và đào tạo chuyên nghiệp, đặc biệt là đối với các chuyên gia y tế, tiến hành đào tạo các chuyên gia làm việc trong việc giải quyết vấn đề kỳ thị người đồng tính trong xã hội. Phát triển các chiến lược trao quyền cho cộng đồng. Đồng thời, khuyến khích và nâng cao kiến thức, hiểu biết của các chuyên gia, các nhà tâm lý học, các nhà công tác xã hội,… về đồng tính, song tính và chuyển giới thông qua giáo dục, đào tạo, giám sát và tham vấn thường xuyên.

3.4. Thách thức trong tiếp cận các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý

Nhiều nghiên cứu cho thấy, việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý nói chung và nhóm LGBT nói riêng, hiện đang là một vấn đề được xã hội rất quan tâm và các quốc gia đang mong muốn đặt ra những chuẩn tiếp cận đối với những vấn đề này. Về cơ bản, nhóm LGBT cũng là một trong những đối tượng có quyền tiếp cận với hệ thống, chính sách pháp luật, được quyền tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý. Đối với dịch vụ trợ giúp pháp lý thì trẻ em, người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hay phụ nữ là người LGBT đều có thể là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý của cộng đồng LBGT đang gặp một số vấn đề như việc tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp lý nhận con nuôi: 79,7% cho rằng các quy định pháp luật hiện nay đang hạn chế việc LBGT nhận con nuôi; 28% cho rằng cơ quan nhà nước tại địa phương có hành vi ngăn cản việc này...; 51,2% cho rằng họ gặp khó dễ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính liên quan khiến LGBT không thực hiện được các việc nhận con nuôi; 42,6% cho rằng họ không thể mô tả rõ hành vi; 31,2% họ có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT từ cơ quan hành chính nhà nước tại

ISBN: 978-604-73-8639-0

địa phương (Nguyễn Hưng Quang, 2015)...; Mặt khác, nhận thức của chính nhóm LGBT về quyền của mình cũng cho thấy: 3,7% cho rằng họ biết pháp luật Việt Nam nghiêm cấm phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới hoặc thể hiện giới của một người; 21,2% cho rằng không có pháp luật nghiêm cấm phân biệt đối xử; 62,8% cho rằng họ không biết bất kỳ tổ chức nào ở Việt Nam có thể hỗ trợ người bị phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới hoặc thể hiện giới,... (iSEE, 2016). Như vậy, đa số cộng đồng LGBT chưa biết có thể sử dụng quy định pháp luật nào để bảo vệ mình trong trường hợp bị phân biệt đối xử. Đồng thời, các hành vi gây khó dễ do sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến nhóm LGBT vẫn còn tồn tại khá phổ biến.

Luật pháp chiếm một ví trí quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của các cá nhân LGBT. Mặc dù đã có những tiến bộ trong lĩnh vực bảo vệ quyền công dân của LGBT nhưng nhóm đối tượng này vẫn thiếu sự đối xử bình đẳng chính thức và bị từ chối nhiều biện pháp bảo vệ. Nancy J. Knauer (2012) cho rằng, một trong những vấn đề tâm điểm của phong trào dân quyền LGBT là bình đẳng trong hôn nhân và công nhận mối quan hệ. Việc thúc đẩy hôn nhân đồng tính đã đạt được một số kết quả nhưng nó vẫn là một chủ đề gây tranh cãi.

Thực tế cho thấy, cơ hội tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp lý của nhóm LGBT đang gặp một số khó khăn sau: (1) Những hiểu biết và quan niệm về cộng đồng LGBT hiện nay đã cởi mở và có nhiều tiến bộ, tuy nhiên, vẫn còn những hiểu biết, quan niệm sai lầm về cộng đồng LGBT của những người dị tính cũng như của chính một số người LGBT. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc công khai giới tính, xu hướng của họ. Điều đó ngăn cản nhóm LGBT tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý. Chính vì vậy, mặc dù người LGBT là những đối tượng dễ bị kỳ thị, bạo hành, bạo lực hoặc cần được hỗ trợ pháp lý trong các quan hệ xã hội có mâu thuẫn, tranh chấp, nhưng thực tế không được trợ giúp pháp lý do vấn đề tâm lý. Ngược lại, hoạt động trợ giúp pháp lý cũng chưa có những giải pháp hiệu quả để phát hiện nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân nói chung, nhóm LGBT nói riêng. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý trong cộng đồng LGBT; (2) Các tổ chức, hoạt động, dự án liên quan đến người LGBT sẽ là một phương tiện hỗ trợ đắc lực trong thực hiện trợ giúp pháp lý cho cộng đồng này. Tuy nhiên, hiện nay, các tổ chức, hoạt động, dự án này mới chỉ có thể tập trung ở những thành phố lớn. Điều này có thể sẽ dẫn đến những hạn chế trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý của nhóm LGBT ở khu vực khác; (3) Chính nhóm LGBT cũng có thể trở thành đối tượng được trợ giúp pháp lý nhưng không phải là tất cả (vì một số dịch vụ chỉ dành cho trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ,… với những điều kiện nhất định).

Hiện nay, hầu hết nhóm LGBT sống khép kín nên khó liệt kê được đầy đủ những vấn đề mà cộng đồng LGBT cần trợ giúp pháp lý. Một số vấn đề chính mà cộng đồng LGBT có thể gặp và cần sự trợ giúp pháp luật như: phẫu thuật chuyển giới và xác định lại giới tính khác nhau như thế nào?, bồi thường thiệt hại về tổn thương danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng; các quy định về hôn nhân gia đình, con nuôi; chế độ tài sản; đặc biệt là vấn đề phân biệt đối xử, kỳ thị; bạo lực gia đình (Trương Hồng Quang, 2016),… Nếu coi khung pháp luật, chính sách là công cụ để thực hiện trợ giúp pháp lý thì có một vấn đề dễ thấy là chúng ta đang thiếu công cụ để thực hiện trợ giúp pháp lý đối với cộng đồng LGBT. Tính đến thời điểm này, các quy định pháp luật, chính sách đối với cộng đồng LGBT đã được đề cập trong Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014 (Hôn nhân cùng giới) hay trong Bộ luật Dân sự, 2015 (Quyền của người chuyển giới) nhưng vẫn chưa đầy đủ ở Việt Nam. Một vài chính sách liên quan đã được ban hành lại tỏ ra có nhiều bất cập trước thực

tiễn. Do vậy, một số vấn đề pháp lý cần được nghiên cứu, trao đổi và hoàn thiện phù hợp với điều kiện, bối cảnh mới.

Qua những phân tích trên, chúng ta có thể thấy rằng, vai trò của việc trợ giúp pháp lý cho đối tượng LGBT không chỉ dừng lại ở việc trợ giúp những vấn đề, lĩnh vực cụ thể mà còn phải nhìn nhận trên phạm vi rộng hơn, bao gồm cả việc thúc đẩy xây dựng, sửa đổi pháp luật liên quan đến cộng đồng LGBT. Mặt khác, việc tiếp cận pháp luật của người LGBT trên thực tế còn khá hạn chế. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến khó khăn trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý của người LGBT để họ có thể được đổi tên và xác định lại giới tính; được công nhận hôn nhân đồng giới,...

Điều 5, Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 quy định 08 tiêu chí tiếp cận pháp luật nhưng chưa có tiêu chí hoặc biện pháp đánh giá xem liệu tỷ lệ người dân biết đến pháp luật, tiếp cận pháp luật, hiểu biết pháp luật trong địa bàn là bao nhiêu. Điều này càng quan trọng đối với nhóm người LGBT khi họ thiếu những hiểu biết về các thiết chế để bảo vệ mình vì những đặc thù riêng về con người, tâm lý cũng như thái độ của xã hội đối với họ. Đây chính là một rào cản rất lớn để nhóm LGBT có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ pháp lý hiện nay. Chính vì vậy, chúng ta cần phải tiến hành và thực hiện các nghiên cứu về cơ hội tiếp cận liên quan đến LGBT, các nghiên cứu này cần được triển khai để góp phần nâng cao hiểu biết của cộng đồng về nhóm này. Đây là căn cứ để cung cấp những thông tin quan trọng, cần thiết cho việc xây dựng các đề xuất chính sách nhằm giảm sự chênh lệch và giải quyết sự bất bình đẳng đối với nhóm LGBT. Cùng với đó là phải tăng cường xây dựng, triển khai các giải pháp thiết thực hơn để nhóm LGBT có thể tiếp cận với pháp luật nhiều hơn, hiểu biết được các quyền của mình nhiều hơn. Từ đó, phát huy vai trò và hoạt động trợ giúp pháp lý của các tổ chức xã hội dân sự. Đảm bảo tính thân thiện, dễ tiếp cận, đa dạng cách thức cung cấp dịch vụ trợ giúp,…

Các dịch vụ tư vấn và trị liệu tâm lý cho người đồng tính nữ, đồng tính nam và song tính (LGBT) đã phát triển dựa trên nền tảng lịch sử về bệnh lý tâm lý và y tế của đồng tính luyến ái. Định kiến chống lại đồng tính luyến ái giữa các nhà trị liệu và phần còn lại của xã hội tương tự như các đặc điểm chống lại chủ nghĩa chuyển giới, trái ngược với sự phân biệt đối xử như chủng tộc hoặc giới tính, cả hai đều bị coi là phi tự nhiên và sai trái về mặt đạo đức. Mặc dù các nghiên cứu về đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT) được chú ý và phát triển trong hơn thời gian qua, nhưng vẫn còn rất nhiều lĩnh vực cụ thể cần kiến thức và hiểu biết để giải quyết. Đó là: đồng tính luyến ái là một trong những nhận dạng tình dục có thể chấp nhận được; lối sống, mạng xã hội và hệ thống hỗ trợ của người LGBT; tình dục và giới tính được hiểu và đáp ứng như thế nào trong các gia đình và nền văn hóa; đỉnh cao của việc trưởng thành LGBT và cách quản lý thông tin và tiết lộ về danh tính LGBT; chuyên môn và sự nhạy cảm của nhà trị liệu đối với những vấn đề này; xu hướng tình dục của nhà trị liệu và sự liên quan của nó với quá trình và kết quả của liệu pháp; và các nhu cầu và tổn thương sức khỏe tâm thần cụ thể của người LGBT (Michael King và cộng sự, 2007).

Một vấn đề khác đặt ra là, mặc dù có bằng chứng về hiệu quả của các liệu pháp tâm lý, nhưng chúng ta biết rất ít về cách thức các liệu pháp được cung cấp cho người LGBT, hoặc hiệu quả của các liệu pháp đó trong nhóm này như thế nào. Michael King và cộng sự (2007) khi tổng quan tài liệu cho thấy, không có thử nghiệm ngẫu nhiên nào về hiệu quả các phương pháp trị liệu, can thiệp cho nhóm sức khỏe tâm thần nói chung hay nhóm LGBT nói riêng cũng như chưa có nghiên cứu nào đánh giá kết quả của các liệu pháp tư vấn cho nhóm LGBT. Các kết quả được đo lường

ISBN: 978-604-73-8639-0

chủ yếu liên quan tới sự hài lòng của khách hàng đối với liệu pháp và nhà trị liệu cũng như tính hữu ích của liệu pháp (Michael King và cộng sự, 2007).

Một số tổ chức quốc tế hỗ trợ nhóm LGBT: https://ilga.org/ (Hiệp hội đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và nam giới quốc tế); http://www.iglyo.com/ (Tổ chức thanh niên và sinh viên quốc tế. Đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, Queer & Intersex); http://ilglaw.org/ (Hiệp hội luật quốc tế về đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới & Intersex); Albert Kennedy Trust - hỗ trợ những người LGBTIQ+ trẻ tuổi từ 16 đến 25 (https://www.akt.org.uk/); Gender Intelligence - một tổ chức từ thiện chuyển giới, hoạt động để nâng cao chất lượng cuộc sống của những người chuyển giới, đặc biệt là những người dưới 25 tuổi (http://genderedintelligence.co.uk/); Imaan - hỗ trợ người Hồi giáo LGBTIQ+ và cung cấp một diễn đàn trực tuyến, nơi mọi người có thể chia sẻ kinh nghiệm và yêu cầu giúp đỡ (https://imaanlondon.wordpress.com/); LGBT Consortium - hỗ trợ tìm kiếm cơ sở dữ liệu của họ về các nhóm, dự án và tổ chức LGBTIQ+ để tìm các dịch vụ gần bạn, bao gồm cả các dịch vụ sức khỏe tâm thần (https://www.consortium.lgbt/member-directory/); Stonewall - cung cấp trợ giúp và lời khuyên cho những người LGBTIQ+ và đồng minh của họ (https://www. stonewall.org.uk/); Tổng đài trợ giúp LGBT - cung cấp thông tin và hỗ trợ. Tất cả các tình nguyện viên của họ đều là LGBTIQ+ (https://switchboard.lgbt/)...

Ở Việt Nam, người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng vấp phải rất nhiều sự kỳ thị từ phía gia đình, xã hội và nơi làm việc. Hầu hết họ không tìm được cho mình một người để lắng nghe, chia sẻ và cho họ những lời khuyên đúng đắn, hợp lý.

Hiện nay, trung tâm CSAGA đang triển khai hai hoạt động hỗ trợ cho nhóm LGBT: (1) tư vấn tâm lý dành cho người đồng tính nữ và người thân, bạn bè của họ thông qua đường dây tư vấn dành cho đồng tính nữ, người thân và cha mẹ của họ; (2) kết nối khách hàng với các dịch vụ hỗ trợ pháp luật, với cộng đồng đồng tính nữ tại các tỉnh/thành phố phù hợp với điều kiện sinh hoạt của khách hàng. Bên cạnh đó, CSAGA cũng tư vấn online trên website csaga.org.vn với nội dung: cung cấp kiến thức về đồng tính nữ và quyền của họ, tư vấn các vấn đề liên quan đến người đồng tính nữ như băn khoăn về cảm xúc, về việc lộ diện mình là người đồng tính, ứng xử với kỳ thị và bạo lực từ gia đình, người thân, xã hội, nơi làm việc,…; tư vấn cho cha mẹ, người thân của họ; cung cấp các địa chỉ hỗ trợ liên quan và kết nối tới các chuyên gia.

Bên cạnh đó, còn có một số tổ chức hoạt động tích cực khác như: Trung tâm ICS, hoạt động vì quyền của người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (http://ics.org.vn/); Trung tâm Sáng kiến sức khỏe và dân số - CCIHP với sứ mệnh hoạt động vì quyền của phụ nữ, sức khỏe sinh sản, tình dục và HIV/AIDS (https://ccihp.org/); Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường – iSEE (http://isee.org.vn/); Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội - ISDS (http://isds.org.vn/).

Tóm lại, các dịch vụ hỗ trợ tham vấn, tư vấn tâm lý cho người đồng tính, song tính và chuyển giới hiện nay ở Việt Nam đã có, tuy nhiên, cần phải cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, đánh giá và nhìn nhận những hạn chế của từng dịch vụ để có sự thay đổi, điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, tiếp tục triển khai các dịch vụ hỗ trợ, tham vấn dành cho những người đồng tính, song tính và chuyển giới đang thắc mắc về xu hướng tính dục của mình. Hỗ trợ họ đối phó với những vấn đề trong cuộc sống: sự giằng co trong bản thân, các vấn đề ở gia đình, trong xã hội, việc come out, khó khăn trong tình yêu, việc lo liệu cho cuộc sống riêng và cuộc sống với người yêu, vấn đề

pháp lý (trong trường hợp bị ngược đãi),... Điều quan trọng là các dịch vụ này cần có thái độ tôn trọng, thân thiện, có sự hiểu biết, dẫn dắt của người trong cuộc, và quan trọng là không cố gắng thay đổi khách hàng thành người dị tính.

Mặt khác, số lượng các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nhóm LGBT hiện nay còn ít, do vậy, cần nghiên cứu, xây dựng các dịch vụ hỗ trợ tham vấn mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhóm đối tượng này, đặc biệt cần đảm bảo có sự tham gia xây dựng dịch vụ của chính những người đồng tính, song tính và chuyển giới vào quá trình cung cấp dịch vụ hỗ trợ và tham vấn tâm lý cho nhóm LGBT hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Các phân tích trên đã cho thấy, cộng đồng LGBT đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ. Đặt trong bối cảnh Việt Nam, sự hiện diện của các nhóm thiểu số tính dục ngày càng rõ nét và phong trào đấu tranh vì quyền của người LGBT phát triển ngày càng mạnh mẽ trong những năm gần đây. Thách thức lớn nhất đối với nhóm LGBT có thể là thái độ định kiến và sự phân biệt đối xử trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ việc làm, tiếp cận giáo dục, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tư vấn pháp lý hay hỗ trợ tham vấn tâm lý,... Những rào cản, khó khăn đó đã khiến những người đồng tính, song tính và chuyển giới phải đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro như bị bạo hành về thể xác, tinh thần,... do sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới so với số đông đã làm cho cơ hội tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, cơ hội việc làm đảm bảo sinh kế cho bản thân và gia đình cũng đảm bảo những quyền cơ bản cho bản thân bị hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNHCR (2021), *Working with lesbian, gay, bisexual, transgender, intersex and queer (LGBT+) persons in forced displacement*, United Nations High Commissioner for Refugees.
2. iSEE (2011), *Báo cáo nghiên cứu kỳ thị và phân biệt đối xử của nhân viên y tế qua cung cấp dịch vụ y tế cho nam quan hệ tình dục đồng giới*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
3. iSEE (2015), *Báo cáo nghiên cứu: Có phải tôi là LGBT, Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
4. iSEE (2014), *Báo cáo về tình hình quyền con người của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
5. iSEE, OXPAM (2018), *Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
6. iSEE, USAID (2014), *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
7. ICS, *Nói về mình - những gợi ý về quá trình công khai của người đồng tính*. http://ics.org.vn/noi-ve-minh.
8. EEOC-NVTA (2016), Preventing Employment Discrimination Against Lesbian, Gay, Bisexual or Transgender Workers (brochure). U.S Equal Employment Opportunity Commission.

ISBN: 978-604-73-8639-0

9. Karel Fric (2019), "How does being out at work relate to discrimination and unemployment of gays and lesbians?", *Journal for labour Market Research*.

10. Emir Ozeren (2013), "Sexual Orientation Discrimination in the Workplace: A Systematic Review of Literature". *Procedia social and behavioral science*.

11. APA (2010), *Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender Persons & Socioeconomic Status*. https://www.apa.org/pi/ses/resources/publications/lgbt.

12. IIan H. Meye (2007), *Prejudice, Social Stress, and Mental Health in Lesbian, Gay, and Bisexual Populations: Conceptual Issues and Research Evidence*. https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2072932/.

13. Gray Alencar Albuquerque and et al. (2016), *Access to health services by lesbian, gay, bisexual, and transgender persons: systematic literature review*. https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4714514/.

14. Logan S. Casey and et al. (2019), *Discrimination in the United States: Experiences of lesbian, gay, bisexual, transgender, and queer Americans*. https://doi.org/10.1111/1475-6773.13229.

15. CCIHP (2012), *Báo cáo sơ bộ Nghiên cứu trực tuyến về kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực với người đồng tính, chuyển giới, chuyển giới tính và giao giới tính tại trường học*.

16. Luật Giáo dục, 2019

17. Luật Lao động, 2019.

MỘT SỐ KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LGBT VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ TÂM LÝ

PSYCHOLOGICAL DIFFICULTIES OF LGBT INDIVIDUALS AND THE ROLE OF PSYCHOLOGIST

Minh Thị Lâm*.
***Lê Quốc Tuấn**,*
Dương Thanh Vương*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm tìm hiểu những khó khăn tâm lý của người LGBT và đề xuất vai trò của nhà tâm lý trong công tác tư vấn cho cộng đồng người LGBT. Chúng tôi tiến hành khảo sát 218 người LGBT bao gồm 41 người đồng tính nữ, 90 người đồng tính nam, 64 người song tính, 13 người chuyển giới. Kết quả nghiên cứu nếu xét theo điểm trung bình thì các khó khăn trong nghiên cứu ở mức trung bình và thấp. Nhưng xét ở tỷ lệ phần trăm từng mức khó khăn của 4 nhóm chi tiết, sẽ thấy rõ ở từng những khó khăn cụ thể có một tỷ lệ ở mức độ cao. Nhìn chung, cộng đồng LGBT vẫn còn phải đương đầu rất nhiều sự kỳ thị và phân biệt đối xử đến từ xã hội, từ đó, dẫn đến những khó khăn tâm lý làm ngăn cản sự hòa nhập của họ với cộng đồng. Từ khảo sát thực tế trên, đòi hỏi những người làm công tác xã hội và những nhà tâm lý cần phải quan tâm lưu ý, hỗ trợ giúp cho người LGBT giảm thiểu hoặc ngăn ngừa những khó khăn, giúp cho họ phát triển tốt hơn. Sử dụng kết quả nghiên cứu này là cơ sở đề xuất triển khai các hoạt động hỗ trợ tâm lý cho cộng đồng người LGBT, giúp cho họ tự tin vào bản thân, hòa nhập tốt với cộng đồng xã hội và có cuộc sống ổn định, hạnh phúc.

Từ khóa: *khó khăn, khó khăn tâm lý, người LGBT.*

ABSTRACT

The study was conducted in order to figure out mental difficulties of LGBT individuals and propose a concrete role of psychologists in consulting for LGBT community. With regard to that, we surveyed 218 LGBT people including 41 lesbians, 90 gays, 64 bisexuals, 13 transgender people. After the statistical processing, the result of difficulties will be at average and low levels if we analyze the average score. But when looking at the percentage of every different hardship category of four particular groups, we will clearly see that each specific difficulty has a ratio of high level. Generally, LGBT community still has to confront numerous stigmas and discriminations from society, this leads to psychological difficulties which prevent them from integrating into community. This real life survey demands that social workers and psychologists have to attentively support and take more care of LGBT individuals to minimize or prevent those challenges, help them develop adequately. We want to utilize this outcome as a foundation for suggesting and implementing some activities in order to mentally support LGBT community. Hopefully, those proposals can help them become more confident about themselves, better integrate into social community and have a stable, blissful life.

Keywords: *difficulty, psychological difficulty, LGBT individuals.*

* Thạc sĩ, Giảng viên, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn. Email: mtlam@sgu.edu.vn.
** Sinh viên, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn.
*** Sinh viên, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với xu hướng phát triển đi lên kèm theo sự chuyển đổi thời đại, con người đang dần có cái nhìn hiện đại và trắc ẩn hơn đối với những cá nhân thuộc cộng đồng LGBT. Cộng đồng đã dần tiếp nhận những tín hiệu tích cực từ xã hội, các cá nhân trong cộng đồng ngày càng được tự do sống là chính mình. Tuy nhiên, những khó khăn tâm lý mà người LGBT gặp phải còn tồn tại rất nhiều, khi những quyền lợi và sự công nhận dành cho họ đến từ xã hội còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc thực hiện các hoạt động xã hội cũng gặp không ít trở ngại đến từ sự kỳ thị, phân biệt đối xử, hay thậm chí, là các hành vi lăng mạ, xúc phạm dẫn đến việc khó hòa nhập, các vấn đề rối nhiễu tâm lý, thậm chí là những suy nghĩ tự tử. Ngay tại Việt Nam, những vấn đề của cá nhân không chỉ bắt nguồn từ những nơi công cộng mà còn xuất phát từ chính gia đình và những mối quan hệ thân thiết.

Khó khăn tâm lý là những đặc điểm tâm lý cá nhân nảy sinh trong quá trình hoạt động của chủ thể, gây ra những trở ngại làm ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình và hiệu quả hoạt động của chủ thể (Hiền & Lặc, 2021). Theo một nghiên cứu của nhóm tác giả Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương vào năm 2015 về "Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam", những khó khăn trong các hoạt động hằng ngày ở các môi trường khác nhau được nghiên cứu đến từ gia đình như ép buộc thay đổi ngoại hình, cử chỉ (62,9%) và la mắng, gây áp lực (60,2%). Ở trường học, hơn một nửa từng bị bạn bè bắt nạt, và gần 1/4 bị giáo viên, cán bộ nhà trường quấy rầy, bắt nạt vì được coi là LGBT. Đối với môi trường việc làm, gần 30% người từng bị từ chối việc làm vì là người LGBT. Đặc biệt, tỷ lệ người chuyển giới bị từ chối khi xin việc (59,0%) cao gấp ba lần so với nhóm đồng tính và song tính (19,6%). Họ phải đối mặt với những nhận xét, hành động tiêu cực từ cả đồng nghiệp, sếp và khách hàng, đối tác với tỷ lệ cao từ 33% tới gần 50%. Trong các lĩnh vực đời sống khác, phân biệt đối xử tại các không gian công cộng như nhà vệ sinh (28,7%), phòng thay đồ, phòng tắm (25,0%), địa điểm giải trí (24,4%), nơi mua sắm (23,9%) hay nhà hàng, quán cà phê (21,9%) (Lương Thế Huy & Phạm Quỳnh Phương, 2015). Theo báo cáo khoa học từ tổ chức WHO của Liên hợp quốc, khoảng 3% dân số có thiên hướng đồng tính. Nếu như tỷ lệ này áp dụng ở Việt Nam thì cả nước có khoảng hơn 2,5 triệu người đồng tính. Mặc dù là cộng đồng người với số lượng đông đảo, song, sự quan tâm về mặt sức khỏe tinh thần dành cho người LGBT vẫn còn đang rất ít, khi mỗi một ngày trôi qua, họ vừa phải vật lộn với những vấn đề cá nhân, vừa phải đương đầu với những định kiến xã hội. Từ những trải nghiệm tiêu cực nảy sinh trong bối cảnh đó, cộng đồng LGBT cùng với những khó khăn tâm lý sẽ lại càng kém thích nghi hơn với các hoạt động xã hội. Vậy nên, vai trò của nhà tham vấn tâm lý lại càng có giá trị quan trọng trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tinh thần nhằm thúc đẩy sự hòa nhập cộng đồng một cách hiệu quả.

Từ những nghiên cứu có tính lý luận và thực tiễn của vấn đề đã thôi thúc chúng tôi nghiên cứu những khó khăn của người LGBT và chúng tôi đã chọn chủ đề *"Một số khó khăn tâm lý của người LGBT và vai trò của nhà tâm lý"* để nghiên cứu.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MỘT SỐ KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LGBT VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ TÂM LÝ

2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Khách thể nghiên cứu

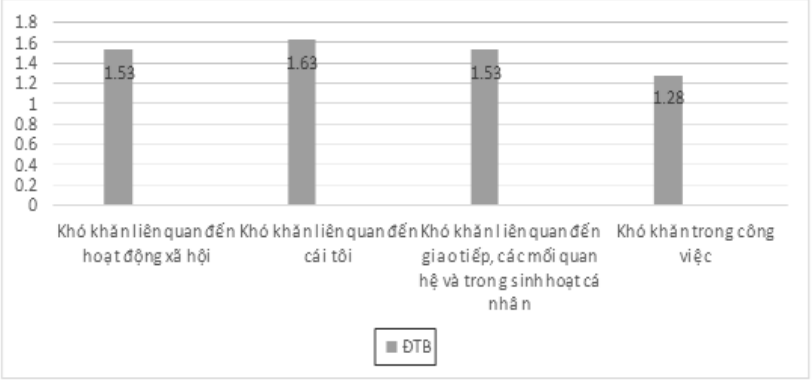
Để tìm hiểu thực trạng về một số khó khăn tâm lý của cộng đồng LGBT và vai trò của nhà tâm lý, chúng tôi tiến hành khảo sát 218 khách thể là lesbian (đồng tính nữ), gay (đồng tính nam), bisexual (lưỡng tính), transgender (chuyển giới), bao gồm sinh viên, giáo viên, nhân viên văn phòng, freelance (làm tự do), khác.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối với nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu bao gồm các bước nghiên cứu các văn bản, tài liệu lý luận khác nhau có liên quan đến đề tài nhằm phân tích những vấn đề có liên quan đến đề tài, những xu hướng, các trường phái nghiên cứu vấn đề để từ đó chọn lọc những thông tin quan trọng cho đề tài và tổng hợp để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài. Đối với nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi sử dụng: (a) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: bảng hỏi do nhóm tác giả xây dựng để tìm hiểu thực trạng khó khăn tâm lý của người LGBT liên quan đến hoạt động xã hội, cái tôi, giao tiếp, mối quan hệ và trong sinh hoạt cá nhân, trong công việc. Khách thể nghiên cứu tự đánh giá với thang điểm likert 3 mức độ: từ khó khăn thấp (1 điểm) cho đến khó khăn cao (3 điểm). Quy đổi điểm các biểu hiện và tính điểm trung bình (ĐTB) của nhóm với các mức độ như sau: cao: 3, trung bình: 2 điểm, thấp: 1 điểm; (b) Phương pháp phỏng vấn sâu: tiến hành phỏng vấn 02 khách thể của cộng đồng LGBT về những khó khăn đang gặp phải; (c) Phương pháp thống kê toán học: các thông tin, số liệu thu thập được từ thang đo sẽ được tiến hành tổng hợp, phân tích qua phần mềm SPSS 20.0, từ đó rút ra các thông tin định tính và định lượng để xây dựng các luận cứ phục vụ cho việc chứng minh hoặc bác bỏ các giả thuyết khoa học đã được đưa ra.

2.2. Kết quả nghiên cứu một số khó khăn tâm lý của người LGBT và vai trò của nhà tâm lý

2.2.1. Thực trạng chung về khó khăn tâm lý của người LGBT



Biểu đồ 1. Kết quả chung về khó khăn tâm lý của người LGBT

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 1 cho thấy, người LGBT gặp những khó khăn trong 4 nhóm đều ở mức trung bình (ĐTB từ 1.28 đến 1.63). Trong đó, nhóm *"khó khăn liên quan đến cái tôi"* (ĐTB=1.63) đứng thứ nhất. Xếp thứ hai là *"khó khăn liên quan đến hoạt động xã hội"* và *"khó khăn liên quan đến giao tiếp, các mối quan hệ và trong sinh hoạt cá nhân"* (ĐTB = 1.53). Xếp cuối cùng trong những khó khăn mà người LGBT gặp hàng ngày là *"khó khăn trong công việc"* (ĐTB = 1.28). Dù điểm trung bình của 4 nhóm phản ánh người LGBT có những khó khăn ở mức trung bình và mức thấp nhưng vẫn cần xem xét kỹ ở từng khó khăn cụ thể, nhất là đối với loại khó khăn có mức độ cao nhất. Khi liên hệ với nghiên cứu của nhóm tác giả Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương vào năm 2015 về "Có phải bởi vì tôi là LGBT?" có những khó khăn đồng nhất với nghiên cứu này.

Điều này có thể lý giải là do ở nhóm nghiên cứu với những đối tượng khách thể khác nhau, đặc biệt là sinh viên đang ở giai đoạn đầu tuổi trưởng thành nên việc được tham gia vào các hoạt động, xây dựng hình ảnh, khẳng định cái tôi, độc lập về cái tôi là một yêu cầu quan trọng, nhưng vấn đề giới đang gây cản trở cho các em trong việc khẳng định. Đây cũng là một trong những vấn đề cần chúng ta quan tâm.

2.2.2. Thực trạng những khó khăn của người LGBT trong đời sống hàng ngày

Bảng 1. Những khó khăn liên quan đến các hoạt động xã hội của người LGBT

STT	Nội dung khó khăn liên quan đến hoạt động xã hội	Mức độ khó khăn *(%)*				
		Cao	***TB***	***Thấp***	***ĐTB***	**ĐLC**
1	Dễ bị lạm dụng tình dục, như thường bị sờ nắn bộ phận sinh dục.	36,2	33,0	30.7	2.03	0.58
2	Hàng xóm, người trong họ hàng gièm pha, bàn tán.	37,6	25,2	37,2	2,00	0,87
3	Dễ bị để ý, hay chỉ trỏ khi đi trong đám đông.	23,9	33,5	42,7	1,90	0,53
4	Bị các đối tượng xấu tấn công tình dục, hiếp dâm để "sửa chữa".	22,9	22,9	54,1	1,68	0,72
5	Bị bạn bè bắt nạt, cô lập, bạo lực về thể chất, đặt biệt danh xúc phạm.	24,3	64,2	11,5	1,47	0,69
6	Dễ sa ngã đến các tệ nạn xã hội như sử dụng chất cấm, quan hệ tình dục nhóm, không an toàn	71,6	15,1	13,3	1,41	0,72
7	Bị gièm pha, chỉ trỏ, hay thậm chí tấn công đến từ những người lạ.	13,8	11,0	75,2	1,38	0,82
8	Bị thầy cô, cán bộ nhà trường quấy rầy, đặt nhiều câu hỏi về giới tính.	9,6	17,0	73,4	1,36	0,65
9	Bị phân biệt đối xử tại nhà vệ sinh công cộng, khu giải trí, ăn uống.	74,3	17,9	7,8	1,33	0,62
10	Dễ bị từ chối khi đi mua nhà, thuê nhà, ở ghép.	5,0	5,0	89,9	1,15	0,48
11	Bị từ chối hoặc bị làm khó bởi nhân viên y tế ở các dịch vụ y khoa.	88,5	7,3	4,1	1,15	0,46
	Điểm trung bình				**1,53**	

Ghi chú: *Điểm trung bình (ĐTB), Độ lệch chuẩn (ĐLC)*

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, các khó khăn mà người LGBT gặp phải trong đời sống hàng ngày có tỷ lệ phần trăm ở mức trung bình, mức cao. Trong đó, chủ yếu là người LGBT gặp những khó khăn ở việc *bị từ chối* hoặc *bị làm khó bởi nhân viên y tế ở các dịch vụ y khoa,* chiếm 88,5% ở mức cao; *Bị phân biệt đối xử tại nhà vệ sinh công cộng, khu giải trí, ăn uống* chiếm 74,3%; *dễ sa ngã đến các tệ nạn xã hội như sử dụng chất cấm, quan hệ tình dục nhóm, không an toàn* chiếm 71,6%; *Hàng xóm, người trong họ hàng gièm pha, bàn tán* chiếm 37,6%; *dễ bị lạm dụng tình dục như thường bị sờ nắn bộ phận sinh dục* chiếm 36,2%; *bị bạn bè bắt nạt, cô lập, bạo lực về thể chất, đặt biệt danh xúc phạm* chiếm 64,2%. Tỷ lệ khó khăn cao trong việc tham gia các hoạt động xã hội phản ánh mức độ cộng đồng kìm hãm khả năng hòa nhập của người LGBT. Có thể nói, hoạt động xã hội vô cùng quan trọng đối với các cá nhân trong việc hoàn thiện những phẩm chất năng lực, thể hiện những giá trị xã hội của bản thân, cũng như là cách để họ cân bằng tâm lý, giúp cho họ có cơ hội hòa nhập với cộng đồng. Việc bị kỳ thị, lạm dụng cơ thể và phân biệt đối xử bởi xã hội khiến cho cá nhân mặc cảm, thu mình lại với các mối quan hệ, thậm chí, mất đi khả năng hòa nhập với các hoạt động xã hội. Những rào cản này cũng chính là nhân tố rủi ro cho vô vàn các rối nhiễu tâm lý như trầm cảm, lo âu xã hội, thậm chí dẫn đến tự tử. Vì vậy, nếu được xã hội quan tâm, hỗ trợ khắc phục những khó khăn để có thể tự tin tham gia các hoạt động xã hội, họ sẽ có khả năng phát triển cân bằng và rèn luyện những năng lực, phẩm chất và tâm lý.

2.2.3. Thực trạng khó khăn liên quan đến "cái tôi" của người LGBT

Bảng 2. Khó khăn liên quan đến "cái tôi" của người LGBT

STT	Nội dung khó khăn liên quan đến "cái tôi"	Mức độ khó khăn *(%)*			ĐTB	ĐLC
		Cao	*TB*	*Thấp*		
1	Cảm giác tội lỗi khi không hoàn thành được sự mong đợi từ cha mẹ.	31,7	39,4	28,9	2,02	0,78
2	Tự ti khi bà con, họ hàng lấy chuyện kết hôn, con cái ra làm chủ đề nói chuyện.	35,8	21,6	42,7	1,93	0,88
3	Rào cản trong việc bày tỏ quan điểm tình yêu với đối phương.	28,4	35,3	36,2	1,92	0,80
4	Cố gắng gồng gánh, sống không đúng với giới tính đích thực để chiều lòng gia đình, xã hội.	18,3	33,5	33,5	1,70	0,76
5	Khó khăn trong việc xác định hình ảnh, sơ đồ bản thân phù hợp với bản dạng giới.	26,6	55,0	18,3	1,63	0,78
6	Cảm giác mất phương hướng, lầm lạc về tương lai.	28,9	58,3	12,8	1,54	0,71
7	Khủng hoảng bản sắc, không nhận thức được giá trị của bản thân (vì những nhãn dán, định khuôn bị áp đặt từ xã hội).	16,1	17,9	66,1	1,50	0,76
8	Không đáp ứng được nhu cầu tình yêu, tình dục đúng cách dẫn đến mặc cảm.	24,3	63,3	12,4	1,49	0,71
9	Mất đi niềm tin vào cuộc sống, con người, bản thân (cảm giác tuyệt vọng, bất an).	19,3	67,0	13,8	1,46	0,73
10	Cảm giác bản thân không xứng đáng với cuộc sống (suy nghĩ, dự định tự tử).	69,7	18,3	11,9	1,42	0,70

 ISBN: 978-604-73-8639-0

11	Dễ bị người khác dẫn dụ vào các hình thức tệ nạn, quan hệ không an toàn, quay clip tung lên mạng.	12,4	80,7	6,9	1,31	0,68
	Tổng				**1,63**	

Ghi chú: *Điểm trung bình (ĐTB), Độ lệch chuẩn (ĐLC)*

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy những khó khăn mà người LGBT gặp ở mức trung bình đến mức cao với tỷ lệ phần trăm tương ứng. Khó khăn có tỷ lệ phần trăm cao nhất mà người LGBT gặp phải đó là *cảm giác bản thân không xứng đáng với cuộc sống (suy nghĩ, dự định tự tử)* chiếm 69,7% ở mức cao; Tiếp theo là những khó khăn *Cảm giác tội lỗi khi không hoàn thành được sự mong đợi từ cha mẹ* chiếm 35,8%, *Cảm giác tội lỗi khi không hoàn thành được sự mong đợi từ cha mẹ* chiếm 31,7%; *Cảm giác mất phương hướng, lầm lạc về tương lai* chiếm 28;9%; *Rào cản trong việc bày tỏ quan điểm tình yêu với đối phương* chiếm 28,4%; *Khó khăn trong việc xác định hình ảnh, sơ đồ bản thân phù hợp với bản dạng giới* chiếm 26,6%; Kết quả khảo sát cho thấy những khó khăn liên quan đến cái tôi, giá trị bản thân, sự tự tin của bản thân trong cuộc sống, trong các mối quan hệ với gia đình, liên quan đến tình yêu sẽ tác động rất lớn đến sự thành công trong công việc, trong các mối quan hệ, trong cuộc sống thường ngày của người LGBT. Phân biệt đối xử, gièm pha, chỉ trích luôn là những nhân tố tiêu cực thâm nhập vào nhận thức của cá nhân làm nảy sinh xu hướng mặc cảm với bản thân, từ đó, gặp khó khăn trong việc định hướng suy nghĩ, thái độ, hành vi sao cho phù hợp với kiến thức về giới của bản thân. Việc mất đi cảm giác cân bằng, lầm lạc phương hướng và dẫn đến ý định tự tử cũng là hậu quả của việc nhận thức bị bóp méo. Đây là một kết quả đáng báo động cần được sự quan tâm của gia đình, xã hội và cộng đồng để giúp người LGBT giảm bớt những khó khăn mà họ đang gặp phải. Bởi khi giải quyết được những vấn đề bên trong của cá nhân, họ sẽ có thể trở nên tự tin trong cuộc sống, trong các mối quan hệ và có một cuộc sống thật sự hạnh phúc.

2.2.4. Thực trạng khó khăn trong giao tiếp, các mối quan hệ, trong sinh hoạt cá nhân của người LGBT

Bảng 3. Khó khăn trong giao tiếp, các mối quan hệ, trong sinh hoạt cá nhân của người LGBT

STT	Nội dung khó khăn trong giao tiếp, các mối quan hệ, trong sinh hoạt cá nhân	Mức độ khó khăn *(%)*			ĐTB	ĐLC
		Cao	*TB*	*Thấp*		
1	Khó khăn trong việc công khai giới tính (sợ bị kỳ thị, xa lánh).	33,0	36,2	30,7	2,02	0,8
2	Áp lực về việc nối dõi, báo hiếu cho gia đình.	33,5	23,9	42,7	1,90	0,87
3	Bị xã hội gièm pha cách ăn mặc, hành động.	22,9	25,7	51,4	1,71	0,82
4	Mối quan hệ yêu đương gặp khó khăn vì gia đình ngăn cấm, xã hội phân biệt.	22,5	24,8	52,8	1,69	0,81
5	Gia đình gây áp lực để kết hôn với người không mong muốn.	20,6	64,2	15,1	1,50	0,74
6	Gia đình la mắng, ép buộc thay đổi ngoại hình, có hành vi bạo lực về thể chất lẫn tinh thần.	12,8	22,5	22,5	1,48	0,71
7	Mối quan hệ bạn bè: bị chọc ghẹo, ghép đôi, bị tránh mặt, bị xem là người dư thừa.	66,5	23,9	9,6	1,43	0,66

8	Bị tấn công, xâm hại, lạm dụng tình dục bởi người lạ, người thân thiết, thậm chí là trong gia đình.	12,8	77,5	9,6	1,32	0,64
9	Khó khăn trong việc lựa chọn cách xưng hô trong giao tiếp.	14.7	77.1	8.3	1.31	0.62
10	Bị cô lập trong các mối quan hệ giao tiếp nhóm	6.9	10.6	82.6	1.24	0.57
11	Bị bạn bè bỏ rơi, không còn chơi chung vì công khai giới tính.	6.0	6.0	83.9	1.22	0.54
	Tổng				**1.53**	

Ghi chú: *Điểm trung bình (ĐTB), Độ lệch chuẩn (ĐLC)*

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy khó khăn mà người LGBT thường gặp phải là *khó khăn trong việc công khai giới tính (sợ bị kỳ thị, xa lánh)* với điểm trung bình là 2,02. Nếu xét theo tỷ lệ phần trăm thì kết quả khảo sát cho thấy khó khăn lớn nhất mà họ gặp phải đó là trong *mối quan hệ bạn bè: bị chọc ghẹo, ghép đôi, bị tránh mặt, bị xem là người dư thừa* chiếm 66,5%; tiếp đó là *áp lực về việc nối dõi, báo hiếu cho gia đình* chiếm 33,5%; *bị xã hội gièm pha cách ăn mặc, hành động* chiếm 22,9%; *mối quan hệ yêu đương gặp khó khăn vì gia đình ngăn cấm, xã hội phân biệt* chiếm 22,5%, *gia đình gây áp lực để kết hôn với người không mong muốn* chiếm 20,6%. Những khó khăn này liên quan đến khả năng độc lập trong quản lý của bản thân, những tương tác trong mối quan hệ với mọi người xung quanh. Có thể nói, những trải nghiệm tiêu cực như bị kỳ thị, cô lập, lạm dụng tình dục trong quá khứ sẽ dẫn đến những chấn thương tâm lý theo từng mức độ khác nhau. Từ đây, nếu như cá nhân không được can thiệp kịp thời, những hậu quả khôn lường sẽ nảy sinh, đặc biệt là rối loạn căng thẳng hậu sang chấn, làm ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và phát triển của cá nhân sau này.

Bên cạnh đó, còn có những khó khăn như *bị tấn công, xâm hại, lạm dụng tình dục bởi người lạ, người thân thiết, thậm chí là trong gia đình, khó khăn trong việc lựa chọn cách xưng hô trong giao tiếp, bị bạn bè bỏ rơi, không còn chơi chung vì công khai giới tính, bị cô lập trong các mối quan hệ giao tiếp nhóm,* mặc dù kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ phần trăm thấp, nhưng một trong những vấn nạn hiện nay của xã hội đáng lên án, đặc biệt là đối với cộng đồng LGBT - đó là sự kỳ thị giới và bắt nạt. Đây cũng chính là điều mà cả xã hội cần phải quan tâm hỗ trợ nhiều hơn để hướng tới việc tạo nên môi trường văn hóa, bình đẳng giới, tôn trọng và nhân văn như những giá trị giáo dục mà xã hội luôn xây dựng.

2.2.5. Thực trạng khó khăn trong công việc của người LGBT

Bảng 4. Khó khăn trong công việc của người LGBT

STT	Nội dung khó khăn trong công việc	Mức độ khó khăn *(%)*			ĐTB	ĐLC
		Cao	*TB*	*Thấp*		
1	Nỗi sợ bị xa lánh, kỳ thị trong nơi làm việc.	14,2	22,0	63,8	1,50	0,73
2	Quấy rối bằng lời (trêu chọc, ghép đôi với sếp hoặc đồng nghiệp).	24,3	63,3	12,4	1,49	0,71
3	Bị nói xấu sau lưng, thậm chí là tìm cách để người LGBT bẽ mặt trước công ty.	70,6	19,3	70,6	1,39	0,66

 ISBN: 978-604-73-8639-0

4	Mất đi sự uy tín, tín nhiệm, bị sa thải, bị khước từ thăng chức.	9,6	8,3	82,1	1,27	0,63
5	Thiếu đi sự chấp nhận, tôn trọng (khi bày tỏ quan điểm, hoạt động nhóm).	5,5	14,2	80,3	1,25	0,55
6	Bị khách hàng, đối tác trêu ghẹo, đùa cợt về giới tính bằng ngôn từ tiêu cực.	14,2	80,7	5,0	1,24	0,53
7	Tiếp nhận những đối xử tiêu cực từ mọi người trong công ty.	6,0	10,1	83,9	1,22	0,54
8	Bị từ chối khi đi xin việc.	2,3	14.7	83,0	1,19	0,45
9	Bị khách hàng, đối tác từ chối ký kết hợp đồng.	4,1	11,5	84,4	1,19	0,49
10	Tiền lương thưởng không công bằng.	5,0	7,3	87,6	1,17	0,49
11	Không nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ, trò chuyện từ mọi người.	4,1	8,3	87,6	1,16	0,48
	Tổng				**1,28**	

Ghi chú: *Điểm trung bình (ĐTB), Độ lệch chuẩn (ĐLC)*

Bảng 4 cho thấy, những khó khăn mà người LGBT gặp trong công việc có mức điểm trung bình thấp, tuy nhiên xét theo tỷ lệ phần trăm cho thấy họ vẫn gặp một số những khó khăn tỷ lệ cao như *bị nói xấu sau lưng, thậm chí là tìm cách để người LGBT bẽ mặt trước công ty* chiếm 70,6%; quấy rối bằng lời (trêu chọc, ghép đôi với sếp hoặc đồng nghiệp) chiếm 24,3%; *bị khách hàng, đối tác trêu ghẹo, đùa cợt về giới tính bằng ngôn từ tiêu cực và nỗi sợ bị xa lánh, kỳ thị trong nơi làm việc* chiếm 14,2%. Những khó khăn mà người LGBT gặp phải trên là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công việc của họ. Điều này có thể sẽ dẫn đến tình trạng người LGBT có nhiều khả năng phải đối mặt với những tình trạng thất nghiệp, đói nghèo, hoặc có công việc không ổn định.

Cũng theo báo cáo được công bố trên *Tạp chí Dịch tễ học và Sức khỏe cộng đồng* của Mỹ cho thấy sự phân biệt đối xử với người LGBT sẽ ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm việc làm của họ. Những nhà tuyển dụng còn e ngại, định kiến khi làm việc với người đồng tính, song tính và chuyển giới. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng, trong khi những người đồng tính nam và lưỡng tính có tỷ lệ tốt nghiệp đại học cao hơn nhưng lại thường có thu nhập thấp hơn nam giới dị tính. Đồng tính nữ cũng phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp, nghèo đói và địa vị xã hội thấp. Trong nhóm đó, phụ nữ da đen và gốc Tây Ban Nha có ít khả năng sở hữu tài sản riêng nhất; 14.051 người tham gia cuộc khảo sát này được theo dõi từ khi họ học lớp 7 đến 32 tuổi. Nghiên cứu đã nêu bật sự phân biệt đối xử về tiền lương với người LGBT (Long, 2018).

2.2.6. Vai trò của nhà tham vấn tâm lý đối với người LGBT

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng khó khăn của người LGBT cụ thể với 4 nhóm khó khăn cho thấy người LGBT gặp khó khăn từ mức thấp đến mức cao chiếm tỷ lệ khá cao. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết đó là người LGBT cũng cần nhận được sự hỗ trợ về nhiều phương diện khác nhau để họ có cơ hội phát triển lành mạnh, cân bằng về đời sống tâm lý, đời sống tình cảm, hạnh phúc và hôn nhân gia đình, sự thành công trong công việc và các mối quan hệ xã hội.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu thực tế và xem xét lý luận, chúng tôi đưa ra những đề xuất trong công tác tham vấn với người LGBT để giúp họ có cơ hội thể hiện, phát triển và hoàn thiện bản thân, có cơ hội việc làm tốt, không bị phân biệt đối xử trong cộng đồng xã hội.

Thứ nhất là đánh giá *(assessment):* là một phần quan trọng trong công tác tham vấn của nhà tâm lý vì nó là một phần của quá trình giải quyết vấn đề. Giúp nhà tham vấn phát hiện, nhận diện và phân loại các khó khăn, cũng như phân loại nhóm đối tượng cần hỗ trợ, giúp xác định phương pháp hỗ trợ phù hợp trước khi thực hiện một biện pháp can thiệp nhất định. Khi sử dụng các công cụ và cách thức đánh giá, nhà tâm lý cần chú ý đến sự khác biệt văn hóa, dân tộc và ngôn ngữ để có thể đánh giá cho phù hợp đối tượng khác nhau Padilla và Boáto, 2008 (dẫn theo Merrell, Ervin, &Peacock, 2011).

Thứ hai là công tác tư vấn *(consultation):* đối với công tác tư vấn, cần phải nhấn mạnh vào việc phòng ngừa và giải quyết các vấn đề liên quan đến người LGBT. Sự thành công trong công tác tư vấn này là sự phối kết hợp giữa nhà tham vấn với người LGBT và gia đình họ. Kết hợp với công tác xã hội nơi người LGBT sinh sống và làm việc. Nhà tư vấn có thể hỗ trợ họ bằng cách xây dựng những kế hoạch quản lý hành vi hoặc can thiệp giúp họ giải quyết những khó khăn mà họ đang gặp phải. Tư vấn với phụ huynh những vấn đề khó khăn của người thân họ là người LGBT, thiết lập những kế hoạch hoạt động hoặc hỗ trợ những công việc của họ trong cuộc sống. Để thực hiện tốt và có hiệu quả đòi hỏi những người làm công tác tư vấn phải là người có năng lực, nhạy cảm về sự khác biệt và đa dạng về văn hóa, thông cảm và thấu hiểu với những khó khăn mà người LGBT gặp phải.

Thứ ba là can thiệp *(intervention):* đây là công việc nhà tâm lý hỗ trợ giúp cá nhân hoặc nhóm nhóm người LGBT có những vấn đề khó khăn mà họ gặp phải trong cuộc sống, trong giao tiếp và hoạt động cá nhân, trong công việc và bản thân họ thông qua các biện pháp can thiệp trực tiếp hoặc can thiệp gián tiếp (nhà tâm lý phối hợp, hỗ trợ những người quan trong khác như phụ huynh, đồng nghiệp, người quản lý, giáo viên,...) để tác động đến những khó khăn đang gặp của người LGBT. Một vấn đề quan trọng của can thiệp, các nhà tâm lý cũng có thể tham gia vào các hoạt động phòng ngừa. Hoạt động phòng ngừa này nhằm ngăn chặn vấn đề xảy ra, hoặc ngăn cho vấn đề mới xuất hiện tiến triển ở mức độ nghiêm trọng hơn đối với họ.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng đã phản ảnh những khó khăn bên trong bản thân của người LGBT, những khó khăn trong mối quan hệ xã hội khi tham gia các hoạt động xã hội, giao tiếp, khó khăn trong công việc và trong đời sống cá nhân của họ. Có thể thấy, những rào cản về mặt tâm lý trong xã hội, gia đình, mối quan hệ bạn bè sẽ càng khiến cho người LGBT rơi vào những trạng thái tâm lý tiêu cực liên quan đến trầm cảm, âu lo, cô lập bản thân, chấn thương tâm lý,… Mỗi một cá nhân đều xứng đáng được sống và phát triển toàn diện trên nền tảng được tôn trọng và chấp nhận như một cá thể độc lập và có giá trị, bất kể họ là ai và thuộc phạm trù giới nào đi chăng nữa. Do đó, việc hỗ trợ người LGBT bằng cách khắc phục những khó khăn đang gặp phải để họ có được sự cân bằng và phát triển lành mạnh, hòa nhập với cộng đồng xã hội là một sứ mệnh vô cùng quan trọng và cần được toàn xã hội quan tâm. Rõ ràng rằng, sự sẻ chia, cảm thông và lòng trắc ẩn từ xã hội sẽ là chiếc chìa khóa để mở ra một chương mới cho cộng đồng LGBT, bởi vì khi đó, họ được sống, được cống hiến, được làm việc một cách công bằng và không phải chịu đựng bất cứ hình thức phân biệt đối xử hoặc kỳ thị nào. Nói tóm lại, kết quả nghiên cứu lần này có thể triển khai trong các hoạt động của nhà tâm lý trong công tác tham vấn và tư vấn cộng đồng nhằm giúp cho quá trình hỗ trợ tâm lý cho người LGBT một cách hiệu quả và đầy đủ. Đồng thời, giúp cho mỗi cá nhân trong cộng đồng LGBT hiểu rõ được giá trị của bản thân và rèn luyện tâm lý vững

 ISBN: 978-604-73-8639-0

chắc để đương đầu trước những nghịch cảnh và bất lợi trong cuộc sống. Từ đó, người LGBT sẽ có đủ hành trang để tiếp tục theo đuổi ước mơ, nguyện vọng của chính mình mà không phải chịu thêm bất kỳ sự đau đớn về mặt tâm lý nào từ những tác động tiêu cực bên ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Guenzi, M.A. (2015). *Barriers to Communicating Sexual Orientation Identity at Work*. Master's thesis, Eastern Illinois University, USA.
2. Huy, L.T., & Phương, P.Q. (2015). *Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).
3. Hoa, P.T., & Yến, Đ.T. (2015). "Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam". *Tạp chí Khoa học ĐH QG HN, Tập 31*(5), tr.70-79.
4. Hiền, N.T.T., & Lặc, N. (2021). "Khó khăn tâm lý trong làm việc nhóm khi học tập của sinh viên Khoa Công tác xã hội tại Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở 2)". *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Vấn đề tâm lý của học sinh trong trường học và vai trò của nhà tâm lý, Trường Đại học Lao động - Xã hội Cơ sở II - Thành phố Hồ Chí Minh, 2021,* tr.196-211. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tài chính.
5. Long, M. (2018). *Vì sao người LGBT gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm.* Truy cập 12/08/2021, từ: https://tintucvietnam.vn/vi-sao-nguoi-lgbt-gap-kho-khan-trong-tim-kiem-viec-lam-d195701.html
6. MAP, Center for American Progress, GLAAD & Human Rights Campaign. (2014). *Understanding Issues Facing LGBT Americans.* Movement Advancement Project.
7. Merrell, K. W., Ervin, R. A., & Peacock, G. G. (2011). *School psychology for the 21st century: Foundations and practices*. Guilford Press.
8. UNDP (2019). *Tolerance but not inclusion: A national survey on experiences of discrimination and social attitudes towards LGBT people in Thailand*. Bangkok: UNDP.
9. Winter, S., Davis-McCabe, C., Russell, C., Wilde, D., Chu, T.H., Suparak, P. and Wong, J. (2018). *Denied Work: An audit of employment discrimination on the basis of gender identity in Asia*. Bangkok: Asia Pacific Transgender Network and United Nations Development Programme.

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH NỮ, ĐỒNG TÍNH NAM, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT) TẠI CHI LÊ, HOA KỲ VÀ UGANDA

IMPACT OF COVID-19 ON LESBIAN, GAY, BISEXUAL AND TRANSGENDER (LGBT) PEOPLE IN CHILE, UNITED STATES AND UGANDA

Nguyễn Huyền Linh*
Võ Xuân Hòa**
Phạm Thị Tâm***

TÓM TẮT

Bài viết này phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học về những ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với những LGBT. Những báo cáo được chọn để phân tích là những báo cáo khoa học đã được xuất bản, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2021, trên các tạp chí khoa học và các trang tin điện tử chuyên ngành, như PubMed, Google Scholar.

Bài viết đã tập trung tóm tắt một số báo cáo khoa học về những ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với những người LGBT tại Chi Lê, Hoa Kỳ và Uganda. Những phát hiện từ các nghiên cứu khoa học đã khẳng định: những người LGBT bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19. Báo cáo nghiên cứu của Lindsey Dawson khẳng định: 3/4 số người LGBT (74%) nói rằng, họ lo lắng và căng thẳng vì đại dịch đã có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của họ, so với 49% những người không phải là LGBT.

Báo cáo nghiên cứu của Brad Sears chỉ ra rằng, những người trưởng thành LGBT có nhiều khả năng bị sa thải hơn (12,4% so với 7,8%) hoặc mất việc làm (14,1% so với 9,7%), gặp vấn đề tiếp cận với các nhu cầu cơ bản (23,5% so với 16,8%) và có nguy cơ gặp khó khăn trong việc trả tiền thuê nhà so với những người không thuộc cộng đồng LGBT.

Từ khóa: *ảnh hưởng, dịch Covid-19, người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới*

ABSTRACT

This article analyzes and summarizes key findings from the lasted studies on impacts of the COVID-19 epidemic on LGBT people. We identified the research studies through searches conducted on PubMed, Google Scholar and websites, between January 2020 and August 2021.

10 study reports on impacts of COVID-19 on LGBT people in the United States, Chile and Uganda have been summarized and analyzed. The studies found out that: effects of COVID-19 have been enormous on LGBT people. Lindsey Dawson's study confirmed that three-fourths of LGBT people (74%) say worry and stress from the pandemic has had a negative impact on their mental health, compared to 49% of non-LGBT people.

Brad Sears's report pointed out that LGBT adults were more likely to be laid off (12.4% vs. 7.8%) or furloughed from their job (14.1% vs. 9.7%), have problems affording basic household goods (23.5% vs. 16.8%) and were twice as likely to report having problems paying their rent or mortgage, compared with their non-LGBTQ peers.

Keywords: *influence, Covid-19 epidemic, lesbians, gays, bisexuals, transgenders*

* Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Lao động - Xã hội. Email: linh171176@gmail.com
** Thạc sĩ, Liên minh Quốc tế Phòng chống Lao và bệnh phổi (The Union), Email: theuhoa@gmail.com
*** Nghiên cứu sinh, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Email: phamthitam@hcmussh.edu.vn

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. GIỚI THIỆU

LGBT là tên viết tắt chính thức của một cộng đồng những người có giới tính đặc biệt bao gồm đồng tính luyến ái nữ, đồng tính luyến ái nam, song tính, chuyển giới và những người đang trong giai đoạn tìm hiểu giới tính cho bản thân. Cộng đồng này đã từng thay tên nhiều lần, và đến năm 1990, thì chính thức thống nhất sử dụng tên LGBT trong toàn bộ các văn bản cũng như khi đối thoại. Bản thân từ LGBT là chữ cái đầu của 4 từ tiếng Anh: "Lesbian" (đồng tính nữ), "Gay" (đồng tính nam), "Bisexual" (lưỡng tính) và "Transgender" (chuyển giới)[1].

Tính đến ngày 11/9/2021, trên thế giới đã có 222.901.152 người bị nhiễm COVID-19 và 4.602.983 người tử vong. Tại Việt Nam, đến nay đã có hơn 1 triệu người nhiễm bệnh và 23.337 người tử vong[2].

Đại dịch COVID đã ảnh hưởng rất lớn tới cuộc sống của người dân, trong đó có cộng đồng những đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT). Một số người bị nhiễm bệnh, phải cách ly và nhiều người phải thực hiện giãn cách xã hội, bị mất việc làm.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nhóm nghiên cứu đã phân tích các báo cáo khoa học mới nhất về những tác động của đại dịch COVID-19 đối với đời sống của người LGBT ở một số quốc gia trên thế giới, tóm tắt những phát hiện mới và những khuyến nghị của các nhà khoa học quốc tế, để làm nguồn tài liệu tham khảo cho công tác cung cấp dịch vụ xã hội với cộng đồng những người LGBT tại Việt Nam. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã rà soát khoảng 20 báo cáo và bài báo khoa học xuất bản trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến 30/8/2021 trên các trang tin điện tử chuyên ngành như PubMed, Google Scholar, PMC và các trang thông tin điện tử khác. Những báo cáo được phân tích là những báo cáo khoa học đã được bình duyệt và chính thức xuất bản. Trong đó, nhóm nghiên cứu đã phân tích sâu 10 báo cáo khoa học về sự ảnh hưởng của COVID-19 đối với những người LGBT được nghiên cứu tại Hoa Kỳ, Chi Lê và Uganda.

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu và phân tích các báo cáo của Tổ chức Nhân quyền của Liên hợp quốc và các báo cáo của các tổ chức quốc tế về ảnh hưởng của dịch COVID tới những người LGBT.

3. TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với người LGBT tại Chi Lê

Barrientos và các cộng sự đã tiến hành một cuộc khảo sát trực tuyến bao gồm 1.181 người tham gia. Đây là những người đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính và chuyển giới trên 18 tuổi ở Chile. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng COVID-19 đã ảnh hưởng đến tất cả những người LGBT ở một mức độ nhất định. Nói cách khác, đại dịch đã ảnh hưởng đến đời sống tâm lý, xã hội của những người tự nhận mình thuộc nhóm LGBT. Cộng đồng LGBT đã phải đối mặt với căng thẳng do định kiến dựa trên xu hướng tình dục hoặc bản dạng giới. Trong đại dịch COVID-19 này, số người này dường như phải đối mặt với nguy cơ bị cô lập về mặt xã hội, không tiếp cận được với các mạng lưới hỗ trợ của họ, và khó thể hiện bản sắc của chính họ. Ngoài ra, cộng đồng LGBT có nhiều nguy cơ

[1] https://vi.wikipedia.org/wiki/LGBT
[2] https://covid19.gov.vn/

gặp phải các hậu quả tâm lý hơn vì họ nhạy cảm hơn với stress. Barrientos và các cộng sự khuyến nghị rằng các dịch vụ tâm lý và các mạng lưới hỗ trợ xã hội khác phải sẵn sàng để hỗ trợ người LGBT trong thời gian bị cách ly do dịch COVID-19[3].

3.2. Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với người LGBT tại Hoa Kỳ

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần của sinh viên đại học đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới trong Đại dịch COVID-19

Tại Hoa Kỳ, Gilbert Gonzales và các cộng sự đã tiến hành một cuộc khảo sát trực tuyến về nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần của sinh viên đại học đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới trong Đại dịch COVID-19; có 477 sinh viên đại học là người LGBTQ[4] trong độ tuổi từ 18 đến 25 đã tham gia cuộc khảo sát này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, gần một nửa số gia đình hầu như không ủng hộ hoặc không biết danh tính LGBTQ của họ và gần 60% đang trải qua tâm lý đau khổ, lo lắng và trầm cảm trong đại dịch. Gilbert đề xuất rằng các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên quan tâm đến nhu cầu sức khỏe tâm thần của sinh viên đại học LGBTQ bị ảnh hưởng bởi COVID-19.

- Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 tới kinh tế và sức khỏe tâm thần của những người LGBT tại Hoa Kỳ

Tháng 3/2021, nhóm tác giả Lindsey Dawson và cộng sự đã nghiên cứu về tác động của Đại dịch COVID-19 đối với người LGBT tại Hoa Kỳ. Tác giả đã phân tích kết quả các nghiên cứu trước đây và chỉ ra rằng: (1) về kinh tế, một tỷ lệ lớn những người trưởng thành LGBT báo cáo rằng họ hoặc người trong gia đình của họ đã từng bị mất việc làm trong thời kỳ COVID (56%), cao hơn so với những người không phải LGBT (44%); (2) Về sức khỏe tinh thần: 3/4 số người LGBT (74%) nói rằng, họ lo lắng và căng thẳng từ đại dịch đã có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của họ, so với 49% những người không phải là LGBT, và nói rằng bị ảnh hưởng tiêu cực lớn hơn (49% so với 23%); Và (3) 1/3 (34%) người trưởng thành LGBT nói rằng, tin tức nói chung đã đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của đại dịch (so với 23% người trưởng thành không phải LGBT); 3/4 số người trưởng thành LGBT (74%) "rất lo lắng" hoặc "hơi lo lắng" rằng họ hoặc ai đó trong gia đình sẽ bị bệnh do Corona-virus, tương tự như phản hồi của những người trưởng thành không phải LGBT (67%). Một phần lớn những người trưởng thành LGBT cho biết họ sẵn sàng thực hiện các bước khuyến nghị của CDC để tránh lây nhiễm / lây truyền vi rút.

Tháng 02/2021, Brad Sears và các cộng sự tại Viện Williams thuộc Trường Luật UCLA đã tiến hành phân tích các báo cáo nghiên cứu gần đây nhất về tác động của đại dịch COVID-19 trong mùa thu 2020 đối với người lớn LGBT ở Hoa Kỳ. Số liệu được lấy từ một cuộc khảo sát đại diện trên toàn quốc với 12.000 người trưởng thành được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12/2020, với 842 người trả lời xác định là LGBT. Báo cáo nghiên cứu này chỉ ra rằng, vài tháng sau đại dịch, những người trưởng thành LGBT có nhiều khả năng bị mất việc hơn và gặp nhiều khó khăn trong việc chi trả tiền thuê nhà hoặc phải thế chấp nhà cao gấp đôi so với những người không

[3] https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7833860/

[4] LGBTQ là các chữ cái viết tắt của Lesbian (đồng tính luyến ái nữ), Gay (đồng tính luyến ái nam), Bisexual (song tính luyến ái), Transgender (chuyển giới) và Queer (có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác biệt, hoặc không nhận định mình theo bất kỳ nhãn nào) hoặc Questioning (đang trong giai đoạn tìm hiểu bản thân). https://meta.vn/hotro/lgbtq-la-gi-q-trong-lgbtq-la-gi-8849

ISBN: 978-604-73-8639-0

thuộc cộng đồng LGBT. Đặc biệt là những ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID tới những người LGBT da màu. Những người da màu LGBT có nhiều khả năng bị xét nghiệm dương tính với COVID-19 và nhiều người đã phải trải qua một số bất ổn kinh tế do hậu quả của đại dịch.

Brad Sears viết rằng chính phủ liên bang nên tính đến tác động của đại dịch đối với người LGBT, đặc biệt là người da màu LGBT, vì nó ứng phó với cuộc khủng hoảng và hỗ trợ những người bị ảnh hưởng kinh tế nhiều nhất.

- Tác động của đại dịch COVID-19 đối với các hộ gia đình LGBTQ ở Hoa Kỳ

Tháng 8/2020, một cuộc khảo sát được thực hiện bởi Quỹ Robert Wood Johnson và Trường Y tế Công cộng Harvard, tiến hành từ ngày 01/7 đến ngày 03/8/2020, trên hơn 3.400 người trưởng thành, trong đó có 353 người là LGBTQ. Phù hợp với các nghiên cứu trước đây, cuộc khảo sát cho thấy những người trả lời LGBTQ có thu nhập thấp hơn hai lần so với những người không phải LGBTQ. Báo cáo cho thấy 66% hộ gia đình LGBTQ cho biết có vấn đề tài chính nghiêm trọng so với 44% cá nhân không phải LGBTQ. Gần 40% cho biết họ không thể tiếp cận được với các dịch vụ chăm sóc y tế hoặc bị trì hoãn việc chăm sóc y tế vì các vấn đề nghiêm trọng, so với 19% hộ gia đình không phải LGBTQ.

Trong khi đó, 95% người tham gia cuộc khảo sát LGBTQ da đen cho biết họ phải đối mặt với một hoặc nhiều vấn đề tài chính nghiêm trọng, so với 70% hộ gia đình LGBTQ gốc Latin và 62% người LGBTQ da trắng tham gia. Báo cáo cũng chỉ ra rằng hơn 1/8 người LGBTQ đã mất bảo hiểm y tế kể từ khi đại dịch bắt đầu. Tỷ lệ này cao hơn gấp đôi so với những người không thuộc LGBTQ trong mẫu thăm dò ý kiến.

Các tác giả viết "cần thiết phải được hỗ trợ có mục tiêu và các biện pháp bảo vệ rõ ràng khỏi sự phân biệt đối xử khi đất nước chúng ta tiếp tục vượt qua cơn bão và mong muốn xây dựng lại".

- Kết quả khảo sát trực tuyến về những người đồng tính nam, song tính và những người đàn ông khác có quan hệ tình dục với nam giới trải nghiệm tình dục trong thời gian diễn ra dịch COVID-19 tại Hoa Kỳ

Tháng 9/2020, nhóm tác giả Rob Stephenson và các cộng sự đã công bố kết quả khảo sát 518 người đồng tính nam, song tính và những người đàn ông khác có quan hệ tình dục đồng giới, được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 5/2020, nhằm mục đích tìm hiểu những thay đổi trong hành vi tình dục của nhóm này và tiếp cận các dịch vụ y tế dự phòng cho người HIV, bao gồm cả điều trị dự phòng trước phơi nhiễm.

Báo cáo cho biết khoảng 1/3 nam giới cho biết, đại dịch đã ngăn họ tiếp cận với xét nghiệm HIV hoặc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

Nghiên cứu cũng cho thấy gần 95% số người được hỏi tin rằng có thể nhiễm COVID-19 thông qua nụ hôn, nhưng khoảng một nửa hoặc ít hơn tin rằng có thể nhiễm virus thông qua tất cả các hành vi tình dục khác. Khoảng 9% số người được khảo sát cho biết đại dịch đã ngăn họ tiếp cận với đơn thuốc và gần 1/3 cho biết về việc đi xét nghiệm HIV hoặc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục khác.

Các tác giả viết "Rõ ràng là cần tiếp tục cung cấp các dịch vụ chăm sóc và dự phòng HIV toàn diện trong COVID-19, và telehealth cũng như các nền tảng eHealth khác cung cấp một cơ chế an toàn, linh hoạt để cung cấp dịch vụ".

Họ nói thêm rằng, hoạt động tình dục và hành vi sử dụng chất kích thích có thể ở một mức độ nào đó liên quan đến căng thẳng của đại dịch, "và do đó, các dịch vụ nên xem xét giải quyết nhu cầu sức khỏe tâm thần của những người sống trong tình trạng bế tắc, đồng thời, kết hợp các cuộc thảo luận và chiến lược để quản lý căng thẳng trong quá trình sinh nở của các dịch vụ dự phòng và chăm sóc HIV".

- *Dân số LGBTQ:* Các cộng đồng dễ bị tổn thương về mặt tâm lý trong đại dịch COVID-19

Tháng 8/2020, tác giả John P. Salerno và các cộng sự đã phân tích và gợi mở luận điểm về những thách thức về cấu trúc, xã hội và cá nhân mà cộng đồng LGBTQ phải đối mặt trong đại dịch ở Hoa Kỳ. Nó cũng bao gồm các khuyến nghị để giảm thiểu tác động tâm lý của chấn thương liên quan đến đại dịch đối với các cá nhân LGBTQ.

Các tác giả viết rằng, sự chênh lệch về sức khỏe tâm thần giữa các cá nhân LGBTQ so với những người không phải LGBTQ của họ có liên quan đến bất bình đẳng xã hội, chẳng hạn như tỷ lệ đói nghèo cao hơn và thiếu bảo hiểm.

Bài bình luận cũng chỉ ra những mối đe dọa tâm lý đáng kể mà những người lớn tuổi LGBTQ phải đối mặt do các lệnh yêu cầu ở nhà trong đại dịch.

Người lớn tuổi LGBTQ có nguy cơ độc thân và sống một mình cao gấp hai lần, khả năng có con thấp hơn bốn lần và có nhiều khả năng bị gia đình ruột thịt ghẻ lạnh hơn so với những người khác giới, đồng giới, theo bình luận.

Các tác giả viết: "Điều này rất đáng lo ngại vì sự cô lập xã hội, sự cô đơn và những lo lắng về sức khỏe và sức khỏe tâm thần hiện có có thể trở nên trầm trọng hơn ở những người lớn tuổi LGBTQ vốn đã dễ bị tổn thương do hậu quả của đại dịch COVID-19".

Các tác giả khuyến khích các nhà trị liệu sức khỏe tâm thần, các nhà cung cấp dịch vụ xã hội, người sử dụng lao động và các tổ chức khác phục vụ các cá nhân LGBTQ tiến tới việc cung cấp dịch vụ trực tuyến "để giảm thiểu các tác động sức khỏe tâm thần của chấn thương tâm lý COVID-19 và sự cô lập xã hội".

- Giải quyết các tác động không cân xứng của Đại dịch COVID-19 đối với dân số thiểu số về giới tính và tình dục ở Hoa Kỳ: Hành động hướng tới bình đẳng

Tháng 9/2020, Gregory Phillips và cộng sự đã viết: "Chúng ta phải công nhận cấu trúc của các điều kiện xã hội, chính trị và lịch sử của chúng ta như là những tiền lệ tạo ra điều kiện vật chất mà theo đó các nhóm dân cư bị thiệt thòi có thể bị ảnh hưởng một cách không cân xứng bởi các cuộc khủng hoảng như đại dịch COVID-19".

Nhóm tác giả giải thích thêm rằng, các nhóm dân số thiểu số về giới tính và tình dục - thuật ngữ học thuật đề cập đến các cá nhân LGBTQ - ít có khả năng tìm kiếm sự chăm sóc do sự kỳ thị, phân biệt đối xử và các yếu tố kinh tế khiến chăm sóc y tế không đủ khả năng chi trả cho họ. Họ cũng bị ảnh hưởng đáng kể bởi nghèo đói, thiếu bảo hiểm và thất nghiệp. Ngoài ra, đại dịch có thể gây ra gánh nặng cao hơn về sức khỏe tâm thần. Các tác giả viết: "Sự thiếu phản ứng về văn hóa giữa các chuyên gia chăm sóc sức khỏe đã kéo dài sự chênh lệch về sức khỏe, kết hợp với những hạn chế trong hệ thống giám sát dịch tễ học, dẫn đến những thách thức trong việc định lượng tác động của COVID-19 đối với các nhóm dân số bị thiệt thòi".

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Họ đặt ra 04 ưu tiên hành động ngay lập tức để giải quyết nhu cầu của các cá nhân LGBTQ: năng lực văn hóa trong bệnh viện và hệ thống y tế; cải thiện việc thu thập dữ liệu ở cấp địa phương, tiểu bang và liên bang để bao gồm các nhóm LGBTQ; nghiên cứu thêm về tác động của đại dịch đối với nhóm này; và việc tạo ra các kế hoạch ứng phó với thiên tai bao gồm rõ ràng các sáng kiến tập trung vào công bằng

- Xu hướng chênh lệch giới tính về các yếu tố rủi ro đối với các kết quả bất lợi liên quan đến COVID-19, theo từng dân tộc

Tháng 02/2021, các tác giả Kevin C. Heslin và Jeffrey E. Hall ở Trung tâm kiểm soát dịch bệnh CDC MMWR đã xem xét các tác động về sức khỏe không cân xứng của đại dịch COVID-19 đối với những người trưởng thành LGBT. Báo cáo sử dụng Hệ thống giám sát các yếu tố rủi ro hành vi - một cuộc khảo sát qua điện thoại liên quan đến sức khỏe trên toàn nước Hoa Kỳ. Và họ kết luận rằng, "hệ thống giám sát COVID-19 hiện tại không nắm bắt được thông tin về khuynh hướng tình dục". Các nhà nghiên cứu đã kết hợp dữ liệu từ các cuộc khảo sát BRFSS từ năm 2017 đến năm 2019, bao gồm 24.500 cá nhân được xác định là đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc đồng tính nam hoặc lưỡng tính. Báo cáo lưu ý rằng, "mặc dù BRFSS bao gồm câu hỏi về nhận dạng giới tính, nhưng số lượng người trả lời xác định là chuyển giới hoặc không phải là người song tính là quá nhỏ so với các ước tính đáng tin cậy so với phần lớn dân số là giới tính". Báo cáo xác định một số tình trạng sức khỏe tiềm ẩn làm tăng hoặc có thể làm tăng nguy cơ mắc bệnh liên quan đến COVID-19 nghiêm trọng hơn, phổ biến hơn ở những người trưởng thành đồng tính nam, đồng tính nữ và lưỡng tính so với những người được xác định là dị tính. Hơn nữa, báo cáo cho thấy, "những người trưởng thành thiểu số tình dục là thành viên của các nhóm dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng không tương xứng bởi đại dịch cũng có tỷ lệ mắc một số tình trạng sức khỏe này cao hơn so với những người lớn thuộc dân tộc thiểu số là người dị tính".

Các tác giả kêu gọi mở rộng việc thu thập dữ liệu về khuynh hướng tình dục và nhận dạng giới tính cho các hệ thống giám sát để giúp đưa ra quyết định hỗ trợ người LGBT trong và sau đại dịch.

3.3. Sự phân biệt và kỳ thị đối với người LGBT tại Uganda trong thời gian dịch COVID-19[5]

Young Park đã chỉ ra rằng: các hình thức quấy rối người LGBT ở Uganda đã gia tăng kể từ khi đại dịch COVID-19 bắt đầu. Bài báo trích lời của Giám đốc điều hành Nhóm Người thiểu số tình dục Uganda, Frank Mugisha, nói rằng: "cộng đồng LGBT đã phải đối mặt với quá nhiều sự phân biệt đối xử, nhưng giờ đây với loại corona-virus này, mọi thứ đang trở nên tồi tệ hơn… chúng tôi đã có báo cáo về việc các thành viên LGBTQI bị đổ lỗi cho virus". Trong một số trường hợp, trong suốt một năm rưỡi qua, cảnh sát Uganda đã sử dụng các biện pháp ứng phó COVID-19 để bắt giữ một cách tùy tiện và vi phạm thêm quyền con người của những người LGBT ở Uganda.

Ngoài ra, theo báo cáo của Liên hợp quốc, số người các gia đình có người LGBT bị giảm thu nhập. Kết quả nghiên cứu tại Công hòa Dominican, hơn 1/2 số người được hỏi phải chỉ số bữa ăn hàng ngày; 72% những hộ gia đình đó cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận tới các vật dụng phòng dịch như khẩu trang; và 45% số này khi có nhu cầu không thể tiếp cận tới các dịch vụ y tế[6].

[5] http://opiniojuris.org/2021/06/30/stigmatization-and-criminalization-of-lgbt-persons-in-uganda-during-the-covid-19-pandemic/

[6] Impact of the COVID-19 pandemic on human rights of LGBT persons

4. KẾT LUẬN

Trong đại dịch COVID-19, những người LGBTQ đang phải đối mặt với nguy cơ bị cô lập về mặt xã hội, có nguy cơ không tiếp cận được với các mạng lưới hỗ trợ xã hội hoặc dịch vụ y tế, và khó thể hiện bản sắc của chính họ. Ngoài ra, cộng đồng LGBT có nhiều nguy cơ gặp phải các hậu quả tâm lý hơn vì họ nhạy cảm hơn với căng thẳng.

Đại dịch COVID-19 đã làm tăng số người LGBT bị trầm cảm, lo lắng, căng thẳng và bị các sang chấn tâm lý khác. Việc cung cấp dịch vụ xã hội và tư vấn tâm lý cho người LGBT gặp nhiều khó khăn trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Người LGBT có nguy cơ bị kỳ thị và phân biệt khi tiếp cận với các dịch vụ y tế trong thời gian dịch COVID-19.

5. KHUYẾN NGHỊ

Báo cáo nghiên cứu về ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với người LGBT tại Hoa Kỳ, tại Chi Lê và Uganda sử dụng phương pháp nghiên cứu khác nhau, nhưng đều đưa ra kết quả khá tương đồng. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới (LGBT) bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19. Nhiều người bị mất việc làm, bị phân biệt và gặp khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ y tế.

Trong thời gian dịch COVID-19, những người LGBT có nguy cơ bị trầm cảm, lo lắng, căng thẳng và gặp nhiều khó khăn khác; Việc cung cấp dịch vụ xã hội và tư vấn tâm lý cho người LGBT gặp nhiều khó khăn; Người LGBT có nguy cơ bị kỳ thị và phân biệt khi tiếp cận với các dịch vụ y tế.

Các nhà khoa học khuyến nghị: nâng cao năng lực văn hóa về giới trong bệnh viện và hệ thống cơ sở y tế; cải thiện việc thu thập dữ liệu ở cấp địa phương và cấp quốc gia về người LGBT; nghiên cứu sâu thêm về những ảnh hưởng của đại dịch đối với những người LGBT; và cần đề ra các kế hoạch hỗ trợ họ tiếp cận với các dịch vụ xã hội và y tế một cách công bằng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barrientos, M. Guzmán-González, A. Urzúa, and F. Ulloa (2021), "Psychosocial impact of COVID-19 pandemic on LGBT people in Chile". *Sexologies*. 2021 January-March; 30(1): e35-e41
2. Brad Sears, Kerith J. Conron, Andrew R. Flores (2020), "The Impact of the Fall 2020 COVID-19 Surge on LGBT Adults in the U.S". *Williams Institute*. https://williamsinstitute.law.ucla.edu/publications/covid-surge-lgbt/
3. Gilbert Gonzales, Emilio Loret de Mola, Kyle A Gavulic, Tara McKay, Christopher Purcell (2021), "Mental Health Needs Among Lesbian, Gay, Bisexual, and Transgender College Students During the COVID-19 Pandemic". *J Adolesc Health*. 2020 Nov;67(5):645-648. DOI: 10.1016/j.jadohealth.2020.08.006
4. Gregory Phillips (2020). "Addressing the Disproportionate Impacts of the COVID-19 Pandemic on Sexual and Gender Minority Populations in the United States: Actions Toward Equity". *LGBT Health*. August/September 2020; 7(6): 279-282. DOI: 10.1089/lgbt.2020.0187
5. John P. Salerno, Natasha D. Williams, Karina A. Gattamorta (2020). "LGBT populations: Psychologically vulnerable communities in the COVID-19 pandemic", *Psychol Trauma.* 2020 Aug;12(S1):S239-S242. DOI: 10.1037/tra0000837.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

6. Dagnino P., Anguita V., Escobar K., Cifuentes S. (2020), "Psychological effects of social isolation due to quarantine in chile: an exploratory study". *Front Psychiatry*. doi: 10.3389/fpsyt.2020.591142.

7. European Centre for Disease Prevention and Control-ECDPC. (2020). *COVID-19 global overview. Covid-19 Situation Dashboard*. Retrieved from: https://qap.ecdc.europa.eu/public/extensions/COVID-19/COVID-19.html.

8. Feinstein B.A., Hall C.D.X., Dyar C., Davila J. (2020). "Motivations for sexual identity concealment and their associations with mental health among bisexual, pansexual, queer, and fluid (Bi+) individuals". *J Bisexuality*. 20:324–341. doi: 10.1080/15299716.2020.1743402

9. Fish J.N., McInroy L.B., Paceley M.S., Williams N.D., Henderson S., Levine D.S. (2020). "I'm Kinda Stuck at Home With Unsupportive Parents Right Now": LGBTQ Youths' experiences With COVID-19 and the importance of online support". *J Adolesc Health*. 67:450–452. doi: 10.1016/j.jadohealth.2020.06.002.

10. Gato J., Leal D., Seabra D. (2020). "When home is not a safe haven: effects of the COVID-19 pandemic on LGBTQ adolescents and young adults in Portugal". Psicologia. *Rev Assoc Portug Psicol.* 34: 89–100. doi: 10.17575/psicologia.v34i2.1667.

11. Gato J., Barrientos J., Tasker F., Miscioscia M. (2020). "Psychosocial effects of the COVID-19 pandemic and mental health among LGBTQ+ young adults: a cross-cultural comparison across six nations". *J Homosex*. doi: 10.1080/00918369.2020.1868186.

12. Gawai J.P., Singh S., Taksande V.D. (2020). "Critical review on impact of COVID-19 and mental health". *J Evol Med Dent Sci.* 9(30):2158–2163. doi: 10.14260/jemds/2020/470.

13. Guzmán-González M., Barrientos J., Saiz J.L. (2020). "Salud mental en población transgénero y género no conforme en Chile". *Rev Med Chil.* 148(8):1085-1092.

14. Kevin C. Heslin, Jeffrey E. Hall (2021). "Sexual Orientation Disparities in Risk Factors for Adverse COVID-19–Related Outcomes, by Race/Ethnicity - Behavioral Risk Factor Surveillance System, United States", 2017–2019. *CDC Weekly*, February 5, 2021 / 70(5);149-154

15. Lindsey Dawson et al. (2021). "The Impact of the COVID-19 Pandemic on LGBT+ People's Mental Health". *KFF*.
https://www.kff.org/coronavirus-covid-19/poll-finding/the-impact-of-the-covid-19-pandemic -on-lgbt-people/

16. OutRight Action. (2020). *Vulnerabilidad amplificada. El impacto de la pandemia del COVID-19 en las personas LGBTIQ*. Retrieved from:
https://outrightinternational.org/sites/default/files/COVID%20REPORT%20ESPAÑOL%20CORREGIDO.pdf.

17. Pedrosa A.L., Bitencourt L., Fróes A., Cazumbá M., Campos R., de Brito S. (2020). "Emotional, behavioral, and psychological impact of the COVID-19 pandemic". *Front Psychol.* 11:566212. doi: 10.3389/fpsyg.2020.566212.

18. Pera A. (2020). "Cognitive, behavioral, and emotional disorders in populations affected by the COVID-19 outbreak". *Front Psychol.* 11:2263. doi: 10.3389/fpsyg.2020.02263.

19. Rob Stephenson và cs . (2020). "Contrasting the Perceived Severity of COVID-19 and HIV Infection in an Online Survey of Gay, Bisexual, and Other Men Who Have Sex With Men During the U.S. COVID-19 Epidemic". *American Journal of Men's Health*, DOI: 10.1177/1557988320957545

20. Saladino V., Algeri D., Auriemma V. (2020). "The psychological and social impact of Covid-19: new perspectives of well-being". *Front Psychol*. doi: 10.3389/fpsyg.2020.577684.

21. Salari N., Hosseinian-Far A., Jalali R., Vaisi-Raygani A., Rasoulpoor S., Mohammadi M. (2020). "Prevalence of stress, anxiety, depression among the general population during the COVID-19 pandemic: a systematic review and meta-analysis". *Glob Health.* 16(1):57. doi: 10.1186/s12992-020-00589-w.

22. Salerno J.P., Devadas J., Pease M., Nketia B., Fish J.N. (2020). "Sexual and gender minority stress amid the COVID-19 pandemic: implications for LGBTQ young persons' mental health and well-being". *Public Health Rep.* 00(0):1-7. doi: 10.1177/0033354920954511.

23. Sanchez T.H., Zlotorzynska M., Rai M., Baral S.D. (2020). "Characterizing the impact of COVID-19 on men who have sex with men across the United States in April, 2020". *AIDS Behav.* 24(7):2024–2032. doi: 10.1007/s10461-020-02894-2.

24. Santos G.M., Ackerman B., Rao A., Wallach S., Ayala G., Lamontage E. (2020). "Economic, mental health, HIV prevention and HIV treatment impacts of COVID-19 and the COVID-19 response on a global sample of cisgender gay men and other men who have sex with men". *AIDS Behav.* 1-11. doi: 10.1007/s10461-020-02969-0.

25. Suen Y., Chan R., Wong E. (2020). "Effects of general and sexual minority-specific COVID-19-related stressors on the mental health of lesbian, gay and bisexual people in Hong Kong". *Psychiatry Res* 292:113365. doi: 10.1016/j.psychres.2020.113365.

26. Vindegaard N., Eriksen Benros M. (2020). "COVID-19 pandemic and mental health consequences: systematic review of the current evidence". *Brain Behav Immun.* 89:531–542. doi: 10.1016/j.bbi.2020.05.048.

27. World Health Organization. (2020). *Situation Report 20200928*. Retrieved from https://www.who.int/docs/default-source/coronaviruse/situation-reports/20200928-weeklyepi-update.pdf?sfvrsn=9e3546656.

28. Xiong J., Lipsitz O., Nasri F., Lui L., Gill H., Phan L. (2020). "Impact of COVID-19 pandemic on mental health in the general population: a systematic review". *J Affect Disord* 277:55–64. doi: 10.1016/j.jad.2020.08.001.

29. Opinio Juris (30/6/2021). *Stigmatization and Criminalization of LGBT Persons in Uganda during the COVID-19 pandemic*, http://opiniojuris.org/2021/06/30/stigmatization-and-criminalization-of-lgbt-persons-in-uganda-during-the-covid-19-pandemic/

30. Movement Advancement Project (2020). *The disproportionate impacts of covid-19 on LGBTQ households in the U.S.* https://www.lgbtmap.org/file/2020-covid-lgbtq-households-report.pdf

31. Naseem S. Miller (19/02/2021). *"*The impact of COVID-19 on LGBTQ communities: A research roundup". *The Journalist's Resource,* https://journalistsresource.org/home/covid-19-lgbtq-research/

NHỮNG RÀO CẢN CỦA THANH NIÊN LGBT TRONG TIẾP CẬN DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÂM LÝ TẠI VIỆT NAM

BARRIERS OF LGBT YOUTH IN GAINING ACCESS TO PSYCHOLOGICAL SUPPORT SERVICES IN VIETNAM

Đỗ Thị Nga*

Nguyễn Thị Huỳnh Oanh**

TÓM TẮT

LGBT - viết tắt của các chữ Lesbian (người đồng tính nữ), Gay (đồng tính nam), Bisexual (song tính) và Transgender (người chuyển giới), thuật ngữ không quá xa lạ với người Việt Nam trong những năm gần đây. Bởi lẽ, hình ảnh tích cực về người LGBT hiện diện nhiều trên truyền thông, thông qua các chương trình giải trí, báo đài và báo chí góp phần đưa hình ảnh người LGBT gần hơn với cộng đồng không chỉ với những thành phố lớn mà còn ở các tỉnh, nông thôn. Nhằm giúp người LGBT tiếp cận với môi trường học đường, môi trường làm việc an toàn, bình đẳng, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử trên cơ sở giới một số trường học đã đưa chủ đề LGBT vào các hoạt động ngoại khóa, chủ đề để thảo luận hay thậm chí trở thành môn học. Dù đã có những bước chuyển tích cực, nhưng dường như sự đồng hành trong tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý với thanh niên LGBT bị bỏ quên và chưa nhận được sự quan tâm kịp thời, việc tiếp cận dịch vụ y tế đã khó khăn, tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý lại càng khó khăn hơn, đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid 19 đang diễn biến phức tạp trong 2 năm gần đây. Bài viết tập trung phân tích những rào cản tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý của thanh niên LGBT tại Việt Nam, bên cạnh đó, dựa trên những bài học kinh nghiệm từ quốc tế để chúng tôi đề xuất các giải pháp nhằm rút ngắn rào cản trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam.

Từ khóa: *LGBT, thanh niên LGBT, rào cản, dịch vụ hỗ trợ tâm lý.*

ABSTRACT

LGBT - Abbreviation of the words Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender, is a familiar term to Vietnamese people in recent years. Because the positive image of LGBT people presented a lot in the media, through entertainment programs, radio and newspapers, has been brought closer to the community not only in big cities but also in the community, and in the provinces and rural areas. In order to help LGBT people access the school environment, a safe and equal working environment without stigma and discrimination on the basis of gender, some schools have included LGBT topics in extracurricular activities. This discussing topic even become a school subject. Although there have been such positive changes, it seems that the companion in accessing psychological support services for LGBT youth has been neglected and has not received timely attention. The economic situation has been difficult, accessing mental support services is even more difficult, especially during the complicated COVI-19 period in the last 2 years. The article focuses on analyzing the barriers to accessing psychological support services of LGBT youth in Vietnam, which based on lessons learned from international experiences to shorten barriers in the context of Vietnam.

Keywords: *LGBT, youth of LGBT, barriers, psychological support services.*

* Tiến sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: dothinga@hcmussh.edu.vn

** HVCH, Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: nguyenoanh020796@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo dõi trang thuvien.lgbt được vận hành bởi Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường cho thấy, trong những năm gần đây, LGBT là chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng, các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ và các học giả quan tâm nghiên cứu và đề xuất dự án nhằm thay đổi và nâng cao nhận thức cộng đồng về người LGBT, góp phần giảm phân biệt đối xử, kỳ thị với người LGBT trong gia đình, học đường, công sở, cộng đồng địa phương và xã hội. Đây là một dấu hiệu đáng mừng để người LGBT tự tin hiện diện được sống là chính mình và cống hiến hết mình cho xã hội [4].

Kỳ thị và phân biệt đối xử với người LGBT hay sự không chấp nhận của gia đình, nhà trường và xã hội là một trong những nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần người LGBT. Khoảng cách chênh lệch giữa nhu cầu tiếp cận dịch vụ và sự đáp ứng của dịch vụ hỗ trợ tâm lý người LGBT đang rất cần sự quan tâm của cộng đồng, các học giả, các nhà trí thức tham gia nghiên cứu và đề xuất các phương án cải thiện phù hợp với bối cảnh Việt Nam, để không ai bị bỏ lại phía sau. Từ những nghiên cứu có tính lý luận và thực tiễn của vấn đề đã thôi thúc chúng tôi chọn chủ đề "Những rào cản của thanh niên LGBT trong tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý tại Việt Nam" để nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các số liệu thứ cấp từ các khảo sát, nghiên cứu của Tổ chức Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT tại Việt Nam (ICS), nơi chúng tôi là thành viên cùng nghiên cứu với ICS và được ICS cho phép sử dụng số liệu này, các nghiên cứu, bài báo quốc tế để học hỏi kinh nghiệm mà các nước đã thực hành nhằm rút ngắn khoảng cách tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý cho nhóm thiểu số về giới này.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi hệ thống những kiến thức và kinh nghiệm của các tài liệu, sách báo liên quan đến hỗ trợ tâm lý với người LGBT, những kiến thức và kinh nghiệm về những rào cản tiếp cận hỗ trợ tâm lý của nhóm dễ tổn thương này tại Việt Nam và trên thế giới. Nghiên cứu tổng hợp các các chính sách, chủ trương hiện nay của Chính phủ áp dụng cho người LGBT. Tác giả tìm kiếm, thu thập, sử dụng và tổng quan các tài liệu có sẵn, từ các báo cáo, tạp chí, công trình nghiên cứu, giáo trình, tài liệu khoa học tin cậy từ các kênh thông tin truyền thông,… liên quan đến người LGBT.

Bên cạnh đó, tác giả có sử dụng các số liệu thứ cấp của các cuộc khảo sát từ các tổ chức hoạt động vận động quyền và hỗ trợ người LGBT tại Việt Nam, cụ thể:

Thứ nhất, kết quả khảo sát người LGBTI+ về hỗ trợ tâm lý được thực hiện bởi Trung tâm ICS, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Touching Soul Center nhằm thu thập thông tin, ghi nhận ý kiến của Cộng đồng LGBTI+ và các nhà tham vấn tâm lý khi hỗ trợ các tham vấn tâm lý cho Cộng đồng LGBTI+ Việt Nam vào tháng 10/2020.

Khảo sát được thực hiện trực tuyến bằng cách trả lời bảng hỏi. Mẫu nghiên cứu được sàng lọc bao gồm 404 người tham gia trên tổng số 419 bản trả lời. Xét theo nơi sinh sống, số người tham gia đến từ Thành phố Hồ Chí Minh là cao nhất (167 người), tiếp đến là Hà Nội (101 người), các tỉnh/thành phố còn lại sau khi tổng hợp kết quả bao gồm: 25 người tham gia sống tại các

 ISBN: 978-604-73-8639-0

tỉnh/thành phố miền Bắc, 34 người sống tại các tỉnh/thành phố miền Trung, và 74 người sống tại các tỉnh/thành phố miền Nam. Đa phần người tham gia nghiên cứu thuộc các nhóm tuổi trẻ, 80,4% mẫu thuộc nhóm 18-24 tuổi, chỉ có 1,7% thuộc nhóm từ 35 trở lên.

Xét theo bản dạng giới và xu hướng tính dục, mẫu nghiên cứu bao gồm: 16,8% là người đồng tính nam; 24,5% đồng tính nữ; 1,5% song tính nam; 23% song tính nữ; 9,9% chuyển giới nam; 4% chuyển giới nữ; 9,4% người hợp giới[1] thuộc các bản dạng tự nhận khác; 10,4 % người không hợp giới[2] thuộc các bản dạng tự nhận khác.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu Tác động của Covid-19 tới cuộc sống và nhu cầu của người LGBTI+ do Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường thực hiện (2020):

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra trực tuyến, đường dẫn đến bộ câu hỏi được chia sẻ trên trang Facebook chính thức của Viện iSEE và thông qua các kênh trực tuyến của các tổ chức, nhóm cộng đồng LGBT. Thời gian thu thập số liệu vào tháng 5/2020.

Mẫu nghiên cứu sau khi sàng lọc có 923 bản ghi hoàn thiện. Trong đó, số người tham gia đến từ Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là cao nhất (371 người), tiếp đến là Hà Nội 5 (253 người), các tỉnh/thành phố còn lại sau khi tổng hợp kết quả bao gồm: 78 người tham gia sống tại các tỉnh/thành phố miền Bắc, 103 người sống tại các tỉnh/thành phố miền Trung, và 118 người sống tại các tỉnh/thành phố miền Nam. Xét theo bản dạng giới và xu hướng tính dục, mẫu nghiên cứu bao gồm: 22,2% là người đồng tính nam; 25,1% đồng tính nữ; 1,7% song tính nam; 20,8% song tính nữ; 11,7% chuyển giới nam; 4,3% chuyển giới nữ; 8,5% người hợp giới thuộc các bản dạng tự nhận khác; 5,6% người không hợp giới thuộc các bản dạng tự nhận khác. Đa phần người tham gia từ 18-24 tuổi: 81,5%, nhóm từ 35 tuổi trở lên chiếm 1,3%. [2].

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Một số khái niệm công cụ

Khái niệm LGBT

L - Lesbian: *Người đồng tính nữ:* Là người nữ cảm thấy hấp dẫn về mặt tình cảm và thể chất với người cùng giới.

G - Gay: *Người đồng tính nam:* Là người nam cảm thấy hấp dẫn về mặt tình cảm và thể chất với người cùng giới.

B - Bisexual: *Người song tính:* Là người cảm thấy hấp dẫn về mặt tình cảm và thể chất với cả hai giới.

T - Transgender: *Người chuyển giới:* Là người có giới tính bẩm sinh không trùng với giới tính mong muốn của họ. Bao gồm cả người đã can thiệp y tế để chuyển đổi giới tính và chưa can thiệp y tế.

LGBT trong bài viết này được sử dụng đại diện cho nhóm cộng đồng thiểu số về giới. Vì ngoài 4 nhóm giới được nói trên, trong một số tài liệu có bổ sung chữ I: Intersex: *Người liên giới* tính, chữ Q: Queer: *Người đa dạng giới,* chữ A: Asexual: *Người vô tính,* "+": Plus: *Các giới khác…*

---

[1] *Người hợp giới:* Người hợp giới (Cis) Là những người có giới tính ấn định khi sinh trùng với bản dạng giới của họ. Họ có thể tự nhận là người dị tính, người đồng tính, song tính, hay các bản dạng khác.

[2] *Người không hợp giới:* Là những người có giới tính ấn định khi sinh không trùng với bản dạng giới của họ. Họ có thể tự nhận là người chuyển giới hoặc các bản dạng khác.

Khái niệm dịch vụ hỗ trợ tâm lý và tiếp cận dịch vụ

Dịch vụ và tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý cho thanh niên LGBT cần làm sáng tỏ một số ý như sau:

Dịch vụ hỗ trợ tâm lý có thể là dịch vụ tham vấn, trị liệu tâm lý, hỗ trợ trực tiếp và tư vấn can thiệp một số vấn đề tâm lý tiêu cực như: các rối loạn lo âu, trầm cảm, căng thẳng, buồn chán, sợ hãi,… nó có thể xảy ra ở các cấp độ khác nhau. Nếu như những vấn đề tâm lý tiêu cực đó không được giải quyết, người mang tâm lý đó có thể phải sống trong đau khổ, cảm giác lo lắng quá mức, mất niềm tin, buông xuôi, giảm chất lượng cuộc sống (Phạm Minh Tuấn, 2020).

Sự tiếp cận là một cụm từ chung dùng để miêu tả mức độ một sản phẩm, thiết bị, dịch vụ, hoặc môi trường có thể được sử dụng bởi càng nhiều người càng tốt. Sự tiếp cận có thể được xem như khả năng tiếp cận và khả năng hưởng lợi từ một hệ thống hay vật chất[3]. Tiếp cận có thể có nhiều phương diện, bao gồm kinh tế, vật chất, hành chính, nhận thức và tâm lý.

Như vậy có thể hiểu, tiếp cận dịch vụ là mối quan hệ tương tác qua lại giữa một bên cung cấp dịch vụ và một bên có nhu cầu sử dụng dịch vụ trong một môi trường bị chi phối bởi hành lang pháp lý (theo quy định của pháp luật).

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập đến các dịch vụ hỗ trợ tâm lý cho thanh niên LGBT.

Khái niệm thanh niên LGBT

Điều 1 Luật Thanh niên quy định, thanh niên là công dân Việt Nam từ 16-30 tuổi [3]. Hay thanh niên còn gọi là những người trẻ hoặc người trẻ tuổi, là thuật ngữ chung chỉ một người trong độ tuổi khoảng 18-30, mặc dù các định nghĩa và quan điểm về độ tuổi này rất đa dạng, phong phú[4].

Thanh niên LGBT là những người đồng tính nữ, những người đồng tính nam, những người song tính hoặc chuyển giới trong độ tuổi từ 18 đến 30.

Rào cản thường được hiểu là những chướng ngại không cho ai hay cái gì vượt qua, tạo nên ngăn cách, cản trở trong giao tiếp và trong các lĩnh vực của cuộc sống.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến những rào cản của thanh niên LGBT là những cản trở về mặt tâm lý, về giao tiếp về các chuẩn mực xã hội về các giá trị đạo đức, luân lý,… khiến họ không thể tham gia được các dịch vụ hỗ trợ. Các dịch vụ hỗ trợ cho thanh niên LGBT rất đa dạng, có thể là sự hỗ trợ việc làm, hỗ trợ y tế sức khỏe, hỗ trợ công khai giới tính, hỗ trợ những khó khăn tâm lý…

2.2.2. Thực trạng những rào cản của thanh niên LGBT trong tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý tại Việt Nam

Nhu cầu tiếp cận hỗ trợ tâm lý

Các báo cáo khảo sát về hỗ trợ tham vấn tâm lý cho Cộng đồng LGBT Việt Nam cho thấy:

[3] https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%B1_ti%E1%BA%BFp_c%E1% BA%ADn (truy cập lúc 22:36 ngày 10/11/2021)

[4] https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_ni%C3%AAn (truy cập lúc 22:36 ngày 10/11/2021)

ISBN: 978-604-73-8639-0

Bảng 1. Các chủ đề cần hỗ trợ tâm lý của cộng đồng LGBT tại Việt Nam

STT	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Các chủ để liên quan tới công khai	77	31.3
2	Các chủ đề liên quan tới bạo lực (ví dụ: bắt nạt)	26	10.8
3	Các chủ đề về sức khỏe tâm trí (ví dụ: bệnh tâm lý, stress)	195	79.5
4	Các chủ đề liên quan đến người chuyển giới (ví dụ, sử dụng liệu pháp hormone)	31	13.3
5	Các chủ đề liên quan đến xu hướng tính dục và bản dạng giới khác	97	39.8
6	Quan hệ gia đình	127	52.2
7	Quan hệ tình cảm	108	44.2
8	Học tập	84	35.3
9	Công việc	93	37.8

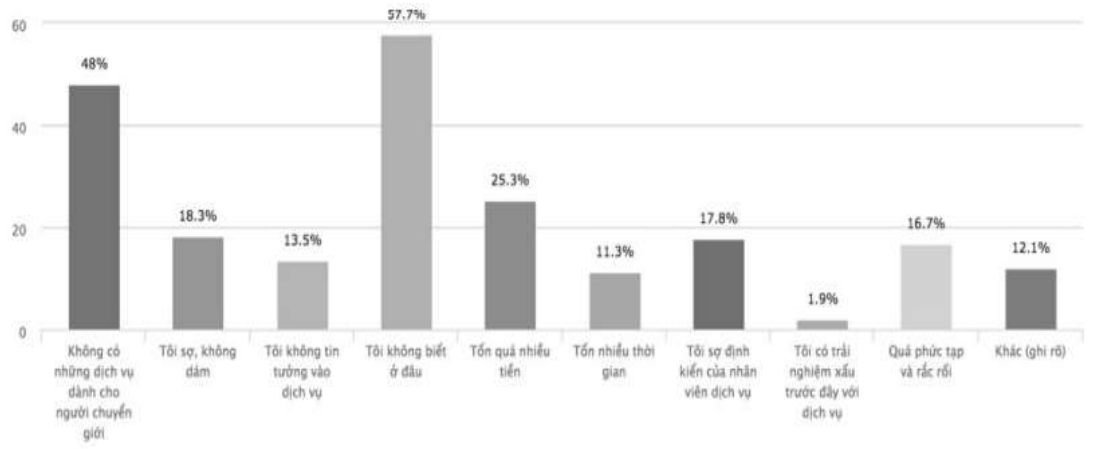
(Nguồn: Trung tâm ICS, 2020)



Biểu đồ 1. Nhu cầu hỗ trợ tâm lý của cộng đồng LGBT tại Việt Nam

(Nguồn: iSEE, 2020)

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 1 và Biểu đồ 1 cho thấy, thanh thiếu niên LGBT có nhu cầu hỗ trợ tâm lý rất cao, các lĩnh vực cần hỗ trợ cũng rất đa dạng: Hỗ trợ về sức khỏe tâm trí (79,5%); Hỗ trợ quan hệ gia đình (52,2%); Hỗ trợ quan hệ tình cảm (44,2%); Hỗ trợ liên quan đến công việc, công sở (37,8%); Hỗ trợ liên quan đến học tập (35,3%); Hỗ trợ liên quan đến việc công khai giới tính (31,3%). Như vậy, theo nghiên cứu trên thì nhu cầu hỗ trợ tâm lý nói chung của thanh niên LGBT là rất cao và cần thiết. Vì vậy, theo nhóm nghiên cứu, các nhà chức trách xã hội, những người có liên quan đến các dịch vụ xã hội, đặc biệt là những người có chuyên môn về tâm lý cần lưu ý, quan tâm hỗ trợ giúp đỡ nhóm thanh niên LGBT để các dịch vụ hỗ tâm lý được đến gần và có hiệu quả. Giúp cho thanh niên LGBT giải quyết những khó khăn đang gặp phải trong cuộc sống.



Biểu đồ 2. Những rào cản không tiếp cận được dịch vụ của thanh niên LGBT

(Nguồn: iSEE,2020)

Kết quả Biểu đồ 2 cho thấy, có một số rào cản đã trở thành rào cản rất lớn khiến thanh niên LGBT không tiếp cận được dịch vụ là: Thanh niên LGBT không biết được dịch vụ hỗ trợ ở đâu để tìm đến (57,7%) hay không có dịch vụ hỗ trợ cho người chuyển giới (48%) hoặc là tốn quá nhiều tiền để trả phí dịch vụ (25,3%), hoặc là thanh niên LGBT sợ không dám đến do họ bị kỳ thị và phân biệt đối xử (18,3%),…

Từ kết quả Biểu đồ 2 cho thấy, các trung tâm hỗ trợ người yếu thế, trong đó có thanh niên LGBT, cần nâng cao hơn nữa công tác truyền thông quảng bá rộng rãi trong xã hội vì có số lượng lớn thanh niên LGBT không biết trung tâm nằm ở đâu và cần kết hợp các dịch vụ trong trung tâm hỗ trợ tâm lý nói chung, trong đó nhân viên xã hội cần được tập huấn bổ sung kiến thức và kỹ năng hỗ trợ người LGBT. Có thể xem xét miễn giảm phí dịch vụ cho thanh niên đến tham vấn và hỗ trợ tâm lý cũng như các vấn đề khác có liên quan. Cần nâng cao nhận thức của cộng đồng về người LGBT để giảm bớt sự định kiến kỳ thị phân biệt đối xử.

Bảng 2. Rào cản khiến thanh niên LGBT chưa từng tìm đến dịch vụ hỗ trợ

STT	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Không đủ khả năng tài chính	153	37.3
2	Không có thời gian	89	22.4
3	Không biết nơi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tâm lý	216	52.9
4	Lo ngại khi phải xin phép cha mẹ	88	21.6
5	Lo ngại về khả năng tìm được nhân viên hỗ trợ tâm lý có kiến thức về LGBTI+	165	40.4
6	Sợ bị tiết lộ mình là người LGBTI+	80	19.7
7	Thiếu nhân viên hỗ trợ tâm lý là người LGBTI+	92	22.4

(Nguồn: Trung tâm ICS, 2020)

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Kết quả B\bảng 2 cho thấy, những rào cản khiến thanh niên LGBT không tìm đến các dịch vụ hỗ trợ tâm lý: lý do lớn nhất là không biết nơi cung cấp dịch vụ (52,9%). Tiếp đến là các thanh niên LGBT lo ngại sẽ không tìm được nhân viên hỗ trợ tâm lý có kiến thức về LGBT (40,4%), tiếp theo là lý do tài chính (37,3%), chiếm tỷ lệ phần trăm cao. Từ những kết quả trên cho thấy, có rất nhiều rào cản khiến nhóm thanh niên LGBT chưa tiếp cận được dịch vụ hỗ trợ tâm lý. Điều này làm cho họ bị mất đi cơ hội, sự tự tin, khi tiếp cận dịch vụ gây khó khăn cho việc giải quyết những vấn đề họ đang gặp phải.

Nguyên nhân

Dựa trên báo cáo khảo sát người LGBT năm 2020 do Trung tâm ICS, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Touching Soul Center cho thấy, rào cản lớn nhất với người LGBT khi có nhu cầu tiếp cận dịch vụ hỗ trợ tâm lý là việc không biết tới địa chỉ cung cấp dịch vụ (52,9%). Tiếp theo, lo ngại về khả năng tìm được nhân viên hỗ trợ tâm lý có kiến thức về LGBTI+ (40,4%) và rào cản về tài chính (37,3%). Phần lớn người cho biết khả năng tài chính không đủ để sử dụng dịch vụ hỗ trợ tâm lý là người từ 18-24 tuổi và có thu nhập dưới 5 triệu. Cũng độ tuổi này, thanh niên LGBT bắt đầu có nhiều sự thay đổi, ví dụ, xa nhà để làm quen môi trường học mới, lĩnh hội tri thức, trải nghiệm mới,… đi kèm theo đó là những áp lực từ cuộc sống, nếu không được hỗ trợ kịp thời có thể dẫn đến trầm cảm, rối loạn tâm lý. Đối với thanh niên là người LGBT, ngoài những áp lực là một người thanh niên có những thay đổi nói trên, còn đối diện với sự không chấp nhận từ gia đình, bạn bè, trường học, sự định kiến kỳ thị và phân biệt đối xử sẽ góp phần làm cho nhóm đối tượng này tự ti, không muốn tìm hiểu và tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ tâm lý.

Một số nguyên nhân mà người chuyển giới không tìm đến sự hỗ trợ tâm lý là do: Không biết địa điểm có dịch vụ hỗ trợ tâm lý (57,7%); Không có những dịch vụ dành riêng cho người chuyển giới (48%); Tốn quá nhiều tiền (25,3%); Sợ, không dám đi (18,3%); Sợ định kiến của nhân viên dịch vụ (17,8%).

Qua các nghiên cứu trên, có những nguyên nhân tương đồng khiến nhóm thanh niên LGBT chưa tiếp cận được dịch vụ hỗ trợ tâm lý, mà theo chúng tôi, cần có sự quan tâm đặc biệt của những học giả, nhà nghiên cứu xã hội, nhà tâm lý để tìm hướng cải thiện các nguyên nhân dẫn đến những rào cản khiến thanh niên LGBT chưa tiếp cận được dịch vụ hỗ trợ tâm lý đó là "không biết đến địa điểm hỗ trợ" là tăng cường truyền thông quảng bá, "lo lắng ở địa điểm hỗ trợ người hỗ trợ không có kiến thức về đa dạng giới và xu hướng tính dục" là tăng cường tập huấn bổ sung kiến thức về LGBT nhân viên hỗ trợ. Về kinh phí chi trả cho dịch vụ là có thể miễn, giảm chi phí dịch vụ bằng cách tăng cường thêm các nguồn lực từ các tổ chức phi chính phủ.

Tại Ireland, trong một nghiên cứu về Nhận thức của giới trẻ LGBT+ về những rào cản trong việc tiếp cận các dịch vụ sức khỏe tâm thần ở Ireland. Ban lãnh đạo đào tạo năng lực văn hóa cho các học viên, nhằm giải quyết các vấn đề và mối quan tâm liên quan đến giới trẻ LGBT+, theo họ đó là chìa khóa để giải quyết nhiều rào cản đã được xác định [5].

Theo Trung tâm Jefferson của Hoa Kỳ cho rằng: Sự thiếu đa dạng có thể tạo ra một khoảng cách đáng kể về kinh nghiệm và hiểu biết giữa các nhà cung cấp và những người đang tìm cách điều trị. Ngoài ra, nếu không có những trải nghiệm sống tương tự, có liên quan, những nhà cung cấp không thuộc cộng đồng BIPOC[5] có thể đánh giá thấp những tác động mà phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử gây ra đối với sức khỏe tâm thần của một người, có khả năng dẫn đến giảm

[5] BIPOC: Black, Indigenous, People of Color: Người da đen, Người bản địa và Người da màu

chất lượng điều trị. Nên để thu hẹp khoảng cách giữa các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần và các cộng đồng bị thiệt thòi họ đề xuất thực hiện một số loại năng lực văn hóa đào tạo, nhằm mục đích giúp các nhà cung cấp hiểu được tầm quan trọng của văn hóa, bản sắc văn hóa và tính liên hệ để cung cấp mức độ chăm sóc tốt nhất có thể. Một số lĩnh vực khám phá có thể bao gồm động lực học, quyền lực, định kiến, thành kiến [4].

Một số đề xuất:

Thứ nhất, các chính sách của Nhà nước

- Vận động chính sách đưa thăm khám tâm lý vào danh mục thuộc bảo hiểm y tế để giảm chi phí thăm khám tâm lý (Áp dụng tại các cơ sở bệnh viện công).
- Điều chỉnh các chính sách và hướng dẫn quốc gia để đảm bảo nhóm dân cư dễ bị tổn thương có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
- Tiếp tục vận động chính sách cho Luật Sức khỏe tâm thần được thông qua nhằm giúp người dân và bao gồm người LGBT thúc đẩy sự hồi phục, bảo vệ quyền con người, giảm bệnh tật, tử vong, và tàn tật cho người có các rối loạn tâm thần.

Thứ hai, đối với các cơ sở tư nhân

- Kêu gọi, vận động giảm chi phí với những người LGBT có hoàn cảnh khó khăn, tùy vào chính sách mỗi cơ sở.
- Mở rộng mạng lưới hỗ trợ tâm lý và công khai là địa điểm an toàn với người LGBT.

Thứ ba, đối với nhân viên công tác xã hội

- Đối với chuyên viên tâm lý, nhân viên công tác xã hội: Tổ chức và tham gia các tập huấn, chương trình nhằm nâng cao nhận thức về đa dạng giới và xu hướng tính dục.
- Truyền thông nâng cao nhận thức với người LGBT về tầm quan trọng của hỗ trợ tâm lý.

3. KẾT LUẬN

Từ những nghiên cứu lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi thấy rằng có rất nhiều rào cản khiến thanh niên LGBT chưa tiếp cận được dịch vụ hỗ trợ tâm lý, trong đó rào cản lớn nhất là không biết hiện tại có dịch vụ và dịch vụ nằm ở đâu - liên quan đến công tác truyền thông là chủ yếu. Rào cản tiếp theo là sự e ngại ở trung tâm, người hỗ trợ không có kiến thức về LGBT, điều này liên quan đến việc tập huấn nâng cao kiến thức về đa dạng giới và xu hướng tính dục, khó khăn kế đến là vấn đề kinh phí - có thể huy động nguồn lực và các chính sách miễn giảm phí dịch vụ cho thanh niên LGBT khi đến trung tâm hỗ trợ.

Tóm lại, vấn đề sức khỏe tâm thần đối với người Việt Nam nói chung còn khá mới mẻ, vì nhiều lý do, người dân còn ngại tiếp cận dịch vụ này. Đối với thanh niên LGBT lại càng khó khăn hơn, không chỉ rào cản về mặt tâm lý mà còn thông tin, nhận thức và tài chính. Là người làm trong lĩnh vực công tác xã hội, chúng tôi ý thức được rằng, mình cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để có thể rút ngắn khoảng cách này lại, bên cạnh đó, chúng tôi cũng kêu gọi sự chung tay từ các tri thức, học giả, các nhà nghiên cứu, nhà hoạt động xã hội, nhân viên công tác xã hội, chuyên gia tâm lý, các nhà vận động chính sách cùng nhau nghiên cứu và đề xuất giải pháp không chỉ nằm trên mặt giấy mà được thực hành trong thực tiễn Việt Nam với mục tiêu không bỏ lại ai phía sau.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường. (2015). *Có phải bởi vì tôi là người LGBT.*
2. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường. (2020). *Tác động của covid-19 tới cuộc sống và nhu cầu của người LGBTI+.*
3. Nguyễn Thị Kim Ngân (2020), Luật Thanh niên, tham khảo từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-thanh-nien-so-57-2020-QH14-416260.aspx.
4. Jefferson Center. *Mental illness doesn't discriminate so why do BIPOC communities have difficulty accessing care*. Truy xuất ngày: 14/9/2021 từ: https://www.jcmh.org/vi/mental-illness-doesnt-discriminate-so-why-do-bipoc-communities-have-difficulty-accessing-care/.
5. Agnes Higgins, Carmel Downes, Rebecca Murphy, Danika Sharek,…, Louise Doyle. (2020). *LGBT + young people's perceptions of barriers to accessing mental health services in Ireland.* DOI: 10.1111/jonm.13186.

CHỨNG PHIỀN MUỘN GIỚI Ở TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN VÀ MỘT SỐ GỢI Ý VỀ NHỮNG TRỢ GIÚP CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI

GENDER DYSPHORIA IN CHILDREN, ADOLESCENTS AND SOME SUGGESTIONS OF SOCIAL WORKER SUPPORT

Phạm Thanh Bình*

Lê Việt Hùng**

TÓM TẮT

Chứng phiền muộn giới là cảm giác bức bối mà một người cảm nhận được do bản dạng giới và giới họ được chỉ định sau sinh không trùng khớp với nhau. Những người chuyển giới, phi nhị phân (những người có thể xác định là không có giới tính hoặc có hai giới tính trở lên), chất lỏng giới tính (những người xác định là các giới tính khác nhau tại các thời điểm khác nhau), người đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc lưỡng tính có thể gặp chứng phiền muộn giới vào một thời điểm nào đó trong đời. Nhưng không phải ai cũng bị ảnh hưởng. Chứng phiền muộn về giới có thể làm suy yếu nhiều khía cạnh của cuộc sống. Mối bận tâm về việc thuộc giới tính khác với giới tính được chỉ định thường cản trở các hoạt động hàng ngày. Những người gặp phải chứng phiền muộn về giới có thể từ chối đến trường do áp lực phải ăn mặc theo cách liên quan đến giới tính của họ, hoặc vì sợ bị quấy rối hoặc trêu chọc. Chứng phiền muộn về giới cũng có thể làm suy giảm khả năng hoạt động ở trường hoặc tại nơi làm việc, dẫn đến bỏ học hoặc thất nghiệp. Khó khăn trong mối quan hệ là phổ biến. Có thể xảy ra lo âu, trầm cảm, tự làm hại bản thân, rối loạn ăn uống, lạm dụng chất kích thích và các vấn đề khác. Thanh thiếu niên và người lớn mắc chứng phiền muộn giới trước khi phân định lại giới tính có thể có nguy cơ có ý định tự sát, cố gắng tự sát và tự sát. Một số gợi ý về những trợ giúp của nhân viên công tác xã hội với trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới có ý nghĩa nhất định.

Từ khóa: *phiền muộn giới tính, trẻ em và thanh thiếu niên, nhân viên công tác xã hội.*

ABSTRACTS

Gender dysphoria is a feeling of frustration a person feels because their gender identity and the gender they were assigned after birth do not match. Transgender, non-binary people (people who can identify as gender-neutral or bisexual), gender-fluid (people who identify as different genders at different times), gay, lesbian, or bisexual people may experience depression in world at some point in life. But not everyone is affected. Gender dysphoria can undermine many aspects of life. Preoccupation with being of a different gender than the assigned sex often interferes with daily activities. People with gender dysphoria may refuse to go to school due to pressure to dress in a way that is relevant to their gender, or out of fear of harassment or teasing. Gender dysphoria can also impair the ability to function at school or at work, leading to dropout or unemployment. Relationship difficulties are common. Anxiety, depression, self-harm, eating disorders, substance abuse, and other problems can occur. Adolescents and adults with gender dysphoria prior to gender reassignment may be at risk for suicidal thoughts, suicide attempts and suicide. Some suggestions for social worker support with children and adolescents with gender dysphoria make some sense.

Keywords: *gender dysphoria, children and adolescents, social worker.*

* Tiến sĩ, Phó trưởng khoa, Khoa Văn hóa Nghệ thuật, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương. Email: binhpsy@gmail.com.

** Cử nhân, Giảng viên, Khoa Giáo dục đại cương, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương. Email: leviethungbb@gmail.com.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. CHỨNG PHIỀN MUỘI GIỚI/BỨC BỐI GIỚI (GENDER DYSPHORIA)

Chứng phiền muộn giới/ bức bối giới (gender dysphoria) là cảm giác bức bối mà một người cảm nhận được do bản dạng giới và giới họ được chỉ định sau sinh không trùng khớp với nhau. Trước đây, tên gọi: *Rối loạn định dạng giới* (Gender Identity Disorder) được dùng để chỉ tình trạng này, đến năm 2013 thì DSM-5 (*Cẩm nang Chẩn đoán và Thống kê Rối loạn Tâm thần*) đã đổi tên nó để bỏ đi cụm từ "Rối loạn", việc đổi tên gọi nhằm tránh gây ra ác cảm hoặc mang ý miệt thị [8]. Phiền muộn giới liên quan tới sự không thoải mái, hay đau khổ gây ra bởi sự không tương thích giữa bản dạng giới của một người với giới tính sinh học của họ (và vai trò giới và/hoặc các đặc tính sinh dục nguyên phát hay thứ phát) (Fisk, 1974; Knudson, De Cuypere, & Bockting, 2010b). Sự phiền muộn giới xuất phát từ sự không hợp nhau giữa giới tính cảm nhận của một người và giới tính/giới tính được chỉ định (thường là khi mới sinh) là triệu chứng cơ bản của chứng phiền muộn giới [10][9].

DSM-5 lưu ý rằng, bản thân sự không phù hợp về giới không phải là một rối loạn tâm thần. Yếu tố quan trọng của chứng phiền muội giới là sự hiện diện của tình trạng đau khổ về mặt lâm sàng liên quan đến tình trạng này [8].Thuật ngữ *phiền muộn giới* tập trung vào vấn đề khó chịu của một người, hơn là bản sắc. Nếu như ở DSM-4 nó là một bệnh (các tác giả dùng chữ Rối loạn - Disorder) thì ở DSM-5 họ không coi nó là bệnh. Trọng tâm chứng này nằm ở những nỗi phiền muộn khó chịu với giới tính làm cho những người mắc chứng này gặp khó khăn trong việc hòa nhập xã hội và làm việc (bỏ chữ rối loạn, thay vào đó là buồn bực - Dysphoria).

Chứng phiền muộn giới tính ở nam khi sinh có xu hướng đi theo một trong hai quỹ đạo rộng: khởi phát sớm hoặc khởi phát muộn. Chứng phiền muộn giới tính khởi phát sớm có thể nhìn thấy về mặt hành vi trong thời thơ ấu. Đôi khi chứng phiền muộn giới sẽ không còn tồn tại trong nhóm này và họ sẽ xác định là đồng tính nam hoặc đồng tính luyến ái trong một khoảng thời gian, sau đó là chứng phiền muộn giới tính tái diễn. Nhóm này thường bị thu hút tình dục bởi các thành viên cùng giới tính khi trưởng thành. Chứng phiền muộn giới tính khởi phát muộn không bao gồm các dấu hiệu dễ nhận thấy trong thời thơ ấu, nhưng một số báo cáo đã có mong muốn được trở thành người khác giới khi còn nhỏ mà họ không báo cáo với người khác. Những phụ nữ chuyển giới trải qua chứng phiền muộn giới tính ở giai đoạn cuối thường sẽ bị phụ nữ hấp dẫn về mặt tình dục và có thể xác định là đồng tính nữ. Những người được phân công là nam giới khi sinh ra có chứng phiền muộn giới tính thường tham gia vào việc mặc quần áo chéo với hưng phấn tình dục. Trong những chỉ định nữ khi sinh, rối loạn giới tính khởi phát sớm là diễn biến phổ biến nhất. Nhóm này thường bị phụ nữ hấp dẫn về mặt tình dục. Những người chuyển giới nam trải qua chứng phiền muộn giới tính ở giai đoạn muộn thường sẽ bị nam giới hấp dẫn về tình dục và có thể xác định là đồng tính nam [4][5].

Chứng phiền muội giới có thể bắt đầu từ thời thơ ấu và tiếp tục đến tuổi vị thành niên và tuổi trưởng thành (khởi phát sớm). Hoặc, có thể có những giai đoạn mà không còn gặp phải chứng phiền muộn giới, sau đó là sự tái phát của chứng phiền muộn giới. Cũng có thể gặp phải chứng phiền muộn giới vào khoảng thời gian dậy thì hoặc muộn hơn trong cuộc đời (khởi phát muộn).

Những báo cáo về những người chuyển giới cho thấy, họ nhận thức rõ những cảm giác khó chịu, phiền muộn này từ khi còn rất nhỏ. Nghĩa là, đối với một bé trai mắc chứng này, sẽ có xu hướng mặc đồ và có hành vi như những bé gái. Mức độ nặng nề của sự khó chịu thay đổi tùy theo mỗi người. Nó sẽ ít dao động và dần dần chuyển nặng hơn khi đứa trẻ ấy bước vào tuổi vị thành niên với những sự thay đổi sinh lý cơ thể như con gái thì bắt đầu có ngực và hông to ra, còn con

trai thì bắt đầu thay giọng, mọc râu và có cơ bắp. Những đặc điểm này khiến đứa trẻ khó tham gia vào các hoạt động và hành xử theo giới tính trái ngược. Có rất nhiều trẻ trong độ tuổi này bắt đầu bận tâm với mong muốn phẫu thuật thay đổi cơ quan sinh dục.

Những *người chuyển giới*, *phi nhị phân* (những người có thể xác định là không có giới tính hoặc có hai giới tính trở lên), *chất lỏng giới tính* (những người xác định là các giới tính khác nhau tại các thời điểm khác nhau), người đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc lưỡng tính có thể gặp chứng phiền muộn giới vào một thời điểm nào đó trong đời. Kể cả một số *người hợp giới* cũng có thể từng trải nghiệm chứng phiền muộn giới, ví dụ, một người nữ cảm thấy khó chịu với ria mép của mình, hay một người nam giới cảm thấy chán ghét cơ bắp của bản thân [3]. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là mọi người chuyển giới đều từng trải qua phiền muộn về giới tính. Chuyển giới là một bản sắc và chứng phiền muộn giới là một tình trạng.

Chứng phiền muộn về giới có thể làm suy yếu nhiều khía cạnh của cuộc sống. Mối bận tâm về việc thuộc giới tính khác với giới tính được chỉ định thường cản trở các hoạt động hàng ngày. Những người gặp phải chứng phiền muộn về giới có thể từ chối đến trường do áp lực phải ăn mặc theo cách liên quan đến giới tính của họ hoặc vì sợ bị quấy rối hoặc trêu chọc. Chứng phiền muộn về giới cũng có thể làm suy giảm khả năng hoạt động ở trường hoặc tại nơi làm việc, dẫn đến bỏ học hoặc thất nghiệp. Khó khăn trong mối quan hệ là phổ biến. Có thể xảy ra lo âu, trầm cảm, tự làm hại bản thân, rối loạn ăn uống, lạm dụng chất kích thích và các vấn đề khác.

Những người mắc chứng phiền muộn giới cũng thường bị phân biệt đối xử, dẫn đến nhiều căng thẳng. Thanh thiếu niên và người lớn mắc chứng phiền muộn giới trước khi phân định lại giới tính có thể có nguy cơ có ý định tự sát, cố gắng tự sát và tự sát. Sau khi xác định lại giới tính, nguy cơ tự tử vẫn có thể tiếp tục.

2. CÁC TRIỆU CHỨNG VÀ CHẨN ĐOÁN CHỨNG PHIỀN MUỘN GIỚI

Biểu hiện

Các triệu chứng của chứng phiền muộn giới ở trẻ em bao gồm sở thích đối với đồ chơi, trò chơi hoặc hoạt động điển hình của người khác giới; rất không thích cơ quan sinh dục của mình; và rất thích bạn chơi của trẻ em khác giới [8]. Một số trẻ cũng có thể gặp phải sự lo lắng, cô đơn và phiền muộn.

Ở thanh thiếu niên và người lớn, các triệu chứng bao gồm mong muốn được trở thành và được đối xử với giới tính khác [8]. Người lớn bị chứng phiền muộn giới có nguy cơ bị căng thẳng, cô lập, lo lắng, trầm cảm, lòng tự trọng kém và tự sát. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, những người chuyển giới có tỷ lệ cố gắng tự tử rất cao; một nghiên cứu trên 6.450 người chuyển giới ở Hoa Kỳ cho thấy 41% đã cố gắng tự sát, so với mức trung bình toàn quốc là 1,6%. Người ta cũng thấy rằng những người chuyển giới nói rằng mối quan hệ gia đình của họ thường ít bền chặt sau khi họ ra mắt, nhưng ngay cả những người chuyển giới có nguy cơ tương đối thấp vẫn có xu hướng tự tử cao hơn nhiều so với dân số chung [1]. Người chuyển giới cũng có nguy cơ cao mắc rối loạn ăn uống [2] và lạm dụng chất kích thích [6].

Triệu chứng

Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ cho phép chẩn đoán phiền muộn giới tính ở thanh thiếu niên hoặc người lớn nếu có hai hoặc nhiều tiêu chí sau đây trong thời gian ít nhất 6 tháng [8]:

 ISBN: 978-604-73-8639-0

- Mong muốn mạnh mẽ là một giới tính khác với giới tính được chỉ định.
- Mong muốn mạnh mẽ được coi là một giới tính khác với giới tính được chỉ định.
- Có sự khác nhau đáng kể giữa giới tính được trải nghiệm hoặc thể hiện của một người và một đặc điểm tình dục.
- Mong muốn mạnh mẽ về các đặc điểm giới tính của một giới khác với giới tính được chỉ định.
- Mong muốn mạnh mẽ để loại bỏ các đặc điểm giới tính do không phù hợp với giới tính đã trải qua hoặc thể hiện.
- Có niềm tin mạnh mẽ rằng: có những phản ứng và cảm xúc điển hình của một giới tính khác với giới tính được chỉ định.

Ngoài ra, tình trạng này phải liên quan đến tình trạng đau đớn hoặc suy giảm nghiêm trọng về mặt lâm sàng [8].

3. HIỆN TƯỢNG PHIỀN MUỘN GIỚI TÍNH Ở TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN VÀ NHỮNG GỢI Ý HỖ TRỢ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI

3.1. Hiện tượng phiền muộn giới ở trẻ em [7]

Trẻ nhỏ ở độ tuổi 2 tuổi có thể có những biểu hiện của chứng phiền muộn giới. Cụ thể, trẻ có thể thể hiện ý muốn được là giới tính khác với giới tính hiện có hay tỏ ra không vui vẻ với các biểu hiện và chức năng của những đặc tính sinh dục trên cơ thể. Thêm vào đó, trẻ có thể thích quần áo, đồ chơi hay các trò chơi thường có ở giới tính khác với trẻ, trẻ cũng có vẻ thích chơi với các trẻ không cùng giới tính.

Mức độ biểu hiện hiện tượng phiền muộn giới ở trẻ rất đa dạng: một số trẻ thể hiện rất rõ nét các hành vi không theo chuẩn giới hay thể hiện mạnh mẽ ý muốn thay đổi giới tính, đồng thời, cũng cho thấy sự khó chịu nặng nề và kéo dài về các đặc điểm sinh dục nguyên phát trên cơ thể; trong khi đó, biểu hiện ở những trẻ khác ít mạnh mẽ hoặc chỉ thể hiện một phần (Cohen-Kettenis et al., 2006; Knudson, De Cuypere, & Bockting, 2010a).

Các rối loạn như rối loạn lo âu (anxiety disorder) hay chứng trầm cảm (depression) xuất hiện khá phổ biến trẻ mắc chứng phiền muộn giới (Cohen-Kettenis, Owen, Kaijser, Bradley, & Zucker, 2003; Wallien, Swaab, & Cohen-Kettenis, 2007; Zucker, Owen, Bradley, & Ameeriar, 2002). Tỷ lệ xuất hiện chứng rối loạn phổ tự kỷ (autism spectrum disorders - ASD) có vẻ cao hơn trong thực hành lâm sàng trên nhóm trẻ mắc chứng phiền muôn giới so với dân số chung (de Vries, Noens, Cohen-Kettenis, van Berckelaer-Onnes, & Doreleijers, 2010).

3.2. Hiện tượng phiền muộn giới tính ở thanh thiếu niên [7]

Ở hầu hết trẻ em, chứng phiền muộn sẽ biến mất trước hay ở giai đoạn đầu của quá trình dậy thì. Tuy vậy, ở một số trẻ, các cảm giác này lại trở nên mạnh mẽ hơn, cảm giác chán ghét cơ thể mình có thể gia tăng sau khi xuất hiện và phát triển các đặc tính sinh dục thứ phát (Cohen-Kettenis, 2001; Cohen-Kettenis & Pfäfflin, 2003; Drummond et al., 2008; Wallien & Cohen-Kettenis, 2008; Zucker & Bradley, 1995). Nghiên cứu của Wallien & CohenKettenis cho rằng, mức độ thể hiện giới không theo chuẩn mạnh mẽ ở giai đoạn trẻ nhỏ có liên quan đến sự trường

diễn của chứng phiền muộn giới cho đến giai đoạn sau của tuổi thanh thiếu niên và giai đoạn đầu của tuổi trưởng thành (Wallien & CohenKettenis, 2008). Tuy vậy, khi nhìn nhận ngược lại, nhiều thanh thiếu niên và người lớn mắc chứng phiền muộn giới lại không cho thấy có ghi nhận tiền sử biểu hiện không theo chuẩn giới lúc nhỏ (Docter, 1988; Landén, Wålinder, & Lundström, 1998). Vì vậy, khi chứng phiền muộn giới biểu hiện rõ ở tuổi thanh thiếu niên, những người khác (cha mẹ, người thân, bạn bè hay những người xung quanh) có thể rất bất ngờ và có phần khó tiếp nhận.

Khi cảm nhận rằng các đặc điểm sinh dục nguyên phát và/hoặc thứ phát và giới tính lúc sinh của mình không tương ứng với bản dạng giới, thanh thiếu niên có thể cảm thấy rất đau khổ. Phần lớn thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới có mong muốn mãnh liệt được sử dụng hormone hay can thiệp phẫu thuật. Ngày càng nhiều thanh thiếu niên bắt đầu sống theo vai trò giới mong muốn từ khi vào trường cấp 3 (Cohen-Kettenis & Pfäfflin, 2003).

Về mặt hiện tượng, có khác biệt giữa chứng phiền muộn giới và chứng hoang tưởng và các triệu chứng loạn thần khác. Đa số trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới thường không kèm theo các bệnh lý tâm thần nghiêm trọng nào như rối loạn loạn thần (Steensma, Biemond, de Boer, & Cohen-Kettenis, published online ahead of print January 7, 2011). Trong khi đó, chứng phiền muộn giới ở thanh thiếu niên lại thường đi kèm với các rối loạn nội tại như rối loạn lo âu hay chứng trầm cảm và/hoặc rối loạn ngoại tại như chứng rối loạn thách thức chống đối - oppositional defiant disorder, ODD (de Vries et al., 2010). Tương tự như trẻ em, tỷ lệ xuất hiện chứng rối loạn phổ tự kỷ (autism spectrum disorders - ASD) có vẻ cao hơn trong thực hành lâm sàng trên nhóm thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới so với dân số chung (de Vries, Noens, Cohen-Kettenis, van Berckelaer-Onnes, & Doreleijers, 2010).

3.3. Sự khác biệt giữa chứng phiền muộn giới ở trẻ em và thanh thiếu niên [7]

Một khác biệt đặc biệt quan trọng giữa trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới là tỷ lệ diễn tiến kéo dài cho đến khi trưởng thành. Chứng phiền muộn giới xuất hiện lúc nhỏ ở trẻ không chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại khi trưởng thành. Trong các nghiên cứu được tiến hành trên trẻ chưa dậy thì (chủ yếu là trẻ nam) được chuyển đến cơ sở y tế để đánh giá về chứng phiền muộn giới, tỷ lệ diễn tiến phiền muộn giới cho đến khi trưởng thành chỉ khoảng 6-23% số trẻ (Cohen-Kettenis, 2001; Zucker & Bradley, 1995). Các bé trai tham gia các nghiên cứu khi trưởng thành sau này thường tự xác định là đồng tính nam hơn là người chuyển giới (Green, 1987; Money & Russo, 1979; Zucker & Bradley, 1995; Zuger, 1984). Các nghiên cứu mới hơn, trong đó có cả các bé gái, cho thấy tỷ lệ diễn tiến phiền muộn giới kéo dài đến tuổi trưởng thành là 12-27% (Drummond, Bradley, Peterson-Badali, & Zucker, 2008; Wallien & Cohen-Kettenis, 2008).

Ngược lại, tỷ lệ diễn tiến kéo dài chứng phiền muộn giới đến khi trưởng thành ở nhóm thanh thiếu niên lại rất cao, cao hơn nhiều so với trẻ em. Hiện vẫn chưa có nghiên cứu chính thức được tiến hành. Tuy vậy, trong một nghiên cứu trên 70 thanh thiếu niên được chẩn đoán mắc chứng phiền muộn giới và được cung cấp liệu pháp hormone ức chế dậy thì, tất cả các trường hợp này sau đó đều chính thức được can thiệp chuyển giới, bắt đầu bằng liệu pháp hormone nữ-hoá/nam-hoá (de Vries, Steensma, Doreleijers, & Cohen-Kettenis, 2010).

ISBN: 978-604-73-8639-0

Một khác biệt khác là về tỷ lệ nam/nữ theo các nhóm tuổi. Các số liệu ghi nhận từ các ca điều trị lâm sàng, nhóm trẻ em dưới 12 tuổi mắc chứng phiền muộn giới có tỷ lệ nam/nữ dao động từ 6:1 đến 3:1 (Zucker, 2004); trong khi đó, nhóm trên 12 tuổi có tỷ lệ nam/nữ gần với tỷ lệ 1:1 (Cohen-Kettenis & Pfäfflin, 2003).

3.4. Một số gợi ý về những trợ giúp của nhân viên công tác xã hội với trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới

Nhân viên công tác xã hội có thể trợ giúp trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới ở một số nội dung sau:

- Nhân viên công tác xã hội có thể tham gia trực tiếp vào quá trình đánh giá chứng phiền muộn giới ở trẻ em và thanh thiếu niên trên cơ sở kiến thức về chứng phiền muộn giới ở trên để có những kế hoạch trợ giúp hợp lý cùng với các nhà tâm lý học lâm sàng.
- Cung cấp tư vấn/làm việc với gia đình về các liệu pháp tâm lý có thể tiến hành nhằm giúp trẻ em và thanh thiếu niên xác định và hiểu hơn về bản dạng giới của mình, giảm các đau khổ gây ra do chứng phiền muộn giới và cải thiện các trở ngại tâm lý - xã hội khác.
- Đánh giá sơ bộ những vấn đề liên quan đến những khó khăn tâm lý hoặc những vấn đề ảnh hưởng đến sức khoẻ tâm thần của trẻ em và thanh thiếu niên, từ đó, tư vấn/tham vấn cho thân chủ để chuyển đến chuyên gia khác để điều trị (tuỳ theo mức độ nặng nhẹ và trình độ chuyên môn của nhân viên công tác xã hội).
- Nhân viên công tác xã hội có thể trợ giúp bằng cách chuyển gửi thân chủ đến các trung tâm can thiệp trên cơ thể (như liệu pháp hoóc-môn ức chế dậy thì) nhằm giảm biểu hiện phiền muộn giới, nếu cần thiết. Thủ tục chuyển gửi cần bao gồm hồ sơ đánh giá chứng phiền muộn giới và sức khoẻ tâm thần (do nhân viên công tác xã hội và các chuyên gia tâm lý học lâm sàng đánh giá ban đầu) và các thông tin liên quan về sức khoẻ.
- Giáo dục và vận động cộng đồng xung quanh (như các trung tâm chăm sóc, hỗ trợ, nhà trường và các tổ chức khác) thay cho trẻ em và thanh thiếu niên mắc chứng phiền muộn giới và gia đình các em về việc thay đổi nhận thức để hiểu/có cách ứng xử đúng đắn về người mắc chứng phiền muộn giới. Điều này đặc biệt quan trọng dựa trên bằng chứng rằng trẻ em hay thanh thiếu niên không theo với các định chuẩn xã hội về giới thường bị quấy rối ở trường học (Grossman, D'Augelli, & Salter, 2006; Grossman, D'Augelli, Howell, & Hubbard, 2006; Sausa, 2005), hay có nguy cơ bị cô lập, trầm cảm hoặc các tổn hại khác (Nuttbrock et al, 2010).
- Cung cấp cho thân chủ và gia đình các thông tin về các hỗ trợ cộng đồng với tình trạng của họ và chuyển ca nếu cần thiết, ví dụ, các nhóm hỗ trợ cho cha mẹ của thân chủ không theo chuẩn giới hay chuyển giới (Gold & MacNish, 2011; Pleak, 1999; Rosenberg, 2002).
- Việc đánh giá và can thiệp tâm lý - xã hội cho trẻ em và thanh thiếu niên thường được cung cấp trong một dịch vụ chuyên môn chuyên nghiệp về can thiệp về giới. Nếu không sẵn có một dịch vụ như vậy, nhân viên công tác xã hội có thể tham vấn ban đầu cho thân chủ và cộng tác với một bác sỹ chuyên ngành nội tiết nhi khoa để phục vụ cho hoạt động đánh giá, giáo dục hay các quyết định can thiệp y khoa trên cơ thể của thân chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jaime, M.; Mottet, Lisa; Tanis, Justin; Harrison, Jack; Herman, Jody; Keisling, Mara (2011). "Injustice at Every Turn A Report of the National Transgender Discrimination Survey". https://transequality.org/sites/default/files/docs/resources/NTDS _Report.pdf
2. Diemer EW, Grant JD, Munn-Chernoff MA, Patterson DA, Duncan AE (8/2015). "Gender identity, sexual orientation, and eating-related pathology in a national sample of college students". *Journal of Adolescent Health*. 57 (2): 144-9. doi:10.1016 / j.jadohealth.2015.03.003. PMC 4545276. PMID 25937471.
3. "Dysphoria". *Gender*. https://gender.wikia.org/wiki/Dysphoria.
4. American Psychiatric Association (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders. VA: American Psychiatric Publishing. pp.* 451-460. ISBN 978-0-89042-554-1.
5. Guillamon A, Junque C, Gómez-Gil E (2016). "A Review of the Status of Brain Structure Research in Transsexualism". In: Archives of Sexual Behavior. *Springer*, 45 (7): 1615-48. doi:10.1007 / s10508-016-0768-5.
6. Harmon, A., & Oberleitner, M. G. (2016). *Gender dysphoria*. In Gale (Ed.), Gale encyclopedia of children's health: Infancy through adolescence (3rd ed.). Farmington, MI: Gale.
7. Hiệp hội chuyên khoa Thế giới về sức khoẻ chuyển giới (WPATH). *Tiêu chuẩn chăm sóc sức khoẻ của người chuyển giới và người không theo chuẩn giới*. Phiên bản 7. Người dịch: BS. Nguyễn Tấn Thủ và cộng sự, hiệu đính: Lương Thế Huy, Vương Khả Phong (iSEE). https://www.wpath.org/media/cms/Documents/SOC%20v7/SOC%20V7_Vietnamese.pdf.
8. American Psychiatric Association (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders* (DSM-5) (5th edition). Washington, DC và London: *American Psychiatric Publishing*. ISBN 978-0-89042-555-8.
9. Lev, Arlene Istar (2013). "Gender Dysphoria: Two Steps Forward, One Step Back". *Clinical Social Work Journal*. 41 (3): 288-296. doi:10.1007 / s10615-013-0447-0. S2CID 144556484.
10. Zucker, Kenneth J.; Lawrence, Anne A; Kreukels, Baudewijntje P.C. (2016). "Gender Dysphoria in Adults". Annual Review of Clinical Psychology. 12: 217-247. doi:10.1146 / annurev-clinpsy-021815-093034. PMID 26788901.

RÀO CẢN TIẾP CẬN DỊCH VỤ HỖ TRỢ PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI CÓ XU HƯỚNG TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI (Nghiên cứu tại TP Hồ Chí Minh năm 2021)

BARRIERS TO ACCESSING LEGAL SUPPORT SERVICES FOR PEOPLE WITH HOMOSEXUAL ORIENTATION (Research in Ho Chi Minh City, 2021)

Lê Thị Hoàng Liễu*, Lê Văn Gắt*
Tô Thị Kim Phụng, Lê Bá Phẩm*****

TÓM TẮT

Hiện nay, xu hướng tình dục đồng giới đang diễn ra âm thầm trong cộng đồng và có những vấn đề liên quan đến pháp luật như bạo hành, xâm hại tình dục,… Nhưng đa phần những người có xu hướng tình dục đồng giới thường chịu đựng, thậm chí khi có thương tích trầm trọng điều trị tại bệnh viện, vẫn từ chối không tiếp cận bất kỳ dịch vụ hỗ trợ pháp luật nào mặc dù họ đã được tư vấn, giới thiệu. Qua phỏng vấn sâu 11 trên 1.751 trường hợp đả thương năm 2020 tại Khoa Hồi sức - Cấp cứu (HSCC), bệnh viện hạng 2, TP Hồ Chí Minh, trong đó nam 7, nữ 4 với thương tích trầm trọng, thời gian điều trị rất dài, di chứng để lại ảnh hưởng đến sức khỏe, nhưng không muốn tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp luật để được pháp luật can thiệp. Từ ý kiến chấp thuận của người tham gia khảo sát và từ kết quả khảo sát, thì rào cản không tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp luật, là do vấn đề có liên quan đến xu hướng tình dục đồng giới, theo họ là vấn đề khó nói, không được xã hội chấp nhận, ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống, nên tự họ giải quyết vấn đề. Chính những suy nghĩ mang tính tự kỳ thị đã trở thành rào cản cho người có xu hướng tình dục đồng tính và khi gặp vấn đề nhạy cảm liên quan đến sự an toàn của bản thân thì họ không tiếp cận với dịch vụ hỗ trợ pháp luật, dẫn đến việc đôi lúc sự việc đi quá xa thì bản thân họ phải gánh chịu những hậu quả liên quan đến pháp luật.

***Từ khóa**: tiếp cận hỗ trợ dịch vụ pháp luật, người có xu hướng tình dục đồng giới.*

ABSTRACT

Currently homosexual tendency is happening quietly in some, has legal consequences such as violence causing injury, sexual abuse… But most people with homosexual orientation often suffer, even when there is a serious injury treated in the hospital, still refuse to access any legal support services even though they have been consulted, referred. Through in-depth interviews with 11 out of 1751 injured cases in 2020 at the Intensive Care Unit, Grade 2 hospital, Ho Chi Minh City, in which male 7, female 4 with serious injuries, the treatment is long times, the sequelae affect health, but the victim does not want to reach any legal support services to law intervention. With the consent of the survey participants, the survey results, barriers to not accessing legal support services, because the causes of injuries are related to same-sex sexual orientation, according to them, it is a difficult problem to talk about, not accepted by society, affects a lot in life, so they solve the problem by themselves. It is because of self-stigmatizing thoughts that make it difficult for people with homosexual orientations when facing sensitive issues related to safety, they do not access legal support services, sometimes the situation too far, they themselves having bear the consequences related to the law.

***Keywords:** access to support legal services, people tend to homosexuality.*

* Tiến sĩ, Giảng viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: gatlieu@yahoo.com.
** Bác sĩ CK2, Giảng viên Khoa Y, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.
*** Bác sĩ CK2, Phó Giám đốc Bệnh viện Bình Chánh.
**** Bác sĩ, Khoa HSCC, Bệnh viện Bình Chánh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, xu hướng tình dục đồng giới đang diễn ra âm thầm trong một số người, và theo suy nghĩ của chính họ, hành vi quan hệ tình dục đồng giới là hành vi không thể chấp nhận được, bởi vì họ là những người có thể có khả năng xây dựng gia đình theo khuôn mẫu, sinh sản bình thường, hơn nữa họ cho rằng đó là hành vi xấu hổ, nên việc sống chung như đôi bạn cùng phòng, cuộc sống mang tính chất chung về vật chất, tinh thần, tình dục, khi có những vấn đề bất hòa, mâu thuẫn, thậm chí cả việc gây thương tích cho bạn tình, có những vấn đề xảy ra liên tục trong cuộc sống chung liên quan đến pháp luật như bạo hành, cưỡng bức quan hệ tình dục[1]… thì tự họ giải quyết. Thậm chí đến khi sự việc đi đến vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cũng vẫn thường lẩn khuất trong những lý do mâu thuẫn cá nhân, ít và hầu như không đề cập đến xu hướng tình dục của nạn nhân và thủ phạm. Đa số những người có xu hướng tình dục đồng giới cho đó là những vấn đề không nên đưa ra pháp luật giải quyết, mà cá nhân phải tự giải quyết, họ thường chịu đựng, thậm chí khi có thương tích trầm trọng điều trị tại bệnh viện, vẫn từ chối không tiếp cận bất kỳ dịch vụ hỗ trợ pháp luật nào mặc dù họ đã được tư vấn, giới thiệu.

Trong nghiên cứu "*Bảo đảm quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và vấn đề sửa đổi Hiến pháp*"[2], nhóm tác giả đã đưa ra một số vấn đề trở ngại của người có xu hướng tình dục đồng giới, trong tiếp cận pháp luật, đặc biệt trong bảo vệ quyền, sự an toàn và sự tiếp cận hợp pháp bảo đảm quyền và lợi ích khác của người công dân. Tuy nhiên đa số người có xu hướng tình dục đồng giới tránh né không muốn tiếp cận pháp luật, dù trong thâm tâm, suy nghĩ họ vẫn có nhu cầu được bảo vệ, được an toàn. Có rất nhiều sự lo lắng khi người có xu hướng tình dục đồng giới có hành vi liên quan đến pháp luật như việc họ là nạn nhân của những vụ đã thương, hoặc chính họ là nạn nhân của xâm hại tình dục. Tuy nhiên họ vẫn từ chối đưa vụ việc ra pháp luật, che dấu bằng những nguyên nhân khác cho thương tích, thậm chí trong đó có người mang thương tật trên 70%, ảnh hưởng đên sức lao động, hoạt động trong đời sống bình thường, bản thân họ phải chịu đựng bạo hành kéo dài dai dẳng, những vết thương thể chất này chưa lành lại xuất hiện vết thương khác, nhưng khi họ đến cơ sở y tế, nơi cung cấp bằng chứng pháp lý để bảo vệ và xử lý người bạo hành theo Bộ luật Hình sự, thì hầu hết đều từ chối sự can thiệp của pháp luật với những lý do như vô ý té ngã, hoặc tự nhiên bị một ai đó đánh mà không biết thủ phạm. Trong năm 2020, tại khoa HSCC bệnh viện hạng 2 tại TP Hồ Chí Minh tiếp nhận trên 1.751 trường hợp thương tích[3], trong đó có trên 50 ca vào ra trên 4 lần trong năm, được giới thiệu tiếp cận dịch vụ công tác xã hội trong bệnh viện, trong số đó có 11 ca, đồng thuận tham gia nghiên cứu của nhóm tác giả, với điều kiện bảo mật thông tin cá nhân, những nội dung được công khai trong nghiên cứu phải cho người tham gia nghiên cứu xem và đồng ý trước khi công bố. Qua những lần tiếp cận, can thiệp hỗ trợ và những vấn đề đã nhận được sự đồng thuận của người tham gia nghiên cứu, nhóm tác giả đã thực hiện đề tài "Rào cản tiếp cận dịch vụ hỗ trợ pháp luật của người có xu hướng tình dục đồng giới (Nghiên cứu tại TP Hồ Chí Minh năm 2021) với mục tiêu:

- Tìm hiểu những rào cản khiến cho người có xu hướng tình dục đồng giới từ chối không tiếp cận dịch vụ pháp luật khi có nhu cầu được bảo vệ và sự an toàn.

---

[1] Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2015), *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Kinh tế Xã hội và Môi trường.

[2] Vũ Thị Thúy, Thái Thị Tuyết Nhung (2013) "Bảo đảm quyền của người song tính, chuyển giới, và vấn đề sửa đổi Hiến pháp", *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 03/2013, tr.24-33.

[3] *Báo cáo thương tích năm 2020*, Bệnh viện Bình Chánh.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

- Những bất lợi của người có xu hướng tình dục đồng giới không tiếp cận dịch vụ pháp luật trong bảo vệ quyền và sự an toàn.
- Khuyến nghị giải pháp khuyến khích người có xu hướng tình dục đồng giới tiếp cận dịch vụ pháp luật khi có nhu cầu.

Trong đề tài nhóm tác giả sử dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng. Về dung lượng mẫu, đây là đề tài mang tính nhạy cảm, người tham gia nghiên cứu thực sự rất khó đồng thuận, với sự nỗ lực của nhóm tác giả và được sự đồng ý tham gia nghiên cứu của khách thể, nên nhóm tác giả dựa trên số tham dự đồng thuận. Tiêu chí chọn trong nghiên cứu: đồng thuận tham gia nghiên cứu, tiếp cận dịch vụ tư vấn, can thiệp, hỗ trợ, tham gia phỏng vấn sâu, sức khỏe tâm thần ổn định. Tiêu chuẩn loại trừ trong nghiên cứu: đồng thuận, tiếp cận dịch vụ tư vấn, can thiệp, hỗ trợ, tham gia phỏng vấn sâu, sức khỏe tâm thần không ổn định. Tổng số mẫu trong nghiên cứu là 11, được tiếp cận qua phương pháp phỏng vấn sâu.

Giới hạn đề tài: Nhóm tác giả nghiên cứu trên nhóm khách thể có thương tích liên quan đến bạo lực, có xu hướng tình dục đồng giới liên quan đến thương tích, bạo lực, trong phạm vi tiếp nhận tại Khoa Hồi sức - Cấp cứu và tiếp nhận ca tại Phòng Công tác Xã hội của Bệnh viện.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kết quả nghiên cứu

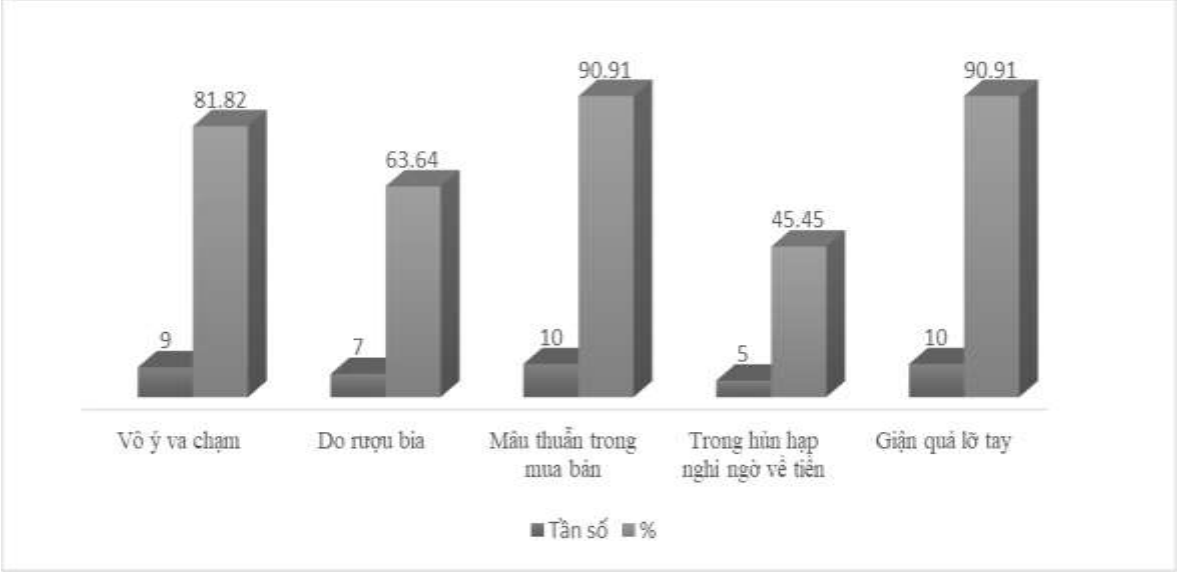
Phỏng vấn sâu được thực hiện trên 11 người tham dự, nam chiếm 63,64%, nữ chiếm 36,36%. Về tuổi, thấp nhất là 18 tuổi, chiếm 9,09%, trình độ văn hóa trung học cơ sở chiếm 72,80%, về nghề nghiệp: đa số là buôn bán nhỏ, chiếm 54,55%. Tình trạng hôn nhân: chưa kết hôn, thu nhập > 9.000.000đ/ tháng, toàn bộ trong mẫu nghiên cứu là người nhập cư, sống chung với bạn tình trong phòng trọ.

Bảng 1. Thông tin mẫu nghiên cứu

Tình trạng xã hội	Tần số	%
Giới	**11**	**100**
Nam	07	63,64
Nữ	04	36,36
Tuổi	**11**	**100**
=18	01	9,09
=22	04	36,36
=24	06	54,55
Dân tộc	**11**	**100**
Kinh	10	90,91
Khác	01	9,09
Học vấn	**11**	**100**
Trung học cơ sở	08	72,73
Trung học Phổ thông	03	27,27

Nghề nghiệp	**11**	**100**
Công nhân	04	36,36
Tiểu thương	06	54,55
Lao động tự do	01	9,09

Mẫu trong nghiên cứu là nhóm bệnh nhân đã từng vào ra Bệnh viện, cùng với những bệnh nhân thương tích, nhưng nhóm bệnh nhân này có đặc điểm thường là thương tích nặng, đa số khai báo khi vào viện xong thì khi ra viện lại khai báo khác và điểm đáng chú ý nhất là không bao giờ làm chứng thương hoặc chưa nhận đơn thuốc đã vội bỏ về, tần suất vào viện nhiều hơn những người bị thương tích do rủi ro hoặc do đả thương. Thường thì người có vết thương vào bệnh viện để được can thiệp điều trị, trong khai thác thông tin có phần nguyên nhân, đa số nhóm trong mẫu nghiên cứu thường sử dụng những nguyên nhân ngẫu nhiên như mâu thuẫn 90,91%, giận quá lỡ tay 90,91%. Đôi lúc có trường hợp vết thương cũ chưa lành lại xuất hiện vết thương mới.

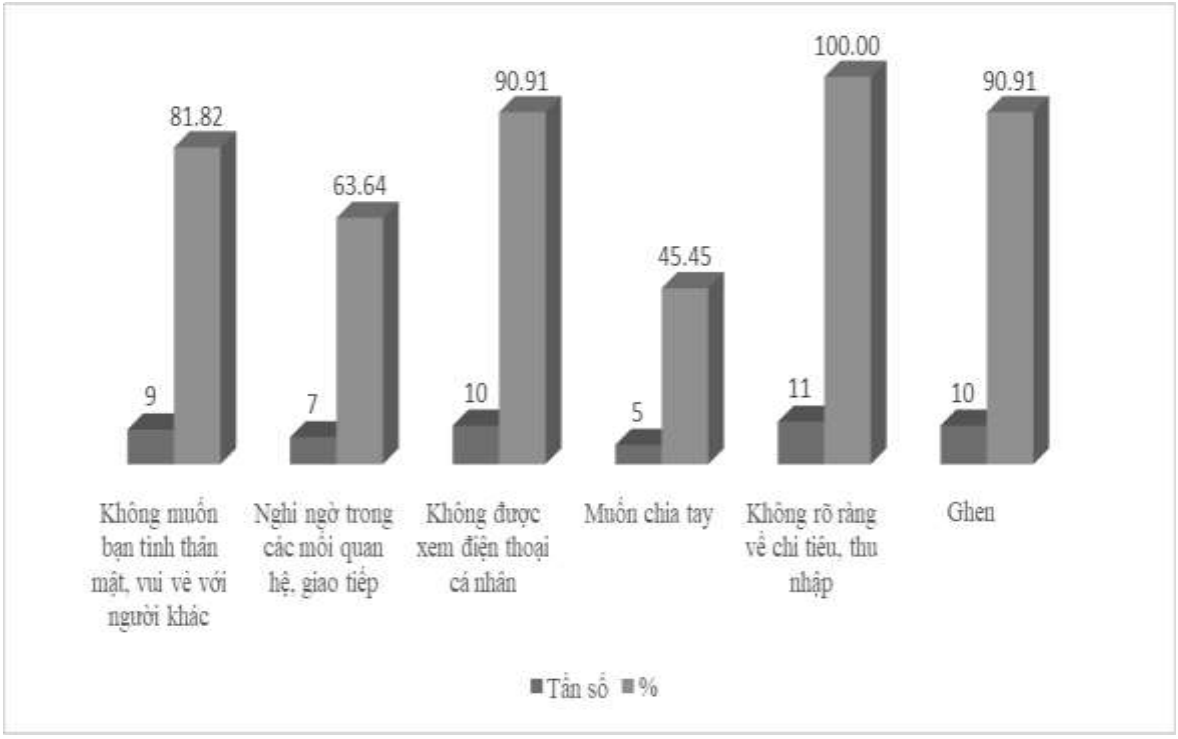


Hình 1. Khai báo nguyên nhân khi đến Bệnh viện can thiệp, điều trị vết thương

Khi nhận biết bệnh nhân có những biểu hiện không muốn nói rõ nguyên nhân gây thương tích, nhưng hai lần vào viện vì thương tích, trong tiêu chí tiếp nhận bệnh nhân tiếp cận tư vấn công tác xã hội để hỗ trợ trong trường hợp bệnh nhân là nạn nhân của bạo lực, nên bệnh nhân được chuyển tiếp đến dịch vụ công tác xã hội trong bệnh viện. Tiếp cận ban đầu không phải lúc nào người bệnh cũng nói thật về những nguyên nhân gây ra thương tích, những hoạt động công tác xã hội hỗ trợ bệnh nhận được thực hiện, đã tạo niềm tin và đến lần thứ tư, thứ năm, người bệnh bắt đầu cho những thông tin cá nhân và muốn được tư vấn hỗ trợ.

Trong cuộc sống chung với mối quan hệ bạn tình đồng giới, đa phần mẫu trong nghiên cứu đều cho là ban đầu bị thương tích 90,91% là do ghen, nhưng dần thì chuyển từ ghen, từ những hành vi muốn kiểm soát, sang kiểm soát về tiền bạc, chi tiêu đến 100% trong nhóm nghiên cứu. Có mối liên hệ tuổi với khai báo nguyên nhân khi đến điều trị vết thương với P=0,05.

ISBN: 978-604-73-8639-0



Hình 2. Nguyên nhân thật sự xảy ra thương tích

Có đến 90,91% không muốn khai báo sự thật xảy ra thương tích vì muốn giữ bạn tình, không làm giấy chứng thương, trong khi trên 1.700 ca thương tích đều làm chứng thương, dù đó chỉ là vết bầm trên cơ thể, còn đối với nhóm trong nghiên cứu thì hầu như vết thương nào cũng ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần, thậm chí có trường hợp phải qua hai lần phẫu thuật do chấn thương bụng kín, nhưng vẫn không muốn khai báo nguyên nhân .

Bảng 2. Lý do không muốn khai báo sự thật về nguyên nhân thương tích

Lý do	Tần số	%
Không muốn việc sống chung gây chú ý	09	81,82
Không muốn sự việc được can thiệp bởi chính quyền	07	63,64
Không muốn thưa kiện bồi thường	10	90,91
Không muốn chia tay	05	45,45
Giữ bạn tình	10	90,91

Trong số 11 người tham gia nghiên cứu đều cho rằng, cuộc sống chung là sự đồng thuận, khi xảy ra đôi co, bạo lực, cả hai đều có vết thương, người yếu hơn sẽ bị nặng hơn, không muốn những người xung quanh để ý, đặc biệt là nam thường không có lời qua tiếng lại, chỉ là hành động, có mối tương quan giới với sự ngần ngại tiếp cận dịch vụ pháp luật (P=0,03), trong đó có đến 100% ngần ngại vì cho rằng không giải quyết được mâu thuẫn, sẽ làm lộ bí mật cuộc sống chung tạo tâm điểm cho những người xung quanh chú ý. Thậm chí trong mẫu nghiên cứu có người phải dời phòng trọ đến nơi khác, trong một tháng dời hai lần vì đả thương, có công an khu vực giải quyết vấn đề.

Bảng 3. Sự ngần ngại tiếp cận dịch vụ pháp luật

Sự ngần ngại	Tần số	%
Việc sống chung là bí mật không công khai	09	81,82
Không giải quyết được mâu thuẫn	11	100,00
Sẽ làm sự việc tệ hơn	10	90,91
Không muốn bạn tình, bản thân liên quan đến pháp luật	08	72,73
Không muốn tạo thêm áp lực trong cuộc sống	09	90,91
Muốn tự giải quyết	11	100,00

Trong nghiên cứu "*Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tình dục và bản dạng giới tại Việt Nam*"[4], đưa ra những nhận định về rào cản của người có xu hướng tình dục đồng giới trong tiếp cận pháp luật, trong khảo sát nhóm tác giả đã nhận được trên 90% trong đó là sự mặc cảm của chính người trong cuộc, họ rất e dè, sợ câu chuyện của họ sẽ bị lộ thì mọi thứ xung quanh họ sẽ mất đi. Trong mẫu nghiên cứu này thì có đến 100% cho rằng xu hướng tình dục đồng giới là hành vi xấu hổ, 90,91% cho là điều cấm kỵ, trong đó có 36,36% muốn kết hôn, sinh con (02 nữ) nên không muốn để lộ sự việc. 100% cho rằng xu hướng tình dục đồng giới không có trong văn bản pháp luật, thì dù có tiếp cận, cũng không được giải quyết những tranh chấp về tiền bạc, về cuộc sống chung, nên họ chấp nhận tự giải quyết.

Bảng 4. Rào cản trong tiếp cận pháp luật

Rào cản trong tiếp cận pháp luật	Tần số	%
Xu hướng tình dục đồng giới là điều cấm kỵ	10	90,91
Xu hướng tình dục đồng giới không có trong văn bản pháp luật	11	100,00
Xu hướng tình dục đồng giới là hành vi xấu hổ	11	100,00
Giữ bí mật để tự điều chỉnh hành vi	08	72,73
Giữ bí mật để công khai dự định kết hôn	04	36,36
Giữ bí mật để bảo vệ gia đình	11	100,00
Không đồng cảm của người cung cấp dịch vụ pháp luật	09	90,91
Mất đi sự tôn trọng của những người xung quanh	08	72,73

Rào cản đã biến hành vi bạo lực lẩn khuất, số lần vào, ra bệnh viện 01 lần trong năm chiếm 100%, 02 lần trong năm chiếm 72,73%, bạo lực lẫn nhau, ẩu đả, nhưng không được giải quyết, đây là sự thiệt thòi và ảnh hưởng cho cả hai, vì mỗi người đều mang thương tích, chỉ là nặng hay nhẹ, điều này dẫn tới rất nhiều hệ lụy đau lòng, có thể nhiều lần không giải quyết được sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật nghiêm trọng, hoặc sau khi chia tay, di chứng sẽ còn trong tiềm thức, dẫn đến các nguyên nhân rối loạn hành vi, có đến 90,91% mất ngủ trong suốt quãng thời gian bạo lực lẫn nhau, lo sợ, căng thẳng và không làm gì được trong thời gian dài.

[4] Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2015), *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Kinh tế Xã hội và Môi trường.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Bảng 5. Sự tiếp diễn của thương tích trong năm

Số lần vào bệnh viện và tự điều trị	Tần số	%
Số lần điều trị		
1 lần trong năm	11	100,00
2 lần trong năm	08	72,73
Trên 2 lần trong năm	04	36,36
Tự điều trị khi có thương tích	09	81,82
Di chứng sau thương tích		
Mất ngủ	10	90,91
Lo lắng, căng thẳng	09	81,82
Giảm sức khỏe	11	100,00

2.2. Rào cản trong tiếp cận dịch vụ pháp luật

Một số nghiên cứu đã chỉ ra khoảng trống trong các văn bản pháp luật dành cho người có xu hướng tình dục đồng giới, vì họ không phải là người chuyển giới, họ cũng không phải là người đồng tính, lưỡng tính, họ vẫn thể hiện vai trò giới trong xã hội và thực hiện chức năng sinh sản theo giới tính. Đó cũng chính là lý do người có xu hướng tình dục đồng giới không bao giờ muốn để người ngoài cuộc nhìn và biết được mối quan hệ cuộc sống chung của hai người. Nếu trong nghiên cứu "*Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tình dục và bản dạng giới tại Việt Nam*" đã nói ở trên, có đưa ra kết quả là 50% những người có bản dạng giới khác biệt dị tính, không bao giờ dám nắm tay bạn tình hay thực hiện cử chỉ âu yếm trước mặt mọi người, thì trong nghiên cứu này hầu như 11 người tham gia nghiên cứu cũng thừa nhận, họ chưa bao giờ biểu lộ tình cảm hoặc cử chỉ trước mặt mọi người, trừ khi cánh cửa phòng trọ đóng lại, thì cuộc sống thực của họ diễn ra thoải mái, nên khi có vấn đề mâu thuẫn thường không bao giờ cãi vã, chỉ có nhắn tin, chửi rủa nhau trên tin nhắn, bực quá, không nhịn được nữa, thì bắt đầu đánh nhau hoặc gây thương tích cho đối phương. Họ rất sợ cuộc sống chung của đôi bạn bị người ở phòng kế bên biết, hầu như là cuộc sống khép kín, sáng đi sớm thật sớm, tối hoặc khuya mới về đến phòng trọ. Khi xảy ra thương tích mang tính chất nghiêm trọng, thường là tự giải quyết không tìm đến pháp luật hay tìm sự hỗ trợ can thiệp của người xung quanh. "Em rất sợ, khi anh ấy nhìn em với đôi mắt giận dữ" (nam 24 tuổi, bị thương tích trong vòng 01 tháng mang hai vết thương, 01 vết trên vai và 01 vết ngay bụng). Trong cuộc sống chung của cặp bạn tình dị tính, thường khi có cãi vã, xô xát, thì được những người xung quanh hỗ trợ, tư vấn, thậm chí an ủi, khuyên bảo: "Thôi chia tay đi, dữ quá, ở chung nguy hiểm lắm" (nữ 22 tuổi), trong đó có sự tham gia can thiệp của chính quyền, nếu xảy ra xô xát. Còn đối với người có xu hướng tình dục đồng giới, hầu như là sự im lặng và chịu đựng, vì từ trong sâu thẳm tiềm thức, họ vẫn cho rằng việc họ sống chung với bạn tình là điều "cấm" không ai công nhận, không được tiết lộ, mặc dù họ biết có thể nguy hiểm đến tính mạng hoặc họ bị thương tật suốt đời, "em cắn răng chịu đựng, đôi lúc em muốn la lên để mọi người can thiệp, nhưng nếu sự việc được mọi người biết, thì làm sao mà em tiếp tục sống được, thôi cứ chịu đựng, nếu cảm thấy không được nữa thì chia tay" (nam 24 tuổi).

Rào cản của họ chính là sự tự kỳ thị, sự mặc cảm do những nhận xét, những lời ra tiếng vào hoặc là những bình luận ném đá thể hiện trên không gian mạng, vì theo họ nghĩ đó là điều cấm kỵ,

vì họ là những người bình thường, sao lại có hành vi quan hệ tình dục đồng giới, sao lại sống như vợ chồng với người cùng giới…[5], "em chưa bao giờ tiết lộ nơi ở thực sự của em với gia đình, ba mẹ nhớ thì điện thoại, tháng nào em cũng gởi tiền về, nên ba mẹ rất yên tâm về em" (nữ 22 tuổi). Việc tiếp cận pháp luật để hỗ trợ can thiệp trong cuộc sống khi xảy ra những vấn đề, đối với những cặp sống chung, sống thử, sống cùng phòng, mang tính chất công khai, theo suy nghĩ của họ, đó là những người được pháp luật công nhận. Người có xu hướng tình dục đồng giới cho rằng, họ không được sự công nhận, thì việc tiếp cận pháp luật không mang lại kết quả, chỉ làm cho sự việc trở nên tệ hơn, hoặc có thể họ sẽ trở thành trò cười, sự bêu rếu của những người xung quanh. Nghiên cứu "Những rào cản của đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới phải đối mặt khi tiếp cận các dịch vụ pháp luật về bạo lực gia đình, bạo lực tình dục, quấy rối tình dục"[6] cho rằng rào cản của người có xu hướng tình dục đồng giới không tiếp cận dịch vụ pháp luật, do trong luật hôn nhân, không có trường hợp, hoặc đối tượng là người đồng giới, nên khi xảy ra bạo lực, thương tích cũng như nhóm trong nghiên cứu này, họ tự giải quyết, dù biết rằng nếu không có sự răn đe, biện pháp can thiệp của pháp luật, bạo lực sẽ xảy ra thường xuyên, nghiêm trọng. Không tiếp cận dịch vụ pháp luật là do, theo họ, khi pháp luật tiến hành can thiệp, sẽ có điều tra, phát hiện mối quan hệ của họ, cộng đồng sẽ xa lánh, ảnh hưởng đến cuộc sống, sự lệ thuộc vào bạn tình, càng gia tăng bạo lực thương tích, có thể đó cũng là nguyên nhân ràng buộc họ phải sống chung, chấp nhận bạo lực, thương tích, khi xảy ra những vụ việc nghiêm trọng như chết người hay thương tật vĩnh viễn, thì hầu như được pháp luật xử theo luật hình sự, không có sự bảo vệ hay kết luận nguyên nhân chính là do trong cuộc sống chung, do xu hướng tình dục, xảy ra vấn đề nghiêm trọng, để răn đe hay mang tính nhắc nhở.

Sự bạo hành, kiểm soát cô lập, để làm gia tăng sự lệ thuộc, yếu thế trong hoàn cảnh sống, đa số nhóm trong nghiên cứu đều nhận biết, mức độ gia tăng thương tích bạo hành ngày sẽ càng tăng, nhưng đối với họ không quan trọng bằng việc muốn chia tay, muốn không lệ thuộc, họ không đủ lực đương đầu được khi chia tay, với những vấn đề phát sinh như: gia đình, cộng đồng, bạn đời… Trong nghiên cứu, xu hướng thay đổi tình dục, của mẫu trong nghiên cứu, một số ít muốn có cuộc sống như bao người khác, kết hôn, sinh con, nhưng trong tiềm thức họ vẫn sợ và lo lắng, liệu gia đình, cuộc sống chung gia đình có diễn ra như họ nghĩ không, hay là những ngày tháng dài phải đương đầu với bí mật của mình, đang bị đe dọa sẽ đưa ra trước mọi người. Trong nhóm nghiên cứu có mối quan hệ vai trò giới với P=0,05, nghiêng về nữ muốn chấm dứt quan hệ, vì có người yêu dị tính, mong muốn như bao nhiêu người bình thường, nhưng họ vẫn không thực hiện được vì sự ràng buộc, lệ thuộc, chấp nhận sự bạo hành dai dẳng, dù biết rằng rất nguy hiểm, khi người sống chung không kiểm soát được hành vi, biết rất rõ sự việc muốn an toàn, nên tiếp cận dịch vụ pháp luật để được hỗ trợ, nhưng họ từ chối, chấp nhận việc bạo hành thương tích tiếp diễn, sức khỏe suy giảm, do lo sợ những điều không may xảy ra hoặc những cuộc ẩu đả xảy ra, làm cho họ không còn bình tỉnh, hoặc phải trải qua những căng thẳng lo âu khi bị đe dọa hay những sự ép buộc khi họ cảm thấy đó chỉ sự lạm dụng và bạo lực.

---

5 Trương Hồng Quang (2014), "Quyền kết hôn của người đồng tính", *Nghiên cứu lập pháp*, số 4(260), tháng 2/2014.

6 Shannon Harvey, Martin Mitchell, Jasmin Keeble, Carol McNaughton Nicholls and Nilufer Rahim (2014), *Barriers faced by Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender People in Accessing Domestic Abuse, Stalking, Harassment and Sexual Violence Services*, NatCen Social Research, https://gov.wales/sites/default/files/statistics-and-research/2019-07/140604-barriers-faced-lgbt-accessing-domestic-abuse-services-en.pdf.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Trong những năm gần đây, những vi phạm liên quan đến khía cạnh tính dục đã và đang nhận được sự quan tâm ngày càng nhiều ở cấp độ quốc tế. Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, từ năm 2011, đã thông qua ba nghị quyết về quyền con người, xu hướng tình dục và bản dạng giới[7]. Để người có xu hướng tình dục đồng giới tiếp cận dịch vụ pháp luật ngay từ lúc khởi điểm của bạo lực thương tích phải dựa trên quyền và sự đề cập đến trong các văn bản pháp luật, sự thay đổi trong cộng đồng khi nhìn nhận sự việc có liên quan đến khía cạnh tính dục và rất cần những nghiên cứu liên quan đến việc hỗ trợ pháp luật cho nhóm người có liên quan đến tính dục khi có nhu cầu tiếp cận dịch vụ pháp luật. Cần nâng cao năng lực cho người thực thi nhiệm vụ cung cấp dịch vụ pháp luật về những vấn đề liên quan đến xu hướng tình dục, phòng tránh sự kỳ thị ngay khi tiếp cận sự việc; đẩy mạnh truyền thông cộng đồng, nâng cao sự hiểu biết, đồng cảm, tránh sự phân biệt đối xử, hướng đến đồng cảm, chia sẻ, hỗ trợ và giáo dục pháp luật ngay từ khi bước vào thời kỳ tiền dậy thì, dậy thì, phòng tránh xâm hại bạo lực do xu hướng tình dục.

3. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Người có xu hướng tình dục đồng giới không muốn tiếp cận dịch vụ pháp luật khi xảy ra bạo lực thương tích, họ đều cho rằng đó là việc riêng, tự giải quyết. Chính sự kỳ thị, tự kỳ thị đã làm rào cản trong thực hiện quyền được bảo vệ, được an toàn của họ. Vì những lý do của mặc cảm, họ đã trở thành nạn nhân của bạo lực trong thời gian dài, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần. Rất cần những nghiên cứu liên quan đến pháp luật dành cho người có xu hướng tình dục đồng giới, chuyển giới, đồng giới, để họ được pháp luật, cộng đồng bảo vệ và sự nhìn nhận chính bản thân để được an toàn trong cuộc sống, phòng tránh bạo lực thương tích, xâm hại, lạm dụng tình dục.

3.2. Khuyến nghị

Để giải quyết vấn đề trên, nhóm tác giả đưa ra những khuyến nghị sau:

- Nâng cao năng lực về giới cho người cung cấp dịch vụ pháp luật
- Cần có thêm những nghiên cứu về Luật Hôn nhân và Gia đình, trong đó có phạm vi thực hiện cho LGBT, kết hợp được với những Luật khác có liên quan như Luật Bình đẳng Giới, Bộ luật Hình sự .
- Nâng cao hiểu biết, nhận thức của người có xu hướng tình dục đồng giới về phòng tránh bạo lực, bạo lực tình dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. *Báo cáo thương tích năm 2020*, Bệnh viện Bình Chánh.
2. iSSE-USAID, *Ảnh hưởng hình ảnh của người LGBT trên báo, trang tin điện tử, trên mạng xã hội Facebook đến tự thay đổi bản thân của người trẻ LGBT.*

[7] UNDP (2017), *Thúc đẩy quyền con người và sự hòa nhập của LGBT.*

3. Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2015), *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường.
4. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và Gia đình*.
5. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng Giới*.
6. Quốc hội 2015), *Bộ luật Hình sự*.
7. Phạm Thu Hoa, Đồng Thị Yến (2015), "Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử người đồng tính, chuyển giới tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 31, số 5.
8. Trương Hồng Quang (2019), *Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới, và liên giới tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
9. Trương Hồng Quang (2014), "Quyền kết hôn của người đồng tính", *Nghiên cứu lập pháp*, số 4(260), tháng 2/2014.
10. Vũ Thị Thúy, Thái Thị Tuyết Nhung (2013), "Bảo đảm quyền của người song tính, chuyển giới, và vấn đề sửa đổi Hiến pháp", *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 3/2013.
11. UNDP (2015), *Đưa sự đa dạng giới và tính dục vào chính sách để đảm bảo tự do và bình đẳng cho mọi công dân*,

    file:///C:/Users/thayt/Downloads/Policy%20brief_LGBT_VN_ %20print.pdf
12. UNDP (2017), *Thúc đẩy quyền con người và sự hòa nhập của LGBT: Sổ tay dành cho đại biểu dân cử*, file:///C:/Users/thayt/Downloads/LGBTI_Par%20Handbook%20(VN)_ 2017_April_FINAL.pdf.

Tiếng Anh

1. Shannon Harvey, Martin Mitchell, Jasmin Keeble, Carol McNaughton Nicholls and Nilufer Rahim (2014), *Barriers faced by Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender People in Accessing Domestic Abuse, Stalking, Harassment and Sexual Violence Services*, NatCen Social Research, https://gov.wales/sites/default/files/statistics-and-research/2019-07/140604-barriers-faced-lgbt-accessing-domestic-abuse-services-en.pdf.
2. UNITED NATIONS (2016), *Living Free and Equal*, https://www.ohchr.org/en/issues/discrimination/pages/ livingfreeequal.aspx.

KHÓ KHĂN LÀM RÀO CẢN VIỆC TIẾP CẬN QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI LGBT *(Điển cứu tại Khu Công nghiệp quận Bình Tân)*

***Lê Văn Công*[*]*,**
***Nguyễn Văn Đông*[**]*,**
***Nguyễn Hữu Khánh*[***]**

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mô tả các khó khăn làm rào cản công nhân là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng. Thông qua phỏng vấn bán cấu trúc 40 công nhân LGBT, nghiên cứu được thực hiện tại khu nhà trọ tại phường Tân Tạo và hường An Lạc thuộc khu công nghiệp quận Bình Tân. Ngoài việc mô tả các khó khăn làm rào cản công nhân là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng, nghiên cứu cũng đồng thời chỉ ra các hậu quả của việc bất bình đẳng mà công nhân lao động là người LGBT phải gánh chịu, từ đó đưa ra các khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng xã hội và gia đình.

Từ khóa: *công nhân, LGBT, quyền bình đẳng.*

ABSTRACT

This study aims to describe the difficulties that prevent LGBT workers in accessing equal rights. Through semi-structured interviews with 40 LGBT workers, the study was carried out at a hostel in Tan Tao and An Lac ward near by the industrial zone of Binh Tan district. The study also describing the consequences of inequality that LGBT workers have to deal with, thereby making recommendations for state management agencies, social communities and families.

Keyword: *workers, LGBT, equal rights.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền bình đẳng là nguyên tắc cốt lõi được pháp luật Việt Nam và công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia phê chuẩn. Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia các công ước Liên hợp quốc, đồng thời đã nỗ lực cam kết đấu tranh bảo vệ các quyền bình đẳng giới và quyền cơ bản của con người. Trong đó có quyền bình đẳng đối với cộng đồng người LGBT đã được Việt Nam từng bước công nhận. Việc tổ chức tiệc cưới (nhưng không đăng ký kết hôn) giữa những người đồng giới không phải bị xử phạt hành chính như trước đây nữa. Nhà nước CHXHCN Việt Nam thừa nhận quyền chuyển đổi giới tính tại Điều 37 trong Bộ luật Dân sự 2015. Chính điều nay đã được đăng tải tại tờ New York Times với nhận định Việt Nam là điểm đến lý tưởng dành cho cộng đồng LGBT. Đây chính là một bước tiến trong cam kết bảo vệ các quyền bình đẳng giới, thể hiện sự quan tâm của Nhà nước Việt Nam đối với cộng đồng LGBT.

[*] Tiến sĩ, Phó khoa CTXH, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: levancongup@gmail.com.
[**] Tiến sĩ, Trường Đại học Lao động- Xã hội (CSII). Email: dongnv@ldxh.edu.vn.
[***] Viện Tim TP HCM. Email: nhkhanh73@gmail.com.

Các chiến dịch hướng tới xóa bỏ kỳ thị đối với người thuộc cộng đồng LGBT đã được các kênh truyền hình, báo chí nhà nước dành nhiều chương trình, chuyên mục phổ biến, tuyên truyền kêu gọi sự đồng cảm, thấu hiểu và thay đổi nhận thức của xã hội, cộng đồng và gia đình về cộng đồng LGBT nhằm đem lại sự công bằng, bình đẳng, giúp gắn kết và tạo cơ hội để những người thuộc cộng đồng LGBT có thể hội nhập một cách toàn diện trong cộng đồng và trong xã hội. Khi người LGBT trở thành một thành viên thực thụ trong xã hội, họ có thể hòa nhập và được cống hiến cho xã hội nhằm hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn, đó là người LGBT được sống với chính mình, đáp lại khao khát được là chính mình và tạo nên các giá trị mới tốt đẹp cho xã hội.

Trong thực tế, Nhà nước và truyền thông Việt Nam lên án tất cả các hành vi tạo ra nỗi sợ hãi vì tình trạng bạo lực, kỳ thị đối với người thuộc cộng đồng LGBT. Mặc dù đã có nhiều cố gắng từ phía cơ quan nhà nước có thm quyền trong việc tạo lập hành lang pháp lý, chính sách pháp luật và cơ chế để bảo vệ nhóm người yếu thế là cộng đồng LGBT nhưng trong bối cảnh văn hóa - xã hội hiện nay không phải ai cũng thật sự nhận thức đúng, hiểu rõ và có sự tôn trọng về giới tính thực thụ của cộng đồng LGBT.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm chỉ ra các khó khăn làm rào cản trong việc tiếp cận quyền bình đẳng của công nhân lao động là người LGBT, đồng thời làm rõ thực trạng về hậu quả của việc cản trở công nhân lao động là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng tại nơi làm việc, cộng đồng và trong gia đình. Trên cơ sở đó vận động việc thay đổi nhận thức của cộng đồng xã hội và nhất là gia đình về cộng đồng LGBT. Nghiên cứu hướng tới việc khuyến nghị cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức công quyền có các hành động cụ thể để bảo quyền bình đẳng của công nhân lao động là người LGBT, để họ cận quyền bình đẳng, nhằm phát huy tối đa năng lực và thụ hưởng quyền mà pháp luật Việt Nam quy định. Từ đó, họ có thể tiếp cận các chính sách lĩnh vực lao động việc làm, bảo vệ sức khỏe và các quyền cá nhân khác.

2.2.. Mục tiêu nghiên cứu

1. Chỉ ra các khó khăn và rào cản của công nhân lao động là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng.
2. Chỉ ra các hậu quả từ việc công nhân lao động là người LGBT bị hạn chế trong tiếp cận quyền bình đẳng.
3. Đề xuất và đề kiến nghị các giải pháp giúp công nhân là người LGBT tiếp cận quyền bình đẳng giới.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng và bằng cách kết hợp các phương pháp thu thập dữ liệu khác nhau, từ phỏng vấn bán cấu trúc với 40 công nhân lao động là người LGBT, và thảo luận nhóm tại các khu nhà trọ của công nhân lao động là người LGBT sống ven khu công nghiệp tại hai phường thuộc quận Bình Tân.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2020.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khó khăn của công nhân là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng

Trong nghiên cứu này chỉ ra công nhân là người LGBT đang gặp khó khăn tại: 1- nơi làm việc, 2- trong cộng đồng nơi họ thuê trọ và 3- trong việc đối mặt với gia đình và dòng họ.

3.1.1. Khó khăn là rào cản của công nhân là người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng tại nơi làm việc

Phân biệt đối xử và bất bình đẳng giới tại nơi làm việc đã tạo những khó khăn cho công nhân là người LGBT và điều này chính là các rào cản đối với quyền được đối xử công bằng, tôn trọng tại nơi làm việc. Việc không được bao dung, không hợp tác, không lắng nghe và đối xử bất bình đẳng so với các đồng nghiệp nam và nữ khác tại nơi làm việc được phản ánh như sau:

Nghiên cứu cho thấy lao động là người LGBT thường đối mặt với những lời nói và thái độ phân biệt, thiếu tôn trọng, không hợp tác từ cấp trên, đồng nghiệp. Cụ thể nghiên cứu cho thấy 92.5% tương đương với 37/40 công nhân là người LGBT được hỏi, đã nhận định mình chính là nạn nhân của các hành vi phân biệt đối xử tại nơi làm việc. Đồng thời họ nhận định rằng việc họ bị phân biệt đối xử tại nơi làm việc dẫn đến quyền và tiếng nói của họ bị coi nhẹ. Qua phỏng vấn sâu một bạn trong cộng đồng LGBT chia sẻ: *"Tôi và các bạn thuộc cộng đồng LGBT nói lên tiếng nói về quyền lợi của mình tại công ty, nhưng tiếng nói đó thường không được lắng nghe"*.

Kết quả từ thảo luận nhóm, có trường hợp phản ánh, họ (LGBT) thường trải nghiệm cảm giác về việc cấp trên và đồng nghiệp không được bao dung, không hợp tác, không lắng nghe và đối xử bất bình đẳng so với các đồng nghiệp nam và nữ khác. Chia sẻ trong thảo luận nhóm của bạn LGBT: "*Khi tôi làm lỗi sản phẩm vì mới làm lần đầu tiên, thì ngay lập tức bị trưởng chuyền (quản lý nhóm) la rầy, khác với các bạn nữ đồng nghiệp cùng chuyền khác phạm lỗi sản phẩm thì được động viên cố lên chí ý cho lần sau… lần đầu có thể chấp nhận*". Công nhân là người LGBT cho biết họ không nhận được sự hợp tác của đồng nghiệp trong các công việc nhóm, hay công việc cần nhiều người. Chia sẻ tại phỏng vấn sâu của công nhân LGBT phản ánh nhận định trên, *"trong công xưởng máy khi cần hỗ trợ nâng các vật nặng của chuyền máy, tôi gặp khó khi kêu gọi các bạn nam khác giúp, trong khi đó các bạn nam khác chỉ nói một lời thì có người giúp. Tôi rất buồn khi bạn nam trong xưởng né vì tôi bêđê".* Theo lời kể từ một nữ LGBT: *"nó mạnh như nam ấy mà, để nó tự làm đi, né ra đi mày muốn như nó hả, lây cho xem… mày có bầu mày muốn con mày đẻ ra như vậy hả".* Do thiếu kiến thức và hiểu biết nên nhiều công nhân cho rằng đây là bệnh và xa lánh những người công nhân thuộc cộng đồng người LGBT. Qua thảo luận nhóm có rất nhiều ý kiến chia sẻ rằng bạn đồng nghiệp tại công ty cho mình (LGBT) là người bệnh hoạn.

Công nhân thuộc cộng đồng LGBT bị phân biệt đối xử khi khẳng định bản dạng và lên tiếng trong môi trường làm việc. Theo họ tiếng nói và các đóng góp của họ thường không được đáp lại và trân trọng. Chia sẻ của một người LGBT: "*Tôi thường bắt gặp ánh mắt dè bỉu, hay cười khẩy, và thái độ không lắng nghe và hơn nữa là bỏ qua ý kiến đóng góp của tôi trong các cuộc họp tại chuyền mà tôi làm việc*…". Khuynh hướng trên đã biến lao động là người LGBT thành người thiểu số và nạn nhân, bị phân biệt đối xử tại nơi làm việc dựa trên xu hướng tính dục của họ. Chia sẻ của một bạn công nhân: *"Tôi bị khủng hoảng một thời gian dài thậm chí muốn bỏ việc vì phải chịu áp lực và cảm giác bị cô lập hay mình là những kẻ dư thừa tại nơi làm việc, cảm giác bị gạt bỏ sau khi tôi come-out"*.

Chia sẻ của một bạn khác, *"khi tôi chưa công khai với đồng nghiệp và không bất kỳ ai trong công ty biết rằng tôi là LGBT mọi người thường chia sẻ, lắng nghe, và tôn trọng ý kiến của tôi trong khi tôi đóng góp ý kiến hay có yêu cầu về quyền lợi chính đáng của mình, nhưng tôi đã trải nghiệm hoàn toàn ngược lại khi tôi come-out là người đồng tính. Tôi đã gặp không ít các trải nghiệm về phân biệt đối xử tại nơi lam việc. Đó là lý do một số đồng nghiệp của tôi chưa dám come-out".*

3.1.2. Khó khăn trong cộng đồng - nơi trọ là rào cản người LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng

Phần đông công nhân thuộc cộng đồng LGBT còn rất e dè không dám công khai với cộng đồng và xã hội về giới tính thật. Về nguyên nhân không dám công khai giới tính tại cộng đồng khu trọ như sau: kỳ thị của người chung sống tại khu trọ; gặp rắc rối với chủ nhà trọ và có nguy cơ bị đuổi khỏi khu trọ; thuê trọ không có ký hợp đồng và không có quyền riêng tư khi bạn bè tới chơi hoặc ở lại qua đêm.

Theo khảo sát, 28/40 tương đương với 70% công nhân thuộc cộng đồng LGBT đang sinh sống tại khu nhà trọ tại quận Bình Tân không dám công khai giới tính thật và sống chung với bạn tình tại các khu nhà trọ. Công nhân thuộc cộng đồng LGBT kể "*công khai giới tính thật sẽ đối mặt với nhiều rắc rối tại khu trọ và hàng xóm gần nơi trọ, nhất là đối mặt các bất công và tại họa khó lường gắn với kỳ thị về giới tính mà họ có, quyền thuê trọ bị lung lay hay mất trắng nếu có xung đột"*.

Khảo sát cho thấy 32/40 tương đương với 80% công nhân thuộc cộng đồng LGBT bị xem như là người bệnh hoạn, nên thường nhận được những ánh mắt xỉa xói và lời dèm pha như "*trai không ra trai.. gái không ra gái… bống này bống nọ".* Thậm chí công nhân LGBT trong khu trọ bị cách ly, biệt lập như không nhìn, không giao tiếp và không cho người thân giao lưu, gặp gỡ. Theo lời kể của công nhân LGBT "*những người thuê trọ gần phòng bảo nhau không chơi không giao lưu cẩn thận lây đó .. xem tôi như người bệnh*". Hay có bạn kể "*mình thấy con anh chị phòng bên thiếu thốn thương mua quà cho bọn nhỏ khi bọn nhỏ cầm về bị bố mẹ la lối chửi bới… tí đánh các em, sau đó bố em đập cửa phòng cảnh báo, đừng để người bệnh hoạn như tôi lây cho con cái họ*".

Chia sẻ của công nhân LGBT: "*Việc một người nữ nhưng có khuynh hướng, lối sống, biểu hiện nam tính và hình ảnh chàng trai, có biểu hiện dáng vẻ bên ngoài và mang tâm hồn nữ giới sẽ bị xã hội và cộng đồng lên án vì điều này đi ngược lại với truyền thống và bị chỉ trích nặng nề tại xã hội*".

Người LGBT bị đối xử bất công bằng khi đi thuê trọ. Trong nghiên cứu có tới 35/40 tương đương với 87.5% người LGBT chọn che giấu giới tính thật khi đi tìm thuê nhà trọ. Nếu phát hiện việc công nhân thuộc cộng đồng LGBT thì chủ trọ thường từ chối ký hợp đồng thuê trọ lâu dài. Trao đổi của người LGBT về vấn đề trên như sau "*chủ trọ không muốn ký hợp đồng thuê lâu dài vì họ không thích làm ảnh hưởng đến những người thuê trọ khác*". Nhận định sau thể hiện việc chủ nhà không có thiện ý và phân biệt đối xử với cộng đồng LGBT, "*việc đồng ý cho thuê trong một số trường hợp chỉ là lấp phòng trống, không ký hợp đồng làm cho chủ trọ có thể chấm dứt hợp đồng nhanh chóng khi có người khác thuê*".

Công nhân là người LGBT đối mặt với cuộc sống bấp bênh về chỗ ở khi thuê trọ nếu họ công khai giới tính thật. Chính việc này đã khiến người LGBT không dám can đảm là chính mình. Chia sẻ sau đây đề cập vấn đề đã nêu *"khi tôi công khai giới tính và sống với bạn tình, trong quá khứ*

 ISBN: 978-604-73-8639-0

tôi đã trải nghiệm việc chuyển chỗ trọ 3 lần trong 2 tháng, kể từ đó mỗi lần thuê trọ tôi không dám cho chủ trọ biết giới tính thật, hoặc tìm thuê trọ nơi chủ không kỳ thị… nhưng thực tế tìm đâu ra chủ không kỳ thị trong khu vực này…".

Qua khảo sát việc phân biệt đối xử với công nhân LGBT tại các khu trọ là rất rõ và chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể 30/40 công nhân thuộc cộng đồng LGBT tương đương với 75% đã khẳng định họ bị kỳ thị tại cộng đồng khu trọ. Công nhân LGBT thừa nhận khi họ có xung đột nhỏ, hay gặp rắc rối với người thuê trọ cạnh phòng, thì lỗi mặc nhiên được xem thuộc về công nhân LGBT. Chủ trọ không đứng về phía công nhân LGBT và nguy cơ bị đuổi khỏi khu trọ là chắc chắn nếu có xung đột, dù lỗi không phải do công nhân LGBT.

Không có quyền riêng tư khi bạn bè tới chơi hoặc ở lại qua đêm. Nghiên cứu cho thấy có 31/40 tương đương với 77.5% cho biết những người sống sung quanh và chủ trọ không tôn trọng quyền riêng tư khi có bạn bè hay bạn tình qua đêm tại phòng mặc dù họ tuân thủ các quy định nhà trọ như bao người thuê trọ khác. Bộc bạch của công nhân LGBT về vấn đề trên: "*chủ trọ không cho bạn bè tôi qua đêm tại phòng tôi thuê, trong khi các phòng thuê khác thì được, hơn nữa lại có quy định lạ cho riêng tôi, nếu có người tới chơi thì của phòng phải luôn mở, không tuân thủ sẽ bị mời ra khỏi khu trọ*".

3.1.3. Khó khăn từ phía gia đình đòng họ là rào cản công nhân LGBT trong việc tiếp cận quyền bình đẳng

Không chỉ khó khăn trong việc tiếp cận quyền bình đẳng tại nơi làm việc và trong cộng đồng đã làm thách thức cho công nhân là người LGBT, mà nghiên cứu còn cho thấy gia đình là một trong những rào cản chính yếu của việc tiếp cận quyền bình đẳng của công nhân LGBT.

Việc công khai giới tính với gia đình là thách thức lớn, nghiên cứu cho thấy chỉ 1/40 công nhân là người LGBT tương đương với 2.5% được hỏi đã mạnh dạn và dám công khai đối mặt với bố, mẹ và người thân trong gia đình về giới tính thật của mình. Bên cạnh đó nghiên cứu đã cho thấy có 38/40 công nhân là người LGBT tương đương với 5% đã từng một lần tiết lộ giới tính thật với một người thân hoặc là mẹ hoặc là anh chị em, nhưng tất cả đều kín tiếng với những người còn lại.

Đặc biệt, nghiên cứu cho thấy rằng, bố mẹ thường can thiệp sâu và cản trở quyền cá nhân của công nhân là người LGBT. Như việc bố mẹ ép buộc dùng quyền chọn bạn, chọn cách ăn mặc, ngăn cấm sở thích liên quan đến giới tính thật của người đồng tính, và nhất buộc kết hôn. Hơn thế nữa, bố mẹ thường bạo lực giới đối với con cái là người LGBT tại gia đình như: đánh đập, đe dọa nếu con cái đồng tính thể hiện sống thật với chính mình.

Cản trở quyền chọn bạn của người LGBT: nghiên cứu chỉ ra 28/40 tương đương với 70% công nhân là người LGBT chia sẻ họ không có quyền chọn bạn và trong quá khứ bố mẹ đã không cho họ kết bạn theo ý mình. Chia sẻ của LGBT: "…*mỗi khi có bạn về nhà người thân trong gia đình thường nhận xét là bạn lạ lạ mái mái… từ đó cấm không cho chơi, hay duy trì quan hệ đó…*".

Khi được hỏi về quyền chọn lựa cách ăn mặc và sở thích cá nhân của công nhân là người LGBT, nghiên cứu thu được 38/40 và 39/40 tương ứng với tỷ lệ 95% và 97.5% trường hợp thừa nhận bố mẹ không cho họ chọn cách ăn mặc, ngăn cấm sở thích liên quan đến giới tính thật của người đồng tính. Công nhân là người LGBT kể: *".. trong quá khứ tôi đã no với trận đòn khi tôi chọn quần áo sặc sỡ và giống màu của nữ, ….nhưng đó là chính tôi"*.

Việc bạo lực trong gia đình đối với người LGBT, nghiên cứu cho thấy 38/40 công nhân là người LGBT đã khẳng định trong quá khứ họ đã trải nghiệm tình trạng đánh đập, đe dọa nếu con cái đồng tính thể hiện lối sống thật với chính mình. Theo lời kể của một lao động LGBT thì: "*Bố mẹ đã nhốt tôi trong nhà, la rày lớn tiếng, và cả đánh đập khi biết tôi đã công khai bản thân là đồng tính trong quá trình làm việc tại nhà máy. Hơn nửa năm sau đó tôi trốn nhà để quay lại Sài Gòn tìm việc. Gần 4 năm rồi tôi không về quê*".

Ngoài ra, công nhân là người LGBT còn chịu sự xa lánh của bố mẹ và người thân trong gia đình do gia đình không đồng tình khi công nhân là người LGBT sống thật, biểu hiện đúng với bản dạng giới. Như lời kể: *"Người thân của tôi cảm thấy xấu hổ khi có con cái anh chị em là người LGBT".* Trong thảo luận nhóm, một bạn đồng tính nam chia sẻ "*anh chị em tôi đề nghị tôi không xuất hiện trong gia đình khi gia đình có sự kiện như giỗ chạp, cưới hỏi"*.

3.2. Hậu quả của việc không tiếp cận quyền bình đẳng

Việc phân biệt đối xử, thiếu hiểu biết về cộng đồng LGBT của gia đình, cộng đồng và tại nơi làm việc đã trực tiếp tước đi quyền bình đẳng về giới mà pháp luật Việt Nam đã đảm bảo cho các cá nhân trong xã hội. Điều này đã để lại hậu quả như: hậu quả về kinh tế, tổn thương về thể chất, tình cảm và đời sống tinh thần của công nhân là người LGBT.

3.2.1. Hệ lụy về kinh tế do bất bình đẳng giới

Dưới góc độ kinh tế: bất bình đẳng giới đã dẫn đến việc tiếp cận nguồn trợ giúp của gia đình đối với công nhân LGBT rất hạn chế, họ không được trợ giúp khi cần thiết như các anh chị em khác trong gia đình "*bố mẹ tôi không hỗ trợ tôi khi tôi cần… họ chỉ mở hầu bao khi tôi thật sự rất khó khăn, so với anh em khác trong gia đình thì tôi gần như không có sự hỗ trợ nào*". Tại nơi làm việc, có sự chênh lệch thu nhập giữa những công nhân thuộc cộng đồng LGBT với các công nhân khác ở cùng một vị trí công việc, khó có cơ hội để công nhân là người LGBT tiếp cận việc làm có thu nhập cao và họ dễ gặp rủi ro khi nhà máy có nhu cầu cắt giảm nhân lực. "*Tôi không được đánh giá cao khi hoàn thành tốt công việc… không có khả năng được đề bạt trưởng phòng vì tôi bị cho là bê đê*", hay chia sẻ sau "*khi dịp tăng ca có chọn lọc để đăng tăng ca thì tôi thường bị loại… do vậy thu nhập do tăng ca rất ít trong năm*". Chi phí thuê trọ của công nhân LGBT cao hơn so với bình thường và họ cũng thường gặp rủi ro do mất tiền cọc, điều này đã góp phần làm cho các khó khăn kinh tế mà họ gặp phải lớn hơn. Lời kể sau cho chúng ta thấy thực trạng này: "*tiền thuê trọ hàng tháng phải trả tôi phải đóng cọc bảo đảm cho việc tuân thủ các quy định tại nhà trọ 1 tháng và chủ trọ cất giữ số tiền này, việc cọc này là việc chủ trọ yêu cầu riêng với các bạn LGBT*".

3.2.2. Hệ lụy về mặt thể chất và tinh thần đối với công nhân LGBT do bất bình đẳng giới

Qua nghiên cứu, tất cả 40 công nhân là người LGBT trong nghiên cứu cho biết họ rất sợ, hay nó cách khác là họ lo sợ sự ruồng bỏ của bố mẹ, cộng đồng xã hội và đồng nghiệp nơi làm việc. Do vậy, họ có khuynh hướng che đậy bản năng thật sự của mình trước đồng nghiệp và trước gia đình ở quê. Các áp lực từ gia đình, cộng đồng và đồng nghiệp đã tạo cho họ tâm lý sợ hãi, không chỗ dựa, cảm giác bị loại trừ, những điều này làm cho họ khó hội nhập và vươn lên trong cuộc sống, thậm chí họ có lúc đến đường cùng chỉ muốn kết thúc cuộc sống bằng cách tự tử. Chia sẻ sau đây phản ánh vấn đề trên: "*Gây áp lực như la mắng, dùng bạo lực, thiếu tôn trọng trong gia đình, bất công bằng,*

 ISBN: 978-604-73-8639-0

im lặng, xa lánh không nói chuyện nơi làm việc, cộng với áp lực trong cộng đồng… khiến tôi đã quyết định tự tử trong quá khứ". Hay chia sẻ sau đây cho thấy sự tổn thương của công nhân LGBT: "*Tôi nhớ nhà ... mẹ cũng nhớ tôi, nhưng thấy tôi về cha sốc không kiểm soát được đã đánh đập tôi rất nhiều. Tôi mong cha tôi đổi thay, đổi cách nhìn để tôi có thể quay về mỗi dịp lễ tết,...*".

Nghiên cứu phát hiện 25/40 tương đương 62.5% công nhân là người LGBT cho rằng dịp lễ, Tết là ác mộng đối với họ. Sức ép từ gia đình mỗi dịp này là rất lớn, khi đối mặt, cha mẹ đều mong muốn con cái cưới hỏi những người khác giới và sinh cháu nối dõi. Chia sẻ của một bạn nam đồng tính: "*mười năm rồi Tết cổ truyền mình đều không về quê do mình được xem là cháu đích tôn của dòng họ, bố mẹ đã yêu cầu và mai mối buộc mình cưới vợ, mình không thể làm được việc này, vì nhiều lý do liên quan đến giới tính của mình, mình không muốn mọi người trong dòng họ mang mình ra làm trò cười… mình chỉ thích bạn đời là nam*".

Nghiên cứu cho thấy sự phân biệt đối xử, thiếu hiểu biết về cộng đồng LGBT dẫn đến hệ lụy gián tiếp đến quyền được yêu của công nhân là người LGBT. Họ bị cản trở, thậm chí ngăn cấm trong đời sống tình cảm, cụ thể là tình yêu đồng giới. Công nhân là người LGBT đối diện với định kiến trong cộng đồng và xã hội Việt Nam. Mặc dù xã hội đã có sự công nhận việc sống chung của các cặp đôi, nhưng sự công nhận vẫn chưa thật sự rõ ràng. Nghiên cứu cho thấy có 32/40 trường hợp, tương đương với 80% công nhân là người LGBT đồng tính xác định họ và thành viên cộng đồng LGBT chọn cách che đậy các mối quan hệ về bạn tình và tình yêu đồng giới trước dư luận, và sức ép của gia đình dòng họ và người thân, *"Tôi đã hẹn hò bí mật không để người thân trong gia đình biết".*

Trong nghiên cứu có tới 25/40 công nhân là người LGBT tương đương 62.5% người tham gia nghiên cứu chấp nhận kết hôn cùng người dị tính hoặc một người khác giới chỉ để bảo vệ bản thân khỏi sự dè bỉu của xã hội và bảo vệ danh dự của của gia đình và dòng họ. "*Tôi chấp nhận hôn nhân che đậy là lựa chọn bất khả kháng*". Mặc dù vậy, cuộc sống không được làm điều mình thích, được là chính mình đã làm cho họ chết dần chết mòn trong tâm hồn và ảnh hưởng đến bạn đời bất đắc dĩ của họ. Cuộc sống đóng tròn vai để đối phó với gia đình và dư luận xã hội, tạo cho họ cảm giác tội lỗi với bạn đời. Điều này ảnh hưởng đến đời sống tình cảm và tinh thần của họ.

4. KIẾN NGHỊ

Từ những phân tích trên, nhóm tác giả đưa ra những kiến nghị sau:

- Các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các nhóm cộng đồng và đơn vị truyền thông liên quan hoặc quan tâm đến vấn đề LGBT tại Việt Nam phải cùng phối hợp hành động nhằm tác động tới các cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm ghi nhận và thực thi các quyền mà không bị phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới, dưới góc độ bảo đảm quyền con người mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế.
- Cần phải có chính sách đồng bộ từ phía cơ quan có thẩm quyền để các công ty, xí nghiệp có các chương trình tập huấn cho công nhân về các kiến thức liên quan, giúp hiểu biết về cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới và các chương trình bình đẳng giới hiện có tại đây.
- Không chỉ dừng lại truyền thông, giáo dục, các cơ quan thực thi pháp luật cần có biện pháp thiết thực bảo vệ cộng đồng người LGBT nhằm răn đe các các hành vi bạo lực giới, cản trở tự do cá nhân và các quyền mà pháp luật Việt Nam công nhận nhằm bảo vệ cộng đồng người LGBT trong cộng đồng, trong gia đình và nơi làm việc.

- Hình thành cơ chế hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng người LGBT để họ có thể phản ánh, chia sẻ thông tin, và nhất là được bảo vệ chống lại sự bất bình đẳng thông qua cơ chế, tổng đài tư vấn, đội phản ứng nhanh và hỗ trợ pháp lý chống lại các hình thức bạo lực giới đối với cộng đồng người LGBT.
- Cần có các dịch vụ tham vấn, thăm khám chữa bệnh hay can thiệp dành riêng cho nhóm đối tượng yếu thế là người LGBT. Trong đó nên chú trọng việc tham vấn cho các gia đình có con em thuộc cộng đồng LGBT để họ hiểu và nhận thức đúng về người đồng tính để bảo vệ cho con cái là người LGBT, nhằm đảm bảo quyền cơ bản của con cái, giúp xóa bỏ bạo lực do kỳ thị và thiếu hiểu biết.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy công nhân lao động là người LGBT gặp khó khăn trong việc tiếp cận quyền bình đẳng tại nơi làm việc, trong cộng đồng và trong chính gia đình của họ. Đây chính là các yếu tố làm rào cản công nhân là người LGBT tiếp cận quyền bình đẳng.

Việc phân biệt đối xử, thiếu hiểu biết về cộng đồng LGBT của gia đình, cộng đồng và tại nơi làm việc đã trực tiếp tước đi quyền bình đẳng về giới mà pháp luật Việt Nam đã đảm bảo cho các cá nhân trong xã hội. Điều này đã để lại hậu quả cho công nhân LGBT như: hậu quả về kinh tế, tổn thương về thể chất, tình cảm và đời sống tinh thần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2015), Bộ Luật Dân sự năm 2015 (sửa đổi).
2. Quốc hội (2006), Luật Bình đẳng giới năm 2006.
3. Chính phủ (2013), Nghị định số 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
4. ***Chí Thiện (2016),* Việt Nam là điểm đến lý tưởng dành cho cộng đồng LGBT, *truy cập tại: https://1thegioi.vn/viet-nam-la-diem-den-ly-tuong-danh-cho-cong-dong-lgbt-98296.html.***
5. CRIGHTS (2010), *Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, NXB Lao động Xã hội.
6. Hoàng Bá Thịnh (2009), *Cưỡng ép trong hôn nhân*, NXB Lao động Xã hội
7. iSEE (2011), *Kỳ thị và phân biệt đối xử của nhân viên y tế qua cung cấp dịch vụ y tế cho nam quan hệ tình dục đồng giới.*
8. iSEE (2014), *Khảo sát trải nghiệm và nhu cầu pháp lý của người chuyển giới*.
9. Trương Hồng Quang (2014), *Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia.
10. Phạm Quỳnh Phương et al. (2013), *Khát vọng được là chính mình: Người chuyển giới ở Việt Nam*, iSEE.
11. Trương Hồng Quang (2013), *Tìm hiểu một số vấn đề dưới góc độ pháp lý về đồng tính, song tính và chuyển giới*, NXB Chính trị Quốc gia.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

12. UNDP & USAID (2014), *Là người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) ở châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam: Tổng hợp và phân tích về môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)*.
13. United Nations Human Rights, Office of the High Commissioner (2012), *Born Free and Equal: Sexual Orientation and Gender Identity in International Human Rights Law*, https://www.refworld.org/docid/5065a43f2.html.

TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA THANH THIẾU NIÊN LGBT HIỆN NAY

IMPACTS OF SOCIAL NETWORKS ON THE MENTAL HEALTH OF CURRENT LGBT ADOLESCENTS

Vũ Hồng Hạnh*

Phan Thanh Hải**

TÓM TẮT

Hiện nay, tỷ lệ thanh thiếu niên LGBT có vấn đề về sức khỏe tâm thần có nguyên nhân từ mạng xã hội ngày một gia tăng ở tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Những sang chấn về tâm lý bắt nguồn từ mạng xã hội là một trong những yếu tố dẫn đến các rối loạn tâm thần, hiện tượng tự tử và gia tăng tỷ lệ phạm tội của thanh thiếu niên. Từ góc độ tiếp cận tâm lý xã hội và dựa trên một số nghiên cứu đã có, tác giả tìm hiểu và đánh giá sự tác động của mạng xã hội đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên LGBT tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *mạng xã hội, sức khỏe tâm thần, thanh thiếu niên, LGBT.*

ABSTRACT

Currently, the percentage of adolescents with mental health problems caused by social networks is increasing in all countries around the world, including Vietnam. Psychological trauma stemming from social media is one of the factors leading to mental disorders, death, and increased crime rates among young people. From the perspective of social psychology approach and based on a number of existing studies, the author explores and evaluates the impact of social networks on the mental health of Vietnamese LGBT adolescents today.

Keywords: *social network, adolescents, mental health, LGBT.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của Internet và mạng xã hội đã giúp cho đời sống con người được cải thiện rõ rệt trên mọi phương diện. Đời sống tinh thần được chú trọng, sức khỏe tâm thần của cá nhân được quan tâm hơn. Theo định nghĩa về "sức khỏe" của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2006), sức khỏe tâm thần là một trong ba yếu tố để đánh giá sức khỏe toàn diện của một cá nhân. Một cá nhân được đánh giá là khỏe mạnh phải cảm thấy thoải mái cả về "thể chất", "tâm thần" và "xã hội". Tuy nhiên, sự phát triển của Internet và mạng xã hội đã khiến cho con người phải "sống nhanh hơn" mới có thể tồn tại và phát triển trong thế giới công nghệ số. Vì thế, tỷ lệ người có vấn đề về sức khỏe tâm thần ngày một gia tăng, đặc biệt là đối với thanh thiếu niên, và thanh thiếu niên trong cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) (CSAP, 2006; Subhrajit, C., 2014; Kim, H. J. et al., 2017).

Theo nhiều nghiên cứu khác nhau, thanh thiếu niên LGBT có tỷ lệ rối loạn tâm thần khá cao, đặc biệt là các rối loạn trầm cảm, lo âu, stress hậu sang chấn (Shidlo, A., & Ahola, J., 2013; Yarns, B. C., 2016; Messih, M., 2016; Hopkinson, R. A. et al., 2017; Sullivan, M., 2017). Các rối

* Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: hanhvuhong1983@gmail.com.

** Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

loạn tâm thần này xảy ra do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó nổi lên một vấn đề rất quan trọng trong xã hội hiện đại đó là mối quan hệ giữa sử dụng mạng xã hội và rối loạn tâm thần trong cộng đồng thanh thiếu niên nói chung, và thanh thiếu niên LGBT nói riêng (Kim, H. J., et al., 2017). Những tổn hại sức khỏe tinh thần, tổn hại kinh tế không chỉ ở phạm vi cá nhân, gia đình người có vấn đề về sức khỏe tâm thần, mà còn là tổn hại đối với cộng đồng, quốc gia về nguồn nhân lực. Nghiên cứu về những tác động của mạng xã hội đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên LGBT tại Việt Nam, nhóm tác giả tập trung đánh giá và giải thích các nguyên nhân về nhận thức, tâm lý, hành vi của thanh thiếu niên dưới tác động của mạng xã hội.

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

Mạng xã hội: Theo Boyd, D. M., & Elison, N. B., (2007), định nghĩa, mạng xã hội là: "Các dịch vụ dựa trên web cho phép cá nhân xây dựng một hồ sơ công khai hoặc công khai trong một hệ thống giới hạn, công khai một danh sách các người dùng khác mà họ đã có mối quan hệ, xem và đi qua danh sách các kết nối được tạo ra bởi những người khác trong hệ thống của họ". Mạng xã hội, hay gọi là mạng xã hội ảo, (social network) là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian; là nền tảng trực tuyến nơi mọi người dùng để xây dựng các mối quan hệ với người khác có chung tính cách, nghề nghiệp, công việc, trình độ hay có mối quan hệ ngoài đời thực.

Thanh thiếu niên: là một cụm từ dành riêng cho giới trẻ gồm: vị thành niên và thanh niên. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) định nghĩa: "Vị thành niên là những cá nhân ở độ tuổi 10-19 tuổi", trong khi "người trẻ tuổi" hoặc "thanh niên" bao hàm từ 10-24 tuổi. (Theo "*Adolescent health in the South-East Asia Region - Sức khỏe vị thành niên ở khu vực Đông Nam Á*").

LGBT là những chữ cái viết tắt trong tiếng Anh chỉ cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới (Messih, M, 2016). Cụ thể như sau:

L: Lesbian (Người đồng tính nữ): là những người phụ nữ cảm thấy hấp dẫn về tình cảm, tình dục với người phụ nữ khác.

G: Gay (Người đồng tính nam): là những người nam giới có xu hướng hấp dẫn về tình cảm và tình dục đối với những người nam giới khác.

B: Bisexsual (Người song tính): là những người cảm thấy hấp dẫn về tình cảm, tình dục với cả nam và nữ.

T: Transgender (Người chuyển giới): những người có bản dạng giới, thể hiện giới không giống với những chuẩn mực tương ứng với giới tính sinh học của họ khi sinh ra.

Khái niệm sức khỏe tâm thần: "Là một trạng thái không chỉ có rối loạn hay dị tật tâm thần mà còn là một trạng thái tâm thần hoàn toàn thoải mái, cân bằng về cảm xúc, hòa hợp giữa các mối quan hệ gia đình, xã hội, có cảm xúc tình cảm và hành vi ứng xử phù hợp với nhu cầu của xã hội" (Đặng Bá Lãm, Weiss Bahr, 2007).

Hành vi lệch chuẩn (Devilment behaviour): "Người ta gọi bất kỳ hành vi nào không phù hợp với mong đợi của một nhóm hoặc của xã hội là hành vi lệch chuẩn. Nói cách khác hành vi lệch chuẩn là hành vi lệch khỏi những quy tắc của nhóm hay xã hội. Nó là hậu quả của quá trình xã hội hóa không hoàn toàn" (Trần Thị Kim Xuyến, Nguyễn Thị Hồng Xoan, 2007).

Trầm cảm: "Là rối loạn cảm xúc biểu hiện quá trình ức chế ba thành phần chủ yếu; đó là cảm xúc ức chế, tư duy ức chế, vận động ức chế". (Bùi Văn San, 2016).

Hành vi tự tử (suicidal behaviour): Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới, hành vi tự tử bao gồm ba thành phần: "ý tưởng tự sát" (chỉ thể hiện trong ý nghĩ); "mưu toan tự sát" (có hành vi để tự tử, nhưng không thành công); "tự sát" (có hành vi tự tử đi đến tử vong). E. Durkheim, (1897) cho rằng đây là hành động hoàn toàn mang tính xã hội, hành vi này bị chi phối nhiều bởi tập thể xã hội.

2. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA MẠNG XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA THANH THIẾU NIÊN LGBT

Thực trạng về tình trạng sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên, nhất là đối với các cộng đồng như cộng đồng LGBT thì vấn đề sức khoẻ tâm thần càng là yếu tố được quan tâm mạnh mẽ. Đồng thời, nhiều nghiên cứu cũng đã cố gắng giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ tâm thần của cá nhân, trong đó có các nghiên cứu về yếu tố mạng xã hội. Nghiên cứu của Unicef (2018) cho thấy, mạng xã hội đã tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần của thanh thiếu niên: 32,4% cảm thấy bình thường khi sử dụng mạng xã hội, tuy nhiên 9,3% cảm thấy phấn khích, 41,5% cảm thấy vui vẻ và 1,2% cảm thấy buồn chán, 15,6% cảm xúc phụ thuộc vào status (nội dung trạng thái cảm xúc) trên mạng xã hội. Khi nhận được thông tin phản hồi (comment) có 65,5% cảm thấy bức xúc và 34,5% cảm thấy không bức xúc. Mức độ cảm xúc chịu ảnh hưởng từ mạng xã hội: 34,3% cho rằng thỉnh thoảng mới bị mạng xã hội chi phối đến cảm xúc, 28,7% hiếm khi bị mạng xã hội chi phối nhưng có tới 2,5% thường xuyên bị chi phối bởi mạng xã hội. Đồng thời, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mạng xã hội có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khoẻ tâm thần của cộng đồng LGBT, nhất là tình trạng bắt nạt trên mạng (Wiederhold, B. K., 2014), trở thành nạn nhân và bị phân biệt đối xử, lạm dụng sử dụng mạng (McConnell, E. A, 2017), đau khổ và trải nghiệm tâm lý tiêu cực, ý nghĩ tự sát (Sampasa-Kanyinga, H. et al., 2015).

Người LGBT luôn có sự lo sợ triền miên. Họ lo sợ rằng người ta biết được "mình là LGBT". Bởi ngay cả bố mẹ khi biết con mình là LGBT cũng bị sốc mạnh. Không lẽ những người LGBT không có quyền được sống đúng chính mình, khi bản thân người đồng tính không hề có lỗi. Mọi người cần có hiểu biết hơn về LGBT để giảm bớt những kỳ thị và thành kiến, để giúp những người LGBT vượt qua những thành kiến và kỳ thị. Bản thân người LGBT cần được giáo dục, tư vấn và nhận thức đồng tính luyến ái là một xu hướng tính dục tự nhiên không phải là bệnh. Tự chấp nhận bản thân là bước đầu tiên của quá trình bộc lộ.

Mạng xã hội đã và đang tạo ra những thay đổi tích cực cho người LGBT và thanh thiếu niên LGBT. Mạng xã hội và truyền thông là hai công cụ không thể thiếu của cộng đồng LGBT trong việc nâng cao nhận thức và sự nhìn nhận, công nhận từ xã hội. Khi người LGBT cảm thấy thoải mái với xu hướng tính dục của mình và cảm thấy an toàn, là lúc họ có thể bộc lộ cho những người thân biết mình là người đồng tính luyến ái. Những người LGBT nam hoặc nữ càng khẳng định bản sắc của mình thì càng có sức khỏe tâm thần tốt hơn và có sự tự tin hơn

3. TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA MẠNG XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA THANH THIẾU NIÊN LGBT

3.1. Mạng xã hội tác động đến cảm xúc tiêu cực của thanh thiếu niên LGBT

3.1.1. Thanh thiếu niên LGBT có nhận thức sai lệch về các vấn đề xã hội

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Thanh thiếu niên LGBT tiếp nhận nguồn thông tin về thế giới xung quanh và các kiến thức cần thiết cho đời sống và gần như lệ thuộc vào mạng xã hội. Chính vì thế, họ có xu hướng xa rời các giá trị thực của cuộc sống; tin và làm theo những giá trị ảo trên mạng xã hội. Hiện nay, người sử dụng mạng xã hội thường đăng thông tin về bản thân, về "cuộc sống hoàn hảo" của mình qua việc khoe nhà, khoe xe, khoe những chuyến du lịch đắt tiền, công việc tốt, thu nhập cao. Những nội dung đó đã tác động đến người xem, tạo tâm lý so sánh cuộc sống trên mạng xã hội của một ai đó. Trong môi trường truyền thống, hành vi so sánh giữa bản thân mình với người khác là động cơ cho con người phấn đấu, và đến một ngưỡng nào đó, sự so sánh này có thể là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, trong môi trường ảo, người ta thường chỉ đưa những thông tin tốt về bản thân hoặc có xu hướng phóng đại chúng. Chính vì thế, khi tiếp nhận được quá nhiều thông tin về sự thành đạt của những người khác từ mạng xã hội, thanh thiếu niên LGBT sẽ hình thành nên tâm lý nóng vội muốn nhanh chóng đạt được cuộc sống giống như vậy. Nhưng để đạt được mục tiêu đó, họ phải đối mặt với rất nhiều rào cản từ môi trường xã hội thực mà thanh thiếu niên LGBT đang sống (điều kiện sống, năng lực bản thân, tri thức, kinh nghiệm thực tế, các mối quan hệ xã hội xung quanh,…). Những rào cản đó là nguyên nhân dẫn đến tâm lý mặc cảm, tự ti; vô hình trung tạo nên sự ám thị về bản thân mình khi tự phán xét bản thân thật tồi tệ, thật vô dụng, mình là kẻ bỏ đi, không có vai trò gì với gia đình, với mọi người xung quanh; cam chịu, đổ lỗi cho số phận,... Hiện tượng tâm lý trên rất nguy hiểm, không chỉ gây ra tâm lý chán chường với chính bản thân họ, với cuộc sống xung quanh, nếu kéo dài sẽ dẫn đến hiện tượng bệnh lý về sức khỏe tâm thần như stress, trầm cảm, tự kỷ và có nguy cơ dẫn đến hành vi tự tử.

3.1.2. Mạng xã hội gây ra nỗi sợ hãi, cảm giác bị cô lập với thế giới xung quanh

Việc thanh thiếu niên LGBT dành quá nhiều thời gian trong một ngày để sử dụng mạng xã hội đã dẫn đến hiện tượng "nghiện mạng xã hội", dẫn đến thực trạng là mối quan hệ trực tiếp "face to face" như mối quan hệ với cha mẹ, anh chị em trong gia đình, bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp đã không còn được đối tượng này quan tâm, củng cố, phát triển. Thay vào đó, thanh thiếu niên LGBT dành thời gian quan tâm, "chăm chút", phát triển các mối quan hệ trên mạng xã hội. Họ tìm kiếm sự cảm thông, chia sẻ từ các mối quan hệ trên mạng xã hội, dẫn đến việc mạng xã hội chi phối về mặt cảm xúc. Hành động liên tục mở điện thoại, vào mạng xã hội để đếm like, đọc comment (phản hồi) sau khi đăng những dòng trạng thái suy nghĩ, cảm xúc (status) về một vấn đề của bản thân lên mạng xã hội đã trở nên phổ biến. Không khó để nhận thấy phản ứng về mặt cảm xúc (vui, buồn, bức xúc, tức giận, hoảng loạn) của đối tượng sau khi đọc những comment hay xem những trạng thái like về nội dung mình đăng tải. Thanh thiếu niên LGBT "nghiện mạng xã hội" thường có cả giác lo lắng, bồn chồn vì sợ bỏ lỡ những comment trên mạng xã hội, sợ bị lạc hậu (không bắt kịp trend).

3.2. Mạng xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên LGBT

Đối với thanh thiếu niên nói chung và thanh thiếu niên LGBT nói riêng, mạng xã hội đã trở thành một phần quan trọng không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của họ. Do chưa có nhiều kinh nghiệm sống nên thanh thiếu niên LGBT chưa đủ kỹ năng quản lý cảm xúc của mình. Chính vì thế, các đối tượng "nghiện mạng xã hội" thường cảm thấy không hài lòng với chính mình và các mối quan hệ xung quanh. Thế giới quan của nhóm đối tượng này mang màu sắc u ám, tiêu cực, là nguyên nhân dẫn đến những hành vi lệch chuẩn, theo cấp độ nguy hiểm từ thấp đến cao; ảnh hưởng đến cuộc sống của cá nhân và xã hội. Do việc xem mạng xã hội là ảo, không cần xác

định danh tính, không phải chịu trách nhiệm về phát ngôn cá nhân, nên một bộ phận thanh thiếu niên trong đó có thanh thiếu niên LGBT thoải mái sử dụng ngôn từ trái với văn hóa, đạo đức (phỉ báng người khác, phân biệt văn hóa, kỳ thị dân tộc, kỳ thị vùng miền, đưa những thông tin sai sự thật, gây hấn, thậm chí lôi kéo cộng đồng mạng uy hiếp một ai đó nếu thấy bất đồng quan điểm).

Nguy hiểm hơn, mạng xã hội còn xuất hiện những video clip mang những nội dung bạo lực, côn đồ, cổ xúy, khuyến khích thanh thiếu niên có hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức; hoặc có những nội dung lôi kéo thanh thiếu niên làm giàu bằng cách trồng các cây thuộc nhóm gây nghiện mà Nhà nước cấm (trồng cần sa, anh túc); hướng dẫn điều chế các hoạt chất gây nghiện, buôn bán chất gây nghiện; lôi kéo, thu nạp đệ tử thanh thiếu niên vào các băng nhóm xã hội đen,...

Mạng xã hội giống như một con dao hai lưỡi, ngoài những đóng góp tích cực đối với xã hội, đối với đời sống của mỗi con người thì những nguy cơ tiềm ẩn từ mạng xã hội đem lại đối với sức khỏe tâm thần của người sử dụng mạng xã hội nói chung, của thanh thiếu niên LGBT nói riêng thật sự là mối nguy hại về quá trình phát triển tâm lý và hành vi của thanh thiếu niên, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng của thanh thiếu niên. Những biểu hiện của rõ nhất của các rối loạn liên quan đến sức khoẻ tâm thần với cộng đồng LGBT chủ yếu là gia tăng sự căng thẳng, bắt nạt trực tuyến, nghiện mạng xã hội, trầm cảm, lo âu và ý nghĩ tự sát.

4. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TÁC HẠI CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA THANH THIẾU NIÊN LGBT

Tác động tiêu cực của mạng xã hội đối với thanh thiếu niên trong đó có nhóm đối tượng thanh thiếu niên LGBT đã trở thành một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Nhà nước và các tổ chức trong xã hội. Nhằm bảo vệ cho thanh thiếu niên tránh khỏi những nguy cơ tiềm ẩn từ không gian mạng đem lại, Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đã có những nỗ lực đáng kể trong lĩnh vực ngăn chặn việc xâm hại đến thanh thiếu niên trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần, đó là bảo vệ sự riêng tư của thanh thiếu niên khi sử dụng mạng xã hội như thông tin cá nhân, hình ảnh cá nhân, tình trạng sức khỏe, kết quả học tập, các mối quan hệ bạn bè,…; Xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn cho thanh thiếu niên khi sử dụng mạng xã hội: trang bị kiến thức kỹ năng cho thanh thiếu niên tự bảo vệ mình trước các nguy cơ từ mạng xã hội đem lại; Ban hành cụ thể các chế tài xử lý vi phạm đối với các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội nếu vi phạm; Đề ra những biện pháp hỗ trợ thanh thiếu niên bị xâm hại trên môi trường mạng. Một số Nghị định, Quyết định của Nhà nước và các Bộ, Ngành nhằm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng đã được ban hành: Nghị định số 56/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều luật trẻ em; Quyết định số 830/QĐ-TTg, ngày 01/6/2021, phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025"; Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025, được Thủ tướng ký vào ngày 1.6.2021, theo Quyết định số 830/QĐ-TTg; Quyết định số 2264/QĐ-BTTTT phê duyệt chương trình phòng chống xâm hại trẻ trên môi trường mạng. Bộ TT&TT đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội (Quyết định 874/QĐ-BTTTT). Bộ quy tắc ứng xử đã xây dựng những chuẩn mực đạo đức, hành vi ứng xử, những thói quen tích cực khi cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội. Bộ quy tắc ứng xử đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng ý thức, kỹ năng ứng phó cho trẻ em, trẻ vị thành niên, bảo vệ trẻ trước các tác động tiêu cực từ không gian mạng đem lại; Quyết định số 716/QĐ-BTTTT, ngày 26/5/2021 về việc thành lập mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Cùng với vai trò của Nhà nước và các Bộ, ngành tổ chức liên quan, các tổ chức phi chính phủ cũng quan tâm đến vấn đề bảo vệ, định hướng sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu niên. Tại Thành phố Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng (RTCCD) đã khai trương một phòng khám về sức khỏe tâm thần. Tổ chức Basic Needs (do Basic Needs UK tài trợ) đã hợp tác với Hội Phụ nữ, Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển (PHAD) trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ và Tư vấn GLINK, Công ty G3VN, Công ty Ladies of Vietnam, phòng khám Nhà Mình,… đã cung cấp dịch vụ tham vấn và hỗ trợ tâm lý và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng về kỹ năng hành nghề trong ngành tâm lý học, đặc biệt là tham vấn tâm lý cho thanh thiếu niên LGBT.

KẾT LUẬN

Sự phát triển của mạng xã hội là một điều tất yếu, là nhu cầu của một xã hội phát triển. Bên cạnh những lợi ích thiết thực với đời sống xã hội thì mạng xã hội cũng có những tác động tiêu cực xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên LGBT. Mạng xã hội gây nên những nhận thức xã hội sai lệch trong thanh thiếu niên LGBT, làm họ cảm thấy sợ hãi, cô lập với thế giới xung quanh. Mạng xã hội cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự trầm cảm trong thanh thiếu niên, đưa đến những hành vi lệch chuẩn và hành vi tự tử ở giới trẻ. Rõ ràng, khi sử dụng mạng xã hội, mỗi thanh thiếu niên nói chung và thanh thiếu niên LGBT cần trang bị "bộ lọc" cần thiết, xác định đúng vai trò, trách nhiệm xã hội và hệ giá trị cá nhân, phù hợp với những chuẩn mực văn hóa và đạo đức xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Văn San. (2016). *Đại cương tâm thần học*. NXB Đại học Y Hà Nội.
2. Đặng Bá Lãm, Weiss Bahr. (2007). *Giáo dục, tâm lý và sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam. Một số lý luận và thực tiễn liên ngành*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Hưng Quang và cộng sự. (2015). *Quyền nuôi con con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam, thực trạng và khuyến nghị.* UNDP.
4. Nguyễn Hồng Cúc. (2016). *Công tác xã hội đối với người chuyển giới, từ thực tiễn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên*. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
5. Trần Thị Kim Xuyến, Nguyễn Thị Hồng Xoan. (2007). *Nhập môn xã hội học*. NXB Đại học Quốc gia TP HCM.
6. Unicef .(2018), *Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam*. Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

1. Boyd, D. M., & Elison, N. B. (2007). "Social network sites: Definition, history, and scholaship. *Journal of Computer-Mediated Communication.*
2. Durkheim. (1897). *Le Suicide*. Paris: Les Presses universitaires de France, 2e édition, 1967.

3. Hopkinson, R. A., Keatley, E., Glaeser, E., Erickson-Schroth, L., Fattal, O., & Nicholson Sullivan, M. (2017). "Persecution experiences and mental health of LGBT asylum seekers". *Journal of Homosexuality*, 64(12), 1650-1666.
4. Messih, M. (2016). "Mental health in LGBT refugee populations". *American Journal of Psychiatry Residents' Journal*, 11(07), 5-7.
5. McConnell, E. A., Clifford, A., Korpak, A. K., Phillips II, G., & Birkett, M. (2017). "Identity, victimization, and support: Facebook experiences and mental health among LGBTQ youth". *Computers in Human Behavior*, 76, 237-244.
6. Shidlo, A., & Ahola, J. (2013). "Mental health challenges of LGBT forced migrants". *Forced Migration Review*, (42).
7. Sampasa-Kanyinga, H., & Lewis, R. F. (2015). "Frequent use of social networking sites is associated with poor psychological functioning among children and adolescents". *Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking*, 18(7), 380-385.
8. Subhrajit, C. (2014). "Problems faced by LGBT people in the mainstream society: Some recommendations". *International Journal of Interdisciplinary and Multidisciplinary Studies*, 1(5), 317-331.
9. WHO. *Adolescent health in the South-East Asia Region*. https://www.who.int/southeastasia/health-topics/adolescent-health.
10. WHO. *Mental health action plan 2013–2020 (extended to 2030)*. http://www.emro.who.int/mnh/mental-health-action-plan/index.html.
11. Wiederhold, B. K. (2014). *Cyberbullying and LGBTQ youth: A deadly combination.* https://www.liebertpub.com/doi/abs/10.1089/cyber.2014.1521?journalCode=cyber.
12. Yarns, B. C., Abrams, J. M., Meeks, T. W., & Sewell, D. D. (2016). "The mental health of older LGBT adults". *Current psychiatry reports*, 18(6), 60.

PHẦN II

NHẬN THỨC CỦA XÃ HỘI VỀ CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT)

VIỆC NHẬN CON NUÔI TRONG CÁC GIA ĐÌNH ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI VÀ ĐA DẠNG GIỚI (LGBTQ) Ở HOA KỲ

ADOPTION IN GAY, BISEXUAL, TRANSGENDER, AND LGBTQ FAMILIES IN THE UNITED STATES

Nguyễn Đức Hữu*

TÓM TẮT

Trong thập kỷ qua, các chuyên gia phúc lợi trẻ em và các cơ quan có liên quan đến phúc lợi của trẻ em rất hoan nghênh sự gia tăng vai trò nuôi dạy và chăm sóc con cái của các gia đình có cha mẹ LGBTQ. Số lượng ngày càng tăng của các cơ quan thuộc lĩnh vực này tại Hoa Kỳ đã hỗ trợ ngày càng hiệu quả việc nhận con nuôi của các gia đình trong cộng đồng LGBTQ. Học viện Nhi khoa Mỹ (2013) đã đưa ra tuyên bố chính sách có tiêu đề là Thúc đẩy sự thịnh vượng của trẻ em cho dù là gay hay lesbian. Đây là bằng chứng khoa học khẳng định rằng, mọi trẻ em đều có nhu cầu phát triển và thể hiện cảm xúc. Trong mọi hoàn cảnh, điều tốt nhất cho trẻ là chúng được nuôi dạy và chăm sóc chu đáo mà không phụ thuộc vào việc cha mẹ của chúng có giới tính giống nhau hoặc khác nhau.

Từ khóa: *trẻ em, gia đình, giới, LGBTQ, con nuôi, Hoa Kỳ.*

ABSTRACT

In the last decade, child welfare specialists and agencies welcomed an increase in the parenting and childcare roles of the families of LGBTQ parents. The growing number of agencies in this field in the United States, has supported increasingly effective adoption of families in the LGBTQ community. The policy statement of the Paediatric Academy (2013) titled Promotes the prosperity of children who are Gay or Lesbian. This is scientific evidence that every child has a need to develop and demonstrate emotion. In all circumstances, the best job for the child is that they are well-taught and cared for without depending on their parents having the same or different sex.

Keywords: *children, family, gender, LGBTQ, adopted child, USA.*

I. DẪN NHẬP

Liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới tính, hiện nay, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu khá toàn diện được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức nghiên cứu chuyên về tâm lý học, hôn nhân và gia đình, các tổ chức của người đồng tính, song tính và chuyển giới, các tổ chức bảo vệ trẻ em, các hiệp hội, các tổ chức hoạt động liên quan tới nhân quyền. Tuy nhiên tại Việt Nam, cho tới thời điểm hiện tại, các nghiên cứu về các quyền có liên quan đến đa dạng giới và tính dục thường tập trung vào quyền kết hôn hay đăng ký sống chung của các cặp đôi cùng giới tính. Vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới hay vấn đề chuyển đổi giới tính được bàn luận nhiều, song chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về

* Tiến sĩ, Khoa CTXH, Trường Đại học Công đoàn. Email: huund@dhcd.edu.vn.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

ảnh hưởng của xu hướng tính dục hay bản dạng giới của một cá nhân đến quyền nuôi con nuôi của họ cũng như sự phân biệt đối xử trong việc nhận con nuôi trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận con nuôi. Bài viết này tiếp cận dựa trên việc nhận con nuôi trong các gia đình đồng tính, song tính, chuyển giới và đa dạng giới (LGBTQ) ở Hoa Kỳ. Qua đó đưa ra một bức tranh toàn cảnh liên quan tới xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền của trẻ em có liên quan trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Mỹ. Từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ, bài viết gợi ý cho các nhà làm luật ở Việt Nam hướng tiếp cận mới trong quá trình đảm bảo quyền được nhân con nuôi cho các cặp đôi thuộc cộng đồng LGBT hiện nay.

II. NỘI DUNG

1. Đặc điểm về cộng đồng gia đình đồng tính, song tính, chuyển giới và đa dạng giới (LGBTQ) ở Hoa Kỳ

Cộng đồng LGBTQ đa dạng như mọi cộng đồng khác. Nó bao gồm tất cả các chủng tộc, sắc tộc, mức thu nhập, và nền tảng giáo dục, cũng như nông thôn, ngoại ô và cư dân đô thị. Trong số các dân tộc khác nhau, truyền thống tôn giáo và văn hóa, các chủ đề của xu hướng tình dục, bản sắc giới và biểu hiện giới được xem xét và giải quyết khác nhau. Chuyên gia phúc lợi trẻ em có thể dự đoán sự khác biệt giữa những đứa trẻ được nuôi dưỡng trong gia đình có cha mẹ là LGBTQ và gia đình khác. Trên thực tế, cá nhân LGBTQ và các cặp đồng giới chia sẻ rất ít về cuộc sống cá nhân của họ với gia đình, đồng nghiệp, hoặc hàng xóm do sợ bị kỳ thị, bị phân biệt đối xử hoặc lạm dụng thể chất. Nó cũng có thể là bởi vì các chuẩn mực văn hóa và truyền thống của họ đối với vấn đề bảo mật quyền tự do cá nhân.

Theo báo cáo của Cục Dân số Hoa Kỳ, số lượng các cặp đồng giới được chấp nhận trong thế kỷ 21 đã tăng gấp ba lần kể từ những năm 1990. Dữ liệu điều tra dân số Hoa Kỳ từ năm 2010 cho thấy một xu hướng mới ở Mỹ, mặc dù có định kiến đáng kể trong các rào cản pháp lý ở các tiểu bang, các cặp vợ chồng đồng giới đang nhận con nuôi với số lượng ngày càng tăng. Theo những số liệu này, trong số 115.064 hộ gia đình đồng giới có con, khoảng 16% hoặc 18.400 hộ đang nuôi dưỡng một hoặc nhiều con nuôi, và 11% trong số đó là các cặp đồng tính nam. (J Almeida et al., n.d.).

Theo Viện Williams, tính đến năm 2009: "ước tính khoảng 20.000 cặp đồng giới đang nuôi gần 30.000 con nuôi". Tính đến năm 2011, khoảng hai triệu trẻ em ở Hoa Kỳ đã được nuôi dưỡng bởi cha mẹ LGBT và không thể thiết lập mối quan hệ pháp lý với cả cha mẹ LGBT của họ. Điều tra dân số Hoa Kỳ năm 2010 đã báo cáo rằng các cặp vợ chồng đồng giới đang nuôi khoảng 115.000 trẻ em từ 18 tuổi trở xuống và đang sống ở tất cả các quận của Hoa Kỳ (Kisthardt et al., n.d.).

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều nghiên cứu về nhóm cha mẹ là LGBTQ và con cái của họ. Các nghiên cứu khẳng định rõ ràng khả năng làm cha mẹ của các cá nhân LGBTQ; giảm bớt những mối quan tâm về tác động tiêu cực đối với những đứa trẻ được nuôi dạy bởi cha mẹ LGBTQ. Điều cần thiết là các chuyên gia có quyền tiếp cận thông tin và có bằng chứng về gia đình LGBTQ khi họ hành động vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Điều này có hàm ý nhắc nhở các chuyên gia không nên bỏ qua tiềm năng to lớn của các gia đình LGBTQ. Các gia đình này hoàn toàn có thể là nơi chăm sóc tin cậy và hỗ trợ cho trẻ phát triển toàn diện.

Dưới đây là kết quả nghiên cứu về trẻ em trong các gia đình có cha mẹ là LGBTQ trong 30 năm tại Hoa Kỳ:

- Trẻ em được nuôi dưỡng bởi cha mẹ LGBTQ không khác nhau ở bất kỳ các lĩnh vực phát triển trí tuệ hoặc hoạt động thể chất nào [8] và họ không gặp phải bất kỳ sự khác biệt nào trong kết quả so với trẻ em khác từ cha mẹ không thuộc nhóm LGBTQ (B. Everly et al., n.d.).
- Không có bằng chứng cho thấy có cha mẹ chuyển giới sẽ làm ảnh hưởng đến bản sắc giới tính hoặc xu hướng tính dục của trẻ, và nó không tác động tiêu cực đến sự phát triển khác (Lesbian et al., n.d.; Voice & 2014, n.d.).
- Hoạt động nuôi dạy con cái và xung đột trong mối quan hệ vợ chồng không liên quan đáng kể với xu hướng tính dục của cha mẹ.
- Xu hướng tình dục của giới trẻ không có mối tương quan với xu hướng tình dục của các gia đình mà chúng được nuôi dưỡng.

Về ngôn ngữ và thuật ngữ trong lĩnh vực này thì chúng thường gắn liền với sự hiểu biết và văn hóa về tình dục và giới tính. Chúng thường bị ảnh hưởng bởi văn hóa phổ biến, kinh nghiệm thế hệ, giáo dục, tôn giáo ở các khu vực khác nhau trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Một số thuật ngữ dưới đây phản ánh đầy đủ tên gọi trong quá trình làm việc với nhóm LGBTQ: (Battle et al., n.d.; Park, n.d.; Rights & 2011, n.d.)

Ally: Người không phải LGBTQ nhưng thể hiện sự hỗ trợ và thúc đẩy sự bình đẳng cho người LGBTQ.

Androgynous: Người được xác định không phân biệt nam tính cũng không nữ tính.

Người vô tính: Người thiếu hấp dẫn tình dục hoặc ham muốn khác đối với tất cả mọi người.

Biphobia: Sự định kiến, sợ hãi hoặc thù hận hướng đến người lưỡng tính.

Người lưỡng tính: Người có cảm xúc tình dục thu hút nhiều hơn một giới tính.

Cisgender: Một thuật ngữ được sử dụng để mô tả một người có bản sắc giới tính phù hợp với hình hài khi sinh.

Gay: Người có cảm xúc, lãng mạn hoặc thu hút tình dục với các thành viên cùng giới.

Homophobia: Sự sợ hãi và thù hận hoặc khó chịu với những người bị thu hút bởi các thành viên cùng giới.

Đồng tính nữ: Người phụ nữ có cảm xúc, lãng mạn hoặc hấp dẫn tình dục với những người phụ nữ khác.

Queer: Một thuật ngữ mọi người thường sử dụng để thể hiện danh tính và định hướng. Thường được sử dụng thay thế với LGBTQ.

Yêu đồng giới: Một thuật ngữ thường được sử dụng thay thế đồng tính nữ, đồng tính nam hoặc lưỡng tính để thể hiện sự hấp dẫn và tình yêu của những người cùng giới.

Xu hướng tính dục: Sự bền bỉ cố hữu hoặc tình cảm bất biến, lãng mạn, hoặc hấp dẫn tình dục với người khác.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Chuyển giới: là thuật ngữ cho những người có bản sắc giới tính biểu hiện khác với văn hóa kỳ vọng dựa trên giới tính mà họ được chỉ định khi sinh ra. Là người chuyển giới không ngụ ý bất kỳ cụ thể xu hướng tính dục; do đó, người chuyển giới có thể xác định là đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính, v.v.

2. Quyền nuôi dạy con cái của nhóm LGBTQ trong luật pháp Hoa Kỳ

Vào ngày 6 tháng 4 năm 1999, Liên minh Tự do Dân sự Hoa Kỳ đã đưa ra một Tổng quan về nuôi dạy con cái đồng tính và đồng tính nam, nhận con nuôi và chăm sóc nuôi dưỡng. Trong tài liệu này đã đề cập đến kết quả nghiên cứu về nuôi dạy đồng tính nữ và đồng tính nam, một số kết quả chính bao gồm: (Joanna Almeida et al., 2009; Kull et al., 2015).

- Không có bằng chứng nào cho thấy đồng tính nữ và đồng tính nam không thích làm cha mẹ.

- Môi trường gia đình có cha mẹ đồng tính nữ và đồng tính nam có khả năng hỗ trợ thành công cho sự phát triển của trẻ tương đương với gia đình có cha mẹ là những người có cha mẹ dị tính.

- Việc nuôi dạy con tốt không bị ảnh hưởng bởi xu hướng tình dục. Thay vào đó, nó bị ảnh hưởng sâu sắc nhất bởi khả năng của cha mẹ trong việc tạo ra một ngôi nhà yêu thương và nuôi dưỡng - một khả năng không phụ thuộc vào việc cha mẹ là gay hay không.

- Không có bằng chứng nào cho thấy con cái của cha mẹ đồng tính nữ và đồng tính nam kém thông minh, gặp nhiều vấn đề hơn hoặc có lòng tự trọng thấp hơn con cái của cha mẹ dị tính.

- Con cái của cha mẹ đồng tính nữ và đồng tính nam lớn lên hạnh phúc, khỏe mạnh và phát triển tốt như con cái của cha mẹ dị tính.

Nhiều gia đình trong đó một đứa trẻ có cha mẹ là đồng tính nữ hoặc đồng tính nam và sau đó lớn lên trong một mối quan hệ đồng tính là những người được tạo ra từ một mối quan hệ khác giới trước đó. Nhiều tranh chấp pháp lý trước đây đã vượt qua quyền nuôi con trong trường hợp ly hôn và tòa án không ủng hộ họ trong việc trao quyền nuôi con và quyền thăm viếng. Sở thích tình dục của cha mẹ LGBT được xem là có tác động đến sự nuôi dưỡng của đứa trẻ và không phải là khả năng thực sự để cung cấp cho nhu cầu của trẻ. Sau khi thụ tinh trong ống nghiệm, các cặp đồng tính nữ có thể nuôi dạy con cái của họ, những người không được sinh ra từ các mối quan hệ dị tính và đứa trẻ là con đẻ của một trong những đối tác. Xuất phát từ điều này là sự phát triển của các vấn đề nhận con nuôi cùng cha mẹ và, trong trường hợp ly thân, quyền nuôi con trong một số mối quan hệ đồng tính nữ.

Đối với các cặp đồng giới nam, trở thành cha mẹ có thể tốn kém hơn, vì nếu muốn có con đẻ của một trong những đối tác, phương pháp duy nhất là thay thế. Vào ngày 29 tháng 7 năm 1999, đại diện Hoa Kỳ Steve Largeent đã giới thiệu sửa đổi Điều 356 cho Đạo luật Đánh giá của Quận Columbia, 2000, theo đó sẽ cấm nhận con nuôi chung giữa những người không liên quan đến huyết thống hoặc hôn nhân. (B. A. Everly & Schwarz, 2015; Mertus, 2010; W Newburry et al., n.d.).

Ở Mississippi có 33% hộ gia đình của các cặp đồng giới có một đứa trẻ, tỷ lệ cao nhất trong cả nước. Tuy nhiên, ở Mississippi, một đạo luật của tiểu bang được thông qua vào năm 2000 rõ ràng cấm các cặp đồng giới không được nhận con nuôi chung. Mississippi là tiểu bang duy nhất của Hoa Kỳ không có quyền nhận con nuôi hợp pháp cho các cặp vợ chồng LGBT; các khu vực pháp lý duy nhất khác thuộc chủ quyền của Hoa Kỳ trong trường hợp này là Samoa thuộc Mỹ và một số quốc gia bộ lạc người Mỹ bản địa. (Quarterly & 2007, n.d.; D Roumpi et al., n.d.). Vào

ngày 12 tháng 8 năm 2015, Trung tâm Luật miền Nam cùng với bốn cặp vợ chồng đồng tính đang nuôi con đã đệ đơn kiện lên Tòa án Quận Hoa Kỳ cho Quận Nam Mississippi để tìm cách tuyên bố điều luật vi hiến. (Hasenbush et al., 2014)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, Thẩm phán Daniel P. Jordan III đã ban hành lệnh cấm sơ bộ nhằm hạ thấp lệnh cấm của Mississippi đối với các cặp đồng giới từ việc nhận con nuôi, phán quyết lệnh cấm vi phạm Điều khoản Bảo vệ Bình đẳng Không có kế hoạch ngay lập tức của tiểu bang Mississippi để kháng cáo phán quyết lên Tòa phúc thẩm Hoa Kỳ. (Review & 2012, 2012).

3. Nhận con nuôi và vai trò của cha mẹ LGBTQ tại Hoa Kỳ

Trong 30 năm qua, các gia đình LGBTQ trở nên đa dạng hơn bao giờ hết, đặc biệt là trong thế giới của việc nhận con nuôi. Những người chuyển giới, đa dạng giới, đồng giới và cha mẹ đơn thân đảm trách vai trò mới thông qua việc nhận con nuôi. Thống kê áp dụng đồng giới cho thấy ngày càng có nhiều cặp đồng tính nam chấp nhận. Trên thực tế, các cặp đồng giới có khả năng nuôi con gấp bốn lần và có khả năng nuôi con nuôi cao gấp sáu lần so với các cặp vợ chồng dị tính. Ngày nay, 4 phần trăm trẻ em được nhận nuôi và 3 phần trăm trẻ em được nuôi dưỡng bởi cha mẹ đồng tính nam và đồng tính nữ, và hơn 2 triệu cá nhân LGBTQ quan tâm đến việc nhận nuôi (M. B.-W. L. Rev. & 2016, 2003; Society & 2012, n.d.). Trong suốt lịch sử nhận con nuôi đồng tính, các cặp đồng giới thường phải đối mặt với rào cản phát triển gia đình và phải đấu tranh cho quyền nhận con nuôi bình đẳng. Ngày nay có nhiều sự ủng hộ và chấp nhận hơn đối với việc kết hôn và nhận con nuôi đồng giới, và tất cả các bang hiện cho phép LGBTQ nhận con nuôi.

Nhận con nuôi là một cách tuyệt vời để các cặp đồng giới phát triển gia đình. Nói chung, cha mẹ LGBT được hưởng tất cả các lợi ích của việc nhận con nuôi như các cha mẹ nuôi khác, bao gồm: (J. M.-C. U. Rev. & 2011, n.d.)

- Cơ hội để chia sẻ cuộc sống của họ với một đứa trẻ và trải nghiệm tất cả những niềm vui của việc làm cha mẹ.
- Khả năng làm quen và hình thành các mối quan hệ đặc biệt với gia đình của đứa trẻ.
- Đứa trẻ lớn lên trong một gia đình an toàn, yêu thương.

Ngoài ra, con cái của các cặp đồng giới có thể có thêm lợi thế là cởi mở và thông cảm hơn với sự khác biệt, và họ sẽ tận hưởng tất cả sự ổn định và lợi ích của việc được nuôi dưỡng trong một gia đình có cả hai cha mẹ.

Mặc dù lợi ích của việc nhận con nuôi rất rõ ràng, cha mẹ nuôi đồng tính cũng có thể sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức tương tự mà cha mẹ nuôi khác giới gặp phải: giải quyết bản sắc chủng tộc hoặc văn hóa của con cái họ, quản lý các mối quan hệ với cha mẹ đẻ trong việc nhận con nuôi, nói chuyện với con của họ về việc nhận con nuôi và đơn giản là thích nghi với việc làm cha mẹ. Một số thách thức có thể là:

- Ảnh hưởng của việc nhận con nuôi trong gia đình đồng tính: Mặc dù có những lý lẽ chống lại việc nhận con nuôi của gia đình đồng tính nam và đồng tính nữ, nhưng các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc nhận con nuôi trong gia đình đồng giới không có tác động tiêu cực đến trẻ em. Nghiên cứu cho thấy những đứa trẻ được nuôi dạy bởi cha mẹ LGBTQ lớn lên thành công như những đứa trẻ được nuôi dưỡng bởi cha mẹ dị tính. Ngoài ra, không có sự

 ISBN: 978-604-73-8639-0

khác biệt đáng kể trong việc phát triển bản sắc giới và xu hướng tính dục giữa con cái của cha mẹ đồng tính nam và đồng tính nữ và con cái của cha mẹ dị tính. (William Newburry et al., 2012)

- Nuôi dạy con cái trong gia đình LGBTQ: Mặc dù thái độ đối với hôn nhân và nhận con nuôi đồng giới đang được cải thiện, nhưng cha mẹ đồng giới và con cái của họ không may vẫn phải đối mặt với định kiến và phân biệt đối xử từ mọi người trong cộng đồng của họ. Cha mẹ nuôi nên được chuẩn bị để nói chuyện với con cái của họ về nhiều cách gia đình được thực hiện và làm thế nào họ có thể phản ứng với những bình luận tiêu cực tiềm năng. (Dorothea Roumpi et al., 2020).

Khi nhóm gia đình LGBTQ ở Hoa Kỳ tiếp tục gia tăng và xã hội tiếp tục chấp nhận nhiều loại gia đình khác nhau, các bậc cha mẹ LGBTQ hy vọng sẽ hoàn thiện gia đình của mình thông qua việc nhận con nuôi đồng giới.

III. KẾT LUẬN

Hàng triệu trẻ em ở Hoa Kỳ có cha mẹ là đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới hoặc đa dạng giới (LGBTQ). Một số con cái của cha mẹ LGBTQ đã được hình thành trong các cuộc hôn nhân hoặc mối quan hệ dị tính. Ngày càng nhiều cha mẹ LGBTQ đã thụ thai con cái hoặc nuôi dạy chúng từ khi sinh ra, với tư cách là cha mẹ đơn thân hoặc trong các mối quan hệ khác đang diễn ra. Điều này có thể xảy ra thông qua việc nhận con nuôi hoặc thụ tinh nhân tạo.

Những người phản đối việc áp dụng luật cho phép gia đình LGBTQ nhận con nuôi đã lập luận rằng, việc nuôi dạy con trong gia đình LGBTQ ảnh hưởng xấu đến trẻ em. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học luôn chỉ ra rằng cha mẹ đồng tính nam và đồng tính nữ phù hợp và có khả năng như cha mẹ dị tính, và con cái họ có sức khỏe tâm lý và được điều chỉnh tốt như những người được cha mẹ dị tính nuôi dưỡng.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng con cái của cha mẹ đồng tính nữ, đồng tính nam hoặc chuyển giới: (i) Không có khả năng là người đồng tính hơn trẻ em có cha mẹ dị tính, (ii) Không có nhiều khả năng bị lạm dụng tình dục, (iii) Không thể hiện sự khác biệt trong việc họ nghĩ mình là nam hay nữ (bản sắc giới tính) và (iv) Không thể hiện sự khác biệt trong hành vi nam và nữ của họ (hành vi vai trò giới) (Jamaludin et al., n.d.).

Đôi khi mọi người lo ngại rằng trẻ em được nuôi dạy bởi cha mẹ đồng tính sẽ cần thêm sự hỗ trợ về mặt cảm xúc hoặc đối mặt với những căng thẳng xã hội. Nghiên cứu hiện tại cho thấy trẻ em có cha mẹ đồng tính nam và đồng tính nữ không khác biệt với trẻ em có cha mẹ dị tính trong sự phát triển tình cảm hoặc trong mối quan hệ với đồng nghiệp và người lớn. Điều quan trọng là cha mẹ phải hiểu rằng chính chất lượng của mối quan hệ cha mẹ/con cái chứ không phải xu hướng tình dục của cha mẹ có ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Almeida, Joanna, Johnson, R. M., Corliss, H. L., Molnar, B. E., & Azrael, D. (2009). Emotional distress among LGBT youth: The influence of perceived discrimination based on sexual orientation. Journal of *Youth and Adolescence, 38(7),* 1001–1014. https://doi.org/10.1007/S10964-009-9397-9.

Battle, J., Cohen, C., … A. H.-T. S. of B., & 2003, undefined. (n.d.). We are family: Embracing our lesbian, gay, bisexual, and transgender (LGBT) family members. *Epublications.Marquette.Edu*. Retrieved October 8, 2021, from https://epublications.marquette.edu/cgi/viewcontent.cgi?filename=0&article=1255&context=socs_fac&type=additional.

Everly, B. A., & Schwarz, J. L. (2015). Predictors of the adoption of LGBT-Friendly HR policies. *Human Resource Management, 54(2),* 367–384. https://doi.org/10.1002/HRM.21622

Everly, B., Management, J. S.-H. R., & 2015, undefined. (n.d.). Predictors of the adoption of LGBT-friendly HR policies. *Wiley Online Library. Retrieved October 8, 2021, from* https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/hrm.21622

Hasenbush, A., Flores, A., Kastanis, A., Sears, B., & Gates, G. (2014). The LGBT divide: A data portrait of LGBT people in the Midwestern, Mountain & Southern states. https://escholarship.org/uc/item/17m036q5

Jamaludin, R., McKAY, E., Education, S. L.-R. in H., & 2020, undefined. (n.d.). ready for Education 4.0 within ASEAN higher education institutions? Thriving for knowledge, industry and humanity in a dynamic higher education ecosystem …. Emerald.Com. Retrieved June 14, 2021, from https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JARHE-06-2019-0144/full/html?casa_token=a4fNrMeBXiYAAAAA:KMO8H1qJ6g3IpPgik06rz_qp7LW8DBEILwAqRhoVtL4e2eIWQe5A5FXl7HVIa0oM_uHnYVg5Kpo8uG19xyP36wl27HL_xjgkhB0DweYFjDJ2IpCHc9s

Kisthardt, M., Law., R. R.-J. A. A. M., & 2017, undefined. (n.d.). Who Is a Parent and Who Is a Child in a Same-Sex Family-Legislative and Judicial Issues for LGBT Families Post-Separation, Part II: The US Perspective. HeinOnline. Retrieved October 8, 2021, from https://heinonline.org/hol-cgi-bin/get_pdf.cgi?handle=hein.journals/jaaml30&section=8

Kull, R., Kosciw, J., & Greytak, E. (2015). From Statehouse to Schoolhouse: Anti-Bullying Policy Efforts in US States and School Districts. https://eric.ed.gov/?id=ED570446.

Lesbian, K. R.-L. & S. R., Gay, undefined, & B., & 2007, undefined. (n.d.). Talking Back: The discursive role of the dissent in LGBT custody and adoption cases. HeinOnline. Retrieved October 8, 2021, from https://heinonline.org/hol-cgi-bin/get_pdf.cgi?handle=hein.journals/lsex16&section=6.

Mertus, J. (2010). Applying the gatekeeper model of human rights activism: The U.S.-based movement for LGBT rights. The International Struggle For New Human Rights, 52–67. https://doi.org/10.9783/9780812201345.52/HTML.

Newburry, W, Gardberg, N., … B. H.-A. of, & 2012, undefined. (n.d.). Organizational actions in face of institutional contestation: *Diffusion of LGBT-friendly policies. Journals.Aom.Org. Retrieved October 8, 2021,* from https://journals.aom.org/doi/abs/10.5465/ambpp.2012.204.

Newburry, William, Gardberg, N. A., *Hudson, B. A., & Feffer, Y. (2012).* Organizational actions in face of institutional contestation: Diffusion of LGBT-friendly policies. Academy of Management 2012 Annual Meeting, AOM 2012, 757–762. https://doi.org/10.5465/AMBPP.2012.204.

Park, P. (n.d.). LGBT Issues in Intercountry Adoption Implications for Policy and Research. Paulinepark.Com. Retrieved October 8, 2021, from https://paulinepark.com/2006/10/14/lgbt-issues-in-intercountry-adoption-implications-for-policy-and-research/.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Quarterly, J. M.-H. R., & 2007, undefined. (n.d.). The rejection of human rights framings: *The case of LGBT advocacy in the US. JSTOR. Retrieved October 8, 2021, from* https://www.jstor.org/stable/20072835.

Rev., J. M.-C. U., & 2011, undefined. (n.d.). Barriers, hurdles, and discrimination: The current status of LGBT intercountry adoption and why changes must be made to effectuate the best interests of the child. HeinOnline. Retrieved October 8, 2021, from https://heinonline.org/hol-cgi-bin/get_pdf.cgi?handle=hein.journals/capulr39&section=13

Rev., M. B.-W. L., & 2016, undefined. (2003). Is assisted procreation an LGBT right. HeinOnline, 6, 85–98. https://doi.org/10.1016/j.racsoc.2004.11.002

Review, S. M.-T. E. I. U. P. S., & 2012, undefined. (2012). LGBT Adoptions in the US & South Africa. Thekeep.Eiu.Edu, 2. https://thekeep.eiu.edu/eiupsr/vol2/iss1/2/

Rights, J. M.-T. international struggle for new human, & 2011, undefined. (n.d.). Applying the gatekeeper model of human rights activism: The US-based movement for LGBT rights. Degruyter.Com. Retrieved October 8, 2021, from https://www.degruyter.com/document/doi/10.9783/9780812201345. 52/html

Roumpi, D, … P. G.-H. R., & 2020, undefined. (n.d.). Adoption of LGBT-friendly practices: the effect of institutional pressures and strategic choice. Wiley Online Library. Retrieved October 8, 2021, from https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/1748-8583.12251

Roumpi, Dorothea, Giannakis, P., & Delery, J. E. (2020). Adoption of LGBT-friendly practices: The effect of institutional pressures and strategic choice. Human Resource Management Journal, 30(4), 604–623. https://doi.org/10.1111/1748-8583.12251

Society, S. M.-S. W. &, & 2012, undefined. (n.d.). Does "evidence-based policy" help protect LGBT rights? A View from US Social Work. Chost34.Zim.Uni-Wuppertal.De. Retrieved October 8, 2021, from https://chost34.zim.uni-wuppertal.de/index.php/sws/article/view/318

Voice, C. T.-C., & 2014, undefined. (n.d.). Improving practice with LGBT youth and families. Cwla.Org. Retrieved October 8, 2021, from https://www.cwla.org/improving-practice-with-lgbt-youth-and-families/

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CƠ SỞ II, TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI VỀ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA CỘNG ĐỒNG LGBT

UNIVERSITY STUDENTS' PERCEPTION OF THE PSYCHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF THE LGBT COMMUNITY (AN INVESTIGATION AT THE UNIVERSITY OF LABOR AND SOCIAL AFFAIRS – CAMPUS II)

Trương Thị Thúy Hòa [*]
Vũ Thị Minh Phương [**]

TÓM TẮT

Số liệu trong bài viết này được trích ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài "Nhận thức về cộng đồng LGBT của sinh viên Cơ sở II Trường Đại học Lao động – Xã hội". Bài viết này trung phân tích về nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người đồng tính, song tính và chuyển giới, trên cơ sở đó, đề xuất một số ý kiến để giúp sinh viên nhận thức đúng về cộng đồng LGBT và tạo điều kiện thuận lợi để người đồng tính, song tính và chuyển giới các em vươn lên hòa nhập cộng đồng xã hội và có những đóng góp hữu ích cho xã hội.

Từ khóa: *cộng đồng LGBT, nhận thức, sinh viên, tâm lý.*

ABSTRACT

The data in this article are extracted from the research results of the topic "ULSA2 students' perceptions the LGBT". This article focuses on analyzing students' perceptions of the psychological characteristics of gay, bisexual and transgender people. From that, the author proposes some ideas to help ULSA2 students have a proper awareness of the LGBT community and creates favorable conditions for the LGBT community to integrate into the social community and make useful contributions to the society.

Keywords*: the LGBT community, perception, university student, psychology.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề đồng tính luyến ái, song tính, chuyển giới (LGBT) đã xuất hiện từ rất lâu đến nay càng phát triển rộng hơn. Đây là một vấn đề rất nóng bỏng và được xã hội quan tâm, đặc biệt là giới trẻ họ có nhận thức và suy nghĩ như thế nào về cộng đồng LGBT. Thực tế cho thấy, tại Việt Nam, cộng đồng LGBT gặp phải sự kỳ thị và phân biệt đối xử ở mức phổ biến. Trong một khảo sát đối với 3.000 người đồng tính nam và 40 người đồng tính nữ, có 95% người trả lời cho biết họ đã từng bị kỳ thị và phân biệt đối xử dưới những dạng thức khác nhau (iSEE, 2008, tr.8).

Kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới là sự kì thị dựa trên sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ, được thể hiện dưới nhiều hình thức, từ xã hội đến cộng đồng, từ nơi làm việc đến trong cả gia đình của họ. Người LGBT đối mặt với những nhận xét, hành động tiêu cực từ cả đồng nghiệp, sếp và khách hàng, đối tác,

[*] Thạc sĩ, Giảng viên, khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội CSII. Email: hoattt@ldxh.edu.vn

[**] Thạc sĩ, Giảng viên khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội CSII. Email: phuongvtm@ldxh.edu.vn

 ISBN: 978-604-73-8639-0

với tỷ lệ cao từ 33% tới gần 50% (Lương Thế Huy & Phạm Quỳnh Phương, 2015). Các hành vi phân biệt đối xử khác mà người tham gia khảo sát báo cáo còn có: bị hỏi thường xuyên về đối tượng yêu đương, ghép đôi với đồng nghiệp khác giới. Chính thái độ kỳ thị của cộng đồng không chỉ làm cho cuộc sống của những người đồng tính rất khó khăn mà còn có thể làm ảnh hưởng đến những người không phải là đồng tính và cả xã hội nói chung.

Các nghiên cứu khoa học đi trước đã chỉ ra rằng người đồng tính có cuộc sống tinh thần rất căng thẳng từ khi nhận diện được giới tính thực, ngay trong nội tại của bản thân đã bị căng thẳng tâm lý và cảm xúc trong việc sẽ lựa chọn vai trò xã hội nào để thực hiện: thực hiện vai trò kỳ vọng của gia đình theo giới tính cũ thì việc che giấu giới tính được coi như một chiến lược để đối phó để tránh những hậu quả tiêu cực của kỳ thị ảnh hưởng đến cá nhân. Họ sẽ phải chấp nhận sống cuộc đời "không phải là chính mình" hay lựa chọn công khai giới tính thực và chấp nhận đương đầu với sự kỳ thị của gia đình và xã hội (Nguyễn Quỳnh Trang, 2010).

Ngày nay nhận thức và thái độ của xã hội về cộng đồng người đồng tính ở Việt Nam đã có sự thay đổi theo chiều hướng cởi mở hơn. Nhiều người trong cộng đồng tự tin công khai bản dạng giới và xu hướng tính dục của bản thân mà ít phải lo sợ sự kỳ thị hay phân biệt đối xử, xem LGBT là một căn bệnh cần phải cách ly. Thêm nữa, nhiều người có cơ hội để khẳng định bản thân trong học tập, công việc và có những đóng góp hữu ích cho xã hội (Taylor & Francis Group, LLC, 2011). Thực tế cho thấy, hiện nay sinh viên đã có cách nhìn thoáng hơn về người LGBT nhưng vẫn còn một số bạn sinh viên nhận thức chưa đầy đủ nên còn kỳ thị, phân biệt đối xử người LGBT. Để hạn chế bớt định kiến, kỳ thị từ trong ý thức tiến tới công nhận và đối xử bình đẳng với họ là một quá trình khó khăn lâu dài, cần có sự thay đổi nhận thức từ cộng đồng xã hội nói chung và một một phận sinh viên nói riêng.

Cộng đồng LGBT hiện nay đã gần như hòa nhập với xã hội. Nhưng vẫn còn sự phân biệt đối xử, xa lánh, thù ghét. Cũng vì vậy, rất nhiều người LGBT thường không dám công khai giới tính của mình và hay gặp phải tình trạng lo lắng, suy nghĩ tiêu cực. Có nhiều bạn có tâm trạng bế tắc, chán chường mỗi khi đến lớp đến trường, thậm chí muốn tự tử. Thiếu hiểu biết của các bạn đã khiến cho cuộc đời các bạn LGBT bị sang chấn về thể chất và tinh thần. Đây là một hệ lụy gây tổn thương rất lớn cho cuộc sống của giới LGBT. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động – Xã hội về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT để giúp cho sinh viên có cái nhìn đầy đủ hơn về cộng đồng LGBT.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu được thực hiện một cách khách quan thông qua việc sử dụng phối hợp các hệ thống các phương pháp định lượng (điều tra bằng bảng hỏi), phương pháp định tính (phỏng vấn sâu) và phương pháp xử lý bằng thống kê. Bên cạnh đó, đề tài sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nhằm để đánh giá nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT, từ đó phân tích, tổng hợp và đưa ra nhận định của sinh viên về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT.

Về khách thể nghiên cứu đề tài tiến hành khảo sát nghiên cứu 200 sinh viên các ngành Công tác xã hội, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Bảo hiểm đang theo học tại Cơ sở II, Trường Đại học Lao động – Xã hội.

2.2. Thực trạng nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động – Xã hội về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT

2.2.1. Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nam

Kết quả nghiên cứu ở bảng 1 với ĐTB= 2,06 cho thấy, sinh viên nhận thức khá đầy đủ các biểu hiện về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nam. Một trong các biểu hiện về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nam là thường sống khép kín, che giấu bản thân, sợ người cha, mẹ và người khác biết, với ĐTB= 2,24 tương ứng 47% ý kiến sinh viên đồng ý và 18% sinh viên còn phân vân, ngược lại có 28% ý kiến sinh viên không đồng ý về vấn đề này. Bên cạnh đó, chỉ có 5% ý kiến sinh viên cho biết người đồng tính nam chỉ chơi với nam và có tới 60,5% sinh viên phân vân với nhận định là "*Người đồng tính nam chỉ chơi với bạn nam, không chơi với bạn nữ*" thì nhiều sinh viên vẫn còn phân vân, không rõ và còn mông lung.

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nam

Đặc điểm	Phương án (%)				ĐTB	ĐLC
	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Không biết		
Thích mặc trang phục nữ, thích đội tóc giả, tô son, đánh phấn	30,5	46,5	21,0	2,0	1,95	0,77
Có người nhẹ nhàng, chu đáo hơn so với những người nam dị tính	30,0	36,5	28,5	5,0	2,09	0,88
Chỉ có mong muốn quan hệ tình dục với nam	33,0	48,5	15,5	3,0	1,88	0,77
Chỉ chơi với bạn nam, không chơi với bạn nữ	5,5	60,5	30,0	4,0	2,33	0,64
Chỉ bị hấp dẫn và yêu người nam	26,5	36,5	32,5	4,5	2,15	0,87
Thường sống khép kín, che giấu bản thân, sợ người khác biết	47,0	18,0	28,0	7,0	2,24	0,83
Khao khát sống thật với bản thân	57,0	13,0	24,5	5,5	1,78	1,00
Tổng					**2,06**	**0,82**

Nguồn: Nguyễn Thị Kiều Như và cộng sự, 2019.

Thực tế cho thấy, một số người đồng tính nam có cách cư xử, điệu bộ, và có mong muốn như một người nam dị tính chứ không hề có cách nhìn nhận bản thân mình là nữ cũng như mang tâm lý của một người nam chứ không phải của một người nữ. Chính vì vậy, người đồng tính nam hầu hết không có mong muốn, nhu cầu mặc đồ nữ, cư xử như con gái hay phẫu thuật chuyển giới. Với ĐTB= 1,95 tương ứng 30,5% sinh viên đồng ý với nhận định này và 46,5% còn phân vân, không đồng ý hoặc không biết về các đặc điểm đó của người đồng tính nam. Qua phân tích số liệu cho thấy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa hiểu đúng về nét tâm lý này của người đồng tính nam. Hầu hết người đồng tính nam đều biểu hiện như nam giới dị tính, vẫn ăn mặc, cư xử, lời

ISBN: 978-604-73-8639-0

ăn tiếng nói như một người đàn ông và đôi khi không ai hoặc kể cả chính họ cũng không biết mình không thích phụ nữ mà thay vào đó là đàn ông. Vì vậy chỉ dựa vào biểu hiện bên ngoài mà cho rằng một người là đồng tính nam là chưa có cơ sở vững chắc.

Về biểu hiện *"Người đồng tính nam luôn khao khát sống thật với bản thân".* Với ĐTB= 1,78 cho thấy phần lớn sinh viên đồng ý với nhận định này chiếm tỷ lệ 57,0%. Tiếp theo, với đặc điểm tâm lý: *"Người đồng tính nam chỉ có mong muốn quan hệ tình dục với nam",* có 33,0% ý kiến sinh viên được hỏi đồng ý với đặc điểm này, đứng thứ hai trong các lựa chọn trên. Thực tế cho thấy, không ai muốn phải giấu diếm tình cảm, con người thật của mình. Nhưng vì khả năng gia đình chấp nhận không nhiều nên nhiều người chọn cách không nói ra. Họ thấy giấu thì tốt hơn là không giấu, mặc dù như vậy có nghĩa là tiếp tục yêu giấu diếm và khó nghĩ đến tương lai lâu dài với người yêu.

Phần lớn sinh viên đều nhận thức được nhu cầu, mong muốn của những người đồng tính nam là khao khát được sống thật với bản thân mình, với tình yêu của mình, họ chỉ bị hấp dẫn và muốn quan hệ tình dục với người đồng giới với họ. Hiện nay, có nhiều người, trong đó có sinh viên lầm tưởng rằng đồng tính nam sẽ có mong muốn chuyển giới và ăn mặc như người nữ và đối với đồng tính nữ thì sẽ ngược lại. Theo nghiên cứu của chúng tôi, điều này không mấy đúng đắn bởi với nhu cầu mặc đồ và cư xử như con gái thì gọi là Trap (thuật ngữ chỉ cậu bé hay bé trai có những đặc tính hoặc hành vi được coi là điển hình của một cô bé, bao gồm quần áo của nữ giới) hoặc Trans (người nam muốn chuyển giới thành nữ).

Kết quả phỏng vấn sâu bạn N.T.T cho biết: "Theo em, người đồng tính nam có đặc điểm tâm lý là thích con trai, không thích con gái, tức là họ chỉ yêu và có mong muốn quan hệ tình dục với con trai chứ không phải với con gái. Mấy bạn đó thường giấu kỹ lắm, không để người khác biết. Bên cạnh đó, cũng có nhiều bạn đã "come out" thì thoải mái hơn, hay chia sẻ và kiểu tâm lý hơi nhẹ nhàng một xíu. Em có rất nhiều bạn kiểu như này, em và các bạn chơi rất tốt, nên em rất ủng hộ việc các bạn đó tự tin sống thật với giới tính của mình vì khi và chỉ khi sống thật với xu hướng của mình thì các bạn mới được sống trọn vẹn và có được hạnh phúc như mình đã mơ ước". Trích phỏng vấn sâu số 01, nam sinh viên L.T.T.N ngành QTNL.

2.2.2. Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nữ

Đồng tính nữ hay còn gọi là Lesbian là sự thu hút giữa những người là nữ với nữ. Họ là nữ nhưng chỉ thích nữ và vẫn có biểu hiện bên ngoài cũng như mong muốn là nữ, không hề có nhu cầu chuyển giới thành nam.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 2 cho thấy, phần lớn sinh viên có ý kiến cho rằng người đồng tính nữ có đặc điểm có người nhìn tướng cứng như con trai, ăn mặc như con trai chiếm tỷ trọng cao nhất là 71,0%. Với quan điểm này nếu không cẩn thận có thể gây ra nhầm lẫn giữa SB (Soft butch) với Tomboy. SB là một loại của Les (đồng tính nữ), thường được chia ra làm 2 loại gồm SB mềm và SB cứng. Trong đó SB mềm thì có tính khí giống con trai, luôn nghĩ mình là con trai, cách cư xử, hành động, cử chỉ, phong cách hơi giống con trai nhưng phong cách ăn mặc còn mềm, vẫn còn nữ tính và khi nhìn sẽ vẫn nhận ra đó là con gái. SB cứng có phong cách, ăn mặc cử chỉ giống hệt con trai, khi nhìn bề ngoài khó có thể nhận ra giới tính thật. Tomboy tuy cũng giống vậy, đều là dạng con gái cá tính, ngoại hình, cử chỉ, hành động, cách ăn mặc giống con trai và nhìn vào khó biết là con gái nhưng nếu để ý vẫn có thể nhận ra giới tính thật. Tuy nhiên,

Tomboy không có nghĩa là Les. Nhiều người chỉ là thích phong cách Tomboy và thích ăn mặc cá tính như vậy thôi. Vì vậy, khi nhìn một người có phong cách Tomboy thì không nên ngộ nhận đó là Les. Điều này cần phải cẩn thận tránh gây ra nhầm lẫn.

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nữ

Đặc điểm	Phương án trả lời (%)				ĐTB	ĐLC
	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Không biết		
Chỉ chơi với người nữ, không chơi với người nam	11,5	59,0	24,0	5,5	2,24	0,72
Chỉ bị hấp dẫn và yêu người nữ	42,5	26,5	24,5	6,5	1,95	0,97
Chỉ có mong muốn quan hệ tình dục với nữ	12,0	4,0	78,5	5,5	2,77	0,73
Có người nhìn cứng như con trai, ăn mặc như con trai	71,0	16,5	6,0	6,5	1,48	0,87
Họ dịu dàng, nữ tính như người nữ dị tính	67,0	12,0	12,0	9,0	1,63	1,01
Thường sống khép kín, che giấu bản thân, sợ người khác biết	17,0	20,5	54,0	8,5	2,54	0,87
Khao khát sống thật với bản thân	40,0	3,0	50,5	6,5	2,24	1,06
	ĐTB				**2,12**	**0,89**

Nguồn: Nguyễn Thị Kiều Như và cộng sự, 2019.

Với quan điểm người đồng tính nữ thường dịu dàng, nữ tính như người nữ dị tính chiếm tỷ lệ thứ hai với mức 67,0% ý kiến sinh viên cho biết đồng ý. Đặc điểm này nếu không cẩn thận hoặc không đủ thân cận với một đồng tính nữ thì thường sẽ dễ gây nhầm lẫn vì thường nếu không nói ra thì đối phương khó lòng biết được cô ấy thích con gái, ngược lại có 11,5% ý kiến của sinh viên cho biết đồng ý với quan điểm người đồng tính nữ chỉ chơi với người nữ, không chơi với người nam.

Bên cạnh những ý kiến đồng ý vẫn còn một số sinh viên còn phân vân. Tỷ lệ sinh viên lựa chọn phương án phân vân cao nhất là quan điểm chỉ chơi với người nữ, không chơi với người nam với mức 59,0% hơn hẳn một nửa số phiếu chọn. Vì các bạn nữ thường có xu hướng chọn bạn cùng giới để chơi cùng và không có cơ sở nào để xác định bạn đó là Les, nhưng cũng có những đôi bạn thân đồng giới chơi cùng nhau rồi yêu nhau nên quan điểm này cũng không sai. Vì lý do đó, tỷ trọng chọn phân vân chiếm mức cao nhất. Mức chọn phân vân cao thứ hai cách mức cao thứ nhất khá nhiều, tỷ lệ chọn của mức thứ hai với quan điểm chỉ bị hấp dẫn và yêu người nữ là 26,5%. Với phương án lựa chọn này có thể thấy rằng vẫn còn một số lượng không nhỏ sinh viên chưa nắm rõ về tâm lý của người đồng tính nữ. Và cuối cùng mức thấp nhất với tỷ trọng 3,0% là khao khát sống thật với bản thân.

Một trong những biểu hiện về đặc điểm tâm lý của đồng tính nữ chỉ có mong muốn quan hệ tình dục với nữ thì có 78,5% ý kiến sinh viên cho biết là không đồng ý. Quan hệ đồng tính nữ tức là sự quan hệ tình dục giữa hai người cùng giới tính nữ với nhau. Điều này cho thấy, sinh viên

 ISBN: 978-604-73-8639-0

nhận thức chưa chính xác về vấn đề này. Quan điểm thường sống khép kín, che giấu bản thân, sợ người khác biết chiếm tỷ lệ không đồng ý cao thứ hai là 54,0%. Cuối cùng là tỷ lệ sinh viên không đồng ý, thấp nhất là quan điểm có người nhìn cứng như con trai, ăn mặc như con trai với mức là 6,0%. Như đã giải thích ở trên, quan điểm này nếu không cẩn thận có thể sẽ gây nhầm lẫn trong việc xác định một người là đồng tính nữ hay chỉ là thích ăn mặc cá tính như Tomboy.

Khi được hỏi về đặc điểm tâm lý của người đồng tính nữ thì bạn N.N.A.T đã chia sẻ: "Đặc điểm tâm lý của người đồng tính nữ theo mình thấy là thích chơi với con gái, thường tâm sự với con gái, họ vẫn là con gái chỉ có xu hướng tính dục là với những bạn gái khác, không có mong muốn chuyển giới thành con trai". Trích từ phỏng vấn sâu số 05, nữ sinh viên N.N.A.T ngành CTXH.

Qua kết quả trên có thể thấy rằng, có 42,5% ý kiến các bạn sinh viên đồng ý về biểu hiện người đồng tính nữ chỉ bị hấp dẫn và yêu người nữ; 26,5% ý kiến còn phân vân, ngược lại chỉ có 6,5% ý kiến sinh viên cho biết là không đồng ý với biểu hiện này. Như vậy, nhận thức của sinh viên về vấn đề này chưa đầy đủ, phải chăng người đồng tính nữ là họ thường sống khép kín, che giấu bản thân, che dấu giới tính của mình, cẩn trọng trong lời nói, cử chỉ để không bị nghi ngờ. Họ có hành vi, cảm xúc, tâm lý lo lắng, sợ hãi và sợ bị người khác phát hiện ra giới tính cũng như xu hướng tính dục của mình sợ người khác biết nên các bạn khác khó nhận biết hơn. Có thể nói, nhận thức của sinh viên về người đồng tính nữ trong cộng đồng LGBT còn hạn chế so với nhận thức về người đồng tính nam trong cùng cộng đồng. Đây là một thực trạng cần quan tâm và cần có những nghiên cứu tiếp theo cũng như biện pháp thích hợp để nâng cao nhận thức của sinh viên về người LGBT.

2.2.3. Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người chuyển giới

Người chuyển giới (Transgender) hay còn gọi là hoán tính, là trạng thái tâm lý giới tính của một người không phù hợp với giới tính sinh học. Chẳng hạn, một người sinh ra với cơ thể nam nhưng cảm nhận giới tính mình là nữ hoặc một người sinh ra với cơ thể nữ nhưng lại cảm nhận giới tính của mình là nam. Cảm nhận này không phụ thuộc vào việc người đó có làm phẫu thuật chuyển giới tính hay chưa. Đối với người chuyển giới, họ thường xuyên gặp phải những vấn đề về tâm lý do những lời xúc phạm, miệt thị hay những hành động khiếm nhã từ một bộ phận người xung quanh đối với vấn đề về giới tính của họ.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy, phần lớn sinh viên còn tỏ ra phân vân và chưa có nhiều hiểu biết đối với người chuyển giới trong cộng đồng LGBT. Điều này phản ánh rằng sinh viên ít có cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc với đối tượng là người chuyển giới. Một trong các biểu hiện về đặc điểm tâm lý của người chuyển giới nhận được sự đồng ý với tỷ lệ cao nhất là 54,5% từ các bạn sinh viên là *"Người chuyển giới nam thường mạnh mẽ hơn, người chuyển giới nữ thường dịu dàng, hòa nhã hơn"*. Nhiều người được chuyển giới có thể ảnh hưởng đến tâm trạng, cảm xúc, người chuyển giới nam cảm thấy thiếu bình tĩnh, thiếu kiên nhẫn, tăng ham muốn hoạt động xã hội và tình dục hơn. Trong khi đó người chuyển giới nữ trở nên dịu dàng, hài hòa và hạnh phúc hơn. Thực tế cho thấy, trước khi chuyển giới, bản thân họ đã có những đặc điểm nên có phụ thuộc vào giới tính như người nam mang cảm nhận giới tính mình là nữ sẽ dịu dàng, hòa nhã; người nữ mang cảm nhận giới tính mình là nam cũng sẽ biểu hiện mạnh mẽ, nam tính. Điều này không hề phụ thuộc vào việc họ có làm phẫu thuật chuyển giới hay chưa mà phụ thuộc vào chính bản thân họ.

Bảng 3. Thực trạng nhận thức của sinh viên về đặc điểm tâm lý của người chuyển giới

Đặc điểm	Phương án trả lời (%)				ĐTB	ĐLC
	Đồng ý (%)	Phân vân (%)	Không đồng ý (%)	Không biết (%)		
Cơ thể có đặc điểm như người nam nhưng luôn nghĩ mình là nữ hoặc ngược lại, cơ thể có đặc điểm là người nữ nhưng luôn nghĩ mình là nam	17,0	55,0	23,0	5,0	2,16	0,76
Những người đã phẫu thuật thì cơ thể đã biến đổi thành giới tính mà họ mong muốn	16,0	68,5	12,0	3,5	2,03	0,65
Hay tủi thân và dễ tổn thương vì bị xã hội kỳ thị	20,5	14,5	62,0	3,0	2,48	0,85
Người chuyển giới nam thường mạnh mẽ hơn; Người chuyển giới nữ thường dịu dàng, hòa nhã hơn	54.5	28.5	12,0	5,0	1,68	0,87
Những người chưa chuyển giới nhưng có mong muốn chuyển giới	44,5	35,0	18,0	2,5	1,78	0,83
TỔNG:					**2,03**	**0,79**

Nguồn: Nguyễn Thị Kiều Như và cộng sự, 2019.

Qua số liệu khảo sát cho thấy, có đến 44,5% ý kiến sinh viên đồng ý *"Những người chưa chuyển giới nhưng có mong muốn chuyển giới"*. Quan điểm này còn phụ thuộc vào suy nghĩ của bản thân người chuyển giới. Có người vẫn giữ nguyên giới tính sinh học của mình nhưng lại ăn mặc, trang điểm, hành động, ứng xử như chính bản thân giới tính thật sự mà họ muốn bởi vì phẫu thuật chuyển giới còn đi kèm những rủi ro sau này và có nguy cơ làm giảm tuổi thọ. Có người lựa chọn phẫu thuật để có cơ thể phù hợp với giới tính mà mình mong muốn.

Nhận thức của sinh viên về biểu hiện những người chuyển giới đã phẫu thuật thì cơ thể đã biến đổi thành giới tính mà họ mong muốn, chỉ có 16% ý kiến sinh viên đồng ý về biểu hiện này. Thực tế cho thấy, người chuyển giới hiểu rất rõ những khó khăn, rủi ro và nguy cơ mà họ phải đối mặt khi họ tiến hành phẫu thuật chuyển giới nên khi họ đã tiến hành phẫu thuật chuyển giới nghĩa là cơ thể của họ phải hướng tới sự thay đổi thành giới tính mà họ mong muốn. Có tới 84,0% sinh viên được hỏi phân vân hoặc không đồng ý hoặc không biết về điều này. Đây thực sự là con số đáng suy ngẫm về nhận thức của sinh viên về nét tâm lý này của người chuyển giới.

Về biểu hiện đặc điểm tâm lý *"Người chuyển giới hay tủi thân và dễ tổn thương vì bị xã hội kì thị*" chỉ có 20,5% sinh viên được hỏi đồng ý, có tới 62,0% sinh viên không đồng ý với đặc điểm tâm lý này. Có thể thấy rằng mặc dù đã biết khá nhiều về người chuyển giới thông qua người nổi tiếng, truyền thông, báo đài,… Người chuyển giới dễ được nhận biết hơn qua sự thể hiện giới tính

ISBN: 978-604-73-8639-0

ra ngoài của họ vì họ không hài lòng với cơ thể mình đang có và để có thể trở về giới tính thật sự, giới tính mà họ mong muốn nên họ có biến đổi cơ thể sao cho giống với giới tính mà họ mong muốn nhất. Nhưng sinh viên vẫn chưa nhận thức được đặc điểm tâm lý của người chuyển giới là họ hay cảm thấy tủi thân khi không được sống một cách hoàn hảo nhất, thoải mái nhất đối với giới tính mà họ mong muốn. Ngoài ra, người chuyển giới còn dễ bị tổn thương khi bị xã hội kỳ thị, đôi khi họ còn bị chính những người cùng giới kỳ thị vì cho là làm xấu hình ảnh của một bộ phận khác trong cộng đồng LGBT.

Hiện nay, vẫn còn nhiều người chuyển giới phải chịu sự kỳ thị và phân biệt đối xử ở cả gia đình và xã hội, dẫn đến những hậu quả khôn lường. Những biểu hiện kỳ thị thường xuất phát từ những người không quen biết hoặc không thân thiết với người chuyển giới, hoặc không hiểu biết về người LGBT. Biểu hiện của những kỳ thị này thường là những lời bàn tán, dèm pha cho rằng đồng tính, chuyển giới là trái với lẽ tự nhiên, là ăn chơi, đua đòi, là bệnh hoạn.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông khiến cho con người có quan niệm cởi mở hơn về đồng tính, song tâm lý khó chấp nhận những điều bất thường vẫn trở nên phổ biến, đặc biệt là ở Việt Nam, những người lớn tuổi thường khó chấp nhận nhóm người LGBT hơn là những người trẻ tuổi. Mặc dù vẫn có một bộ phận giới trẻ là sinh viên họ cũng biết đến cộng đồng LGBT nhưng đó chỉ là cái họ nhìn thấy chứ họ chưa thật sự hiểu biết về cộng đồng LGBT. Họ thường cho rằng LGBT là trái với tự nhiên, trái với thuần phong mỹ tục, trái với luân thường đạo lý, với lẽ đời, nó là điều bất thường cần phải loại bỏ. Vì vậy, họ khó có thể thấy được, cảm nhận được tâm lý tủi thân, dễ bị tổn thương do bị xã hội kì thị của người chuyển giới.

Kết quả phỏng vấn sâu sinh viên T.T.K cho biết: *"Theo em thì người chuyển giới muốn được mọi người tôn trọng và chấp nhận giới tính thật sự của họ. Họ là những người rất khổ sở khi mang trong mình thân xác con trai nhưng lại có tâm hồn của con gái hoặc ngược lại, có nhiều người bị người khác miệt thị họ luôn phải chịu đựng và luôn trong trạng thái bất an"*. Trích từ phỏng vấn sâu số 06, nam sinh viên QTNL.

2.3. Một số đề xuất

Trên cơ sở phân tích thực trạng nhận thức của sinh viên Cơ sở II, Trường Đại học Lao động – Xã hội về cộng đồng LGBT cho thấy, có một bộ phận nhỏ sinh viên đã có hiểu biết nhất định về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT nhưng vẫn còn số lượng khá lớn sinh viên chưa hiểu đúng hoặc mới chỉ hiểu một phần về đặc điểm tâm lý của cộng đồng này, để giúp sinh viên có nhận thức đúng hơn về cộng đồng LGBT, chúng tôi đưa ra một số đề xuất như sau:

- Đưa chương trình giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vào sinh hoạt đầu khóa cho tất cả sinh viên nhằm giúp cho sinh viên nhất là vấn đề giới tính, định hướng cho sinh viên hiểu rõ cộng đồng LGBT và động viên khích lệ sinh viên an tâm học tập, sinh hoạt bình thường miễn không có cử chỉ, hành động gì làm ảnh hưởng đến các bạn sinh viên khác.
- Cần đưa nội dung thông tin về cộng đồng LGBT vào giáo dục trong nhà trường hay các tổ chức các cuộc tìm hiểu về cộng đồng LGBT giúp cho sinh viên có kiến thức nhận thức đúng về cộng đồng LGBT, tránh cho các bạn sinh viên nhìn nhận sai lệch về hiện tượng này như một căn bệnh lây nhiễm, nên các bạn sinh viên có những hành động như xa lánh, thiếu thân thiện, thậm chí kỳ thị, mỉa mai,…
- Nhà trường cần thiết lập mối quan hệ với các dịch vụ Sức khỏe – Giới tính hiện có để cung cấp địa chỉ dịch vụ thích hợp cho sinh viên trong trường, đặc biệt là các địa chỉ thân thiện để

giới thiệu, kết nối cho sinh viên giải quyết tốt hơn các vấn đề của họ về Sức khỏe sinh sản – Tình dục và tâm lý tình cảm.

- Tổ chức các cuộc triển lãm về người đồng tính để họ có thể chia sẻ những câu chuyện về tình yêu, tình dục và đời sống của mình để mọi người hiểu và có cái nhìn đúng đắn, bao dung hơn sinh viên là LGBT, tránh có những thái độ, nét mặt khiến sinh viên LGBT tổn thương.
- Các tổ chức, đoàn thể, hội sinh viên cần phối hợp tập huấn cho sinh viên thông qua các câu lạc bộ để các bạn sinh viên khác hiểu hơn về cộng đồng LGBT để giúp sinh viên bớt lo sợ khi kết bạn với các bạn LGBT, sợ bị lây, cảm giác ghê tởm khi tiếp xúc với bạn LGBT, mới có những hành động kỳ thị, xa lánh, mỉa mai, cấu véo, và bạo lực. Từ đó phân biệt đối xử đến cộng đồng LGBT. Đồng thời giúp đỡ, quan tâm hơn tới cộng đồng LGBT để giúp họ vượt qua mặc cảm, hòa đồng hơn trong cuộc sống.

3. KẾT LUẬN

Qua phân tích nhận thức của sinh viên tại Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội về đặc điểm tâm lý của cộng đồng LGBT, chúng tôi nhận thấy rằng có một bộ phận nhỏ sinh viên có hiểu biết nhất định về tâm lý của cộng đồng LGBT nhưng vẫn còn một bộ phận lớn sinh viên chưa hiểu được nét tâm lý đặc trưng của cộng đồng này. Tuy nhiên, nhận thức của sinh viên về người chuyển giới chưa được rõ ràng, còn mang tính cực đoan, cứng nhắc nên có những nhận thức khá tiêu cực về cộng đồng LGBT như những điều mà trước đây và ngay cả hiện nay người ta vẫn còn duy trì như việc xem LGBT là một căn bệnh và cần được chữa trị; LGBT là những người ái nam ái nữ làm bại hoại gia phong, phá hoại bản sắc dân tộc; tất cả những người LGBT đều mong muốn chuyển giới hay gạt bỏ tất cả các quyền và nhu cầu, mong muốn của cộng đồng LGBT. Đây là vấn đề cần lưu tâm để tác động vào nhận thức của sinh viên nhất là những sinh viên với những suy nghĩ vẫn chưa mang tính mở, vẫn còn nhiều sự cứng nhắc, lạc hậu nên cần có sự tác động nhiều nhằm cải thiện nhận thức đúng cho sinh viên để tạo dựng một xã hội công bằng - dân chủ và văn minh, giúp cộng đồng LGBT hòa nhập tốt hơn và có nhiều đóng góp cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Thế Huy & Phạm Quỳnh Phương (2015), *Có phải bởi vì tôi là LGBT? Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. NXB Hồng Đức.
2. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2009), *Preliminary online survey results: Socio-economic Characteristics of Men Who Have Sex with Men in Vietnam*. Truy cập tại: https://www.refworld.org/cgi-bin/texis/vtx/rwmain/opendocpdf.
3. Nguyễn Thị Kiều Như và cộng sự (2019), *Nhận thức về cộng đồng LGBT của sinh viên Cơ sở 2 trường Đại học Lao động – Xã hội.* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường ĐH Lao động – Xã hội.
4. Taylor & Francis Group, LLC (2011). "Tăng trưởng liên quan đến căng thẳng, sắp xuất hiện và Nội tâm đồng tính luyến ái trong đồng tính nữ, đồng tính nam, và Thanh niên lưỡng tính. Kiểm tra. Tăng trưởng liên quan đến căng thẳng trong nhóm thiểu số. Mô hình căng thẳng". *Tạp chí Đồng tính luyến ái*, ISSN: 0091-8369.
5. Nguyễn Quỳnh Trang (2010), *Sống trong một Xã hội dị tính, câu chuyện từ 40 người nữ yêu nữ.* Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CƠ SỞ II, TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI VỀ CỘNG ĐỒNG LGBT

FACTORS AFFECTING ON UNIVERSITY STUDENTS' PERCEPTION OF THE LGBT COMMUNITY (AN INVESTIGATION AT THE UNIVERSITY OF LABOR AND SOCIAL AFFAIRS - CAMPUS II)

Phạm Thanh Hải [*]
Nguyễn Tất Hiệp [**]

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, các vấn đề liên quan về nhận thức, sự kỳ thị, quan điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến cộng đồng LGBT đã nhận được sự quan tâm lớn từ xã hội, các nhà nghiên cứu. Xã hội cũng dần có cái nhìn thiện cảm hơn về cộng đồng LGBT. Tuy nhiên, nhìn chung cộng đồng LGBT vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trên con đường sống thật với giới tính của mình. Bài viết tập trung phân tích một số yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT, trên cơ sở đó đưa ra một số đề xuất để nâng cao nhận thức cho sinh viên về cộng đồng LGBT.

Từ khóa: *cộng đồng LGBT, nhận thức, sinh viên, yếu tố.*

ABSTRACT

In recent years, issues related to awareness, stigma, attitudes and influencing factors on the LGBT community have received great attention from society, researchers, and we have gradually viewed a more sympathetic view of the LGBT community. However, in general, the LGBT community still faces many difficulties on the way to live true to their gender. The paper focuses on analyzing a number of factors affecting university students' perceptions of the LGBT community, on that basis, some recommendations are proposed to raise students' awareness of the LGBT community.

Keywords: *the LGBT community, perception, university student, factors.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời gian qua, vấn đề về đồng tính nam, đồng tính nữ, người song tính, chuyển giới,... (LGBT) luôn được nhắc đến và mang ra bàn luận khá nhiều. Trước đây, người ta quan niệm chỉ có nam và nữ, và họ không công nhận sự tồn tại của những người LGBT. Những người có xu hướng tính dục dị tính thường bị xã hội khinh miệt, kỳ thị, thậm chí coi đó như một loại bệnh tâm thần. Họ có thể kiếm cớ hành hung, đánh đập người LGBT khi nhìn thấy họ trên đường hay trong lớp học hoặc ở nơi làm việc,... Một số người cho rằng hôn nhân đồng giới có thể làm suy thoái các giá trị đạo đức, thay đổi những chuẩn mực truyền thống của xã hội Việt Nam. Họ xem đó là một hiện tượng lệch chuẩn của xã hội cần được bài trừ, lên án, là một lối sống không có lợi cho xã hội về mặt đạo đức cũng như sự phát triển chung của con người.

Việt Nam đang từng bước thay đổi phát triển và hội nhập sâu rộng với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vấn đề về cộng đồng LGBT ngày càng được mọi người quan tâm và cũng

[*] Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa CTXH - Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội. Email: haipt.ctxh@ldxh.edu.vn.
[**] Thạc sĩ, Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ - Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

dần có cái nhìn thiện cảm hơn, đã xuất hiện các hoạt động phong trào đòi quyền bình đẳng, tôn trọng của con người, tuy nhiên nhìn chung cộng đồng LGBT vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trên con đường sống thật với giới tính của mình.

Những vấn đề liên quan về nhận thức, sự kỳ thị, quan điểm và ảnh hưởng của cộng đồng LGBT đã nhận được sự quan tâm và nghiên cứu từ xã hội và các nhà khoa học. Một trong số đó là nghiên cứu của Roberto Baiocco và cộng sự (2018), *Sports as a risk environment: Homophobia and bullying in a sample of gay and heterosexual men,* (Journal of Gay & Lesbian Mental Health). Kết quả nghiên cứu cho thấy người đồng tính nam bị bắt nạt thường xuyên hơn so với người nam dị tính trong môi trường thể thao. Họ thường xuyên từ bỏ thể thao vì bị bắt nạt và áp lực lớn từ gia đình. Cần phải có giải pháp để những người đồng tính này có môi trường thể thao an toàn hơn[1].

Báo cáo của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) (2014), nghiên cứu về "*Là người đồng tính song tính và chuyển giới ở Việt Nam ở Châu Á, Báo cáo quốc gia Việt Nam*". Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự kỳ thị xã hội đối với người LGBT ở Việt Nam trong các lĩnh vực việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, gia đình, truyền thông, các quyền và luật pháp, cộng đồng. Báo cáo cũng đã cung cấp cái nhìn khách quan về lịch sử LGBT tại Việt Nam và đã chỉ ra những chiến lược chủ chốt trong việc cải thiện quyền của những người LGBT thông qua vận động chính sách, các dịch vụ hỗ trợ[2]. Việc công khai giới tính với cha, mẹ là vấn đề rất khó khăn của LGBT, họ luôn lo sợ việc bị phát hiện ra, cha mẹ phản đối; họ cố gắng làm người dị tính, mong cha mẹ chấp nhận con, không danh chính ngôn thuận nhưng hòa nhập với gia đình[3].

Phạm Quỳnh Phương (2013) có tổng luận biên soạn các nghiên cứu "*Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*". Tác giả đã phác họa một diện mạo chung về những vấn đề đã và đang tồn tại của cộng đồng LGBT ở Việt Nam, khuôn khổ luật pháp của việc công nhận quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc công khai giới tính thật của mình. Đồng thời tổng hợp những đề xuất kiến nghị nhằm giúp các nhà làm luật có cái nhìn đầy đủ hơn về vấn đề này[4].

Qua các nghiên cứu trên cho thấy, LGBT là một chủ đề khá phức tạp với những ý kiến, quan điểm khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh, hoàn cảnh sống và những yếu tố thuộc về thời đại. Những nghiên cứu của các tác giả đã phần nào phản ánh được thực trạng các vấn đề liên quan đến cộng đồng LGBT như nhận thức về quyền và nhu cầu, mong muốn; sự phân biệt đối xử đối với các đối tượng thuộc cộng đồng LGBT, những định kiến, thành kiến về xu hướng tính dục và bản dạng giới. Mặc dù thời gian gần đây cộng đồng LGBT đã được ủng hộ nhưng vẫn còn đó những nhận định, những đánh giá chưa đầy đủ về cộng đồng LGBT. Việc nghiên cứu một số yếu tố ảnh

---

1 Roberto Baiocco, Jessica Pistella, Marco Salvati, Salvatore Ioverno & Fabio Lucidi (2018), "Sports as a risk environment: Homophobia and bullying in a sample of gay and heterosexual men". *Journal of Gay & Lesbian Mental Health.*

2 Báo cáo của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) (2014), *Là người đồng tính song tính và chuyển giới (LGBT) ở Việt Nam ở Châu Á, Báo cáo quốc gia Việt Nam.*

3 Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (2010), *Sống trong một xã hội dị tính - câu chuyện của 40 người nữ yêu nữ - Câu chuyện với cha mẹ.*

4 Phạm Quỳnh Phương (biên soạn) (2013), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam.* https://static1.squarespace.com/static/526c21b5e4b0d43e45f6c4c2/t/5edf55 6977faa21f0a076888/1591694774401/iSEE_Tong+luan+ve+nguoi+dong+tinh+va+chuyen+gioi+o+VN.pdf.

ISBN: 978-604-73-8639-0

hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT là vấn đề cấp thiết hiện nay. Thực tế cho thấy, một bộ phận sinh viên hiện nay dễ bị cuốn theo những thói xấu, những luồng văn hóa không tốt. Họ có nhận thức, có trình độ nhưng lại dễ bị sa ngã vào con đường xấu ảnh hưởng đến bản thân, gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu này sẽ giúp cho sinh viên có cái nhìn rõ và cởi mở hơn về cộng đồng LGBT.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ nội dung nghiên cứu, đề tài tiến hành khảo sát 200 sinh viên các khoa Công tác Xã hội, Quản trị Nguồn nhân lực, Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Bảo hiểm đang theo học tại Cơ sở II, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

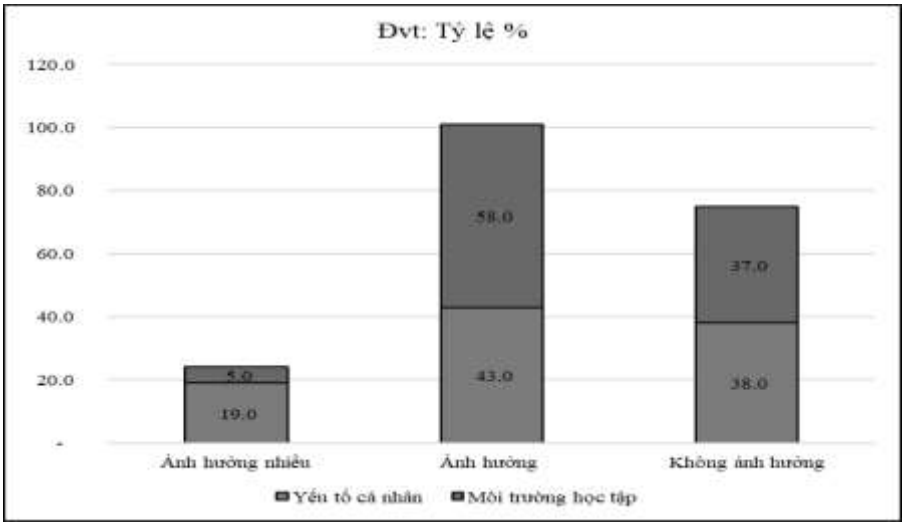
Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu để thu thập thông tin nhận thức của sinh viên về nhu cầu - mong muốn, đặc điểm tâm sinh lý, đời sống tình cảm của cộng đồng LGBT. Việc sử dụng phương pháp này nhằm mục đích để tìm hiểu, thu thập thông tin chung về nhận thức cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT

Yếu tố cá nhân

Ở Việt Nam, cộng đồng LGBT đã xuất hiện và là một vấn đề rất nóng bỏng được xã hội quan tâm, nhất là giới trẻ - vậy thì những sinh viên của nền tri thức có nhận thức và suy nghĩ như thế nào về họ? Khi giới tính thứ ba xuất hiện thì ban đầu đã vấp phải sự kỳ thị, xa lánh của đa số người. Thái độ kỳ thị của cộng đồng sẽ tác động không nhỏ đến cuộc sống của những người LGBT, khiến cho họ gặp nhiều khó khăn khi hòa nhập vào cộng đồng xã hội.



Biểu đồ 1. Ảnh hưởng của yếu tố cá nhân và môi trường học tập đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT

Kết quả nghiên cứu ở Biểu đồ 1 cho thấy, yếu tố cá nhân ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Cụ thể có 19% ý kiến sinh viên cho biết là rất ảnh hưởng và 43% ý kiến là ảnh hưởng, ngược lại có 38% ý kiến sinh viên cho biết là không ảnh hưởng. Điều này cho thấy, cần định hướng cho sinh viên nhận thức và có cách nhìn đúng đắn với các hiện tượng xã hội nói chung và cộng đồng LGBT nói riêng xảy ra xung quanh mình, cũng đừng vì những định kiến tiêu cực lại vội đưa ra những kết luận không tốt về cộng đồng LGBT. Mỗi sinh viên đều có quan điểm, triết lý sống cho riêng mình, nhiều sinh viên có quan điểm sống hiện đại nhưng cũng có những bạn sinh viên giữ cách sống, lối sống, cách nghĩ rất truyền thống,… và điều này sẽ phụ thuộc rất nhiều thông qua môi trường mà sinh viên được trải nghiệm qua những tháng, năm bao gồm các yếu tố thuộc về truyền thống gia đình, văn hóa đất nước, cũng như nơi làm việc, trường học, các mối quan hệ bạn bè,.... bởi tất cả những điều đó sẽ góp phần hình thành nên nhân sinh quan, triết lý sống cho một cá nhân.

Thực tế cho thấy, một bộ phận sinh viên không có thái độ kỳ thị nhưng họ cũng không dễ gì chấp nhận người LGBT, với nhiều đối tượng họ tỏ ra thành kiến, miệt thị, xúc phạm người thuộc cộng đồng LGBT. Còn đối với những bạn sinh viên theo lối sống hiện đại biết loại bỏ những cái cũ và tiếp nhận cái mới, hòa nhập với sự phát triển tiến bộ của xã hội, họ sẽ thoáng trong cách nghĩ, dễ dàng tiếp nhận cộng đồng LGBT, có những sự đồng cảm, sẻ chia,…

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy, yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên đối với cộng đồng LGBT, bạn N.T.T cho biết*: "Đối với riêng cá nhân em, thì cá nhân sẽ có ảnh hưởng rất nhiều bởi những yếu tố về môi trường xã hội tác động khiến cho nhận thức, tư duy của cá nhân đó có thái độ tích cực hay tiêu cực với cộng đồng LGBT. Bản thân em luôn muốn cập nhật theo xu hướng của thời đại, hơn nữa chúng ta đang sống trong thế kỷ 21 với sự phát triển vượt bậc của công nghệ 4.0 thì việc tiếp nhận những cái mới là điều mình đang thực hiện. Em luôn ủng hộ cộng đồng LGBT sống đúng với bản chất và con người của họ, miễn họ đừng làm những điều gây tổn hại đến người khác là được. Còn về quyền và nhu cầu thì thiết nghĩ ai cũng mong muốn được sống hạnh phúc cả, chúng ta không thể tước đoạt thông qua việc cứ kỳ thị, tẩy chay hay miệt thị, chê bai họ"*. (Trích phỏng vấn sâu số 1, nam sinh viên ngành QTNL).

Yếu tố gia đình

Gia đình được xem như chiếc nôi nuôi dưỡng và vun đắp tình thương, hình thành nhân cách, giá trị và tư tưởng cho mỗi người nên sẽ có tác động rất lớn đến nhận thức của mỗi người. Từ nhỏ sinh ra, mỗi người được tiếp nhận giáo dục thông qua môi trường xã hội khác nhau để tiếp nhận những điều hay, lẽ phải trong cuộc sống. Tuy nhiên, cá nhân từ khi biết nhận thức đầy đủ về nhân sinh quan thì cần trau dồi những yếu tố tích cực và lược bỏ những yếu tố tiêu cực. Cần biết kết hợp giữa lời dạy và thực tiễn, sự hiện đại và khoa học công nghệ, loại bỏ đi những yếu tố đã quá cũ, không phù hợp với thời đại.

Kết quả phỏng vấn sâu về sự giáo dục của người lớn cũng như truyền thống gia đình ảnh hưởng tới nhận thức của sinh viên, theo chia sẻ của bạn T.N.A: *"Tôi nghĩ đây là một trong những yếu tố tiên quyết bởi từ nhỏ, sinh viên chúng mình đã chịu sự ảnh hưởng rất nhiều từ gia đình thông qua sự dạy dỗ, giáo dục của cha mẹ để hoàn thiện nhân cách, suy nghĩ. Lớn lên một chút thì các bạn sẽ ảnh hưởng bởi những yếu tố khác nữa để hoàn thiện nhân sinh quan cho mình. Đối với nhiều bạn sinh viên với gia đình vẫn giữ những nét truyền thống, những phong tục, tập tục cũ thì ắt hẳn rằng việc tiếp nhận sự hiện diện của cộng đồng LGBT là một điều thật sự rất khó. Bởi vì từ nhỏ, bạn sinh viên ấy đã được nghe những lời rằng LGBT là bệnh, là tệ nạn xã hội,.. .nên rất*

ISBN: 978-604-73-8639-0

khó để bạn ấy xem LGBT là những con người bình thường như bao con người dị tính khác". (Trích phỏng vấn sâu số 02, nữ sinh viên ngành CTXH).

Bảng 1. Yếu tố thuộc về gia đình ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT

TT	Yếu tố gia đình	Phương án trả lời (%)			ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Không ảnh hưởng	Có ảnh hưởng	Ảnh hưởng rất nhiều		
1	Văn hóa ứng xử trong gia đình	19,0	54,5	26,5	2,07	0,67
2	Sự giáo dục của người lớn	35,0	49,5	15,5	1,81	0,69
3	Mối quan hệ trong gia đình	41,5	53,0	5,5	1,64	0,59
	ĐTB				**1,84**	**0,65**

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cho thấy, trong các biểu hiện yếu tố thuộc về gia đình thì văn hóa ứng xử trong gia đình ảnh hưởng mạnh nhất đến nhận thức của các bạn sinh viên về cộng đồng LGBT. Với ĐTB = 2,07, tương ứng 54,5% ý kiến sinh viên cho biết là ảnh hưởng, 26,5% ý kiến là rất ảnh hưởng; bên cạnh đó, có 19% ý kiến các bạn sinh viên cho biết là không ảnh hưởng mà là do những nguyên nhân khác. Đối với một văn hóa ứng xử chịu sự ảnh hưởng của các nước phương Đông có phần khắt khe về vấn đề LGBT thì những ai thuộc về cộng đồng LGBT sẽ bị xem là đi ngược lại với tạo hóa, là bệnh và cần được chữa trị. Với ứng xử văn hóa phương Tây thì vấn đề này có phần được thoáng hơn, dễ được chấp nhận hơn. Vì vậy, có thể nói việc cá nhân được sinh ra trong một môi trường có các nền văn hóa nào, lối sống ra sao cũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức của sinh viên về vấn đề cộng đồng LGBT.

Sự giáo dục của người lớn trong gia đình cũng ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT, với ĐTB= 1,81, tương ứng có 49,5% ý kiến sinh viên cho rằng yếu tố này nằm ở mức ảnh hưởng; 15,5% ý kiến sinh viên cho biết là rất ảnh hưởng, ngược lại có 35 % sinh viên cho biết không ảnh hưởng đến nhận thức của các bạn sinh viên về cộng đồng LGBT. Tiếp theo là yếu tố mối quan hệ trong gia đình tác động đến nhận thức về LGBT, với ĐTB= 1,64 tương ứng có 53%; có ảnh hưởng và 5,5% ý kiến cho biết là ảnh hưởng rất nhiều. Có thể nói sự giáo dục và truyền thống của gia đình khác nhau sẽ có ảnh hưởng khác nhau đến nhận thức của các bạn sinh viên nói chung về các vấn đề xã hội cũng như sẽ hình thành nhân sinh quan khác nhau. Nếu một bạn sinh viên được lớn lên trong một gia đình có sự rập khuôn, truyền thống, lễ nghi, cổ hủ thì ắt hẳn suy nghĩ của bạn ấy cũng sẽ không thể nào thoáng hơn về vấn đề cộng đồng LGBT. Ngược lại nếu bạn sinh viên ấy được sinh ra và lớn lên trong một gia đình hiện đại, thường xuyên cập nhật thông tin về thời đại, dễ dàng tiếp nhận cái mới và loại bỏ cái lạc hậu thì chắc chắn rằng suy nghĩ của bạn sinh viên ấy cũng sẽ thoáng hơn đối với những vấn đề thuộc về giới tính, về cộng đồng LGBT.

Môi trường học tập

Nhà trường được xem là môi trường giáo dục lớn thứ hai sau gia đình. Nhà trường không chỉ là nơi cung cấp tri thức mà còn là nơi để con người hoàn thiện các giá trị đạo đức, nhân phẩm. Vì vậy nhà trường là một yếu tố có tác động đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT.

Như đã nói, môi trường nhà trường là nơi diễn ra các hoạt động học tập trên nhiều lĩnh vực. Thông qua nhà trường sinh viên có thể học được những giá trị văn hóa, các đức tính, các giá trị, niềm tin, chuẩn mực. Những lời truyền đạt từ thầy cô ít nhiều ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên trong đời sống. Đến với môi trường đại học, nhà trường tiếp tục có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Nhà trường, giảng viên khi truyền đạt, tiếp xúc với sinh viên cần có cái nhìn khách quan trên nhiều góc độ, công bằng, bình đẳng khi nói đến cộng đồng LGBT.

Kết quả nghiên cứu ở Biểu đồ 1 cho thấy, có 58,0% ý kiến sinh viên cho rằng yếu tố nhà trường có ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Mặt khác, có 37,0% sinh viên được khảo sát cho rằng yếu tố nhà trường không có ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Bên cạnh đó có 5% sinh viên cho rằng yếu tố nhà trường ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Chính vì thế nhà trường cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, diễn đàn lắng nghe tiếng nói của sinh viên về cộng đồng LGBT cũng như cung cấp các kiến thức chính xác về cộng đồng này cho sinh viên để nhà trường cũng là một môi trường định hướng để sinh viên có nhận thức đúng đắn về cộng đồng. Ngoài ra kết quả cuộc khảo sát còn cho thấy ngoài yếu tố nhà trường thì còn rất nhiều yếu tố khác tác động đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy, yếu tố môi trường học tập có ảnh hưởng lớn đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Sinh viên N.T.T cho biết: *"Theo tôi môi trường học tập có tác động lớn đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Nếu nhà trường thường xuyên cung cấp thông tin, kiến thức cho sinh viên về cộng đồng này thì chúng tôi sẽ hiểu đúng hơn về cộng đồng LGBT."*. (Trích phỏng vấn sâu số 1, nam sinh viên ngành QTNL).

Yếu tố xã hội

Con người từ khi sinh ra đều có sự tò mò về những thứ xung quanh. Họ dùng tay để cảm nhận, dùng mắt để nhìn và dùng tới não bộ để nhận thức sự vật, hiện tượng. Gia đình, người thân, bạn bè xung quanh chính là nguồn thông tin cung cấp tri thức cho họ và dẫn lối cho nhận thức của con người. Khi một người lớn lên, nhu cầu nhận thức về thế giới xung quanh của họ cũng tăng cao. Họ tò mò và muốn tìm hiểu về tất cả mọi thứ vì vậy họ cố gắng thu nạp kiến thức của mình từ những nguồn thông tin trong xã hội. Những nguồn thông tin từ xã hội cung cấp sẽ ảnh hưởng đến lối suy nghĩ, cách sống và nhận thức của con người, từ đó hình thành nên nhân cách, phẩm chất, đức tính của người đó. Như vậy, có thể nói việc tiếp thu các thông tin từ xã hội có ảnh hưởng rất lớn đối với nhận thức của con người và hình thành nên thái độ của họ đối với một sự vật, hiện tượng nào đó.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 2 cho thấy, yếu tố ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT là định kiến xã hội với ĐTB= 2,40, tương ứng 55%, hơn một nửa số sinh viên tham gia khảo sát cho biết là ảnh hưởng. Không thể phủ nhận, định kiến luôn là yếu tố gây ảnh hưởng rất lớn đối với nhận thức của một người. Việc này xảy ra là do hầu hết mọi người chưa hiểu biết đủ nhiều, đủ sâu, đủ chính xác về cộng đồng LGBT. Do đó suy nghĩ của họ sẽ bị thiên về hướng chủ quan và lệch lạc. Người này có ý kiến chủ quan này, người kia có ý kiến chủ quan khác, một người nữa lại dựa vào những ý kiến chủ quan đó để hình thành nên ý kiến của bản thân. Như vậy nếu ý kiến đó là tích cực thì nhìn nhận của những người xung quanh về nó cũng tích cực và ngược lại, nếu đó là ý kiến tiêu cực, thậm chí là bài xích, thì mọi người xung quanh cũng sẽ vô thức

ISBN: 978-604-73-8639-0

bài xích theo. Định kiến cứ như vậy mà hình thành rồi ảnh hưởng đến nhận thức của đời sau, đời sau nữa và cứ thế tiếp diễn.

Yếu tố thứ hai là nền văn hóa dân tộc cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT, chiếm tỷ lệ 26,5%. Ảnh hưởng này cũng có thể hiểu theo hai hướng tích cực và tiêu cực nên tùy vào thái độ của từng người mà đánh giá tùy thuộc vào nhận thức của họ. Thực tế cho thấy, phần lớn trong mỗi gia đình vẫn còn giữ quan niệm cổ xưa là "nối dõi tông đường", là "con đàn cháu đống" mới là có phúc. Nhưng với những người thuộc cộng đồng LGBT thì việc có "thế hệ tiếp theo" là điều gần như không tưởng. Chính vì lẽ đó nên nhiều người dù nhận ra xu hướng tính dục của mình nhưng vẫn chọn cách giấu giếm hoặc vâng theo lời cha mẹ lập gia đình, sinh con đẻ cái để duy trì nòi giống. Hầu hết những người đó đều không được hạnh phúc vì họ không thể được sống thật với bản thân. Họ chỉ sống theo hình mẫu, khuôn dạng mà xã hội muốn và cần họ phải như thế. Quan niệm phải có con, phải duy trì nòi giống theo từng thế hệ này qua thế hệ khác, thâm căn cố đế và ảnh hưởng đến suy nghĩ cũng như quyết định sau này của con người.

Bảng 2. Yếu tố xã hội tác động đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT

STT	Yếu tố	Phương án trả lời (%)			ĐTB	Độ lệch chuẩn
		Không ảnh hưởng	Có ảnh hưởng	Ảnh hưởng rất nhiều		
1	Tôn giáo hay tâm linh của bạn	86,5	11,5	2,0	1,16	0,42
2	Định kiến xã hội	15,0	30,0	55,0	2,40	0,74
3	Nền văn hóa dân tộc	19,0	54,5	26,5	2,08	0,67
4	Sự giao thoa văn hóa giữa các nước	59,5	31,5	9,0	1,50	0,66
5	Môi trường làm việc	39,5	56,5	4,0	1,65	0,56
6	Nhóm bạn bè của bạn	42,5	52,0	5,5	1,63	0,59
7	Thời sự, tin tức	38,0	52,0	10,0	1,72	0,64
8	Mạng lưới xã hội	34,5	44,0	21,5	1,87	0,74
9	Phim ảnh, sách báo	33,0	57,5	9,5	1,77	0,61
	ĐTB				**1,75**	**0,62**

Nguồn: Số liệu điều tra thực tế

Với ĐTB = 1,75 thì mạng lưới xã hội cũng ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Một trong những biểu hiện của yếu tố xã hội là mạng lưới xã hội ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Với ĐTB = 1,87, tương ứng 44% ý kiến cho biết là ảnh hưởng; 21,5% là rất ảnh hưởng và 34,5% ý kiến cho biết là không ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, với ĐTB = 1,77 tương ứng với tỷ lệ 57,5% ý kiến sinh viên cho biết phim ảnh, sách báo có ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Việc nhiều sách báo tuyên truyền không đúng hoặc chưa đầy đủ về cộng đồng LGBT đã gây nên những suy nghĩ tiêu cực và hình ảnh không tốt về cộng đồng này. Bên cạnh đó, những thông tin chính xác, cổ vũ, khích lệ người LGBT "come out" và chúc mừng những cặp đôi được đến với nhau cũng để lại

nhiều ảnh hưởng tích cực không chỉ cho xã hội nói chung mà còn là đối với những người thuộc cộng đồng LGBT. Những lời chúc phúc, sự công nhận của gia đình, người thân, bạn bè và cả xã hội chính là món quà vô giá đối với họ.

Khi được hỏi về yếu tố xã hội nào tác động đến nhận thức của bạn về cộng đồng LGBT, bạn N.T.L cho biết: *"Mình nghĩ một phần là do truyền thống văn hóa của nước mình là "nối dõi tông đường" nên cần phải cưới vợ, cưới chồng. Một phần nữa mình nghĩ là do định kiến của xã hội đối với LGBT còn sâu, nhiều người vừa nghe tới tên thôi đã tỏ ra đó là bệnh tâm thần hoặc là khinh bỉ, tẩy chay"*. (Trích từ phỏng vấn sâu số 03, nam sinh viên ngành QTKD).

Qua phân tích số liệu trên có thể thấy nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT trên phương diện xã hội còn nhiều hạn chế. Phần lớn họ còn chịu nhiều ảnh hưởng từ định kiến xã hội, từ nền văn hóa dân tộc nên vẫn chưa có thể hoàn toàn chấp nhận cộng đồng LGBT hay là tìm hiểu để biết thêm về cộng đồng này. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận đã có hiểu biết, nhận thức đúng về cộng đồng LGBT và có thái độ tích cực đối với cộng đồng này.

2.2.2. Một số đề xuất nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT

Hiện nay thuật ngữ LGBT đã không còn quá xa lạ tại Việt Nam. LGBT không phải một căn bệnh cần chữa, cần tránh xa, mà những người thuộc cộng đồng LGBT cũng là những con người bình thường họ có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức sinh viên về cộng đồng LGBT. Nhìn chung, sinh viên nhận thức đầy đủ và chính xác, nhưng vẫn có một bộ phận sinh viên chưa có sự nhìn nhận đúng về cộng đồng LGBT, thiết nghĩ cần có một số đề xuất để nâng cao nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT cũng như giúp cho sinh viên có cái nhìn đúng đắn hơn về cộng đồng này như sau:

- Nhà trường cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, diễn đàn lắng nghe tiếng nói của sinh viên về cộng đồng LGBT, cũng như cung cấp các kiến thức chính xác về cộng đồng cho sinh viên để nhà trường cũng là một môi trường định hướng để sinh viên có nhận thức đúng đắn về cộng đồng này. Ngoài ra, nhà trường cần quan tâm sát sao và kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử với cộng đồng LGBT trong nhà trường;
- Đưa chương trình giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vào giảng dạy ở tất cả các khoa, ngành học, môn học. Hướng dẫn các phương pháp quan hệ tình dục an toàn cho cả người dị tính và đồng tính, chuyển giới. Hướng dẫn các biện pháp xử lý khi rơi vào các hoàn cảnh bị người khác xâm hại;
- Trong quá trình giảng dạy các giảng viên cũng nên lồng ghép các kiến thức về cộng đồng LGBT cho sinh viên. Điều này nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn và có sự đồng cảm, cảm thông với cộng đồng LGBT;
- Sinh viên có thể tự mình tìm hiểu thêm về cộng đồng LGBT thông qua các phương tiện truyền thông, Internet,… nâng cao nhận thức cũng như hiểu biết của bản thân về cộng đồng này.
- Thay đổi nhận thức về cộng đồng LGBT của các bậc phụ huynh, tạo tiền đề cho nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT thông qua việc thường xuyên đề cập đến các vấn đề về giới tính, cộng đồng LGBT, thường xuyên xem các kênh truyền hình có nội dung về cộng đồng LGBT, các game show truyền hình, những câu chuyện về người chuyển giới hay những bài báo viết về quá trình "come out",… Thực tế cho thấy, có một số ý kiến cho rằng

 ISBN: 978-604-73-8639-0

việc "tiếp thu những chương trình như thế này sẽ làm hư trẻ con, làm trẻ con phát triển lệch lạc vì chúng tưởng đó là hay, là điều nên học hỏi theo". Thiết nghĩ cần có những buổi giao lưu, tọa đàm, hội thảo để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ hơn và ủng hộ quyền bình đẳng cho cộng đồng LGBT. Bên cạnh đó, những hoạt động này sẽ làm thay đổi cách nhìn của xã hội theo hướng tích cực hơn, chấp nhận và tôn trọng cộng đồng LGBT và gia đình họ. Chính sự lên tiếng của các gia đình có con đồng tính, song tính và chuyển giới sẽ thuyết phục hơn với các nhà làm luật cũng như xã hội tiếp tục ủng hộ và thúc đẩy hơn nữa để bảo vệ các quyền bình đẳng của người LGBT.

- Thành lập ban tư vấn, tham vấn cho các sinh viên, nhất là sinh viên thuộc cộng đồng LGBT để các bạn có nơi chia sẻ tâm tư cũng như khó khăn hay rào cản mà các bạn đang gặp phải, từ đó có các hoạt động tham vấn hỗ trợ sinh viên giải quyết vấn đề;
- Truyền thông, kêu gọi sinh viên trong nhà trường không kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người LGBT;
- Bản thân những người thuộc cộng đồng LGBT cần cởi mở, tự tin thể hiện tài năng, kiến thức của bản thân để mọi người nhận thấy giá trị tốt đẹp của mình.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên tại Cơ sở II, Trường Đại học Lao động Xã hội, chúng tôi nhận thấy rằng các sinh viên có nhận thức tương đối tốt đối với các vấn đề thuộc về cộng đồng LGBT. Tuy nhiên, vẫn còn một số sinh viên với những suy nghĩ mang tính cực đoan, cứng nhắc nên có những nhận thức khá tiêu cực và chưa đầy đủ về cộng đồng LGBT. Bên cạnh đó có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến cộng đồng LGBT như yếu tố cá nhân, gia đình, môi trường học tập và yếu tố xã hội. Mỗi yếu tố tác động khác nhau đến nhận thức của sinh viên về cộng đồng LGBT. Vì vậy, mỗi người chúng ta cần có cái nhìn "bình thường hóa" về cộng đồng LGBT, giúp họ tự tin khẳng định bản thân, sống thật với giới tính của mình, có như vậy họ mới có đủ sức lực làm việc để tốt cho bản thân, gia đình họ và tham gia vào các hoạt động có ích cho cộng đồng và hòa nhập xã hội tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) (2014), *Là người đồng tính song tính và chuyển giới (LGBT) ở Việt Nam ở Châu Á, Báo cáo quốc gia Việt Nam.*
2. Phạm Quỳnh Phương (biên soạn) (2013), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam.* https://static1.squarespace.com/static/526c21b5e4b0d43e45f6c4c2/t/5edf556977faa21f0a076888/1591694774401/iSEE_Tong+luan+ve+nguoi+dong+tinh+va+chuyen+gioi+o+VN.pdf.
3. Roberto Baiocco, Jessica Pistella, Marco Salvati, Salvatore Ioverno & Fabio Lucidi (2018), "Sports as a risk environment: Homophobia and bullying in a sample of gay and heterosexual men". *Journal of Gay & Lesbian Mental Health.*
4. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (2010), *Sống trong một xã hội dị tính - câu chuyện của 40 người nữ yêu nữ - Câu chuyện với cha mẹ.*

THÁI ĐỘ CỦA CHA MẸ KHI CÓ CON LÀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM

PARENT'S ATTIDUDE HAVING GAY LESSBIAN AND TRANSGENDER CHILDREN IN VIETNAM

Lương Thị Đào*

Nguyễn Văn Thanh**

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thái độ của cha mẹ có con là đồng tính và chuyển giới. Nghiên cứu muốn cung cấp một cái nhìn tổng quan, khái quát về tâm tư, tình cảm cảm xúc và diễn biến quan hệ giữa cha mẹ với con cái cũng như cách mà cha mẹ đối mặt với nhiều vấn đề khi biết con mình là người đồng tính và chuyển giới; vì sao họ chấp nhận và không chấp nhận con, vì sao họ lên tiếng và không lên tiếng bảo vệ con. Nhằm tổ chức các hoạt động cộng đồng hỗ trợ tâm lý, tinh thần cho cha mẹ có con là LGBT; đồng thời nâng cao nhận thức và thúc đẩy cha mẹ tham gia vào phong trào vận động chính sách và truyền thông cho xã hội trong việc chống định kiến, kỳ thị cộng đồng LGBT; vận động quyền của cộng đồng LGBT.

Từ khóa: *LGBT, thái độ, cha mẹ có con đồng tính và chuyển giới, hoạt động cộng đồng*

ABSTRACT

This study focused on understanding the attitudes of parents gay lessbian and transgender children. The study wants to provide an overview about emotions, evolution of the relationship between parents and children as well as how parents face many problems when they know their child is a gay lessbian and transgender; why they accept and not accept their children, why they protect and why not to protect their children. To organize community activities to provide psychological and spiritual support for parents of LGBT children; at the same time raising awareness and promoting parents to participate in policy advocacy and communication for society in combating prejudice and discrimination against the LGBT community; Advocating for the rights of the LGBT community.

Keywords: *LGBT, attitude, Parent's Gay Lessbian and transgender, community activity*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

LGBT là từ viết tắt của các từ trong tiếng Anh bao gồm Lesbian (đồng tính nữ), Gay (đồng tính nam), Bisexual (song tính), Transgender (chuyển giới). Nhưng thế nào là đồng tính, song tính và chuyển giới? Tại sao lại có người đồng tính, song tính và chuyển giới? Đời sống tâm sinh lý và những nhu cầu trong cuộc sống của họ như thế nào? Đó vẫn đang còn là những kiến thức mơ hồ, thậm chí xa lạ đối với nhiều người Việt Nam nói chung và đối với bậc phụ huynh nói riêng.

Mặc dù trong những năm gần đây, xã hội Việt Nam đã có cái nhìn thoáng hơn về cộng đồng người đồng tính và chuyển giới. Nhưng xuất phát từ những quan điểm sai lầm cho rằng đồng tính và chuyển giới là bệnh tâm thần, là những biểu hiện lệch lạc về tâm lý, lối sống tha hóa mà xã hội

* Thạc sĩ, Giảng viên, Khoa Công tác xã hội – Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Email: daolt.ctxh@gmail.com

** Thạc sĩ, Giảng viên, Khoa Công tác xã hội - Học viện Phụ nữ Việt Nam, Email: nguyenvanthanh@vwa.edu.vn

 ISBN: 978-604-73-8639-0

đã dành cho người đồng tính và chuyển giới những thái độ kỳ thị, biểu hiện ở những hành động như chế giễu, ghê sợ, phân biệt đối xử, thù hằn, bạo lực, xa lánh thậm chí cô lập. Vì vậy số người đồng tính công khai xu hướng tính dục của mình với xã hội không nhiều, ngay cả đối với những người gần gũi nhất với mình trong gia đình (Nguyễn Thị Thu Nam và công sự, 2013).

Nghiên cứu *"Những yếu tố tác động cha mẹ lên tiếng và ủng hộ quyền của con là người LGBT"* do Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thực hiện (2014) với sự hợp tác phỏng vấn sâu 22 cha mẹ có con đồng tính ở Hà Nội và Hồ Chí Minh: Khi biết con là người đồng tính và chuyển giới, gần như tất cả các bậc phụ huynh dù là cha hay mẹ, dù già hay trẻ, dù làm nghề nghiệp và địa vị xã hội nào cũng đều cảm thấy bị sốc, bàng hoàng ở các mức độ khác nhau. Bên cạnh việc bị sốc và bàng hoàng, nhiều cha mẹ rơi vào trạng thái suy sụp, buồn bã và thất vọng với những diễn biến cảm xúc trở nên phức tạp ngay cả khi cha mẹ đã chấp nhận con. Việc cha mẹ có thái độ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ bảo vệ con là hai vấn đề có nội hàm không hoàn toàn trùng nhau bởi lẽ khá nhiều cha mẹ chấp nhận con nhưng không lên tiếng bảo vệ con (Phạm Quỳnh Phương và cộng sự, 2014).

2. NỘI DUNG

2.1. Vì sao cha mẹ biết con là người đồng tính và chuyển giới?

- *Cảm nhận qua quá trình con lớn lên:* Một số cha mẹ cảm nhận được giới tính của con mình trước khi con *come out* (công khai, lộ diện) và thường dùng từ "lờ mờ", "mang máng" để chỉ về sự linh cảm đó. Thông qua quá trình quan sát biểu hiện giới của con từ những ngày nhỏ cho đến khi dậy thì và trưởng thành, họ cảm nhận được có một giới tính khác giới tính sinh học của con mình. Thông thường, những cha mẹ có con là người chuyển giới có sự cảm nhận điều này rõ ràng hơn những cha mẹ có con là người đồng tính. Bởi người đồng tính có thể che giấu xu hướng tính dục nhưng người chuyển giới không thể che dấu bản dạng giới của họ do khát khao thể hiện ra bên ngoài. Đây cũng là điều khiến người chuyển giới bị kỳ thị và phân biệt đối xử nặng nề hơn so với người đồng tính nam và đồng tính nữ.

- *Con tự "come out" (công khai):* một số cha mẹ biết con mình là người thuộc "giới tính thứ ba" khi con tự come out, nghĩa là con chủ động nói cho bố mẹ biết mình là ai tuy nhiên trường hợp này không nhiều, bởi hầu hết các con đều muốn giấu cha mẹ, có thể vì không muốn nhìn thấy cảnh cha mẹ đau lòng vì mình, cũng có thể do sợ cha mẹ chửi mắng, đánh đuổi,… Việc tự come out rất khó thực hiện, đòi hỏi những người con phải có sự cân nhắc, đôi khi cần sự dũng cảm, diễn ra trong những bối cảnh khác nhau, chịu sự thôi thúc của những yếu tố khác nhau. Có những trường hợp, con tự công khai với cha mẹ nhưng không phải qua một cuộc trò chuyện mặt đối mặt mà gián tiếp qua tin nhắn điện thoại bởi họ không có đủ dũng khí để đối diện với cha mẹ.
- *Cha mẹ phát hiện và con thừa nhận:* qua việc tình cờ đọc được những trang nhật ký, những tệp thông tin lưu trong máy tính của con hoặc qua tin nhắn điện thoại. Dù ngắn hay dài những dòng nhật ký, những tệp thông tin hoặc những tin nhắn điện thoại đã cho các bậc phụ huynh biết những trải nghiệm về giới của con, những nỗi đau thầm kín bao ngày con phải chịu đựng, cả những ý định tự tử…
- *Cha mẹ biết qua hình thức bắc cầu:* thông qua những người khác. Có thể là bà con hàng xóm nhìn thấy và nói lại với họ. Trong trường hợp này, người con vẫn chưa sẵn sàng muốn công khai với cha mẹ mình. Nhưng việc con đi chơi với các bạn đồng giới hoặc ôm hôn bạn

đồng tính của mình bị hàng xóm hoặc bạn bè phát hiện và những người này thông tin lại cho cha mẹ.

Mặc dù có thể tâm sự với bạn bè, với nhiều người khác ngoài xã hội, thậm chí dũng cảm come out trên báo chí truyền thông… nhưng đối với những người con này cha mẹ của họ giống như một bức tường thành khó có thể vượt qua. Việc không dám nói với cha mẹ nhưng lại nhờ người khác nói hộ cho thấy những giằng xé trong lòng họ: một mặt muốn giấu cha mẹ (có thể sợ cha mẹ buồn, hoặc sợ cha mẹ sẽ mắng chửi, cha mẹ không chấp nhận…) một mặt lại muốn cha mẹ biết và chấp nhận con người thật của mình để có cơ hội sống thật với chính bản thân. Tuy nhiên, dù là biết bằng cách nào đi nữa thì "tin tức" này ngay từ đầu đã không phải là tin tích cực đối với nhiều cha mẹ, chắc chắn sẽ dẫn đến những cảm xúc mà không một phụ huynh nào mong muốn

2.2. Diễn biến cảm xúc và quan hệ với con từ khi biết con là người đồng tính và chuyển giới

- Sốc, bàng hoàng, sụp đổ và thất vọng

Gần như tất cả cha mẹ đều cảm thấy bị sốc "bàng hoàng", "bàng hoàng kinh khủng", "hốt hoảng", "sửng sốt", "trời đất như sụp đổ",... khi nghe "con là người đồng tính", "con thuộc giới tính thứ ba", hay "con là nam con không phải là nữ"… Cha mẹ nghĩ "chuyện đồng tính là câu chuyện ở đâu", ở trên báo đài, trên ti vi… chứ không phải chuyện xảy ra trong gia đình họ. "Một người mẹ có con là đồng tính nam chia sẻ với chúng tôi, hàng ngày chị đi dạy, tiếp xúc với nhiều sinh viên trong đó có những sinh viên là chuyển giới và đồng tính nhưng "chị chẳng quan tâm gì"; chị cũng tham gia một số hội thảo khoa học về gia đình có nói về hôn nhân đồng giới, chị cũng nghe nhưng chị nghĩ "những người này ở tận đâu ấy" "câu chuyện này ở tận đâu ấy". Không ngờ nó lại "xảy ra" với chính nhà mình, hết sức bất ngờ và "sửng sốt". Có cha mẹ bị sốc và hốt hoảng bởi vì thế là "con họ trở thành một trường hợp đặc biệt, ở làng quê này chưa từng có ai như vậy"[1].

Có nhiều cha mẹ sau những giây phút hốt hoảng, bàng hoàng, mất phương hướng lại rơi vào cảm giác sụp đổ, thất vọng. Sự sụp đổ thất vọng này bắt nguồn từ suy nghĩ từ đây những giấc mơ của họ về con tan vỡ hoặc mất đi niềm tự hào về sự giỏi giang và ngoan ngoãn của con cái.

- Vừa giận vừa thương, vừa trách móc: những cảm xúc lẫn lộn

Khi biết con là người đồng tính và chuyển giới trong một xã hội đầy rẫy những định kiến với nhóm tính dục thiểu số này đã khiến cho cha mẹ cảm thấy những cố gắng và kỳ vọng của mình như "đổ sông đổ bể". Giận vì nghĩ rằng con ăn chơi đua đòi theo chúng bạn mà phụ lòng cha mẹ. Còn thương bởi vì "sự bất thường" của con khiến con trở thành "những người thiểu số" mà trong một xã hội "độc tôn dị tính" thì những người thiểu số tính dục không được đối xử công bằng như những người dị tính đa số. Thương cũng bởi chứng kiến con bị người đời kỳ thị, ngược đãi, thương bởi nghĩ từ nay con sẽ gặp muôn vàn khó khăn… Nói chung, thương và giận là hai cảm xúc lẫn lộn và luôn thường trực trong tâm trí của cha mẹ khi biết con là người LGBT.

Cùng với thương và giận là trách móc. Người thì trách móc con đã ăn chơi đua đòi, phụ lòng cha mẹ, trách con đã làm tan vỡ những giấc mơ và niềm hy vọng bao lâu họ ấp ủ và trách móc con vì đã làm mất danh dự "bôi tro trát trấu" vào gia đình dòng họ. Tuy nhiên, những cảm xúc trách móc con như thế này sẽ mất đi khi sau này cha mẹ chấp nhận con. Một số cha mẹ tỏ ra cảm

[1] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (2014), *Cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ quyền của con là LGBT*.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

thông, đau đớn khi nghĩ rằng con mình đã phải ôm "bí mật" và chịu đựng, lo lắng, sợ hãi một mình trong một thời gian dài. Họ trách móc con vì sao không nói với cha mẹ sớm hơn, vì sao lại phải chịu đựng một mình như thế. Có nhiều cha mẹ lại trách bản thân vì đã chỉ mải tập trung lo tới đồng ruộng và miếng cơm manh áo mà không quan tâm đến con để rồi con hư hỏng.

- Lo lắng, sợ hãi

Mặc dù không phải là quốc gia cực đoan đến mức "tội phạm hóa đồng tính" như một số nước trên thế giới nhưng những định kiến về đồng tính còn tồn tại khá phổ biến ở Việt Nam trong mọi không gian gia đình, trường học và xã hội. Điều này khiến nhiều cha mẹ bất an và lo lắng con sẽ bị kỳ thị, bị phân biệt đối xử. Họ cảm thấy đau lòng khi chứng kiến con bị bạn bè, xã hội soi mói sỉ nhục, bạo lực cả về thể chất lẫn tinh thần. Mang trong mình những định kiến sẵn có về giới, tình dục và gia đình được truyền từ bao đời, nhiều cha mẹ bày tỏ những lo lắng về tương lai và hạnh phúc của con. Trai khôn lấy vợ, gái lớn gả chồng nhưng việc con họ là đàn ông mà không thích đàn bà, là đàn bà nhưng không thích đàn ông thì liệu con họ có được hạnh phúc hay không? Từ bao đời nay xã hội cho rằng là người phụ nữ thì phải lấy chồng để dựa dẫm vào chồng nhưng con họ là đồng tính nữ thì họ lo lắng không biết sau này con họ sẽ dựa dẫm vào ai? Là đàn ông thì phải lấy vợ để có người "nâng khăn sửa túi" để có con trai nối dõi tông đường, nhưng với việc con họ là đồng tính nam thì họ lo lắng là nó sẽ không có được thứ hạnh phúc giản dị đời thường như vậy. Hay khi tuổi về già, con cái rất quan trọng đối với người Việt Nam. Với nhiều người, không con cái đồng nghĩa với việc không có ai để nương tựa và phụng dưỡng. Bởi thế, một số cha mẹ lo lắng rằng, việc không có con cái sẽ khiến con mình về già sẽ không có ai nuôi dưỡng…

Thật khó để phân tích một cách chính xác diễn biến cảm xúc của cha mẹ khi biết con là đồng tính hoặc chuyển giới. Những trình bày ở trên chỉ mang tính chất liệt kê, không mang tính chất trình bày theo thứ tự xuất hiện của các cảm xúc. Việc có con là đồng tính và chuyển giới ban đầu là một sự thật không mong muốn của các bậc cha mẹ. Tuy nhiên, khi biết con là người đồng tính hoặc chuyển giới, tất cả các cha mẹ đều phải tìm cách để đối mặt.

2.3. Cha mẹ phản đối

- Hình thức và mức độ phản đối

Cha mẹ thường sử dụng các hình thức như sỉ nhục, la mắng, dọa nạt (bạo lực tinh thần) để phản đối việc con là người đồng tính hoặc chuyển giới. Một số cha mẹ đã dùng những từ ngữ như "mày là cái đồ quái dị", "bệnh hoạn", "dị dạng"… để chửi mắng con. Thậm chí có những cha mẹ còn dùng các từ ngữ như cảm thấy "ghê ghê" khi biết con là người đồng tính hoặc chuyển giới. Những từ ngữ này mang tính chất kỳ thị nặng nề và như vậy vô hình dung cha mẹ trở thành một trong những người "đóng góp" cho sự định kiến, kỳ thị chính bản thân con mình và đẩy con sang "bên kia chiến tuyến" với rất nhiều nỗi khổ đau. Không chỉ chửi mắng, một số cha mẹ còn dọa nạt nếu không bỏ "cái tính đấy", "cái máu đấy" thì sẽ đuổi ra khỏi nhà.

Nhiều cha mẹ xuất phát từ quan niệm đồng tính và chuyển giới là "bệnh" và "có thể chữa được" nên đã ép con đi khám tâm lý, thậm chí vào viện tâm thần… Biện pháp đầu tiên là bắt con đi gặp bác sĩ và uống thuốc. Nhiều cha mẹ đã đưa con đến gặp bác sĩ để khám xem con có bị dị tật hay mắc chứng bệnh tâm sinh lý nào không. Không chỉ chữa bằng Tây y, có cha mẹ còn tìm cách chữa bệnh cho con bằng Đông y của Việt Nam và Trung Quốc nhưng khi đến với Đông y người cha này không những không tìm được "thuốc" chữa cho con mà còn đọc được những lời lẽ không

tốt về đồng tính. Người Việt có truyền thống "có bệnh thì vái tứ phương", sau những nỗ lực "chữa trị" cho con bằng biện pháp y học không thành, họ tìm đến với tôn giáo tín ngưỡng, nhờ cậy sức mạnh của thần linh. Hoặc cũng có thể họ kết hợp cả y học và tâm linh để mong con "thoát khỏi bệnh" đồng tính và chuyển giới…

- *Các yếu tố thúc đẩy cha mẹ phản đối*

Những yếu tố tác động đến thái độ phản đối của cha mẹ như: sự thiếu hiểu biết kiến thức về LGBT, những định kiến giới khuôn mẫu giới và hôn nhân, thể diện,… ngoài ra còn là do văn hóa vùng miền, tuổi tác, nghề nghiệp…

Hầu hết các cha mẹ đều không biết, không hiểu hoặc không quan tâm đến những kiến thức về LGBT cho đến thời điểm con mình công khai là người đồng tính hoặc chuyển giới. Nhiều cha mẹ còn hiểu rằng, đồng tính và chuyển giới là một loại bệnh. Mỗi người gán một cái tên cho đồng tính và chuyển giới và diễn giải một cách rất phong phú nguồn cơn dẫn đến "căn bệnh" này. Lý giải về việc vì sao con lại bị dị tật bẩm sinh thì nhiều khi các cha mẹ chỉ đưa ra những câu trả lời rất đơn giản như "ông trời đã tạo ra như thế", "ông trời bắt nó phải như thế", "Chúa đã ban cho con mình như thế" và đôi khi là những nguyên nhân vô cùng day dứt. Trong một số các cuộc khảo sát có một người mẹ đã nói trong nước mắt và thấy có lỗi với con vì "chắc do khi mình mang thai mình ăn phải một chất độc hại gì đó nên sinh con ra mới như vậy"… Ngoài ra cha mẹ suy luận nguyên nhân con mình bị đồng tính là do ăn chơi đua đòi, học đòi bạn bè, bị lôi kéo mà nên…

Bên cạnh đó những định kiến về khuôn mẫu giới, trong xã hội Việt Nam truyền thống chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo đã định hình nên một xã hội với hai giới tính: đàn ông và đàn bà. Theo đó đã là đàn ông thì phải mạnh mẽ, quyết đoán, nóng nảy, phải như một người chồng người cha… và đã là đàn bà thì phải duyên dáng, mềm mại, yếu đuối, phụ thuộc, như một người mẹ người vợ. Đàn ông phải lấy đàn bà thì mới sinh con đẻ cái, mới tạo nên một gia đình hạnh phúc và cũng mới là động lực cho sự phát triển của xã hội. Nhưng nếu con mình là người đồng tính và chuyển giới, chúng sẽ không thể kết hôn như những người dị tính để sinh con đẻ cái và nếu có lấy người đồng tính thì cũng không được xã hội thừa nhận. Khi không được xã hội thừa nhận, cuộc hôn nhân sẽ trở nên lỏng lẻo. Khi không có con cái thì hạnh phúc của con họ sẽ trở nên mỏng manh bởi không có "sợi dây" ràng buộc. Không được pháp luật thừa nhận, không có con cái, các bậc cha mẹ lo lắng con sẽ đơn độc một mình, sẽ khổ. Tất cả những lo lắng này khiến một số cha mẹ không thể chấp nhận con là người đồng tính và chuyển giới.

Có những gia đình, sau một thời gian căng thẳng và quyết liệt lại tạm thời nghi binh tạo nên "những khoảng lặng sóng" để con tập trung hơn cho công việc học tập và việc làm. Sự phản đối của cha mẹ bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó sự hiểu biết sai lệch về LGBT, sự coi trọng danh dự thể diện, sự kìm tỏa bởi định kiến về giới, tình dục và hôn nhân của xã hội truyền thống Nho giáo là những nguyên nhân quan trọng nhất. Xét cho cùng, giữa nguyên nhân này đều có mối liên hệ với nhau rất mật thiết.

- *Tác động tiêu cực trong việc cha mẹ phản đối*

Thay vì lắng nghe, thấu hiểu và cùng con vượt qua những nỗi đau về tinh thần và thể xác do những định kiến kỳ thị ở trường học và xã hội gây nên, nhiều cha mẹ đã có những lời lẽ xúc phạm sỉ nhục, chửi mắng - tức là bạo lực về tinh thần đối với con; một số cha mẹ còn ép buộc con đi chữa bệnh tâm thần hoặc tâm lí. Sự cãi vã, xung đột cũng có thể xảy ra giữa cha mẹ và con điều hoặc giữa cha mẹ với nhau. Điều này đưa tới nhiều hậu quả mà trước hết là đã tạo ra hố sâu ngăn cách

 ISBN: 978-604-73-8639-0

mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Nếu gia đình được coi là nơi ấm cúng, là nơi để các thành viên sẻ chia những nỗi buồn vui thì thái độ này của cha mẹ khiến người con cảm thấy mình bị đơn độc trong chính ngôi nhà của mình. Không tìm được tiếng nói chung hoặc cảm thấy ngột ngạt, chán nản đã dẫn đến việc những đứa con bỏ nhà ra đi và phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ ẩn dật trong cuộc sống. Như vậy, chính sự không chấp nhận của cha mẹ đã vô tình hoặc cố ý đã đẩy con ra khỏi nhà và đứng trước rất nhiều hiểm họa.

Việc cha mẹ phản đối con, thậm chí có những hành vi bạo lực về tinh thần và thể xác nhiều khi dẫn đến "sự tự kỳ thị chính bản thân mình" của người con, làm họ cảm thấy bi quan chán nản, thiếu động lực để phấn đấu trong học tập, công việc và vì vậy sẽ không có cơ hội đóng góp nhiều cho tiến bộ xã hội.

Một điều quan trọng nữa là, với việc phản đối con và có những hành vi chửi mắng và hành hung con, nhiều cha mẹ không nghĩ được rằng chính bản thân mình đang gây bạo lực và đang vi phạm nghiêm trọng quyền con người cũng như quyền trẻ em được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em.

2.4. Cha mẹ chấp nhận

- Thời điểm chấp nhận

Rất ít cha mẹ chấp nhận con ngay sau khi con come out là người đồng tính hoặc chuyển giới. Thái độ chung của hầu hết cha mẹ là ban đầu thường phản đối (ở các mức độ khác nhau), sau một thời gian (dài ngắn khác nhau ở từng gia đình) với sự thay đổi của nhận thức một số cha mẹ đã dần chấp nhận con. Có cha mẹ phải mất từ vài tháng đến một năm để chấp nhận. Lại có những cha mẹ khó khăn hơn, phải mất đến vài năm để chấp nhận con. Cũng có cha mẹ chấp nhận một cách miễn cưỡng, vì yêu con mà chấp nhận nhưng vẫn hy vọng một ngày nào đó con trở lại là người dị tính và một số ít người chấp nhận con mà không còn "lăn tăn" gì về việc "kéo con trở lại là người bình thường"…

- Các yếu tố thúc đẩy cha mẹ chấp nhận con

Có 4 yếu tố tác động thúc đẩy cha mẹ chấp nhận con, cụ thể là: tình yêu thương con chiến thắng vấn đề thể diện; bản thân người con và cách tiếp cận của con; những hiểu biết về LGBT; ngoài ra còn có các yếu tố khác như sự khâm phục tài năng, ý chí, nghị lực của các con…

Bất kỳ cha mẹ nào cũng yêu thương con. Có những cha mẹ đã dũng cảm đối mặt vấn đề thể diện của cá nhân và phải trải qua một hành trình "chiến đấu" với đúng nghĩa của từ này: chiến đấu với thể diện của chính bản thân mình, chất vấn lương tâm và chiến đấu với cả thể diện của gia đình dòng họ. Để chiến thắng trong cuộc chiến đấu này, bên cạnh tình yêu thương con vô tận, các cha mẹ còn phải mất nhiều thời gian và tâm sức để đối mặt với rất nhiều khó khăn trước mắt.

Ngoài ra, quá trình này còn phụ thuộc vào chính bản thân người con và cách tiếp cận của họ với bố mẹ. Đó là chân tình, tinh tế, với một thái độ đối thoại hòa bình, đầy cảm thông và chia sẻ với nỗi buồn của cha mẹ. Khác với một số người con khác cãi lại khi cha mẹ chửi mắng, những người con này thường nói thật với cha mẹ về giới tính của mình với một thái độ đầy hối lỗi.

Những hiểu biết về LGBT, một số cha mẹ gọi hành trình tìm hiểu LGBT là hành trình đi tìm những tri thức mới mà họ chưa bao giờ được biết tới. Hành trình ấy cũng tốn nhiều thời gian, tâm sức… một số cha mẹ đã tìm đọc qua báo chí, đặc biệt là các nguồn tin trên internet, trên các

website dành cho LGBT. Tuy nhiên, khi các bậc cha mẹ đi tìm hiểu về LGBT không có nghĩa lúc này họ đã chấp nhận con hoặc có ý định chấp nhận con. Mục đích ban đầu của nhiều cha mẹ khi tìm hiểu LGBT là muốn biết nó là cái gì và tìm cách để đưa con mình "trở về như cũ".

Ngoài ra còn có các yếu tố khác như sự khâm phục tài năng, ý chí, nghị lực của các con… sau một thời gian tức giận, lo lắng và phản đối con, đã suy nghĩ lại, họ nhận thấy con mình ngoan ngoãn, giỏi giang, con mình là người có ích cho xã hội tại sao mình lại không chấp nhận.

- *Tác động tích cực trong việc cha mẹ chấp nhận*

Việc cha mẹ chấp nhận con (dù ở mức độ nào đi nữa), đặc biệt lên tiếng ủng hộ và bảo vệ con thực sự đã có tác dụng tích cực đầu tiên là xóa đi mặc cảm tội lỗi của người con đối với cha mẹ, khiến cha mẹ và con cái trở nên yêu thương và gần gũi nhau hơn. Người đồng tính hoặc chuyển giới, đặc biệt là những người chuyển giới nữ (từ nam sang nữ), thường bị cộng đồng, trường học, xã hội kỳ thị, phân biệt đối xử gây nên những tổn thương sâu sắc về tinh thần và thể xác. Việc cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ con đã tạo cho con một chỗ dựa tinh thần vững chắc để đối mặt với những định kiến gay gắt ngoài xã hội. Sự ủng hộ của cha mẹ đã tiếp thêm cho những người con sức mạnh tự tin bước đi trên con đường hướng tới tương lai tốt đẹp.

Đặc biệt có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tích cực trong hành động và suy nghĩ của con khi họ thừa nhận và lên tiếng bảo vệ con. Không những tự tin dám đối mặt với những kỳ thị của xã hội hơn, những người con của họ còn cảm thấy khỏe mạnh hơn trong sức khỏe tinh thần, yêu đời hạnh phúc hơn; đặc biệt tăng ý chí và nghị lực hơn trong việc học tập, làm việc để đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của xã hội

3. KẾT LUẬN

Thái độ của cha mẹ có con là người LGBT và hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự cũng như phong trào LGBT có mối quan hệ tác động hai chiều. Các hoạt động vận động quyền của LGBT của các tổ chức xã hội dân sự đã làm thay đổi thái độ xã hội cũng như thái độ của các phụ huynh có con là đồng tính và chuyển giới theo chiều hướng tích cực. Ngược lại, sự chấp nhận và lên tiếng ủng hộ con của các cha mẹ sẽ góp phần thúc đẩy phong trào vận động quyền của LGBT phát triển. Cho đến hiện nay, mặc dù còn không ít các cha mẹ phản đối con nhưng nhìn chung thái độ của các cha mẹ có con là LGBT đang có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Nhiều cha mẹ đã dám "phá rào", "vượt rào" những định kiến nặng nề của xã hội truyền thống để chấp nhận và lên tiếng đấu tranh bảo vệ cho quyền lợi của con. Bên cạnh tình yêu thương con sâu sắc chiến thắng thể diện, có nhiều nguyên nhân khác đã tác động và đưa đến sự thay đổi tích cực trong thái độ của các bậc cha mẹ.

Nói tóm lại, thay đổi được thái độ và nhận thức của cha mẹ có con là đồng tính và chuyển giới chưa bao giờ trở nên dễ dàng. Bản thân các cha mẹ có con là LGBT phải tự vượt qua nỗi sợ định kiến và thể diện đồng thời phải có sự hỗ trợ, phối hợp từ cộng đồng xã hội từ giáo dục, truyền thông, pháp luật, mạng lưới xã hội,… Mỗi cha mẹ chấp nhận con và đặc biệt là lên tiếng bảo vệ ủng hộ con đã chung thêm một bàn tay, đã góp thêm một viên gạch để "con đường vận động quyền" của người đồng tính song tính và chuyển giới. Việc hoàn thành con đường vận động quyền tự do, bình đẳng cho cộng đồng LGBT là hợp với lẽ tự nhiên và hợp với Quyền con người đã được thừa nhận trong Hiến chương của Liên hợp quốc.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả (2016), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Pháp luật về chuyển đổi giới tính trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Khoa Luật ĐHQG tổ chức, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lưu Thị Thu Thủy, Bùi Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2021), "Hôn nhân đồng tính ở Nhật Bản - Một vài liên hệ với Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Giới và Gia đình.*
3. Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2014), *Cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ quyền LGBT: Những yếu tố tác động*, iSSE.
4. Nguyễn Thị Thu Nam và cộng sự (2012), *Khảo sát thái độ đối xã hội đối với người đồng tính*, ISEE.
5. Phạm Quỳnh Phương (2014), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam: Tổng luận các nghiên cứu,* NXB Khoa học xã hội.
6. Phạm Thu Hoa , Đồng Thị Yến (2015), "Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Tập 31, Số 5 (tr.70-79).
7. Vũ Hồng Phong và Nguyễn Thị Thu Nam (2010), *Tổng quan về kỳ thị với người LGBT*, iSEE.

BẠO LỰC GIỚI NƠI NGƯỜI CHUYỂN GIỚI NỮ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: SỰ TRÌNH DIỄN CỦA KHUÔN MẪU GIỚI-VĂN HÓA

GENDER-BASED VIOLENCE AGAINST MALE TRANGENDER (TRANS WOMEN) IN HO CHI MINH CITY: THE PERFORMATIVITY OF CULTULRAL-GENDERED PATTERNS

Phù Khải Hùng*

TÓM TẮT

Mặc dù đã được thừa nhận như một sắc thái riêng biệt trong sự đa dạng về giới và tính dục của nhân loại (WHO, 2018), cộng đồng LGBTQ+ vẫn còn là một nhóm tính dục thiếu sự công nhận về mặt thể chế lẫn sự chấp nhận của nhận thức xã hội. Do đó, những người trong cộng đồng, khi đối mặt với các vấn đề an sinh xã hội, họ hầu như không thể tìm đến một sự hỗ trợ từ các kênh "chính thống". Bạo lực giới là một minh họa cho những rối rắm về luật pháp trong việc hợp pháp hóa sự tồn tại đối với cộng đồng người chuyển giới nói chung và người chuyển giới nữ (trans women/male transgender) nói riêng. Thêm vào đó, với tâm thức mình nh
với những bất công r
nguyên tạo nên bạo l
hành giới (do gender
này đã triệt tiêu quyền lực đối thoại của chính nạn nhân bị bạo lực giới.

Từ khóa: *giới; bạo lực giới, bạo lực dựa trên cơ sở giới, người chuyển giới, chuyển giới nữ, LGBTIQA+, văn hóa giới, giới thể chế.*

ABSTRACT

The Transgender People is claimed to the diversity of human sexualities (WHO, 2008), but in fact they are still facing lots social issues in their life. That because of not only legal existence but social adaptability also. As a result, almost them can not reach any helps or supports from "institutional" channels for the social security. Gender-based violence is an illustration of the legal confusion in legalizing the existence of the Transgender community and male Transgender People. Moreover, their mindset as different people is the code factor that makes transgender people endure and accept external injustices as an objective necessity. In this article, besides recognizing the causes of the gender-based violence from macro factors, we show the inner aspect of people who practice gender identity by copying gender stereotypes that is constructed by so-cultural institutions. That action as the barriers has eliminated the dialogue power of the victims of gender-based violence themselves.

Keywords: *gender violence, gender-based violence, transgender, trans women, LGBTIQA+, cultural gender, institutional gender.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những ngày đỉnh điểm chống dịch Covid-19 ở TP HCM, chúng tôi nhận được một cuộc gọi nhờ hỗ trợ vì Ng, một bạn trong cộng đồng chuyển giới - nơi mà chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu đề tài - về việc bạn bị thương tích do bị "chồng đánh". Chúng tôi nhanh chóng cùng một bạn trong nhóm đến nhà T. Ngồi với chúng tôi ở sảnh bệnh viện, trong một buổi chiều

* Thạc sĩ, Trung tâm Dân tộc – Tôn giáo. Email: khaihung.phu@gmail.com.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

khá oi bức, cùng nỗi hoang mang vì đại dịch Covid-19 vẫn còn lảng vảng đâu đó, một bạn cảm thán "nếu không đụng trúng cái cách ly xã hội này, chắc chị em mình có một bữa tâm sự vui ha anh H, mà giờ bị dịch quá" và không ai có thể phản đối nhận định này của T. Tuy nhiên, mọi việc bỗng chùng xuống khi mọi người nhắc nhau về việc đi thăm Ng đang nhập viện vì bị chồng đánh. Tôi cũng khá tò mò nên có thăm hỏi và ngỏ ý muốn đi thăm cùng nhưng mọi người bày tỏ sự e dè. Cảm nhận không khí bất tiện nên tôi cũng tránh đề cập thêm,... Sau buổi ấy vài ngày, tôi có liên lạc với T để hỏi về Ng vì tôi chưa có dịp gặp bạn đó cũng như tò mò về việc mọi người có thái độ khá lạ trong buổi hôm đó. Cuối cùng, nguồn cơn của những thái độ kỳ lạ là do các bạn ấy cảm thấy không tiện vì tôi là một người lạ và không thích hợp để biết chuyện về Ng – vốn là một bạn có nhân thân khá phức tạp.

> *Ng là một bạn chuyển giới ba mươi sáu tuổi và hiện đang hành nghề bán dâm ở khu vực quận X. Hiện Ng đang sống cùng một người đàn ông và gọi anh này là chồng. Hàng ngày, công việc của anh là đưa đón Ng đi làm và chở về vào giữa đêm. Vai trò của anh này được mô tả như một người đa nhiệm người tình (chồng) kiêm bảo vệ cho Ng trong công việc; đồng thời, anh ta cũng được mô tả như cái máy nuốt tiền với cái tật nghiện bạc và nghiện đánh vợ. Tuy nhiên, Ng, như một cái "nợ đời tiền kiếp" không thể dứt bỏ anh ta, nên cứ vừa đi kiếm tiền cung phụng. Và dăm ba hôm, nhóm T lại nghe Ng gọi điện khóc lóc hoặc nhờ đưa đi khám vì bị "chồng đánh".*[i]

Câu chuyện của Ng, kèm theo tiếng thở dài của T, như một quả chì kéo suy nghĩ của tôi nặng trĩu từ buổi chiều hôm ấy. Những xúc cảm đau đáu của những cuộc tiếp cận với các bạn chuyển giới nữ từ thời điểm thực hiện cuộc nghiên cứu từ năm 2017 lại trở về. Ồ ạt và đắng chát dư vị với những câu chuyện vui thì hiếm mà buồn thì không đếm xuể. Tình trạng bạo hành nơi các bạn chuyển giới nữ thật sự là một vấn đề phổ biến; và đau lòng hơn, nó bị chính người trong cuộc bình thường hóa nó như một sự thật hiển nhiên. Sự nội tâm hóa bởi cái suy nghĩ "mình là phận đàn bà yếu đuối" khiến cho bản thân họ như mất đi khả năng tự vệ với kẻ bạo hành. Đồng thời, *cái đàn bà* đang được họ cố gắng kiến tạo cho bản thân mình lại vấp phải sự bối rối của xã hội và cái loay hoay của thể chế. Từ đó, họ, dường như, khi đối diện với cái-tôi-cô-độc của mình, tự biến mình thành một nạn nhân thiếu vắng sự bảo vệ bản thân từ luật pháp lẫn các thiết chế văn hóa trong việc hứng chịu sự bạo hành. Bài viết của chúng tôi là một phần kết quả của nghiên cứu định tính "Người nam chuyển giới ở TP HCM: quá trình kiến tạo bản sắc giới"[ii] vào năm 2018. Dựa trên bộ dữ liệu được thu thập từ các cuộc phỏng vấn sâu và điền dã (filed trips) với cách tiếp cận từ góc độ "người trong cuộc", nghiên cứu đã nhận diện được quá trình kiến tạo nên bản dạng giới (gender identity) của những người chuyển giới nữ tại TP HCM là sự sao chép lại các chuẩn mực giới (gender norms) mà mỗi người Việt Nam đã được giáo dưỡng về sự nữ tính. Do đó, sự sao chép các khuôn mẫu này trong thực hành giới (gender practice) "vấp" không ít các phản ứng tiêu cực từ diễn ngôn xã hội. Các diễn ngôn này, đa phần dựa trên các định kiến giới tích hợp đạo đức, là một loại rào cản cho sự hòa nhập xã hội của cộng đồng chuyển giới nói chung; đặc biệt là những người chuyển giới nữ vì không thể đáp ứng kỳ vọng xã hội về sự nam tính. Do đó, những người nam đã xác định bản thân mình như người chuyển giới thường có xu hướng thoát ly gia đình và sống nương tựa vào nhau. Đây cũng chính là tiền đề cho chúng tôi thực hiện một nghiên cứu tiếp nối "Các yếu tố ảnh hưởng tới di cư của Người chuyển giới nữ tại TP HCM"[iii] trong năm nay. Bằng việc phân tích nội dung từ các biên bản phỏng vấn sâu cá nhân và nhật ký điền dã, chúng tôi nhận diện được nhiều vấn đề xã hội mà người chuyển giới phải đối mặt trong quyết

định "bỏ quê ra phố" – xu hướng di cư tới các thành phố để sinh sống – tại mà họ đã chọn làm quê hương thứ hai; trong đó, bạo lực giới (gender-based violence) là vấn đề nổi bật.

Thông qua bài viết này, chúng tôi mong muốn (1) phác họa những dạng bạo lực mà một người chuyển giới nữ thường đối mặt; song song đó, (2) đưa đến một phân tích về sự lý giải cho những cách thức mà họ đã chọn để ứng phó với hành vi bạo lực. Việc thấu hiểu cũng như thấu cảm cho từng kiểu ứng phó bạo lực của cá nhân, chúng ta sẽ có những luận bàn về vai trò can thiệp của nhân viên công tác xã hội và, xa hơn, là sự hỗ trợ về măt thể chế nhà nước. Trong khuôn khổ của một tham luận cũng như sự hạn chế nhận thức, chắc chắn những tri thức mà bài viết này có mang tính thiển cận, thiếu sót và rất cần có những bổ khuyết như tính khách quan và tất yếu trong hoạt động học thuật.

1. NỘI DUNG

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.2. Giới và tính dục: mối quan hệ nhập nhằng

Người chuyển giới là một khái niệm khá mới mẻ và đầy thách thức trong nhận thức của khoa học Việt Nam vì nó vẫn còn gây khá nhiều sự bối rối về cách hiểu một cách khoa học. Do sự chi phối của khung nhị phân về giới, người chuyển giới và người đồng tính vẫn còn được nhận thức một cách nhầm lẫn như một thể thống nhất dựa vào sự nhận dạng. Cho đến nay, khi khoa học về giới và tính dục đã dần được xã hội hóa, những nhầm lẫn đó vẫn còn tồn tại ngay trong cách nghĩ và cách hành ngôn của không ít người Việt Nam. Ngay cả trong nội bộ cộng đồng, một số người chuyển giới vẫn còn nhận thức mình là một bộ phận thuộc nhóm người đồng tính[iv]. Điều này là do các khái niệm về giới (gender), giới tính (sex) và tính dục (sexuality) cũng như mối quan hệ vẫn còn khá nhập nhằng trong nhận thức của người Việt Nam.

Trong cách nghĩ phổ quát, chúng ta, khi bàn đến giới của một ai đó, thường nói về sự thực hành giới theo những vai trò mà nền văn hóa đã quy định cho đặc tính sinh học của họ. Đó là những chuẩn mực về giới được cụ thể hóa thành những vai trò giới mà họ phải tuân thủ như đúng bản chất sinh học mà anh ta hoặc cô ta đã mang theo từ lúc sinh ra. Hoàng Bá Thịnh (2008) cũng nhận định về sự nhầm lẫn về giới (gender) và giới tính (sex) rằng "nhiều người vẫn còn gặp khó khăn khi phân biệt những khái niệm cơ bản như giới (gender) và giới tính (sex)… và sự nhầm lẫn khái niệm là phổ biến" (Hoàng Bá Thịnh, 2008:11). Chính sự phổ biến đó – cái được đúc kết trong các diễn ngôn văn hóa – đã thẩm thấu vào cá nhân - khiến cho mọi người đều tin rằng đó là những sự thật không thể thay đổi; cụ thể là, giới của một ai đó được cho là cái ổn định, rõ ràng và không thể thay đổi. Trong khi đó, "giới (gender) là đặc điểm, vị trí vai trò của nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội" (Luật Bình đẳng giới, 2007:38)[v]; xét đến cùng, "giới được nhìn như một thấu kính hội tụ các vấn đề riêng biệt vào một điểm" (Fox Keller, dẫn theo W. Creswell John, 2007:14 - 15).

Từ đó, có thể thấy rằng, khác với giới tính là các đặc điểm sinh học được hình thành trong quá trình phôi thai bởi gen, nhiễm sắc thể,... và không thay đổi được, giới là các đặc điểm được hình thành và phát triển trong sự tương tác của cá nhân với môi trường xã hội như gia đình, nhà trường, thông tin đại chúng,... Các đặc điểm giới được quá trình xã hội hóa kiến tạo bởi sự phối hợp giữa yếu tố khách quan là sự mong đợi của xã hội đối với người nữ hay nam và yếu tố chủ

 ISBN: 978-604-73-8639-0

quan là cách mà người đó muốn xã hội nhìn nhận họ là nam hay nữ. Do đó, cần phải lưu ý rằng "khái niệm giới không chỉ đề cập đến nam và nữ mà cả mối quan hệ giữa nam và nữ. Trong mối quan hệ ấy có sự phân biệt về vai trò, trách nhiệm, hành vi hoặc sự mong đợi mà xã hội đã quy định cho mỗi giới. Những quy định/mong đợi xã hội này phù hợp với các đặc điểm văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo; vì thế nó luôn biến đổi theo các giai đoạn lịch sử và có khác biệt giữa các cộng đồng, xã hội" (Hoàng Bá Thịnh, 2007: 41-42). Nhìn lại chiều dài của lịch sử nhận thức, sự đồng nhất giữa giới và giới tính là kết quả của một quá trình thể chế hóa về mặt tư tưởng. Sự gắn chặt giữa cách nghĩ giới cùng với các vấn đề thuộc về nó như thực hành giới, vai trò giới, chuẩn tắc giới,… dựa trên tiêu chí sinh học nhị phân là khi các thể chế đã bỏ qua (hoặc lờ đi) tính xã hội của giới như một thực tiễn đa dạng và phức tạp. Thành tựu của nỗ lực tách giới ra khỏi những ý nghĩa y học mà nhìn nó như một kiến tạo xã hội là sản phẩm của phong trào nữ quyền với hệ thống giới tính – giới được phân biệt rạch ròi về mặt khái niệm khi phân tích đã đưa ra một cách nhìn đa chiều hơn đối với tính phong phú, đa dạng và phức tạp trong biểu hiện của các bản dạng giới của con người (Robert A.Padgug, 1979: 36). Đặc biệt, làn sóng chính trị nữ quyền "lần thứ hai" đã đẩy mạnh hơn những phản tư với học thuyết "quyết định luận sinh học" (biological determinism) cũng như sự ủng hộ "thuyết kiến tạo xã hội" (social constructionism) đã định hình hóa mạnh hơn mô hình bản dạng giới (gender identity) vốn đã kết tinh từ những năm 1950 và 1960. Khái niệm này được xem như một phiên bản của thuyết chức năng và bản chất luận của Simone de Beauvoir. Năm 1963, Stoller đã đưa ra thuật ngữ bản dạng giới tại hội nghị quốc tế Phân tâm học tại Stockholm dựa trên khuôn khổ của sự khác biệt giữa đặc tính sinh học và văn hóa (Haraway, 1991; Thornham, 2001, 2005 và 2011; Phoca, 2001, Chris và Ghail, 2011; Sanders, 2001). Theo Stoller (1964), "giới tính gắn liền với các yếu tố sinh học (hoóc-môn, gen, hệ thần kinh, hình thái học), và giới thì gắn liền với các yếu tố văn hóa (tâm lý, xã hội học). Sản phẩm văn hóa của sinh học chính là con người được phân định giới – đàn ông hay phụ nữ… […] việc thiết lập một bản dạng bản chất như đàn ông hay phụ nữ thường bị bỏ qua trong phân tích và được cho là nguy hiểm về mặt chính trị" (dẫn theo Haraway, 1991:103 - 105).

1.1.2. Khái niệm về người chuyển giới

Hiện nay, trên các diễn đàn và các tổ chức hành động vì quyền lợi của cộng đồng người đồng tính đang sử dụng một thuật ngữ LGBT để chỉ về bản dạng giới của họ. LGBT là cụm viết tắt của bốn ký tự đầu của bốn từ gồm **L**esbian (người đồng tính nữ), **G**ay (người đồng tính nam), **B**isexual (người song tính/lưỡng tính) và **T**ransgender/**T**ranssexual (người chuyển giới/hoán tính), nên LGBT có tên đầy đủ là "cộng đồng người đồng tính, song tính và hoán tính" (hoán tính cũng có cách dịch là người chuyển giới hoặc chuyển giới tính). Các thuật ngữ này được du nhập từ các quốc gia phương Tây và cho tới hiện nay vẫn đang còn được sử dụng trên các văn bản hoặc bài viết mặc dù trên thế giới đã có một sự bổ sung vào cụm từ này những sự đa dạng tính dục/giới phổ quát hơn: LGBTIQA+.

Khi tiếp cận các tài liệu khoa học từ các quốc gia được gọi là phát triển[vi], chúng ta dường như có một nhận thức rõ ràng hơn về sự khác biệt của các loại bản dạng. Người chuyển giới (Transgender/ Trans People, viết tắt là TG) là ký tự "T"[vii] trong cụm LGBTIQ+, dựa trên định nghĩa mới nhất của Hiệp hội tâm lý học Hoa Kỳ, là khái niệm dùng để chỉ *những người có bản dạng giới, thể hiện giới và hành vi giới không giống với những chuẩn mực giới tương ứng với giới tính sinh học vốn có của họ như quy định của xã hội*[viii]. Như vậy, khác với người nhận thức bản thân như một người đồng tính - một người yêu một người khác có cùng giới tính sinh học với

mình – thì một người chuyển giới lại có những khía cạnh khác phức tạp hơn trong việc xác định bản dạng của chính mình. Nếu như tiêu chí để nhận diện bản thân của một người đồng tính là dựa trên xu hướng tình dục (sexual orientation) – sự định vị cảm xúc tình dục và tình cảm hướng về một người cùng giới tính sinh học – để nhận diện bản thân ở khía cạnh mình bị thu hút/hấp dẫn bởi ai; một người nam, xác định anh ta như một người chuyển giới, thường có xu hướng phủ định cơ thể sinh học của bản thân anh ta và mong muốn bộc lộc bản thân mình như một nhân dạng của giới có tính đối cực (như một người nữ). Như vậy, bản dạng giới của một người chuyển giới nữ là bản thân anh ta nhìn nhận bản thân mình là nữ giới; do đó, biểu hiện giới và thực hành giới của anh ta cũng được thể hiện như một người nữ thực thụ theo các chuẩn mực mà nền văn hóa đó quy định. Do đó, một TG có thể yêu những người thuộc các loại bản dạng tính dục khác hoặc mang trong họ các xu hướng tình dục đa dạng hơn chỉ một. Đây chính là vấn đề mà cách hiểu đơn tuyến cảm thấy bối rối với không chỉ cộng đồng TG mà còn với cả những cá nhân xác định họ khác với cái khuôn mẫu tính dục thông thường vốn rất hạn hẹp.

Tuy nhiên, xã hội, trong suốt chiều dài lịch sử của nó, giới lại được kiến tạo trên sự quy chuẩn giản lược của giới tính sinh học lưỡng cực tạo nên một khuôn mẫu thể chế ủng hộ cho những khuôn mẫu giới-sinh-học. Điều này, đã được các học giả như Paduug (1979), Simon và Gagnon (1984), Vance (1991), Rubin (1984), Butler (1990), Connell (2000 và 2015)[ix],… đã nhận đinh rằng giới (gender) và giới tính (sex) được đồng nhất với nhau trong một khoảng thời gian khá dài của lịch sử. Thậm chí, Haraway (1991), cho đến trước thế kỷ 20, cách hiểu về giới và giới tính là như nhau, thậm chí không có từ ngữ để chuyển dịch cho thuật ngữ giới; theo bà "Trong suốt thế kỷ 20, nghĩa y học liên quan đến giới tính (sex) ngày càng thiên về từ giới (gender). Các nghĩa trong y học, động vật học, ngữ pháp và văn học đều gây tranh cãi trong các thuyết nữ quyền hiện đại" (Haraway 1991: 96-99). Tình trạng này là bối cảnh của con đường khoa học tất yếu, chỉ khác nhau ở chỗ sự tiệm tiến đến việc thừa nhận sự thay đổi của các tri thức cập nhật của thời đại mà thôi. Đây cũng là tiến trình mà khoa học Việt Nam đang ngày một hướng tới; trong đó, khoa học về giới – tính dục cũng bắt đầu phải nhìn nhận có nhiều hơn hai giới mà thể chế đã kiến tạo trong họ. Như Hoàng Bá Thịnh, trong công trình "Xã hội học về giới" cũng nhận định rằng: "Khái niệm giới không chỉ đề cập đến nam và nữ mà cả mối quan hệ giữa nam và nữ. Trong mối quan hệ ấy có sự phân biệt về vai trò, trách nhiệm, hành vi hoặc sự mong đợi mà xã hội đã quy định cho mỗi giới. Những quy định/mong đợi xã hội này phù hợp với các đặc điểm văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo; vì thế nó luôn biến đổi theo các giai đoạn lịch sử và có khác biệt giữa các cộng đồng, xã hội" (Hoàng Bá Thịnh 2007: 41-42). Xã hội Việt Nam, với một ngàn năm thống trị của Trung Hoa, khoảng thời gian đủ dài để các tư tưởng Nho giáo Khổng Mạnh bén rễ vào nhận thức một cách sâu sắc. Các quan niệm về giới-truyền-thống này được phân chia dựa trên phái tính và diễn giải về tính ổn định cho sự vận hành của xã hội đã loại trừ tất cả các hình thái giới lệch khỏi các chuẩn mực nhị phân. Do đó, người chuyển giới nữ (trans women), những người vốn sinh ra với các đặc tính sinh học của nam (chính xác hơn, chúng ta nên gọi đó là các đặc tính của giống đực), lại *cố gắng* chuyển đổi nhân dạng của mình và hành xử theo các chuẩn mực dành cho giới ngược lại khiến cho mọi người với các chuẩn mực giới cảm thấy như một sự dị biệt khó chấp nhận. Hệ quả, hành vi biểu thị về giới của người chuyển giới, trong nhận thức xã hội, bị xem là lệch chuẩn và những cá thể bên lề xã hội. Ngay chính bản thân họ cũng cảm nhận được những *hình phạt* mà xã hội dành cho lựa chọn của mình – những người không có một sự ủng hộ nào về mặt thể chế. Bị bạo hành dựa trên bản dạng giới, với nhiều cấp độ và hình thức, là một trong những vấn đề nổi trội mà những người chuyển giới nữ đang phải đối mặt. Quan trọng hơn, sự

 ISBN: 978-604-73-8639-0

thiếu vắng những cánh-tay-xã-hội, sự hỗ trợ về mặt thể chế và nhận thức tiếp nhận, là vấn đề chúng tôi sẽ bàn đến trong bài viết này.

1.2. Bạo hành giới nơi người chuyển giới nữ tại TP HCM

Thuật ngữ "người chuyển giới" bắt nguồn từ các cuộc đấu tranh nhân quyền ở Mỹ và lan rộng sang các quốc gia khác. Về mặt ý nghĩa, định nghĩa "người chuyển giới" dùng để chỉ những cá nhân có hành vi, cử chỉ, điệu bộ, ứng xử vượt ra ngoài những chuẩn mực giới được quy định. Tuy nhiên, trên góc độ khoa học, để khái niệm "người chuyển giới" được hiểu như một lĩnh vực khu biệt là cả một quá trình cập nhật liên tục về mặt tri thức và sự tác động của các cuộc đấu tranh nhân quyền của chính cộng đồng này. Nhìn chung, trong các nghiên cứu ở buổi đầu về hành vi quan hệ tình dục cùng giới, nhóm này thường được xếp vào như một bộ phận của nhóm người đồng tính với tên gọi là nhóm "lộ" - để chỉ một nhóm người rất dễ được nhận dạng về xu hướng tính dục của họ thông qua các hành vi, cử chỉ, điệu bộ, v.v. Tuy nhiên, "khi chúng ta chỉ chú ý vào vấn đề sinh học thì những khía cạnh khác mang tính phi sinh học sẽ bị bỏ qua như "ham muốn và tưởng tượng, cũng như các mối quan hệ giới và quyền lực chi phối những biểu hiện giới và tình dục… những hình thức phản kháng lại sự phân loại con người một cách đơn giản thành đàn ông – đàn bà hoặc quan hệ tình dục khác giới – đồng giới" (Chandiramani, 2007:2 -3). Khi cá nhân không đáp ứng được kỳ vọng giới của xã hội, cộng đồng thường có khuynh hướng khai trừ. Sự khai trừ này có nhiều cấp độ từ thái độ, ngôn từ, cử chỉ,… nhưng mục đích chính là để thể hiện sự phán xét cá nhân như những cá thể lệch lạc. Đây chính là sự biểu hiện của bạo hành dựa trên cơ sở giới[x].

> *"…bây giờ anh hỏi em sao không đi thưa, nhưng thưa ai? Thưa lên phường rồi công an nó xuống nó có giải quết không hay nó chửi pê đê bóng gió rồi mắc nhục tức (…) Người ta có thì người ta hỗ trợ cho đàn bà con gái chứ pê đê ai mà hỗ trợ anh". (PVS M)*[xi]

Theo thống kê từ báo cáo của nhóm Transrespect versus Transphobia Worldwide (TvT)[xii], thời điểm từ 1/10/2018 đến 30/9/2019, trên thế giới đã có 331 người chuyển giới bị tước đi mạng sống chỉ vì *dám sống thật* với chính mình[xiii]. Trong 11 năm, các nhà nghiên cứu đã ghi nhận có 3.314 vụ giết người mà nạn nhân là người chuyển giới; trong đó, có 61% là những người chuyển giới hành nghề mại dâm bị giết bởi các khách hàng của họ[xiv]. Ở hầu hết các quốc gia, dữ liệu về những người chuyển giới bị giết không được thực hiện một cách có hệ thống và không thể ước tính số lượng vụ việc thực tế. Họ là nạn nhân của bạo lực xuất phát từ sự thù ghét bao gồm tống tiền, tấn công thể xác và tình dục, và cuối cùng là hạ sát.

Do đó, từ năm 1999, ngày 20/11 hàng năm được chọn là Ngày Tưởng niệm những người chuyển giới bị sát hại vì nạn kỳ thị" (Transgender Day of Remembrance – TdoR)[xv]. Tại các quốc gia phát triển (chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự tăng trưởng kinh tế), sự phát triển này không gắn với sự thúc đẩy vấn đề bình đẳng như trọn vẹn ý nghĩa của nó rằng tất cả mọi tự do cá nhân đều được đưa vào chính sách hỗ trợ. Điển hình, Center for Victim Research Repository (2015)[xvi] về nhóm TG tại Mỹ đã tiến hành một khảo sát trực tuyến về TG với số lượng mẫu tham gia lớn và địa bàn nghiên cứu trải rộng từ Mỹ, Anh sang Tây Ban Nha. Sau một năm, báo cáo tổng hợp (James và nhóm nghiên cứu, 2016) đã cung cấp một bức tranh chi tiết dựa trên các trải nghiệm của họ trong cuộc sống và những trở lực của những người TG tại các đô thị. Các vấn đề mà mỗi người khi xác định họ như một TG nơi đô thị khiến họ phải đối mặt hàng ngày đó là việc làm, an

sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục, giao tiếp và ứng phó với sự kỳ thị xã hội. Giá trị hơn, các kết quả từ báo cáo này dựa trên các nghiên cứu riêng lẻ cho từng khu vực cụ thể như: cộng đồng TG người Mỹ gốc Ấn và từ vùng Alaska di cư (James, Jackson và Jim), nhóm Mỹ La tinh (James và Salcedo), nhóm Mỹ Da đen (James, Brown, Wilson và Isaiah 2017). Đặc biệt, báo cáo của nhóm James và Glenn khi họ tiến hành khảo sát ba nhóm gồm người châu Á, dân Hawai bản địa và Thái Bình Dương. Báo cáo chỉ ra rằng, những người chuyển giới khi xác định họ là "người châu Á" (bao gồm người Mỹ gốc Á, Nam Á hoặc Đông Nam Á) thì những yếu tố nổi trội được nhắc đến là họ thấy bị trở ngại nhiều hơn so với người TG Mỹ da trắng bởi những yếu tố thuộc về tiềm thức văn hóa. Trung tâm Nghiên cứu Bạo lực Tình dục (NSVRC) đã công bố một biểu đồ thông tin (infographic) về tình trạng bạo lực tình dục năm 2019 đối với các cộng đồng phi-tính-dục-nhị-phân (Non-Binary Communities) và người TG[xvii]. Trong đó, ba vấn nạn mà cộng đồng TG thường phải hứng chịu được biểu đồ nêu bật lên là quấy rối tình dục (78%), bạo hành thân thể (35%) và bạo lực tình dục (12%). Trong nghiên cứu của mình về những TG hành nghề mại dâm, Amy (2016) cũng đồng quan điểm trong nghiên cứu của mình về hiện trạng những TG hành nghề mại dâm là nhóm đối tượng thường xuyên bị tấn công (chiếm 75%) và họ cảm thấy không thoải mái khi đề nghị sự giúp đỡ từ cảnh sát (58%) do những e ngại về bản dạng giới và 57% cũng trải nghiệm những sự ngược đãi từ sự bất công của luật pháp (*mistreatment from law enforcement*),… Nhìn chung, nhóm TG chưa bao giờ là nhóm được thụ hưởng những ưu đãi từ sự hỗ trợ chính sách của Nhà nước (với tư cách là một người chuyển giới chứ không phải một công dân – nhấn mạnh của chúng tôi).

Những khó khăn với người mang bản dạng TG, ngoài yếu tố xã hội thì gia đình đôi khi cũng là một yếu tố *đẩy* họ vào những trở lực để có cuộc sống an ổn. Hệ quả, di cư, đặc biệt là di cư đến các đô thị là xu hướng phổ biến và nguyên nhân chủ yếu là để vượt qua lạm dụng và bạo lực dựa trên giới ở cộng đồng cũ – nơi mà bản dạng TG của họ không được chấp nhận (Amy, Miriam và Erika, 2020); đồng thời, một nguyên nhân khác được Goedel và các cộng sự của ông (2017) chỉ ra là họ muốn tìm một mạng lưới xã hội mới trong một môi trường đô thị tất cả đều xa lạ với nhau. Tuy nhiên, việc di chuyển từ các khu vực nông thôn ra đến thành thị là cả một quá trình mang nhiều rủi ro và bất trắc. Amy (2016) dùng cụm từ "những cuộc dịch chuyển nơi đầu súng" (Mobilities at Gunpoint) khi tác giả, với lối tiếp cận Tham gia và Hành động (participatory action research - PAR)[xviii], đã đưa ra một nguồn dữ liệu mang tính địa - dân tộc chí (geo-ethnographic) về bức tranh toàn cảnh về sự di cư của những TG hành nghề mại dâm tại Comlumbia. Kết hợp các dữ liệu từ bản đồ hóa, các tự sự và hình ảnh, tác giả chỉ ra quyết định di cư của các TG trong nghiên cứu của mình gồm hai bước: (1) trốn tránh sự bạo hành từ trong gia đình hoặc cộng đồng nơi xuất cư và (2) là sự trốn chạy khỏi những kỳ thị xã hội khi bản thân bị phân biệt đối xử. Tuy nhiên, sự di cư này như một đồng "nơi đầu súng" vì ở địa điểm di cư mới, họ phải đối mặt với hàng loạt các vấn đề bất bình đẳng phát sinh. Đô thị, vùng đất luôn được diễn giải như môi trường văn hóa mở và thu hút TG di cư nhưng một số nghiên cứu đã cho chúng ta thấy được những "sự thật" rất đáng suy ngẫm. Công bố của Trung tâm Quốc gia về sự Bình đẳng cho Người Chuyển giới (The National Center for Transgender Equality) đã đưa ra tình hình phân biệt đối xử về giới của xã hội Mỹ đối với người chuyển giới trong việc tiếp cận nhà ở rất đáng chú ý: cứ 5 người thì có 1 người bị phân biệt đối xử khi tiếp cận các dịch vụ nhà ở; và tỷ lệ những người bị đuổi khỏi căn hộ là hơn 1 trên 10 người. Họ cũng nhận định "tình trạng vô gia cư (homelessness) của người chuyển giới là một vấn đề đáng để chúng ta nhìn lại[xix]. Nhận định này cũng là một trong những gợi ý về vấn đề tương tự tại Việt Nam.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Trong bối cảnh của Việt Nam, thống kê từ Bộ Lao Động và Thương Binh Xã hội, tính đến năm 2018, Việt Nam có khoảng 300.000 - 500.000 người chuyển giới; riêng tại địa bàn TP HCM, tổ chức Sức khỏe Nam giới Carmah (2015) ước tính có khoảng 2000 đến 3000 người TG sinh sống và làm việc[xx]. Báo cáo này cũng chỉ ra thực trạng nghề nghiệp của những TG tại TP HCM chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực nghề nghiệp tự do (phi chính thức). Trong đó, ba công việc trội nhất là biểu diễn nghệ thuật (32,4%), buôn bán (20,4%) và bán dâm (12,7%). Nhìn chung, "người chuyển giới thường bị bắt nạt, kỳ thị và phân biệt đối xử ở chính gia đình và nơi công cộng. Cơ hội tiếp cận với việc làm và y tế của họ cũng bị giới hạn, đặc biệt đối với những người sống đúng với giới tính mong muốn" vì "trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình không thừa nhận hôn nhân giữa người cùng giới và đây là một rào cản đối với người chuyển giới. Pháp luật Việt Nam chỉ công nhận hai giới tính nam - nữ và không công nhận giới tính thứ 3"[xxi]. Những khó khăn từ rào cản văn hóa - xã hội khi bộc lộ bản dạng giới của mình là nguyên nhân người chuyển giới chỉ hoạt động ở các lĩnh vực nghề nghiệp phi chính thức; trong đó, 13% chọn bán dâm làm nghề mưu sinh[xxii]. Đặc biệt, tình trạng bị lạm dụng tình dục và bạo lực trong cộng đồng chuyển giới cũng rất đáng báo động. Hơn 71% cho biết có quan hệ tình dục khi chưa đủ tuổi với người thành niên, 23% cho biết đã bị buộc phải quan hệ tình dục và 16% đề cập rằng mình đã từng bị bạo lực tình dục[xxiii]. Từ nguồn dữ liệu của chúng tôi từ các đề tài đã thực hiện vào 2018 và 2021, chúng tôi nhận diện được một số nạn nhân của những hành vi quấy rối tình dục và bạo lực tình dục là một thực trạng với nhiều cấp độ lẫn hình thức khác nhau.

1.3. Quấy rối tình dục (sexual harassment)

Quấy rối tình dục được hiểu là những hành vi tình dục mà đối phương không mong muốn tiếp nhận; và những hành vi đó nhằm xúc phạm, làm nhục và đe dọa người tiếp nhận (hành vi đó). Về mặt hình thức, nó có thể được thể hiện bằng ngôn từ, lời nói hoặc hành động ở cả môi trường giao tiếp trực tiếp hoặc qua mạng Internet. Trong thế giới hiện địa, mọi giới tính đều có thể là nạn nhân hoặc thủ phạm của quấy rối tình dục; đặc biệt, khi nó xảy ra ở môi trường làm việc, học tập hoặc nơi công cộng, nó có thể hàm chưa động cơ kỳ thị tính dục (sex discrimination) với nạn nhân[xxiv]. Từ các chia sẻ về lịch sử đời sống tình dục của mình, hầu như các thông tín viên của chúng tôi đều có những trải nghiệm với những hành vi quấy rối như sờ mó, sàm sỡ, trêu ghẹo hay đùa cợt bằng những ngôn từ khiếm nhã gây khó chịu cho họ. Hiện tượng này không chỉ phản ánh qua các lịch sử đời sống tình dục của mỗi cá nhân mà trong chính sự quan sát của mình, chúng tôi cũng ghi chép trong nhật ký điền dã về những sự cợt nhả bằng những ngôn ngữ khá thô tục.

> *Trong một lần, sinh nhật của một bạn trong nhóm, tôi có được mời tới dự sinh nhật của bạn ấy sau buổi hội chợ tan. Lúc cả nhóm đi ngang qua một bàn nhậu của một nhóm thanh niên (mà tôi được một bạn trong nhóm nói là người địa phương). Cả đám liền huýt sáo và gọi liên tục em… em… đi chơi không em? Cả nhóm chúng tôi đều giả lơ như không nghe nhưng những tiếng trêu chọc vẫn ngày một nhiều hơn và thậm chí, tôi còn nghe được tiếng một thanh niên hô lên "ê… em… em mặc áo đỏ kìa, qua chơi với anh này nè, của nó bự lắm nha, bảo đảm em sướng tới Mỹ à". Phụ họa theo là tiếng cả nhóm đập bàn hò reo và cổ vũ. Cả nhóm chúng tôi quyết định đi tìm chỗ khác theo đề nghị của M – trưởng nhóm – để tránh chuyện. Khi lướt qua bàn ấy, tôi có lướt nhìn sang, có vài cô gái trong nhóm ấy.*[xxv] *(sinh nhật của L – ngày…, nhóm bạn hội chợ q12)*

Buổi tiệc hôm ấy đúng ra sẽ không trở nên gượng gạo đến mất vui vì nhóm thanh niên ấy. Những sự trêu đùa, những tiếng cười ré đầy khoái chí ấy khiến chúng tôi có cảm giác rất khó tả nhưng vài cô bạn chỉ cười xòa với tôi: "*Thây kệ đi, rồi cưng sẽ quen. Đời pê đê mà không bị chọc*

chắc ngày mai chị khỏi tốn tiền độn vú nữa". Tất cả cười ồ lên với câu nói đùa của H, một thành viên khá lớn trong nhóm, nhưng tôi lại cảm thấy có chút dư vị nhân nhẫn đắng như cắn phải miếng khổ qua đã già cỗi. Theo không ít những chia sẻ, trong quá trình làm việc của mình, các bạn TG cũng gặp phải những hành vi "mất dạy" của những nam giới ở đủ mọi lứa tuổi với những cấp độ "còn ghê hơn mấy câu chọc chọc" ở câu chuyện mà chúng tôi vừa tường thuật.

Phần đông, những TG không có đời sống kinh tế khá giả hoặc sự hậu thuẫn tài chính từ gia đình, họ đành hoạt động trong những ngành nghề rất đặc thù của nhóm. Đặc điểm của những ngành nghề này phần lớn không nằm trong danh mục phân loại nghề của các thiết chế quản lý xã hội hoặc các nhà kinh tế vĩ mô. Nó được hình thành dựa trên một lịch sử mà khó ai biết nhưng định hình và tồn tại bằng sự tương trợ của những người cùng "hoàn cảnh" – một kiểu bản dạng bị xã hội gạt bỏ. Vô hình trung, tha nhân thường gán nhãn nó như một kiểu nghề đặc thù của người chuyển giới nữ như: nghề hát đám ma, lô-tô. Trong sự *lang thang* của mình, chúng tôi nhờ đến phương pháp "dắt dây" để lần tìm đến một số bạn làm việc ở các hội chợ đêm hoặc hát ở các đám tang. Cũng như chia sẻ của bạn M - đàn chị của nhóm bạn trong câu chuyện "sinh nhật của L" mà chúng tôi vừa kể bên trên - chuyện bị khách hàng nam trêu học bằng những ngôn ngữ tính dục thô thiển hay gạ gẫm tình dục một cách công khai là việc rất thường xuyên. Thậm chí, có nhiều bạn còn bị sàm sỡ một cách thô bạo như sờ ngực, vuốt đùi, bóp mông, thậm chí là đưa tay vào tận… bộ phận sinh dục một cách thô bạo với lời lẽ cợt nhã. Tuy nhiên, khi chúng tôi hỏi về cách mà các bạn đã phản ứng lại thì lại nhận được các phản hồi cam chịu để nhắm mắt cho qua chuyện như: "*thôi kệ cũng không đáng gì anh, mình cho qua được thì qua, kệ mấy ổng…*" hoặc "*thì cũng tức nhưng lúc đó bị cũng đang hát, chỗ cũng đông quá đó anh nên né né thôi. Với mấy ổng cũng xỉn xỉn, làm quá mắc công sinh chuyện… Thì cũng có rồi nhưng không phải em mà là chuyện của nhỏ trong nhóm thôi… Thì nó cũng nổi cơn, chửi ổng cái ổng quê quê sao đó đứng lên xô ghế đánh nó… Dạ, đời pê đê mà anh, mình không nhịn là người ta chửi rồi đánh nói thứ pê đê còn làm giá này kia. Lần đó là tụi em coi như hát không công luôn anh, coi như cúng dường cho chủ nhà luôn đi*",… Nhiều những tâm sự mà chỉ khi được khơi nguồn, chúng tôi đều được các thông tín viên chia sẻ với sự cam chịu, nhẫn nhịn và tủi hổ cho bản thân mình.

1.4. Bạo hành tình dục (sexual violence)

Bạo hành tình dục (sexual violence) được Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) định nghĩa như những hành vi tính dục được đưa ra một cách cưỡng ép và những hành vi này được đưa ra bằng cách mối quan hệ ở nơi làm việc hoặc nơi ở. Từ đó, WHO cũng đưa ra mười một hình thức của bạo lực tình dục (WHO, 2002, tr.149 - 150). Nghiên cứu của chúng tôi chưa có được dữ liệu về những trường hợp người chuyển giới nữ bị hiếp dâm nhưng bạo lực tình dục là một hiện trạng có xảy ra trong nhóm này. Nổi bật của tình trạng này xảy ra ở hai nhóm: những thông tín viên hành nghề mại dâm và những bạn đang sống cùng những bạn tình của mình.

Một số người chuyển giới nữ hành nghề bán dâm cũng thường là nạn nhân của bạo lực tình dục từ chính những khách hàng của mình. Điển hình như T - người hay "đứng" ở công viên PL thuộc địa bàn quận X mà chúng tôi có dịp gặp trong một dự án. Cho đến nay, T đã có thâm niên hành nghề bán dâm gần sáu năm qua nhiều địa bàn nổi danh về tệ nạn này. T là một chuyển giới nữ *chưa hoàn thiện* nhưng với vẻ ngoài được trang điểm khá kỹ nên trông rất ưa nhìn. Theo T kể, khách của cô rất đa dạng nhưng phần lớn là mấy người đàn ông ngà ngà say - những người này thường sẽ không từ chối khi biết T là người chuyển giới. T kể với chúng tôi: lúc trước, khi mới ra

 ISBN: 978-604-73-8639-0

nghề, cô cũng vài lần bị khách đánh và không trả tiền khi họ sờ vào "phần dưới" của cô, nhưng cô khẳng định định hành vi đó như một kiểu "*là muốn ăn quỵt chứ em thấy không phải sợ pê đê đâu anh tại cũng ra rồi mà… Thì đã nói rồi mà anh, đi chơi gái, ra một phát là tính tiền rồi mà đằng này nó muốn xù tiền nên giả bộ nói mình pê đê gạt nó. Giờ em nói thiệt với anh chứ, em có bồ em rồi, thằng nào lạng quạng em kêu bồ em đập chết mẹ hết chứ ăn chùa mà dễ chắc được á*". Đây cũng lý do mà T cho biết mình luôn tìm và chung sống cùng một người *bạn trai* để có thể bảo vệ cô trong công việc của mình. Một số người chuyển giới hành nghề mại dâm khác cũng từng tâm sự với chúng tôi về việc họ gặp những vị khách "biến thái" hay đánh đập hoặc ép các cô làm những tư thế dị thường; thậm chí, có khách hàng dùng vũ lực để quan hệ qua hậu môn dù chưa có thỏa thuận trước đó. Việc bị khách hàng quan hệ xâm nhập một cách không an toàn như không có chất bôi trơn hoặc bao cao su là câu chuyện chúng tôi được chia sẻ… Có thể nói, việc kết hợp để sống cùng một "vệ sĩ" (chúng tôi tạm gọi vậy) như một mối quan hệ cộng sinh – dựa trên nhau để sống. Một mặt, những vệ sĩ này dùng sức mạnh cơ bắp để bảo vệ họ khi khách hàng muốn quỵt tiền, các ma-cô[xxvi] khác muốn thu tiền bảo kê hoặc các bạn đồng nghiệp khác gây sự tranh giành chỗ đứng để bắt khách,… ; Mặt khác, đây cũng là những đối tác cung cấp tình cảm cho đời sống tinh thần cho những người chuyển giới thông qua mối quan hệ vợ-chồng được kiến tạo. Tuy nhiên, đôi khi những đối tác này cũng chính là những người bạo hành ngược lại người cung cấp kinh tế cho mình. Câu chuyện của Ng không phải là một trường hợp đặc biệt đối với những TG-đang-có-chồng (nhóm những người chuyển giới nữ đang sống cùng với bạn tình nam của mình).

Những bạn tình của người chuyển giới (chúng tôi gọi tắt là bạn tình) thường là những thanh niên được cho là *trai thẳng*[xxvii] và đang sống cùng với họ trong vai trò là chồng. Họ đa phần là những người không có nghề nghiệp ổn định và tài chính có được do những người chuyển giới nữ (trong vai vợ) đang sống chung chu cấp. Một số anh cũng đang có bạn tình nữ khác hoặc có vợ nhưng vẫn thiết lập mối quan hệ "già nhân ngãi, non vợ chồng" với một người chuyển giới khác để có người hỗ trợ về tài chính[xxviii]. Dường như, những người vợ của anh ta cũng nhận thức được điều này nhưng họ cũng chấp nhận luật của mối quan hệ này.

> *"Em cũng biết mình cũng đâu phải được yêu thương gì, cũng chỉ đắp đổi qua ngày này tháng nọ rồi cũng hết. Đàn bà còn không giữ được chồng thì huống chi mấy đứa như tụi em, có cái gì để giữ đâu anh. Có thương có yêu gì đó thì cứ ổng kêu thì xì ra mấy trăm cho chả đi đánh bài, đi mua đề là có được yêu à. Ngoài ra thì hết. Nhiều bữa kẹt tiền nhà quá, hông còn xu nào trong túi cái là nói là lên cơn điên bỏ đi miết đâu cả tuần lễ mới mò về. Nói chung là có tiền là có tình, vậy đó, cái số nó đã vậy là như cái nghiệp vậy đó"* (PVS H)

Thậm chí, một số bạn biết người ta nói mình dại dột trong mối quan hệ này nhưng họ cũng cố biện minh bằng nhiều lý do khác trong mối quan hệ sống chung này. Như câu chuyện của L - một bạn đang theo đoàn hội chợ mà chúng tôi làm quen ở một quận ngoại thành. Không chỉ bị giận dỗi, bị chiến tranh lạnh như H mà L còn thường xuyên bị chồng mắng chửi khi cô nổi cơn ghen với tính trăng hoa của anh ta. L có vẻ ngại chia sẻ với chúng tôi về cuộc sống cùng chồng là Th, một thanh niên 25 tuổi đang phụ việc lắp ráp kỹ thuật cho đoàn. Nhưng qua vài thông tin từ M cô bạn chung đoàn của L thì hình ảnh của Th được phác họa một cách khá rõ; đồng thời, chúng tôi cũng có nhận thức sơ bộ về mối quan hệ giữa L và Th:

> *" Chồng vợ gì cái ngữ đó, tại con L nó ngu, nó dại trai thì nó ráng nó chịu chứ cả cái hội chợ ai không biết thằng đó nó mê lỗ còn hơn gì chứ ở đó mê nó. Chắc nó mê con L pê đê hơn mấy con*

ghệ café đèn mờ của nó […]. Hoài chứ gì anh, ai mà không biết, anh hỏi thử con Mỹ Tâm hay con Thanh Vân coi có biết không, coi em có ác miệng với nó không à. Đoàn ghé chỗ nào là tối đó cái lùm nào nó cũng chui, đi với mấy cha chung đoàn nè. Toàn thứ quỷ yêu không à. Thằng thì già thằng thì vợ con chần dần đó mà cứ tới đâu là đi kiếm gái tới đó (...). Đáng ra, nó phải tên quỷ chứ tên Th cái gì anh (...). Thì nó lấy tiền con L chứ đâu ra anh. Mấy thằng làm lắp ráp thì tháng có nhiêu đâu anh, tiền ăn còn không có, tiền đâu chơi gái, nên nhìn là biết tiền con quỷ này. Nhiều bữa sáng sáng mà mấy con ngựa đó còn xề xề vô kiếm nó đi đâu cả buổi. Con này nấu cơm, ngồi đợi rồi cái không thấy về, khóc thấy mắc mệt. Khỏi phải nói cũng biết nó đi đ... chứ đàn ông đàn bà đi đâu cả buổi tới chiều. Không lẽ ngồi tâm sự Lan và Điệp như mấy đứa pê đê với nhau…".

Nỗi cam chịu phản bội không phải những người làm nghề hát hội chợ như L hay bán dâm như T phải đối mặt. Dường như, tất cả những người chuyển giới nữ, chọn cuộc sống lứa đôi, đều phải học cách đối mặt. Cũng có lắm khi, sự chịu đựng bùng lên thành những cơn giận dữ khiến họ lên tiếng phản kháng. Nhưng người thiệt thòi vẫn là họ khi nhận được những lời thóa mạ, lăng nhục hoặc thậm chí là vũ lực từ chính bản tình của mình dựa trên bản dạng giới của chính mình. Tuy rằng chúng tôi không được chứng kiến những cuộc tranh cãi này nhưng quá trình thu thập dữ liệu cũng giúp chúng tôi phần nào "thấy" được chúng qua những câu chuyện tự sự của "người trong cuộc". Dường như, cảm giác cái-tôi-tự-nhận-thức như những cái gông đóng họ vào trong những sự chịu đựng. Mặc dù trên thực tế, là người cung cấp tài chính lẫn tình dục cho bạn tình nhưng những người chuyển giới nữ vẫn luôn nghĩ rằng điều đó là chưa thể đủ cho "chồng" hay "người tình" của mình. Bắt nguồn từ suy nghĩ bản thân không phải là một người phụ nữ thực thụ, nên họ cho rằng mình không thể đáp ứng những nhu cầu tình dục cho bạn tình một cách trọn vẹn "như khi ổng ngủ với đàn bà". Cách diễn giải bản thân mình như một kiểu bản-dạng-khiếm khuyết lệch khỏi khuôn mẫu giới-tự-nhiên đã thui chột đi sự phản kháng của họ đối với người đã và đang bạo hành mình. Kẻ bạo hành, người đàn ông chung sống, do diễn ngôn về bản dạng giới và tính dục như một người đàn ông thực thụ được kiến tạo một hình kép trong tâm thức họ như người chồng và người ban ơn. Người chồng hoàn toàn có quyền phán xét và bạo hành người vợ khi họ không hài lòng về cách ứng xử; thêm vào đó, người đàn ông này đã đến bên họ như một người chịu thiệt thòi khi tiếp nhận một người phụ-nữ-không trọn-vẹn và bị xã hội gạt ra ngoài lề; hành vi chu cấp tài chính và nhịn nhục như một kiểu bù đắp – trả ơn người đã chịu thiệt thòi. Từ đó, quyền lực được trao tặng này chẳng những làm kẻ bạo hành mạnh hơn mà còn thui chột đi sự phản kháng của nạn nhân đối với kẻ bạo hành mình.

2. KẾT LUẬN

Bạo lực giới (hay bạo lực dựa trên cơ sở giới – gender-based violence) là một hiện tượng phổ biến và phức tạp, thể hiện dưới nhiều hình thức, từ BLGĐ đến quấy rối tình dục. Mặc dù BLG bao gồm cả BLGĐ nhưng BLG không chỉ giới hạn ở BLGĐ hay bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) mà là mọi hình thức bạo lực nhằm vào một cá nhân vì giới của người đó và xuất phát từ sự bất bình đẳng giới (UNHCR, 2003 dẫn lại UNFPA, 2014). Qua định nghĩa này, bạo hành giới được nhận thức như một vấn đề xã hội mà nạn nhân của nó là phụ nữ và trẻ em thì đến nay, chúng ta cần có cái nhìn đa chiều hơn. Đối tượng yếu thế trong xã hội, ngoài phụ nữ, trẻ em, các nhóm thuộc giới và tính dục không thuộc khung phân chia nhị nguyên giới cũng là những đối tượng hứng chịu sự bạo hành ở nhiều cấp độ. Cụ thể, cộng đồng chuyển giới nữ là một nhóm nạn nhân rất cần sự chú ý về mặt thể chế xã hội.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Với nhiều cấp độ bạo hành khác nhau, những người chuyển giới nữ ở TPHCM cũng đang là những nạn nhân của bạo hành giới của chính những khung chuẩn mực về giới-văn-hóa-xã hội. Sự sao chép và chuyển dịch cách thực hành giới từ khuôn mẫu giới được văn hoá quy định khiến những người chuyển giới nữ mất đi quyền lực trong đàm phán tình dục với khách hàng lẫn với các bạn tình của mình. Những nạn nhân này, với sự thực hành giới được mô phỏng như kiểu bản dạng mà họ đã lựa chọn, đã kiến tạo nên những gông-cùm-văn-hóa để trói chính bản thân mình trong những sự nhẫn nhịn và cam chịu như một người *phụ nữ* được diễn ngôn về các tính chất nữ tính phải có (ví dụ chân yếu tay mềm về thể chất, phải có nghĩa vụ chìu chuộng và thỏa mãn tình dục cho "chồng" mình...). Bên cạnh đó, sự can thiệp và hỗ trợ về mặt thể chế như luật pháp, y tế cũng chưa có những điều khoản rõ ràng dành cho người chuyển giới. Điển hình, khi họ bị bạo lực tình dục, họ cũng không thể nhờ sự can thiệp của các ban ngành đoàn thể khi vấn đề pháp lý còn bỏ ngỏ sự không-hợp-nhất giữa cái nhân dạng sinh học và bản dạng giới của họ. Thậm chí, qua không ít trường hợp cho thấy các cơ sở y tế cũng dựa trên sự chưa nhất quán chủ quan đó để làm cơ sở từ chối việc cung cấp dịch vụ cho họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amy, Lubitow; Miriam J., Abelson và Erika Carpenter. 2020. Transforming mobility justice: Gendered harassment and violence on transit trong *Journal of Transport Geography (Volume 82)*. Truy xuất từ: https://doi.org/10.1016/j.jtrangeo.2019.102601.
2. Butler, Judith. 1993 (tái bản từ bản 1990). *Bodies That Matter*. New York và London: Routledge.
3. Chandiramani. 2007. *Vì sao phải khẳng định tình dục (why affirm sexuality?)***.** Tổ chức ARROWS. Truy xuất tại: arrow for change - why affirm sexuality? (vietnamese) - Arrow, ngày 19/9/2021,
4. Connell, Raewyn. 1987. *Gender and power: Society, the Person, and Sexual politics*. Stanford: Stanford University Press.
5. Connell, R.W. 2000. Các loại nam tính và toàn cầu hóa: Những người đàn ông và các cậu bé. In trong: Parker, Richard và Aggleton, Peter. 2013. *Văn hóa, Xã hội và Tình dục (tuyển tập).* Hà Nội: NXB Văn hóa – Thông tin.
6. Hoàng Bá Thịnh. 2007. *Xã hội học về giới*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. James, S. E., Herman, J. L., Rankin, S., Keisling, M., Mottet, L., & Anafi, M. . 2016. *The Report of the 2015 U.S. Transgender Survey*. Washington, DC: National Center for Transgender Equality.
8. James, Sandy; Jackson, Trudie; Jim, Mattee. 2017. *U.S. Transgender Survey: Report on the Experiences of American Indian and Alaska Native Respondent*s. Truy xuất từ: https://ncvc.dspacedirect.org/handle/20.500.11990/1302.
9. James, Sandy; Salcedo, Bamby. 2017. U.*S. Transgender Survey: Report on the Experiences of Latino/a Respondents*. Truy xuất từ: https://ncvc.dspacedirect.org/handle/20.500.11990/1302.
10. James, Sandy; Brown, Carter; Wilson, Isaiah. 2017. *U.S. Transgender Survey: Report on the Experiences of Black Respondents*. Truy xuất tại: http://www.transequality.org/sites/default/files/docs/usts/USTSBlackRespondentsReport-Nov17.pdf; http://hdl.handle.net/20.500.11990/1300

11. James, Sandy; Herman, Jody; Rankin, Susan; Keisling, Mara; Mottet, Lisa; Anafi, Ma'ayan. 2017. *The Report of the 2015 U.S. Transgender Survey*. Truy xuất từ: https://ncvc.dspacedirect.org/handle/20.500.11990/1299.

12. James, Sandy; Magpantay, Glenn. 2017. *2015 U.S. Transgender Survey: Report on the Experiences of Asian, Native Hawaiian, and Pacific Islander Respondents*. Truy xuất từ: https://ncvc.dspacedirect.org/handle/20.500.11990/1303.

13. Johns, Michelle; Lowry, Richards; Andrzejeweski, Jack; Barrios, Lisa; Demissie, Zewditu; McManus, Timothy; Rasberry, Catherine; Robin, Leah; Underwood, J. Michael. 2019. *Transgender Identity and Experiences of Violence Victimization, Substance Use, Suicide Risk, and Sexual Risk Behaviors Among High School Students - 19 States and Large Urban School Districts, 2017*. Truy xuất từ: https://www.cdc.gov/mmwr/volumes/68/wr/mm6803a3.htm?s_cid=mm6803a3_w.

14. Etienne G. Krug, Linda L. Dahlberg, James A. Mercy, Anthony B. Zwi và Rafael Lozano. 2002. *World report on violence and health*. Truy xuất từ: https://www.who.int/violence_injury_prevention/violence/world_report/en/, truy cập ngày 2/7/2020.

15. Tổ chức sức khỏe Nam giới (CARMAH). 2015. *Báo cáo về Cộng đồng TG tại TP HCM*.

16. Padgug, Robert. 1979. *Các vấn đề tình dục: về khái niệm hóa tình dục trong lịch sử trong Văn hóa, xã hội và tình dục*: Tuyển tập, Richard Parker và Peter Aggleton chủ biên. USA: Routledge.

17. Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA). 2014. *Từ bạo lực gia đình đến bạo lực giới tại Việt Nam: Mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực (tài liệu thảo luận của Liên hợp quốc)*. Truy xuất từ: https://www.unfpa.org/gender-based-violence?page=5, truy cập ngày 2/7/2020.

18. W. Creswell John. 2007. *Qualitative Inquiry and Research Design: Choosing Among Five Approaches (2nd Edition).* USA: SAGE Publications.

CHÚ THÍCH

[i] Trích lục từ dữ liệu ghi chép của chúng tôi từ đề tài nghiên cứu.

[ii] Đề tài cấp cơ sở do chúng tôi làm chủ nhiệm, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ chủ quản và đã nghiệm thu vào tháng 11/2018.

[iii] Đề tài cấp cơ sở năm 2021 đã được Hội đồng chuyên môn duyệt đề cương và sẽ nghiệm thu vào tháng 11/2021.

[iv] Sự kiện nổi bật trong thời gian gần đây được đăng tải và chia sẻ khá mạnh mẽ trên các trang mạng xã hội và diễn đàn của cộng đồng LGBTIQA+ ở Việt Nam gây nhiều sự chú ý. Một nghệ sĩ kiêm MC (Người dẫn chương trình) của một Gameshow truyền hình đã bị cộng đồng TG chỉ trích khá nặng nề khi có những nhận định sai về xu hướng tính dục của TG. Tham khảo bài viết tại: https://www.yan.vn/nu-hoang-chuyen-gioi-trach-tran-thanh-vi-phat-ngon-sai-ve-lgbt-233032.html?fbclid=IwAR3Ug7NuE6nZcbeQE7dGCZ2iSt7axWTb8yU0i25aAh4gfFONDcDmwPCVbAU, truy cập ngày 27/6/2020.
Tuy nhiên, trên quan điểm cá nhân, chúng tôi không nhận định MC đó sai hay các TG đã đúng nhưng việc "bị hấp dẫn bởi ai đó" là vấn đề nội tại chỉ có cá nhân ấy nhận thức. Nói một cách khác, khi họ xác định bản dạng (identity) của mình là gì thì họ sẽ hành xử theo hướng ấy. Do đó, mọi phát ngôn từ tha nhân đều chỉ nên chỉ mang tính chất tham khảo.

[v] Được phối hợp biên soạn bởi nhóm tác giả của VWU và CIHP.

[vi] Chúng tôi muốn nhấn mạnh sự phát triển này được công nhận bằng thước đo kinh tế và sự phát triển của Khoa học công nghệ. Tuy nhiên, tại các quốc gia này, sự phát triển và tầm ảnh hưởng của khoa học nói chung, khoa học xã hội nói riêng lại có có tính lan tỏa khá mạnh.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

[vii] Trong khoảng 10 năm trở lại đây, cộng đồng chuyển giới tại Việt Nam, thông qua các diễn đàn, các facebook pages cũng như tại các hội nghị, tọa đàm… họ có khuynh hướng xưng mình là TG (Transgender People: Cộng đồng Chuyển giới), thuộc nhóm TG nhằm để khẳng định sự tồn tại độc lập của mình so với các loại bản dạng tình dục khác: đồng tính, song tính, á tính, vô tính,…. Phân loại nhỏ hơn, TG gồm có hai nhóm:

- Người chuyển giới nữ: Người (sinh ra với giới tính sinh học là) nam chuyển giới (thành nữ) gọi tắt là MtF (Males to Females) hoặc Trans women.
- Người chuyển giới nam: Người (sinh ra với giới tính sinh học là) nữ chuyển giới (thành nam) gọi tắt là MtF (Females to Males) hoặc Trans men.

[viii] Tham khảo thêm tại: https://www.apa.org/monitor/2018/09/ce-corner-glossary, truy cập 27/6/2020.

[ix] Các bài viết nằm trong tuyển tập Padgug, Robert A. (1979). *Các vấn đề tình dục: về khái niệm hóa tình dục trong lịch sử* trong *Văn hóa, xã hội và tình dục: Tuyển tập*. USA: Routledge.

[x] Định nghĩa về Bạo lực dựa trên cơ sở giới (GBV) "Gender-Based violence refers to harmful acts directed at an individual based on their gender. It is rooted in gender inequality, the abuse of power and harmful norms", xem thêm tại: https://www.unhcr.org/gender-based-violence.html, truy cập 16/8/2021.

[xi] Các trích dẫn trong bài viết là dữ liệu từ đề tài nghiên cứu của chúng tôi. Các định danh đã được mã hóa để đảm bảo tính nặc danh cho thông tín viên.

[xii] Tìm hiểu thêm về TvT tại: https://www.oursplatform.org/resource/transrespect-vs-transphobia-worldwide-tgeu-research-project/, truy cập ngày 27/6/2020.

[xiii] Dữ liệu từng khu vực được bản đồ hóa, có thể tham khảo tại: https://transrespect.org/en/map/trans-murder-monitoring/, truy cập 27/6/2020.

[xiv] Tham khảo tại: https://baomoi.com/331-nguoi-chuyen-gioi-bi-giet-tren-toan-the-gioi-vi-nan-ky-thi-trong-nam-2019/c/33031603.epi, truy cập ngày 01/12/2019.

[xv] Có thể tham khảo thêm tại: https://www.glaad.org/tdor, truy cập ngày 27/6/2020.

[xvi] Thông tin tại: https://ncvc.dspacedirect.org/discover.

[xvii] Tham khảo thêm tại: https://www.nsvrc.org/publications/nsvrc-publications, truy cập ngày 17/4/2020.

[xviii] Về phương pháp PAR, tham khảo thêm tại: https://www.participatorymethods.org/glossary/participatory-action-research, truy cập ngày 18/4/2020.

[xix] Tham khảo tại: https://transequality.org/issues/housing-homelessness, truy cập 12/4/2020.

[xx] Trên thực tế, số liệu có thể nhiều hơn vì ước tính này chỉ dựa trên những TG có tham gia vào mạng lưới hỗ trợ của Tổ chức.

[xxi] Thông tin từ hội thảo "Luật Chuyển đổi giới tính vì người chuyển giới" do Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI) thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức ngày 26/9/2018, tại Hà Nội. Nguồn: https://dep.com.vn/viet-nam-co-khoang-300-000-den-500-000-nguoi-chuyen-gioi/, truy cập 11/4/2020.

[xxii] Tham khảo tại: https://danviet.vn/am-anh-bao-luc-o-nguoi-chuyen-gioi-77771043531.htm, truy cập 28/6/2020.

[xxiii] Tham khảo tại: http://pctnxh.molisa.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=1696, truy cập ngày 27/6/2020.

[xxiv] Tham khảo tại: https://au.reachout.com/articles/what-is-sexual-harassment, truy cập 28/6/2020.

[xxv] Trích nhật ký của đề tài.

[xxvi] Người bảo kê cho mỗi đối tượng bán dâm.

[xxvii] Thuật ngữ dành cho những nam giới được cho là có xu hướng tính dục dị tính (hetereosexual males).

[xxviii] Nhận định này chỉ dành cho các trường hợp mà chúng tôi tiếp cận trong đề tài của mình, không phải là một mẫu hình chung cho tất cả các trường hợp. Chúng tôi chưa có cơ hội được tiếp cận sâu hơn với những "anh chồng" của các người chuyển giới nữ do đa phần họ thường có tâm lý e dè với "người lạ" (chúng tôi phỏng đoán, có lẽ do thời gian mà chúng tôi tiếp cận với các cặp đôi chưa đủ lâu). Các bạn ấy thường bỏ ra ngoài khi những người bạn của vợ tới nhà chơi. Và theo như chúng tôi tìm hiểu, các TG cũng ngại tiếp cận "chồng-của-bạn" do sợ những sự ghen tuông giữa các chị em có thể làm hỏng mối quan hệ bạn bè. Đương nhiên, chúng tôi cũng có nghe qua vài trường hợp giựt chồng hay bồ bạn nhưng những hành vi đó thường bị hội chị em loại ra khỏi nhóm vì cho rằng đó là kiểu "ăn dơ".

THỰC TRẠNG ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP CAN THIỆP, TRỢ GIÚP CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI

THE PREVALENCE OF BEHAVIORS TOWARDS HOMOSEXUAL PEOPLE IN VIETNAM AND SOLUTIONS OF SOCIAL WORKS

Nguyễn Lê Hoài Anh*

TÓM TẮT

Kết quả khảo sát với 600 người đồng tính, gia đình và người dân trong cộng đồng cho thấy sự đối xử với người đồng tính tại Việt Nam diễn ra theo hai chiều hướng, tiêu cực và tích cực. Theo đó, bước đầu đã có những tín hiệu đáng mừng trong đối xử thân thiện, bình đẳng, tôn trọng đối với người đồng tính. Tuy nhiên, sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn diễn ra tương đối phổ biến trong gia đình, nhà trường và xã hội khiến cho người đồng tính đã và đang phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ, rủi ro, chịu nhiều áp lực ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất và tinh thần. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do mọi người chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về đa dạng tính dục, hệ thống chính sách pháp luật chưa công nhận quyền kết hôn của người đồng tính. Trên cơ sở đó bài viết đề xuất các giải pháp của Công tác xã hội (CTXH) trong việc góp phần nâng cao nhận thức, làm giảm dần sự kỳ thị của cộng đồng, trợ giúp giải quyết những vấn đề đang gặp phải của người đồng tính và phát huy những đối xử thân thiện, bình đẳng, tích cực cho người đồng tính.

Từ khoá: *đồng tính, đối xử, kỳ thị, công tác xã hội*

ABSTRACT

Finding from 600 homosexuals, their families and people in the community showed that the treatment of homosexuals in Vietnam happened in positive and negative directions. There were initially encouraging signs in the friendly, equal and respectful treatment of homosexuals. However, stigma and discrimination are still relatively common in families, schools and society, making homosexuals have to face many risks and pressures that influenced on their physical and mental health. The main reason for this situation is that people do not have a proper and adequate awareness of sexual diversity, the legal system has not recognized the right to marry of same-sex people. This article proposes solutions of social work in contributing to raise awareness, gradually reduce the stigma of the community, help to solve the problems of homosexuals and promoting the friendly, equal and positive treatment for homosexuals.

Keywords: *homosexual, behavior, stigma, social work*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nhiều thập kỷ qua, Liên hợp quốc đã nỗ lực đấu tranh cho những quyền cơ bản của con người nói chung, trong đó có người đồng tính, song tính, chuyển giới. Cho đến nay, mặc dù đồng tính đã được loại khỏi danh sách các bệnh tâm thần nhưng cộng đồng vẫn còn nhận thức sai lệch về vấn đề này, dẫn tới thái độ kì thị và hành vi phân biệt đối xử đối với người đồng tính. Điều này xảy ra ở nhiều quốc gia, các cộng đồng, trong đó có Việt Nam. Nếu lấy tỉ lệ trung bình, "an toàn" mà nhiều nhà khoa học thừa nhận là 3% thì số người đồng tính và song tính tạm tính ở Việt Nam trong độ tuổi từ 15 đến 59 vào khoảng 1,65 triệu (Phạm Quỳnh Phương, 2013). Theo kết quả nghiên cứu online của iSEE với 2362 người LGBT năm 2015

* Tiến sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐHSP Hà Nội. Email: nguyenlehoaianh@gmail.com

 ISBN: 978-604-73-8639-0

cho thấy có 40,6% tương đương với 959 người sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và 19,9% tương đương với 470 người sống tại Hà Nội (iSEE, 2015).

Báo chí và các phương tiện truyền thông là một trong những kênh thông tin giúp mang kiến thức về đồng tính đến với những người dân trong cộng đồng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nhiều nội dung chưa chính xác về người đồng tính từ báo chí đã làm tăng sự kỳ thị đối với người đồng tính. 41% bài báo còn kỳ thị người đồng tính (iSEE, 2008), khoảng 80% người được hỏi không chấp nhận đồng tính (SAVY 1). Sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính đến từ chính gia đình, cộng đồng và xã hội. Sự kỳ thị đối với những người đồng tính là việc làm không những sai lầm mà nhiều khi đưa đến những kết cục chua xót.

Để giúp cộng đồng có cái nhìn đúng đắn hơn về những trải nghiệm đối xử đa chiều với người đồng tính, bài viết phân tích vấn đề đối xử với người đồng tính trên cả hai phương diện bao gồm những sự đối xử mang tính phân biệt, bạo lực và những đối xử thân thiện, bình đẳng. Bài viết là kết quả của đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo *"Vấn đề đối xử với người đồng tính ở Việt Nam và biện pháp can thiệp, trợ giúp"*, thực hiện năm 2016, tại địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đề tài sử dụng phối hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, bao gồm: phỏng vấn bằng bảng hỏi với 600 khách thể bao gồm 200 người đồng tính và 400 người dân (gia đình, bạn bè, đồng nghiệp,...); 20 phỏng vấn sâu; 02 thảo luận nhóm tập trung;...

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng vấn đề đối xử với người đồng tính để từ đó đề xuất được các biện pháp can thiệp và trợ giúp người đồng tính ở Việt Nam hiện nay. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung đề xuất các giải pháp của công tác xã hội (CTXH) trong việc góp phần nâng cao nhận thức, làm giảm dần sự kỳ thị của cộng đồng, trợ giúp giải quyết những vấn đề đang gặp phải của người đồng tính và phát huy những đối xử thân thiện, bình đẳng, tích cực cho người đồng tính tại Việt Nam.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng đối xử của người đồng tính với chính bản thân mình khi nhận thức về xu hướng tính dục

Khi cảm nhận thấy sự khác biệt trong tình cảm với người cùng giới, những cách thức mà các bạn tham gia nghiên cứu khám phá và tìm hiểu xu hướng tính dục của mình chủ yếu thông qua việc đọc tài liệu, tìm hiểu thông tin qua sách báo, internet chiếm 98%. *"Khi đó ở Việt nam thông tin còn ít lắm chị ơi, em đọc mà không hiểu gì luôn, hoang mang tột độ. Em phải search các trang web nước ngoài, đọc, dịch, thế nên lúc đó nhóm Kết nối và chia sẻ thông tin mới ra đời đó chị" (Nữ, ICS).*

Quá trình trải nghiệm các cảm xúc của người đồng tính cũng thay đổi theo các giai đoạn trong quá trình công khai của họ. Khi tìm thấy được cộng đồng của mình, hiểu biết khoa học về xu hướng tính dục, những trạng thái tâm lý tiêu cực sẽ dần giảm đi, thay vào đó là sự chấp nhận sự khác biệt, vui mừng vì mình không phải là điều gì đó bất thường mà hoàn toàn bình thường và cao hơn nữa là tự hào về bản thân mình *"Giờ khác rồi, đâu có u mê như xưa nữa đâu, mình là mình, chả có gì khác biệt cả, có cả một cộng đồng của mình nên vui lắm, mọi người biết hết cả nhưng ai cũng ủng hộ chứ không có kỳ thị như trước" (Nam, 33 tuổi, Thành phố Hồ Chí Minh).*

Những việc làm mà những người tham gia khảo sát tự đánh giá đã thực hiện với bản thân mình kể từ khi xác định được xu hướng tính dục của bản thân là đồng tính như sau:

Bảng 1. Trải nghiệm hành vi đối xử với chính bản thân mình của người đồng tính khi nhận thức về xu hướng tính dục

Hành vi	Tỷ lệ %
1. Tự xỉ vả bản thân	23
2. Oán trách bố mẹ tại sao lại sinh ra mình là người đồng tính	15
3. Nhốt mình trong phòng	38
4. Tránh tiếp xúc, giao lưu với mọi người xung quanh (gia đình, bạn bè,…)	40
5. Có kế hoạch, ý định tự tử/đã tự tử nhưng không thành công	0.5
6. Sử dụng chất kích thích như rượu bia, thuốc lá…	27
7. Sử dụng ma túy	0.5
8. Chia sẻ, tâm sự với người mình tin tưởng	59
9. Không tham gia các hoạt động mà trước đây vẫn thường làm	24
10. Bỏ nhà, đi lang thang	1.5
11. Tham gia các hoạt động của cộng đồng LGBT	88
12. Vào mạng, tìm tới các diễn đàn của những người đồng tính	100
13. Tham gia vào nhóm, CLB của cộng đồng LGBT	46
14. Cố gắng nỗ lực học tập, công tác tốt hơn để chứng minh bản thân	79
15. Không làm gì khác biệt, vẫn duy trì nếp sống hàng ngày trước đây mình có	17.5

Như vậy, khi quy định của pháp luật, cộng đồng xã hội đều định chuẩn rằng con người chỉ có nam - nữ, đàn ông - đàn bà, vợ - chồng, bố - mẹ,… chỉ nam và nữ yêu nhau và kết hôn với nhau để sinh con… và tất cả những gì nằm ngoài chuẩn mực chung đó là bất bình thường thì những sự tự kỳ thị với xu hướng tính dục của mình, thậm chí ghê sợ là điều dễ hiểu và đó sẽ là hệ quả dẫn tới những hành vi không lành mạnh cho những người thuộc nhóm xu hướng tính dục thiểu số *"Em muốn quên đi, em không muốn nghĩ gì tới nữa, em đau khổ nên quyết định đi vào sàn nhảy, em chơi thuốc lắc và uống rượu" (Nam, 29 tuổi, Hà Nội).* Nhưng bên cạnh đó, các bạn cũng đã có những trải nghiệm tích cực thông qua vào việc tham gia vào nhóm, CLB của cộng đồng LGBT và cố gắng học tập tốt hơn để chứng minh bản thân.

2. Thực trạng đối xử của gia đình với người đồng tính khi công khai xu hướng tính dục

Kết quả khảo sát đã chỉ ra những cảm nhận, trải nghiệm về sự đối xử của gia đình đối với người đồng tính cũng như tự đánh giá của gia đình về những hành vi ứng xử với người thân của mình là người đồng tính như sau:

Một là, những hành vi tiêu cực thể hiện phân biệt đối xử, bạo lực với con cái, người thân trong gia đình, cụ thể như sau:

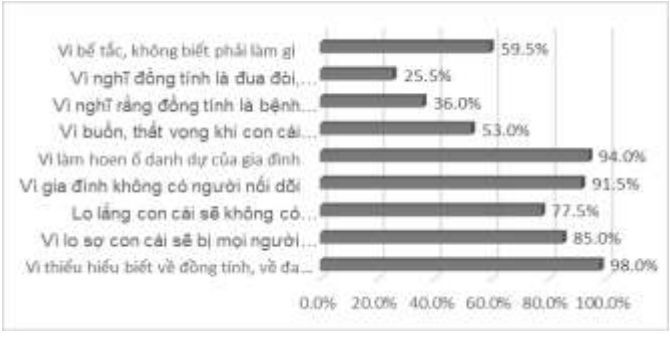
- Dùng bạo lực như nhốt, cầm giữ trong nhà, hành hung, đánh đập, phá đồ đạc. Khi phát hiện con là đồng tính, cha mẹ thường sốc thậm chí là hoảng loạn. Vì không có kiến thức về đồng tính và thậm chí kỳ thị hoặc lo lắng con mình không có tương lai nên cha mẹ thường có những hành vi không kiểm soát dẫn đến đánh đập, xích, nhốt, hoặc cấm đoán khác.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

- Gây áp lực tâm lý như la mắng, dùng lời nói gây áp lực, im lặng không nói chuyện, thậm chí đe doạ tự tử.
- Dùng quyền lực để ép buộc, can thiệp vào đời sống riêng tư như ngăn cấm các mối quan hệ, ép buộc kết hôn, ép buộc thay đổi ngoại hình, cử chỉ.
- Dùng các biện pháp mang tính y học hoặc dân gian để cố gắng thay đổi xu hướng tính dục như ép buộc đi viện điều trị tâm thần, bắt thay đổi chế độ ăn uống, sinh hoạt, hay là tìm đến thầy cúng, bùa giải hay đưa con đi tư vấn tâm lý.
- Phân biệt đối xử lên người yêu của con như gây áp lực lên người yêu, gia đình, thậm chí là hành hung, đánh đập người yêu của con
- Dùng tài chính bằng cách kiểm soát tài chính, tiền bạc.

Tần suất trải nghiệm các hành vi phân biệt đối xử, bạo lực của gia đình khi mới công khai là người đồng tính cho thấy, 1 lần/ngày: 35%; từ 2-5 lần/ngày: 8%; 1-2 lần/tuần: 36,5%; 1-2 lần/tháng: 20,5%. Tỷ lệ các bạn đồng tính nữ trải nghiệm sự kỳ thị, phân biệt đối xử nhiều hơn so với đồng tính nam.

Theo ý kiến của người đồng tính và gia đình (N = 300) được khảo sát, lý do khiến gia đình có những hành vi phân biệt đối xử với những người thân yêu trong gia đình như trên vì:



Biểu đồ 1. Lý do hành vi phân biệt đối xử của gia đình với người đồng tính

Hai là, những sự đối xử tích cực thể hiện tình yêu thương, chia sẻ của cha mẹ, người thân trước sự khác biệt về xu hướng tính dục với số đông.

Trước những sự thay đổi của thông tin, truyền thông, sự vận động xã hội cho quyền người LGBT nên một số gia đình cũng đã tiếp cận được với những thông tin phù hợp. Đồng thời, một số gia đình cũng đã trải qua một thời gian dài trải nghiệm những sự đối xử không phù hợp với con để thay đổi, đồng hành cùng người thân của mình trước những khó khăn, đối phó và giải quyết: *"Kể từ ngày được ICS đưa ra Hà Nội dự hội thảo do iSEE tổ chức để chuẩn bị cho vận động Quốc hội, mẹ mới như mở mang đầu óc. Con nhớ không, 5 mẹ con đều gặp hết rồi đó, đều thay đổi từ đây, quyết tìm công lý cho con cái của mình" (Mẹ L, PFLAG).*

Một tín hiệu đáng mừng từ kết quả khảo sát cho thấy, tần suất các hành vi phân biệt đối xử đối với người đồng tính đều đã giảm đi so với thời điểm mới nhận biết xu hướng tính dục. Sở dĩ có được kết quả đó là truyền thông, giáo dục đã có sự thay đổi tích cực giúp chính các gia đình được tiếp xúc với các thông tin khoa học, đúng đắn về người đồng tính (68%): *"Sự phát triển của mạng*

lưới PFLAG Việt Nam cho thấy gia đình đã có thông tin, hiểu biết nhiều hơn và chính các hoạt động của PFLAG như "Hành trình hiểu về con" đã giúp lan toả tình yêu thương đến nhiều hơn các gia đình, cộng đồng" (Mẹ N, PFLAG). Chính vì vậy, bố mẹ hiểu được đồng tính là xu hướng tính dục tự nhiên và không thể thay đổi, hiểu rằng con cái mình không có lỗi gì. Đồng thời, một số bố mẹ đã nhận ra sai lầm và ân hận sau một thời gian dài có những hành vi bạo lực với con (37%).

Ngoài việc tìm hiểu về hành vi đối xử trực tiếp của gia đình với người đồng tính, nghiên cứu còn tìm hiểu phản ứng, các ứng xử của gia đình khi biết con em mình bị những người khác kỳ thị và phân biệt đối xử do liên quan đến xu hướng tính dục. Trong 200 thành viên gia đình được hỏi, có 58% biết con em mình trải qua sự kỳ thị và phân biệt đối xử của những người xung quanh như từ thầy cô, bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp và các cách thức xử sự chiếm tỷ lệ cao nhất là im lặng, không làm gì do lo sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình, làm to chuyện thì không đem lại lợi ích gì. Nhưng bên cạnh đó cũng có 25.5 - 31,5% gia đình động viên, an ủi người thân của mình dù trước mặt những người khác ít hơn là khi chỉ có gia đình với nhau bởi vẫn lo sợ sự ảnh hưởng đến cả gia đình.

3. Sự đối xử của các thành viên trong cộng đồng với người đồng tính

Kết quả khảo sát cho thấy bạn bè có thái độ cư xử thân thiện, thông cảm, tôn trọng, gần gũi hơn với người đồng tính.

Bảng 3. Hành vi đối xử đối với người đồng tính đã công khai của các thành viên trong cộng đồng

STT	*Hành vi*	Đối tượng			
		Bạn bè	**Thầy cô**	**Người dân**	**Đồng nghiệp**
1	Bàn tán, nói xấu	**45%**	**33%**	**59%**	**52%**
2	Xa lánh/cô lập	38%	21.5%	49%	39%
3	Trêu chọc	**59%**	8.5%	52%	**41%**
4	Đánh đập/ xé sách vở, quần áo/ xịt lốp xe	41%	0	12%	0
5	Bêu riếu/châm chọc/mỉa mai	**52%**	**24%**	**69%**	**50.5%**
6	Mắng chửi, lăng mạ, sỉ nhục	45.5%	**19.5%**	51%	32%
7	Sờ nắn bộ phận sinh dục của người đồng tính	19.5%	0	6.5%	1.5%
8	Ngăn cấm chuyện tình cảm	4.5%	**77.5%**	13.5%	12%
9	Phát tán thông tin, hình ảnh cá nhân với những người khác, lên trang mạng xã hội	39.5%	12.5%	**54%**	**57.5%**
10	Đối xử không công bằng, có định kiến trong kết quả học tập, làm việc	10.5%	**39.5%**	32%	**46%**
11	Không quan tâm, bỏ mặc	13%	17%	36%	39.5%
12	Đe dọa, bắt nạt, tống tiền	19.5%	0	6.5%	0
13	Lên án, coi là những người bị bệnh hoạn	33%	38.5%	48%	34.5%
14	Đối xử bình thường, không có sự phân biệt	**56%**	28.5%	21%	34%
15	Tận tình tư vấn/ giải đáp thắc mắc	18%	15%	0	8.5%

 ISBN: 978-604-73-8639-0

16	Yêu quý/ quan tâm/ động viên/ hỏi han	**51%**	21%	13.5%	23%
17	Đối xử tôn trọng/thân thiện/ bình đẳng/	43%	29%	22%	21%
18	Trân trọng năng lực/ khả năng	44%	27.5%	36%	32%
19	Cùng giúp đỡ, hỗ trợ họ vượt qua khó khăn	37%	*25.5%*	*19.5%*	*21.5%*
20	Coi trọng những đóng góp cho cộng đồng, xã hội	**48%**	*32%*	*39%*	*28.5%*
21	Cùng tham gia và đấu tranh vì quyền của cộng đồng LGBT	31%	*12.5%*	*8%*	*11%*

Nhìn vào bảng trên, chúng ta có thể phân tích sự đối xử của các thành viên cộng đồng với người đồng tính theo từng môi trường để thấy rõ những hành vi đối xử của họ với người đồng tính được khảo sát.

**** Trong trường học***

Trong môi trường học đường, sự đối xử của thầy cô, bạn bè với người đồng tính cũng theo hai phương diện:

Một là, những hành vi phân biệt đối xử với người đồng tính.

Kết quả khảo sát phản ánh tình trạng bạo lực về mặt tinh thần của bạn bè với người đồng tính với những hành vi phổ biến: bêu riếu, châm chọc, bàn tán, nói xấu, trêu chọc, lăng mạ liên quan đến ngoại hình, cử chỉ, điệu bộ, kiểu tóc, mối quan hệ tình cảm. Người đồng tính nữ và đồng tính nam bị trêu chọc, nói xấu nhiều hơn khi có thể hiện giới khác biệt *"Ôi cái đồ con gái gì mà màn hình phẳng, bày đặt tomboy, chúng mày ơi đừng có chơi với nó, nó yêu mày đấy" (Nữ, 21 tuổi, Hà Nội); "Con giai gì ẻo lả", "eo ơi pê đê này" hay có những người bạn coi đó là một biệt danh gắn với người đó "H pê đê" (Nam, 25 tuổi, Hà Nội).*

Đồng thời người đồng tính còn bị bạo lực về mặt thể chất và tình dục như bị bắt nạt, xé rách quần áo, đặc biệt với các bạn đồng tính nam hiền lành còn bị các bạn nam lôi vào nhà vệ sinh đòi kiểm tra bộ phận sinh dục.

Hai là, những hành vi đối xử thể hiện sự thấu cảm, chia sẻ, tôn trọng với người đồng tính.

Bạn bè vẫn là những người được tin tưởng chia sẻ nhiều nhất bởi các bạn nhận được sự yêu quý, trân trọng, giúp đỡ từ những người bạn bè thân thiết của mình *"Các bạn em bảo có hoạt động gì thì nhớ bảo chúng nó tham gia với, chúng nó sẽ ủng hộ hết mình. Vậy nên các chương trình hoạt động, sự kiện, em đều kéo chúng nó đi, chúng nó còn tham gia làm tình nguyện viên cho hoạt động Vietpride" (Nam, 21 tuổi, Hà Nội).*

**** Tại nơi làm việc***

Với những người đồng tính đã đi làm, họ phản ánh tình trạng đối xử tại nơi làm việc. Sự phân biệt đối xử vẫn diễn ra nhiều hơn so với các hành vi tích cực ủng hộ cho người đồng tính từ nhóm đồng nghiệp, sếp tại nơi công tác của các bạn. Các hành vi phân biệt đối xử phổ biến như rêu rao thông tin với những người khác trong cơ quan (57,5%), nói xấu sau lưng, không tin tưởng năng lực, có sự đối xử không công bằng trong công việc *"Em làm việc tốt, được sếp tín nhiệm nhưng một số đồng nghiệp ghen ghét bảo em được giao việc đó chỉ vì em đẹp trai, lấy lòng sếp" (Nam, 24 tuổi, Hà Nội).*

Đồng thời, qua thảo luận nhóm, người tham gia khảo sát báo cáo còn bị hỏi thường xuyên về đối tượng yêu đương, ghép đôi với đồng nghiệp khác giới hay thậm chí những câu hỏi sâu về đời tư *"thế yêu nhau thì quan hệ thế nào?"* khiến cho người đồng tính cảm thấy bị soi mói, khó chịu, không được tôn trọng.

Bên cạnh những nơi làm việc người khảo sát cho thấy sự đối xử không phù hợp, một số bạn cũng cho thấy những phản ứng rất tích cực tại nơi công tác của họ, đặc biệt trong môi trường tổ chức phi chính phủ và các cơ quan, tổ chức có yếu tố nước ngoài vì môi trường làm việc cởi mở, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt hơn.

**** Hàng xóm, người dân tại địa bàn nghiên cứu***

Theo ý kiến của người tham gia khảo sát, trải nghiệm phổ biến nhất trong cộng đồng, hàng xóm là mọi người có những hành vi, lời nói miệt thị, chế nhạo, khinh bỉ, bêu riếu với họ như bị gọi là pê-đê, bóng, hifi, xăng pha nhớt, thế giới thứ ba…. - những từ ngữ mà nếu chính bản thân chúng ta khi tự đặt mình vào vị trí của họ mới thấu hiểu được tâm trạng, cảm xúc, nỗi buồn, trong khi chính những từ ngữ đó lại không để chỉ người đồng tính mà là dành cho người chuyển giới. *"Họ là người thuộc thế giới thứ ba, theo đạo nhà Phật thì họ mang nghiệp kiếp trước nên bị đày như vậy" (PVS, nhà sư, TP. Hồ Chí Minh).* Thuật ngữ được người trong cộng đồng sử dụng khá phổ biến "bị đồng tính". Người ta chỉ có thể bị bệnh, nhưng đồng tính không phải là bệnh *"Thằng bé ấy đẹp trai, cao to, học hành giỏi giang, thế mà lại bị đồng tính" (PVS, nữ, chủ cửa hàng, 43 tuổi, Hà Nội).* Điều này cho thấy người dân vẫn còn nhận thức chưa đúng đắn về xu hướng tính dục.

Thảo luận nhóm tập trung còn cho thấy sự phân biệt đối xử với người đồng tính trong lĩnh vực y tế khi người đồng tính có thể hiện giới khác với giới tính sinh học, ở nhóm đồng tính nữ (B, SB) cao hơn đồng tính nam *"Em phải đi khám phụ khoa nhưng bác sỹ nhìn em hỏi "Là con trai hay con gái mà khám?" (PVS, nữ, 26 tuổi, Hà Nội).*

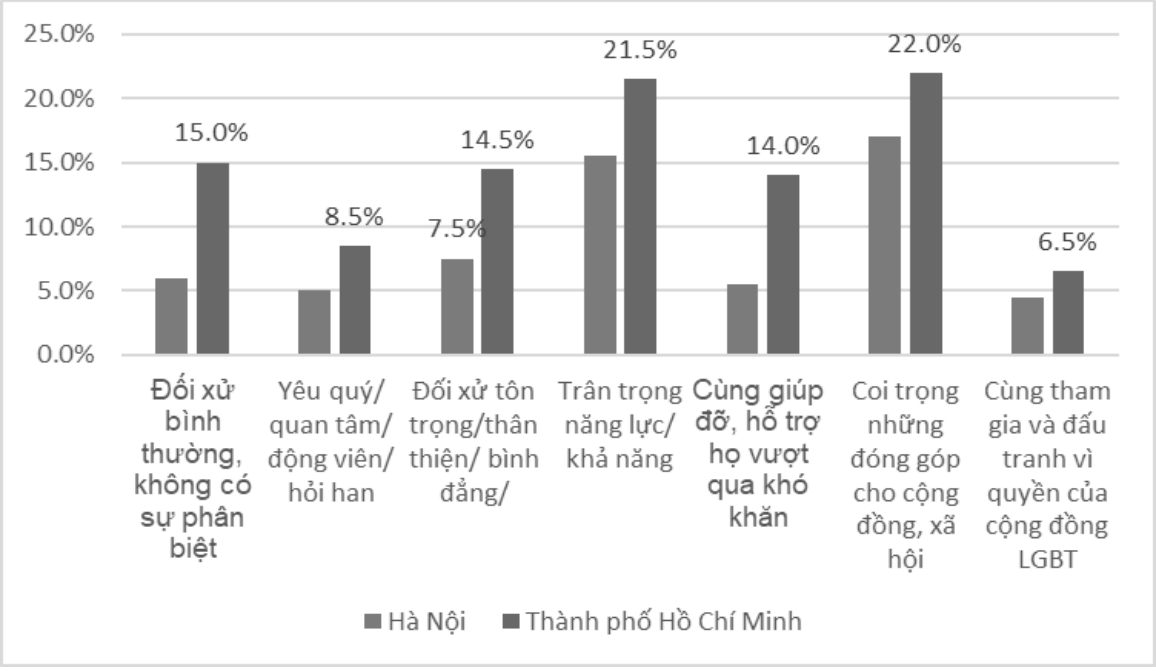
Thảo luận nhóm tại Hà Nội còn phản ánh tình trạng bị phân biệt đối xử khi đi thuê phòng ở *"Hai đứa chúng em đi tìm thuê phòng trọ cùng nhau, cô chủ nhà nhìn chúng em bảo trai gái không ở chung phòng được, mỗi đứa một phòng. Chúng em bảo mình là con gái, cô ý bảo con gái mà cái kiểu gì thế này, gái không ra gái, trai không ra trai, chả hiểu cái thể loại gì. Thôi, đi thuê chỗ khác, chứ chúng mày ở đây, chúng nó lây nhiễm thì hỏng" hay một bạn đồng tính nam khác lại gặp phải sự quấy rầy của các bạn nam và nữ khác cùng xóm trọ "Eo ơi, trai thế này mà phí quá, bao em xinh đẹp ở đây mà chả xơ múi được gì" hay xâm phạm sâu cuộc sống riêng tư "Anh vừa đưa về là người yêu đấy à? Ngon phết nhỉ? Chén chưa?" (TLN, Hà Nội).*

Phân theo địa bàn khảo sát, người dân ở Thành phố Hồ Chí Minh cởi mở hơn, hiểu biết hơn về người đồng tính do có sự hiện diện của cộng đồng LGBT khá thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, Thành phố Hồ Chí Minh cũng thường là điểm đến cho cộng đồng LGBT khi muốn được công khai, sống là chính mình hơn. Theo đó, tỷ lệ những hành vi đối xử tích cực cao hơn từ người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh so với Hà Nội.

Hành động trân trọng những đóng góp của người đồng tính với cộng đồng, xã hội chiếm tỷ lệ cao nhất (39%) cho thấy sự tác động, ảnh hưởng của người đồng tính đối với xã hội đã được người dân ghi nhận *"Cháu thấy đấy, những người nổi tiếng là người đồng tính đấy, thiết kế thời trang, ca sỹ, nhảy múa,…, rõ ràng chỉ tốt thôi mang lại niềm vui, giá trị cho xã hội" (PVS, Nữ, cán bộ ngân hàng, Hà Nội).* Họ được phát huy năng lực, khả năng của mình trong mọi lĩnh vực công việc, được

 ISBN: 978-604-73-8639-0

đối xử tôn trọng, bình đẳng như tất cả mọi người: *"Em tốt nghiệp được giữ lại trường làm giảng viên rồi đó con, mẹ mừng quá!" (Mẹ L, PFLAG). "Cháu hàng xóm nhà cô đó, học hành giỏi giang, thành đạt, là tấm gương cho các gia đình ở xóm dạy con mình đó. Không lấy vợ được thì có sao, giờ người ta cho mang thai hộ rồi đấy. Mọi người đừng có nhìn vào, bảo nó đồng tính mà đánh giá, quan trọng là con người, là nhân cách, cái đó khối người khác chả có được". (Nữ, 54 tuổi, bán hàng, Thành phố Hồ Chí Minh).*



Biểu đồ 3. Những hành vi đối xử tích cực của người dân tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với người đồng tính

Như vậy, sự đối xử với người đồng tính tại Việt Nam diễn ra theo hai chiều hướng, tiêu cực và tích cực. Theo đó, bước đầu đã có những tín hiệu đáng mừng trong đối xử thân thiện, bình đẳng, tôn trọng đối với người đồng tính từ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp và mọi người trong cộng đồng, giúp cho người đồng tính tự tin hơn, khẳng định bản thân và có cuộc sống tốt đẹp hơn, giúp cho gia đình của họ cảm thấy yên tâm, giảm bớt áp lực và khiến cho cộng đồng, xã hội thân thiện, tôn trọng sự đa dạng lẫn nhau hơn.

Tuy nhiên, sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn diễn ra tương đối phổ biến trong gia đình, nhà trường và xã hội khiến cho người đồng tính đã và đang phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ, rủi ro, chịu nhiều áp lực ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất và tinh thần. Đồng thời, sự tác động từ những hành vi đó còn đến với gia đình cũng như toàn thể xã hội, khiến cho những vấn đề về mâu thuẫn, căng thẳng, xung đột ngày càng tăng lên. Nguyên nhân sâu sa, chủ yếu của thực trạng trên là do mọi người chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về xu hướng tính dục, đa dạng tính dục, hệ thống chính sách pháp luật chưa công nhận một số quyền của người đồng tính. Do vậy, nếu như cộng đồng không có được nhận thức đúng đắn về đồng tính thì thực trạng này sẽ ngày càng nghiêm trọng hơn bởi lẽ cộng đồng người đồng tính sống công khai, có quan hệ tình cảm với nhau ngày càng tăng và đó là những nhu cầu hết sức chính đáng của họ.

III. KIẾN NGHỊ

Để nâng cao nhận thức của cộng đồng, các kiến nghị giải pháp CTXH được đề xuất như sau:

- Truyền thông, nâng cao nhận thức cho cộng đồng: nhà trường, cộng đồng xung quanh để có những hiểu biết đúng đắn về xu hướng tình dục, để từ đó giảm và xóa bỏ tình trạng kỳ thị với người đồng tính.
- Đưa nội dung CTXH với người đồng tính, song tính, chuyển giới vào chương trình giảng dạy của các trường đại học, cao đẳng đào tạo CTXH ở Việt Nam hiện nay.
- Tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng tác nghiệp, giảng dạy, làm việc với nhóm đối tượng thân chủ hết sức mới mẻ và nhạy cảm này cho đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên CTXH tại cộng đồng để có thể kịp thời hỗ trợ những trường hợp người đồng tính bị kỳ thị, bị bạo lực.

Để giúp gia đình chấp nhận xu hướng tính dục của người đồng tính, xóa bỏ những hành vi bạo lực đối với người đồng tính, các giải pháp của CTXH cần:

- Truyền thông, giáo dục, thực hiện các biện pháp vãng gia để hỗ trợ gia đình của họ để có thể hiểu đúng về con cái của mình, thấu hiểu những cảm xúc, tâm trạng của con cái, tránh những hành động bạo lực làm tổn thương nhau; thực hiện tham vấn tâm lý cho bố mẹ, người thân của người đồng tính trong những trường hợp khủng hoảng và cùng tìm biện pháp để bảo vệ cho chính con cái của họ, đảm bảo quyền hết sức cơ bản và chính đáng của họ.
- Tham vấn tâm lý, quản lý ca với chính những người đồng tính. Họ chịu quá nhiều áp lực, gặp nhiều vấn đề về tâm lý, trầm cảm, bị bạo hành cả thể xác lẫn tinh thần nên họ rất cần những người nhân viên CTXH thực sự hiểu, thấu cảm để chia sẻ và hỗ trợ mình trong cuộc sống, trước những quyết định của cá nhân, ví dụ như trước khi họ quyết định công khai/lộ diện (come out) họ rất cần được tham vấn tâm lý một cách kỹ càng về mọi phương diện, hướng dẫn cách nói chuyện, chuẩn bị tâm lý cho bản thân và gia đình…

Để chính sách pháp luật đáp ứng tốt hơn nhu cầu chính đáng của người đồng tính, CTXH cần thực hiện các biện pháp sau:

- Hỗ trợ pháp lý cho người đồng tính và gia đình trong những trường hợp bị bạo lực, bị phân biệt đối xử.
- Vận động chính sách cho người đồng tính nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung để họ được đảm bảo quyền của mình, được sống đúng với con người thật của mình, không phải che dấu (ví dụ quyền kết hôn, xin con nuôi,…).

IV. KẾT LUẬN

Vấn đề đối xử với người đồng tính tại Việt Nam diễn ra theo hai chiều hướng, tiêu cực và tích cực. Theo đó chúng ta thấy bước đầu đã có những tín hiệu đáng mừng trong đối xử thân thiện, bình đẳng, tôn trọng đối với người đồng tính từ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp và mọi người trong cộng đồng, giúp cho người đồng tính tự tin hơn, khẳng định bản thân và có cuộc sống tốt đẹp hơn, giúp cho gia đình của họ cảm thấy yên tâm, giảm bớt áp lực và khiến cho cộng đồng, xã hội thân thiện, tôn trọng sự đa dạng lẫn nhau hơn. Tuy nhiên, sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn diễn ra tương đối phổ biến trong gia đình, nhà trường và xã hội khiến cho người đồng tính đã và đang phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ, rủi ro, chịu nhiều áp lực ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất và tinh thần.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Do vậy, để công cuộc xóa bỏ sự kỳ thị, phân biệt đối xử với những người đồng tính thành công, đảm bảo quyền và đáp ứng nhu cầu chính đáng của người đồng tính, cần có sự tham gia của cả cộng đồng, xã hội, trong đó ngành CTXH có vai trò quan trọng trong việc can thiệp, hỗ trợ những vấn đề gặp phải của người đồng tính và gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quỳnh Phương (2013), *Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.
2. iSEE & Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2008), *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*, NXB Thế giới.
3. iSEE (2009), *Đặc điểm kinh tế, xã hội của nam giới có quan hệ tình dục đồng giới tại Việt Nam*.
4. iSEE (2016), "Có phải bởi vì tôi là LGBT?", *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*.

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI LGBT VỀ BẠO LỰC GIỚI TRONG GIA ĐÌNH TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

PERCEPTION OF LGBT ABOUT DOMESTIC VIOLENCE IN THE FAMILY AT BINH DUONG PROVINCE

Nguyễn Huyền Châu*
Trần Văn Thành**
Nguyễn Thị Ngọc Thương***

TÓM TẮT

Bạo lực về giới trong gia đình là một hiện tượng phổ biến trong cuộc sống, nhận thức về bạo lực giới trong gia đình được nhiều nhà nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều đối tượng khác nhau. Trong bài viết này chúng tôi nghiên cứu nhận thức của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) về bạo lực giới trong gia đình, để xem cộng đồng LGBT ở tỉnh Bình Dương có nhận thức về các biểu hiện, hậu quả của bạo lực giới trong gia đình gây ra, cũng như nhu cầu của người bị bạo lực giới dưới góc nhìn của cộng đồng LGBT

Từ khóa: *giới, bạo lực giới, gia đình, LGBT.*

ABSTRACT

Gender violence in the family is a common phenomenon in life. The perception of violence in the family has been studied by many researchers from many different angles and with many different subjects. In this article, we study the perception of LGBT people, gay, bisexual and transgender people about gender violence in the family. The objective of this study was to see if the LGBT community at Binh Duong province is aware of the manifestations and consequences of gender-based violence in the family, as well as the needs of people experiencing gender-based violence from the perspective of the LGBT community.

Keywords: *gender, gender violence, family, LGBT.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạo lực gia đình từ lâu đã trở thành một vấn nạn xã hội gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng mà trước hết là vi phạm đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, làm suy giảm chất lượng cuộc sống nói chung. Bạo lực gia đình là biểu hiện của các mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa người lớn và trẻ em trên toàn thế giới. Bạo lực gia đình làm xói mòn các giá trị truyền thống tốt đẹp, tác động xấu đến môi trường giáo dục thế hệ trẻ, ảnh hưởng đến sự an toàn lành mạnh của cộng đồng và trật tự xã hội.

Hiện nay, bạo lực gia đình là vấn đề mang tính toàn cầu và xã hội Việt Nam cũng không là ngoại lệ, để lại nhiều hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho xã hội, gia đình và mỗi thành viên. Bạo lực gia đình tạo nên những rạn nứt, đổ vỡ, không những gây ra nhiều đau khổ cho các thành viên trong gia đình, mà còn có những hậu quả nặng nề cho xã hội.

* Học viên cao học, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: nguyenducchauanh123@gmail.com
** Thạc sĩ, Trường Đại học Lao động - Xã hội (CSII).
*** Thạc sĩ, Trường Chính trị Bến Tre.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Để có góc nhìn về bạo lực giới trong gia đình một cách đầy đủ hơn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhận thức của người LGBT về bạo lực giới trong gia đình tại tỉnh Bình Dương, nhằm có thêm tư liệu về góc nhìn của nhóm người LGBT để bổ sung vào các dạng thức nghiên cứu về bạo lực giới trong gia đình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu của nghiên cứu này là mẫu ngẫu nhiên, bao gồm những người LGBT sinh sống tại tỉnh Bình Dương chia theo ba khu vực: khu vực nội ô thành phố, khu vực vùng ven thành phố và khu vực nông thôn.

Số lượng của khách thể nghiên cứu là 200 người LGBT, trong đó người dân sống ở nội ô thành phố là 70 người (tỷ lệ 35 %); số lượng người dân sinh sống ở vùng ven thành phố là 105 người (tỷ lệ 52,5%) và người dân sinh sống ở vùng nông thôn là 25 người (tỷ lệ 12,4%), phỏng vấn sâu 05 người LGBT trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp cả phương pháp định lượng và định tính, phương pháp định lượng được sử dụng chủ yếu là khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp định tính là phỏng vấn sâu.

Phỏng vấn sâu được thực hiện chủ yếu để thu thập các thông tin định tính mà khảo sát bằng bảng hỏi không đáp ứng được, giúp lý giải sâu hơn các vấn đề được quan tâm nghiên cứu.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức về biểu hiện của bạo lực giới trong gia đình ở tỉnh Bình Dương

Bảng 1. Đánh giá về biểu hiện bạo lực giới ở tỉnh Bình Dương

STT	Các biểu hiện	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Bạo lực về thể xác	2.95	1.15
2	Bạo lực về tinh thần	3.10	1.16
3	Bạo lực về kinh tế	3.10	1.16
4	Bạo lực về tình dục	3.10	1.16
5	Đánh đập, hành hạ, ngược đãi	3.14	1.05
6	Chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm	2.97	1.06
7	Cô lập, ghẻ lạnh gây căng thẳng, ảnh hưởng tâm lý nghiêm trọng	2.90	1.05
8	Kiểm soát thu nhập, kinh tế	2.94	1.04
9	Ép buộc quan hệ tình dục	3.57	0.79
10	Ép buộc sinh con khi không đủ sức khỏe	3.58	0.78
11	Đập phá, hủy hoại tài sản trong gia đình	3.39	0.81
12	Ném đồ vật vào người	3.68	0.82

13	Đánh bằng bất cứ vật gì	3.48	0.86
14	Xô đẩy ngã	3.49	0.79
15	Tát vào mặt	3.34	0.71
16	Kéo tóc, bóp cổ	3.40	0.72
17	Hình thức khác	3.37	0.80
18	Tổn hại về tính mạng, sức khỏe	3.30	0.67

Những biểu hiện nổi bật trong bạo lực giới tại địa bàn khảo sát bao gồm đánh đập hành hạ, ngược đãi, bạo lực về kinh tế, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực về thể xác là những biểu hiện bạo lực đang chiếm tỷ lệ cao, chúng đang tồn tại hàng ngày trong cuộc sống của người dân. Nghiên cứu cho thấy bạo lực thể xác, là sử dụng bất kỳ hành động cố ý nào gây thương tích hoặc làm chấn thương cho người khác, đang là hành vi phổ biến tại địa phương. Bạo lực thể xác chiếm tỷ lệ cao mà nổi bật nhất là những hành vi như "Đánh đập, hành hạ, ngược đãi" đang diễn ra trên quy mô rộng khi có điểm trung bình cao nhất là 3.14 và độ lệch chuẩn là 1.05. Bạo lực thể xác trong gia đình đang xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc, không phụ thuộc trình độ học vấn, không chỉ xuất hiện ở những gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn mà còn nảy sinh ở những gia đình điều kiện kinh tế tốt, ở những cặp vợ chồng mới kết hôn hay cả những đôi vợ chồng sống cùng nhau hàng chục năm. Thói quen sử dụng vũ lực để giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng trong gia đình đã ăn sâu vào một bộ phận người dân, mặc dù được chính quyền nhắc nhở và có những biện pháp răn đe, tuy nhiên nó vẫn chưa được cải thiện. Do đó, bạo lực về thể chất luôn diễn ra thường xuyên trên địa bàn.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy ở địa bàn khảo sát "Bạo lực về kinh tế" có điểm trung bình cao thứ hai là 3.10 và độ lệch chuẩn là 1.16. Bạo lực kinh tế là hành vi cưỡng bức với thủ đoạn muốn kiểm soát các thành viên khác trong gia đình nhằm tạo tình trạng lệ thuộc về tài chính. Hành vi ngược đãi có thể là cắt giảm quá mức chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hoặc ngăn cản người trong gia đình có việc làm ổn định, không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng; kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính; buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ; đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên trong gia đình; có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung của gia đình và chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình; chiếm đoạt tài sản chung của gia đình để sử dụng vào mục đích cá nhân. Điều này gây thiệt hại và đau khổ không kém gì hành vi bạo lực về thể chất.

"Bạo lực về tinh thần" cũng có điểm trung bình cao là 3.10 và độ lệch chuẩn là 1.16 trên địa bàn khảo sát. Bạo lực tinh thần rất phổ biến nhưng nó khó nhận dạng hơn bạo lực thể chất bởi vì nó không sử dụng vũ lực thông thường như đánh đập, hành hạ, mà chủ yếu sử dụng lời nói chì chiết, nhục mạ, hạ thấp phẩm giá nạn nhân, kiểm soát các hoạt động của nạn nhân, lợi dụng vị thế của mình trong gia đình để gây áp lực, buộc người kia phải tuân theo mình, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Khác với bạo lực thể chất diễn ra ở tất cả các nhóm đối tượng người dân, bạo lực tinh thần thường diễn ra ở nhóm người dân có điều kiện kinh tế phát triển, có trình độ học vấn cao vì họ được tiếp cận với nhiều phương tiện truyền thông đại chúng, hiểu rõ những quy định của pháp luật, họ ý thức rõ về việc bạo lực về thể xác là vi phạm pháp luật,

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Bên cạnh đó, "Bạo lực về tình dục" cũng là một vấn đề đáng báo động tại địa bàn khảo sát khi có điểm trung bình là 3.10 và độ lệch chuẩn là 1.16. Bạo lực tình dục là hành vi rất dễ xảy ra sau khi đã xảy ra bạo lực tinh thần và bạo lực thể chất; biểu hiện bệnh hoạn của người gây bạo lực với ý định kiểm soát và sỉ nhục cao nhất đối với phụ nữ. Bạo lực tình dục được thực hiện thông qua các hành vi đánh đập để bắt quan hệ tình dục; sờ vào chỗ kín mà không được cho phép; dùng những lời nói tục tĩu, thô bạo để bắt người khác quan hệ tình dục; từ chối không sử dụng biện pháp tránh thai hoặc bao cao su khi quan hệ tình dục và bắt mang thai hay nạo phá thai.

Ngoài ra, theo kết quả tại địa bàn được khảo sát bạo lực giới còn được thực hiện thông qua các hành vi cụ thể: "Chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm" có điểm trung bình là 2.97 và độ lệch chuẩn là 1.06; "Bạo lực về thể xác" có điểm trung bình là 2.95 và độ lệch chuẩn là 1.15; "Cô lập, ghẻ lạnh gây căng thẳng, ảnh hưởng tâm lý nghiêm trọng" có điểm trung bình là 2.90 và độ lệch chuẩn là 1.05; "Tát vào mặt" có điểm trung bình là 3.34 và độ lệch chuẩn là 0.71; "Kéo tóc, bóp cổ" có điểm trung bình là 3.40 và độ lệch chuẩn là 0.72; "Hình thức khác" có điểm trung bình là 3.37 và độ lệch chuẩn là 0.80; "Ném đồ vật vào người" có điểm trung bình là 3.68 và độ lệch chuẩn là 0.82; "Tổn hại về tính mạng, sức khỏe" có điểm trung bình là 3.30 và độ lệch chuẩn là 0.67; "Kiểm soát thu nhập, kinh tế" có điểm trung bình là 2.94 và độ lệch chuẩn là 1.04; "Đập phá, hủy hoại tài sản trong gia đình" có điểm trung bình là 3.39 và độ lệch chuẩn là 0.81; "Đánh bằng bất cứ vật gì" có điểm trung bình là 3.48 và độ lệch chuẩn là 0.86; "Xô đẩy ngã" có điểm trung bình là 3.49 và độ lệch chuẩn là 0.79; "Ép buộc quan hệ tình dục" có điểm trung bình là 3.57 và độ lệch chuẩn là 0.79; "Ép buộc sinh con khi không đủ sức khỏe" có điểm trung bình là 3.58 và độ lệch chuẩn là 0.78.

Bạo lực giới đang diễn ra xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau như nhận thức của người dân, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội ở địa phương, phong tục tập quán bao đời nay của nhân dân ta, các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng như nghiện rượu và các chất kích thích, bài bạc, ma túy, mại dâm,… sự nghèo đói, thất nghiệp và một phần do công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa, đấu tranh phòng chống bạo lực tại địa phương còn hạn chế.

Những hành vi bạo lực này hầu hết được thực hiện trong cơn tức giận khi họ không đồng nhất, mâu thuẫn trong quan điểm. Việc không kiểm soát được cảm xúc dẫn đến bột phát bằng hành vi bạo lực đã và đang xuất hiện nhiều trên địa bàn gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

Bạo lực gia đình từ lâu không còn là hiện tượng mới của xã hội. Ở Việt Nam, bạo lực gia đình đang có chiều hướng gia tăng đáng báo động và trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Bạo hành gia đình có thể xảy ra ở mọi nơi, mọi lúc, không phụ thuộc trình độ học vấn, không chỉ xuất hiện ở những gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn mà còn nảy sinh ở những gia đình điều kiện kinh tế tốt. Thông qua số liệu thống kê cho thấy tại địa bàn được khảo sát vẫn còn tồn tại bạo lực giới, diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau với các mức độ từ thấp tới cao và nó đang ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đời sống của người dân, ảnh hưởng đến sự phát triển của các gia đình, đặc biệt là trẻ em.

3.2. Hậu quả của bạo lực giới

Bảng 2. Hậu quả của bạo lực giới trong gia đình

STT	Hậu quả	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Gia đình tan nát	4.30	0.88
2	Gây thương tật cho cơ thể	4.11	0.87
3	Gây tổn thương tinh thần	4.07	0.81
4	Làm giảm khả năng phát triển gia đình	4.03	0.74
5	Ảnh hưởng đến tâm lý và học tập của trẻ em trong gia đình	3.98	0.85
6	Tự tử	4.22	0.77
7	Tử vong	3.70	0.92
8	Giảm uy tín gia đình	4.03	0.78
9	Ảnh hưởng đến kinh tế gia đình	3.73	0.88
10	Buồn chán	4.35	0.68
11	Không muốn làm việc	3.38	0.71
12	Tổn hại về tính mạng, sức khỏe	3.37	0.77
13	Đổ vỡ hạnh phúc (ly thân, ly hôn)	3.29	0.67
14	Các thành viên trong gia đình có nguy cơ sa vào tệ nạn xã hội cao	4.30	0.88
15	Gây mất an ninh trật tự và giảm sự phát triển kinh tế của xã hội	4.11	0.87

Theo kết quả khảo sát ở Bảng 2 tại tỉnh Bình Dương, hậu quả của bạo lực giới được cộng đồng LGBT lựa chọn rất rõ ràng, hậu quả của bạo lực giới được biểu hiện dưới nhiều các hình thức khác nhau: cả về thể chất, tinh thần, tiền bạc và thậm chí cả mạng sống của con người. Hậu quả chiếm tỷ lệ cao nhất của bạo lực giới theo người dân đó là "Giảm uy tín gia đình" khi có điểm trung bình cao nhất là 4.03 và độ lệch chuẩn 0.78. Qua đó, có thể nhận thấy với người dân thì những gia đình có bạo lực giới sẽ làm cho việc nhìn nhận, đánh giá của người ngoài vào gia đình đó sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, làm giảm uy tín của các gia đình trong xã hội. Chính vì vậy, nhiều gia đình có bạo lực giới vẫn âm thầm chịu đựng, không dám chia sẻ hoặc tố cáo ra bên ngoài với chính quyền địa phương vì sợ ảnh hưởng tới uy tín, sợ bị cười chê,… Đây có thể vừa là hậu quả vừa là nguyên nhân làm cho bạo lực giới ngày càng gia tăng và để lại hậu quả nghiêm trọng.

"Buồn chán" có điểm trung bình cao thứ hai là 4.35 và độ lệch chuẩn 0.68. Tâm lý buồn chán của những người bị bạo lực đang là trạng thái cảm xúc được thể hiện nhiều nhất. Các hành vị bạo lực gây ám ảnh về tinh thần, luôn chán nản, buồn rầu, lo lắng, sợ hãi, mất tự tin, hoang mang, trầm cảm; cảm thấy cuộc sống nặng nề, căng thẳng và tuyệt vọng,… người bị bạo lực sẽ rơi vào các trạng thái tinh thần nghiêm trọng hơn như stress, trầm cảm hoặc tự tử,…

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Tiếp theo là "các hậu quả về sức khỏe, tính mạng" với điểm trung bình là 3.37 và độ lệch chuẩn là 0.77. Các hành vi đánh đập, dùng vũ lực hay bạo hành thường xuyên sẽ dẫn đến việc sức khỏe bị hủy hoại, thương tích đau đớn, có thể bị khuyết tật suốt đời, thậm chí dẫn đến tử vong. Đã có không ít các vụ bạo lực xảy ra, người bạo lực mất kiểm soát nên đã gây ra thương tích nặng dẫn đến người bị bạo lực tử vong.

Tâm lý lo lắng, buồn chán và thể trạng bị tổn thương của những người bị bạo lực đến việc họ "Không muốn làm việc" tham gia vào quá trình sản xuất phát triển kinh tế. Hậu quả này có điểm trung bình lên đến 3.38 và độ lệch chuẩn là 0.71. Tại địa bàn khảo sát, bạo lực giới ảnh hưởng đến việc người dân không muốn làm việc không chỉ diễn ra ở nhóm người dân bị bạo lực mà còn diễn ra với nhóm người dân thực hiện hành vi bạo lực. Từ việc người dân bạo lực không muốn làm việc đã đã dẫn đến những "Tổn thất về mặt phát triển kinh tế của gia đình", hậu quả này chiếm tỷ lệ chiếm trung bình khá cao là 3.73 và độ lệch chuẩn là 0.88. Bạo lực ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế gia đình, người thực hiện hành vi bạo lực phải đóng tiền nộp phạt vi phạm hành chính cho hành vi sai trái của mình khi gây ra bạo lực gia đình với người thân trong gia đình.

Đối với xã hội, bạo lực còn gây "Mất an ninh trật tự và giảm sự phát triển kinh tế của xã hội", hậu quả này có điểm trung bình là 4.11 và độ lệch chuẩn là 0.87. Bạo lực tác động tới nạn nhân lẫn người gây bạo lực và làm giảm sự đóng góp của họ tới xã hội, khiến cho lực lượng lao động có sức khỏe thể chất và tinh thần yếu, thiếu sáng tạo, thiếu sự chủ động, ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội sau này.

Hậu quả của bạo lực giới còn gây "Đổ vỡ hạnh phúc (ly thân, ly hôn)" với điểm trung bình là 3.29 và độ lệch chuẩn 0.67. Bạo lực giới trong gia đình là nguyên nhân dẫn tới li thân, li hôn và tan vỡ nhiều gia đình. Khi cả hai vợ chồng không cùng tiếng nói, gia đình thường xuyên xảy ra bạo lực, dẫn đến tâm lý ức chế, người bị bạo lực thường lựa họ hướng giải quyết là ly hôn, họ xem đây là cách tốt nhất để bảo vệ chính bản thân mình.

Tại các gia đình có xảy ra bạo lực đã kéo theo những hệ lụy xấu về sau như "Ảnh hưởng đến tâm lý và học tập của trẻ con trong gia đình", hậu quả này đang chiếm một tỷ lệ khá cao khi có điểm trung bình là 3.98 và độ lệch chuẩn là 0.85. Bạo lực trong gia đình ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình phát triển thể chất và trí tuệ đối với trẻ. Khi chứng kiến bạo lực gia đình, trẻ sẽ trong tình trạng căng thẳng, sợ hãi, tâm lý tiêu cực, thiếu tập trung và không có khả năng chơi tích cực, lẩn tránh các mối quan hệ với các bạn cùng lứa tuổi, có xu hướng kép kín với mọi người xung quanh. Tuy nhiên, nhiều trẻ lại theo chiều hướng thích gây rối, bỏ học, phạm tội, uống rượu, hút thuốc lá và nghiện ma túy và học theo hành vi của người lớn bạo lực lại người khác; thiếu tin tưởng vào người lớn; bỏ đi khỏi nhà; có thể có các hành vi bạo lực như người lớn; chán nản và có ý nghĩ tự tử; thậm chí tự tử. Đây cũng chính là lý do "Các thành viên trong gia đình có nguy cơ sa vào tệ nạn xã hội", và hậu quả này cũng đang chiếm tỷ lệ cao, có điểm trung bình là 4.30 và độ lệch chuẩn là 0.88. Chán nản, không có việc làm, bị ức chế là những nguyên nhân khiến người bị bạo lực và cả người thực hiện hành vi bạo lực dễ sa vào các tệ nạn xã hội như trộm cắp, ma túy, mại dâm, cờ bạc, rượu bia.

Bạo lực giới trong gia đình dẫn đến hậu quả "Gây thương tật cho cơ thể" với điểm trung bình là 4.11 và độ lệch chuẩn là 0.87. Những ảnh hưởng đến từ việc sử dụng bạo lực được thể hiện thông qua các mặt như sức khỏe bị tổn hại, thương tích đau đớn, có thể bị khuyết tật suốt đời, thậm chí dẫn đến tử vong.

"Gây tổn thương tinh thần" có điểm trung bình là 4.07 và độ lệch chuẩn là 0.81. Về sức khỏe tinh thần thì người bị bạo lực luôn ám ảnh việc mình bị bạo lực, chán nản, buồn rầu, lo lắng, sợ hãi, mất tự tin, hoang mang, trầm cảm; cảm thấy cuộc sống nặng nề, căng thẳng và tuyệt vọng và tự tử.

Ngoài ra còn có các hậu quả như: "Làm giảm khả năng phát triển gia đình" có điểm trung bình là 4.03, độ lệch chuẩn 0.74; "Gia đình tan nát" có điểm trung bình là 4.30, độ lệch chuẩn 0.88. Tại địa bàn khảo sát, hậu quả "tự tử" có điểm trung bình là 4.22, độ lệch chuẩn 0.77. Tự tử thường xuất hiện ở những người bị bạo lực, đặc biệt là ở nhóm người dân có học vấn và thu nhập thấp. Ý nghĩ về tự tử của họ cũng liên quan đến các rối loạn cảm xúc và lạm dụng chất. Họ bị trầm cảm, lo âu, xấu hổ, tủi nhục, các cảm xúc buồn bã và vô vọng là những nguyên nhân đưa họ đến quyết định tự tử.

2.3. Nhu cầu của người bị bạo lực giới trong gia đình

Bảng 3. Nhu cầu của người bị bạo lực giới trong gia đình

STT	Nhu cầu	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Cần đến gia đình can thiệp hàn gắn	2.94	1.04
2	Dùng con để tạo áp lực, uy hiếp	3.57	0.79
3	Mong muốn người gây ra bạo lực sẽ bị pháp luật xử lý thật nghiêm	3.58	0.78
4	Cần đến cơ quan, chính quyền hòa giải	3.39	0.81
5	Mong muốn người thân can thiệp	3.68	0.82
6	Mong muốn hàng xóm giúp đỡ	3.48	0.85
7	Mong muốn Hội Phụ nữ can thiệp	3.49	0.79
8	Cần sự trợ giúp của NVCTXH	3.34	0.72
9	Hy vọng vào mạng internet hỗ trợ	3.40	0.72
10	Hy vọng các tổ chức xã hội giúp đỡ	3.37	0.79
11	Cần sự chia sẻ của bạn bè	3.30	0.68
12	Mong muốn có sự can thiệp của các cơ quan đoàn thể	4.31	0.88
13	Mong muốn có sự can thiệp của các cơ quan tư pháp	4.12	0.86
14	Mong muốn khác	4.08	0.81

Trên địa bàn khảo sát, người dân bị bạo lực giới có nhu cầu nhờ đến sự hỗ trợ cao nhất là từ phía "cần đến cơ quan, chính quyền hòa giải" với điểm trung bình là 3.39 và độ lêch chuẩn là 0.81. Điều này chứng tỏ người bị bạo lực nhận thức rõ quyền được bảo vệ của mình, họ không muốn tình trạng bạo lực tiếp tục diễn ra và có mưu cầu hàn gắn mối quan hệ với người thực hiện hành vi bạo lực. Những người bị bạo lực chưa biết cách tự hòa giải hay chưa đủ khả năng tự giải quyết mâu thuẫn trong gia đình, họ sẽ tìm đến các cơ quan chính quyền nhờ hòa giải, khuyên ngăn người thực hiện hành vi bạo lực giúp họ.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Ngoài nhu cầu nhờ các cơ quan hòa giải, thì nhu cầu mong muốn được "Người thân can thiệp" cũng là một giải pháp được nhiều người sử dụng nhất với điểm trung bình là 3.68 và độ lêch chuẩn là 0.82. Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường đầu tiên và cũng là môi trường gắn bó lâu dài nhất của con người nên khi có vấn đề cá nhân xảy ra thì nhiều người họ chỉ biết kể chuyện hay tâm sự với những người thân trong gia đình, để những người trong gia đình có thể khuyên can hoặc chỉ dạy những người gây ra bạo lực.

Bên cạnh việc nhờ sự giúp đỡ từ người thân thì việc nhờ sự "Can thiệp, giúp đỡ từ những người sống xung quanh", những người có thể tác động kịp thời khi bạo lực với họ xảy cũng là một nhu cầu cao đối với người bị bạo lực với điểm trung bình là 3.48 và độ lêch chuẩn là 0.85. Khi bạo lực xảy ra, chính quyền địa phương không phải lúc nào cũng có mặt kịp thời để giải quyết, hoặc hòa giải nên sự can thiệp hỗ trợ từ những người sống xung quanh, hàng xóm là rất cần thiết vì ngay trong thời điểm diễn ra bạo lực người gây ra bạo lực và những người bị bạo lực khó có thể kiểm soát được hành vi của mình và dễ gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Chính vì vậy, sự quan tâm hỗ trợ từ những người sống xung quanh (hàng xóm - láng giềng) là vô cùng quan trọng, đặc biệt là đối với văn hóa, phong tục của nước ta.

Tiếp đến là nhu cầu được can thiệp từ các đơn vị tổ chức xã hội có thẩm quyền như có sự "Can thiệp của các cơ quan đoàn thể" với điểm trung bình là 4.31 và độ lêch chuẩn là 0.88. Các đơn vị, tổ chức xã hội có trách nhiệm thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

Nhu cầu cần đến sự "Trợ giúp của NVCTXH" có điểm trung bình là 3.34 và độ lêch chuẩn là 0.72. Công tác xã hội ở nước ta mới phát triển trong vài thập kỷ trở lại đây, không phải địa phương nào cũng có vai trò của nhân viên công tác xã hội ở các xã/phường/thôn/xóm… Tuy nhiên, người dân tại địa bàn khảo sát vẫn nhận thức rõ được vai trò và tầm quan trọng của nhân viên công tác xã hội.

Mong muốn có sự "Can thiệp của các cơ quan tư pháp" có điểm trung bình là 4.12 và độ lêch chuẩn là 0.86. Nhu cầu tìm đến cơ quan tư pháp để giải quyết vấn đề bạo lực giới trên địa bàn khảo sát cũng rất cao, điều này chứng tỏ người dân có sự am hiểu về mặt luật pháp, họ có điều kiện kinh tế và trình độ hiểu biết nhất định nên họ mong muốn pháp luatah đứng ra bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bản thân và gia đình. Họ mong muốn người gây ra bạo lực sẽ bị pháp luật trừng phạt và chấm dứt triệt đề hành vi bạo lực ngay trong gia đình của họ bằng sự răn đe của xã hội vào pháp luật đứng ra bảo đảm sự an toàn cho bản thân và gia đình…

Trái ngược với những người tin tưởng vào sự can thiệp của pháp luật và xã hội vẫn còn những người dân có nhu cầu "Dùng con để tạo áp lực, uy hiếp" với điểm trung bình là 3.57 và độ lêch chuẩn là 0.79. Nhiều người dân bị bạo lực, một phần do họ chưa có giải pháp giải quyết nào tốt nhất và bị ảnh hưởng về mặt tâm lý, do đó họ thường lựa chọn lấy mối quan hệ thứ ba, mà cụ thể là con của họ để yêu cầu người thực hiện hành vi bạo lực chấm dứt hành vi bạo lực. Có thể thấy đây là cách giải quyết mà người bị bạo lực thường thực hiện bằng bản năng mà họ chưa nghĩ đến hậu quả lâu dài là sẽ ảnh hưởng đến tâm lý đứa trẻ.

Áp lực về tâm lý, buồn chán, lo lắng khi bị bạo lực giới, người bị bạo lực trên địa bàn có mưu cầu "Cần sự chia sẻ của bạn bè" với điểm trung bình là 3.30 và độ lệch chuẩn là 0.68. Với nhu cầu cần người lắng nghe họ, người bị bạo lực thường tìm đến sự chia sẻ của bạn bè để được giải tỏa về mặt tâm lý cảm xúc và có thể cho lời khuyên, giải pháp để họ có thể tự giải quyết, chấm dứt vấn đề bạo lực giới đối với họ. Bạn bè xưa nay vẫn là người được nhiều người tin tưởng để chia sẻ chuyện cá nhân và gia đình, có nhiều cá nhân còn tin tưởng bạn bè hơn cả người thân trong gia đình.

Bên cạnh đó, sự hỗ trợ từ các đơn vị xã hội giúp họ hàn gắn, giải quyết bạo lực cũng là một trong những nhu cầu mà người bị bạo lực giới cần đến như: "mong muốn người gây ra bạo lực sẽ bị pháp luật xử lý thật nghiêm" với điểm trung bình là 3.58 và độ lệch chuẩn là 0.78; Mong muốn "Hội Phụ nữ can thiệp" có điểm trung bình là 3.49 và độ lệch chuẩn là 0.79; Hy vọng các "Tổ chức xã hội giúp đỡ" có điểm trung bình là 3.37 và độ lệch chuẩn là 0.79; Cần đến "Gia đình can thiệp" hàn gắn có điểm trung bình là 2.94 và độ lệch chuẩn là 1.04 và "Mong muốn khác" có điểm trung bình là 4.08 và độ lệch chuẩn là 0.81.

Theo kết quả khảo sát thì những người dân bị bạo lực có nhu cầu tìm sự "Giúp đỡ từ mạng internet" với điểm trung bình là 3.40 và độ lêch chuẩn là 0.72. Khi chưa tìm được những giải pháp triệt để hay sự giúp đỡ từ những người xung quanh, người bị bạo lực thường sử dụng các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo… đưa những thông tin hình ảnh họ bị bạo lực, nhằm tố cáo hành vị của người bạo lực và nhờ vào sức ép, ý kiến chia sẻ của cộng đồng mạng xã hội để buộc người có hành vi bạo lực chấm dứt hành vi của mình.

4. KẾT LUẬN

Chúng tôi khảo sát thực tiễn nhận thức của người LGBT về bạo lực giới trong gia đình, từ đó chúng tôi có được các số liệu về nhận thức của người LGBT về bạo lực giới trong gia đình, cũng như đánh giá về các biểu hiện mang tính phổ biến của bạo lực giới để hộ gia đình phát hiện kịp thời các biểu hiện này, đồng thời chúng tôi cũng thu nhận được các số liệu về hậu quả của bạo lực giới trong gia đình một cách khách quan, từ đó làm cơ sở cho việc xem xét đề xuất các giải pháp giảm thiểu bạo lực giới sau này.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nghiên cứu về nhu cầu của người bị bạo lực giới, xem xét xem những hộ gia đình bị bạo lực giới như vậy có những nhu cầu thiết yếu nào, trên cơ sở tập hợp các nhu cầu hợp lý, chúng tôi sẽ có giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ họ trong đời sống hằng ngày.

Ngoài ra, chúng tôi còn đưa các nội dung CTXH vào khảo sát để tìm ra số liệu thiết thực cho hoạt động CTXH có hiệu quả trong quá trình hỗ trợ các gia đình bị bạo lực giới. Với kết quả chúng tôi thu được thì với các hoạt động hỗ trợ của CTXH sẽ giúp cho xã hội giảm thiểu được bạo lực giới, đặc biệt là tại tỉnh Bình Dương.

Với kết quả nghiên cứu như trên, chúng tôi nhận thấy rằng nhận thức của người LGBT về bạo lực giới trong gia đình tại tỉnh Bình Dương có nét tương đồng với nhận thức của người dị tính, tuy nhiên cũng có những góc cắt chênh lệch nhưng không đáng kể. Như vậy, bạo lực giới trong gia đình từ hình thức biểu hiện đến hậu quả và nhu cầu của người bị bạo lực đều được đánh giá một cách khách quan trong xã hội.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vietnam.UNFPA (2014). *Từ Bạo lực gia đình đến Bạo lực giới tại Việt Nam: Mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực*. Tài liệu thảo luận của Liên hợp quốc.
2. UNFPA (2020). *Công bố Báo cáo điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019*: "*Hành trình để thay đổi*". Thông cáo báo chí.
3. Phúc Duy (21/06/2013). *WHO: 30% phụ nữ trên thế giới bị bạo hành gia đình.* https://thanhnien.vn/who-30-phu-nu-tren-the-gioi-bi-bao-hanh-gia-dinh-post24398.html.
4. Thu Lan (Theo axios.com, Xinhua) (10/03/2021). *WHO cảnh báo về nạn bạo lực phụ nữ.* https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/who-canh-bao-ve-nan-bao-luc-phu-nu-576100.html.
5. Ngân hàng Thế giới (2012). *Tổng quan Bình đẳng giới và phát triển. Báo cáo phát triển thế giới.* https://documents1.worldbank.org/curated/en/432021495176101905 /pdf/64665-v2-VIETNAMESE-BAOCAOPH-PUBLIC.pdf.
6. Liên hợp quốc (2006). *Nghiên cứu sâu về bạo hành với phụ nữ*. Báo cáo của Tổng thư ký Liên hợp quốc.
7. Tổng **C**ục Thống kê (2010), *Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.*

PHẦN III

CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT): KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ THỰC TẾ VIỆT NAM

CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI CHUYỂN GIỚI TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

THEORETICAL BASIS OF SOCIAL WORK PRACTICE FOR TRANSGENDER PEOPLE IN SOME COUNTRIES IN THE WORLD AND EXPERIENCE FOR VIETNAM

Nguyễn Thị Quốc Minh*

TÓM TẮT

Như chúng ta đã biết, chuyển giới (Transgender) là một khái niệm rất rộng, nó chỉ quá trình một con người thay đổi giới tính. Hay nói cách khác, chuyển giới là trạng thái một người nhận thức bản thân thuộc về một giới tính mà giới tính đó không đồng nhất với đặc điểm giới tính sinh học của cơ thể. Cảm nhận này không phụ thuộc vào việc người đó đã qua phẫu thuật thẩm mỹ hay chưa. Trong quá trình tác nghiệp với người chuyển giới, nhân viên công tác xã hội (CTXH) ít nhiều cũng gặp những khó khăn, nhiều tình huống khó xử… Bài viết này giới thiệu tổng quan về người chuyển giới, tập trung vào nội dung cơ sở lý luận về thực hành công tác xã hội với người chuyển giới ở một số quốc gia tiên tiến trên thế giới và nêu những gợi ý, những nội dung có thể vận dụng được ở Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích tài liệu có liên quan là chủ yếu, từ đó so sánh và chọn lựa những gì phù hợp thực tiễn cho ngành CTXH ở Việt Nam.

Từ khóa: *người chuyển giới (hoán tính), phẫu thuật chuyển giới, công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội.*

ABSTRACT

Transgender is a very broad concept, it refers to the process by which a person changes gender. In other words, transgender is a state in which a person's self-perception of a gender is not identical to his specific physio-biological features. This self-perception does not depend on whether the person has been in operation for transgender or not. Therefore, in their work with clients who are transgenders, social workers have encountered with many difficulties and awkward situations. This article introduces an overview of transgendered persons, focuses on the content of performing theoretical basis of social work with transgendered individuals in some advanced countries and proposes some suggestions that can be applied in Vietnam setting. The article mainly uses the method of synthesizing-analyzing relevant documents, from which to compare and select what is appropriate for the social work sector in Vietnam.

Keywords: *transgendered persons, transgender surgery, social work, social worker.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một khái niệm được khá nhiều người biết đến là "Người chuyển giới hay còn gọi là hoán tính, là trạng thái một người nhận thức bản thân thuộc về một giới tính mà giới tính đó không đồng nhất với đặc điểm giới tính của cơ thể sinh ra. Cảm nhận này không phụ thuộc vào việc người đó đã qua phẫu thuật thẩm mỹ hay chưa" (GLAAD, 2010). Chẳng hạn, một người sinh ra

* Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM,
Email: quocminh1212@hcmussh.edu.vn

 ISBN: 978-604-73-8639-0

với giới tính sinh học là nữ (có bộ phận sinh dục nữ) nhưng họ luôn nghĩ họ là nam, họ cho rằng họ là nam, họ muốn, họ khát khao được khẳng định, thừa nhận họ là nam và ngược lại.

Khái niệm này nhấn mạnh đến cảm nhận của bản thân hay nói cách khác là sự tự cảm nhận nội tại cơ thể chứ không liên quan đến việc đã trải qua phẫu thuật thẩm mỹ hay chưa phẫu thuật thẩm mỹ bởi vì sẽ có người có mong muốn và thực hiện giải phẫu thẩm mỹ nhưng cũng sẽ có người không thể phẫu thuật thẩm mỹ để chuyển giới bởi các lý do sức khỏe, sợ dao kéo, sợ dư luận, kinh tế kém, hoặc áp lực/sự ngăn cấm từ gia đình… Chuyển giới không đồng nhất với đồng tính.

Công tác xã hội với người chuyển giới là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp cho người chuyển giới nâng cao năng lực và chức xã hội để có thể giải quyết, phòng ngừa những vấn đề gặp phải do chưa được đáp ứng nhu cầu về quyền, các yếu tố pháp lý, y tế,… đồng thời nhân viên CTXH cũng có trách nhiệm thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, pháp luật, nguồn lực và dịch vụ để đáp ứng những nhu cầu của người chuyển giới cũng như tôn trọng sự khác biệt bản dạng giới.

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích: Chúng tôi tổng hợp các tài liệu có liên quan đến người chuyển giới ở trên thế giới và ở Việt Nam, và các tài liệu có liên quan đến nhân viên công tác xã hội sau đó tiến hành phân tích, đánh giá và phát triển thêm những nội dung có liên quan và phù hợp với bối cảnh hiện tại ở Việt Nam.

2.2. Những cách tiếp cận chủ đạo trong CTXH với người chuyển giới tại một số quốc gia trên thế giới

Ở những nước tiên tiến trên thế giới ngành CTXH đã phát triển từ lâu và lĩnh vực CTXH với người LGBT nói chung, người chuyển giới nói riêng cũng vì thế mà đã ra đời khá sớm so với Việt Nam. Tuy nhiên, do sự hạn chế chung của thời đại, của sự hiểu biết về người chuyển giới nên có phương pháp tiếp cận còn lạc hậu, thậm chí phản khoa học. Sau đây, chúng tôi xin nêu ra 3 cách tiếp cận với người LGBT phổ biến nhất:

2.2.1. Cách tiếp cận chuyển đổi/ liệu pháp thay thế (Conversion/ Reparative Therapy)

Cách tiếp cận này dựa trên nền tảng cho rằng LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng là bệnh có liên quan đến thần kinh, một sự lệch lạc được kéo dài và những biểu hiện, hành vi đó có thể chữa trị được. Chính vì nghĩ như vậy nên rất nhiều người đã cố gắng chữa trị cho người chuyển giới. Họ dùng các kỹ thuật như điều chỉnh hành vi, hoặc áp dụng điều trị tâm lý, thôi miên… Một trong những người đầu tiên áp dụng cách này là Sigmund Freud khi ông cho rằng đồng tính có thể được loại bỏ thông qua liệu pháp thôi miên (Sigmund Freud, 1991). Còn Eugen Steinach từng áp dụng hình thức phẫu thuật khi đã cấy ghép tinh hoàn của một người đàn ông dị tính và một người đồng tính nam với mong muốn sẽ thay đổi xu hướng tính dục của người đồng tính nam ấy (LeVay, 1996).

Những cách thức trị liệu này đã gây ra rất nhiều ý kiến trái chiều và tranh cãi. Nhiều nhà khoa học, tâm lý học và cả xã hội học cảm thấy quan ngại với phương pháp trị liệu chuyển đổi bởi

những tổn thương về mặt thể chất và tinh thần để lại rất rõ. Năm 1997, Hiệp hội nhân viên CTXH ở Mỹ đã nêu rõ quan điểm là phản đối phương pháp trị liệu này và họ kêu gọi các nhân viên CTXH của họ tuyệt đối không áp dụng phương pháp này. Điều họ quan tâm và đề cao đó là phải làm sao để giúp thân chủ có đầy đủ kiến thức khoa học để hiểu bản dạng giới và xu hướng tính dục của bản thân. Ý thức bản thân, ý thức trách nhiệm, cách thể hiện sự đóng góp tích cực của bản thân với gia đình, cộng đồng, xã hội,… Quan trọng nhất là thúc đẩy hệ thống xã hội và các chính sách có liên quan để đảm bảo quyền hợp pháp, công bằng và một môi trường sống an toàn, lành mạnh cho tất cả mọi người nói chung, trong đó có người chuyển giới.

2.2.2. Cách tiếp cận thực hành hòa nhập (Inclusive Practice)

Thực hành hòa nhập là một nguyên tắc thực hành được Úc đưa vào trong bộ quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp dành cho nhân viên CTXH (AASW, 2013). Trong đó có các nội dung cơ bản sau:

+ Nhân viên CTXH cần có kiến thức về sự đa dạng, trong đó, bao gồm sự đa dạng về văn hóa, sắc tộc, tôn giáo, xu hướng tình dục, bản dạng giới,… Nhân viên CTXH cũng cần nhận thức được tính phức tạp của sự đa dạng và ảnh hưởng của sự đa dạng tới quá trình thực hành nghề nghiệp.
+ Những người sử dụng dịch vụ có thể là bất cứ ai, bất kỳ giới tính nào và đương nhiên là không loại trừ người chuyển giới. Vì vậy, các nhân viên CTXH cần có kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho phù hợp.
+ Các dịch vụ hỗ trợ mà nhân viên CTXH cung cấp phải phù hợp, cần thiết và giúp người sử dụng dịch vụ dễ tiếp cận. Nhân viên CTXH cũng cần nắm bắt những vấn đề đặc thù của những người thuộc nhóm người yếu thế như người chuyển giới để cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù của họ.

Ngoài ra, người chuyển giới rất quan tâm và rất cần dịch vụ hỗ trợ tư vấn tâm lý tình cảm do quan niệm xã hội tại một số khu vực còn khắt khe, nặng nề nên họ cảm thấy lạc lõng, cô đơn, thậm chí có người cảm thấy tội lỗi.

Tiếp theo là tư vấn họ công khai giới tính (come-out), tư vấn phẫu thuật thẩm mỹ chuyển đổi giới tính, tư vấn các thủ tục pháp lý sau chuyển giới. Có một số thì cần được bảo vệ về mặt pháp luật vì có thể họ đã phải chịu sự kỳ thị, phân biệt đối xử…

Nhân viên CTXH còn là người có tiếng nói quan trọng trong việc tư vấn cho các cơ quan ban hành pháp luật ban hành ra những điều luật bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người chuyển giới. Đồng thời nhân viên CTXH còn là người có vai trò tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực, góp phần thúc đẩy việc xây dựng các chính sách có lợi cho nhóm thiểu số, yếu thế trong xã hội nói chung và người chuyển giới nói riêng.

Như vậy, chúng ta thấy rằng thực hành hòa nhập/ không loại trừ là một trong những nguyên tắc bắt buộc của nhân viên CTXH khi họ tiếp cận, làm việc với thân chủ. Muốn đảm bảo sự công bằng, tiến tới một xã hội văn minh, hiện đại và nhân văn thì việc giúp thân chủ là người chuyển giới tiếp cận những dịch vụ của xã hội một cách tiện lợi, phù hợp, có ích và đảm bảo tính tôn trọng, công bằng là một việc làm hết sức quan trọng và cần thiết.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

2.2.3. Cách tiếp cận khẳng định chuyển giới (Transgender Affirmative Approach)

Cách tiếp cận này có nguồn gốc từ ngành tâm lý học nhưng hiện nay xu hướng tiếp cận này ngày càng được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong ngành CTXH, thậm chí trở thành quan điểm chủ đạo chi phối những nguyên tắc tiếp cận thân chủ LGBT nói chung và chuyển giới nói riêng trong ngành CTXH. Trái với cách tiếp cận trị liệu chuyển đổi, cách tiếp cận khẳng định chuyển giới có nguyên tắc hoạt động như đúng tên gọi của nó. Chính vì khẳng định chuyển giới nên các nhân viên CTXH luôn động viên thân chủ của họ chấp nhận giới tính mà bản dạng giới của họ mách bảo, giới tính mà họ mong muốn chứ không bị áp lực, trói buộc bởi giới tính sinh học (Crisp, 2006).

Trên thực tế, việc trốn tránh bản dạng giới của mình, không dám đối diện với sự thật về giới tính của mình cộng với việc bị kỳ thị, bắt nạt, phân biệt đối xử,… chính là những nguyên nhân cơ bản làm cho người chuyển giới phải sống trong dằn vặt, đau khổ, sợ hãi. Có những người chống đối, phản kháng theo hướng tiêu cực nên đã sinh ra những hành động, lời nói, hình ảnh không tốt, gián tiếp làm xấu cộng đồng người chuyển giới. Vì thế, giúp người chuyển giới mạnh dạn chấp nhận bản dạng giới của họ, hướng họ đến cách nghĩ, cách sống, cách ứng xử cho phù hợp xã hội, hướng họ đến những việc làm có lợi ích cho bản thân họ, gia đình họ hay cao hơn nữa là có lợi ích cho cộng đồng chính là cách giải quyết khoa học và cũng rất nhân văn.

2.3. Thực hành công tác xã hội với người chuyển giới - Những vận dụng tại Việt Nam

Trước tiên chúng tôi sẽ đề cập đến một số nguy cơ sau đây có thể xảy ra khi hoạt động hỗ trợ không tuân thủ theo các nguyên tắc:

- Bản thân nhân viên CTXH có định kiến với người chuyển giới.
- Người thân, gia đình của người chuyển giới có thể cho rằng nhân viên CTXH là người "cổ xúy" cho con cái họ nổi loạn, đua đòi, chống đối gia đình…
- Người chuyển giới sau khi come-out có thể phải chịu sự kỳ thị nhiều hơn, không gian kì thị đa dạng hơn lúc đó có thể họ sẽ bị shock tâm lý hơn. Bên cạnh đó là việc sử dụng các biện pháp nhằm thay đổi cơ thể sẽ gặp nhiều rủi ro về sức khỏe.

Vì những lý do trên, hoạt động hỗ trợ cho người chuyển giới cần tôn trọng và tuân thủ những một số nguyên tắc cơ bản.

2.3.1. Những nguyên tắc cơ bản của nhân viên CTXH trong hoạt động hỗ trợ cho người chuyển giới

Một là, chấp nhận người chuyển giới. Thân chủ là người chuyển giới luôn khao khát được sống là chính mình, được thể hiện giới, được bộc lộ bản thân như những gì trong lòng họ mong muốn. Việc chấp nhận quan điểm hay giá trị của người chuyển giới ở đây có nghĩa là nhân viên CTXH ghi nhận sự hiện diện và không phán xét những hành vi, suy nghĩ, nhận thức về bản dạng giới của họ. Chấp nhận người chuyển giới là việc nhân viên CTXH thể hiện sự chân thành, sự chia sẻ và nỗ lực hỗ trợ họ và sẵn sàng trao đổi cùng họ để họ đủ kiến thức khoa học, đủ quyết tâm, đủ tự tin trong cuộc sống, lao động, học tập…

Hai là, tạo điều kiện để người chuyển giới tham gia giải quyết vấn đề. Như chúng ta đã biết, người chuyển giới đã trải qua những gì, đối mặt những gì để quyết định chuyển giới (dù có phẫu

thuật chuyển giới hay chưa) vì vậy có thể nói rằng: bản thân mỗi người chuyển giới là "chuyên gia" của chính cuộc đời họ. Chỉ họ mới hiểu rõ nhất họ cần gì, muốn gì, khao khát gì và có thể làm được gì. Cho nên bản thân của thân chủ là người chuyển giới cần phải là chủ động, tích cực trong các hoạt động về tuyên truyền nâng cao nhận thức về người chuyển giới, vận động sự cải biến cho phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của họ. Nhân viên CTXH đóng vai trò xúc tác, vai trò định hướng trong quá trình hỗ trợ thân chủ thực hiện hiệu quả, đúng đắn các hoạt động đó.

Ba là, tôn trọng quyền tự quyết của người chuyển giới. Nguyên tắc này cho rằng cá nhân có quyền quyết định những vấn đề thuộc về cuộc đời họ, người khác không được quyền áp đặt lên họ. Mỗi cá nhân đều có quyền tối cao đối với cuộc sống của mình, người chuyển giới cũng không ngoại lệ. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ cũng như những thành viên khác trong cộng đồng và gia đình cần tôn trọng phương án mà người chuyển giới lựa chọn trên cơ sở đã cung cấp thông tin và phân tích các tình huống, các phương án cho họ. Ở nội dung này, nhiệm vụ của nhân viên CTXH là cung cấp đầy đủ thông tin về các phương án khác nhau để người chuyển giới có cơ sở lựa chọn phương án phù hợp. Trong quá trình cung cấp thông tin, nhân viên CTXH có thể thảo luận thật kỹ lưỡng và giúp người chuyển giới cân nhắc những thuận lợi và khó khăn. Nhân viên CTXH có thể đề xuất những ưu tiên hoặc đưa ra các chứng minh, bằng chứng,… nhưng quyền lựa chọn cuối cùng vẫn thuộc về thân chủ.

Để đảm bảo tính toàn vẹn trong nguyên tắc này, nhân viên CTXH cần đảm bảo việc người chuyển giới đưa ra quyết định là trên cơ sở tự nguyện chứ không phải bị đe dọa hay áp đặt bởi bất cứ một ai hay hệ thống hỗ trợ.

2.3.2. *Nội dung hoạt động của nhân viên CTXH với người chuyển giới*

Một là, hoạt động giảm thiểu định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực với người chuyển giới. Tăng cường truyền thông nâng cao kiến thức cho cộng đồng về vấn đề giới, chuyển giới và người chuyển giới, cụ thể như sau:

+ Truyền thông trực tiếp: Tuyên truyền giáo dục thông qua sinh hoạt ở đơn vị cấp xã, phường, thị trấn hoặc trong cơ quan, trường học trên địa bàn. Tổ chức các buổi nói chuyện, tập huấn, game show, diễn đàn,… về người chuyển giới. Tổ chức tập huấn cho người trong cộng đồng LGBT nói chung, người chuyển giới nói riêng về kiến thức, kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.
+ Truyền thông gián tiếp: Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức thông qua phát tờ rơi, tranh ảnh, diễn đàn online trên các trang web, mạng xã hội,…
+ Tham gia vào quá trình nghiên cứu, phân tích, hoạch định, đề xuất các chính sách hỗ trợ và có thể đề xuất xây dựng và phát triển một bộ luật chung về phòng chống mọi hình thức kỳ thị, phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới, xu hướng tình dục…

Hai là, hỗ trợ xây dựng và phát triển mạng lưới cộng đồng những người chuyển giới. Cụ thể:

+ Hỗ trợ thông tin về chuyển giới: Cung cấp các thông tin về các diễn đàn hiện tại đang có cho thân chủ, cung cấp kiến thức khoa học, y học về việc come-out, sử dụng hooc-môn, quá trình phẫu thuật chuyển đổi, an toàn sức khỏe tình dục,…
+ Hỗ trợ phát triển lãnh đạo của cộng đồng: hỗ trợ mạng lưới người chuyển giới để họ có thể kết nối, phát triển và bầu ra những người đại diện cho họ để tham gia vào các tiến trình chính sách và xã hội có liên quan đến người chuyển giới.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

+ Tham vấn đại diện cộng đồng chuyển giới khi soạn thảo các văn bản pháp luật liên quan đến quyền nhân thân như Luật Hộ tịch, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Dân sự để đảm bảo công bằng, lợi ích cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của người chuyển giới.

Ba là, hỗ trợ pháp lý. Vấn đề quan trọng nhất đối với người chuyển giới chính là nội dung này. Bởi vì khi và chỉ khi được pháp luật thừa nhận và bảo vệ quyền nhân thân thì người chuyển giới mới có thể tránh được những bất công, thiệt thòi cũng như lúc đó họ mới tự tin có những đóng góp cho xã hội. Hiện nay, pháp luật ở Việt Nam về người chuyển giới vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện chứ chưa thật sự hoàn thiện nên đâu đó vẫn còn xảy ra những trường hợp lúng túng, khó khăn, bất nhất trong việc xử lý những vấn đề có liên quan tới người chuyển giới.

Tổ chức những cuộc đối thoại giữa cộng đồng, những nhà làm luật, ban ngành liên quan, các thành viên quốc hội, chính phủ,… để tham gia vào việc sửa đổi, bổ sung và dự thảo luật thông qua các cuộc hội thảo, công trình nghiên cứu. Thông qua đó, mong muốn cung cấp cái nhìn rõ nét và thực tế hơn về những vấn đề mà cộng đồng người chuyển giới đang phải đối mặt. Phản hồi, lên tiếng giúp những người chuyển giới về nhu cầu của họ qua các kênh truyền thông, thông tin khác nhau góp phần xây dựng hình ảnh tích cực cho cộng đồng người chuyển giới.

Hoạt động của nhân viên CTXH với người chuyển giới cần có sự hỗ trợ pháp lý, đánh giá, giúp người chuyển giới hiểu đúng về quy định, chính sách của pháp luật hiện hành và tiếp tục thúc đẩy vận động các điều luật hoàn chỉnh hơn, phù hợp với mọi đối tượng chuyển giới.

Bốn là, đảm bảo quyền tiếp cận công bằng đến các dịch vụ công, đặc biệt là y tế, chăm sóc sức khỏe và việc làm cho người chuyển giới.

+ Hỗ trợ y tế: Nhân viên CTXH sẽ kết nối, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần thông qua các đối tác cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp. Tăng cường và bổ sung dịch vụ chuyên môn y tế đặc thù về chuyển giới ở các cơ sở y tế sẵn có. Bên cạnh đó là các dịch vụ hỗ trợ tâm lý và chăm sóc sức khỏe trước, trong và sau phẫu thuật.
+ Hỗ trợ tạo cơ hội việc làm: Nhân viên CTXH kết nối với các công ty, cơ quan, tổ chức để có thể giúp cho người chuyển giới có điều kiện tiếp cận nghề và được đào tạo nghề nghiệp thích hợp. Về lâu dài, cần đảm bảo quyền học tập để người chuyển giới có nhiều cơ hội nghề nghiệp và ổn định việc làm hơn.

Năm là, hoạt động tham vấn tâm lý, hỗ trợ người chuyển giới trong quá trình công khai bản dạng giới.

Người LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng thường xuyên gặp phải những vấn đề về tâm lý, tình cảm. Họ luôn khao khát được là chính mình nhưng mặc khác họ cũng sợ dư luận, điều tiếng, bị sức ép từ gia đình, dòng họ,… Vì vậy nhu cầu được tham vấn của họ rất cao.

+ Tham vấn tâm lý: Giúp cho người chuyển giới ổn định được tâm lý, vượt qua được các trạng thái tiêu cực như mặc cảm, sự cô lập, cô đơn, sự lo âu, sự tổn thương, tự ti, mặc cảm,… Hình thức tham vấn cũng khá đa dạng, có thể tham vấn trực tiếp hoặc thông qua các diễn đàn, các bài nghiên cứu.
+ Hỗ trợ come-out: Nhân viên CTXH cần giúp người chuyển giới có ý định come-out tìm hiểu đầy đủ các kiến thức khoa học có liên quan, các kỹ năng và kinh nghiệm ứng xử sao cho thật hợp lí, văn minh, lịch sự,… Ngoài ra, có thể hỗ trợ phát triển mạng lưới câu lạc

bộ cha mẹ, gia đình và bạn bè của những thân chủ, tạo không gian sinh hoạt chung cho các thân chủ với cha mẹ, người thân,…

2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả làm việc của nhân viên CTXH đối với người chuyển giới

Một là, yếu tố nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội. Như chúng ta đã biết, người làm cha mẹ nào cũng luôn đặt những mơ ước, hy vọng, thậm chí là kỳ vọng vào đứa con của mình, bởi thế mới có câu "Hy sinh đời bố củng cố đời con" nên họ sẽ không khỏi đau lòng, bị hụt hẫng, thậm chí có người như sụp đổ khi biết con mình "không bình thường" như những "người bình thường" khác. Thật hiếm có trường hợp nào mà cha mẹ bình thường, vui vẻ chấp nhận ngay. Ít hay nhiều họ cũng trải qua những suy tư, trăn trở, dằn vặt rồi mới có thể đưa ra kết luận. Cũng có trường hợp cha mẹ rất thương con, muốn chia sẻ và hỗ trợ mong muốn được come-out của con nhưng họ lại không vượt qua được dư luận xã hội, họ không chấp nhận được việc họ đã thất bại trong chuyện đáp ứng kỳ vọng của xã hội với tư cách là bậc phụ huynh. Bên cạnh đó là những thông tin mang tính định kiến và thiếu tính khoa học, tính chuẩn xác được lan truyền trên báo mạng, mạng xã hội facebook, tiktok,… đã tạo nên và củng cố thêm những cái nhìn một chiều, bảo thủ, những hiểu biết lệch lạc và thái độ kỳ thị.

Từ đó suy ra, yếu tố nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội là yếu tố ảnh hưởng, tác động lớn đến việc thực hiện CTXH với người chuyển giới. Để đạt hiệu quả trong việc hỗ trợ người chuyển giới thì nhân viên CTXH cần chú ý đến việc nâng cao nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội.

Hai là, nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên CTXH. Như chúng ta đã biết, CTXH là một ngành khoa học, một nghề đặc thù vì vậy đòi hỏi nhân viên CTXH phải được trang bị đầy đủ kỹ năng, kiến thức, hiểu biết về tâm lý của từng đối tượng thân chủ của mình. Khi tác nghiệp với thân chủ là người chuyển giới nhân viên CTXH phải nắm rõ tâm lý của họ, phải hiểu biết sâu rộng về quyền con người nói chung, quyền của người chuyển giới nói riêng, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới,… Qua đó để biết người chuyển giới có những quyền và nghĩa vụ như thế nào, dựa trên đó để có cơ sở bảo vệ quyền lợi, biện hộ cho thân chủ trước pháp luật.

Trong quá trình làm việc với thân chủ là người chuyển giới thì nhân viên CTXH phải tuyệt đối tránh thái độ khinh thường, mỉa mai, luôn giữ thái độ hòa nhã, tin tưởng. Đặc biệt không nên có những câu hỏi hoặc gợi ý tìm hiểu về bộ phận sinh dục của họ, không suy đoán, suy diễn về các mối quan hệ của họ. Tuyệt đối giữ kín những gì họ trao đổi và cho là bí mật riêng tư. Khi thân chủ tin tưởng nhân viên CTXH thì công việc mới diễn ra suôn sẻ, có hiệu quả và ngược lại.

Ba là, vấn đề dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính đi vào thực tiễn. Ở Việt Nam, vấn đề chuyển đổi giới tính được đề cập tập trung trong Bộ luật Dân sự và một số văn bản hướng dẫn thi hành. Trong Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 36 có ghi "cho phép cá nhân có quyền xác định lại giới tính song chỉ trong trường hợp giới tính bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác" (Bộ luật Dân sự, 2005). Sau đó được cụ thể hóa ở Điều 4 trong Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định lại giới tính, trong đó nghiêm cấm thực hiện việc chuyển đổi giới tính với những người đã hoàn thiện về giới tính và thực hiện việc xác định lại giới tính khi chưa được phép của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Từ góc độ khoa học chúng ta thấy rằng quy định như trên chưa thật sự phù hợp với các tiêu chuẩn và xu thế chung trên thế giới, đồng thời gây ra các hệ quả như:

Một là, một số người chuyển giới không được sống đúng với giới tính mà họ mong muốn.

Hai là, những người đã đi phẫu thuật chuyển giới ở nước ngoài hoặc phẫu thuật "chui" ở trong nước sẽ không đáp ứng được yêu cầu của Nghị định 88/2008.

Ba là, tình trạng giấy tờ nhân thân không khớp với tình trạng hình thể/hình thức cơ thể của những người đã phẫu thuật không những gây khó khăn, bất tiện cho người chuyển giới mà còn gây khó khăn, phức tạp trong quản lý của các cơ quan quản lý. Chẳng hạn như việc khám xét người và sắp xếp nơi ở trong cơ sở giam giữ để có thể bảo vệ họ khỏi bị xâm hại quyền nhân thân.

Ngày 24/11/2015, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự mới, trong đó bao gồm quy định về việc chuyển đổi giới tính. Cụ thể, Điều 37 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng kí thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan" (Bộ luật Dân sự, 2015). Với quy định này, Việt Nam đủ điều kiện trở thành quốc gia thứ 11 tại châu Á hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính. Đồng thời đây cũng có thể xem như bước đầu đã có căn cứ pháp lý để xác định rõ ràng đối tượng người chuyển giới và từ đó thiết lập tiến trình hỗ trợ.

Bốn là, yếu tố kinh phí hoạt động. Tính đến thời điểm hiện tại thì nhà nước chưa có hạng mục nào dành cho việc hỗ trợ cộng đồng người LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng. Tuy nhiên, cộng đồng này lại được nhiều tổ chức xã hội dân sự ủng hộ. Có các tổ chức xã hội dân sự hoạt động và ủng hộ mạnh mẽ như Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) thành lập năm 1999; Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) thành lập năm 2001; Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thành lập năm 2007. Đặc biệt, năm 2008 có sự ra đời của Trung tâm ICS, tổ chức xã hội dân sự đầu tiên làm việc về quyền của người LGBT. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí còn được huy động rộng khắp từ các Đại sứ quán, các tổ chức phi chính phủ như USAID, UNDP, Ford Foundation,… Tuy nhiên, những nguồn kinh phí này phụ thuộc khá nhiều vào tính chất của chương trình hành động và sự triển khai dự án. Vì thế, về lâu dài rất cần một nguồn kinh phí ổn định để những hoạt động vì người chuyển giới được ổn định hơn.

3. KẾT LUẬN

Những gì chúng tôi vừa trình bày ở trên đã phần nào khái quát được những kinh nghiệm trong lĩnh vực CTXH đối với người chuyển giới ở một vài nước phát triển. Ở Việt Nam, từ khi Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành đã tạo tiền đề, tạo cơ sở để chúng tôi mạnh dạn đề xuất những ý kiến sau đây:

- Hiện nay trên cả nước có rất nhiều trường đào tạo ngành CTXH nhưng chỉ có khoa CTXH của trường Đại học Sư phạm Hà Nội có môn học "CTXH với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)" trong chương trình đào tạo bắt buộc. Khoa CTXH của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có môn này cho bậc đại học

và cao học nhưng chỉ là môn tự chọn. Trong khi thực tế xã hội thì quá nhiều người LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng cần được hỗ trợ, điều đó có nghĩa là cần một lực lượng đông đảo và có kiến thức đầy đủ để cung ứng. Nên chúng tôi mạnh dạn đề xuất đưa môn "CTXH với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)" vào chương trình đào tạo bắt buộc cho hệ đại học, cao học chuyên ngành CTXH ở những trường có đào tạo ngành này.

Trong nội dung học bên cạnh các kiến thức cơ bản và nâng cao về sự đa dạng tính dục thì chúng ta nên lồng ghép các kỹ năng hỗ trợ và kỹ năng giao tiếp với người chuyển giới, hướng đến các giá trị nhân văn, tránh mọi định kiến sai lầm, thiếu khoa học về người LGBT.

- Hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về người chuyển giới cũng như nâng cao nhận thức cho người chuyển giới về chính bản thân họ, để họ hiểu rõ chính họ, tránh những chuyện sợ hãi quá mức hoặc "làm lố". Từ đó sẽ giúp cộng đồng người dị tính dần dần thay đổi quan niệm "độc tôn dị tính" hay kỳ thị cũng như giúp người chuyển giới dễ dàng hòa nhập hơn, tránh những tổn thương không đáng có.

- Các dịch vụ dành cho người chuyển giới hiện nay còn rất ít và đơn giản. Trong tương lai chúng ta nên tăng cường các dịch vụ hỗ trợ cho người chuyển giới. Để tăng tính thiết thực và hiệu quả chúng ta nên có những khảo sát thực tế, lấy thông tin thực tế từ cộng đồng người chuyển giới để biết họ đang cần gì, đang mong muốn như thế nào để từ đó hoạch định kế hoạch cho đúng. Nên kêu gọi chính cộng đồng người chuyển giới tham gia vào các kế hoạch, dự án này.

- Có lẽ cao hơn hết là sự vận động pháp lý cho người chuyển giới. Nhân viên CTXH nên tham gia vào tiến trình vận động chính sách nhằm tạo ra khung pháp lý và hệ thống chính sách phù hợp, có lợi cho người chuyển giới. Từ đó sẽ tạo ra sự bình đẳng và môi trường an toàn, thân thiện cho nhóm thiểu số tính dục này. Muốn như thế thì việc công nhận, cấp giấy phép hành nghề cho các nhân viên CTXH là một việc làm hết sức cần thiết và ý nghĩa bởi "danh" có chính thì "ngôn" mới thuận. Khi và chỉ khi nhân viên CTXH được công nhận như một nghề chuyên nghiệp (có giấy phép hành nghề/chứng nhận hành nghề/thẻ ngành/thẻ nghề) thì lúc đó tiếng nói của họ sẽ có trọng lượng hơn và những việc họ làm sẽ hiệu quả hơn, góp phần giải quyết những tồn đọng khó khăn mà hiện nay chúng ta đang gặp phải nhất là những vấn đề có liên quan đến người chuyển giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. American Psychological Associaion (2013). *Sexual orientation, homosexuality and bisexuality*. New York.
2. Australia Association of Social Worker (AASW). (2013). *Practice Standard* [PDF]. Truy cập tại: https://www.aasw.asn.au/document/item/4551
3. Chính phủ (2005), *Bộ luật Dân sự 2005.* NXB Tư pháp.
4. Chính phủ (2015), *Bộ luật Dân sự 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017).* NXB Hồng Đức.
5. Crisp, C. (2006). "The gay affirmative practice scale: A new measure for assessing cultural competence with gay and lesbian clients". *Social Work, 51* (2): 115-126

 ISBN: 978-604-73-8639-0

6. Gay and Lesbian Alliance Against Defamation (May, 2010). *Media Reference Guide - Transgender glossary of term",* USA. https://www.glaad.org/reference/transgender

7. James I. Martin, Lori Messinger, Ryan Kull, Jessica Holmes, Flor Bermudez and Susan Sommer (2010). *Sexual Orientation and Gender Expression in Social Work Education: Results from a National Survey*.

8. LeVay, Simon.(1996). Queer Science: The Use and Abuse of Research into Homosexuality. Cambridge: MIT Press, ISBN 0-262-12199-9.

HÒA NHẬP XÃ HỘI CỦA NHÓM YẾU THẾ - CỘNG ĐỒNG NGƯỜI SONG TÍNH, ĐỒNG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI - VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

SOCIAL INTEGRATION OF WILD GROUPS - BIG, GAY, AND TRANSGENDER COMMUNITIES - WITH ISSUES FOR SOCIAL DEVELOPMENT MANAGEMENT IN VIETNAM

Tạ Thị Thanh Thuỷ*

Phạm Thị Tâm**

Nguyễn Thị Hồng***

TÓM TẮT

Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, hòa nhập xã hội là một trong những điều kiện bảo đảm công bằng và cơ hội phát triển cho mỗi cá nhân trong xã hội, phù hợp với những vấn đề đặt ra cho quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh biến đổi toàn cầu tại Việt Nam hiện nay. Nội dung bài viết tập trung vào các vấn đề sau: đánh giá thực trạng hòa nhập và tái hòa nhập xã hội của nhóm cư dân yếu thế (nhóm người đồng tính, song tính, chuyển giới- LGBT); phân tích thực trạng hòa nhập và tái hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế. Từ đó đề ra một số giải pháp và kiến nghị cho vấn đề hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế trong quản lý phát triển xã hội hiện nay.

***Từ khóa**: nhóm yếu thế, dịch vụ xã hội, tiếp cận, LGBT.*

ABSTRACT

Improving access to social services, social inclusion is one of the conditions for ensuring the justice and development opportunities for each individual in society, in line with the issues raised for management of social development in the context of global change in Vietnam today. From the statistics of the General Department of Statistics, Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs as well as the research project; Contents of the article focuses on: assessing the situation of integration and social reintegration of vulnerable population groups (groups of people living with HIV, the poor and the gay bisexual transgender); analyze the situation and re-integration of the entry boasts vulnerable populations. Since then outlined a number of measures and issues recommendations for inclusion of vulnerable population groups in the management of current social development.

***Keywords**: vulnerable populations, social services, approach, LGBT.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê năm 2014 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hiện nay, số người cần trợ giúp xã hội trên cả nước khá lớn, chiếm trên 20% tổng dân số, trong đó có 9 triệu đối tượng thuộc nhóm LGBT, chiếm 10% dân số [Lê Thị Bạch Dương, 2014]. Nhóm yếu thế là nhóm thiệt thòi trong xã hội. Nhóm xã hội này gặp nhiều khó khăn, bất cập và thách thức trong cuộc sống

* Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: Thuyta102@yahoo.com.

** Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

*** Thạc sĩ, Khoa Xã hội học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

ISBN: 978-604-73-8639-0

cũng như khả năng thích ứng, hòa nhập xã hội. Những thiếu hụt về kinh nghiệm sống, sức khỏe, giáo dục, y tế và khả năng thu nhập làm gia tăng khoảng cách chênh lệnh với các nhóm khác trong xã hội. Do vậy, hòa nhập và tái hòa nhập xã hội là điều kiện cần thiết giúp họ tồn tại và phát triển một cách hài hòa nhất, cũng như giúp họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống hiện tại. Áp chế về luân lý, đạo đức, định kiến giới đã hắt hủi và xô đẩy những người LGBT đến vực thẳm của bi kịch. Đó là bi kịch của kẻ lạc loài, của những dị thể trong cộng đồng. Không được thừa nhận, bị chối bỏ và tự chối bỏ, người đồng tính đứng trước nguy cơ không được là chính mình, mất sự hiện diện. Trong cộng đồng vẫn còn tồn tại thái độ kỳ thị đối với những người đồng tính xuất phát từ định kiến, xây dựng trên nền của những gì được cho là chuẩn mực tự nhiên, đạo đức xã hội, truyền thống, luân lý. Những gì đi ngược, đi chệch khỏi quỹ đạo chung sẽ bị tẩy chay, đào thải[1]. Bài viết mong muốn góp một góc nhìn về thực trạng hòa nhập và tái hòa nhập xã hội của nhóm cư dân yếu thế (nhóm người đồng tính, song tính, chuyển giới - LGBT); phân tích thực trạng hòa nhập và tái hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế. Từ đó đề ra một số giải pháp và kiến nghị cho vấn đề hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế trong quản lý phát triển xã hội hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ những số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, viện ISEE, trung tâm ICS, cũng như các dự án nghiên cứu, các tài liệu trong và ngoài nước,…tác giả tổng hợp và phân tích những vấn đề mà người LGBT gặp phải trong quá trình hòa nhập xã hội hiện nay.

3. NỘI DUNG

3.1. Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) trên thế giới và tại Việt Nam

Trên thế giới

Trong thời gian gần đây Tổ chức giám sát Nhân quyền thế giới đã tăng cường chú ý tới vấn đề nhân quyền của người chuyển giới tại Bắc Mỹ. Theo Herek (1991), sự khoan dung của xã hội Mỹ đối với người đồng tính ngày càng tăng lên. Người chuyển giới được thế giới quan tâm ngày càng nhiều hơn. Tính trong năm 2004, lệnh cấm sự kỳ thị và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới đã được 4 bang bao gồm: Minnesota, Rhode Island, New Mexico và California, và hơn 70 thành phố, quận và thị trấn ở Mỹ đã được thông qua. Tháng 6 năm 2007, New Jersey trở thành bang thứ 9 của Mỹ ban hành luật bảo vệ người chuyển giới khỏi phân biệt về nhà ở và việc làm. Ngôn từ của điều luật này bao hàm rõ nhiều biểu hiện của hiện tượng chuyển giới - người chuyển đổi giới tính, người mặc khác giới, người vô tính, hay mơ hồ giới hoặc đơn thuần không hẳn là nữ tính hay nam tính theo thói thường[2].

Tại Ấn Độ, gần đây Tòa Tối cao Chennai đã công nhận quyền thừa kế của các hijra, kết hôn với những nam giới về mặt sinh học. Bởi lẽ, riêng tại bang Tamil Nadu ước tính có khoảng 60.000 người chuyển giới, phân nửa trong số đó trải qua phẫu thuật chuyển đổi giới tính. Đến tháng 3 năm 2008, chính phủ bang Tamil Nadu bắt đầu phát thẻ phúc lợi cho người chuyển giới

[1] Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2015). *Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. NXB Hồng Đức.

[2] Subhrajit, C. (2014). "Problems faced by LGBT people in the mainstream society: Some recommendations". *International Journal of Interdisciplinary and Multidisciplinary Studies, 1*(5), 317-331.

với chữ "T" (tức "thirunangai" từ địa phương là "transgender") dùng chỉ giới tính người đó. Tháng 5 năm 2008, bang Tamild Nadu thông báo rằng người chuyển giới có thể có 30% số ghế được giữ cho nữ giới tại các trường cao đẳng khoa học và nghệ thuật nữ. Hồ sơ đăng ký được cải biến với ba lựa chọn giới tính bao gồm 'nam', 'nữ' và 'chuyển giới'. Sự phát triển tại bang Tamil Nadu làm dấy lên nhu cầu công ăn việc làm, duy trì và bảo hộ chống bạo lực ở bang Maharashtra. Tuy nhiên các động thái mang tính xã hội và pháp lý hướng tới sự nhìn nhận quyền của người chuyển giới tại Ấn Độ vẫn thể hiện tính manh mún, nhỏ lẻ ở một số bang cấp tiến, chứ chưa tạo ra được một hành lang pháp lý tầm quốc gia[3].

Trong những năm gần đây, người Hoa Hồng Kong đã giảm bớt thái độ tiêu cực về người chuyển giới và nhìn chung ủng hộ các quyền dân sự của người chuyển giới. Chính quyền Hồng Kông cho phép rất nhiều sự nhân nhượng hành chính nhằm tạo điều kiện cho những người chuyển giới trải qua phẫu thuật chuyển đổi giới tính, nhưng lại không mở rộng tới các đối tượng khác (ví dụ như người chuyển giới tiền phẫu thuật hoặc không phẫu thuật). Ngoài việc được cung cấp tài trợ điều trị tâm thần, nội tiết và chỉnh hình, người chuyển đổi giới tính có thể thay đổi giấy tùy thân và các giấy tờ khác. Tuy nhiên, vị thế luật pháp của người chuyển đổi giới tính ở Hồng Kông vẫn chưa được hưởng các quyền và sự riêng tư vốn dành cho người dị tính thông thường bao gồm hôn nhân, nhận con nuôi và sự riêng tư[4].

Tại Việt Nam

Để hiểu rõ hơn về những định kiến và sự phân biệt đối xử chống lại cộng đồng LGBT ở Việt Nam, việc hiểu rằng văn hóa Việt Nam không có khái niệm xu hướng tính dục và bản dạng giới như trong văn hóa phương Tây là điều quan trọng. Là một xã hội phụ hệ và trọng nam, xu hướng tính dục và bản dạng giới không tuân theo những quy chuẩn thường được coi như là đồng tính nam. Chuyển giới từ nam sang nữ và những người thích mặc quần áo của người khác giới được xem là các hình thức cực đoan và có thể nhìn thấy được của người đồng tính. Những người đồng tính nữ, nếu được nhắc đến, thì thường cũng không mang theo quá nhiều hệ luỵ hoặc không gây tranh cãi miễn là người phụ nữ đó tuân theo quy chuẩn xã hội là lấy chồng, sinh con, xây dựng gia đình. Với những thiên kiến về văn hóa như vậy, từ "đồng tính" thường được dùng một cách chính thức và phổ biến để chỉ cộng đồng LGBT[5].

Định kiến và sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới đã khiến cho người LGBT phải che giấu bản thân và vì thế đã làm tăng mức độ dễ bị lây nhiễm HIV của họ do việc tiếp cận các dịch vụ y tế và các chương trình giáo dục là điều rất khó khăn.

Việc kết hôn và các đám cưới vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước đã thách thức khoảng trống trong luật về vấn đề đồng tính và các mối quan hệ đồng tính ở Việt Nam. Vào năm 1997, một đám cưới công khai đầu tiên giữa hai người cùng giới tính được tổ chức. Hai người đàn ông đã tổ chức một lễ cưới hoành tráng tại một khách sạn lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh bất chấp sự phản đối của người dân. Trước đó, vì đồng tính là một điều cấm kỵ, nên đám cưới giữa hai người đồng giới thường được tổ chức một cách kín đáo[6].

---

[3] Herek, G. M. (1984). "Attitudes toward lesbians and gay men: A factor-analytic study". *Journal of Homosexuality, 10*(1/2), 39-51.

[4] Herek, G. M. (1994). *Assessing heterosexuals attitudes toward lesbians and gay men: A review of empirical research with the ATLG scale.* In B. Greene & G. M.

[5] Nguyễn Lê Hoài Anh (2019). *Công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới.* NXB Khoa học xã hội.

[6] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2018). "*Người LGBT trong mắt công chúng".*

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT (đồng tính, song tính và chuyển giới) với nhiều thay đổi tích cực về cả xã hội và luật pháp. Ngày 24/11/2015, Quốc hội đã biểu quyết thông qua quyền chuyển đổi giới tính được chính thức hợp pháp hóa trong Bộ luật Dân sự (sửa đổi).

3.2. Thực trạng hòa nhập và tái hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế

Có thể nói việc đánh giá mức độ hòa nhập và tái hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế được xây dựng dựa trên hai cơ sở:

- *Những nghiên cứu, dự án hỗ trợ, nâng cao năng lực cho nhóm dân cư yếu thế*: Báo cáo của tổ chức USAID và UNDP về người đồng tính năm 2014 (UNDP, USAID (2014), *Báo cáo quốc gia LGBT Việt Nam - là LGBT Châu Á*, Bangkok) cho thấy một bức tranh chung về người đồng tính cũng như tổng hợp và phân tích môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT); *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng* năm 2011 của Viện Nghiên cứu Kinh tế xã hội và Môi trường ISEE; ISEE (2012), *Bạo hành gia đình với người LGBT*. Tóm tắt nghiên cứu về các hình thức bạo hành gia đình và những hậu quả từ việc bạo hành đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới năm 2012; Nghiên cứu của Marie-Eve Blanc (2005), với góc độ tiếp cận từ văn hóa, lịch sử - xã hội về đồng tính nam, tác giả phân tích quan niệm xã hội về đồng tính nam cũng như các khía cạnh khác biệt và đặc thù của đồng tính nam trong thực tiễn văn hóa Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại; Natalie Nancy Newton (2012) với "*A queer political economy of 'community': Gender, space, and the transnational politics of community for Vietnamese lesbians (les) in Saigon"*, khi đối mặt với sự kỳ thị của xã hội và mối quan hệ giữa cộng đồng đồng tính nữ cũng như mối quan hệ với sự tham gia của Việt Nam trong phong trào nhân quyền LGBT toàn cầu; Nghiên cứu *"Khát vọng được là chính mình: Người chuyển giới ở Việt Nam – những vấn đề thực tiễn và pháp lý"* (iSEE, 2012). Nghiên cứu này chỉ ra rằng người chuyển giới đã và đang bị kỳ thị, bạo hành và phân biệt đối xử từ trong gia đình đến các không gian ngoài xã hội; sự kỳ thị không chỉ đến từ người dị tính mà còn từ những nhóm LGBT (đồng tính nam, đồng tính nữ và song tính); Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Thành Long (2013), *Sống chung cùng giới*, NXB Thế giới. Báo cáo này nghiên cứu về thực trạng mối quan hệ cùng giới ở Việt Nam và nhu cầu hôn nhân của người đồng tính, những khó khăn và hậu quả mà các cặp sống chung cùng giới phải đối mặt khi chưa được xã hội và luật pháp công nhận năm 2013.

- *Những văn bản chính sách pháp luật, hệ thống tổ chức xã hội hỗ trợ*:

Pháp luật Việt Nam hiện tại không có quy định cụ thể về LGBT (Lesbian, Gay, Bio sexual, Transgender), không hình sự hóa cũng như không có quy định phạt nếu một người là LGBT. Dưới đây là danh sách ngắn những văn bản quy phạm pháp luật có các điều luật về những khía cạnh liên quan đến các vấn đề mà người LGBT hay gặp phải nhất [ICS – ISEE, (2014)]: Hiến pháp năm 1992, sửa đổi năm 2001 có liên quan đến nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử; Bộ luật Dân sự có liên quan đến việc thay đổi giới tính, thay đổi họ tên của người chuyển giới và người liên giới tính; Pháp luật hành chính có liên quan đến giấy tờ nhân thân, hộ tịch của người chuyển giới và người liên giới tính; Bộ luật Hình sự liên quan đến xác định yếu tố nhân thân, giới tính, tội phạm; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 - số 22/2000/QH10 liên quan đến điều kiện kết hôn, mang thai hộ của người LGBT; Pháp luật lao động liên quan đến việc kỳ thị, đối xử phân biệt với người lao động là LGBT; Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em - số 25/2004/QH11

liên quan đến quyền trẻ em là LGBT; Luật Giáo dục - số 38/2005/QH11 liên quan đến quyền học tập, cơ hội và tiếp cận giáo dục, kỳ thị trong trường học với công dân là LGBT; Luật Bình đẳng giới - số 73/2006/QH11 liên quan đến khái niệm về giới và giới tính; Luật Phòng chống bạo lực gia đình - số 02/2007/QH12 liên quan đến các hành vi bạo lực gia đình với người LGBT; Luật Khám bệnh, chữa bệnh - số 40/2009/QH12 liên quan đền quyền y tế, tiếp cận dịch vụ và kỳ thị trong cơ sở y tế đối với khách hàng là LGBT; Luật Nuôi con nuôi- số 52/2010/QH12 liên quan đến việc cùng nhận nuôi con nuôi của từng cặp cùng giới; Luật Nghĩa vụ Quân sự và các luật sửa đổi bổ sung liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của người LGBT,…

3.3. Những rào cản trong quá trình hòa nhập xã hội của nhóm yếu thế - người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT)

Nhóm yếu thế chịu nhiều định kiến xã hội và thể chế hóa xã hội

Nhóm yếu thế thiệt thòi là không được đánh giá, bị mất giá, hoặc chịu sự chế giễu của xã hội, nếu nhóm đó được xem là không thể tự cung cấp ít, nhiều cho nó. Một số nhóm tồn tại như là khuôn mẫu tiêu cực tác động tới các bộ phận khác nhau của xã hội. Định kiến với một nhóm có thể là không tốt khi được củng cố bởi các phương tiện truyền thông, các trường học, các tổ chức khác của xã hội. Một số nhóm đã bị định giá quá thấp và bị chế giễu như trong những quan niệm của quá khứ ở các thể chế truyền thống. Một số nhóm có thể bị quấy rối hoặc bị ngược đãi mà không có sự bảo vệ của chính quyền. Về mặt thể chế có thể đầy đủ hoặc không đầy đủ hoặc phản tác dụng đối với cảnh ngộ của các nhóm nhất định. Pháp luật có thể bảo vệ hoặc hỗ trợ một nhóm, nhưng luật pháp cũng có thể không được thi hành, hoặc có thể được thực hiện không đầy đủ. Với nhóm đối tượng LGBT việc tiếp cận các dịch vụ xã hội còn gặp nhiều khó khăn bởi hành lang pháp lý và những định kiến xã hội còn đang tồn tại. Tiếp cận pháp luật và trợ giúp pháp lý hiện đang là những vấn đề được xã hội rất quan tâm và nhà nước càng ngày mong muốn đặt ra những chuẩn tiếp cận đối với những vấn đề này[7]. Về cơ bản, người LGBT cũng là một trong những đối tượng có quyền tiếp cận pháp luật, tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý. Đối với dịch vụ trợ giúp pháp lý thì trẻ em, người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hay phụ nữ là người LGBT đều có thể là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý của cộng đồng LBGT đang gặp những hạn chế nhất định.[8]

Vẫn còn những hiểu biết, quan niệm sai lầm về cộng đồng LGBT của những người dị tính cũng như của chính một số người LGBT. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc công khai giới tính, xu hướng của họ (tâm lý e ngại, sợ sệt khi công khai). Tâm lý này cũng ngăn cản người LGBT tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý. Chính vì vậy, mặc dù người LGBT là những đối tượng dễ bị kỳ thị, bạo hành, bạo lực hoặc cần được hỗ trợ pháp lý trong các quan hệ xã hội có mâu thuẫn, tranh chấp nhưng thực tế không được trợ giúp pháp lý do vấn đề tâm lý. Ngược lại, hoạt động trợ giúp pháp lý cũng chưa có những giải pháp hiệu quả để phát hiện nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân nói chung và người LGBT nói riêng. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý trong cộng đồng LGBT.[9]

---

[7] UNDP, USAID (2014). *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam*.

[8] Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2012). *Báo cáo nghiên cứu về các người chuyển giới, các vấn đề mà người chuyển giới tại Việt Nam đang gặp phải và các khuyến nghị về xã hội và pháp lý.* Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).

[9] Nguyễn Lê Hoài Anh (2019). *Công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới.* NXB Khoa học xã hội.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Vì hầu hết người LGBT sống khép kín nên khó liệt kê được đầy đủ những vấn đề mà cộng đồng LGBT cần trợ giúp pháp lý. Theo những quan sát, tìm hiểu và tham vấn một nhóm LGBT của nhóm nghiên cứu, một số vấn đề chính mà cộng đồng LGBT có thể gặp và cần sự trợ giúp pháp luật như: phẫu thuật chuyển giới và xác định lại giới tính khác nhau như thế nào?, bồi thường thiệt hại về tổn thương danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng; các quy định về hôn nhân gia đình, con nuôi; chế độ tài sản; đặc biệt là vấn đề phân biệt đối xử, kỳ thị; bạo lực gia đình. Mặc dù hiện nay đã có chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở đã được ban hành nhưng chưa thực sự đi vào bản chất. Điều này càng quan trọng đối với nhóm người LGBT khi họ thiếu những thiết chế để bảo vệ vì những đặc thù riêng về con người, tâm lý cũng như thái độ của xã hội đối với họ.

Nhóm yếu thế khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội

Họ gặp phải hàng loạt thách thức, ngăn cản khả năng hòa nhập của họ vào đời sống cộng đồng. Hàng rào đó có thể liên quan đến thể chất, liên quan đến khả năng, nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đánh giá, kỳ thị của xã hội, các vấn đề tâm lý,… Hàng rào đó có thể là vô hình, có thể là hữu hình, ngăn cản họ tiếp cận và sử dụng các phương tiện sống thiết yếu hay các dịch vụ xã hội cần thiết cho mọi thành viên "bình thường" của xã hội.

Trong thời gian qua, các dịch vụ xã hội cũng đã được hình thành và phát triển dựa trên nhu cầu thực tiễn, đặc biệt là nhu cầu của những người lao động nghèo, người nhiễm HIV và nhóm đối tượng LGBT. Các dịch vụ xã hội đặc thù đó đã được phổ biến rộng rãi và mang lại nhiều lợi ích và nhiều thay đổi theo hướng tích cực trong đời sống của nhóm yếu thế, giúp họ tự tin hơn, dân chủ hơn trong đời sống cộng đồng. Với nhóm đối tượng LGBT việc tiếp cận các dịch vụ xã hội còn gặp nhiều khó khăn bởi hành lang pháp lý và những định kiến xã hội còn đang tồn tại.[10]

3.4. Một số đề xuất cho vấn đề hòa nhập của nhóm cư dân yếu thế trong quản lý phát triển xã hội hiện nay

Để nâng cao khả năng hòa nhập xã hội cho nhóm yếu thế (nhóm người LGBT) thì những văn bản chính sách và các nguồn lực hỗ trợ cần được đảm bảo hơn nữa. Hành lang pháp lý và các định kiến xã hội cần được xóa bỏ để người yếu thế gia tăng giá trị của họ trong xã hội.

Nhà nước cần có những chính sách cụ thể hơn, hiệu quả hơn để có thể bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ người LGBT hòa nhập xã hội. cần phát huy hoạt động trợ giúp pháp lý của các tổ chức xã hội dân sự. Phải đảm bảo tính thân thiện, dễ tiếp cận, đa dạng hóa các hình thức, cách thức cung cấp dịch vụ trợ giúp: trợ giúp lưu động, đường dây điện thoại, diễn đàn, hoạt động của cộng tác viên. Bên cạnh đó, cần quan tâm đến việc xây dựng những quy chuẩn trong cách thức tiếp cận đối tượng và vấn đề trợ giúp người LGBT hòa nhập xã hội… Cần kết hợp việc thực hiện trợ giúp hòa nhập xã hội và trợ giúp pháp lý và thúc đẩy xây dựng, sửa đổi pháp luật chính sách, cũng như phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chính sách với cộng đồng đặc biệt để các cộng đồng này có khả năng tự bảo vệ mình; xem xét phối hợp, trao đổi, tìm sự giúp đỡ với các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp cũng như các tổ chức, cá nhân có khả năng thực hiện trợ giúp pháp lý một cách chuyên nghiệp.

[10] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2018). "*Người LGBT trong mắt công chúng*".

Bên cạnh đó, giới LGBT cần ý thức được giới tính của mình là tự nhiên của tạo hóa. Các bạn được hưởng các quyền lợi bình đẳng, được pháp luật bảo hộ như bao nhiêu người trong cộng đồng, các bạn không có gì khác biệt. Các bạn hãy sống đúng chính mình, mạnh dạn bộc lộ giới tính xu hướng tình dục của mình, các bạn cũng có khả năng sinh con duy trì nòi giống như bao nhiêu người khác. Cái chính các bạn sống như thế nào. Cách sống của các bạn quyết định cách nhìn nhận của xã hội. Các bạn hãy tin rằng mình cứ sống tốt thì xã hội và cộng đồng sẽ đối tốt với bạn, và ngược lại, không cần biết bạn là ai bạn thuộc giới tính nào hay dân tộc nào, màu da là gì.

4. KẾT LUẬN

Đất nước ta đang xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó điểm khác cơ bản với các nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là tính chất công bằng xã hội trong quá trình thực hiện các chính sách kinh tế. Bởi vậy, giải quyết tốt vấn đề hòa nhập cho nhóm yếu thế trong quản lý phát triển xã hội là đang thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội vì hạnh phúc con người, phát huy nhân tố con người, vì con người, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, là chỉ báo rõ nhất về chủ nghĩa xã hội.

Với sự phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng của xã hội, ngày càng xuất hiện nhiều hơn những hoạt động, phong trào thể hiện sự công nhận và đồng cảm với bộ phận dân số khác biệt này. Những hoạt động, phong trào này với mục đích mang tới và quảng bá những thông tin, kiến thức đúng đắn, chính xác hơn về xu hướng tính dục và các nội dung giáo dục giới tính, nhằm định hình lại hiểu biết và góc nhìn xã hội, đồng thời giúp các cá nhân thuộc cộng đồng này trở nên tự tin, mạnh dạn và hòa nhập hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blanc, M-E (2005). Social Construction of Male Homosexuality in Vietnam. Some keys to Understanding and implications for HIV Prevention Strategy. *International Social Science Journal* 57 (186), 661-673.
2. Lê Thị Bạch Dương (2014). *Dự án bảo trợ cho các nhóm thiệt thòi tại Việt Nam*, Viện KHXH Việt Nam.
3. Herek, G. M. (1994). *Assessing heterosexuals attitudes toward lesbians and gay men: A review of empirical research with the ATLG scale*. In B. Greene & G. M.
4. Natalie Nancy Newton (2012). *A queer political economy of 'community'*: *Gender, space, and the transnational politics of community for Vietnamese lesbians (les) in Saigon*. http://pqdtopen.proquest.com/#abstract?dispub=3547300.
5. Nguyễn Lê Hoài Anh (2019). *Công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới.* NXB Khoa học xã hội.
6. Nhiều tác giả (2015). *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Công tác xã hội Việt Nam: thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển* (Vietnam social work - The challenges to professionalism in the context of integration and development). NXB Lao động.
7. Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2012). *Báo cáo nghiên cứu về các người chuyển giới, các vấn đề mà người chuyển giới tại Việt Nam đang gặp phải và các khuyến nghị về xã hội và pháp lý*. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).

ISBN: 978-604-73-8639-0

8. Trần Văn Kham (2011). "Nghiên cứu về hòa nhập xã hội: Một số định hướng ở Việt Nam". *Tạp chí khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 27, số 4/ 2011.

9. UNDP, USAID (2014). *Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam*. http://www.vn.undp.org/.

10. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí Tuyên truyền (2011). *Thông điệp truyền thông về đồng tính luyến ái trên báo in và báo mạng*. NXB Thế giới.

11. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2012). "*Khát vọng được là chính mình: Người chuyển giới ở Việt Nam – những vấn đề thực tiễn và pháp lý"*.

12. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) (2018). "*Người LGBT trong mắt công chúng".*

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC TRỢ GIÚP NGƯỜI ĐỒNG TÍNH CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC

THE ROLE OF SOCIAL WORKERS IN HELPING GAY/LESBIAN PEOPLE WHO COME OUT WITH THEIR SEXUAL ORIENTATION

Đỗ Thị Vân Anh*

TÓM TẮT

Bài viết cung cấp thông tin về thực trạng tình hình công khai xu hướng tính dục của người đồng tính, nhu cầu công khai của họ và những khó khăn, rào cản thực tế mà người đồng tính gặp phải trong quá trình công khai xu hướng tính dục. Với riêng nhân viên xã hội (NVXH) bài viết trình bày việc vai trò không thể thiếu của công tác xã hội (CTXH) trong việc hỗ trợ những người đồng tính công khai xu hướng tính dục – vốn là một việc quan trọng mà họ phải làm trong đời. Vì vậy bài viết đóng góp một phần nhỏ trong việc cải thiện tình hình công khai của những người đồng tính. Ngoài ra bài viết còn đề xuất một số giải pháp tiếp cận hướng CTXH để giảm thiểu những khó khăn, rào cản trong quá trình công khai của họ. Những đề xuất, giải pháp để nâng cao chất lượng cuộc sống của người đồng tính nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung.

Từ khóa: *nhóm đồng tính, song tính và chuyển giới, xu hướng tính dục, trợ giúp, vai trò của nhân viên CTXH, công khai.*

ABSTRACT

The article provides information on the reality of gays/lesbians' public disclosure of their sexual orientation, their need to come out, and the practical difficulties and barriers faced by them in the process of disclosing their sexual orientation. For social workers, the article presents the indispensable role of social work in supporting gays/lesbians to come out with their sexual orientation - this is an important job that they have to do in life. Therefore, the article contributes a small part in improving the public situation of gays/lesbians. In addition, the article also proposes some solutions to approach in term of social work to minimize difficulties and barriers in their publicity process. Proposals and solutions to improve the quality of life of gays/lesbians in particular and the LGBT community in general.

Keywords: *LGBT, sexual orientation, helping, the role of social workers, come out.*

1. TÍNH CẤP THIẾT

Trong những năm gần đây người đồng tính nói riêng và cộng đồng LGBT - cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới nói chung đã có sự hiện diện nhiều hơn và nhận được khá nhiều sự ủng hộ của xã hội. Tuy nhiên để có được sự hiện diện đó là cả một quá trình khó khăn và vất vả đối với những người đồng tính. Quá trình đó được gọi là "công khai xu hướng tính dục".

* Phó Giáo sư.Tiến sĩ, Trưởng khoa Công tác xã hội, Đại học Công đoàn

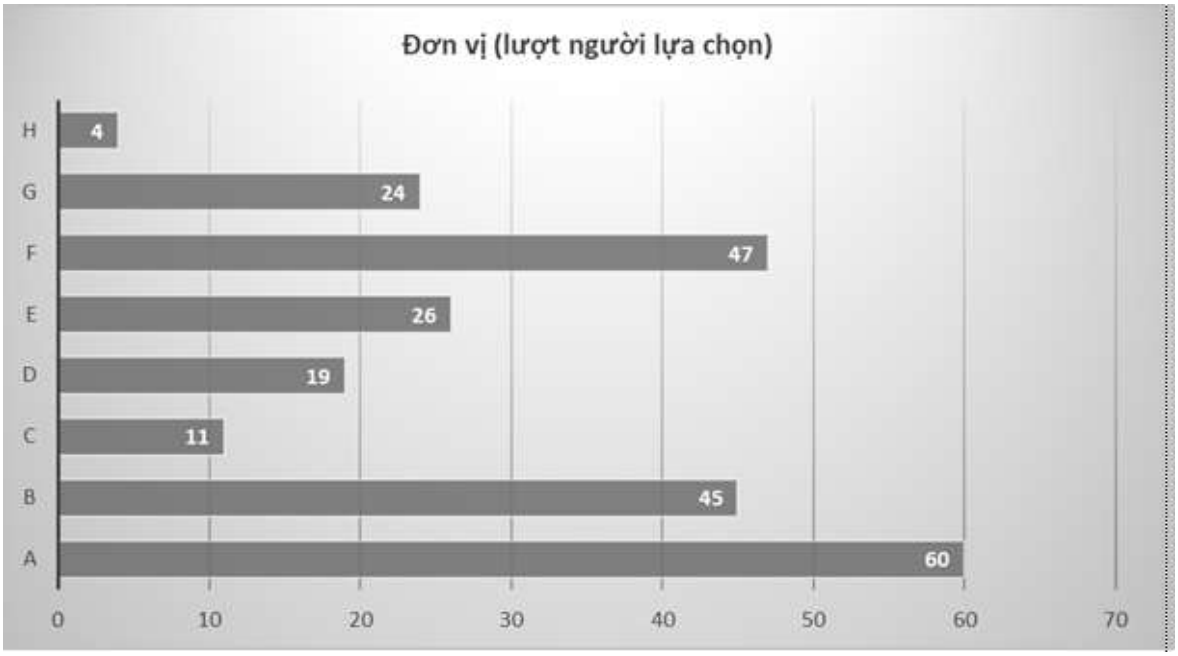
 ISBN: 978-604-73-8639-0

Tuy nhiên công khai không chỉ là một thời điểm, một hành động, một câu nói mà là một trải nghiệm dài, một quá trình cả một đời người. Trên thực tế, không có nhiều trường hợp công khai thuận lợi (nhận được sự thông hiểu và thừa nhận của mọi người xung quanh), phần lớn người đồng tính công khai thường gặp những khó khăn trở ngại, khi phải sống trong một môi trường đầy rẫy những định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử, họ gặp phải sự phản đối, xâm hại và bạo lực… Chính vì thế, người đồng tính dễ rơi vào hoàn cảnh bế tắc, chịu ảnh hưởng tiêu cực về cả thể chất và tinh thần, chất lượng cuộc sống suy giảm.

Những năm gần đây, tần suất "xuất hiện" của cộng đồng LGBT trên báo chí và truyền thông đa dạng và nhiều hơn. Quan trọng hơn là các thông tin được cung cấp trên các phương tiện truyền thông này có tính đúng đắn và tích cực hơn về sự tồn tại của nhóm LGBT trong xã hội. Các khái niệm và cách hiểu đúng về nhóm LGBT dần được nhiều người quan tâm tìm hiểu và ủng hộ nhất là ở giới trẻ. Nhiều phong trào vận động thúc đẩy quyền cho nhóm LGBT được phát động và đưa lại nhiều thay đổi tích cực, kèm theo đó là các chiến dịch ủng hộ cộng đồng cũng đa dạng. Sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự làm về quyền người đồng tính, song tính và chuyển giới đã giúp cộng đồng này ngày một tích cực trong việc mang tiếng nói của mình để vận động quyền, vận động chính sách cho nhóm LGBT và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Về mặt luật pháp, Luật Hôn nhân và Gia đình năm không còn từ "cấm" hôn nhân giữa hai người cùng giới tính nữa, tức là người người đồng giới tính có thể sống chung và tổ chức đám cưới nhưng hôn nhân đồng giới chưa được thừa nhận về pháp lý. Tháng 12 năm 2015 Quốc hội đã thông qua quyền chuyển đổi giới tính và xác nhận lại nhân thân cho người chuyển giới tại Việt Nam [8]. Đây chính là tin đáng mừng và là những dấu mốc quan trọng trong tiến trình vận động luật cho nhóm LGBT tại Việt Nam. Tuy nhiên, báo chí, truyền thông vẫn đưa tin những sự những khó khăn mà nhóm LGBT phải trải qua, thể hiện được chân thực cuộc sống của cộng đồng. Những hoạt động của nhóm LGBT đã phổ biến nhưng vẫn chưa được xã hội nhìn nhận tích cực và cởi mở hơn. Bất chấp sự dũng cảm đấu tranh cho quyền của bản thân, sống thật với bản thân và công khai với gia đình và xã hội, từng bước hòa nhập hội nhưng cộng đồng LGBT vẫn đang gặp nhiều khó khăn do sự kỳ thị, phân biệt đối xử của nhiều người, thậm chí ngay trong gia đình. Chính vì vậy, bài viết muốn trả lời các câu hỏi: Việc công khai giới tính/ xu hướng tính dục gặp khó khăn như thế nào và điều này ảnh hưởng/ tác động như thế nào đến cuộc sống của người trong LGBT?; để từ đó đưa ra những mô hình trợ giúp chuyên nghiệp của CTXH cho nhóm LGBT. Nghiên cứu thực hiện khảo sát cộng đồng những người đồng tính bằng biểu mẫu của Google từ ngày 12/4/2020 đến 26/4/2020 trong phạm vi cả nước và thu về được 149 mẫu đầy đủ thông tin. Bảng hỏi điều tra trực tuyến đã thu thập được những mẫu đạt được sự thống kê chân thực và khách quan nhất. Đây là những minh chứng phục vụ cho bài viết trên cơ sở khoa học và thực tiễn.

2. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH KHI CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC

Nhóm đối tượng người đồng tính gặp những khó khăn sau mà họ từng trải qua khi thực hiện quá trình công khai.



Biểu đồ 1. Sự khó khăn mà người đồng tính trải qua khi công khai

Chú thích:

A: Từng bị gia đình (ít nhất 1 người trong gia đình) trách móc/ mỉa mai/ mắng chửi/ đánh đập/ đuổi khỏi nhà/ cắt nguồn chu cấp tài chính/ bắt ép đi chữa bệnh…

B: Từng bị bạn bè (ít nhất 1 người từng là bạn bè) cười đùa/ trêu chọc/ làm xấu hổ trước đám đông/ mắng chửi/ xa lánh/ bêu rếu/ kỳ thị/ xua đuổi/ đánh đập…

C: Từng bị ít nhất 1 người là cấp trên hoặc đồng nghiệp cười đùa/ trêu chọc/ làm xấu hổ trước đám đông/ mắng chửi/ xa lánh/ bêu rếu/ kỳ thị/ xua đuổi/ đánh đập/ không nhận tuyển dụng hoặc buộc thôi việc không lý do….

D: Từng bị ít nhất 1 người là thầy cô/ cán bộ nhân viên/ bạn bè trong Trường học cười đùa/ trêu chọc/ làm xấu hổ trước đám đông/ mắng chửi/ xa lánh/ bêu rếu/ kỳ thị/ xua đuổi/ đánh đập/ từ chối cung cấp dịch vụ trong môi trường học đường….

E: Bị ít nhất 1 người là hàng xóm hoặc những người xung quanh ngoài xã hội cười đùa/ trêu chọc/ làm xấu hổ trước đám đông/ la hét/ mắng chửi/ xa lánh/ bêu rếu/ kỳ thị/ xua đuổi/ đánh đập/ từ chối cung cấp dịch vụ xã hội (y tế, giao dịch, vui chơi giải trí…)

F: Tôi thường ít khi hoặc rất ít gặp khó khăn khi bộc lộ và thể hiện mình là người đồng tính, hoặc những thái độ/ phản ứng của mọi người đối với tôi thường không đáng để kể ra là khó khăn.

G: Tôi không/ chưa gặp khó khăn nào khi bộc lộ và thể hiện mình là người đồng tính.

H: Khác.....

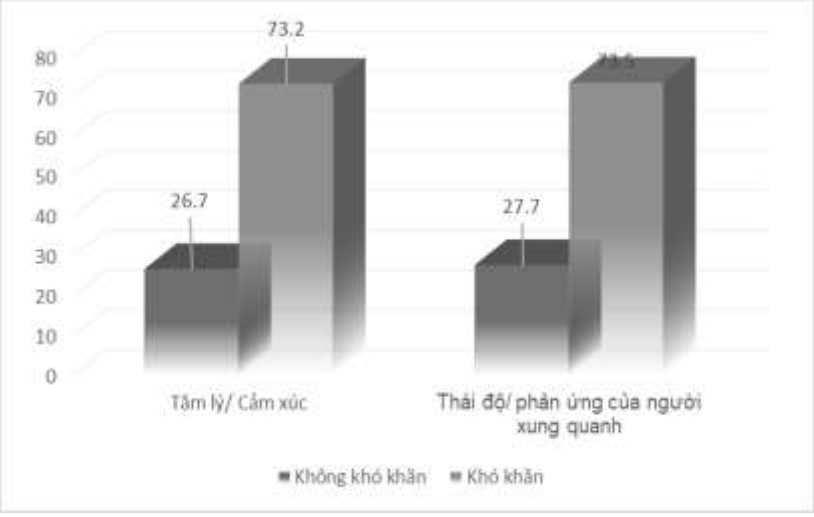
Kết quả khảo sát cho thấy có 40,3% chọn trả lời A (Từng bị *gia đình* (ít nhất 1 người trong gia đình) trách móc…) Nếu chỉ tính trên số lượng người đồng tính đã công khai với gia đình thì tỷ lệ này là 57,7%. Như vậy, những khó khăn phải trải qua khi công khai với gia đình của người đồng tính có tỷ lệ khá cao. Có 30,2% trường hợp chọn phương án B (Từng bị *bạn bè* (ít nhất 1 người từng là bạn bè) cười đùa…). Tỷ lệ người đồng tính gặp khó khăn nơi làm việc thấp hơn nhiều so với bối cảnh gia đình và bạn bè. Có 7,4% chọn phương án C (Từng bị ít nhất 1 người là

ISBN: 978-604-73-8639-0

cấp trên hoặc đồng nghiệp cười đùa…). Trong số đó, số người có công khai giới tính/xu hướng tính dục trong bối cảnh công sở thì là 11,3%. Như vậy, có sự phân biệt đối xử và kỳ thị nơi làm việc nhưng tỷ lệ này không cao. Trong số 26/107 người được khảo sát công khai trong bối cảnh trường học thì 17,4% từng bị ít nhất 1 người là *thầy cô/ cán bộ nhân viên/ bạn bè* trong trường học cười đùa… (phương án D).

Và tùy theo từng trường hợp, từng môi trường mỗi người có một hoàn cảnh và khó khăn riêng cả về mức độ khó khăn, các trải nghiệm, hành vi xung đột, quãng thời gian trải qua xung đột, bạo lực, khó khăn cũng khác nhau. Các khó khăn chủ yếu đến từ việc những người trong các môi trường mà một cá nhân LGBT công khai có tâm lý phân biệt đối xử, kỳ thị đối với cá nhân đó, không phải đến từ quy chế, quy định chính thức của tổ chức.

Ngoài việc tìm hiểu những khó khăn trong từng bối cảnh thì người nghiên cứu còn đặt các câu hỏi về khó khăn người đồng tính trải qua khi công khai xuất phát từ đâu. Có 2 nguyên nhân chính đó là cảm xúc của bản thân người đồng tính và thái độ/ phản ứng của những người xung quanh. Cụ thể có 73,2% cho rằng những trạng thái tâm lý, cảm xúc họ trải qua chính là khó khăn, rào cản khi họ công khai. Số còn lại 26,8% không cho đây là khó khăn. Tương đương với đó là 72,55% cho rằng những thái độ/ phản ứng của mọi người xung quanh trong các bối cảnh khác nhau (gia đình, bạn bè, đồng nghiệp,...) thể hiện chính là khó khăn, rào cản ảnh hưởng đến quyết định công khai cũng như cuộc sống sau đó của người đồng tính.



Biểu đồ 2. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn của người đồng tính khi công khai và hiện diện

Như vậy có thể thấy rằng ẩn sau những thái độ/ phản ứng đó chính là những hình thức của kỳ thị, phân biệt đối xử và hơn thế nữa là xâm hại và bạo lực với người đồng tính khi họ công khai và hiện diện trước mọi người.

3. VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CTXH TRONG VIỆC TRỢ GIÚP NGƯỜI ĐỒNG TÍNH CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC

Những khó khăn và rào cản trong việc công khai xu hướng tính dục ở phần mô tả trên thể hiện rằng người LGBT đang thiếu nhóm trợ giúp mang tính chuyên nghiệp để giúp họ tăng thêm định lực, kết nối nguồn lực và lan tỏa thông điệp không phân biệt đối xử với nhóm LGBT. Chính

vì vậy, Công tác xã hội dành riêng cho nhóm người này cần phải được triển khai một cách quyết liệt và đồng bộ để nhóm LGBT hiểu được mình cần làm gì với thực tế họ đang gặp phải và cộng đồng hiểu cũng như tôn trọng họ mà không có tâm phân biệt. Trong đó vai trò là người tham vấn, giáo dục, kết nối nguồn lực và tạo ra sự thay đổi trong nhận thức, thái độ, hành vi là rất quan trọng trong việc trợ giúp cho nhóm LGBT công khai xu hướng tính dục.

3.1. Vai trò là người tham vấn, tư vấn tâm lý

NVXH khi làm việc với thân chủ là người đồng tính cần nhận biết được nét tâm lý, cảm xúc và tính cách của thân chủ. Xem xét thân chủ (TC) mình đang làm việc có những vướng mắc nào về tâm lý hay không để có những sự chia sẻ, động viên và khích lệ tinh thần của TC qua các kỹ năng trong giao tiếp và tham vấn. Phần lớn những TC là người đồng tính chưa sẵn sàng công khai đa phần họ mang trong mình những nỗi sợ hãi và lo lắng khác nhau: sợ hãi bị gia đình, họ bè, đồng nghiệp,… kỳ thị, xa lánh, phân biệt đối xử. Nỗi sợ khi công khai xu hướng tính dục của bản thân thì cuộc sống sẽ xáo trộn và thay đổi và chính vì những nỗi sợ đó mà họ thường che giấu và không nói ra xu hướng tính dục của bản thân mình với mọi người xung quanh, đặc biệt với những người thân cận nhất là gia đình. Như vậy, vai trò tham vấn, tư vấn tâm lý là rất cần thiết trong quá trình làm việc với TC là người đồng tính. NVXH cần làm cho TC hiểu rằng đây không chỉ là nỗi sợ hãi, lo lắng của riêng mình TC mà là khó khăn chung của những người đồng tính và cộng đồng LGBT. Để TC cảm thấy đây là một khó khăn trong cuộc sống mà ai là người thuộc cộng đồng LGBT cũng đều phải trải qua, quan trọng là đối diện với khó khăn đó như thế nào. Vai trò là nhà tham vấn còn thể hiện ở việc NVXH là người tạo động lực cho TC can đảm và mạnh mẽ hơn để đối diện với chính mình và mọi người xung quanh khi công khai. NVXH nắm bắt được những nét tâm lý, cảm xúc và hành động của TC để có những phản hồi, can thiệp kịp thời điều hòa cảm xúc, tâm lý của TC trong suốt tiến trình làm việc.

Trong quá trình giao tiếp, tham vấn với đối tượng là người đồng tính NVXH cần xóa bỏ mức định kiến giới trong mình để có thể hiểu và chia sẻ với TC các vấn đề và câu chuyện mà TC đang gặp phải. NVXH cần chú ý tới cách sử dụng từ ngữ sao cho tinh tế và phù hợp tránh làm tổn thương tới TC. Bằng thái độ cởi mở và không mặc định các TC mình đang làm việc là người dị tính hoặc cho rằng chỉ có khuôn mẫu giới nam và nữ theo cách tiếp cận truyền thống mới là đúng đắn, NVXH sẽ giúp cho TC thoải mái và an toàn hơn để trao đổi những khó khăn họ gặp phải. Để làm được điều này NVXH cần học cách "giao tiếp không loại trừ".

Thay vì mặc định mọi thân chủ đều là người dị tính và sử dụng các câu hỏi mang tính chất loại trừ, NVXH nên nhạy cảm và sử dụng những câu hỏi mang tính chất trung tính. NVXH có thể hỏi "*Chị có người yêu chưa*" hay "*Gần đây chị có đang tìm hiểu ai không?*" khi đó TC sẽ cảm thấy được thấu hiểu và không bị loại trừ khi tương tác với NVXH.

Một điểm đáng chú ý nữa là NVXH cần có sự tinh tế, cẩn trọng trong việc sử dụng ngôn từ khi giao tiếp với đối tượng người đồng tính. NVXH cần sử dụng đúng các thuật ngữ như "*người đồng tính", "người dị tính"* thay vì nói *"người đồng tính"* và *"người bình thường"*. NVXH cũng cần chú ý dùng các câu hỏi và cụm từ không mang tính kỳ thị và phân biệt. Thay vì hỏi "*Anh bị đồng tính lâu chưa?"*, NVXH nên hỏi "*Anh nhận ra mình có cảm xúc với người cùng giới từ bao giờ?"* hay "*Anh nhận ra mình là người đồng tính từ khi nào?"*. Các TC là người đồng tính rất dễ bị tổn thương và cảm thấy không được tôn trọng nếu NVXH sử dụng ngôn ngữ không phù hợp.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

3.2. Vai trò là người giáo dục

NVXH làm việc với nhóm đối tượng là người đồng tính nói riêng và nhóm LGBT nói chung cần nắm vững kiến thức về đa dạng tính dục để cung cấp kiến thức, giải thích cho TC về sự đa dạng tính dục ở loài người. Bởi vì không phải bất cứ người đồng tính nào cũng hiểu hết về các kiến thức liên quan đến tính dục và có thể giải thích cho người khác hiểu, sử dụng khi cần thiết trong quá trình công khai. NVXH là người nắm vững những kiến thức và tôn trọng các giá trị đa dạng của TC, tập huấn và cung cấp các kiến thức, các nhận thức đúng đắn về sự đa dạng của xu hướng tính dục là tự nhiên và bình thường và các nhận thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn đối với việc công khai. NVXH cần làm cho TC hiểu được rằng việc hiểu về các kiến thức đa dạng tính dục là cần thiết và quan trọng cho quá trình công khai.

Các kiến thức khoa học, tài liệu, ấn phẩm bằng tiếng Việt về người đồng tính nói riêng và về đa dạng tính dục nói chung hiện được các tổ chức xã hội dân sự làm về quyền LGBT tại Việt Nam nghiên cứu, dịch thuật và biên soạn rất đầy đủ và chi tiết. Có cả dạng ấn phẩm cứng được trưng bày tại thư viện của các tổ chức như: ISEE, ICS, CSAGA,… tài liệu bản mềm được đăng tải đầy đủ và khoa học trên trang web riêng là thuvien.lgbt. Đây là trang web có đăng tải đầy đủ các nghiên cứu, tài liệu, ấn phẩm của 2 tổ chức ISEE và ICS, các tài liệu có thể tải hoàn toàn miễn phí dưới dạng file PDF nên NVXH, người trong cộng đồng hoặc người quan tâm có thể tải về để tìm hiểu và tham khảo thêm. Đặc biệt là những NVXH làm việc với nhóm TC là nhóm LGBT cần tìm hiểu để có thể can thiệp, trợ giúp và cung cấp các dịch vụ cho TC hiệu quả hơn.

3.3. Vai trò là người kết nối

Kết nối cũng là một vai trò vô cùng quan trọng trong tiến trình làm việc với TC là người đồng tính. NVXH kết nối TC với các hội/ nhóm, các tổ chức xã hội về quyền LGBT gần nhất với môi trường sống của TC để TC có những địa điểm, không gian thân thiện với mình để tham gia, sinh hoạt các hoạt động cộng đồng. Khi tham gia những hoạt động cộng đồng này, TC sẽ cảm thấy mình được tôn trọng, được tự do và quan trọng nhất là TC sẽ cảm thấy mình không đơn độc trên hành trình chấp nhận và khẳng định chính bản thân mình.

Để làm việc với TC là người đồng tính, NVXH cần có mạng lưới quen biết với các hội/ nhóm, các tổ chức xã hội làm về quyền LGBT tại Việt Nam nhằm kết nối TC với các đơn vị này để TC tìm đến với mục đích tham gia các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng để có không gian thân thiện với TC có thể chia sẻ, vui chơi, giải trí. Hơn thế nữa TC có thể tìm đến các tổ chức xã hội khi cần những sự trợ giúp khẩn cấp, đặc biệt liên quan đến pháp lý.

3.4. Vai trò là người tạo sự thay đổi

Mục đích cuối cùng của NVXH khi làm việc với TC là tạo sự thay đổi tích cực trong hệ thống của TC. NVXH giúp TC loại bỏ những suy nghĩ hành vi tiêu cực và hướng tới những hành vi tích cực. NVXH giúp TC loại bỏ những suy nghĩ máy móc, rập khuôn trong việc đối diện và giải quyết vấn đề của chính mình. Sự thay đổi nằm trong cả nhận thức, tâm lý và hành vi của TC, khiến TC bứt phá và thay đổi chính bản thân mình, thay đổi cuộc sống của chính mình, sẵn sàng đối diện với khó khăn để công khai và hiện diện trước mọi người. NVXH chỉ là người khơi gợi để TC tự nhận thức nhưng quyết định thay đổi hay không là ở TC, do TC tự quyết định chứ NVXH không làm thay, làm hộ.

4. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH

Đa số người đồng tính trong xã hội đều mong muốn và có nhu cầu công khai xu hướng tính dục của bản thân với mục đích muốn được mọi người xung quanh thừa nhận, được là chính mình, được yêu thương và tôn trọng. Công khai là việc của cá nhân người đồng tính khi thừa nhận xu hướng tính dục của mình với người khác. Chính vì thế mà người đồng tính có thể công khai trong một hoặc nhiều bối cảnh khác nhau, mức độ công khai trong từng bối cảnh/ môi trường cũng khác nhau và tùy thuộc vào nhận thức của mỗi cá nhân.

Những người đồng tính không có ý định (nhu cầu) công khai, hoặc đang phân vân chưa biết có nên công khai hay không là vì những yếu tố tác động khách quan và chủ quan. Yếu tố khách quan là sự kỳ thị và phân biệt đối xử của mọi người trong các bối cảnh khác nhau đối với những người đồng tính khiến người đồng tính sợ hãi, lo lắng và không dám công khai. Yếu tố chủ quan là tâm lý tự ti, mặc cảm, sợ hãi, không dám đối diện với bản thân và mọi người xung quanh để công khai và hiện diện. Tuy nhiên yếu tố chủ quan này bị chi phối rất nhiều bởi các yếu khách quan đã trình bày. Một nguyên nhân quan trọng tác động ảnh hướng đến vấn đề công khai của người đồng tính, đặc biệt là công khai với gia đình đó chính là yếu tố độc lập/ tự chủ về kinh tế của cá nhân người đồng tính.

Trên thực tế rất nhiều người đồng tính có nhu cầu nhận được sự trợ giúp của CTXH để bảo vệ quyền của bản thân, trợ giúp họ vượt qua những khó khăn, những phân biệt và kỳ thị trong cuộc sống của họ. Chính vì vậy sự can thiệp trợ giúp của CTXH với nhóm đối tượng người đồng tính trong việc công khai xu hướng tính dục của bản thân là cần thiết và quan trọng. Nhóm tính dục thiểu số đã và đang là một nhóm yếu thế trong xã hội, dễ bị tổn thương và cần tới sự trợ giúp của CTXH để có thể thúc đẩy và bảo vệ quyền của mỗi cá nhân và cả cộng đồng, hướng tới một xã hội bình đẳng, tự do và văn minh.

5. CÁC HƯỚNG GIẢI PHÁP KHẢ THI

5.1. Đối với nhóm khách thể là người đồng tính

Việc công khai là một quá trình, một trải nghiệm dài và là do sự lựa chọn thời điểm, hành động và hoàn cảnh của mỗi người đồng tính. Chính vì vậy người đồng tính trước khi công khai cần phải chủ động chuẩn bị những điều cần thiết cho quá trình công khai. Hiện nay các tài liệu khoa học về người đồng tính nói riêng và LGBT nói chung, các cẩm nang gợi mở cho quá trình công khai có rất nhiều, các họ nên tìm hiểu, nắm bắt và kiểm soát quá trình công khai của mình sao cho thuận lợi và thành công nhất, tránh những sự việc đáng tiếc xảy ra trong chính cuộc sống của mình và mọi người xung quanh.

5.2. Về phía Công tác xã hội

Trên thực tế thì các mô hình cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho nhóm này chưa phổ biến và đang ở dưới dạng các tổ chức xã hội làm về quyền LGBT hỗ trợ cho các dự án cộng đồng với nguồn vốn phi chính phủ, phi lợi nhuận. Lực lượng nhân viên CTXH được đào tạo chuyên nghiệp làm việc trong lĩnh vực này là rất ít. Hiện tại theo như tìm hiểu và đọc các tài liệu thì trên cả nước hiện mới có khoa CTXH Đại học Sư phạm là có xây dựng và giảng dạy môn học CTXH với nhóm LGBT. Các chủ đề về LGBT trên nội dung giảng dạy của nhà trường còn rất ít. Chính vì vậy người nghiên cứu khuyến nghị đưa kiến thức về LGBT cũng như xây dựng đề cương môn học CTXH với nhóm tính dục thiểu số này nào nội dung chương trình đào tạo cho sinh viên

 ISBN: 978-604-73-8639-0

chuyên ngành CTXH cho các trường đại học trên cả nước để sinh viên có kiến thức, chuyên môn khi làm việc với TC thuộc nhóm tính dục thiểu số.

5.3. Về mặt pháp lý, chính sách

Đây không chỉ là vấn đề của riêng người đồng tính, của cha mẹ người đồng tính hay trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội mà còn là trách nhiệm của nhà nước, người có thẩm quyền đối với công dân đất nước mình. Do hôn nhân đồng giới không được nhà nước công nhận nên xã hội nói chung và cha mẹ của người đồng tính nói riêng vẫn còn những suy nghĩ, quan niệm rằng đồng tính là cái gì đó sai trái, lệch chuẩn, thấp kém, không được bình đẳng như người dị tính nên vô tình chung làm cho mối quan hệ giữa cha mẹ và người đồng tính càng trở nên tiêu cực. Nhà nước nên sửa Luật Hôn nhân và Gia đình theo hướng hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới và nghĩa vụ pháp lý liên quan như sở hữu tài sản, nhận con nuôi, sinh con cũng như các quyền và nghĩa vụ gia đình khác.

Cần đưa chủ đề tính dục và tính dục đồng giới và giảng dạy trong nhà trường để học sinh có kiến thức đúng đắn. Trên thực tế, người đồng tính thường nhận ra xu hướng tình dục của mình ở tuổi dậy thì, một giai đoạn có nhiều diễn biến tâm sinh lý phức tạp. Chính vì vậy, nếu không có kiến thức đúng, nhiều em sẽ hoảng loạn, trầm cảm và dẫn đến những hậu quả không mong muốn. Hơn nữa, khi học sinh có kiến thức đúng thì sẽ giảm thái độ kỳ thị với người đồng tính trong nhà trường.

Cần đẩy mạnh truyền thông có trách nhiệm về chủ đề đồng tính, tránh những kỳ thị trên báo chí, phim ảnh và văn học. Cần xây dựng một bộ luật chung về chống kỳ thị và phân biệt đối xử dựa trên khác biệt về giới tính, dân tộc, tuổi, tôn giáo, xu hướng tính dục và bản dạng giới làm cơ sở ngăn chặn các hành vi gây hại đặc biệt cho nhóm thiểu số và yếu thế, trong đó có người đồng tính.

Cần hỗ trợ sự phát triển của đại diện cộng đồng đồng tính để họ có thể tham gia vào xây dựng chính sách, luật liên quan, xóa định kiến và kỳ thị cũng như bảo vệ quyền của cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ICS + ISEE (2013), *Cẩm nang Nói về mình, những gợi ý về quá trình công khai của người đồng tính*, Hà Nội.
2. ICS, (2011), *Quạt cầu vồng, Bộ flashcard những khái niệm, định nghĩa tương ứng của các thuật ngữ thường dùng về LGBTIA*, TP Hồ Chí Minh, Tờ thông tin.
3. ISEE (2010), *Sơ lược về cộng đồng người đồng tính tại Việt Nam*, Hà Nội, Tờ thông tin.
4. ISEE (2015), *Nghiên cứu phân biệt đối xử đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*, Hà Nội.
5. ISEE + ICS, *Kỳ thị và phân biệt đối xử của nhân viên y tế qua cung cấp dịch vụ y tế cho nam quan hệ tình dục đồng giới*, TP Hồ Chí Minh.
6. ISEE (2013). *Sống chung cùng giới, trải nghiệm thực tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi*, NXB Thế Giới, Hà Nội
7. Lê Thị Mai Trang (2015), "Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam", *Hội thảo khoa học quốc tế Công tác xã hội Việt Nam thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển*, NXB Lao Động, Hà Nội.

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VỀ NGƯỜI LGBT THÔNG QUA HÀNH TRÌNH XUYÊN VIỆT (Nghiên cứu từ Tổ chức PFLAG Sài Gòn)

EFFICIENCY FROM THE MODEL RAISE COMMUNITY AWARENESS WITH LGBT PEOPLE CROSS VIETNAM ITINERARY (Research from Sai Gon PFLAG)

Tống Thị Hương*

Đinh Văn Mãi**

TÓM TẮT

LGBT là cụm từ viết tắt trong tiếng Anh (Lesbian, Gay, Bisexual, and Transgender/ Transsexual people nghĩa là người đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển đổi giới tính). Một trong những khó khăn của người LGBT là chịu sự kỳ thị và phân biệt đối xử dưới nhiều hình thức và môi trường khác nhau, từ nhà trường, cộng động, nơi làm việc và chính gia đình của họ. Nguyên do chính xuất phát từ nhận thức dẫn đến hành động và thái độ phân biệt đối với người LGBT. Theo cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường trên 3.000 người đồng tính nam và 40 người đồng tính nữ; kết quả có 95% người trả lời cho biết họ đã từng bị kỳ thị và phân biệt đối xử (theo iSEE thống kê năm 2009 và 2010). Người LGBT và chính gia đình của họ chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần.

Từ khóa: *mô hình, nhận thức cộng đồng, LGBT, hành trình.*

ABSTRACT

LGBT (Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender/Transsexual). The difficulty of LGBT people is a stigma/discrimination in many different forms and environment: school, community, workplace, family. The main reason comes from the awareness leading to discriminatory attitude and action with LGBT people. According to a survey on 3000 Gays and 40 Lesbians by the iSEE, 95 percents of participants said they had been stigmatized and discriminated against (iSEE, 2009 and 2010). LGBT people and their family have significantly affected the mental and physical health.

Keywords: *model, community, LGBT, itinerary*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, kỳ thị và phân biệt đối xử với người đồng tính được thể hiện tại nhiều nơi khác nhau như cộng đồng hàng xóm, trong trường học, tại bệnh viện cho đến nơi họ làm việc và đặc biệt là trong gia đình. Phản ứng đầu tiên của cha mẹ khi phát hiện ra xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới khác biệt của con mình là đưa con đi tư vấn tâm lý hoặc "chữa trị" vì họ nghĩ đứa con có vấn đề về tâm thần. Người LGBT phải chịu đựng sự phân biệt kỳ thị, nhưng tổn thương lớn nhất đó là sự chối bỏ từ gia đình và những người thân của họ. Sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người LGBT đã để lại rất nhiều những hệ lụy khôn lường cho bản thân họ và xã hội. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, khi con người càng bị kỳ thị và phân biệt đối xử thì họ càng có cảm giác bị cô lập và bị gạt ra bên lề

* Thạc sĩ, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Email: mailanhuong1988@gmail.com

** Thạc sĩ, Đại học Văn Lang. Email: dinhvanmaictxhk3@gmail.com

 ISBN: 978-604-73-8639-0

ngay từ trong cộng đồng. Nhiều người LGBT đã chọn giải pháp che giấu xu hướng tính dục của mình với gia đình bởi họ vừa lo cho cảm xúc của bố mẹ; vừa sợ đối diện với phản ứng từ người thân. Đặc biệt ở độ tuổi trưởng thành, trước sự kỳ thị của xã hội, mỗi cá nhân chọn cho mình cách phản ứng khác nhau trước khi bị trêu chọc, miệt thị từ xung quanh.

Vì vậy, người LGBT rất cần gia đình và xã hội chấp nhận, tôn trọng và yêu thương với cuộc sống của họ. Tại Việt Nam, PFLAG Sài Gòn là một trong những tổ chức tiêu biểu và tiên phong trong các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền của người LGBT. Bằng phương pháp phỏng vấn sâu và phân tích dữ liệu thứ cấp sẵn có thông qua thu thập từ các báo cáo nghiên cứu của tổ chức làm việc về lĩnh vực LGBT, bài viết phân tích kết quả mô hình trong nâng cao nhận thức cộng đồng đối với người LGBT thông qua hành trình xuyên Việt do Tổ chức PFLAG Sài Gòn thực hiện từ 2011 đến nay.

NỘI DUNG

1. Thực trạng phân biệt và kỳ thị đối với người LGBT

Người LGBT muốn được sống thật với bản dạng giới của mình, nhưng trong thực tế thì điều đó không dễ dàng. Vấn đề này được Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thực hiện cuộc khảo sát toàn quốc năm 2009 về nghề nghiệp cho thấy, người LGBT có thể làm việc trong tất cả các lĩnh vực, trong đó dịch vụ khách hàng là nhiều nhất (chiếm 18%), trong khi đó định kiến cho rằng chỉ có văn hóa nghệ thuật và giải trí mới có nhiều người đồng tính là hoàn toàn sai lầm (iSEE, 2009). Cuộc nghiên cứu khác năm 2012 của iSEE về "Trẻ em đường phố đồng tính, song tính, chuyển giới" trên 23 mẫu nghiên cứu; kết quả có 21 em cho biết mức độ cảm thấy trầm cảm và cô đơn; 13 em chia sẻ từng tự rạch cơ thể mình, dùng lưỡi lam cứa vào tay (iSEE, 2012).

Từ thực trạng cho thấy vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử với người LGBT xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết, không ít gia đình và cộng đồng còn thiếu kiến thức chính thống, đầy đủ về LGBT dẫn đến sự hiểu sai và những thái độ phân biệt đối xử hoặc bạo lực. Thực tế cho thấy những hiểu biết về xu hướng tình dục đồng giới ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, đôi khi sai lệch. Ngoài ra, những chuẩn mực giá trị truyền thống, định kiến giới trong gia đình như nam giới là phải mạnh mẽ, quyết đoán và làm những công việc trọng đại; trong khi đó nữ giới thì phải nhẹ nhàng, yếu đuối, làm công việc không đòi hỏi nặng nhọc. Khi trưởng thành, nam giới phải cưới vợ, nữ cưới chồng. Nhìn chung ba nhóm yếu tố chính đó là: sự thiếu hiểu biết những kiến thức về LGBT; định kiến về giới và hôn nhân; danh dự và sự thể hiện của cha mẹ (iSEE, 2017).

Chính những định kiến và phân biệt đó đã kéo dài hàng thập kỷ, len lỏi trong từng gia đình, từng cộng đồng và qua nhiều giai đoạn đã để lại những hệ quả không nhỏ với người LGBT. Các nghiên cứu về LGBT cho thấy khi họ bị xã hội, gia đình hay bạn bè kỳ thị, phân biệt đối xử và đặc biệt là phải đối mặt với bạo lực gia đình sẽ dẫn đến những tổn thương tâm lý vô cùng nghiêm trọng như chứng rối loạn trầm cảm, lo âu. Không ít trường hợp họ tìm đến rượu, ma túy, quan hệ tình dục không lành mạnh, thậm chí là có ý định tự tử (iSEE, 2012). Theo nghiên cứu của King và cộng sự (2008), so với người dị tính thì người trong cộng đồng LGBT có ý định tự tử cao gấp 2,47 lần; tỷ lệ mắc bệnh trầm cảm, lo hãi kéo dài từ một năm trở lên cao hơn 1,5 lần, tỷ lệ người phụ thuộc vào rượu và các chất gây nghiện khác kéo dài từ một năm trở lên cao hơn 1,5 lần (Phạm Quỳnh Phương, 2013).

Trong một số trường hợp, khi người LGBT sợ bị phát hiện là người đồng tính và họ không muốn những người xung quanh biết mối quan hệ này thì họ có xu hướng sống khép kín, thu mình

với tất cả, không dám bộc lộ khuynh hướng tính dục và phải sống một cuộc sống "hai mặt". Nhiều người LGBT họ chọn cuộc sống chia thành hai thế giới riêng biệt, với những người cùng cộng đồng họ sống thật với giới tính của mình; khi trở về với gia đình, đồng nghiệp hay bạn bè họ sống trong vỏ bọc "dị tính". Cuộc sống hai mặt khiến họ phải sống trong giấu diếm, dẫn đến tình trạng chán nản, làm dụng chất kích thích và xu hướng bạo lực. Họ phải đè nén tình cảnh của mình chấp nhận kết hôn dị tính để phù hợp với những chuẩn mực của xã hội như kết hôn.

Tại gia đình, theo kết quả khảo sát đường dây tư vấn Linh Tâm thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về giới-gia đình-phụ nữ và vị thành niên (CSAGA), trong số những khách hàng là người LGBT gọi đến có 28% bị bạo hành từ cha mẹ và 34% bị những người thân trong gia đình như anh chị em đánh đập. Có người bị biệt giam tại nhà, có người còn bị đưa đến trại tâm thần. Do vậy tỷ lệ những người tự tử và có ý định tự tử rất cao, 90% có ý định tìm đến cái chết và 10% đã dừng tự tử để giải thoát cho mình khỏi những áp lực do mọi người tạo nên (CSAGA, 2013). Một cuộc nghiên cứu khác và cho kết quả từ cuộc nghiên cứu của iSEE và Trung tâm sáng kiến sức khỏe và dân số (CCIHP) cho thấy vấn đề bạo lực gia đình đối với người LGBT khá phổ biến. Khi phát hiện con là người đồng tính, cha mẹ thường sốc hoặc hoảng loạn (iSEE, và CCIHP, 2011).

Trước thực trạng trong cuộc sống với sự kỳ thị của xã hội, chối bỏ của gia đình, không có công ăn việc làm, sự bi quan trong tình yêu lứa đôi khiến nhiều người chối bỏ xu hướng tính dục của mình. Việc người LGBT nhận ra bản thân, công khai và sống thật với giới tính của mình là một quá trình diễn ra lâu dài; ngoài sự nỗ lực của bản thân rất cần sự chung tay của gia đình và cộng đồng xã hội.

2. Tổng quan về PFLAG Sài Gòn

PFLAG là tên viết tắt trong tiếng anh – Parents Families and Friends of Lesbians And Gays, có nghĩa là cha mẹ, người thân và bạn bè của người đồng tính. Ý tưởng PFLAG đầu tiên được ra đời vào năm 1972 bởi bà Jeanne Manford (Mỹ). Đến nay, PFLAG có hơn 500 tổ chức khác nhau trên thế giới. Tại Việt Nam, PFLAG chính thức được ra đời vào ngày 11/4/2011, trung bình tại mỗi tỉnh thành đều có 1-2 PFLAG. PFLAG Sài Gòn thuộc Trung tâm ICS – Tổ chức bảo vệ và thúc đẩy quyền của người LGBT tại Việt Nam (2011-2015) và từ 2016 đến nay đã tách riêng và và trở thành tổ chức độc lập. Hiện nay PFLAG Sài Gòn hoạt động chính tại TP HCM và một số tỉnh lân cận; đồng phối hợp với các PFLAG khác trong cả nước khi tổ chức các sự kiện lớn dành cho cha mẹ, người thân của người LGBT.

Mục tiêu của Tổ chức PFLAG Sài Gòn nhằm đồng hành cùng cộng đồng LGBT, thắp lửa sức mạnh gia đình, lan tỏa yêu thương dựa trên sự thấu hiểu và vận động quyền bình đẳng của người LGBT và gia đình.

Một số hoạt động được PFLAG thực hiện như: tham vấn cộng đồng, tập huấn nâng cao nhận thức về LGBT, hội thảo chuyên đề, chia sẻ đồng đẳng, họp nhóm nhỏ định kỳ,… Trong đó tiêu biểu nhất đó là mô hình nâng cao nhận thức cho cộng đồng thông qua hành trình xuyên Việt.

3. Kết quả của Hành trình xuyên Việt

Mục tiêu: Thông qua Hành trình xuyên Việt, PFLAG Sài Gòn tạo sự thay đổi trong nhận thức của phụ huynh, người thân và cộng đồng đối với người LGBT; trên hết chính là từ trong gia đình – cha mẹ cần chấp nhận, có trách nhiệm, ủng hộ và bảo vệ con trước sự kỳ thị phân biệt đối xử.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Cách thức tổ chức: Hành trình xuyên Việt được thực hiện từ 2011 đến nay và trải qua ba giai đoạn – (1) Hiểu về con, (2) Hiểu về nhau, (3) Yêu thương dựa trên sự thấu hiểu. PFLAG Sài Gòn tập hợp phụ huynh của những người đồng tính, song tính và chuyển giới từ khắp mọi miền trên cả nước. PFLAG chọn cách làm đơn giản, dễ thực hiện, phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Những hình thức được PFLAG sử dụng trong những chuyến hành trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng gồm: gặp gỡ tại quán cà phê kết hợp với truyền thông và chia sẻ kiến thức; tổ chức hội thảo quy mô nhỏ từng địa phương; hội thảo liên tỉnh và khu vực; vận động sự tham gia hỗ trợ từ chính quyền địa phương và những cá nhân tích cực tại cộng đồng; hình thành các nhóm nòng cốt tại các tỉnh; biểu diễn hình thức kịch nói kết hợp với tọa đàm về những chủ đề LGBT. Với cách thức tổ chức các hoạt động như trên, Hành trình xuyên Việt được thực hiện trong 10 năm và đạt được những kết quả nhất định.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Giai đoạn 1: Hành trình "hiểu về con" (2011-2014)

Đối với người LGBT, việc vượt qua được những mặc cảm để có thể sống đúng với giới tính, con người thật của mình đã là việc khó khăn. Nhưng với họ, để cha mẹ - những người luôn yêu thương và kỳ vọng mình – có thể hiểu và bước cùng trên hành trình tìm lấy sự đồng cảm của người khác càng là việc không hề dễ dàng. Chính vì vậy, Hội PFLAG Sài Gòn tập hợp những phụ huynh của những người đồng tính, song tính và chuyển giới từ khắp nơi trên cả nước.

Thông qua những chuyến hành trình xuyên Việt, Hội PFLAG đã đi đến được 13 tỉnh thành từ Bắc vào Nam và tìm gặp những người trong cộng đồng LGBT, phụ huynh và giáo viên của các em để giải thích các vấn đề về giới, hôn nhân, cũng như cách nhìn nhận con em mình. Chuyến hành trình thông qua tổ chức các hoạt động như hội thảo, cà phê giao lưu kết hợp với chia sẻ kiến thức, những chia sẻ từ chính những phụ huynh có con là người LGBT. Từ đây, PFLAG đã đặt những "viên gạch đầu tiên" trong chuyến hành trình đồng hành với người LGBT. Mỗi chuyến đi qua các tỉnh, PFLAG đã lan tỏa thông tin tới nhiều gia đình, nhiều phụ huynh và con của họ đã trở thành những thành viên nòng cốt cho địa phương nói riêng và PFLAG nói chung.

Có thể nói PFLAG đã góp phần to lớn và tạo được sự thay đổi trong nhận thức cũng như sự chung tay của người thân, làm chỗ dựa vững chắc cho cộng đồng LGBT. Từ những xúc cảm, những câu chuyện riêng tư của mình, những người cha, người mẹ đặc biệt ấy đã tìm thấy ở nhau sự đồng cảm, sẻ chia. Và họ luôn hiểu rằng, mình sẽ không đơn độc trên hành trình cùng con đi qua những khó khăn của cuộc sống, bước qua những kỳ thị vốn còn nặng nề trong từng ánh mắt của xã hội. Những chuyến đi "lan toả yêu thương" thực sự không dễ dàng khi phải đối mặt với hàng loạt những kỳ thị vốn đã hằn sâu hình ảnh người đồng tính đối với nhiều người.

Giai đoạn 2: Hành trình "hiểu về nhau" (2014-2017)

Với phương trâm trước khi hiểu về con phụ huynh hãy hiểu chính mình, đó cũng là một trong những lý do để PFLAG Sài Gòn tiếp tục thực hiện chuyến hành trình "hiểu về nhau" trong giai đoạn ba năm 2014-2017. Chuyến đi được mở rộng từ quy mô 13 tỉnh lên 20 tỉnh thành khác nhau trong cả nước. Thông qua sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và nhóm nòng cốt, chuyến hành trình nhận được nhiều sự hỗ trợ thân tình từ cộng đồng. Hình thức triển khai chính là tổ chức hội thảo, buổi gặp gỡ tại quán cà phê kết hợp với truyền thông và chia sẻ kiến thức. PFLAG chọn cách làm đơn giản, dễ thực hiện, phù hợp với từng địa phương và đón nhận được sự

tham gia đông đảo của phụ huynh và người thân của cộng đồng LGBT. Thông điệp từ những chuyến hành trình gửi tới cha mẹ hãy hiểu chính mình, con cái hãy hiểu cha mẹ và cha mẹ hãy hiểu con. Trong thực tế, tại nhiều hoàn cảnh hoặc nền văn hóa khác nhau, cha mẹ luôn chịu rất nhiều những áp lực vô hình nhưng họ lại không biết chia sẻ cùng ai. Không ít bố mẹ khi biết con mình là LGBT luôn sống trong sự giằng xé, buồn, thất vọng, khó chấp nhận, sợ hàng xóm và xã hội kỳ thị. Do đó, chặng đường mỗi người cha người mẹ chấp nhận và ủng hộ con cái được sống với giới tính thật không hề đơn giản và rất cần những người phụ huynh được biết và chia sẻ cùng nhau. Thông qua đây, các phụ huynh được lắng nghe, chia sẻ, nâng cao kiến thức và bình tĩnh chấp nhận giúp con từng bước vượt qua nỗi sợ khi biết mình là LGBT. Như một phụ huynh có con là người đồng tính chia sẻ "Thay vì cùng nhau khóc, chúng tôi đã có thể cười khi gặp mặt nhau. Khi chính chúng tôi đã trải qua chặng đường dài mới thấu hiểu được con cái của mình, chúng tôi mong muốn những gia đình khác cũng có thể sớm ngộ ra vấn đề để thể hiện tình yêu thương đúng đắn, phù hợp nhất, dũng cảm đối mặt giành lấy quyền sống, quyền hạnh phúc, giúp các con sống đúng với bản thân".

"Hành trình hiểu về nhau" đã trở thành một trong những hoạt động thường niên trong suốt ba năm qua, đã đi qua rất nhiều tỉnh thành trên mảnh đất hình chữ S, đã trở thành cầu nối gắn kết các thế hệ, giữa những người con LGBT và những ông bố, bà mẹ của họ. Và không ít các ông bố, bà mẹ đã bao dung, thấu hiểu và dang rộng vòng tay yêu thương với những đứa con LGBT kể từ sau chương trình.

Giai đoạn 3: Hành trình "Yêu thương dựa trên sự thấu hiểu (2019-2020)

Luôn đi đầu trong phòng trào nâng cao nhận thức cho cộng đồng về người LGBT, PFLAG tiếp tục thực hiện những chuyến đi tại 4 tỉnh thành phía Nam gồm TP Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đà Lạt và Đồng Tháp nhằm truyền đạt thông điệp yêu thương con thực sự cần dựa trên sự thấu hiểu. Chuyến hành trình tại các tỉnh thu hút sự tham gia của 400 người bao gồm cha mẹ và người thân, giáo viên, bạn bè, đại diện từ địa phương và những người ủng hộ cộng đồng LGBT. Điều đặc biệt trong những chuyến đi là PFLAG Sài Gòn sử dụng hình thức kịch nói kết hợp với tọa đàm về những chủ đề liên quan. Hầu hết "diễn viên" gồm những phụ huynh có con là người LGBT, họ có thể là thành viên của PFLAG hoặc người tại địa phương, kết hợp với các bạn LGBT. Mỗi vở kịch là mỗi câu chuyện chứa đựng những góc khuất của gia đình và người LGBT phải đương đầu vượt qua. Kế tiếp là những buổi tọa đàm thu hút sự tham gia của đông đảo mọi người. Nội dung được đề cập đến đó là "*Quá trình cha mẹ thừa nhận con mình là người LGBT diễn ra như thế nào và sự khó khăn họ gặp phải từ dư luận*"; *"Bài học về "come out" hiệu quả"* từ chính các bạn LGBT; "*Hướng dẫn cách thức cha mẹ và con cái cùng đối thoại về LGBT"*; "*Những khó khăn và cách vượt qua nỗi sợ hãi trong mùa dịch Covid-19*"; "*Yêu thương đúng cách*" và những kênh hỗ trợ cho người LGBT tiếp cận được tư vấn.

Chuyến hành trình "Yêu thương dựa trên sự thấu hiểu" diễn ra trong hai năm đã góp phần lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong cách giáo dục con cái đối với cha mẹ hội PFLAG tại các tỉnh thành nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung. Nhiều thành viên tại PFLAG chia sẻ sự xúc động sau mỗi chuyến hành trình, nhiều gia đình tưởng như mất con đã kịp thời cứu vớt, người con đã nhận được sự yêu thương và đón nhận từ cha mẹ họ. Cô Nguyễn Thị Lang Mộng (người đứng đầu PFLAG Sài Gòn) đã chia sẻ: "Cha mẹ ai cũng yêu thương con hết, nhưng yêu thương phải đúng cách và dựa trên sự thấu hiểu giữa hai bên. Chuyến hành trình này chúng tôi đã giúp cho phụ

 ISBN: 978-604-73-8639-0

huynh hiểu được họ cần giúp đỡ con mình như thế nào và rút ngắn khoảng cách để chúng ta hiểu con, hiểu mình".

Hành trình xuyên Việt đã giúp cho phụ huynh có con là người LGBT không dừng lại ở việc chấp nhận mà với sự nhận thức về quyền con người và giận dữ trước những bất công trong xã hội, nhận thức được trách nhiệm và bổn phận là hãy lên tiếng ủng hộ và bảo vệ con. Nhiều phụ huynh chủ động tham gia vào các PFLAG, vận động các cha mẹ khác có con là LGBT chấp nhận và cùng tham gia. Nhiều phụ huynh đã tự tin với những phát biểu kêu gọi, kể câu chuyện của gia đình mình trên các phương tiện thông tin nhằm vận động quyền cho người LGBT. Chính "tình yêu thương dựa trên sự thấu cảm" đã tiếp sức cho những cha mẹ đủ mạnh mẽ vượt qua rào cản, phá vỡ định kiến để chấp nhận và ủng hộ con. Mỗi sự ủng hộ và chấp nhận từ gia đình sẽ góp xây thêm những "viên gạch vững chắc" trong hành trình vận động quyền cho người LGBT.

4. Bài học kinh nghiệm từ mô hình

Nhận thức được bản dạng giới, công khai và sống thật với giới tính của bản thân rất quan trọng với người LGBT. Bởi nhiều người còn e ngại công khai vì sợ gặp phải những định kiến và kỳ thị. Nhiều người quyết định giữ kín, nhiều người chọn cách công khai tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể. Việc chia sẻ sẽ có ý nghĩa và tác động to lớn đến sức khỏe tinh thần của họ. Có nhiều bằng chứng khoa học cho thấy, quá trình nhận dạng và công khai giới tính có liên quan mật thiết đối với các chuyển biến về tâm lý của họ - quá trình đó càng thuận lợi và tích cực thì sức khỏe tinh thần và lòng tự tôn của bản thân càng được nâng cao.

Hành trình xuyên Việt *"hiểu về con – hiểu về nhau – yêu thương dựa trên sự thấu hiểu"* trong suốt mười năm qua PFLAG Sài Gòn đã mang lại những giá trị nhân văn sâu sắc. Giờ đây sự đáng sợ nhất đối với người LGBT đó là gia đình thì họ đã từng bước được tháo gỡ, họ tự tin chia sẻ với cha mẹ và gia đình của họ từ hiểu-chấp nhận-đồng hành cùng con. Phụ huynh và người thân LGBT không còn đơn độc trong chuỗi hành trình làm cha mẹ. Họ đã cởi mở, đứng ra bảo vệ con dựa trên sự hiểu biết của mình. Hàng trăm, hàng nghìn gia đình đã "rút ngắn khoảng cách" với con cái, kéo gần đứa con lại với cha mẹ, cứu vớt cuộc đời của biết bao nhiêu cá nhân. Thông qua Tổ chức PFLAG Sài Gòn với mô hình nâng cao nhận thức cộng đồng với người LGBT, chúng tôi rút ra một số bài học thực tiễn khi triển khai cần có sự tham gia đồng bộ của các bên liên quan và cụ thể như sau:

Về phía cộng đồng, xã hội – Cần nhìn nhận LGBT một cách đúng đắn, xóa bỏ định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử

Xã hội cần tăng cường truyền thông nâng cao kiến thức cho xã hội về LGBT; thúc đẩy việc xây dựng luật chống kỳ thị; đưa giáo dục về xu hướng tính dục và bản dạng giới vào chương trình học phổ thông nhằm đảm bảo mọi người đều có cơ hội học tập và làm việc bình đẳng; mở rộng khái niệm về bình đẳng giới trong luật pháp, đảm bảo người liên giới tính và người chuyển giới nằm trong những đối tượng được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, xã hội đảm bảo quyền tiếp cận công bằng đến các dịch vụ công nhất là giáo dục và y tế cho người LGBT.

Thành lập các PFLAG tại địa phương, các nhóm phụ huynh nòng cốt, nhóm LGBT thường xuyên duy trì hoạt động nhằm chia sẻ, kết nối và hỗ trợ kịp thời cho những phụ huynh hoặc người LGBT khác trong cộng đồng. Đặc biệt chú ý tại những địa phương vùng xa xôi, ít có điều kiện nhằm lan tỏa tình yêu thương, sự đồng cảm giữa các gia đình có con là LGBT; qua đó tạo nên sự

đoàn kết trong cuộc vận động quyền cho người LGBT. Mỗi thành viên trong PFLAG cũng cần được nâng cao năng lực chuyên môn thông qua những khóa tập huấn, chương trình đào tạo để trở thành những nhà vận động quyền LGBT hiệu quả hơn.

Về phía gia đình – Cần yêu thương con đúng cách

Cha mẹ cần có kiến thức về LGBT thông qua các kênh thông tin chính thống và uy tín; bản thân vượt qua mặc cảm, thể hiện của bản thân để có thể chấp nhận con của mình; học cách yêu thương mình và yêu thương con đúng cách; cha mẹ có con là LGBT bên tham gia các PFLAG tại địa phương nhằm nâng cao kiến thức và trở thành những cha mẹ nòng cốt hỗ trợ cho những phụ huynh khác.

Chính cha mẹ cần có sự kết nối với con cái, thông qua đó cả hai bên sẽ có sự thấu hiểu đồng cảm. Sự nhận thức trong mỗi gia đình sẽ là điều kiện tiện tiên quyết lan tỏa đến nhận thức của mọi người trong xã hội. Cha mẹ cùng nhau chủ động và chia sẻ những địa chỉ hỗ trợ tâm lý tin cậy nhằm giúp cho chính bản thân mình và con cái trong những trường hợp cần thiết.

Về phía người LGBT – Cần nâng cao kiến thức và tự chủ trong cuộc sống

Các bạn là LGBT cần không ngừng hoàn thiện bản thân thông qua việc tự nâng cao kiến thức từ những kênh thông tin chính thống; tham gia các câu lạc bộ hoặc đội nhóm PFLAG tại mỗi địa phương để nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ. Trong gia đình, các LGBT cần học cách chia sẻ cảm xúc và đối thoại cùng cha mẹ; không ngừng rèn luyện bản thân; học tập nâng cao chuyên môn và tự chủ về nghề nghiệp. Mỗi người LGBT khẳng định được bản thân, nhận được sự ủng hộ của gia đình cần tiếp tục hỗ trợ các cá nhân và nhóm khác trong cộng đồng LGBT.

KẾT LUẬN

Cộng đồng người LGBT ở Việt Nam có sự đa dạng về lứa tuổi, nghề nghiệp, học vấn, xu hướng tình dục và bản dạng giới. Hiện nay, chưa có số liệu thống kê chính xác có bao nhiêu người trong cộng đồng LGBT; nhưng có một điều chắc chắn rằng họ có thể là bất kỳ ai xung quanh, đồng nghiệp hoặc người thân chúng ta. Cho dù họ là ai, thì họ cũng cần được yêu thương và muốn được yêu thương; họ có những năng lực, trí tuệ và đóng góp rất nhiều cho xã hội. Vì vậy bên cạnh mong muốn được bình đẳng, người LGBT khao khát được công khai xu hướng tính dục mà không bị kỳ thị phân biệt đối xử. Họ cũng mong muốn được công khai và công nhận mối quan hệ tình cảm, pháp luật công nhận trên các lĩnh vực. Và rất cần một xã hội cởi mở, ở đó luôn có sự công bằng cho tất cả mọi người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thu Hoa & Đồng Thị Yến (2015). "Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN,* 31(5).
2. Phạm Quỳnh Phương (2013). *Tổng luận các nghiên cứu người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*, Truy cập tại: https://static1.squarespace.com/static/526c21b5e4b0d43e45f6c4c2/t/5edf556977faa21f0a076888/1591694774401/iSEE_Tong+luan+ve+nguoi+dong+tinh+va+chuyen+gioi+o+VN.pdf.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

3. Phạm Quỳnh Phương, Mai Thị Hạnh và nhóm tác giả (2017). *Nghiên cứu: Cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ quyền của con là người LGBT: những yếu tố tác động*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).

4. Nguyễn Quỳnh Trang và cộng sự (2010). *Sống trong một xã hội dị tính: Câu chuyện từ 40 người nữ yêu nữ. Quan hệ với cha mẹ,* Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).

5. Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (2012). *Báo cáo sơ bộ về nghiên cứu trực tuyến về kỳ thị, phân biệt đối xử và bạo lực với người đồng tính, chuyển giới, chuyển giới tính và giao giới tính tại trường học.*

6. UNDP, USAID (2014). *Báo cáo Quốc gia LGBT Việt Nam – Là LGBT ở Châu Á.* Truy cập tại: https://www.refworld.org/cgi-bin/texis/vtx/rwmain/opendocpdf.pdf?reldoc=y&docid=54ed8bfc4

7. UNDP (2015). *Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam.* Truy cập tại: https://vietnam.un.org/sites/default/files/2019-07/Executive%2520Summary%2520LGBT%2520VN%2520July%25206th%25202015_0.pdf

8. Bạch Dương (18/02/2017). *Pflag – chốn bình yên cho những đứa con khác người.* Nguồn: https://laodong.vn/lao-dong-doi-song/pflag-chon-binh-yen-cho-nhung-dua-con-khac-nguoi-527570.ldo

9. iSEE (07/10/2017). *Hành trình hiểu về nhau – Nơi những người con LGBT thấu hiểu nỗi lo sợ của cha mẹ.* Nguồn: http://isee.org.vn/hanh-trinh-hieu-ve-nhau-noi-nhung-nguoi-con-lgbt-thau-hieu-noi-lo-so-cua-cha-mehieu-ve-nhau-la-de-cac-phu-huynh-co-the-lang-nghe-chia-se-giup-do-con-vuot-qua-noi-so-hai-k/

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI AN TOÀN CHO HỌC SINH LGBT TRONG TRƯỜNG HỌC

CONSTRUCT SAFETY SCHOOL CLIMATE FOR LGBT STUDENTS IN SCHOOL

Phan Thị Thanh Hương*

TÓM TẮT

An toàn trường học là sự mong muốn của tất cả chúng ta, đặc biệt là trong hệ thống trường công lập, nhằm giúp tất cả học sinh cảm nhận được sự an toàn học đường, vui vẻ, hạnh phúc, nâng cao thành tích học tập. Tuy nhiên, học sinh đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT) chưa cảm nhận được sự an toàn trong các trường học. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng an toàn trong môi trường học đường của học sinh LGBT, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm thiết lập hệ sinh thái an toàn cho hoc sinh LGBT.

Từ khóa: *đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT), an toàn trường học, trường học, vai trò.*

ABSTRACT

Safety school is desirable in all of our, in particular are system Public schools. However, lesbian, gay, bisexual and transgender (LGBT) student have often not experienced safety in our schools. The research give general review to student LGBT reality safety in schools, from there making recommendations to setting of safety school climate for LGBT students.

Keywords*: lesbian, gay, bisexual and transgender (LGBT), safety school, school, role.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường học là nơi hỗ trợ các em phát triển năng lực, phát hiện, xây dựng giá trị cá nhân và hoàn thiện bản ngã của bản thân thông qua các mối quan hệ bạn đồng đẳng, bạn học cùng trường, cùng lớp, thầy cô… vì vậy việc thiết lập hệ sinh thái an toàn, lành mạnh là nhiệm vụ chính trị của toàn trường. Sự *"cởi mở"*, thoải mái bộc lộ về xu hướng tình dục hoặc nhận dạng giới tính giữa các sinh viên đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và đồng tính… (LGBT+) và giáo viên rất quan trọng đối với việc tạo động lực học tập trong trường học.

Tác giả Bucher và Manning (2005) đã mô tả một trường học an toàn như sau: *"Trường học an toàn cho phép học sinh, giáo viên, ban giám hiệu, nhân viên và phụ huynh học sinh tương tác tích cực, phản ánh đúng sứ mệnh giáo dục của trường học, nuôi dưỡng các mối quan hệ tích cực và sự phát triển cá nhân"* (trang 56). Sự phân biệt đối xử với các nhà giáo dục LGBT không chỉ gây thiệt hại cho những nhà giáo dục đó, mà còn cho cả những sinh viên chứng kiến điều đó (Eckes & McCarthy, 2008; Tiffany Wright và cộng sự, 2019).

An toàn ở đây được hiểu là không bị tổn thương, được quyền thể hiện cũng như được kết nối và được thuộc về cộng đồng. Vì vậy, *"an toàn"* không chỉ biểu thị việc không bị gây hại, mà còn được *"chấp nhận"* trong xã hội, đặc biệt đối với khả năng chấp nhận về nhân dạng đối với cộng đồng LGBT (Browne & Bakshi, 2013, trang 135, 136). An toàn thường được ví như một *"ngôi*

* Tiến sĩ, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn. Email: ptthuong@sgu.edu.vn.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

nhà" (Formby, 2017; Self & Hudson, 2015), nhưng chúng tôi lập luận rằng *"ngôi nhà"* có ý nghĩa nhiều hơn sự *"hỗ trợ"* cá nhân, cụ thể như: không gian có thể tạo ra cảm giác kết nối, thuộc về cộng đồng. Tuy nhiên cảm giác "an toàn" thực sự chính là sự nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của việc hiểu trải nghiệm khi bị ảnh hưởng bởi các khía cạnh giao nhau về bản sắc dân tộc, giới tính, tầng lớp xã hội, v.v. (Falconer và Taylor, 2016, p.7; Eleanor Formby, 2017).

Trong mọi xã hội, mọi người thường có những khái niệm cơ bản để phân biệt những thứ khác nhau chủ yếu là dạng đối lập nhị phân (chia làm 2), vì vậy họ coi giới tính tự nhiên của con người là nữ và nam (Rosenblum và Travis, 2000, tr.14). Những người cư xử khác biệt hoặc trái ngược với hai dạng giới tính chính được coi là khác biệt, các tiêu chuẩn xã hội không được chấp nhận, dẫn đến việc bị cáo buộc là *"giới tính thứ ba"* (Martin, 2003, p.1). Cách gọi như vậy biểu thị họ là những người ngoài cuộc và tách họ ra khỏi những người khác. Trong đó khái niệm *"sự khác biệt"* đặt ra câu hỏi *"ai"* khác với *"ai"* hoặc *"cái gì"* khác với *"cái gì"* và nó cũng dẫn đến sự tách biệt giữa *"họ"* và *"chúng ta"*. Do đó, những người này được coi là một nhóm xã hội có vấn đề. (Nipitpon Nanthawong, 2021).

Nhìn nhận từ sự khác biệt nên học sinh LGBT+ đã có những trải nghiệm không tích cực, bị bắt nạt, bị bạo lực tình dục, bị phân biệt đối xử,… ngay trong chính môi trường học đường, thiết nghĩ môi trường học đường phải tạo ra sự *"an toàn"* cho học sinh. Tuy nhiên hầu hết các cơ sở học tập không xây dựng các chiến lược hiệu quả để giải quyết vấn đề này. Nghiên cứu của (Taylor, Peter, Campbell, Meyer, Ristock & Short, 2015; Ullman, 2015) cho rằng, trường học có thể là một trong những nơi học sinh LGBT trải qua một loạt các trải nghiệm không an toàn, không được tôn trọng chẳng hạn như gọi tên, bắt nạt và các hình thức quấy rối, bạo lực khác. (Pearce, J., & Cumming-Potvin, W., 2017).

Bởi vì LGBT có nền tảng văn hóa đa dạng, họ thường xuyên tuyên bố với những người khác về sự khác biệt nhạy cảm của giới và quan niệm về hôn nhân. Chính điều đó đã gây ra những khó khăn cho họ. Mặc dù LGBT đã được công nhận hợp pháp ở một số quốc gia, tuy nhiên trong xã hội lại không hoàn toàn thừa nhận sự tồn tại của các văn bản đó. Một số nền văn hóa khác vẫn coi LGBT là trái với chuẩn mực của họ; đây là nguyên nhân tiềm ẩn của phân biệt đối xử và quấy rối LGBT (Rosario, Schrimshaw và Hunter, 2009).

Mạng lưới (GLSEN) đưa ra bản báo cáo về *Khảo sát Quốc gia về khí hậu trường học* với 23.001 học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông LGBTQ (Kosciw và cộng sự, 2018). Kết quả chỉ ra rằng 98,5% sinh viên LGBTQ báo cáo họ cảm thấy bị xúc phạm khi nghe thấy những từ ngữ chỉ sự phân biệt, chẳng hạn như từ "đồng tính" và 34,8% sinh viên LGBTQ cho biết đã bỏ học ít nhất một ngày vì không cảm thấy an toàn (Kosciw và cộng sự, 2018). Nghiên cứu làm rõ thêm vấn đề cho thấy rằng học sinh LGBTQ không nhận được sự can thiệp của nhân viên nhà trường khi bị phân biệt đối xử và quấy rối xảy ra ở trường (Snapp, Burdge, Licona, Moody & Russell, 2015). Vì sự phức tạp của cộng đồng LGBT, các tổ chức nghề nghiệp và các học giả ở Hoa Kỳ đã kêu gọi cố vấn trường học và hiệu trưởng cần thúc đẩy tăng cường an toàn và chống bắt nạt trong môi trường học tập cho học sinh LGBT (Trường học Hoa Kỳ Hiệp hội cố vấn [ASCA], 2019 , 2016; Beck, 2016, 2018, 2019). Bất chấp những thay đổi về bình đẳng hôn nhân trong luật liên bang, việc làm của các nhà giáo dục LGBT không được bảo vệ ở nhiều khu vực trên đất nước Hoa Kỳ (Movement Advancement Project, 2019). Giáo viên ở 28 bang vẫn có thể mất việc vì xu hướng tình dục của họ (Tiffany Wright and et al., 2019).

Một nghiên cứu được tiến hành bởi Espelage (2016) đã chỉ ra rằng 30% trong số các sinh viên LGBT báo cáo từng bị xã hội tẩy chay và bị loại khỏi việc tham dự cơ hội học tập so với trẻ em được coi là có giới tính phù hợp. Hơn nữa, Gidley, Hampson, Wheeler và Bereded-Samuel (2010) đã xác định rằng hơn 40% sinh viên LGBT gặp phải những vấn đề tâm lý ảnh hưởng đến việc học của các em. Kosciw, Palmer, Kull và Greytak (2013) chỉ ra rằng LGBT tự tử do sự gia tăng căng thẳng và trầm cảm giữa các thành viên LGBT. Môi trường học đường khắc nghiệt mà học sinh LGBT phải đối mặt góp phần gây ra khuynh hướng tự tử (Ballenger, 2012). Ngoài ra, LGBT có liên quan đến lạm dụng ma túy do phân biệt đối xử (Grant, Koskovich, Frazer và Bjerk, 2010). Điều này được cho là do sự cô đơn, bị từ chối và thiếu tình yêu thương từ gia đình. Những thách thức khác bao gồm khó khăn về tinh thần và các vấn đề tâm lý, học sinh bỏ học, thành tích kém. (Egemen Hanımoğlu, 2018).

Sinh viên đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT) đại diện cho một phần dân số cần và xứng đáng được hỗ trợ và hành động từ các cơ sở giáo dục trọng điểm các nhà lãnh đạo, bao gồm cả hiệu trưởng và cố vấn học đường (Beck, 2016 , 2018, 2019).

Từ những nghiên cứu cho thấy môi trường học đường không an toàn sẽ gây ra những hậu quả tiêu cực như thất bại trong học tập, có những phản ứng liều lĩnh, cố gắng tự tử, ảnh hưởng đến hạnh phúc, sức khỏe tinh thần và thành tựu giáo dục của những học sinh LGBT. Do đó, điều này đã làm dấy lên những lo ngại lớn về tính bền vững của các chính sách và hệ thống hiện có của trường học trong bảo vệ quyền lợi của LGBT. Vì vậy, các nhà chuyên môn cần kết hợp với nhau, thiết kế chương trình giảng dạy cho các nhóm LGBT, kết hợp tư vấn, giáo dục trong hệ thống (Klein, 2017). Điều này sẽ kích thích cộng đồng về nhu cầu tôn trọng quyền tự chủ trong các quyết định của cá nhân liên quan đến khuynh hướng tình dục và bản dạng giới bằng cách áp dụng các phương pháp tiếp cận tâm lý để huy động sự chấp nhận LGBT trong hệ thống trường học (Blackburn và Smith, 2010). Cái này sẽ giúp thay đổi suy nghĩ của mọi người từ hiện trạng hiện nay để suy nghĩ lại cách hành xử của họ đối với LGBT. (Egemen Hanımoğlu, 2018).

Qua các báo cáo gần đây ở Hoa kỳ thì sự kỳ thị, không thoải mái trong giao tiếp, bắt nạt cộng đồng LGBT đã giảm đáng kể (Schneider và cộng sự, 2018). Tuy nhiên, ở trường học, nhiều cán bộ quản lý vẫn tỏ ra miễn cưỡng trong việc triển khai phát triển nghề nghiệp liên quan đến cộng đồng LGBT, mặc dù chỉ ra mức độ khó chịu tiềm ẩn (Payne & Smith, 2018; Tiffany Wright and et al., 2019).

Chính vì thế, việc xây dựng môi trường học đường an toàn cần được nghiên cứu, các chiến lược này không chỉ là biện pháp cải thiện cụ thể cho từng nhóm đối tượng mà hướng đến các thay đổi cho cả hệ thống. Đầu tiên nhất phải nói đến là, bản thân các nhóm LGBT+, họ cần phải thay đổi nhận thức, tư tưởng, loại khỏi suy nghĩ mình là nhóm "dễ bị tổn thương", tự mình cần có những chiến lược phù hợp để hòa nhập cộng đồng.

2. NỘI DUNG

Bài báo phân tích số liệu thứ cấp từ công trình nghiên cứu của Arnold H. Grossman, Anthony R. D'augelli & Nickolas P. Salter (2006) trên số lượng 31 trẻ trong công trình "*Male-to-Female Transgender Youth*", qua tổng quan của tác giả, ngoài ra tác giả kết hợp với phương pháp phỏng vấn, kể chuyện từ một số em học sinh, sinh viên thuộc cộng đồng LBGT, được tác giả khái quát trong phần kết quả nghiên cứu.

ISBN: 978-604-73-8639-0

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu của (Eleanor Formby, 2017), *Về vấn đề chăm sóc cho học sinh LGBT trong môi trường giáo dục đại học*, có đề cập đến các vấn đề cần phải thay đổi để hỗ trợ, tạo môi trường học đường an toàn cho học sinh LGBT như vấn đề tài chính; chương trình giảng dạy các khóa học, các trải nghiệm thực tế, ngoại khóa của trường; nhận thức về sự phân biệt đối xử, định kiến, bắt nạt. Trong bài viết này tác giả xin chia sẻ ba nội dung cơ bản *thứ nhất* là về chương trình đào tạo, sách giáo khoa*; thứ hai* là giúp học sinh LGBT+ hiểu đúng bản sắc giới của bản thân càng sớm càng tốt*; thứ ba* là cơ sở vật chất và các dịch vụ trong nhà trường.

Thứ nhất, chương trình đào tạo và sách giáo khoa

Nhìn nhận thực tế hiện nay cho thấy rằng các vấn đề về LGBT+ gần như không được thảo luận trong nhà trường, không được xem xét đến khi nghiên cứu về vấn đề chính sách, tình dục, chính vì thế học sinh LGBT không hiểu về mình, xu hướng tình dục của mình dẫn đến dễ bị coi thường, lợi dụng và kỳ thị. Còn học sinh khác cũng không biết LGBT là gì, xu hướng tình dục của họ như thế nào, chỉ luôn được giáo dục rằng, tình yêu, tình dục là khác giới, nên cảm thấy những học sinh LGBT khác biệt, vì thế mới có những cách nhìn nhận và sử dụng ngôn từ chưa đúng.

Một cậu bé LGBT 20 tuổi (mã số PV PM01) chia sẻ: *"Đôi khi em không hiểu bản thân mình. Em không thể giải thích điều đó. Có lúc, em sợ hãi. em sợ rằng cha mẹ không hiểu em, kỳ vọng vào em phải có gia đình, có con, nhưng em lại không thể yêu bạn gái. Em nói với bạn bè về điều này, có bạn chấp nhận em nhưng có bạn không chấp nhận thật lòng em cảm thấy rất khó chịu. Đó là lý do tại sao em luôn giữ nó cho riêng mình. Cho đến tận bây giờ, em không biết mình là gì, em ước gì nhà trường sẽ dạy có những bài học trong chương trình học hay những khóa học ngoài giờ lên lớpphụ đạo về vấn đề này vì có rất nhiều học sinh LGBT có cùng cảm giác giống như em."* (TG - ý này chưa thể hiện được việc cần thay đổi chương trình đào tạo và sách giáo khoa).

Chúng ta đều công nhận rằng, giáo dục trở thành một cơ chế quan trọng để hình thành thái độ của con người trong một số xã hội nhất định. Giáo dục người dân trong nước là điều quan trọng để hình thành thái độ và nhân vật. Giáo dục được coi là một phần của quá trình chuyển giao các nền văn hóa xã hội. Sự chuyển giao văn hóa này được kế thừa với nhiều khái niệm, giá trị, niềm tin, cũng như hệ tư tưởng, đã được số đông coi là tốt và phù hợp trong các xã hội, được sàng lọc và chuyển thể đưa vào hình thức, nội dung bài học được và được phê duyệt bởi các chuyên gia trong các lĩnh vực xã hội học khác nhau. Những cuốn sách giáo khoa ra đời là phương tiện để xác định tư duy của thanh niên và kinh nghiệm xã hội.

Trong hệ thống giáo dục, chính phủ kiểm soát và phát triển con người thông qua suy nghĩ, niềm tin và thái độ của thanh thiếu niên. Đối với *"xã hội hóa học tập"*, chính phủ tích hợp lặp đi lặp lại các hệ tư tưởng trong nội dung bài học. Sách giáo khoa được sử dụng như một hướng dẫn để trau dồi những thái độ cụ thể và sau đó kế thừa hoặc ảnh hưởng thế hệ tiếp theo. Sách giáo khoa xã hội học bao gồm các nội dung về cách sống, thái độ, niềm tin, giá trị, và các hành vi xã hội. Sách giáo khoa nghiên cứu xã hội phản ánh tốt bối cảnh xã hội và kỳ vọng trong từng thời kỳ, theo hướng dẫn của chính phủ (Djutangkour, 1986; Pearce, J., & Cumming-Potvin, W. 2017). Do đó, đồng tính luyến ái cần được nghiên cứu ở mọi khía cạnh về cách sống của họ, và sự tích cực của họ và những trải nghiệm tiêu cực của họ. Từ đó, khoa học xã hội có một vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung và lên lớp cho học sinh về quyền công dân và nhận

thức về quyền, nghĩa vụ và bình đẳng, cũng như hiểu biết về các bối cảnh khác nhau về chủng tộc, đa dạng văn hóa, ngôn ngữ, tình dục và giới tính.

Trên cơ sở khoa học với những minh chứng cụ thể sẽ xem xét và biên tập để đưa vào các chương trình giảng dạy, các khóa học trong nhà trường làm thay đổi suy nghĩ, trải nghiệm của thanh thiếu niên, của giáo viên, ban giám hiệu và công nhân viên trong nhà trường, từ đó lan tỏa đến phụ huynh, gia đình của học sinh để có cách nhìn đúng về cộng đồng LGBT.

Thứ hai, giúp học sinh LGBT+ hiểu đúng bản sắc giới của bản thân càng sớm càng tốt

Nếu đứa trẻ thuộc đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính hay chuyển giới, hãy hướng dẫn đứa trẻ sống thật với bản thân ngày từ nhỏ, giúp các em tự tin, không coi mình là người mua vui cho các người khác. Có thể có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng rối loạn phân định giới tính có thể do yếu tố sinh học như đột biến nhiễm sắc thể, nội tiết trước sinh; do yếu tố xã hội như hoàn cảnh sống, mối quan hệ với bố mẹ,… dù thế nào thì đứa trẻ đều cần sự hỗ trợ từ các chuyên gia, các nhà tham vấn tâm lý, các nhà công tác xã hội học đường giúp học sinh nhận thức đúng về bản sắc giới của mình.

Hình thành nhận dạng là một nhiệm vụ phát triển quan trọng đối với tất cả những người trẻ tuổi, có thể có sự khác biệt giữa LGBTQ và sự phát triển bản sắc dị tính. Sự hình thành bản dạng giới thường xảy ra trong thời gian học trung học (Evans & Broido, 1999; Longerbeam, Inkelas, Johnson, & Lee, 2007).

Mức độ hòa nhập của học sinh có thể trùng khớp với các giai đoạn phát triển, hình thành bản sắc cá nhân. Nghiên cứu của (Nipitpon Nanthawong, 2021) về sự hình thành bản sắc ở người cao tuổi LGBT tại Thái Lan dưới dạng một nghiên cứu định tính bằng cách sử dụng phương pháp luận, tự truyện và kể chuyện về lịch sử cuộc đời, qua nghiên cứu đưa ra bối cảnh sống cũng ảnh hưởng đến bản sắc giới, như đồng tính nữ do hoàn cảnh sống liên quan đến sự nghiêm khắc của gia đình hoặc đứa trẻ được nuôi dưỡng trong sự thiếu thốn của gia đình nghèo khiến họ phải vật lộn để sinh tồn và tự thích nghi, thể hiện sự độc lập tự chủ như nam giới. Từ đó hình thành bản sắc giới của mình, xuất hiện tình yêu nữ yêu nữ. Đồng tính nam một phần do xuất thân thời thơ ấu được tìm thấy trong mối quan hệ đến từ các thành viên trong gia đình (Nipitpon Nanthawong, 2021). Một số được nuôi dưỡng bằng các chị em gái và hầu hết các thành viên trong gia đình là phụ nữ, người cha là lao động chính trong gia đình, thường xuyên đi xa hoặc vắng mặt. Một số người đàn ông khác lại lớn lên với sự nuôi dạy của những người cha nghiêm khắc và mạnh mẽ. Kết quả là, những người đàn ông này đồng hóa nữ tính hoặc nam tính từ các thành viên trong gia đình của họ và dẫn đến nam yêu nam, sự phát triển này thường bắt đầu từ lứa tuổi thiếu niên. Song tính, theo nghiên cứu trên những người cao tuổi lưỡng tính, xuất thân thời thơ ấu của họ có liên quan đến việc cha mẹ ly hôn hoặc ly thân và không đủ thời gian nuôi dạy con cái. Điều này có thể ảnh hưởng đến cách tiếp cận của họ đối với vấn đề lưỡng tính. Những người đàn ông lưỡng tính lớn tuổi nghĩ rằng do thiếu tình yêu thương hoặc sự ấm áp từ cha mẹ có thể kích thích tiềm thức để hoàn thành với tình yêu của cả nam và nữ. Tuy nhiên, một số người trong số họ cho rằng gia đình không có hoặc có ít sự ảnh hưởng đến tính lưỡng tính của họ. Nó có thể là do xu hướng tình dục của họ do trải nghiệm cá nhân của họ gây ra lưỡng tính tại một thời điểm cụ thể. Xu hướng tình dục như vậy liên tục diễn ra và có thể thay đổi theo ý định của mỗi trải nghiệm mà chủ yếu xuất hiện từ mong muốn tìm hiểu hoặc thử. Đối với người chuyển giới thì giống như đồng tính nam (Nipitpon Nanthawong, 2021).

ISBN: 978-604-73-8639-0

Nghiên cứu của Grossman (2006) trên toàn bộ nhóm trẻ em nam (31 trẻ) đã xác định nhu cầu thể hiện bản dạng giới của trẻ em hình thành theo các cột mốc phát triển tâm lý. Các em học sinh tham gia nghiên cứu được yêu cầu nhớ lại những sự khác nhau của mình với những đứa trẻ khác trong quá trình lớn lên. Mỗi em học sinh cũng được hỏi độ tuổi mà người khác cho rằng các em khác với những đứa trẻ khác và độ tuổi khi các em được gọi bằng một đại từ hoặc thuật ngữ ám chỉ giới tính trái với giới tính sinh học, ví dụ như học sinh nam được gọi bằng chị, cô bé,... nghiên cứu cho kết quả trả lời của học sinh là dưới 13 tuổi (Grossman và cộng sự, 2006).

Bảng 1. Các mốc nhu cầu thể hiện bản dạng giới ở trẻ chuyển giới nam sang nữ theo nghiên cứu của Grossman và cộng sự (2006)

Sự kiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Khoảng
Cảm thấy khác những trẻ khác	7,6	3,1	1 - 14
Được nhận xét khác với trẻ khác	9,3	3,3	4 - 16
Được gọi là "chị, cô bé"	8,3	2,4	4 - 12
Được gia đình ra lệnh phải ngưng cư xử như bạn nữ	10,3	3	6 - 16
Cha mẹ nghĩ rằng thanh thiếu niên cần được tư vấn về tình dụcđịnh hướng hoặc hành vi giới tính	11,5	2.3	7 - 15
Xem xét tự chuyển giới	13,4	2,8	7 - 18
Nói với người khác về giới tính của mình lần đầu tiên	14,2	2,6	8 - 19

Nguồn: Arnold H. Grossman, Anthony R. D'augelli & Nickolas P. Salter (2006) (N=31)

Một sinh viên khác chia sẻ (mã số PV NTT01): *"Giới tính mà em mong muốn thể hiện là gay. Em hiểu về giới tính của mình, xu hướng tình dục của em là có cảm tình với người cùng giới. Từ khi cấp 2 em đã có những thông tin về LGBT. Em đã nhận ra mình thuộc cộng đồng đó. Em đã thoải mái bộc lộ qua cách nói chuyện và ngôn ngữ cơ thể. Tuy nhiên đôi khi em hơi buồn, không cảm thấy thoải mái vì vẫn có nhiều cái nhìn, lời nói kì thị về giới của em*"

Một bạn có nhu cầu chuyển giới chia sẻ: *"Em mong muốn trở thành một người thật sự. Từ hình dáng một người con trai trở thành con gái và có phẩm hạnh đạo đức như con gái, em biết điều đó rất khó, phải chịu tổn thất về mặt tinh thần và vật chất. Tuy nhiên em vẫn quyết tâm. Em bước ra đời từ 5 tuổi, một lần tình cờ em thấy bộ phận của một người đàn ông khác, em thấy khác em, ra đường em thích người ta gọi em bằng tên của một người con gái (em tự đặt) và tự định đoạt giới tính của mình"* (mã số PV NTT02).

Từ đó nhấn mạnh cần phải giúp trẻ LGBT hiểu đúng về bản sắc giới của mình càng sớm càng tốt, điều đó sẽ giúp các em biết cách tự bảo vệ bản thân, chăm sóc bản thân, biết cách hành xử với người xung quanh và biết về xu hướng tình dục của mình để không bị lợi dụng. Ngoài ra, không chỉ dạy cho học sinh, giáo viên,… mà còn phải giáo dục, nâng cao nhận thức cho cả phụ huynh bởi phụ huynh chính là những người thầy, người cô, là nhà giáo dục đầu tiên của đứa trẻ.

Thứ ba, cơ sở vật chất và các dịch vụ trong nhà trường

Nói đến cơ sở vất chất đầu tiên phải là chỗ ăn, chỗ ở (học sinh LGBT ở kí túc xá) hay ngủ trưa tại trường, ăn uống ở trường. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định học sinh LGBT bị kì thị, phân

biệt đối xử, không cho ngủ chung, ăn chung (Valentine và cộng sự 2009; Eleanor Formby, 2017), có những tư tưởng sai lầm còn cho rằng ngủ chung, ăn chung sẽ bị lây.

Tiếp đến là phòng tắm chung, nhà vệ sinh chung gây trở ngại cho học sinh LGBT, các kí túc xá, các nhà vệ sinh trường học đều chỉ ghi phòng tắm dành cho nam, phòng tắm dành cho nữ, nhà vệ sinh nam, nhà vệ sinh nữ,... và các học sinh LGBT lại rất ngại ngùng khi sử dụng chung như vậy.

Nghiên cứu của NUS (2014) báo cáo rằng khó khăn lớn nhất mà sinh viên LGBT gặp phải là khuôn viên trường thiếu nhà vệ sinh và thiết bị cho học sinh LGBT, điều đó thể hiện rõ sự phân biệt giới tính; thiếu các chính sách hỗ trợ cập nhật tên và giới tính của họ trên sổ đăng ký học sinh, sinh viên và các vấn đề liên quan đến dịch vụ trường học. Ngoài ra, còn có sự không hài lòng với cung cấp dịch vụ y tế cho những người LGBT (Beemyn, 2005; Formby, 2013, 2014; McKinney, 2005). Những kinh nghiệm này chỉ ra nhu cầu đào tạo nhân viên để cải thiện kiến thức về tình dục và bản dạng giới (chuyển đổi giới). (Eleanor Formby, 2017).

Tiếp nữa là các dịch vụ thể dục thể thao trong nhà trường, rất nhiều em LGBT bị loại trừ ra khỏi những hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ của nhà trường, trong khi đó nhiều em học sinh LGBT lại rất có năng khiếu.

Từ các nghiên cứu trên cho thấy, các dịch vụ đều ghi nam hoặc nữ, ngay cả trên các giấy tờ, văn bản cũng chỉ ghi giới nam, giới nữ, trong khi đó sự đa dạng giới đã và đang phổ biến, điều này rất cần sự điều chỉnh kịp thời từ các cấp quản lý, cần phải đào tạo đội ngũ nhân viên để kịp thời cập nhập kiến thức về đa dạng giới. Mỗi giới lại có nhu cầu sinh học, tình dục khác nhau. Đối với giới tính nam, giới tính nữ, chúng ta đã hiểu rõ về cơ chế phát triển, thời điểm phát dục, thay đổi hooc môn,… giờ cần cập nhập thêm về đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng tính, chuyển giới,… để kịp thời hỗ trợ và cung cấp thêm những kiến thức cơ bản giúp các em phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.

4. Kết luận

Hiện nay, chúng ta đang làm rất tốt công việc hỗ trợ cá nhân học sinh LGBT hoặc một nhóm học sinh LGBT, tuy nhiên việc chúng ta cần quan tâm ở đây là, để có thể xây dựng được một hệ sinh thái an toàn đặc biệt cho nhóm đối tượng yếu thế trong đó có học sinh LGBT thì cần phải thay đổi mang tính hệ thống, từ đó mới thay đổi nhận thức chung của cộng đồng, thay đổi nhận thức sẽ thay đổi được suy nghĩ, hành vi, thói quen. Lúc này cần sự chung tay của xã hội, gia đình và nhà trường, xây dựng nội dung giáo dục mang tính thống nhất, phù hợp với bối cảnh xã hội. Ngoài ra cần phải tăng cường các hoạt động ngoại khóa cho học sinh như (a) Trường học thành lập nhóm sở thích dành cho phụ huynh là LGBT; (b) Giáo dục các chủ đề dành cho người lớn, đặc biệt là cha mẹ và các thành viên trong gia đình về quỹ đạo phát triển của thiếu niên LGBT; (c) Sinh hoạt các chương trình giáo dục về sức khỏe và tinh thần đến từ các chuyên gia y tế, đặc biệt là ở trường học, tập trung vào việc phân biệt khuynh hướng tình dục, bản dạng tình dục, bản dạng giới và biểu hiện giới tính; (d) Sinh hoạt các chương trình giáo dục cho các nhà quản lý trường học, thành viên hội đồng nhà trường, giáo viên và các nhân viên khác của trường liên quan đến các chính sách và can thiệp để ngăn ngừa và loại bỏ lời nói và thể chất sự quấy rối. (Sandy Watson & Ted Miller, 2012; Arnold H. Grossman và cộng sự, 2006).

 ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnold H. Grossman, Anthony R. D'augelli & Nickolas P. Salter BS (2006), Male-to-Female Transgender Youth, *Journal of GLBT Family Studies*, 2:1, 71-92, DOI: 10.1300/ J461v02n01_04.
2. Eleanor Formby (2017) *How should we 'care' for LGBT+ students within higher education?*, Pastoral Care in Education, 35:3, 203-220, DOI:10.1080/02643944.2017.1363811.
3. Egemen Hanımoğlu (2018), The Role of School Psychologists in addressing Challenges Facing Lesbian, Gay, Bisexual and Transgender (LGBT) Students, *Journal of Education and Training Studies* Vol. 7, No. 1; January 2019, Published by Redfame Publishing. URL: http://jets.redfame.com.
4. J. Pearce., & Cumming-Potvin, W. (2017). English Classrooms and Curricular Justice for the Recognition of LGBT Individuals: What Can Teachers Do?. Australian Journal of Teacher Education, *42*(9). http://dx.doi.org/10.14221/ajte.2017v42n9.5.
5. Matthew J. Beck (2019), "It began with me": an exploration of exemplary school counselor and principal experiences with LGBT students, *Journal of LGBT Youth*, DOI: 10.1080/19361653.2019.1680591
6. Nipitpon Nanthawong (2021), *Learning Management on Sexual Diversity in Social Studies through a Case Study on Identity Formation in LGBT Elderly*, Higher Education Studies; Vol. 11, No. 1; 2021, Published by Canadian Center of Science and Education, URL: https://doi.org/10.5539/hes.v11n1p171.
7. Sandy Watson & Ted Miller (2012), *LGBT Oppression*, Multicultural Education, Caddo Gap Press.
8. Tiffany Wright, Nancy J Smith, Erin Whitney (2019), LGBT Educators' Perceptions of Safety and Support and Implications for Equity-Oriented School Leaders, *Journal of Educational Leadership and Policy Studies*, Summer 2019.

NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN VỀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

STUDENTS' AWARENESS AND ATTITUDES ABOUT GAYS AND PROPOSING SOME ROLES OF SOCIAL WORKERS IN SUPPORTING GAYS

Nguyễn Văn Nga [*]
Phạm Thị Hải Lý [**]

TÓM TẮT

Đồng tính luyến ái (ĐTLA) hay còn gọi là đồng tính, là một hiện tượng xuất hiện khá phổ biến trong cộng đồng người ở các quốc gia, dân tộc trên thế giới hiện nay. Bài viết sử dụng phương pháp trưng cầu ý kiến khảo sát 73 khách thể nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ của sinh viên về người ĐTLA. Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên có nhận thức tương đối tốt về thế nào được gọi là người đồng tính và có thái độ tôn trọng, bênh vực cho quyền, lợi ích cho nhóm người này. Trên cơ sở nghiên cứu, bài viết thể hiện quan điểm cá nhân bằng việc đưa ra một số giải pháp nâng cao nhận thức, thái độ cho sinh viên về người đồng tính, cũng như đề xuất các vai trò của nhân viên công tác xã hội (NVCTXH) trong trợ giúp người ĐTLA như tư vấn, tham vấn; kết nối gia đình và các nguồn lực; thực hiện biện hộ; truyền thông và giáo dục trong cộng đồng. Đồng thời, kiến nghị một số thay đổi đối với sinh viên; bản thân người đồng tính; gia đình và sự thay đổi về mặt luật pháp, chính sách hỗ trợ người đồng tính.

Từ khóa: *công tác xã hội, thái độ, sinh viên, người đồng tính.*

ABSTRACT

Homosexuality (ĐTLA), also known as Gay, is a phenomenon that appears quite common in the community of people in countries and ethnic groups in the world today. The article uses the opinion poll method to survey 73 subjects to find out students' perceptions and attitudes about homosexuals. The survey results show that the majority of students have a relatively good perception of what it is to be called homosexuals and have a respectful attitude and advocate for the rights and interests of this group of people. On the basis of the research, the article expresses personal views by offering some solutions to raise awareness and attitudes for students about homosexuals, as well as proposing the roles of social workers in helping people. Homosexuality such as consulting, consulting; family connections and resources; make a defense; communication and education in the community. Also recommend some changes for students; homosexuals themselves; family and changes in legislation and policies to support homosexuals.

Keywords: *social work, attitude, student, gay people.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Người đồng tính (ĐTLA) là một người (nam hoặc nữ) có sự hấp dẫn về cảm xúc hoặc tình cảm hoặc tình dục với người cùng giới. Người đồng tính nam thường gọi là "gay" và người đồng tính nữ thường được gọi là "les"/"lesbian." (Phương, 2013).

[*] Nghiên cứu sinh.Thạc sĩ, Bộ môn Công tác xã hội, Khoa KHXH & NV, Trường Đại học Quy Nhơn.
[**] Thạc sĩ, Bộ môn Công tác xã hội, Khoa KHXH & NV, Trường Đại học Quy Nhơn.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Ở Việt Nam hiện nay chưa có số liệu công bố chính thức về số lượng người ĐTLA, tuy nhiên theo bác sĩ Trần Bồng Sơn, số người đồng tính ước tính là khoảng 70.000 người (chiếm 0,09% dân số). Và, một nghiên cứu khác do tổ chức phi chính phủ CARE thực hiện ước tính Việt Nam có khoảng 50-125 ngàn người đồng tính, chiếm khoảng 0,06-0,15% dân số (Hiếu, 2013).

Người đồng tính đang đối diện với nhiều khó khăn trong cuộc sống như sự kỳ thị, phân biệt, đối xử bất bình đẳng do xuất phát từ yếu tố văn hóa - xã hội. Theo Osmanaga (2015) cho rằng: "Sống trong một xã hội dị tính không tránh khỏi những thách thức đối với những người có định hướng không dị tính. Nhiều người đồng tính nữ, đồng tính nam và lưỡng tính phải đối mặt với sự kỳ thị của xã hội, chủ nghĩa dị tính, bạo lực và phân biệt đối xử" (Herek,1991a, 2009; Mays & Cochran, 2001; Meyer, 2003) (Osmanaga, 2015). Một số nghiên cứu khác của Herek (1995) đã tìm thấy bằng chứng về định kiến và phân biệt đối xử đối với đồng tính nữ và đồng tính nam trong môi trường học đường (Herek, 1995); Evans và D'Augelli (1996) nhận thấy, trong môi trường học đường những người đồng tính nữ và đồng tính nam không được chào đón và có sự kỳ thị (Evans & D'Augelli, 1996); McCreary, Carpenter, Engle và Korchynsky (1999) báo cáo rằng sinh viên dị tính có thái độ tiêu cực đối với đồng tính nữ và đồng tính nam (Evans & D'Augelli, 1996). Chính những áp lực đó khiến người một số đồng tính phải sống cuộc sống cô đơn, không dám công khai thân phận của mình với người thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

Chính lẽ đó, việc trợ giúp người đồng tính vượt qua những khó khăn, hòa nhập và phát triển là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Dưới góc độ thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, chúng tôi cho rằng nghề Công tác xã hội (CTXH), mà tác nhân trực tiếp là nhân viên CTXH có vai trò hết sức quan trọng nhằm giúp người đồng tính tự tin vượt qua những rào cản trong cuộc sống, có sự an toàn, khỏe mạnh, bình đẳng để phát triển như những cá nhân bình thường khác.

1.2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu:* Trong phạm vi bài viết này nhóm tác giả khảo sát 73 sinh viên (SV) học ngành CTXH từ năm thứ nhất đến năm thứ tư để tìm hiểu về nhận thức, thái độ của SV đối với người ĐTLA.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi Anket. Các kết quả nghiên cứu được tập hợp, xử lý thông qua phần mềm SPSS.20. Bên cạnh đó, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp thông qua các bài báo, tạp chí, sách tham khảo, các báo cáo thống kê nhằm so sánh, đối chứng với vấn đề nghiên cứu thực tiễn.

2. NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN VỀ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

2.1. Nhận thức, sự hiểu biết của sinh viên về người đồng tính

Về sự hiểu biết của SV về nhóm người ĐTLA, kết quả khảo sát cho thấy trong số 73 SV được khảo sát thì tỷ lệ SV có biết đến nhóm đối tượng này là tương đối cao (chiếm 90,4%), chỉ có 4,1% cho rằng không biết và 5,5% tỷ lệ SV trả lời họ không quan tâm.

Bảng 1. Số sinh viên biết về người đồng tính

		Bạn đã từng nghe nói về người đồng tính nam hoặc đồng tính nữ							
		Có		**Không biết**		**Không quan tâm**		**Tổng số**	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Giới tính	Nam	19	26,0	1	1,4	3	4,1	23	31,5
	Nữ	47	64,4	2	2,7	1	1,4	50	68,5
	Tổng số	**66**	**90,4**	**3**	**4,1**	**4**	**5,5**	**73**	**100,0**
Khối sinh viên	Năm thứ nhất	14	19,2	0	0,0	1	1,4	15	20,5
	Năm thứ hai	24	32,9	3	4,1	1	1,4	28	38,4
	Năm thứ ba	14	19,2	0	0,0	2	2,7	16	21,9
	Năm thứ tư	14	19,2	0	0,0	0	0,0	14	19,2
	Tổng số	**66**	**90,4**	**3**	**4,1**	**4**	**5,5**	**73**	**100,0**

So sánh về sự hiểu biết của SV phân theo giới tính, kết quả Bảng 1 cho thấy trong số 73 SV được khảo sát thì tỷ lệ nữ SV có biết về người ĐTLA cao hơn nam SV (64,4% so với 26%). Kết quả kiểm định Chi-Square Tests cho thấy sự khác biệt đó là không có ý nghĩa về mặt thống kê (p = 0,154 > 0, 05) do tỷ lệ nam SV tham gia trả lời là tương đối ít hơn so với SV nữ.

Về sự hiểu biết giữa các khối sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ SV năm thứ hai biết về người ĐTLA là cao nhất (32,9%), riêng SV năm thứ nhất, thứ ba và năm thứ tư có biết đến nhóm đối tượng đó là tương đương nhau. Thực hiện kiểm định Chi bình phương (Chi-Square Tests) cho thấy cũng không có sự khác biệt có ý nghĩa về thống kê giữa các khối SV về người ĐTLA (p = 0,278 > 0,05) vì tỷ lệ SV năm thứ hai tham gia vào trả lời chiếm tỷ lệ cao nhất so với những nhóm SV còn lại.

Bảng 2. Nhận thức của SV về người đồng tính

Nhân tố	*Rất không đồng ý*	*Ít đồng ý*	*Lưỡng lự*	*Đồng ý*	*Rất đồng ý*	**ĐTB** *(Điểm trung bình)*	**ĐLC** *(Độ lệch chuẩn)*
	%	%	%	%	%		
Một sự rối loạn tâm sinh lý	13,7	11,0	11,0	53,4	11,0	**3,37**	1,23
Là một hiện tượng sinh học tự nhiên, chịu sự tác động qua lại phức tạp của các yếu tố di truyền và yếu tố môi trường tử cung trong giai đoạn đầu ở thai nhi	**13,7**	**16,4**	**13,7**	**46,6**	**9,6**	**3,22**	1,24
Đồng tính không phải là giới tính thứ ba	32,9	17,8	23,3	20,5	5,5	2,48	1,30
Là sự hấp dẫn tình yêu, hấp dẫn tình dục hoặc việc yêu đương hay quan hệ tình dục	17,8	13,7	16,4	39,7	12,3	3,15	1,32

 ISBN: 978-604-73-8639-0

giữa những người cùng giới tính với nhau							
Đồng tính nữ (lesbian): Người nữ có sự thu hút về tình cảm và tình dục đối với những người nữ đồng giới	11,0	8,2	20,5	47,9	12,3	**3,42**	1,15
Đồng tính nam (gay): Người nam có sự thu hút về tình cảm và tình dục đối với những người nam đồng giới	15,1	6,8	15,1	52,1	11,0	**3,37**	1,23
Người đồng tính có bệnh tâm thần và không bao giờ phát triển, trưởng thành như đàn ông và phụ nữ có tình dục dị tính	52,1	21,9	16,4	6,8	2,7	1,86	1,15
Đồng tính luyến ái là kết quả của việc nuôi nấng, nuông chiều, buông thả, thiếu giáo dục trong kỷ luật	27,4	27,4	26,0	15,1	4,1	2,41	1,10
Người đồng tính không thể sinh con	31,5	23,3	15,1	21,9	8,2	2,52	1,17
Đồng tính có thể chữa được	24,7	16,4	35,6	17,8	5,5	2,63	1,24

Về nhận thức của SV, kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy đa số SV đã nhận thức rất tốt về khái niệm đồng tính nữ "Đồng tính nữ (lesbian): Người nữ có sự thu hút về tình cảm và tình dục đối với những người nữ đồng giới". Điểm trung bình của nhân tố này là 3,42 điểm, tương đương mức trả lời đồng ý, cụ thể: có 47,9% ý kiến cho là đồng ý; 12,3% cho là rất đồng ý. Bên cạnh đó, cũng có khá nhiều SV nhận thức đúng về khái niệm đồng tính nam "Đồng tính nam (gay): Người nam có sự thu hút về tình cảm và tình dục đối với những người nam đồng giới", với ĐTB (mức lưỡng lự) là 3,37, trong đó có 52,1% SV trả lời ở mức đồng ý với khái niệm về đồng tính nam. Tuy nhiên, ở việc nhận thức chung thế nào là người đồng tính luyến ái "Là sự hấp dẫn tình yêu, hấp dẫn tình dục hoặc việc yêu đương hay quan hệ tình dục giữa những người cùng giới tính với nhau" thì vẫn còn nhiều SV chưa thực sự nắm chắc vấn đề này, còn lưỡng lự khi đưa ra đáp án cuối cùng, ĐTB là 3,15 điểm, tương đương sự nhận thức ở mức lưỡng lự trong tiêu chí thang đo. Ngoài sự hiểu biết về khái niệm nêu trên, kết quả khảo sát còn cho thấy SV ngành CTXH còn nhận thức khá đúng khi các em lựa chọn trả lời ở mức không đồng ý hoặc ít đồng ý với quan niệm cho rằng "Đồng tính không phải là giới tính thứ ba" (ĐTB = 2,48); "Người đồng tính có bệnh tâm thần và không bao giờ phát triển, trưởng thành như đàn ông và phụ nữ có tình dục dị tính" (ĐTB = 1,86); "Người đồng tính không thể sinh con" (ĐTB = 2,52); "Đồng tính có thể chữa được" (ĐTB = 2,63).

Về nhận thức nguyên nhân gây ra ĐTLA, kết quả cho thấy cũng có nhiều SV đã nhận thức đúng khi cho rằng "ĐTLA là một hiện tượng sinh học tự nhiên, chịu sự tác động qua lại phức tạp của các yếu tố di truyền và yếu tố môi trường tử cung trong giai đoạn đầu ở thai nhi", ĐTB là 3,22, trong đó có 56,2% ý kiến cho rằng đồng ý và rất đồng ý. Mặc dù vậy, cũng khá nhiều SV nhận thức chưa thực sự đúng khi không đồng ý hoặc ít đồng ý với quan điểm cho rằng nguyên nhân của ĐTLA không phải do "Đồng tính luyến ái là kết quả của việc nuôi nấng, nuông chiều,

buông thả, thiếu giáo dục trong kỷ luật" (ĐTB = 2,41) và coi đó là "Một sự rối loạn tâm sinh lý" (ĐTB là 3,37).

Như vậy, kết quả bước đầu cho thấy SV ngành CTXH đã nhận thức tương đối tốt về khái niệm thế nào là đồng tính nam, đồng tính nữ và một phần khái niệm tổng thể về ĐTLA và về một số quan niệm sai lầm khi cho rằng ĐTLA là "rối loạn tâm sinh lý; có thể chữa được; có thể sinh con; giới tính thứ ba; là bệnh tâm thần". Nhưng ở phương diện nguyên nhân của ĐTLA thì SV nhận thức được một khía cạnh là "ĐTLA là một hiện tượng sinh học tự nhiên, chịu sự tác động qua lại phức tạp của các yếu tố di truyền và yếu tố môi trường tử cung trong giai đoạn đầu ở thai nhi" còn những nguyên nhân khác thì chưa có sự nhận thức tốt, thậm chí bị hiểu lầm.

2.2. Thái độ của sinh viên về người đồng tính

Thái độ là tâm trạng bên trong được biểu hiện qua hành động, hành vi của cá nhân hay nhóm xã hội trước một sự kiện xã hội thông qua sự tán thành, ủng hộ hoặc phản đối. Tìm hiểu thái độ của SV đối với người ĐTLA, kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Thái độ của sinh viên về người đồng tính

TT	Thái độ	Tỷ lệ % ý kiến phản hồi					ĐTB	ĐLC
		Rất không đồng ý	*Ít đồng ý*	*Lưỡng lự*	*Bình thường*	*Rất đồng ý*		
1	Một hiện tượng bình thường	15,1	15,1	19,2	41,1	9,6	3,15	1,2
2	Biểu hiện của suy thoái về lối sống	30,1	24,7	16,4	27,4	1,4	2,45	1,2
3	Đồng tính nam và đồng tính nữ là không phù hợp với xã hội	41,1	20,5	26,0	12,3	0,0	2,10	1,1
4	Cũng như các loài khác, đồng tính luyến ái nam và nữ là một lẽ tự nhiên	12,3	11,0	31,5	37,0	8,2	3,18	1,1
5	Đồng tính không thể hòa nhập vào xã hội của chúng ta	53,4	19,2	19,2	8,2	0,0	1,82	1,0
6	Đồng tính luyến ái tự nó không có vấn đề gì, nhưng xã hội làm cho nó có thể là một vấn đề	6,8	13,7	17,8	49,3	12,3	3,47	1,1
7	Tôi nghĩ những người đồng tính luyến ái thật kinh tởm	52,1	19,2	19,2	8,2	1,4	1,88	1,1
8	Đồng tính luyến ái là một sự đồi bại	49,3	23,3	13,7	11,0	2,7	1,95	1,2
9	Đồng tính luyến ái chỉ đơn thuần là một kiểu lối sống khác không nên bị lên án	6,8	6,8	26,0	43,8	16,4	**3,56**	1,1

ISBN: 978-604-73-8639-0

10	Đồng tính luyến ái nữ là một tội lỗi	57,5	17,8	15,1	8,2	1,4	1,78	1,1
11	Hành vi đồng tính giữa hai người đàn ông hoàn toàn là sai trái	52,1	13,7	16,4	15,1	2,7	2,03	1,2
12	Các cặp đồng tính nữ và đồng tính nam nên có các quyền như những người khác giới làm (ví dụ, nhận con nuôi, nuôi dưỡng và tiếp cận các dịch vụ sinh sản)	6,8	9,6	17,8	39,7	26,0	**3,68**	1,2
13	Các cặp đôi đồng tính nữ và đồng tính nam nên được phép hợp pháp kết hôn, giống như các cặp đôi khác giới	11,0	16,4	15,1	42,5	15,1	3,34	1,2
14	Thất vọng nếu anh em, bạn bè là đồng tính	37,0	15,1	34,2	13,7	0,0	2,25	1,1
15	Không chơi hoặc ngăn cản bạn bè chơi với người đồng tính	54,8	21,9	12,3	11,0	0,0	1,79	1,0

Kết quả khảo sát cho thấy trong các nhân tố được khảo sát về thái độ của SV đối với người ĐTLA thì đa số SV tỏ thái độ mong muốn cho cộng đồng LGBT được "Các cặp đồng tính nữ và đồng tính nam nên có các quyền như những người khác giới làm (ví dụ, nhận con nuôi, nuôi dưỡng và tiếp cận các dịch vụ sinh sản)", ĐTB là 3,68, tương đương mức hoàn toàn đồng ý. Điều này nói lên rằng SV có sự đồng cảm, chia sẻ rất lớn về quyền và nghĩa vụ cũng như mong muốn của người ĐTLA như những cặp hôn nhân bình thường khác. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề đã và đang được bàn luận ở nhiều quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam chúng ta. Ở nước ta, về mặt pháp lý không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính, do đó, các cặp đôi đồng tính hiện nay vẫn chưa được pháp luật Việt Nam thừa nhận là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, các cặp đôi đồng tính hiện nay chỉ có sống chung với nhau và không có mối quan hệ ràng buộc mang tính pháp lý về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cấp dưỡng và tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân,… Theo Điều 8 Luật Nuôi con nuôi 2010 nêu rõ: "Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng". Do đó, bởi cặp đôi đồng tính hiện vẫn chưa được pháp luật Việt Nam thừa nhận là một cặp vợ chồng hợp pháp nên không thỏa mãn điều kiện để cùng đứng ra nhận con nuôi, nhưng một trong hai người có thể làm thủ tục nhận con nuôi trong trường hợp là một người độc thân.

Ngoài việc bênh vực cho quyền về hôn nhân, quyền được nuôi con của người ĐTLA, SV ngành CTXH cũng có thái độ rất tốt khi bênh vực các quyền cơ bản của người đồng tính như "Đồng tính luyến ái chỉ đơn thuần là một kiểu lối sống khác không nên bị lên án" (ĐTB = 3,56). Đồng tính không phải là một loại bệnh, do vậy người ĐTLA họ đều được thừa hưởng các quyền cơ bản do luật pháp quy định như những người bình thường khác; họ cần có sự đối xử bình đẳng, có sự chấp nhận, tôn trọng trong nhân phẩm và giá trị theo thang bậc nhu cầu của con người.

Bên cạnh sự bênh vực cho các quyền lợi của người ĐTLA, SV cũng tỏ thái độ không đồng tình với các quan niệm khi cho rằng "Đồng tính không thể hòa nhập vào xã hội của chúng ta; Đồng tính luyến ái là một sự đồi bại; Đồng tính luyến ái nữ là một tội lỗi; Hành vi đồng tính giữa hai người đàn ông hoàn toàn là sai trái; Thất vọng nếu anh em, bạn bè là đồng tính; Không chơi hoặc ngăn cản bạn bè chơi với người đồng tính". Điểm trung bình của các nhân tố đó đều tương đối thấp, chỉ dao động ở mức không đồng ý, điều đó nói lên rằng SV có thái độ tương đối đồng cảm, rất tôn trọng nhân phẩm và giá trị của nhóm người LGBT.

3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

Tác giả Trần Đình Tuấn nhận định: "CTXH không quan tâm đến vấn đề nguyên nhân của tính dục (không bao giờ đề cập vấn đề này với khách hàng đồng tính) mà quan tâm đến công bằng xã hội và sự an sinh của con người. Cũng như người dị tính, những người đồng tính vui sống với tính dục của mình không cần đến sự giúp đỡ của bất cứ ai, kể cả của CTXH. Tuy nhiên, với sứ mệnh chống bất công xã hội và tranh đấu cho quyền bình đẳng của mọi người, CTXH nhắm mục tiêu giúp những người đồng tính trăn trở với tính dục của họ phục hồi tự tin, công khai hóa tính dục cá nhân, mạnh dạn chống lại tất cả các hình thức kỳ thị của xã hội, của bản thân (tự mình nghi ngờ giá trị của mình), phát triển bình thường các năng khiếu bẩm sinh, và vui sống" (Tuấn, 2010). Từ kết quả nghiên cứu nêu trên về nhận thức, thái độ của sinh viên đối với người đồng tính, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ cho sinh viên về người ĐTLA và đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ người đồng tính như sau:

3.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ cho sinh viên về người đồng tính

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về người đồng tính. Đây là giải pháp quan trọng giúp SV nhận thức đúng thế nào là người đồng tính, nguyên nhân và những áp lực mà người đồng tính phải đối mặt. Không những vậy, thông qua tuyên truyền cũng cho phép sinh viên nhận thấy những tiềm năng, trí tuệ, các kỹ năng và sự đóng góp của người đồng tính trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội đối với sự phát triển của đất nước. Việc tuyên truyền có thể thực hiện thông qua các tờ rơi, truyền đơn, qua các cuộc thi do đoàn thanh niên trong nhà trường tổ chức. Thông qua đó giúp SV hiểu, thông cảm và chia sẻ những áp lực mà người ĐTLA phải đối mặt, cùng lên tiếng bênh vực cho quyền của người đồng tính, tạo môi trường thuận lợi để họ có cơ hội được tham gia học tập, sáng tạo năng lực bản thân.

Thứ hai, giáo dục nâng cao nhận thức cho sinh viên về các điều luật liên quan đến quyền con người nói chung và quyền của người đồng tính trên thế giới và Việt Nam; Luật Bình đẳng giới; Luật Hôn nhân và Gia đình. Có thể nhận thấy, hiện nay vẫn còn khá nhiều SV chưa nắm được quyền của người ĐTLA như "Quyền xác định và chuyển đổi giới tính"; Quyền thụ hưởng về kinh tế, chính trị, dân sự; Quyền bình đẳng, tôn trọng, … Chính điều đó dẫn đến hệ lụy nhiều bạn trẻ chưa nhận thức đúng về người ĐTLA, có thái độ coi thường, miệt thị và thậm chí xa lánh, không bầu bạn khi họ có nhu cầu.

Thứ ba, các trường học từ cấp phổ thông cho đến đại học cần đưa các chương trình giáo dục giới tính vào giảng dạy trong chương trình chính thống nhằm giúp người học nhận thức về bản dạng giới (tiếng Anh: gender identity) của chính các em. Bởi lẽ một số học sinh, sinh viên vì những lý do

ISBN: 978-604-73-8639-0

nào đó họ rất khó xác định bản dạng giới của bản thân, chính điều đó gây ra một sự rối loạn trong nhận thức, tâm lý, ảnh hưởng đến sức khỏe bản thân, gây ra sự xung đột về vai trò giới.

3.2. Một số vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ người đồng tính

3.2.1. Vai trò tham vấn và tư vấn

Đối với nhóm cộng đồng LGBT, vấn đề khó khăn lớn nhất mà họ phải đối mặt từ ngàn xưa đến nay có lẽ là sự kỳ thị của mọi người. Đây là một sự bất công không đáng có và họ cần được sự cảm thông, chia sẻ của mọi người trong xã hội để họ được sống, làm việc và đóng góp cho sự phát triển của quốc gia dân tộc. Hậu quả của sự kỳ thị khiến nhiều người ĐTLA phải sống khép kín, tự ty, không dám công khai bản dạng giới của họ đối với mọi người, và chưa kể hậu quả của sự kỳ thị khiến nhiều người trong số họ phải sống trong trạng thái khổ đau, bất hạnh, sự cô đơn.

Tham vấn cũng được xem là một hoạt động tối quan trọng của NVCTXH. C. Zastrow (1985) nhận xét: *"Có lẽ một trong những kỹ năng cơ bản nhất mà người cán bộ xã hội cần có là khả năng tham vấn đối tượng có hiệu quả. Nếu ai không làm được điều này thì họ không nên làm việc trong nghề công tác xã hội" (Charles, 1985)*. Đối với người ĐTLA, nhân viên CTXH thực hiện tham vấn nhằm giúp nhóm xã hội này xóa bỏ những cảm xúc tiêu cực từ những thành kiến, sự kỳ thị xuất phát từ yếu tố văn hóa - xã hội, tôn giáo gây nên như: "Đồng tính không thể hòa nhập vào xã hội của chúng ta; Đồng tính luyến ái là một sự đồi bại; Đồng tính luyến ái nữ là một tội lỗi; Hành vi đồng tính giữa hai người đàn ông hoàn toàn là sai trái; Thất vọng nếu anh em, bạn bè là đồng tính; Không chơi hoặc ngăn cản bạn bè chơi với người đồng tính",… từ đó giúp người ĐTLA tự tin, mạnh dạn với chính bản thân mình để công khai về con người thực của họ cho người thân, bạn bè và cộng đồng xã hội.

Bên cạnh thực hiện việc tham vấn, NVCTXH còn đóng vai trò là người tư vấn nhằm cung cấp thông tin để thân chủ tham khảo lắng nghe ý kiến của NVCTXH, chẳng hạn như: thông tin về chăm sóc sức khỏe, về luật pháp, chính sách, các kỹ năng cần thiết để xóa bỏ các cảm xúc tiêu cực; bảo vệ bản thân khi bị bạo lực, xâm hại, v.v. Việc tư vấn giúp người ĐTLA có được thông tin, kiến thức và kỹ năng nêu trên là rất cần thiết, qua đó giúp họ có được sự khỏe mạnh về đời sống thể chất, tinh thần, xã hội; có được những kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ bản thân trước mọi đối xử bất công của một số thành phần còn mịt mờ thông tin về cộng đồng LGBT.

3.2.2. Vai trò kết nối gia đình, vận động các nguồn lực, dịch vụ xã hội

Ngoài khó khăn do vấp phải sự kỳ thị, định kiến nào đó trong xã hội, một khó khăn khá lớn của người ĐTLA là họ vấp phải sự phản đối từ chính gia đình của họ. Nhiều gia đình không chấp nhận sự thực về giới của con, một mặt vì họ chịu áp lực từ sự mỉa mai của họ hàng, dòng tộc, những áp lực từ mọi người xung quanh, có những bậc cha mẹ còn ép thúc con phải từ bỏ bản thân là người đồng tính; thậm chí còn dấu thông tin về sự hiện diện của con mình. Điều đó vô hình trung làm cho người ĐTLA càng trở nên đơn độc, đau khổ không dám công khai về bản thân mình. Chính vì vậy, NVCTXH có vai trò quan trọng trong việc kết nối để người thân trong gia đình thông cảm, đón nhận con em của họ, cùng chia sẻ để tăng cường niềm tin cho người ĐTLA, giúp họ thụ hưởng những nhu cầu tốt đẹp như những người dị tính khác trong xã hội. Việc kết nối của NVCTXH có thể thực hiện qua nhiều hình thức như giáo dục, tư vấn, tham vấn giúp người thân trong gia đình của họ nắm được kiến thức về người đồng tính, kỹ năng chăm sóc, đối xử với người ĐTLA.

Bên cạnh kết nối với gia đình, NVCTXH cũng kết nối người ĐTLA với các nguồn lực, dịch vụ xã hội để giúp họ phục hồi và phát triển tốt nhất. Ngoài những khó khăn về phương diện tâm lý xã hội, người ĐTLA cũng đối diện với những khó khăn về đời sống vật chất và khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo. Trong một nghiên cứu "Có phải bởi vì tôi là LGBT?" (2015) của nhóm tác giả Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Phương chỉ ra rằng: *"vấn đề việc làm, người chuyển giới là nhóm khó khăn nhất trong khâu tìm việc, nam 59% và nữ 53% so với tỷ lệ chung là 30%. Nhìn chung thì hầu như các nhà tuyển dụng lao động không có đầy đủ các thông tin và kiến thứ liên quan đến người lao động là LGBT"* (Lương Thế Huy & Phương, 2015). Bên cạnh đó, trong báo cáo nghiên cứu của iSEE năm 2011 cho thấy: *"Những người đồng tính khi tới các cơ quan y tế để khám chữa bệnh, hầu hết đều các bị nhân viên ở đây kỳ thị, phân biệt đối xử. Đặc biệt nhóm người đồng tính nam là đối tượng bị kỳ thị, soi mói chuyện cá nhân nhiều nhất. Dẫn tới việc những người đồng tính, không muốn tới các cơ sở y tế khám chữa bệnh khi cần thiết*" (Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường, 2011). Thực tiễn đó cho thấy rất cần đến vai trò của người làm CTXH, NVCTXH có vai trò trong việc kết nối người ĐTLA với các Trung tâm Giới thiệu việc làm; các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước nhằm giúp họ có được công việc ổn định, từ đó có sự ổn định về đời sống vật chất. Không những vậy, hiện nay ở các bệnh viện đã có Phòng CTXH, chính vì vậy NVCTXH là ê kíp quan trọng khi thực hiện kết nối người ĐTLA với đội ngũ y bác sỹ để họ được thăm khám, chăm sóc và hưởng quyền lợi bình đẳng trong các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

3.2.3. Vai trò biện hộ quyền và lợi ích cho người đồng tính

Về quyền của người ĐTLA, năm 2011, Hội đồng Nhân quyền Liên hiệp quốc đã thông qua nghị quyết đầu tiên công nhận quyền của LGBT, được theo dõi và báo cáo bởi Ủy ban Nhân quyền Liên hiệp quốc về tình trạng vi phạm nhân quyền đối với cộng đồng người LGBT, bao gồm tội ác kỳ thị, hình sự hóa đồng tính luyến ái và phân biệt đối xử. Dựa trên các báo cáo được theo dõi, Ủy ban Nhân quyền Liên hiệp quốc kêu gọi tất cả các quốc gia không được có những hành động như vậy và kêu gọi ban hành luật bảo vệ các quyền cơ bản của cộng đồng LGBT. Kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2014, Liên hiệp quốc đã chính thức công nhận hôn nhân đồng tính của các nhân viên trên toàn thế giới. Theo đó, Liên hiệp quốc đã công nhận các mối quan hệ đồng giới bao gồm "hôn nhân" và "kết hợp dân sự" của các nhân viên thuộc tổ chức này trên toàn cầu. Ở Việt Nam, tại Điều 16 Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 ("Hiến pháp 2013") ghi rõ: "Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa" và một số quyền khác được nêu trong Luật Hôn nhân và Gia đình. Có thể nói các quyền nêu trên thể hiện sự tiến bộ, văn minh của luật pháp quốc tế và trong nước trong bảo vệ người ĐTLA trước mọi sự định kiến, bất công xuất phát từ yếu tố văn hóa, thể chế chính trị, tôn giáo. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ do thiếu kiến thức về người ĐTLA nên họ vẫn còn xuất hiện các tư tưởng, ý nghĩ không tốt đẹp dành cho nhóm xã hội này, chính những ý nghĩ đó đã dẫn đến sự đối xử bất bình đẳng trong việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với người đồng tính. Chính vì vậy, NVCTXH thực hiện việc biện hộ nhằm bảo vệ quyền lợi cho đối tượng để người ĐTLA để họ được hưởng những dịch vụ; chính sách; quyền lợi của họ, đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối những dịch vụ, chính sách lẽ ra họ được hưởng.

ISBN: 978-604-73-8639-0

3.2.4. Vai trò truyền thông, giáo dục cộng đồng

Như đã bàn luận ở trên, người ĐTLA chịu vô vàn khó khăn, áp lực do sự kỳ thị, định kiến của mọi người trong cộng đồng xã hội. Chính lẽ đó, ngoài việc kết nối với người thân, gia đình để giúp họ thông cảm, đón nhận con người thực của những người ĐTLA, thì NVCTXH còn có vai trò quan trọng trong việc truyền thông giúp mọi người dân trong cộng đồng, từ mọi cấp độ lứa tuổi để họ hiểu đúng về kiến thức, các quyền cơ bản của người ĐTLA. Truyền thông có thể được thực hiện bằng cách cung cấp kiến thức thông qua các buổi tập huấn cho đội ngũ làm công tác văn hóa - xã hội ở các phường, xã, thị trấn,… tiếp đến là tổ chức truyền thông cho giáo viên, học sinh tại cơ sở trường học. Việc truyền thông này có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau như nói chuyện trực tiếp hoặc lồng ghép trong các vở kịch, xem ti vi hoặc tổ chức các cuộc thi về tìm hiểu kiến thức liên quan.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên ngành CTXH ở Trường Đại học Quy Nhơn bước đầu đã có nhận thức khá tốt về cách hiểu như thế nào là người ĐTLA. Tuy vậy, chỉ có một số sinh viên hiểu đúng về nguyên nhân gây nên việc đồng tính. Xét về mặt thái độ, có thể nhận thấy SV có thái độ tương đối tốt đối với người đồng tính, các em rất cảm thông, chia sẻ, luôn bênh vực về quyền của người đồng tính và đa số lên án những quan niệm có phần kỳ thị, bất bình đẳng đối với người đồng tính hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số vai trò của NVCTXH trong trợ giúp người ĐTLA như vai trò tham vấn, tư vấn; kết nối gia đình với các nguồn lực; vai trò biện hộ và truyền thông trong cộng đồng. Tác giả cho rằng để thực hiện tốt các vai trò nêu trên, NVCTXH ngoài việc nắm vững kiến thức, kỹ năng làm việc đối với người ĐTLA, còn cần phải có cái tâm trong sáng, luôn tuân thủ các quy điều đạo đức trong nghề CTXH để người ĐTLA tin tưởng đặt niềm tin và chia sẻ những khó khăn họ gặp phải và những khát vọng của bản thân họ.

4.2. Khuyến nghị

- *Đối với sinh viên:* Cần nâng cao nhận thức về người ĐTLA để thông cảm, chia sẽ những khó khăn, cùng lên tiếng để bảo vệ cho quyền và lợi ích của người ĐTLA. Khi biết người đó, có thể là sinh viên là người ĐTLA cần có thái độ tôn trọng, không miệt thị, coi thường hay né tránh mà cần coi họ như những sinh viên bình thường khác; sẵn sàng kết bạn tâm giao cùng chia sớt tâm tư, tình cảm và cùng hỗ trợ họ trong học tập, và sẵn sàng bảo vệ họ trước nguy cơ bị bạo lực, xâm hại như câu châm ngôn nổi tiếng của Matt Bomer "Everybody thinks that equality comes from identifying people, and that's not where equality comes from. Equality comes from treating everybody the same regardless of who they are" (*Ai cũng nghĩ sự bình đẳng đến từ việc nhận biết người khác, và đó không phải là nguồn gốc của sự bình đẳng. Bình đẳng đến từ việc đối xử với tất cả mọi người như nhau, dù họ là ai*).

- *Đối với người thân, gia đình của người đồng tính:* Không chỉ đối mặt với sự định kiến từ người ngoài, một số người ĐTLA còn đối mặt với những áp lực từ phía cha mẹ, những người thân trong gia đình. Nhiều người trong số họ không được người nhà chấp nhận, họ bị chối bỏ hoặc bị giấu diếm về lai lịch do vì sợ dư luận từ xã hội. Điều đó vô tình đẩy con em của họ luôn sống

trong tình trạng đau khổ, thiếu tình thương yêu của gia đình và những thiếu thốn về kinh tế. Chính vì vậy, chúng tôi khuyến nghị các gia đình khi phát hiện con mình bị ĐTLA thì nên chấp nhận, lắng nghe và tạo cơ hội để con em được học tập, sáng tạo, được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản như những con em khác trong gia đình. Không những vậy, gia đình chính là những người lên tiếng bảo vệ, thúc đẩy các quyền cho con em của họ.

- *Đối với bản thân người ĐTLA:* Bản thân những người ĐTLA nên xóa bỏ mọi sự mặc cảm xuất phát từ bản thân, chọn thời điểm thích hợp để công khai giới tính của mình cho người thân, bạn bè và cộng đồng xã hội. Không ngừng học tập, tìm hiểu về kiến thức, các quyền cơ bản của người ĐTLA. Bên cạnh đó, phải rèn luyện thể thao, học tập kiến thức, các kỹ năng để chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phù hợp với giới tính của mình.

- *Về mặt luật pháp, chính sách:* Cần hoàn thiện các luật định phù hợp với xu thế quốc tế nhằm tăng cường quyền và ngĩa vụ của người ĐTLA nhằm hướng đến sự công bằng, bình đẳng giữa mọi người. Bên cạnh đó, chúng tôi khuyến nghị Đảng và Nhà nước cần có những chính sách nhằm hỗ trợ và khuyến khích người ĐTLA tham gia học tập, lao động nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles, Z. (1985). *Instructor's Manual to Accompany The Practice of Social Work:* Dorsey Press.
2. Evans, N. J., & D'Augelli, A. R. (1996). Lesbians, gay men, and bisexual people in college. In R. C. Savin-Williams & K. M. Cohen, *The lives of lesbians, gays, and bisexuals: Children to adults* (pp. 201–226). Harcourt Brace College Publishers.
3. Herek, G. M. (1995). Psychological heterosexism in the United States. *Lesbian, gay, and bisexual identities over the lifespan: Psychological perspectives, 321-346.*
4. Hiếu, N. H. K. (2013). *Đừng lãng quên giới tính thứ ba*. Retrieved from https://tuoitre.vn/dung-lang-quen-gioi-tinh-thu-ba-518807.htm
5. Lương Thế Huy, & Phương, P. Q. (2015). *Có phải bởi vì tôi là LGBT: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam*. NXB Hồng Đức.
6. Osmanaga, F. (2015). Student's attitudes toward homosexuality. *European Scientific Journal, 11(23).*
7. Phương, P. Q. (2013). *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam.* https://static1.squarespace.com/static/526c21b5e4b0d43e45f6c4c2/t/5edf556977faa21f0a076888/1591694774401/iSEE_Tong+luan+ve+nguoi+dong+tinh+va+chuyen+gioi+o+VN.pdf
8. Tuấn, T. Đ. (2010). *Công tác xã hội: Lý thuyết và thực hành.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (2011). *Hiện trạng trải nghiệm y tế và nhu cầu chuyển đổi giới tính của người chuyển giới ở Việt Nam.*

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC CẢM XÚC - XÃ HỘI CHO NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

THE STATUS OF EMOTIONAL - SOCIAL EDUCATION FOR PEOPLE HIGHT, BIG AND TRANSGENDER IN HO CHI MINH CITY THROUGH EXPERIENCE ACTIVITIES

Phan Thị Cẩm Giang*

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu ở 120 học sinh đồng tính, song tính và chuyển giới (lesbian", "gay", "bisexual", "transgender" – viết tắt LGBT) đang theo học tại các trường học ở Thành phố Hồ Chí Minh về thực trạng giáo dục cảm xúc – xã hội (Social and Emotional Learning – viết tắt SEL) cho LGBT. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số LGBT chưa được quan tâm giáo dục SEL thông qua các hoạt động trải nghiệm đúng nghĩa, làm ảnh hưởng đáng kể đến năng lực vượt qua rào cản xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới. Vì vậy, nhà trường và giáo viên cần tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng các hoạt động giáo dục trải nghiệm trong giáo dục cảm xúc – xã hội cho cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới.

Từ khóa: *giáo dục cảm xúc – xã hội, cộng đồng đồng tính, song tính và chuyển giới.*

ABSTRACT

The article presents the results of a study on 120 gay, bisexual and transgender (LGBT) students studying at schools in Ho Chi Minh City on the status of social-emotional learning (SEL) for LGBT. The survey results show that the majority of LGBT people have not been paid attention to SEL through meaningful experiential activities, significantly affecting their ability to overcome barriers. the social barriers of gay, bisexual and transgender people. Therefore, schools and teachers need to approach, research, understand and apply experiential education activities in SEL for the LGBT community.

Keywords: *Social and Emotional Learning, gay, bisexual and transgender community.*

1. MỞ ĐẦU

Mặc dù chưa đầy đủ song bất chấp nhiều thách thức, cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong suốt những năm qua. Truyền thông, môi trường pháp lý, các tổ chức xã hội dân sự ủng hộ quyền của người LGBT được thành lập (Phạm Quỳnh Phương, 2013). Các tổ chức xã hội dân sự đáng chú ý làm việc về vấn đề LGBT là Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thành lập năm 2007; Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) thành lập năm 1999; và Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên thành lập năm 2001; Trung tâm (ICS) làm việc về quyền con người của người LGBT thành lập năm 2008 (UNDP, & USAID, 2014). Tuy nhiên, những thách thức mà cộng đồng LGBT đang còn phải đối mặt với sự kì thị, phân biệt đối xử với người LGBT vẫn còn rất nhiều trong xã hội Việt Nam (Phạm Quỳnh Phương và cộng sự, 2018). Thực tế cho thấy, để vượt qua những rào cản xã hội, trước tiên LGBT cần vượt qua cảm giác xấu

* Thạc sĩ, Giảng viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam. Email: camgiang.phan1909@gmail.com

hổ, sợ hãi, muốn che giấu chính mình. Để làm được điều này, LGBT cần được giáo dục cảm xúc – xã hội thông qua hoạt động giáo dục trải nghiệm (HĐGDTN), vì thông qua hoạt động này, LGBT được làm chủ trong hoạt động, thể hiện chính mình, học tập cách kiềm chế cảm xúc, ra quyết định và giải quyết vấn đề,…

SEL của LGBT không thể tự nhiên phát triển. Một trong những nhân tố tác động có ảnh hưởng quan trọng đến giáo dục SEL cho LGBT là lựa chọn hoạt động giáo dục phù hợp. Hoạt động giáo dục là điều kiện quan trọng để hình thành thái độ, rèn luyện hành vi, kỹ năng xã hội cho học sinh. Việc lựa chọn hoạt động giáo dục phù hợp nội dung giáo dục để chuyển tải sẽ quyết định sự thành công của chất lượng giáo dục. Tư tưởng giáo dục về học qua trải nghiệm (experiential education) đã xuất hiện sơ khai từ thời cổ đại, song nó chỉ thực sự phát triển và trở thành một tư tưởng giáo dục chính thống và phát triển thành học thuyết khi có những công trình nghiên cứu của các nhà tâm lý học, giáo dục học nổi tiếng trên thế giới (Dương Giáng Thiên Hương, 2017). HĐGDTN là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình. Khái niệm này khẳng định vai trò định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn của nhà giáo dục; thầy cô giáo, cha mẹ học sinh, người phụ trách,... (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).

Một số công trình nghiên cứu, các tác giả luận văn, luận án cũng đưa ra những kết quả nghiên cứu về HĐGDTN trong thời gian gần đây dưới góc độ lý thuyết hoặc tổng hợp kinh nghiệm thực hành, nhưng tác giả Nguyễn Thị Chi (2014), Nguyễn Thị Liên (2016),…

Có thể nói, mặc dù hoạt động giáo dục trải nghiệm và giáo dục cảm xúc xã hội đã xuất hiện, chứng minh được vai trò tích cực và đang dần khẳng định vị thế trên thế giới nhưng ở Việt Nam thì đây vẫn còn là một hình thức mới mẻ trong giáo dục nói chung và giáo dục cảm xúc xã hội nói riêng. Vì vậy, bài báo đề cập đến thực trạng giáo dục cảm xúc xã hội cho người đồng tính, song tính và chuyển giới thông qua hoạt động trải nghiệm nhằm trả lời cho câu hỏi: thực trạng giáo dục SEL cho LGBT thông qua các HĐGDTN tại Thành phố Hồ Chí Minh như thế nào?

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện trên 120 LGBT độ tuổi từ 12-18 đang tham gia diễn đàn Fanpage Cộng đồng LGBT Việt Nam, các em cũng là học sinh tại các trường khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian thực hiện khảo sát: từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi dưới hình thức trực tuyến, trên nền tảng google form là phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này.

Mục đích của phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trong nghiên cứu này là thu thập thông tin từ LGBT nhằm tìm hiểu thực trạng nhu cầu SEL. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert năm bậc. Dữ liệu từ phiếu hỏi được phân tích và mô tả, sử dụng điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), tìm giá trị lớn nhất (GTLN), giá trị nhỏ nhất (GTNN).

ISBN: 978-604-73-8639-0

Chúng tôi sử dụng thang Likert 5 điểm, tìm giá trị nhỏ nhất (Min - GTNN), giá trị lớn nhất (Max - GTLN), trung bình và độ lệch chuẩn. Với thang đo này, chúng tôi có các mức độ đồng ý dựa trên câu trả lời của đáp viên như sau:

Cách tính điểm cho thang Likert được mô tả như sau:

Bảng 1. Cách tính điểm

MEAN	MỨC ĐỘ		
	Mức độ tổ chức	**Mức độ tham gia**	**Mức độ hiệu quả**
4.51 – 5	Rất thường xuyên	Rất thường xuyên	Rất hiệu quả
3.51 – 4.5	Thường xuyên	Thường xuyên	Hiệu quả
2.51 – 3.5	Thỉnh thoảng	Thỉnh thoảng	Bình thường
1.5 – 2.5	Hiếm khi	Hiếm khi	Ít hiệu quả
1 – 1.5	Không bao giờ	Không bao giờ	Không hiệu quả

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tìm hiểu thực trạng nhu cầu học tập cảm xúc – xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới thông qua phần mềm SPSS 20.0.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn sâu một số đáp viên, nội dung phỏng vấn xoay quanh thực trạng vấn đề, nhằm củng cố thêm các nội dung đã được trả lời thông qua khảo sát.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

3.1.1. Giáo dục cảm xúc - xã hội

"SEL là quá trình mà thông qua đó tất cả thanh niên và người lớn có được và áp dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để phát triển bản sắc lành mạnh, quản lý cảm xúc và đạt được các mục tiêu cá nhân và tập thể, cảm nhận và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ hỗ trợ và có trách nhiệm và các quyết định quan tâm". Giáo dục cảm xúc – xã hội bao gồm năm thành phần cốt lõi gồm: *Tự nhận thức, Tự quản lý (cảm xúc, hành vi), Nhận thức xã hội, Quan hệ xã hội* và *Ra quyết định có trách nhiệm* (CASEL, 2020).

3.1.2. Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới

"LGBT" là từ viết tắt của "lesbian" (đồng tính nữ), "gay" (đồng tính nam), "bisexual" (lưỡng tính) và "transgender" (chuyển giới).

Đồng tính luyến ái nữ (lesbian): Lesbian là nữ giới có xu hướng bị hấp dẫn bởi phái nữ trên phương diện tình dục hoặc tình yêu và không có đặc điểm bên ngoài nào để nhận biết người đồng tính nữ với những người khác.

Đồng tính luyến ái nam (gay): Diễn tả xu hướng tình dục (hoặc tình yêu) giữa nam và nam, nam giới bị thu hút về mặt tâm hồn và thể xác bởi người cùng giới.

Tương tự như mối quan hệ giữa nam giới và nữ giới, đồng tính luyến ái cũng bao gồm cả những rung động về mặt cảm xúc chứ không chỉ đơn thuần là tình dục. Đồng tính không phải là bệnh.

Song tính luyến ái (bisexual): Lưỡng tính là một cách gọi khác của song tính luyến ái, chỉ những người bị hấp dẫn về mặt cảm xúc và tình dục với cả hai giới (nam và nữ). Bisexual sẽ không rõ ràng về việc thích nam hay nữ hơn vì điều đó phụ thuộc vào trái tim và cảm xúc của họ.

Người chuyển giới (transgender): Miêu tả những đối tượng có cơ thể của một giới tính này, nhưng lại cảm thấy rằng họ là người thuộc về giới tính kia, giống như họ được sinh ra vào nhầm cơ thể. Những người chuyển giới thường được xếp vào nhóm giới tính chung với lesbian và gay để xác định những người không cảm thấy họ thuộc vào xu hướng giới tính "thẳng" (Phương, 2013).

3.1.3. Khái niệm trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm

Theo Từ điển tiếng Việt, "trải nghiệm được hiểu là trải qua, kinh qua" (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Trải nghiệm, khám phá giúp con người nhận ra được cái đúng, cái sai trong cuộc sống, từ đó rút ra những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân. Có thể hiểu, trải nghiệm là những gì con người đã kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu. Quá trình trải nghiệm sẽ giúp con người thu được những kiến thức và kinh nghiệm sống riêng cho bản thân, từ đó hình thành phẩm chất và năng lực của mình. Như vậy, trải nghiệm chính là những tồn tại khách quan tác động vào giác quan của con người, tạo ra cảm giác, tri giác, biểu tượng, con người cảm thấy có tác động đó và cảm nhận nó một cách rõ nét, để lại ấn tượng sâu đậm, rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn đời sống, hình thành nên các thái độ giá trị.

Học trải nghiệm là quá trình khám phá, thử nghiệm trực tiếp với kiến thức, hình thành các khái niệm và đưa ra các phân tích, kết luận của bản thân về kiến thức ấy (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

HĐGDTN là hoạt động giáo dục (GD), trong đó dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, từng cá nhân HS được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình (Đinh Thị Kim Thoa, 2015).

3.1.4. Giáo dục cảm xúc - xã hội cho người đồng tính, song tính và chuyển giới thông qua hoạt động trải nghiệm

Từ khái niệm và nội dung chung liên quan đến giáo dục cảm xúc xã hội và hoạt động trải nghiệm, chúng tôi cho rằng: Giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT thông qua hoạt động trải nghiệm là hoạt động trong đó dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà GD, từng cá nhân LGBT được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của đời sống gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

3.1.5. Một số hình thức giáo dục trải nghiệm hiện nay

- Hoạt động trải nghiệm trong câu lạc bộ (CLB) là hoạt động giúp những nhóm HS cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu có môi trường giao lưu thân thiện, tích cực. Khi tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, LGBT sẽ được gia nhập cùng các bạn thuộc giới tính khác. Việc tổ chức giao lưu giữa các HS với nhau, giữa LGBT với các bạn khác, giữa HS với thầy, cô giáo, với những người lớn khác

 ISBN: 978-604-73-8639-0

đồng thời tạo cơ hội để HS được chia sẻ những kiến thức về các lĩnh vực mà các em quan tâm, qua đó phát triển các KN của HS như: KN giao tiếp, KN lắng nghe và biểu đạt ý kiến, KN trình bày suy nghĩ, ý tưởng, KN viết bài, KN chụp ảnh, KN hợp tác, làm việc nhóm, KN ra quyết định và giải quyết vấn đề, KN ra quyết định,…

- Trong giáo dục nói chung và giáo dục cảm xúc - xã hội nói riêng, hoạt động nhân đạo, tình nguyện là hoạt động tác động đến tình cảm, sự đồng cảm của HS trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhờ đó HS biết thêm những hoàn cảnh khó khăn của người kém may mắn, những đối tượng dễ bị tổn thương trong cuộc sống,… để đồng cảm và hỗ trợ.

- Trò chơi là một hình thức HĐTNST tích cực, có hiệu quả cao đối với quá trình giáo dục trẻ nhỏ độ tuổi tiểu học. Hơn nữa, nếu tổ chức trò chơi một cách tích cực sẽ giúp trẻ hình thành được kiến thức, kỹ năng, năng lực một cách tự nhiên, đầy hứng thú, có tác dụng giáo dục "học mà chơi, chơi mà học".

Trò chơi có thể được tổ chức trong nhiều giai đoạn khác nhau của 01 hoạt động học tập như làm quen, khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập, cung cấp tri thức, đánh giá kết quả hay củng cố kiến thức đã học.

- Hình thức diễn đàn là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia thì phần trình diễn chính là một cuộc chia sẻ, thảo luận giữa những người thực hiện và khán giả, trong đó đề cao tính tương tác hay sự tham gia của khán giả. Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để HS đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kì nội dung nào của cuộc sống. Sân khấu tương tác tạo cơ hội cho HS rèn luyện những KN như: KN phát hiện vấn đề, KN phân tích vấn đề, KN ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống.

- Hội thi/cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, thú vị và đạt hiệu quả cao trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh. Hội thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, các nhóm hoặc tập thể khiến cho người tham gia luôn hoạt động tích cực để vươn lên nhằm đạt được thành tích tốt, thực hiện được mục tiêu mong muốn.

Hội thi có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo tính chất và phạm vi sử dụng, chẳng hạn như thi vẽ, thi viết, thi tìm hiểu, thi giải đố, thi khéo tay,... Nội dung của hội thi cũng rất phong phú, thể hiện tính sáng tạo và năng động của người thiết kế.

- Tổ chức sự kiện trong nhà trường là một HĐGDTN cần thiết, tạo cơ hội cho HS được thể hiện những ý tưởng, khả năng sáng tạo, năng lực tổ chức hoạt động, thực hiện và kiểm tra giám sát hoạt động nhằm rèn luyện tính tỉ mỉ, chi tiết, KN tổ chức, tính năng động, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, có khả năng thiết lập mối quan hệ tốt, có KN làm việc theo nhóm, có sức khỏe và niềm đam mê.

3.2. Kết quả nghiên cứu

Thực trạng giáo dục cảm xúc xã hội cho LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm trong giáo dục nói chung và giáo dục cảm xúc - xã hội nói riêng sẽ tạo cơ hội rèn luyện và phát triển những kỹ năng để nhận ra và quản lý những cảm xúc; hình thành và phát triển sự quan tâm và chăm sóc đến người khác; có trách nhiệm khi đưa ra những quyết định;

thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp và giải quyết các tình huống hiệu quả nhất. Với LGBT, việc hình thành những kỹ năng này rất cần thiết. Kết quả bảng dưới cho thấy kết quả đánh giá của các em về mức độ tổ chức giáo dục cảm xúc – xã hội cho LGBT từ nhà trường thông qua hoạt động trải nghiệm, mức độ tham gia của các em và mức độ hiệu quả từ các hoạt động.

**** Về mức độ tổ chức giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT qua hoạt động giáo dục trải nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh***

Bảng 2. Đánh giá của LGBT về mức độ tổ chức của thực trạng giáo dục cảm xúc - xã hội cho học sinh qua hoạt động trải nghiệm

STT	Hình thức tổ chức	Mức độ tổ chức	
		ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động câu lạc bộ	2,3	0,4
2	Hoạt động nhân đạo - tình nguyện	1,9	0,5
3	Tổ chức trò chơi	2,3	0,5
4	Tổ chức diễn đàn	1,2	0,4
5	Giao lưu giữa các lớp trường	1,7	0,5
6	Hội thi/ cuộc thi	**3,5**	0,5
7	Tham quan, dã ngoại	**3,3**	0,7
8	Tổ chức sự kiện	1,3	0,4
9	Hoạt động chiến dịch	1,8	0,4
	Tổng	**2,1**	**0,1**

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021)

+ Hình thức tổ chức HĐGDTN ở các trường chủ yếu là: tổ chức hội thi, cuộc thi (ĐTB 3,5); tiếp đến là hình thức tham quan, dã ngoại (ĐTB 3,3); ở các hình thức tổ chức HĐGDTN khác có ĐTB thấp, ở mức hiếm khi, trong đó có hình thức câu lạc bộ và tổ chức trò chơi có cùng ĐTB là 2,3, tổng ĐTB cho cả 9 hoạt động là 2,1.

+ Như vậy, có thể thấy, qua kết quả trưng cầu ý kiến thì trong 9 HĐGDTN chỉ có 2 hoạt động được đánh giá là có tổ chức ở mức thỉnh thoảng tổ chức, 7 hoạt động khác "ít tổ chức" hoặc "không tổ chức". Điều này cho thấy, giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT thông qua HĐGDTN tại Thành phố Hồ Chí Minh đang còn bỏ ngỏ vì chưa nhìn nhận được vai trò quan trọng của giáo dục SEL nói chung và giáo dục SEL thông qua HĐGDTN nói riêng. Theo trao đổi với một số LGBT, chúng tôi đọc được một phần nguyên nhân của thực trạng này là chính các LGBT bị giới hạn về thời gian và việc nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục kiến thức các môn đã là quá tải, bên cạnh đó, ở nhà trường, việc giáo dục SEL cho LGBT cùng học sinh vẫn chưa được quan tâm, còn rất mới mẻ.

* ***Về mức độ tham gia vào các hoạt động của LGBT vào giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT qua hoạt động giáo dục trải nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh***

ISBN: 978-604-73-8639-0

Bảng 3. Đánh giá của LGBT về mức độ tham gia của HS vào giáo dục cảm xúc - xã hội cho học sinh qua hoạt động trải nghiệm

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ tham gia	
		ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động câu lạc bộ	**3,0**	1,0
2	Hoạt động nhân đạo - tình nguyện	2,0	0,4
3	Tổ chức trò chơi	1,9	0,6
4	Tổ chức diễn đàn	1,2	0,4
5	Giao lưu giữa các lớp trường	1,6	1,2
6	Hội thi/ cuộc thi	**4,2**	0,9
7	Tham quan, dã ngoại	**3,8**	1,1
8	Tổ chức sự kiện	1,5	0,7
9	Hoạt động chiến dịch	1,3	0,5
	Tổng	**2,3**	**0,3**

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021)

+ Mức độ tham gia vào HĐGDTN ở các LGBT chủ yếu là tổ chức hội thi, cuộc thi (ĐTB 4,2); tiếp đến là hình thức tham quan, dã ngoại (ĐTB 3,8), tham gia sinh hoạt câu lạc bộ chiếm điểm trung bình cao thứ 3 (3,0); ở các hình thức khác, mức độ tham gia của LGBT thấp hơn, đa số ở mức hiếm khi và không bao giờ, tổng ĐTB cho mức độ tham gia cả 9 hoạt động là 2,3.
+ Như vậy, có thể thấy, qua kết quả trưng cầu ý kiến về mức độ tham gia của LGBT vào các hình thức cho thấy có sự tương đồng với thực trạng tổ chức các HĐGDTN từ nhà trường. Khi nhà trường ít khi tổ chức, LGBT khó có thể tham gia vào. Một số LGBT cho biết, chính các em không muốn tham gia vào một số hình thức, vì không thể hiện được chính mình trong các hoạt động, chưa học hỏi được nhiều từ các hoạt động, các em có mong muốn được tham gia những hoạt động này trên cơ sở được giáo dục về nội dung chính liên quan cảm xúc – xã hội, sau đó là thể hiện chính mình trong các hoạt động. Đây là một lưu ý khi tổ chức các HĐGDTN cho LGBT sau này.

* ***Về mức độ hiệu quả trong việc giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT qua hoạt động trải nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh***

Bảng 4. Đánh giá của LGBT về tính hiệu quả của thực trạng giáo dục cảm xúc - xã hội cho học sinh qua hoạt động trải nghiệm

STT	Hình thức tổ chức	Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	**ĐLC**
1	Hoạt động câu lạc bộ	**2,8**	0,6
2	Hoạt động nhân đạo - tình nguyện	1,9	0,4
3	Tổ chức trò chơi	1,9	0,5

4	Tổ chức diễn đàn	1,2	0,5
5	Giao lưu giữa các lớp trường	1,8	0,6
6	Hội thi/ cuộc thi	**3,6**	0,8
7	Tham quan, dã ngoại	**3,6**	0,8
8	Tổ chức sự kiện	2,0	0,9
9	Hoạt động chiến dịch	1,3	0,7
	Tổng	**2,2**	**0,3**

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2021)

+ Đánh giá về tính hiệu quả trong giáo dục SEL cho LGBT qua các hình thức tổ chức HĐGDTN chủ yếu ở 3 hình thức: tổ chức hội thi, cuộc thi, tham quan, dã ngoại (ĐTB đều 3,6), kế đến là hình thức câu lạc bộ có ĐTB là 2,8; hiệu quả ở các hình thức tổ chức HĐGDTN khác có ĐTB thấp, ở mức ít hiệu quả và không hiệu quả, ở hình thức diễn đàn có ĐTB thấp nhất là 1,2. ĐTB này giống nhau trong việc đo 3 mức độ: tổ chức, tham gia và tính hiệu quả, tổng ĐTB cho cả 9 hoạt động là 2,2.
+ Có sự tỷ lệ thuận trong kết quả nghiên cứu này ở cả 3 mức. Điều này cho thấy thực trạng tổ chức giáo dục SEL cho LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh còn tồn tại nhiều hạn chế, chính điều này dẫn đến mức độ tham gia của các em chưa cao, và tính hiệu quả của các hình thức là chưa có.

Nhìn chung, kết quả khảo sát thực trạng giáo dục SEL cho LGBT qua hoạt động giáo dục trải nghiệm, có thể có một số kết luận sau đây:

- Ở hình thức câu lạc bộ thì mức độ tổ chức, mức độ tham gia và mức độ hiệu quả của hoạt động câu lạc bộ có tỷ lệ thuận với nhau. Thực tế, có thể thực hiện hoạt động này tốt hơn tại các cơ sở giáo dục nhằm có hiệu quả cao hơn, thu hút các em tham gia nhiều hơn.

- Ở hình thức diễn đàn, kết quả khảo sát cho thấy, hình thức diễn đàn đang còn xa lạ với LGBT, trung bình của các mức độ có số điểm chung là 1,2. Trong giáo dục SEL cho LGBT, cần quan tâm thực hiện hoạt động này vì những lợi ích mà hoạt động này mang lại.

- Hình thức tổ chức sự kiện trong nhà trường: kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, các em đánh giá cao hiệu quả từ hoạt động này mang lại và cũng đã tham gia, tuy nhiên mức độ tổ chức hình thức này trong các nhà trường chưa cao.

- Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động nhân đạo là hình thức được LGBT tham gia tích cực và hiệu quả hoạt động này khi tham gia để thông qua đó giáo dục SEL cũng cao. Tuy nhiên, theo mức ĐTB thì mức độ tổ chức hoạt động này nhằm giáo dục SEL cho LGBT chưa cao, vì vậy cần phát huy hoạt động này để giúp các em được chia sẻ những suy nghĩ, tình cảm và giá trị vật chất của mình với những thành viên trong cộng đồng để từ đó hình thành các thành tố trong giáo dục cảm xúc - xã hội cho các em. Khi đứng ra san sẻ, mỗi em sẽ hình thành những giá trị cảm xúc và giá trị xã hội tích cực.

- Tương tự như vậy, cần quan tâm đến việc tổ chức hoạt động trò chơi, hoạt động chiến dịch, giao lưu giữa các trường một cách thường xuyên hơn, nhằm phát huy tính hiệu quả và lôi cuốn sự tham gia tích cực của học sinh vào các HĐGDTN này.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Kết quả nghiên cứu về thực trạng giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT tại Thành phố Hồ Chí Minh qua hoạt động giáo dục trải nghiệm cho thấy còn những tồn tại trong quá trình giáo dục cảm xúc - xã hội cho LGBT. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để các trường quan tâm hơn đến vấn đề này trong thời đại giáo dục mới. Thực ra, LGBT cũng chính là những HS tham gia học tập tại trường, vì những rào cản của mình nên cần được giáo dục nhiều hơn để hình thành các năng lực cảm xúc – xã hội. Từ thực trạng này, việc quan tâm đến giáo dục cảm xúc – xã hội cho LGBT qua hoạt động giáo dục trải nghiệm là vấn đề cần quan tâm, cần có kế hoạch thực hiện trong thời gian sớm nhất.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy giáo dục SEL cho LGBT qua các hình thức HĐGDTN chưa được quan tâm đúng mức trong mức độ thực hiện, từ đó hiệu quả của giáo dục SEL cho LGBT chưa cao. Từ đó, thực trạng giáo dục SEL thông qua các các HĐGDTN cho học sinh LGBT chỉ ở mức hiếm khi và tính hiệu quả cũng ở mức thấp. Điều này cho thấy nhà trường – nhất là đội ngũ quản lý cần quan tâm nghiên cứu, có kế hoạch giảng dạy SEL trong trường học, cho giáo viên được tập huấn các hình thức giáo dục SEL theo hướng tiếp cận nâng cao vai trò người học. Bên cạnh đó, cần nâng cao hiểu biết của giáo viên về năng lực cảm xúc – xã hội, thúc đẩy giáo viên quan tâm nhiều hơn đến việc lựa chọn và ứng dụng các hình thức HĐGDTN khác nhau vào giáo dục SEL cho học sinh LGBT trong các hoạt động giáo dục cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Chi, (2014). Nghiên cứu xây dựng một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học thực nghiệm Hà Nội theo định hướng đổi mới chương trình GDPT sau 2015. Đề tài KH&CN, mã số V2014-11, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
2. Vũ Dũng (2012, chủ biên). *Từ điển thuật ngữ Tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục-Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
4. Bộ Bộ Giáo dục-Đào tạo (2015). *Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*. Tài liệu tập huấn, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Dương Giáng Thiên Hương (2017). "Hoạt động trải nghiệm sáng tạo– lí thuyết và vận dụng trong dạy học tiểu học". *Journal Of Science Of HNUE*. Doi: 10.18173/2354-1075.2017-0035. Educational Sci., 2017, Vol. 62, No. 1A, pp. 98-108.
6. Nguyễn Thị Liên (chủ biên, 2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
7. *Phạm Quỳnh Phương (2013).* Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam, *Tổng luận các nghiên cứu. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).*
8. *Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2018).* Cha mẹ chấp nhận và lên tiếng ủng hộ quyền của con là người LGBT: những yếu tố tác động. *Viện Nghiên cứu xã hội, Kinh tế và Môi trường.*
9. ***UNDP, USAID (2014). Là người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) ở Châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam Tổng hợp và phân tích môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT).* Báo cáo Quốc gia LGBT Việt Nam – Là LGBT ở Châu Á. Bangkok.**

VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG LGBT TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG KHAI TRƯỚC BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

THE ROLE OF SOCIAL WORK IN SUPPORTING THE LGBTI+ COMMUNITY IN THE COMING-OUT PROCESS IN THE COVID-19 EPIDEMIC

Nguyễn Hữu Long*

Ngô Thu Trà My**

Bùi Phương Thảo****

TÓM TẮT

Một trong những vấn đề mà cộng đồng LGBTI+[1] đang gặp phải hiện nay ở Việt Nam đó là khó khăn trong quá trình công khai. Mặc dù việc công khai là quyền riêng tư của mỗi cá nhân và xã hội có nhiều điều kiện để phát triển, để cộng đồng LGBTI+ được sống một cách đúng nghĩa, nhưng trên thực tế, họ đang gặp phải rất nhiều khó khăn và cản trở trong cuộc sống. Trong năm 2020, nhiều người trong cộng đồng LGBTI+ đều ít cho biết công việc của họ chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, phổ biến nhất bao gồm: bị giảm thu nhập (36.5%) và phải nghỉ việc không lương (18.7%), bên cạnh đó , họ phải đối mặt với rất nhiều vấn đề như: tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tìm kiếm việc làm, tham gia học tập, giải trí (Vũ Thành Long và cộng sự, 2020). Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang ảnh hưởng nghiêm trọng tới con người trên toàn thế giới, cộng đồng LGBTI+ rất cần có được sự hỗ trợ từ chính phủ, các tổ chức xã hội, đặc biệt là những nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

Từ khóa: *Công tác xã hội, cộng đồng LGBTI+, quá trình công khai, đại dịch Covid-19*

ABSTRACT

One of the problems that the LGBTI+ community is facing today in Vietnam is the difficulty in coming out process. Although publicity is an individual's right to privacy, the society now has many conditions for development and for the LGBTI+ community to live properly, in reality, they are facing many difficulties and obstacles in life. In 2020, many people in the LGBTI+ community have little to say that their jobs are affected by the Covid-19 epidemic, the most common include: reduced income (36.5%) and unpaid leave (18.7%), besides, they have to face a lot of problems such as: accessing health care services, finding jobs, participating in study and entertainment (Vu Thanh Long et al., 2020). In the context of the Covid-19 pandemic, which is seriously affecting to people all over the world, the LGBTI+ community desperately needs support from the government, social organizations, especially professional social workers.

Keywords: *social work, LGBTI+ community, coming out process, Covid-19 pandemic*

MỞ ĐẦU

Từ năm 2020 cho tới nay, khi toàn thế giới đang phải chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, cộng đồng LGBTI+ cũng chịu nhiều tác động tới công việc, chăm sóc sức khỏe, cuộc sống, đặc biệt trong đó có quyết định công khai xu hướng tính dục của bản thân mình.

* Tiến sĩ, Phân viện miền Nam, Hoc viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Email: huulong2011@gmail.com

** Thạc sĩ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Email: tramygau@gmail.com

*** Thạc sĩ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Email: haophuong.ttn@gmail.com

1 Người đồng tính, song tính, chuyển giới, liên giới tính và đa dạng tính dục

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Những tác hại mà người LGBTI+ sẽ phải trải qua do hậu quả của đại dịch Covid-19 bao gồm: (1) Người LGBTI+ phải đối mặt với nguy cơ mắc bệnh và tử vong cao hơn do đại dịch; (2) Các tác hại khác về y tế bao gồm thiếu khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế cần thiết như xác nhận giới tính/ xu hướng tính dục hoặc HIV điều trị trong thời kỳ đại dịch; (3) Sức khỏe tinh thần và cảm xúc tác hại phát sinh từ việc cô lập hoặc trú ẩn Covid-19 tại chỗ nhu yếu phẩm. Sự cô lập như vậy thường xảy ra với những hành động bạo lực từ các thành viên trong gia đình. Điều này có thể ảnh hưởng đến thể chất, cảm xúc và sức khỏe tâm thần của họ; (4) Kinh tế và thu nhập không ổn định; (5) Phân biệt đối xử trong việc làm và tiếp cận xã hội dịch vụ; (6) Thiếu sự hỗ trợ của cộng đồng và các tổ chức xã hội (Burris, S. và cộng sự, 2020).

NỘI DUNG

1. Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai

Một cuộc điều tra trực tuyến của iSEE[2] năm 2020 về tác động của dịch Covid-19 và giai đoạn giãn cách xã hội nhằm phòng chống dịch đến sức khỏe, tiếp cận y tế, việc làm, học tập và gia đình của người LGBTI+ tại Việt Nam dựa trên nội dung trả lời của 923 người LGBTI+ trên khắp các tỉnh/thành phố tại Việt Nam. Nhóm đã công khai và chưa được gia đình chấp nhận đã trải qua một giai đoạn giãn cách xã hội do Covid-19 với gia đình khó khăn nhất khi so sánh với các nhóm còn lại. Nhóm chưa công khai cũng gặp nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong quan hệ với gia đình trong giai đoạn này, tuy nhiên không nghiêm trọng bằng nhóm chưa được chấp nhận. Nhóm đã công khai và được chấp nhận chịu ít tác động tiêu cực đến quan hệ gia đình hơn cả (Vũ Thành Long và cộng sự, 2020).

Có lẽ một trong những vấn đề khó khăn nhất của những người trẻ LGBTI+ chính là việc gia đình từ chối, điều này có khả năng đe dọa LGBTI+ sức khỏe tâm lý và thể chất của những người trẻ tuổi (Newcomb ME và cộng sự, 2019). Việc gia đình từ chối người LGBTI+ công khai cũng là lý do hàng đầu dẫn đến tình trạng vô gia cư trong giới trẻ LGBTI+ (Choi SK và cộng sự, 2020). Những người trẻ LGBTI+ chia sẻ rằng gia đình có ảnh hưởng rất lớn đối với họ. Khi bị từ chối họ có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 6 lần và có khả năng tìm cách tự tử cao gấp 8 lần so với LGBTI+ được gia đình chấp nhận công khai xu hướng tính dục (John P. Salerno và cộng sự, 2020).

Hơn thế nữa, những người LGBTI+ tiếp tục bị phân biệt đối xử, thái độ không chào đón và thiếu hiểu biết từ các nhà cung cấp và nhân viên trong nhiều cơ sở chăm sóc sức khỏe, và kết quả là, nhiều người miễn cưỡng tìm kiếm sự chăm sóc y tế trừ những trường hợp cảm thấy khẩn cấp – và có lẽ thậm chí không muốn phải trở lại sau đó (Suzanne B. Goldberg, 2020).

Trong thực tế, khi người LGBTI+ công khai, họ không thực hiện theo một bước mà họ cần rất nhiều bước và phải trải qua một thời gian dài. Do vậy, có thể hiểu rằng, để công khai thành công, người LGBTI+ cần có cả một quá trình từ khi chuẩn bị tới khi thực hiện công khai với bạn bè, gia đình hay xã hội. Lý thuyết Mô hình nhận diện của Cass xem xét công khai là một quá trình bao gồm 6 giai đoạn: Bối rối, so sánh, chấp nhận, nhận diện, tự hào, hòa nhập.

Có thể nói rằng, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, quá trình công khai của người LGBTI+ gặp phải nhiều rào cản hơn bao giờ hết. Trong nhiều hoàn cảnh, đặc biệt khi người LGBTI+ nhiễm Covid-19 hoặc cần cách ly do tiếp xúc với bệnh nhân Covid-19, họ không thể có thời gian

[2] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường

để chuẩn bị tâm lý cùng các yếu tố khác để sẵn sàng công khai xu hướng tính dục của bản thân mình. Điều này dẫn tới áp lực, sự căng thẳng tâm lý, bất tiện trong quá trình khám chữa bệnh, tiếp xúc với gia đình, cán bộ y tế và những người xung quanh.

2. Vai trò và các phương pháp công tác xã hội hỗ trợ cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai trước bối cảnh dịch Covid-19

2.1. Vai trò của công tác xã hội hỗ trợ cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai

Hiện nay, có đến 75% người LGBT được khảo sát cho rằng họ cần dịch vụ tư vấn tâm lý; 67% cần dịch vụ hỗ trợ pháp lý; 61% cần những buổi gặp mặt kết nối ở địa phương; 59% cần những sự kiện công cộng về LGBT, 52% có nhu cầu chia sẻ, tập huấn kiến thức… (Trần Khắc Tùng, 2015).

Cuộc điều tra trực tuyến của iSEE năm 2020 cũng cho kết quả nhu cầu hỗ trợ phổ biến nhất được ghi nhận bao gồm: hỗ trợ về các vấn đề tâm lý (73.4%), hỗ trợ thông tin, kiến thức LGBTI+ (59.7%). Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và các tỉnh/thành phố thuộc miền Trung có nhu cầu với dịch vụ y tế cao hơn đáng kể. Các nhóm bản dạng không hợp giới có nhu cầu hỗ trợ việc làm/sinh kế, hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế cao hơn đáng kể so với các nhóm bản dạng hợp giới. Trong khi các bản dạng hợp giới[3] có nhu cầu về kiến thức, thông tin LGBTI+, hỗ trợ tâm lý, và hỗ trợ sức khỏe tình dục cao hơn đáng kể khi so với nhóm bản dạng không hợp giới[4] (Vũ Thành Long và cộng sự, 2020).

Từ những kết quả trên, có thể thấy rằng người LGBTI+ rất cần có sự trợ giúp của nhân viên công tác xã hội (NV CTXH). Trong các vai trò quan trọng đó là: tham vấn/ tư vấn tâm lý, kết nối nguồn lực và biện hộ.

Vai trò tham vấn/ tư vấn tâm lý

Khi thực hiện công khai, người LGBTI+ gặp rào cản lớn nhất là về mặt tâm lý, như vậy vai trò tham vấn sẽ trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. NV CTXH thực hiện tham vấn nhằm bình ổn tâm lý cho thân chủ, tránh họ có quyết định tiêu cực. NV CTXH cũng cung cấp các thông tin, kiến thức về cộng đồng LGBTI+, về quá trình công khai của người LGBTI+ cho thân chủ.

Vai trò này cũng cần được thực hiện với gia đình, bạn bè của thân chủ. Bởi đây cũng là nhóm có khả năng gặp nhiều bất ổn về tâm lý (lo lắng, hoang mang,...). Như vậy tham vấn, tư vấn là vai trò mà NV CTXH cần phải thực hiện đầu tiên để đảm bảo người LGBTI+ sẵn sàng cho quá trình công khai.

Trong bối cảnh dịch Covid-19, NV CTXH cần kịp thời hỗ trợ tư vấn tâm lý, địa chỉ tạm lánh cho những người bị gia tăng ảnh hưởng/bạo lực gia đình vì lý do liên quan đến việc công khai bản dạng tính dục trong giai đoạn dịch bệnh. Sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn cần tiếp tục hỗ trợ về tâm lý cho người LGBTI+, trong đó tư vấn về các vấn đề quan hệ gia đình, kinh nghiệm công khai bản dạng tính dục. Đây được coi là hoạt động vô cùng cấp thiết để đảm bảo bình ổn tâm lý cũng như an toàn cho người LGBTI+.

[3] Bản dạng giới (một cá nhân cảm nhận về giới tính của bản thân) trùng với giới tính họ được chỉ định sau khi sinh ra

[4] Bản dạng giới không trùng với giới tính họ được chỉ định sau sinh ra

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Vai trò kết nối nguồn lực

Một trong những vai trò cũng rất quan trọng trong trường hợp này chính là kết nối nguồn lực. Hiện nay Việt Nam đã có rất nhiều tổ chức xã hội dân sự, nhóm hoạt động vì quyền của người LGBTI+, nhưng làm thế nào để kết nối được người LGBTI+, nhất là những người đang muốn công khai với các tổ chức trên lại là vai trò của NV CTXH.

Tham gia vào nhóm/ diễn đàn/ các hoạt động phong trào ủng hộ LGBTI+ chính là một bước vô cùng quan trọng với người LGBTI+nếu họ muốn công khai. Từ kiến thức, kỹ năng và cả kinh nghiệm để công khai thành công, tất cả các yếu tố đó họ sẽ có được khi đến với các tổ chức/ nhóm như ICS, iSEE hay Hanoi Queer Zone[5]...

Việc kết nối nguồn lực hỗ trợ chính là vai trò cần thiết thực hiện trong tình hình dịch bệnh Covid-19. Việc này góp phần đảm bảo duy trì cuộc sống thiết yếu cho người LGBTI+. Đồng thời, nếu NV CTXH kết nối được các nguồn lực phù hợp, linh hoạt từ các tổ chức hoạt động vì quyền của người LGBTI+, họ sẽ bớt đi những áp lực tâm lý khi vô tình hay bắt buộc phải công khai bản thân mình.

Vai trò biện hộ

Biện hộ cũng là vai trò cần phải thực hiện khi nhân viên xã hội làm việc với người LGBTI+. Năm 2015, nước ta đã không xử phạt việc kết hôn giữa hai người đồng giới. Đó chính là những động thái vô cùng quan trọng và cũng là kết quả hết sức đáng mừng đối với công sức của những người ủng hộ cộng đồng LGBTI+. Tuy nhiên hoạt động bảo vệ quyền cho người LGBTI+ vẫn chưa có sự tham gia và đóng góp nhiều từ phía ngành công tác xã hội. Do vậy, cần sự thể hiện rõ ràng hơn của NV CTXH trong công tác vận động chính sách, bảo vệ quyền chính đáng, hợp pháp cho thân chủ là người LGBTI+ thời gian tới.

Đặc biệt NV CTXH cần có sự hỗ trợ dài hạn, trong đó thực hiện tập huấn, thông tin, kiến thức về SOGI[6], các vấn đề liên quan đến người LGBTI+ cho nhiều đối tượng ở độ tuổi và các nhóm xã hội khác nhau. Thông qua đó, Muốn thực hiện được việc này, nhân viên CTXH cần có mạng lưới hợp tác với các tổ chức đã và đang làm về quyền người LGBTI+ như iSEE, ICS, CSAGA[7],...

Có thể nhìn nhận rõ ràng rằng tham vấn/ tư vấn, kết nối nguồn lực, biện hộ chính là những vai trò mà NV CTXH cần thực hiện đầy đủ để trợ giúp người LGBTI+ công khai thành công. Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả trợ giúp, NV CTXH nên có định hướng trợ giúp phù hợp, cần phải xuất phát từ việc tham vấn/ tư vấn cho chính thân chủ để họ thực sự sẵn sàng công khai. Tiếp đến là trợ giúp cho gia đình, bạn bè của họ bình ổn được tâm lý, có thêm nhiều kiến thức về người LGBTI+ để luôn ở bên cạnh ủng hộ, sẻ chia khó khăn cùng người thân của mình. Bước tiếp theo là việc thực hiện vai trò kết nối nguồn lực để người LGBTI+ tiếp cận được tới các nhóm đồng đẳng, các tổ chức hoạt động vì quyền người LGBTI+. Và với quy mô rộng hơn, NV CTXH cần tích cực thể hiện vai trò biện hộ, vận động chính sách bảo vệ quyền của người LGBTI+.

CTXH hỗ trợ người LGBTI+ trong quá trình công khai đặc biệt khi Việt Nam chưa kiểm soát được dịch Covid-19, đòi hỏi người NV CTXH phải thực hiện rất nhiều vai trò từ tham vấn/ tư vấn,

[5] Tổ chức cộng đồng Hà Nội Queer

[6] Xu hướng tính dục và bản dạng giới

[7] Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên

kết nối nguồn lực và biện hộ. Trong đó các vai trò ấy, NV CTXH phải đảm bảo thực hiện từng bước một, có kế hoạch cụ thể và không ngừng nghỉ.

2.2. Các phương pháp công tác xã hội hỗ trợ cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai

2.2.1. Công tác xã hội cá nhân

Công tác xã hội hướng tới giúp cộng đồng LGBTI+ phục hồi hay nâng cao năng lực để tăng cường chức năng xã hội, tạo ra những thay đổi về vai trò, vị trí của người LGBTI+ từ đó giúp họ hòa nhập xã hội. Một mặt, công tác xã hội giúp tăng cường năng lực để hòa nhập xã hội, mặt khác, công tác xã hội thúc đẩy các điều kiện xã hội để cộng đồng LGBTI+ tiếp cận được chính sách, nguồn lực xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản.

Mục đích của công tác xã hội cá nhân là giúp cộng đồng LGBTI+ hiểu rõ về chính họ, xác định lại mối quan hệ giữa họ với người xung quanh, giúp họ tăng khả năng vận dụng các nguồn lực xã hội (tài nguyên) và của bản thân để thay đổi. Từ đó nhằm phục hồi, củng cố và phát triển chức năng xã hội của cộng đồng LGBTI+ trong bối cảnh xã hội mà vấn đề của họ đang diễn ra và bị tác động.

Trong công tác xã hội cá nhân, tiến trình là một trong bốn thành tố quan trọng cấu thành của phương pháp công tác xã hội cá nhân (con người bao gồm thân chủ và nhân viên công tác xã hội; vấn đề của thân chủ, tổ chức/cơ quan cung cấp dịch vụ và tiến trình giải quyết vấn đề).

Tiến trình công tác xã hội cá nhân là quá trình thể hiện sự tương tác giữa NV CTXH và thân chủ trong việc trợ giúp, giải quyết vấn đề của thân chủ từ khi bắt đầu tiếp nhận ca cho đến khi kết thúc. Trong quá trình này, nhân viên công tác xã hội dựa trên các quan điểm giá trị, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên nghiệp để tham gia vào việc hỗ trợ thân chủ giải quyết các vấn đề và với hỗ trợ đó, thân chủ cũng huy động hết khả năng của mình để giải quyết vấn đề đang gặp phải. Có thể nói tiến trình CTXH cá nhân là một quy trình khép kín từ giai đoạn tiếp nhận thân chủ đến giai đoạn lượng giá và kết thúc hoặc chuyển giao. Các bước này có thể nối tiếp nhau có nghĩa là kết thúc bước này mới đến bước tiếp theo, song cũng có thể đan xen nhau. Và có những bước cần được tiến hành xuyên suốt tiến trình như: thu thập thông tin, chẩn đoán và lượng giá.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, NV CTXH và thân chủ là người LGBTI+ không thể có thời gian làm việc trực tiếp. Điều này đòi hỏi quá trình tiếp nhận, làm việc, hỗ trợ thân chủ phải thực hiện theo hình thức trực tuyến. Thực tế cũng có thể cho thấy nhiều khó khăn trong tiến trình trợ giúp này, bởi làm việc trực tiếp, hiệu quả tác động mạnh mẽ hơn, NV CTXH có thể nhìn nhận, đánh giá, quan sát một cách cụ thể. Để giải quyết khó khăn này, NV CTXH cần phải có sự linh hoạt trong làm việc, vận dụng kỹ năng, kỹ thuật chuyên môn cũng như công nghệ thông tin để tăng cường hiệu quả trợ giúp cho thân chủ.

2.2.2. Công tác xã hội nhóm

Phương pháp công tác xã hội nhóm có khả năng truyền tải thông tin tới nhiều đối tượng; Nâng cao được khả năng tham gia hoạt động của tất cả các thành viên trong nhóm. Một nhóm phù hợp chính là môi trường thuận lợi để người LGBTI+ bộc lộ được suy nghĩ, cảm xúc của mình. Nếu tham gia tốt, hòa nhập tốt trong nhóm, các thành viên rất dễ dàng tham gia hoạt động nhóm một cách tích cực; Tận dụng được sức mạnh của tập thể trong giải quyết vấn đề.

 ISBN: 978-604-73-8639-0

Bên cạnh đó tạo môi trường thuận lợi cho các thành viên được cảm thấy thoải mái, tin tưởng, chia sẻ được câu chuyện của mình. Mô hình nhóm chính là môi trường thuận lợi cho sự tương tác nhóm, trao đổi giữa các thành viên trong nhóm. Có sự tương tác, giao lưu này, thành viên sẽ tự nhận thức và thu nhận về cho mình những kiến thức bổ ích, từ đó tự hình thành và rèn luyện được kỹ năng một cách rất tự nhiên, không có sự ràng buộc hay khó khăn; Cung cấp các thông tin hữu ích cho thành viên khi họ có dự định công khai xu hướng tính dục.

Công tác xã hội nhóm còn có thể thực hiện với nhóm cha mẹ của người LGBTI+. Thành công của mô hình PFLAG[8] chính là điển hình của một mô hình nhóm tuyệt vời. PFLAG là cầu nối giữa các bậc phụ huynh, các gia đình có con là người đồng tính, song tính và chuyển giới; Thể hiện được tinh thần ủng hộ cộng đồng LGBT của Việt Nam; Lan tỏa thông điệp yêu thương, tuyên truyền về kiến thức về LGBT cho cộng đồng xã hội; Xây dựng được thêm một mô hình, nhóm cụ thể hoạt động vì quyền của LGBT thành công. Với sự ra đời của PFLAG, tiếng nói của phụ huynh và người thân người trong cộng đồng LGBT sẽ góp phần làm giảm sự kỳ thị, chống phân biệt đối xử, và vận động quyền bình đẳng của người LGBT và gia đình. Trong giai đoạn 2015-2018, PFLAG ngoài các hoạt động xã hội giúp chia sẻ với người thân của người trong cộng đồng LGBT, tổ chức PFLAG đã liên minh với các đối tác cùng tham gia đối thoại với chính phủ và quốc hội để xây dựng luật và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng LGBT.

Thông qua tiến trình công tác xã hội nhóm nói trên, có thể thấy được khả năng ứng dụng phương pháp này trợ giúp người LGBTI+ trong quá trình công khai là vô cùng lớn. Ngoài việc thành lập nhóm có thành viên là người LGBTI+ có dự định công khai thì còn có thể tập hợp các thành viên là người thân, gia đình của người LGBTI+ để hỗ trợ. Việc ứng dụng công tác xã hội nhóm cần có sự kế thừa và thực hiện đồng thời với phương pháp công tác xã hội cá nhân để có kết quả cao nhất.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, NV CTXH và thân chủ là người LGBTI+ không thể tổ chức nhóm trực tiếp. Vì thế, việc tận dụng các phần mềm trực tuyến để tiến trình can thiệp, hỗ trợ là phương án hiệu quả nhất. Nếu CTXH cá nhân khi sử dụng hình thức này gặp nhiều khó khăn thì CTXH nhóm cũng sẽ gặp các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, với hình thức này đôi lúc lại là ưu điểm bởi các thành viên tham gia có thể tắt camera để thoải mái trò chuyện, bộc lộ,… Nhân viên công tác xã hội vừa có thể cố gắng khắc phục các nhược điểm nhưng đồng thời phải tận dụng ưu thế của hình thức sinh hoạt nhóm trực tuyến để khai thác, tương tác và hỗ trợ nhóm thân chủ.

KẾT LUẬN

Đại dịch đã làm gia tăng sự bất bình đẳng hiện có trong xã hội và cộng đồng LGBTI+ cũng không ngoại lệ (Burris, S. và cộng sự, 2020). Những khó khăn của cộng đồng LGBTI+ trong tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện hữu trên mọi lĩnh vực của đời sống từ quá trình công khai, áp lực tâm lý, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, mất việc làm, tình cảm gia đình,…

Quá trình công khai không còn chỉ là sự chủ động, kết quả của một thời gian người LGBTI+ chuẩn bị về tâm lý, kiến thức, kỹ năng. Giờ đây, họ hoàn toàn có thể chịu nhiều áp lực hơn thế khi bắt buộc hoặc vô tình công khai xu hướng tính dục của mình với những người xung quanh. Hơn lúc nào hết, cộng đồng LGBTI+ cần có những sự hỗ trợ để đảm bảo quyền

[8] Parents, Families, and Friends of Lesbians and Gays (Cha mẹ, người thân và bạn bè của người đồng tính)

lợi của mình và không phải chịu áp lực hay bất kỳ tổn thương nào vì công khai bản thân với xã hội.

Nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cần thể hiện vai trò tham vấn/ tư vấn tâm lý, biện hộ, kết nối nguồn lực để hỗ trợ cộng đồng LGBTI+ trong quá trình công khai. Đồng thời, việc vận dụng được phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm một cách chuyên sâu, có định hướng để hỗ trợ cho người LGBTI+ công khai trong tình hình hiện nay là một trong những giải pháp quan trọng. Hy vọng rằng cộng đồng LGBTI+ với sự giúp đỡ của nhân viên công tác xã hội có thể tự chủ động vươn lên, vượt qua khó khăn trong đại dịch Covid-19 để công khai thành công với gia đình và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lê Hoài Anh (chủ biên). (2019). *Công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới*. NXB Khoa học Xã hội.
2. Vũ Thành Long, Đặng Thùy Dương, Lương Thế Huy, Vương Khả Phong. (2020). *Báo cáo nghiên cứu Tác động của COVID-19 đến cuộc sống và nhu cầu của người LGBTI+*. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE).
3. Trần Khắc Tùng. (2015). *Khảo sát sơ bộ tình hình cộng đồng người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT)*. Trung tâm ICS- Tổ chức Bảo vệ và Thúc đẩy quyền của người LGBT tại Việt Nam.
4. Burris, S., de Guia, S., Gable, L., Levin, D.E., Parmet, W.E., Terry, N.P. (Eds.) (2020). Assessing Legal Responses to COVID-19. Boston: *Public Health Law Watch. U of Colorado Law Legal Studies Research Paper No. 20-47*.
5. Choi SK, Wilson BDM, Shelton J, Gates GJ. (2020). *Serving Our Youth: The Needs and Experiences of Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender, and Questioning Youth Experiencing Homelessness*. UCLA School of Law, Williams Institute; 2015. Accessed June 3, 2020. https://truecolorsunited.org/wp-content/uploads/2015/05/Serving-Our-Youth-June-2015.pdf.
6. John P. Salerno, Jackson Devadas, M Pease, Bryanna Nketia and Jessica N. Fish. (2020). Sexual and Gender Minority Stress Amid the COVID-19 Pandemic: Implications for LGBTQ Young Persons' Mental Health and Well-Being, *Public Health Reports*, Vol. 135(6) 721-727.
7. Newcomb ME, LaSala MC, Bouris A, et al. (2019). The influence of families on LGBTQ youth health: a call to action for innovation in research and intervention development. *LGBT Health*. 6(4):139-145. doi:10.1089/lgbt.2018.0157
8. Suzanne B. Goldberg. (2020). *Covid-19 and LGBT Rights, Law in the time of Covid-19*, Katharina Pistor, Ed., Columbia Law School, 2020 (2020). Available at: https://scholarship.law.columbia.edu/faculty_scholarship/2687.

VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH Ở CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC VẬN DỤNG CHO NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TRANSGENDER MATTER IN SOME COUNTRIES IN THE WORLD AND EXPERIENCE FOR SOCIAL WORKERS IN VIETNAM

Nguyễn Thị Quốc Minh*

TÓM TẮT

Chuyển đổi giới tính hay gọi tắt là chuyển giới là một vấn đề mang tính nhân văn, tính thời sự nhưng cũng đầy phức tạp, có nhiều luồng ý kiến trái chiều bởi nói liên quan đến quan niệm xã hội, tâm lý nhận định và đặc biệt quyền nhân thân của con người. Tuy khó để khảo sát hoặc ước lượng chính xác số người chuyển giới trong xã hội nhưng có một thực tế là người chuyển giới có mặt ở mọi hoàn cảnh xã hội, giai đoạn lịch sử xã hội và mọi nền văn hóa. Nói như thế có nghĩa là người chuyển giới là một phần tất yếu hiện hiện trong xã hội. Cộng đồng quốc tế và Việt Nam đã và đang rất quan tâm đến quyền chuyển giới. Bài viết này nêu khái quát về vấn đề chuyển đổi giới tính trên thế giới, ở Việt Nam và bài học vận dụng cho nhân viên công tác xã hội (CTXH) ở Việt Nam. Trong bài viết này chúng tôi chủ yếu vận dụng phương pháp định lượng và định tính, bên cạnh đó chúng tôi có vận dụng phương pháp tổng hợp - phân tích và phát triển các tài liệu có liên quan.

Từ khóa: *người chuyển giới, quyền chuyển đổi giới tính, quyền nhân thân, giải phẫu thẩm mỹ, nhân viên công tác xã hội*

ABSTRACT

Changes of gender, or transgender, is an issue of science but of common interest, but it is actually a complex matter as it has existed in mixed opinions under the angle of social conception, psychology of matter approach, especially of the moral rights of people. Althought it is difficult to survey or accurately estimate the number of transgender people in society, it is a fact that transgender people are present in all social situations, social history periods and all cultures. That said, transgender people are an inevitable part of society. The world community and Vietnam has been concerned about transgendered individuals and their transgender rights. This article provides an overview of transgender matter in the world, in Vietnam and lessons learned for social workers (SW) in Vietnam. In the article, quantitative and qualitative methods in addition to synthesizing and analyzing relevant documents are applied for comparison, contrast and withdrawal of fundamental issues.

Keywords: *transgendered person, right of transgender, personal right, plastic surgery, social work*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như chúng ta đã biết, chuyển giới (Transgender) là một khái niệm rất rộng, nó chỉ "hiện tượng mà một con người hay động vật thay đổi giới tính. Nó xảy ra một cách tự nhiên ở một số loài" [1].

Một khái niệm khác khá đầy đủ hơn, được nhiều người biết đến hơn là "Người chuyển giới hay còn gọi là hoán tính, là trạng thái một người nhận thức bản thân thuộc về một giới tính mà giới tính đó không đồng nhất với đặc điểm giới tính của cơ thể sinh ra. Cảm nhận này không phụ thuộc vào việc người đó đã qua phẫu thuật thẩm mỹ hay chưa" [2].

* Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Email: quocminh1212@hcmussh.edu.vn

Chẳng hạn, một người sinh ra với giới tính sinh học là nữ (có bộ phận sinh dục nữ) nhưng họ luôn nghĩ họ là nam, họ cho rằng họ là nam, họ muốn, họ khát khao được khẳng định, thừa nhận họ là nam. Và ngược lại.

Khái niệm này nhấn mạnh đến cảm nhận của bản thân hay nói cách khác là sự tự cảm nhận nội tại cơ thể chứ không liên quan đến việc đã trải qua phẫu thuật thẩm mỹ hay chưa phẫu thuật thẩm mỹ bởi vì sẽ có người có mong muốn và thực hiện giải phẫu thẩm mỹ nhưng cũng sẽ có người không thể phẫu thuật thẩm mỹ để chuyển giới bởi các lý do sức khỏe, sợ dao kéo, sợ dư luận, kinh tế kém, hoặc áp lực/sự ngăn cấm từ gia đình…

Chuyển giới không đồng nhất với đồng tính. Người chuyển giới cũng không hẳn là người có sự bất thường về bộ phận sinh dục. Người có sự bất thường về bộ phận sinh dục được các nhà khoa học gọi là người liên giới tính. Còn trường hợp có người vừa liên giới tính vừa đồng tính hoặc vừa liên giới tính vừa chuyển giới lại là một vấn đề khác. Cũng không nên đồng nhất người chuyển giới với những công việc liên quan tới lĩnh vực giải trí (mặc dù có nhiều người chuyển giới đã tìm kiếm cơ hội việc làm và làm việc trong lĩnh vực giải trí hoặc làm đẹp). Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin phép không trình bày những vấn đề đó.

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp định tính: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu là phỏng vấn sâu. Phương pháp này được sử dụng để bổ sung các kết quả định tính cho các kết quả nghiên cứu định lượng, thông qua đó tìm hiểu thêm về nỗi niềm, tâm sự và các nhu cầu, mong muốn của người chuyển giới. Mẫu phỏng vấn sâu được chúng tôi tiến hành trên 10 cá nhân độc lập (10 cá nhân này là người chuyển giới, họ không quen biết nhau, không sinh hoạt cùng nhóm với nhau). Dữ liệu phỏng vấn sâu được thu thập bằng cách ghi âm cuộc trò chuyện, sau đó được xử lý một cách cẩn thận, bài bản.

- Phương pháp định lượng: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu là khảo sát bằng bảng hỏi. Các biến số nghiên cứu tập trung vào những vấn đề khó khăn mắc phải cũng như tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của người chuyển giới.

Bảng khảo sát được thiết kế trên cơ sở khái niệm về người chuyển giới, đồng thời dựa trên các ý kiến thảo luận của chuyên gia, thu lập dữ liệu định tính trước đó. Các biến số nghiên cứu tập trung vào các thuận lợi và khó khăn của người chuyển giới trong tiến trình hội nhập xã hội và các cú sốc/ khủng hoảng của người chuyển giới. Bảng khảo sát được tiến hành nghiên cứu thử nghiệm (pilot) trên mẫu gọn, được điều chỉnh và chuẩn hoá nhiều lần bởi nhóm nghiên cứu, độ tin cậy (Cronbach's alpha) đạt 7,45 trước khi đưa vào nghiên cứu chính thức.

2.2. Khái quát về người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở một số quốc gia trên thế giới

Trước đây, Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ (APA) xem chuyển giới là một dạng bệnh, cụ thể gọi là "rối loạn nhận dạng giới" đây là một dạng rối loạn tâm thần. Nhưng bằng những khảo sát, những nghiên cứu không ngừng nghỉ cũng như sự nhiệt tâm và cầu thị trong khoa học, các nhà

ISBN: 978-604-73-8639-0

nghiên cứu, nhà khoa học về tâm thần học và giới đã đưa ra những kết quả bác bỏ, phủ nhận vấn đề trên. Peter Ubel đã công bố một bài nghiên cứu trên *Tạp chí Forbes* trong đó có nội dung: "Chúng ta đừng để những quan niệm ấu trĩ, lỗi thời làm ảnh hưởng thô bạo đến sự chăm sóc y tế, đến tâm lý của những người mà bản dạng giới của họ đã nằm ngoài sự kiểm soát của giới tính sinh học" [4]. Chúng tôi hiểu ý của ông Peter Ubel là đừng can thiệp y tế thô bạo (coi người chuyển giới là bệnh tâm thần và điều trị bệnh theo kiểu chuyển đổi trị liệu) và hãy dừng lại việc làm tổn thương thể chất cũng như tinh thần của họ.

Từ năm 2012, APA đã loại chuyển giới ra khỏi danh sách các dạng rối loạn tâm thần. "APA đồng thời kêu gọi cộng đồng hỗ trợ và chấp nhận người chuyển giới để họ có thể tự do thể hiện bản dạng giới và giảm thiểu kỳ thị. Nhiều quốc gia khác cũng hưởng ứng, không còn xem chuyển giới là một dạng rối loạn tâm thần mà xác định là một nhận dạng giới tính tự nhiên của con người. Kết quả là quyền chuyển giới và phẫu thuật chuyển giới đã dần dần được thừa nhận và gỡ bỏ rào cản về mặt pháp lý ở nhiều quốc gia" [3; tr.6].

Khi nói đến người chuyển giới, ngoài vấn đề giải phẫu thẩm mỹ hay không thì có lẽ vấn đề danh tính là một câu chuyện quan trọng. Bởi cái tên gắn với một con người trong suốt cuộc đời của họ. Thông qua tên, tên đệm (chữ lót) để người khác nhận dạng đây là người nam hay người nữ (quan niệm "Trai Văn, gái Thị" - Con trai thì phải lót chữ "Văn", con gái thì phải lót chữ "Thị"). Mặt khác, tên và giới tính khẳng định trong giấy tờ tùy thân là những dấu hiệu cụ thể về mặt xã hội cho thấy mong muốn về sự thừa nhận giới tính của họ.

Hiện nay, có 3 cách cơ bản để thực hiện quyền đổi tên với người chuyển giới:

Một là, đổi tên bằng thủ tục hành chính.

Hai là, đổi tên bằng phán quyết của tòa án.

Ba là, đổi tên bằng thủ tục tuyên bố thực tế.

Trên thực tế, ở Châu Âu, tính đến tháng 4 năm 2015 thì có 38 quốc gia (bao gồm toàn bộ các nước thành viên liên minh châu Âu và các nước ngoài liên minh, trừ Albania, Andora, Armenia, Cyprus, Georgia, Kosovo, Macedonia, Monaco, San Mario và Serbia) cho phép phẫu thuật thay đổi giới tính theo mong muốn và đi kèm là quyền được thừa nhận tên và giới tính mới trên giấy tờ tùy thân. Riêng ở Hà Lan, trước năm 2013, người chuyển giới muốn được thay đổi giấy tờ tùy thân thì bắt buộc phải thực hiện điều trị hooc-môn, phẫu thuật chuyển giới, thay đổi hoàn toàn về thể chất (quy định tại Bộ luật Dân sự Hà Lan năm 1985). Nhưng từ tháng 12 năm 2013 trở đi thì những điều kiện như trên đã bị bãi bỏ. Người chuyển giới chỉ cần có giấy chứng nhận từ các chuyên gia tâm lý là họ có bản dạng giới khác/trái ngược với giới tính sinh học hiện tại và họ hoàn toàn mong muốn được thay đổi. Độ tuổi cho phép chuyển giới cũng dần dần được giảm xuống. Ban đầu, quy định tối thiểu phải 21 tuổi nhưng bây giờ đã giảm xuống còn 16 tuổi. Đó là những sự thay đổi mang tính khoa học và nhân văn.

Tuy nhiên, vẫn còn một số nước có những điều kiện khá khắt khe với người chuyển giới. Chẳng hạn như muốn được công nhận giới tính mới thì bắt buộc phải thực hiện phẫu thuật, phải vô sinh và phải độc thân. Những quy định này được cho là quá "ngặt nghèo" vì vậy cộng đồng những người chuyển giới và những nhân viên trong ngành CTXH vẫn tiếp tục đấu tranh để giảm bớt những quy định trên.

Ở Châu Mỹ, số lượng các quốc gia cho phép, hợp pháp hóa quyền chuyển giới liên tục tăng lên tỉ lệ thuận với số người chuyển giới. Tính thời điểm 2015 đã có 11/53 quốc gia cho phép, hợp pháp hóa quyền chuyển giới. Riêng ở Mỹ, tại 2 thành phố lớn là Washington DC., New York và 45 bang khác đều không đòi hỏi người chuyển giới phải làm phẫu thuật để thay đổi họ tên, giấy tờ tùy thân. Nhưng học yêu cầu phải trải qua điều trị y khoa trong một thời gian nhất định để tránh chuyện đã chuyển đổi rồi lại chuyển đổi lại. Các bang có thể có những quy định khác nhau về điều trị y khoa. Chúng tôi sẽ trình bày nội dung này trong một cơ hội khác.

Ở châu Đại Dương, cả hai nước lớn nhất là Úc và New Zealand đều đã hợp pháp hóa chuyển giới.

Riêng ở Châu Phi, hiện mới chỉ có Nam Phi hợp pháp hóa quyền này (từ năm 2003). Theo pháp luật của Nam Phi, việc chuyển đổi giới tính không bắt buộc phải phẫu thuật.

Ở Châu Á, tính đến tháng 9/2015 châu Á có 10 quốc gia đã hợp thức hóa quyền chuyển đổi giới tính trên giấy tờ. Các quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Philippines,… thừa nhận giới tính mới sau khi phẫu thuật. Trong khi một số nước như Đài Loan, Israel lại không yêu cầu phải phẫu thuật vẫn có thể được thay đổi giới tính trong giấy tờ. Cụ thể, vào năm 2006, chính phủ Hàn Quốc ban hành một văn bản pháp luật quy định những người chuyển giới chỉ có thể thay đổi giới tính trên giấy tờ khi đã trải qua phẫu thuật để có bộ phận sinh dục ngoài phù hợp với giới tính trên giấy tờ. Đến năm 2013, Tòa án tối cao của Hàn Quốc đã phán quyết rằng một người không nhất thiết phải phẫu thuật chuyển giới vẫn có thể thay đổi giới tính trên giấy tờ theo nguyện vọng.

Riêng Nhật Bản thì đến hiện tại pháp luật vẫn quy định như sau: một người muốn được thay đổi giới tính trên giấy tờ khi và chỉ khi đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, người từ 20 tuổi trở lên.

Hai là, không đang trong tình trạng hôn nhân.

Ba là, không có con đang ở độ tuổi chưa thành niên. Hay nói cách khác, con của người muốn chuyển giới phải ở độ tuổi thành niên trở lên.

Bốn là, không có tuyến sinh dục hoặc mất chức năng tuyến sinh dục vĩnh viễn.

Năm là, có cơ quan sinh dục ngoài giống với giới tính mong muốn được thay đổi. Hay nói cách khác là phải phẫu thuật chuyển đổi bộ phận sinh dục ngoài cho phù hợp với giới tính muốn đổi.

Hiện nay, có nhiều ý kiến trái chiều xoay quanh những điều kiện này. Nhưng có một điều không thể phủ nhận được là những điều kiện này sẽ giúp tránh những hỗn loạn trong đời sống xã hội chẳng hạn như nơi tắm công cộng, nhà vệ sinh công cộng, nơi ở có phân biệt nam nữ… và đề cao cân bằng lợi ích xã hội.

2.3. Khái quát về người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vấn đề chuyển đổi giới tính được đề cập tập trung trong Bộ luật Dân sự và một số văn bản hướng dẫn thi hành. Trong Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 36 có ghi "cho phép cá nhân có quyền xác định lại giới tính song chỉ trong trường hợp giới tính bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác". Sau đó được cụ thể hóa ở Điều 4 trong Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định lại giới tính, trong đó nghiêm cấm thực hiện việc chuyển đổi giới tính với những người đã hoàn thiện về giới tính và thực hiện

ISBN: 978-604-73-8639-0

việc xác định lại giới tính khi chưa được phép của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Từ góc độ khoa học chúng ta thấy rằng quy định như trên chưa thật sự phù hợp với các tiêu chuẩn và xu thế chung trên thế giới, đồng thời gây ra các hệ quả như:

- Một số người chuyển giới không được sống đúng với giới tính mà họ mong muốn
- Những người đã đi phẫu thuật chuyển giới ở nước ngoài hoặc phẫu thuật "chui" ở trong nước sẽ không đáp ứng được yêu cầu của Nghị định 88/2008.
- Tình trạng giấy tờ nhân thân không khớp với tình trạng hình thể/hình thức cơ thể của những người đã phẫu thuật không những gây khó khăn, bất tiện cho người chuyển giới mà còn gây khó khăn, phức tạp trong quản lý của các cơ quan quản lý. Chẳng hạn như việc khám xét người và sắp xếp nơi ở trong cơ sở giam giữ để có thể bảo vệ họ khỏi bị xâm hại quyền nhân thân.

Ngày 24/11/2015, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự mới, trong đó bao gồm quy định về việc chuyển đổi giới tính. Cụ thể, điều 37 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan" [5]. Với quy định này, Việt Nam đủ điều kiện trở thành quốc gia thứ 11 tại châu Á hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính.

Nhưng trên thực tế thì vẫn còn nhiều vấn đề vướng mắc, bất cập. Chúng tôi sẽ thể hiện cụ thể và chính xác qua phần khảo sát dưới đây. Do bài viết này được tiến hành trong lúc cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng gặp đại dịch Covid-19 nên chúng tôi không thể trực tiếp phát phiếu khảo sát mà chúng tôi tiến hành khảo sát online. Chúng tôi khảo sát 20 cá nhân là người chuyển giới qua Tiktok và 38 người qua mạng xã hội Facebook. Kết quả thu được như sau:

2.3.1. Nhận thức về đời sống của người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

Bảng 1. Nhận thức về đời sống của người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

STT	Nội dung	Phương án trả lời			
		Có		Không	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Nhu cầu phẫu thuật để chuyển giới	31	53,5%	17	46,5%
2	Sự cần thiết của việc phẫu thuật để chuyển giới	32	54,8%	16	45,2%
3	Đã làm phẫu thuật chuyển giới	27	47%	31	53%
4	Đã tham gia khóa học/tập huấn hay được chuyên gia tư vấn về giới/ chuyển đổi giới tính	22	38%	36	62%
5	Nhu cầu muốn được tham gia các khóa học/tập huấn hay chuyên gia tư vấn về giới/chuyển đổi giới tính	41	71%	17	29%

Kết quả bảng 1 cho thấy, tỉ lệ phần trăm được chiếm cao nhất là "Nhu cầu muốn được tham gia các khóa học/tập huấn hay chuyên gia tư vấn về giới/chuyển đổi giới tính" với số lượng là 41 người (tỉ lệ là 71%) người đồng tính với mong muốn được tham gia các buổi tập huấn của các chuyên gia về giới. Điều này chứng tỏ người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam đang bị hạn chế hiểu biết về giới, cần có những chuyên gia, những nhà chuyên môn tổ chức các buổi tập huấn tại cộng đồng cũng như tập huấn cho các tổ chức xã hội để người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính có hiểu biết sâu hơn các kiến thức cơ bản về giới để họ ứng dụng và thích ứng vào cuộc sống.

Bên cạnh đó, thì nội dung "Sự cần thiết của việc phẫu thuật để chuyển giới" chiếm số lượng là 32 người với tỉ lệ 54,8%. Chứng tỏ số người muốn làm phẫu thuật chuyển giới là khá cao. Tuy nhiên, họ còn ngần ngại bởi những lý do như: chi phí phẫu thuật, tên gọi trong giấy tờ sau khi đã phẫu thuật, những khó khăn trong công việc sau khi đã phẫu thuật, hoặc họ không nhận được sự ủng hộ từ gia đình, người thân,…

Ngoài ra, nội dung chiếm số lượng và tỉ lệ thấp nhất đó là "Đã tham gia khóa học/tập huấn hay được chuyên gia tư vấn về giới/chuyển đổi giới tính" với số lượng là 22 người, chiếm tỉ lệ là 38%. Từ đó cho chúng ta thấy rằng số lượng người chuyển giới được tham gia những khóa học/tập huấn về giới còn rất thấp. Họ chủ yếu tìm hiểu thông tin bằng những con đường rất thiếu khoa học như: truyền tai nhau, báo mạng, trên các trang mạng xã hội… nên việc họ hiểu biết về chính mình và những người trong cộng đồng của mình vẫn còn nhiều hạn chế.

Về vấn đề này chúng tôi thiết nghĩ rất cần những khoa tập huấn, những buổi chia sẻ thông tin từ các chuyên gia, những diễn đàn dành cho người chuyển giới để họ có thể gửi gắm tâm tư tình cảm, những suy nghĩ, những thắc mắc để từ đó họ được định hướng đúng đắn và khoa học hơn.

2.3.2. Khó khăn ở người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

Bảng 2. Khó khăn ở người chuyển giới và việc chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

STT	Nội dung	Phương án trả lời					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không có	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Có gặp khó khăn với cái tên hiện tại trong khai sinh của mình không?	31	53%	14	25%	13	22%
2	Mong muốn thay đổi tên khai sinh hiện tại của mình	48	82%	6	10%	4	8%
3	Bị kỳ thị hoặc quấy rối vì thể hiện giới của mình	34	58%	24	32%	0	0%
4	Gặp khó khăn trong công việc do thể hiện giới của mình	35	61%	12	21%	11	18%
5	Gặp khó khăn trong khi sử dụng dịch vụ y tế do thể hiện giới của mình	26	45%	22	38%	10	17%

Kết quả bảng 2, với câu hỏi "Có gặp khó khăn với cái tên hiện tại trong khai sinh của mình không?" thì có gần 80% người chuyển giới trả lời "thường xuyên" và "thỉnh thoảng" bị gặp khó khăn với tên gọi trong khai sinh.

ISBN: 978-604-73-8639-0

Cũng con số tương đương như vậy trả lời cho câu hỏi "Mong muốn thay đổi tên khai sinh hiện tại của mình".

Có hơn 80% người chuyển giới "thường xuyên" và "thỉnh thoảng" gặp khó khăn trong khi sử dụng dịch vụ y tế do thể hiện giới của mình.

Qua đó chúng ta thấy rằng việc tên gọi để thống nhất với thể hiện giới, bản dạng giới là một điều rất quan trọng, chiếm đa số sự quan tâm của người chuyển giới.

Vậy câu hỏi đặt ra là "Chúng ta có thể làm gì cho người chuyển giới để giúp giảm thiểu được những khó khăn, vướng mắc hoặc sự kỳ thị cho họ?". Trong bối cảnh hiện nay, để giải đáp cho câu hỏi này thì phụ thuộc rất nhiều vào vai trò của các nhân viên CTXH.

3. Những đề xuất vận dụng cho nhân viên công tác xã hội ở Việt Nam

Nhân viên CTXH đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ cho người yếu thế nói chung, người chuyển giới nói riêng vì vậy nắm được đặc điểm tâm sinh lý, tình cảm, nhu cầu của người chuyển giới và các quy định pháp luật có liên quan đến người chuyển giới là một việc làm cần thiết, mang tính chất tiên quyết và bắt buộc đối với nhân viên CTXH.

Như những gì đã phân tích ở trên, chúng tôi thấy rằng nhân viên CTXH tại Việt Nam rất cần hiểu rõ, vận dụng tốt những nội dung sau đây:

Một là, khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người chuyển giới thì đòi hỏi đầu tiên là nhân viên CTXH phải hiểu biết về sự đa dạng tính dục, không có quan niệm độc tôn dị tính và điều quan trọng là phải có nền tảng kiến thức về tâm lý học để nắm bắt được những nhu cầu, mong muốn cũng như những khó khăn đặc thù của thân chủ là người chuyển giới.

Hai là, phải thật tinh tế và khéo léo trong cách sử dụng từ ngữ khi giao tiếp. Tránh những câu nói, những từ ngữ khiến thân chủ thấy tổn thương, thậm chí họ thấy tức giận. Ví dụ như:

Nên	Không nên
Anh/chị A là người chuyển giới, còn anh/chị B là người dị tính.	*Anh/chị A là người chuyển giới, còn anh/chị B là người bình thường.*
Anh/chị nhận ra mình như vậy từ khi nào ạ?	*Anh/chị nhận ra mình bị như vậy từ khi nào ạ?*

Hoặc chúng ta có thể tham khảo bảng sau:

Xử sự hợp lý	Ví dụ	Nguyên lý
Hãy đặt câu hỏi thật lịch sự và tinh tế khi bạn chưa rõ về danh tính yêu thích của thân chủ	*Xin lỗi, bạn muốn tôi gọi tên bạn là gì?* Hoặc: *Tôi tên là Minh, còn bạn tên gì, bạn hãy tự giới thiệu!*	Không thành kiến
Hỏi tên một cách trân trọng	*Có phải trong căn cứ công dân (y bạ/sổ hộ khẩu) đã đề một cái tên khác không?* Tránh hỏi: *Hãy nói tên thật của bạn?* Hoặc: *Tên thật của bạn là gì?*	Xã giao
Nếu bạn lỡ gọi sai/gọi nhầm hãy xin lỗi lịch sự	*Tôi xin lỗi vì vừa gọi sai tên của bạn, đừng buồn nha!*	Trách nhiệm
Ngôn ngữ trung dung nếu lứa tuổi không quá chênh lệch	*Bạn Minh năm nay bao nhiêu tuổi? Hiện tại bạn đang gặp vấn đề gì?*	Đáng tin cậy

	(thay vì phải cân nhắc xem là nên gọi bằng anh Minh hay chị Minh thì mới đúng)	
Chỉ hỏi những thông tin cần thiết, có liên quan tới nghiệp vụ, không lợi dụng công vụ để khai thác đời tư của thân chủ và có ý trục lợi về sau	Hãy đặt bản thân mình vào hoàn cảnh của thân chủ để cảm thông, yêu thương và hoàn thành tốt công việc của một nhân viên CTXH	Tôn trọng thân chủ Tự trọng bản thân.

Ba là, nhân viên CTXH tuyệt đối không sử dụng, truyền tuyên biện pháp trị liệu chuyển đổi cho người chuyển giới (vì người chuyển giới không phải là một dạng bệnh liên quan tới thần kinh). Thay vì cố gắng dùng những biện pháp cưỡng bức với mong muốn "biến" thân chủ là người chuyển giới thành người dị tính thì các nhân viên CTXH hãy cung cấp cho thân chủ đầy đủ kiến thức khoa học về giới, pháp luật, tâm lý,… để thân chủ tự tin với bản dạng giới của họ. Khuyến khích học có những hành động thiết thực, có ý nghĩa cho bản thân, gia đình và cao hơn nữa là cho cộng đồng thay vì những tranh cãi không hồi kết về vấn đề giới, chuyển giới. Từ đó sẽ giúp cộng đồng dị tính dần dần cảm thông hơn, thay đổi quan niệm "độc tôn dị tính", dần xóa bỏ sự kỳ thị, xa lánh người chuyển giới… giúp người chuyển giới dễ dàng hòa nhập hơn, tránh những tổn thương không đáng có cũng như những chuyện "làm lố" vì thiếu hiểu biết.

Bốn là, điều quan trọng nhất và có ý nghĩa lớn nhất có lẽ vẫn là việc nhân viên CTXH phải không ngừng vận động hành lang pháp lý để hoàn thiện luật chuyển giới cho người trong giới trong đó phải nêu cao nội dung sau:

- Tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo quyền con người của những người chuyển giới.
- Tách biệt các quy trình pháp lý và quy trình y tế để công nhận về mặt pháp lý đối với những người chuyển giới, và sử dụng cách tiếp cận hiện đại, nhân văn trong vấn đề công nhận giới tính pháp lý của người chuyển giới.
- Cho phép phẫu thuật chuyển giới tại Việt Nam (ở những bệnh viện có đủ điều kiện về nhân lực, vật lực, trình độ tay nghề) để tạo điều kiện thuận lợi và giảm nhẹ chi phí cho người chuyển giới.

4. Kết luận

Trong xu hướng tiến bộ chung, ngày càng nhiều quốc gia trên thế giới công nhận người chuyển giới và quyền lợi cũng như trách nhiệm của họ. Các nghiên cứu quốc tế đưa ra tỉ lệ chung của người chuyển giới là 1-2% dân số. Tuy khó để khảo sát hoặc ước lượng chính xác số người chuyển giới trong xã hội nhưng có một thực tế là người chuyển giới có mặt ở mọi hoàn cảnh xã hội, giai đoạn lịch sử xã hội và mọi nền văn hóa, trong đó Việt Nam cũng không ngoại lệ. Nói như thế có nghĩa là người chuyển giới là một phần tất yếu hiện hiển trong xã hội. Họ cũng như bao nhiêu người thuộc các giới tính khác, hoàn toàn có quyền lợi và nghĩa vụ trong xã hội. Vì vậy cho nên hạn chế và dần đi đến chấm dứt việc kỳ thị người chuyển giới là một chuyện nên làm, mang tính khoa học và nhân văn. Trong công cuộc này thì vai trò của nhân viên CTXH có một vị trí rất lớn và ý nghĩa rất quan trọng. Những nội dung chúng tôi tổng quát ở trên tuy không phải mới mẻ hoàn toàn hay quá to tát nhưng nó vẫn có một giá trị khoa học, giá trị thực tiễn và khả năng vận dụng cao. Chúng tôi hy vọng quý vị độc giả là những nhân viên ngành CTXH sẽ tìm thấy tiếng nói chung, sự đồng cảm và được tăng thêm những năng lượng tích cực từ nội dung bài viết của này!

 ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thomas Hammarberg, Council of Europe Commissioner for Human Rights (2009), *Human rights and gender identity*, Issue Paper, Strasbourg.
2. Gay and Lesbian Alliance Against Defamation (2010). *"GLAAD Media Reference Guide - Transgender glossary of term", "GLAAD"*, USA.
3. Nhiều tác giả (2018). *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về pháp luật chuyển đổi giới tính và bài học cho Việt Nam"*. NXB Tri thức.
4. Peter Ubel (4/10/2012), *Is Sex Reassignment Surgery a basic human right?* Forbes, Truy cập tại: https://www.forbes.com/sites/peterubel/2012/10/04/is-sex-reassignment-surgery-a-basic-human-right/?sh=412271a82491
5. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự 2015* (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017). NXB Hồng Đức.
6. Phạm Quỳnh Phương, Lê Quang Bình, Mai Thanh Tú (2012). *Khát vọng được là chính mình: Người chuyển giới ở Việt Nam - những vấn đề thực tiễn và pháp lý*, iSEE, Hà Nội.

KHẢO SÁT TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CUNG CẤP CHO NGƯỜI LGBT CỦA CÁC NHÀ THAM VẤN TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, KHÓ KHĂN, VÀ KHUYẾN NGHỊ

EXAMINING SEXUAL ORIENTATION COUNSELOR COMPETENCY AMONG MENTAL HEALTH SERVICE PROVIDERS IN VIETNAM: IDENTIFYING CURRENT CHALLENGES AND RECOMMENDATIONS

***Trịnh Đình Minh Việt*[*], *Nguyễn Cao Minh*[**]**
***Vương Khả Phong*[***], *Đặng Thuỳ Dương*[****]**

TÓM TẮT

Việc thực hiện đánh giá cung cấp dịch vụ tâm lý phù hợp dành cho người LGBT tại các nước Châu Á trong đó có Việt Nam còn khá hạn chế. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang đo Sexual Orientation Counselor Competency Scale (SOCCS) để khảo sát độ tự tin về năng lực cung cấp dịch vụ phù hợp cho người LGBT ở các nhà tham vấn đang làm việc tại nhiều tỉnh, thành phố trong nước. Kết quả cho thấy các nhà tham vấn (NTV) tại Việt Nam tự đánh giá thái độ làm việc với thân chủ LGBT cao nhất, sau đó tới kiến thức, và thấp nhất là kỹ năng. Khi so sánh thực trạng năng lực của các NTV trong nước với thực trạng tại Mỹ, chúng tôi ghi nhận các NTV trong nước tự đánh giá mức độ về thái độ và kỹ năng thấp nhưng lại tự tin về kiến thức về người LGBT hơn quy chuẩn nước ngoài. Chúng tôi cũng tìm thấy khác biệt có ý nghĩa thống kê với năng lực cung cấp dịch vụ giữa các nhóm độ tuổi. Bên cạnh đó, các NTV tại VN cho thấy nhiều rào cản để cung cố và nhiều mong muốn được nâng cao năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ tâm lý dành cho người LGBT trong nước.

Từ khoá: *Việt Nam, LGBT, dịch vụ tham vấn, đánh giá, thái độ, kỹ năng, kiến thức.*

ABSTRACT

Assessing mental health care workers' readiness in providing appropriate services to LGBQ clients is limited in Asian countries including Vietnam. In this study, we utilized the Sexual Orientation Counselor Competency Scale (SOCCS) to measure this readiness among mental health service providers in many cities and provinces in Vietnam. Results indicate that participants reported highest scores in awareness then knowledge and lowest scores in skills. When compared with counselors from the U.S., service providers in Vietnam reported significantly lower competencies in awareness and skills but higher competency in knowledge. Also, we found significant results for the age difference in respect to sexual orientation counselor competency. Reflecting upon their competencies, participants identified specific challenges to improvement. And they highlighted the needs for particular training opportunities in order to address professional gaps. We suggest that a collaboration between LGBTQ+-focused community organizations and education programs in psychology can accommodate such demands in competency training.

Keywords: *LGBQ, sexual orientation counselor competency, Vietnam, mental health service providers*

[*] Doanh nghiệp Xã hội Hải Đăng. Email: masonvtrinh@gmail.com
[**] TS, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN. Email: caominhnguyen.vnu@gmail.com
[***] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường. Email: vkphong@isee.org.vn
[****] Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường. Email: dtduong@isee.org.vn

 ISBN: 978-604-73-8639-0

1. MỞ ĐẦU

Vấn đề về sức khoẻ tâm thần ở các nước có kinh tế thấp đang dần thu hút nhiều sự quan tâm. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỉ lệ chẩn đoán triệu chứng trầm cảm và lo âu trong 12 tháng ở các nước đang phát triển là 20% (Steel et al., 2014). Việt Nam cũng không nằm ngoại lệ. Ở người lớn, mức độ phổ biến của hai rối loạn phổ biến trên giao động từ 5% (đo bởi các công cụ chẩn đoán) (Vuong et al., 2011; Steel et al., 2009) tới xấp xỉ 20% (đo bởi các công cụ sàng lọc) (Richardson et al., 2010; Amstadter et al., 2009). Song, mức độ và chất lượng dịch vụ tại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần cho những vấn đề tâm lý này (Vuong et al., 2011).

Trong bối cảnh chung như vậy, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần của cộng đồng LGBT rất đáng được chú ý. Cộng đồng này là một trong những nhóm bị lề hóa nặng nề trong xã hội Việt Nam, chịu nhiều định kiến và kỳ thị. Điều này sẽ làm gia tăng tỉ lệ mắc các vấn đề sức khỏe tâm thần ở nhóm này. Chưa có các nghiên cứu ở Việt Nam, nhưng số liệu trên thế giới chỉ ra rằng cộng đồng LGBT (v.d., đồng tính, song tính, chuyển giới,...) có tỉ lệ mắc hai rối loạn nêu trên cao hơn rất nhiều so với những người dị tính (Ross et al., 2018; Müller & Daskilewicz, 2018). Như vậy, có thể dự đoán rằng tỉ lệ mắc các vấn đề sức khỏe tâm thần ở cộng đồng LGBT tại Việt Nam cao hơn dân số chung. Điều đó khẳng định việc tính cấp thiết của nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần của cộng đồng LGBT.

Một trong các cách đáp ứng nhu cầu này là nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ can thiệp sức khỏe tâm thần. Đối với một cộng đồng thiểu số (bị lề hóa), các phương pháp chăm sóc can thiệp dành cho cộng đồng chung không nên được áp dụng cứng nhắc mà cần phải thích nghi "văn hóa" để phù hợp hơn với cộng đồng LGBT. Theo Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA) (2012), các nhà tham vấn tâm lý cần tham khảo 21 hướng dẫn thuộc 5 chùm chủ đề bao gồm nghiên cứu, giáo dục và đào tạo, các vấn đề kinh tế và công việc, vấn đề về sự đa dạng, các mối quan hệ và gia đình, và thái độ về tính dục đồng tính và song tính. Cụ thể hơn, các hướng dẫn thuộc các chủ đề như các vấn đề kinh tế và công việc, vấn đề về sự đa dạng hay các mối quan hệ và gia đình chú trọng vào yêu cầu: các nhà tham vấn cần nắm vững những kiến thức, hiểu biết về những vấn đề xã hội ảnh hưởng trực tiếp tới người LGBT. Thêm vào đó, các hướng dẫn thuộc chủ đề thái độ về tính dục đồng tính và song tính tập trung vào yêu cầu: các nhà tham vấn cần ý thức được thái độ của bản thân về người LGBT và có một thái độ không phán xét, và kì thị họ. Còn những hướng dẫn thuộc các chủ đề như nghiên cứu hay giáo dục hay đào tạo yêu cầu: các nhà tham vấn cần trau dồi nhiều kỹ năng thực hành tham vấn và trị liệu có hiệu quả và thực chứng để cung cấp dịch vụ phù hợp dành cho người LGBT. Như vậy, để đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của người LGBT, các chuyên gia trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần cần phải quan tâm tới ba yếu tố chính: thái độ; kiến thức; kỹ năng đề phù hợp với cộng đồng LGBT.

Để có thể nâng cao hiệu quả can thiệp sức khỏe tâm thần cho cộng đồng LGBT, chúng ta cần phải biết các chuyên gia chăm sóc sức khỏe tâm thần đang tiếp cận thế nào với cộng đồng này. Tuy nhiên, đây là một mảng trống trong hiểu biết của chúng ta về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng LGBT. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành một nghiên cứu về "tự đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ tham vấn cho cộng đồng LGBT" ở Việt Nam.

Nghiên cứu này sử dụng thang đo Sexual Orientation Counselor Competency Scale (SOCCS) (Bidell, 2005). Thang đo tự đánh giá này được sử dụng phổ biến trong nhiều nghiên cứu (Hall, McDougald, & Kresica, 2013; Bidell, 2014; Simons, Brian, & Bahr, 2017; Ali,

Lambie, & Bloom, 2017). Tuy nhiên, việc đánh giá này còn chưa được phổ biến ở các nước châu Á. Cụ thể là mới chỉ có một nghiên cứu tại Trung Quốc (Liu, Chui, & Chung, 2021). Song, việc sử dụng SOCCS để lượng giá mức độ tự tin của các nhà tham vấn về năng lực và chất lượng tham vấn cho các thân chủ thuộc cộng đồng LGBT đem lại rất nhiều dữ liệu có ý nghĩa quan trọng để chúng ta có thể hiểu hơn về mức độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tinh thần từ phía người cung cấp. Nghiên cứu của Farmer, Welfare, và Burge (2013) có sử dụng SOCCS và cho thấy các nhà tham vấn học đường tự đánh giá năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT thấp hơn nhiều so với các nhà tham vấn cộng đồng, học viên cao học tham vấn, và giảng viên tham vấn. Thêm vào đó, nghiên cứu của Pereira và cộng sự (2019) cũng có sử dụng SOCCS và chỉ ra rằng mức độ tự đánh giá cao hơn đi kèm với trình độ học vấn và tập huấn về vấn đề của người LGBT cao hơn, có tư tưởng xã hội cởi mở hơn, tự nhận mình là LGBT, và không theo tôn giáo nào. Không những việc sử dụng SOCCS cho phép chúng ta hiểu thêm về các đặc điểm xã hội ảnh hưởng mà còn giúp khái quát hoá thực trạng tự đánh giá mức độ năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT trên thế giới. Nhiều nghiên cứu dù khác nhau về đặc điểm địa lý đều cho thấy các nhà tham vấn thường tự đánh giá thái độ ở mức cao nhất rồi tới kiến thức và thấp nhất là kỹ năng (Bidell, 2005; Graham, Carney, & Kluck, 2012; Farmer, Welfare, & Burge, 2013). Những thông tin trên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng SOCCS để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của người LGBT của các nhà tham vấn dưới góc độ của sự tự đánh giá về năng lực và chất lượng dịch vụ cho nhóm cộng đồng này. Nghiên cứu này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về thực trạng tự đánh giá mức độ năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT của các nhà tham vấn trong nước so với ngoài nước và cho phép chúng ta có cái nhìn đa chiều hơn về những khó khăn họ gặp phải và các nhu cầu tập huấn nâng cao chuyên môn liên quan.

2. NỘI DUNG

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trong khảo sát này, chúng tôi sẽ sử dụng SOCCS để đánh giá nhận định của các nhà tham vấn trong nước về mức độ năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT của họ và so sánh chỉ số đánh giá trong nước với ngoài nước. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ nhận diện cụ thể những trải nghiệm và khó khăn mà các nhà tham vấn gặp phải khi cung cấp dịch vụ LGBT. Thêm vào đó, chúng tôi cũng sẽ bàn luận về các giải pháp thực tiễn có thể đáp ứng các nhu cầu tập huấn nâng cao năng lực của các nhà tham vấn để hỗ trợ họ đáp ứng phù hợp nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của cộng đồng LGBT tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là nhà tham vấn tâm lý đang làm việc tại Việt Nam và trên 18 tuổi.

Mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện. Có tổng tất cả 77 khách thể điền khảo sát, trong đó có phản hồi của 8 khách thể không được tính vào khâu phân tích dữ liệu bởi mức độ hoàn thành khảo sát thấp. Vậy nên mẫu nghiên cứu cuối bao gồm 69 khách thể. Gần 50% nhóm mẫu thuộc độ tuổi từ 25-34. Hơn 70% là nữ. Hơn 70% không theo tôn giáo nào. Số đông sinh sống và làm việc ở hai thành phố lớn tại Việt Nam với 42% từ Hà Nội và 39% từ Thành phố Hồ Chí Minh. Phần lớn có trình độ học vấn cao với 45% đã tốt nghiệp Đại học và 41% đã tốt nghiệp Thạc sĩ. Phần lớn mới

ISBN: 978-604-73-8639-0

nhận được bằng cấp cao nhất khá gần đây, với hơn 30% nhận vào năm 2020 và số đông còn lại nhận vào khoảng 5 năm trở lại. Phần lớn đã theo học các ngành liên quan tới Tâm lý học, tuy nhiên có một số ít theo học các ngành không liên quan như Xã hội học, Sư phạm, Quốc tế học, hay Quản trị Logistics. Mức độ chênh lệch về số năm kinh nghiệm thực hành tham vấn tâm lý trong nhóm mẫu khá lớn, trong đó phần lớn (gần 16%) thuộc nhóm đã có ít nhất 1 năm kinh nghiệm.

Để đánh giá mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT, chúng tôi thích ứng thang đo SOCCS (bản gốc gồm 29 items) (Bidell, 2005) thành một phiên bản rút gọn với 20 items. Chúng tôi không đưa 9 items ở bản gốc vào bản thích ứng bởi vì chúng tôi không cho rằng chúng phù hợp với bối cảnh dịch vụ tham vấn tâm lý tại Việt Nam. Thang phụ Nhận thức, bao gồm 8 items chấm điểm ngược (bản gốc gồm 10 items chấm điểm ngược) đánh giá mức độ tự nhận thức của nhà tham vấn về thái độ phán xét và kỳ thị người LGBTQ+ của họ. Một item mẫu là "Tôi tin rằng các cặp đôi LGBTI+ không nên kết hôn bởi vì điều đó sẽ hủy hoại những giá trị và truyền thống gia đình". Thang phụ Kỹ năng, bao gồm 7 items (bản gốc gồm 10 items), đánh giá kỹ năng thực hành tham vấn tâm lý mang tính khẳng định, ủng hộ, và chấp nhận dành cho người LGBTQ+. Một item mẫu là "Tôi đã thực hành mô phỏng, nhập vai tham vấn tâm lý về các vấn đề LGBTI+, cả ở trong vai trò thân chủ và nhà tham vấn". Thang phụ Kiến thức, bao gồm 5 items (bản gốc gồm 6 items), đánh giá mức độ kiến thức mà nhà tham vấn có về những vấn đề tâm lý xã hội của người LGBTQ+. Một item mẫu là "Những vấn đề y tế/tâm lý/xã hội ở những người trong cộng đồng LGBTI+ là rất khác nhau, mỗi nhóm có một đặc thù". Khách thể trong nghiên cứu này sử dụng thang Likert 5 điểm từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) tới 5 (Hoàn toàn đồng ý), thay vì thang Likert 7 điểm của bản gốc. Điểm toàn thang và các thang phụ được tính bằng cách lấy giá trị trung bình cộng của các items toàn thang và của từng thang; điểm cao hơn đồng nghĩa với mức độ sẵn sàng cao hơn hoặc mức độ tự đánh giá về năng lực thành phần. Hệ số Cronbach's Alpha của toàn thang thích ứng là .697 và của các thang phụ Nhận thức, Kỹ năng, và Kiến thức lần lượt là .735, .858, và .518. Tuy tổng thể thang và hai thang phụ Nhận thức và Kỹ năng có sự nhất quán giữa các items khá cao, thang phụ Kiến thức chưa đạt được chỉ tiêu này.

Chúng tôi sử dụng bốn câu hỏi để đánh giá trải nghiệm cung cấp dịch vụ cho người LGBT của các NTV. Trong đó, ba câu hỏi trắc nghiệm hỏi về chủ đề họ mà thường tham vấn cho thân chủ LGBT, rào cản mà họ gặp phải khi tham vấn cho thân chủ LGBT, và mức độ sẵn sàng tham gia các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng tham vấn cho người LGBT và một câu hỏi tự luận giúp các NTV chia sẻ băn khoăn và trải nghiệm làm việc với người LGBT.

Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để phân tích thống kê mô tả (tần suất, điểm trung bình, độ lệch chuẩn hoá, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất) và phân tích thống kê suy luận (phân tích phương sai một yếu tố và độ tin cậy của thang đo).

2.3. Kết quả

2.3.1. Thực trạng mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ của các NTV trong nước

Kết quả phân tích thống kê mô tả được trình bày ở Bảng 1. Khách thể tự đánh giá mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT của họ ở mức trên trung bình (M=3.63/5). Họ tự đánh giá nhận thức ở mức cao nhất (M=4.18) và kỹ năng ở mức thấp nhất (M=3.19) trong ba mảng thành phần.

Bảng 1. Thống kê mô tả thực trạng mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ của các NTV trong nước

			Khoảng	
Biến số	**M**	**SD**	**Thấp nhất**	**Cao nhất**
Mức độ sẵn sàng (ĐTB SOCCS)	3.631	.4238	2.8	4.6
Thái độ	4.1821	.54020	2.38	5.00
Kỹ năng	3.1863	.88346	1.14	5.00
Kiến thức	3.3729	.63270	1.60	4.60

Ghi chú. N= 69

2.3.2. So sánh mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ của các NTV trong nước và ngoài nước

Chúng tôi đã thực hiện quy đổi điểm trung bình và điểm lệch chuẩn của nhóm mẫu toàn thang SOCCS và các thang phụ theo thang Likert 5 điểm sang giá trị tương đương với các nghiên cứu của nước ngoài theo thang Likert 7 điểm. Các giá trị gốc có giá trị 1 sẽ thành 1, 2 thành 2.5, 3 thành 4, 4 thành 5.5, và 5 thành 7. Sau khi quy đổi, chúng tôi ghi nhận mức độ sẵn sàng của các NTV trong nước (M= 4.95) cao hơn so các NTV ngoài nước (M= 4.64). Trong đó, tuy các NTV trong nước tự đánh giá thái độ và kỹ năng (M= 5.77 và 4.56, lần lượt) thấp hơn các NTV ngoài nước (M= 6.49 và 4.66, lần lượt), họ lại tự đánh giá kiến thức của bản thân (M= 4.28) cao hơn rất nhiều so với các NTV ngoài nước (M = 2.94). Các số liệu chi tiết được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê so sánh mức độ sẵn sàng của các NTV trong nước và ngoài nước

M (SD)*	**Trong nước (chưa quy đổi)**	**Trong nước (đã quy đổi)**	**Ngoài nước+**
Mức độ sẵn sàng	3.63 (.42)	4.95 (.64)	4.64 (.89)
Thái độ	4.18 (.54)	5.77 (.81)	6.49 (.79)
Kỹ năng	3.37 (.63)	4.56 (.95)	4.66 (1.05)
Kiến thức	3.18 (.88)	4.28 (1.33)	2.94 (1.53)

Ghi chú. N= 69

** M (SD): Điểm trung bình (Điểm lệch chuẩn)*

+ Điểm trung bình (Điểm lệch chuẩn) theo nghiên cứu của Bidell (2005)

2.3.3. Khác biệt về mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT và đặc điểm xã hội

Khi sử dụng phương pháp phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA), chúng tôi không tìm thấy khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT dù các khách thể khác nhau về giới tính, trình độ học vấn, tôn giáo, đã từng tham vấn cho người LGBT hay chưa, hay nơi sinh sống và làm việc.

Chúng tôi phân loại khách thể vào 3 nhóm dựa theo số năm kinh nghiệm tham vấn trong đó có nhóm 0-2 năm (N=19), nhóm 3-5 năm (N=17), và nhóm 6-20 năm (N=16). ĐTB SOCCS của nhóm 0-2 năm, 3-5 năm, và 6-20 năm lần lượt là 3.5, 3.66 và 3.82. Tuy nhiên, khi sử dụng

 ISBN: 978-604-73-8639-0

phương pháp phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA), kết quả không có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa ba nhóm phân loại số năm kinh nghiệm dựa trên mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT, $F(51)= 2.64$, $p= .081$. Vì giá trị ý nghĩa thống kê ở đây ($p= .081$) khá gần với mức giá trị ý nghĩa thống kê chuẩn ($p<.05$), nên có thể sự khác biệt giữa ba nhóm phân loại số năm kinh nghiệm dựa trên mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT vẫn đáng cân nhắc ở khía cạnh nào đó.

Nghiên cứu ghi nhận ba nhóm tuổi chính bao gồm nhóm 18-24 tuổi (N=10), nhóm 25-34 tuổi (N=27), và nhóm 35-44 tuổi (N=15). ĐTB SOCCS của các nhóm tuổi 18-24, 25-34, và 35-44 lần lượt là 3.36, 3.78, và 3.68. Để thực hành phương pháp phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA), chúng tôi đã không cân nhắc nhóm tuổi 45-54 tuổi (N=1) vì số lượng người thấp và một trường hợp không cung cấp thông tin về tuổi. Sau khi sử dụng phương pháp này, kết quả cho thấy có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê giữa ba nhóm tuổi dựa trên mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ cho người LGBT, $F(64)= 6.46$, $p = .003$. Hơn nữa, sau khi thực hiện phân tích post-hoc, ĐTB SOCCS của nhóm 18-24 khác rõ rệt so với nhóm 25-34 và nhóm 35-44, $p = .001$ và .023, lần lượt. Trong đó, điểm của nhóm 25-34 và nhóm 35-44 lại không có sự khác biệt, $p= .42$. Vậy kết luận rằng nhóm tuổi 18-24 tự đánh giá về mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ tham vấn dành cho người LGBT thấp nhất trong tất cả các nhóm tuổi.

2.3.4. Trải nghiệm tham vấn cho người LGBT, khó khăn, và nhu cầu tập huấn nâng cao

67% khách thể tự nhận là đã từng tham vấn cho người LGBT. Như vậy, phần lớn các nhà tham vấn tham gia khảo sát đã có trải nghiệm cung cấp dịch vụ cho người LGBT.

Dựa trên trải nghiệm của họ, chủ đề mà họ thường tham vấn cho nhóm đối tượng này là về sức khoẻ tâm trí (ví dụ, bệnh tâm lý, stress) (N=39), sau đó là quan hệ tình cảm (N=35), rồi tới quan hệ gia đình (N=33) và các chủ đề liên quan tới công khai (come-out) (N=28).

Bên cạnh đó, khi cung cấp dịch vụ cho người LGBT, rào cản thường gặp nhất của các nhà tham vấn là việc chưa được đào tạo về tham vấn cho người LGBTQI+ (N=26). Rào cản chung thứ hai là thiếu tài liệu tham khảo (N=22). Rào cản chung thứ ba là người LGBTQI+ có mong đợi không phù hợp về dịch vụ tham vấn (v.d., kỳ vọng nhà tham vấn sẽ giải quyết vấn đề cho họ) (N=19). Và rào cản chung thứ tư là gặp phản đối của phụ huynh (N=17).

Tất cả các khách thể được hỏi về mong muốn tham gia các hoạt động nâng cao chuyên môn tham vấn cho người LGBT. Theo họ, nhu cầu cao nhất tập trung vào các cơ hội phát triển chuyên môn đề cập cụ thể đến việc tham vấn cho người LGBT (N=57). Nhu cầu lớn thứ hai thuộc về phát triển chuyên môn về ngăn chặn và can thiệp chống bắt nạt/ quấy rối người LGBT (N=51). Và nhu cầu lớn thứ ba là nhận được hỗ trợ từ các tổ chức/ nhóm cộng đồng LGBT về tài liệu/ kiến thức LGBT (N=48).

Ngoài ra, ở phần câu hỏi tự luận về những băn khoăn mà các nhà tham vấn có khi đã hoặc sẽ cung cấp dịch vụ cho người LGBT, có người chia sẻ: "Làm thế nào để nhận được sự tin tưởng của người LGBTQ+ trong khi dường như họ có xu hướng tin tưởng và chỉ chia sẻ với các thủ lĩnh, trưởng nhóm trong cộng đồng mà thôi?". Một người khác băn khoăn: "Chưa có kinh nghiệm tham vấn cho LGBTQ+ nhưng vẫn muốn đóng góp giúp đỡ sức khoẻ tinh thần của người LGBTQ+ thì làm như thế nào?". Thêm nữa, có những băn khoăn tập trung vào chuyên môn tham vấn hơn như "Thân chủ định hình vấn đề giới tính của bản thân trong các trải nghiệm sang chấn:

bạo lực gia đình, xâm hại,… thì làm như thế nào?" hay "Làm thế nào để củng cố sức khoẻ tinh thần cho người vị thành niên là LGBTQI+?".

2.3.5. Giới hạn nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, nghiên cứu này không khỏi gặp phải những giới hạn nhất định. Việc so sánh điểm trung bình của nhóm mẫu trong nghiên cứu này với nhóm mẫu chuẩn trên thế giới có thể là một ví dụ. Điểm thứ nhất là việc nghiên cứu này rút gọn bộ câu hỏi điều tra của thang gốc (gồm 29 items) thành bộ câu hỏi đã qua biên tập (gồm 20 items). Điểm thứ hai là việc nghiên cứu này rút gọn thang đo gốc theo dạng thang Likert 7 điểm thành thang đo theo dạng Likert 5 điểm. Thêm nữa, nhóm mẫu trong nghiên cứu này còn rất nhỏ (N= 69) so với nhóm mẫu trong nghiên cứu gốc (N= 312). Với những tính chất này, việc quy đổi điểm của nghiên cứu hiện tại để so sánh với điểm của nghiên cứu gốc khó có thể đem lại một sự so sánh đáng tin cậy và phản ánh thực tế lớn. Vậy nên các nghiên cứu về cùng đề tài trong tương lai cần hoạch tính kỹ về quy trình thích ứng thang SOCCS, giữ nguyên thang Likert 7 điểm của thang, và thu thập số liệu trên một mẫu khách thể lớn hơn và mang tính đại diện hơn.

3. Kết luận

Để trả lời câu hỏi liệu các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tinh thần của người LGBT tại Việt Nam, một trong những giải pháp là tìm hiểu về mức độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ phù hợp của các nhà tham vấn trong nước. Tuy việc sử dụng thang Sexual Orientation Counselor Scale (SOCCS) phổ biến ở nước ngoài để khai thác chủ đề này, điều này còn khá hiếm tại Việt Nam. Vậy nên tìm hiểu về sự tự đánh giá năng lực và chất lượng dịch vụ tham vấn cho người LGBT của các nhà tham vấn trong nước qua việc sử dụng SOCCS là cần thiết. Theo đó, chúng tôi có thể khái quát hoá được thực trạng mức độ đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của cộng đồng nói trên từ phía người cung cung cấp dịch vụ tại Việt Nam và so sánh thực trạng trong nước với ngoài nước. Đồng thời, chúng tôi cũng khám phá những khó khăn mà các nhà tham vấn trong nước gặp phải trong quá trình cung cấp dịch vụ cho người LGBT và các nhu cầu nâng cao đào tạo để vượt qua các khó khăn này của họ.

Chúng tôi tìm thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nhà tham vấn trong nước và ngoài nước về mức độ tự đánh giá về năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT. Trong nghiên cứu này, chúng tôi ghi nhận mức độ tự đánh giá cao nhất ở mặt Thái độ sau đó tới Kiến thức và thấp nhất ở mặt Kỹ năng. Điều này đồng nhất với thực trạng tự đánh giá của các nhà tham vấn trên thế giới (Bidell, 2005; Graham, Carney, & Kluck, 2012; Farmer, Welfare, & Burge, 2013). Sự đồng nhất này giữa nhiều môi trường tham vấn trên thế giới có thể xảy ra bởi hai yếu tố (Thái độ và Kiến thức) phần lớn dựa vào khả năng mà mỗi cá nhân nhà tham vấn có thể phần nào kiểm soát được và có thể tự cải thiện và trau dồi nếu họ đặt nỗ lực vào, nhưng yếu tố Kỹ năng lại phụ thuộc vào những vấn đề họ không kiểm soát được (v.d., thiếu trải nghiệm tham vấn cho người LGBT vì không có thân chủ nào thuộc cộng đồng này, các hoạt động đào tạo và học vấn không trang bị cho họ những kỹ năng phục vụ trực tiếp cho việc tham vấn cho người LGBT, không có hoặc biết đồng nghiệp nào đã từng tham vấn cho người LGBT để trao đổi kiến thức thực hành chuyên môn). Rutter và cộng sự (2008) có chỉ ra rằng việc có một phân môn tập trung vào đào tạo các nhà tham vấn trong chuyên môn khi làm việc với các thân chủ LGBT nâng cao mức độ tự đánh giá Kiến thức và Kỹ năng của các nhà tham vấn. Vì vậy, để nâng cao năng lực

ISBN: 978-604-73-8639-0

đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của người LGBT tại Việt Nam, các chương trình đào tạo chính quy Tâm lý học trong nước cần tích hợp những phân môn bổ sung kỹ năng tham vấn cho cộng đồng bị lề hoá nói trên và các nhà tham vấn đang hành nghề cần tham gia vào các khoá đào tạo chuyên sâu củng cố kiến thức và kỹ năng cung cấp dịch vụ tham vấn cho người LGBT. Bên cạnh điểm tương đồng trên đây, nghiên cứu này ghi nhận mức độ tự đánh giá chung về năng lực và chất lượng dịch vụ của các nhà tham vấn tại Việt Nam cao hơn các nhà tham vấn tại quốc gia phát triển như Mỹ. Cụ thể, trong đó, các nhà tham vấn trong nước tự đánh giá kiến thức về các vấn đề đời sống, sức khoẻ, xã hội của người LGBT cao hơn rất nhiều so với các nhà tham vấn ở Mỹ. Điều này đặt cho chúng tôi nhiều câu hỏi. Mức độ phổ cập về kiến thức về các vấn đề của người LGBT, quyền bình đẳng cho các nhóm thiểu số, và thực trạng chấp nhận và ủng hộ người đồng tính, song tính, và chuyển giới tại Việt Nam còn rất hạn chế nhưng phần lớn các nhà tham vấn trong nước lại đánh giá mức độ kiến thức của họ ở mức cao hơn các nhà tham vấn ở đất nước cởi mở và ủng hộ người LGBT hơn. Chúng tôi tự hỏi liệu thực trạng này xảy ra do phần lớn khách thể đã có trải nghiệm tham vấn tâm lý cho người LGBT hay do cỡ mẫu nghiên cứu hiện tại còn quá nhỏ hoặc việc phải quy đổi điểm của thang thích ứng chúng tôi dùng để so sánh với thực trạng trên thế giới là chưa phù hợp. Chúng tôi mong đợi các nghiên cứu khác trong nước sẽ làm sáng tỏ hơn thực trạng mức độ tự đánh giá về năng lực và chất lượng tham vấn cho người LGBT của các nhà tham vấn trong nước cao hơn ngoài nước.

Hơn nữa, độ tuổi và kinh nghiệm tham vấn là hai yếu tố cần đặc biệt quan tâm khi đánh giá xem liệu các nhà tham vấn tại Việt Nam có đang đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của người LGBT hay không. Nghiên cứu này cho thấy, không có đặc điểm xã hội nào ảnh hưởng tới sự chênh lệch về mức độ tự đánh giá năng lực và chất lượng tham vấn ngoài độ tuổi và kinh nghiệm chuyên môn. Trong đó, độ tuổi có ảnh hưởng lớn nhất. Cụ thể, nhóm độ tuổi trẻ hơn lại có ít tự tin nhất về thái độ, kiến thức, và kỹ năng cần thiết của bản thân khi tham vấn cho người LGBT. Điều này gây nhiều bất ngờ vì thường chúng ta hay mặc định rằng người trẻ sẽ cởi mở hơn, có nhiều kiến thức hơn và có nhiều tiếp xúc thân thiện với người LGBT hơn so với những nhóm tuổi lớn.

Tuy gây bất ngờ nhưng thực trạng này ăn khớp với những gì chúng tôi tìm thấy về sự chênh lệch giữa các nhóm có lượng kinh nghiệm tham vấn khác nhau. Bởi độ tuổi và số năm kinh nghiệm chuyên môn gắn liền với lượng kinh nghiệm tham vấn cho người LGBT, chúng tôi băn khoăn liệu nếu càng nhiều nhà tham vấn trong nước có cơ hội cung cấp dịch vụ với người LGBT hơn nữa thì mức độ tự tin về năng lực và chất lượng dịch vụ cho thân chủ từ nhóm cộng đồng này càng tăng lên. Điều đáng nói tới là việc gia tăng trải nghiệm tư vấn tâm lý cho người LGBT chỉ có thể xảy ra khi có sự kết hợp của hai yếu tố. Một là nỗ lực của các nhà tham vấn trong việc luôn tìm tòi và không ngừng trau dồi kiến thức về các vấn đề xã hội mà người LGBT gặp phải, không những tỏ ra sự chấp nhận, không phán xét trong thái độ mà còn cần thể hiện sự ủng hộ và tinh thần hỗ trợ, và cuối cùng là tham gia các hoạt động tập huấn chuyên sâu về tham vấn cho cộng đồng này. Từ đó, họ mới trở thành những nhà tham vấn cung cấp dịch vụ thân thiện cho người LGBT. Đổi lại, sự thân thiện này sẽ giảm việc người LGBT gặp vướng mắc trong việc tiếp cận và duy trì dịch vụ. Như vậy, nhiều người LGBT sẽ tin tưởng các nhà tham vấn và dịch vụ họ cung cấp hơn và đồng thời các nhà tham vấn nâng cao kinh nghiệm tham vấn và củng cố sự tự tin về mức độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tinh thần của cộng đồng nói trên.

Qua việc tìm hiểu về những khó khăn mà các nhà tham vấn gặp phải khi cung cấp dịch vụ cho người LGBT và các nhu cầu tập huấn nâng cao, chúng ta có thể khám phá những khuyến nghị phù hợp với môi trường, điều kiện xã hội Việt Nam. Bởi khó khăn thường gặp nhất ở các nhà tham vấn theo nghiên cứu của chúng tôi là chưa từng được đào tạo để tham vấn cho người LGBT, chúng tôi đề xuất nhiều chương trình tập huấn, đào tạo chuyên sâu và linh hoạt giúp nâng cao kỹ năng tham vấn cho người LGBT cho các nhà tham vấn đang hành nghề một cách đều đặn. Thêm vào đó, bởi việc tích hợp các phân môn vào chương trình đào tạo học viên cao học Tâm lý tham vấn để phục vụ trực tiếp cho công tác này có hiệu quả rõ rệt (Rutter et al., 2008), các chương trình đào tạo chính quy cử nhân và cao học các ngành Tâm lý học tại Việt Nam nên bổ sung các lớp tập huấn về kỹ năng tham vấn cho người LGBT vào trong hệ thống chương trình chính thức của các trường. Hơn nữa, vì các nhà tham vấn có nhu cầu lớn nhận được các cơ hội phát triển chuyên môn đề cập trực tiếp tới nhóm LGBT và các thông tin chuyên môn về can thiệp trong các vấn đề bị bắt nạt, phân biệt đối xử mà nhóm này gặp phải, các chương trình đạo tạo nói trên cần đảm bảo đem lại các thông tin cụ thể, liên quan trực tiếp tới cộng đồng LGBT tại Việt Nam và mở ra những cơ hội rèn luyện kỹ năng thực hành tham vấn cho những đối tượng quan tâm. Để tạo ra những cơ hội này, các ban tổ chức đào tạo có thể cân nhắc liên kết với các tổ chức cộng đồng, vận động quyền, và vì sức khoẻ của người LGBT trong nước như ICS, iSEE, ICDS, Hà Nội Queer hay NYN Hà Nội. Bên cạnh đó, một khó khăn lớn mà các nhà tham vấn gặp phải đó chính là trong việc tìm kiếm các nguồn tài liệu tham khảo để tìm hiểu và nâng cao kiến thức về người LGBT. Bởi họ có nhu cầu nhận sự giúp đỡ từ các tổ chức cộng đồng và vận động quyền cho người LGBT trong nước để vượt qua khó khăn này, chúng tôi đề xuất các tổ chức cộng đồng nói trên nên tổng hợp và hệ thống hoá những tài liệu liên quan theo mức độ từ cơ bản tới nâng cao và giới thiệu rộng rãi tới mạng lưới các nhà tham vấn đang hành nghề. Thêm nữa, vì các hoạt động trao đổi kiến thức thực tiễn sẽ có lợi ích lớn hơn việc chỉ tham khảo các tài liệu, chúng tôi hi vọng mạng lưới các nhà tham vấn, chương trình đào tạo Tâm lý học sẽ kết hợp khăng khít với các tổ chức cộng đồng được đề cập trên để thường xuyên tổ chức các buổi toạ đàm và hội thảo để tăng cường các hoạt động trao đổi kiến thức hơn nữa. Như đã nhấn mạnh, việc giải quyết các khó khăn mà các nhà tham vấn trong nước gặp phải khi cung cấp dịch vụ cho người LGBT đòi hỏi sự nỗ lực từ nhiều phía khác nhau như các đơn vị tổ chức đào tạo, các nhà tham vấn, và các tổ chức cộng đồng và vận động quyền. Chỉ khi có được sự đồng nỗ lực này, các nhà tham vấn tại Việt Nam mới có thể đáp ứng tốt được nhu cầu dịch vụ của người LGBT và nâng cao chất lượng sức khoẻ tinh thần của cộng đồng bị lề hoá này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ali, S., Lambie, G., & Bloom, Z. D. (2017). An Exploratory Factor Analysis of the Sexual Orientation Counselor Competency Scale: Examining the Variable of Experience. *Professional Counselor, 7*(3), 223–237. https://eric.ed.gov/?id=EJ1165676
2. American Psychological Association. (2012). Guidelines for psychological practice with lesbian, gay, and bisexual clients. *American Psychologist, 67*(1), 10–42. https://doi.org/10.1037/a0024659
3. Amstadter, A. B., Acierno, R., Richardson, L. K., Kilpatrick, D. G., Gros, D. F., Gaboury, M. T., Tran, T. L., Trung, L. T., Tam, N. T., Tuan, T., Buoi, L. T., Ha, T. T., Thach, T. D., & Galea, S. (2009). Posttyphoon prevalence of posttraumatic stress disorder, major depressive disorder, panic disorder, and generalized anxiety disorder in a Vietnamese sample. *Journal of traumatic stress, 22*(3), 180–188. https://doi.org/10.1002/jts.20404

 ISBN: 978-604-73-8639-0

4. Bidell, M. P. (2005). The Sexual Orientation Counselor Competency Scale: Assessing Attitudes, Skills, and Knowledge of Counselors Working With Lesbian, Gay, and Bisexual Clients. *Counselor Education and Supervision, 44*(4), 267–279. https://doi.org/10.1002/j.1556-6978.2005.tb01755.x

5. Bidell, M. P. (2005). The Sexual Orientation Counselor Competency Scale: Assessing Attitudes, Skills, and Knowledge of Counselors Working With Lesbian, Gay, and Bisexual Clients. *Counselor Education and Supervision, 44*(4), 267–279. doi:10.1002/j.1556-6978.2005.tb01755.x

6. Bidell, M. P. (2014). Are multicultural courses addressing disparities? Exploring multicultural and affirmative lesbian, gay, and bisexual competencies of counseling and psychology students. *Journal of Multicultural Counseling and Development, 42*(3), 132–146. https://doi.org/10.1002/j.2161-1912.2014.00050.x

7. Graham, S. R., Carney, J. S., & Kluck, A. S. (2012). Perceived competency in working with LGB clients: Where are we now? *Counselor Education and Supervision, 51*(1), 2–16. https://doi.org/10.1002/j.1556-6978.2012.00001.x

8. Hall, W. J., McDougald, A. M., & Kresica, A. M. (2013). School Counselors' Education and Training, Competency, and Supportive Behaviors concerning Gay, Lesbian, and Bisexual Students. *Professional School Counseling*. https://doi.org/10.1177/2156759X0001700108

9. Liu, F., Chui, H., & Chung, M. C. (2021). The effects of lesbian, gay, and bisexual experiences and internal beliefs on lesbian, gay, and bisexual affirmative counselor competence among Chinese counselors. *Psychotherapy* (Chicago, Ill.), 58(1), 25–36. https://doi.org/10.1037/pst0000346

10. Müller, A., & Daskilewicz, K. (2018). Mental health among lesbian, gay, bisexual, transgender and intersex people in East and Southern Africa. *European Journal of Public Health*, 28(suppl_4). https://doi.org/10.1093/eurpub/cky213.794

11. Richardson, L. K., Amstadter, A. B., Kilpatrick, D. G., Gaboury, M. T., Tran, T. L., Trung, L. T., Tam, N. T., Tuan, T., Buoi, L. T., Ha, T. T., Thach, T. D., & Acierno, R. (2010). Estimating mental distress in Vietnam: the use of the SRQ-20. *The International journal of social psychiatry*, 56(2), 133–142. https://doi.org/10.1177/0020764008099554

12. Ross, L. E., Salway, T., Tarasoff, L. A., MacKay, J. M., Hawkins, B. W., & Fehr, C. P. (2018). Prevalence of Depression and Anxiety Among Bisexual People Compared to Gay, Lesbian, and Heterosexual Individuals: A Systematic Review and Meta-Analysis. *Journal of sex research*, 55(4-5), 435–456. https://doi.org/10.1080/00224499.2017.1387755

13. Rutter, P. A., Estrada, D., Ferguson, L. K., & Diggs, G. A. (2008). Sexual orientation and counselor competency: The impact of training on enhancing awareness, knowledge and skills. *Journal of LGBT Issues in Counseling, 2*(2), 109 125. https://doi.org/10.1080/15538600802125472

14. Simons, J. D., Brian, H., & Bahr, M. W. (2017). School Counselor Advocacy for Lesbian, Gay, and Bisexual Students: Intentions and Practice. *Professional School Counseling*. https://doi.org/10.5330/1096-2409-20.1a.29

15. Steel, Z., Marnane, C., Iranpour, C., Chey, T., Jackson, J. W., Patel, V., & Silove, D. (2014). The global prevalence of common mental disorders: a systematic review and meta-analysis 1980-2013. *International journal of epidemiology, 43*(2), 476–493. https://doi.org/10.1093/ije/dyu038

16. Steel, Z., Silove, D., Giao, N. M., Phan, T. T., Chey, T., Whelan, A., Bauman, A., & Bryant, R. A. (2009). International and indigenous diagnoses of mental disorder among Vietnamese living in Vietnam and Australia. *The British journal of psychiatry: the journal of mental science, 194*(4), 326–333. https://doi.org/10.1192/bjp.bp.108.050906

17. Vuong, D. A., Van Ginneken, E., Morris, J., Ha, S. T., & Busse, R. (2011). Mental health in Vietnam: Burden of disease and availability of services. *Asian journal of psychiatry, 4*(1), 65–70. https://doi.org/10.1016/j.ajp.2011.01.005

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TRONG LÀM VIỆC VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI

APPLICATION OF COMMUNITY DEVELOPMENT METHODS IN WORKING WITH THE GAY, BISEXUAL AND TRANSGENDER PEOPLE

Nguyễn Thị Thanh Tùng*

TÓM TẮT

Phát triển cộng đồng là một phương pháp chuyên ngành trong công tác xã hội, tác viên cộng đồng làm việc với các cộng đồng nghèo, dễ bị tổn thương, thiếu năng lực và thiếu tự tin. Ứng dụng phương pháp phát triển cộng đồng trong làm việc với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) với các dự án cụ thể đã mang lại những kết quả hết sức thiết thực. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tư liệu sẵn có để tìm hiểu các tổ chức vì người LGBT với các chương trình và dự án cụ thể nhằm hỗ trợ cho họ.

Từ khóa: *người đồng tính, song tính và chuyển giới, phát triển cộng đồng, dự án.*

ABSTRACT

Community development is a specialized method in social work - working with poor, vulnerable, incompetent and underconfident communities. Applying the community development approach in supporting lesbian, gay, bisexual and transgender people (LGBT) with specific projects has brought very practical results. The article uses the method of analyzing available documents to understand LGBT organizations with specific programs and projects to support them.

Keywords: *lesbian, gay, bisexual and transgender people, community development, project.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển cộng đồng là một trong những phương pháp quan trọng trong ngành công tác xã hội. Xuất hiện từ những năm 1940 do chính quyền thuộc địa Anh khởi xướng với các sáng kiến giúp dân tự cải thiện đời sống bằng cách phối hợp nỗ lực của chính quyền với người dân địa phương để đắp đường, xây trường học, trạm y tế,… tại Ghana. Điều đó cho thấy, người dân nghèo không phải là một đám đông dốt nát, lười biếng, cam chịu với số phận của mình mà họ cũng có thể vươn lên, tích cực tham gia đóng góp sức lao động, của cải vào các chương trình, dự án với mục đích cải thiện đời sống của chính họ và cộng đồng. Sau này, mô hình lan rộng ra hầu hết các nước cựu thuộc địa ở châu Á và châu Phi với các hiệu quả rõ rệt trên các cộng đồng nghèo (Bongartz Heinz & Dev Raj Dahal, 1996).

Tại Việt Nam, giữa thập kỷ 50 của thế kỷ XX, UNESCO giới thiệu mô hình Tổ chức và Phát triển cộng đồng tại Trường Tiểu học Cộng đồng Bún ở Lái Thiêu. Từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX cho đến nay, phát triển cộng đồng được biết đến một cách rộng rãi qua các chương trình viện trợ phát triển của nước ngoài tại Việt Nam (Nguyễn Thụy Diễm Hương, 2012).

Như vậy, phát triển cộng đồng có thể hiểu là sự phát huy toàn diện tiềm năng của con người sống trong mối quan hệ hài hòa với môi trường tự nhiên; là sự can thiệp có tổ chức nhằm giúp cộng

* Thạc sĩ, Khoa Công tác xã hội, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: thanhtungctxh@hcmussh.edu.vn

đồng tăng khả năng kiểm soát các vấn đề tác động đến cuộc sống của họ; là nỗ lực tạo ra một mô hình sống giúp giải phóng mọi tiềm năng của cá nhân, nhóm và cộng đồng, đồng thời thúc đẩy lợi ích chung; là thực hiện những gì mà người dân trong cộng đồng muốn làm để đạt được một tương lai như mong ước (Nguyễn Thụy Diễm Hương, 2012 - dẫn lại Yap ASI, 2006).

Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) sinh sống, làm việc ở khắp các tỉnh/thành trong cả nước. Tuy vậy, họ vẫn còn nhận những sự kỳ thị, phân biệt và đối xử mang tính chất bất công do nhận thức còn thấp của cá nhân, gia đình và cộng đồng, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng núi và vùng sâu vùng xa. Trong một thời gian dài, nhiều người LGBT đã chọn di cư tới các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,... để tạo dựng cuộc sống mới cho mình. Họ cảm thấy thoải mái hơn với cái nhìn cởi mở của cộng đồng cũng như có nhiều cơ hội để gặp gỡ với những người trong cộng đồng giống như mình. Chính vì số lượng tập trung đông với thành phần phong phú về giới tính, độ tuổi, hoàn cảnh gia đình, công việc, trình độ nhận thức,... nên cũng chứng kiến sự ra đời và phát triển của các tổ chức hỗ trợ cho người LGBT dưới nhiều hình thức (iSEE, ICS,...) cũng như hoạt động của các nhóm đồng đẳng trong cộng đồng LGBT (nam đồng tính, nữ đồng tính, chuyển giới nam, chuyển giới nữ,… trong các môi trường, lĩnh vực khác nhau: trường học, bệnh viện, cộng đồng,…). Song song đó, các dự án phát triển cộng đồng cho người LGBT cũng lần lượt ra đời, nhằm hỗ trợ về cuộc sống, tiếp cận với các dịch vụ xã hội một cách công bằng và bình đẳng, nâng cao nhận thức xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tư liệu sẵn có (nguồn dữ liệu thứ cấp) với các nguồn thông tin, dữ liệu từ các tổ chức hoạt động vì người LGBT cũng như các dự án, đề tài nghiên cứu đã và đang triển khai hỗ trợ cho cộng đồng LGBT ở các nhóm độ tuổi, nghề nghiệp, môi trường sống, học tập và làm việc khác nhau nhằm khắc họa rõ nét vai trò của phương pháp phát triển cộng đồng trong ứng dụng làm việc và đồng hành với cộng đồng LGBT.

3. NỘI DUNG

3.1. Phát triển cộng đồng với người đồng tính, song tính và chuyển giới

Phát triển cộng đồng với một tiến trình gồm 9 bước cụ thể với mục đích cuối cùng khi ứng dụng phương pháp phát triển cộng đồng trong làm việc với người LGBT là nhằm chuyển đổi cộng đồng LGBT từ một cộng đồng còn yếu kém, thiếu năng lực, thiếu tự tin, thiếu kiến thức, mặc cảm trở thành một cộng đồng thức tỉnh, nhìn nhận được giá trị thật sự của mình. Trên cơ sở đó, tác viên cộng đồng thông qua các hình thức hỗ trợ khác nhau sẽ giúp cộng đồng tăng năng lực và cuối cùng đầu ra là cộng đồng LGBT hoàn toàn có đủ năng lực để đảm bảo cho sự phát triển một cách tự lập, có khả năng độc lập trong bảo vệ quyền lợi cho mình.

Phát triển cộng đồng, có mục đích được xác định là: 1) Tăng năng lực của cộng đồng LGBT - Phát triển cộng đồng nhằm giúp cộng đồng LGBT phát huy tiềm năng và được trang bị nhiều hơn những kỹ năng phù hợp, những quy tắc đạo đức để đòi hỏi và biện hộ cho quyền lợi của họ hướng đến một xã hội công bằng và tôn trọng nhân phẩm con người; 2) Dựng xây tổ chức - Tiến trình tổ chức đem lại những cơ cấu vĩnh viễn giúp phục vụ những nhu cầu và khát vọng của cộng đồng LGBT. Một trong những mục đích của phát triển cộng đồng là chính cộng đồng LGBT được tăng năng lực và có thể tự lực quản lý tổ chức. Thông qua việc thiết lập các tổ chức hoặc những cơ cấu

 ISBN: 978-604-73-8639-0

chính thức và không chính thức, cộng đồng có được những kỹ năng quản lý. Khuyến khích sử dụng trọn vẹn các nguồn lực địa phương và nguồn lực bên trong cộng đồng để phát triển trước khi tính đến nguồn lực bên ngoài; 3) Xây dựng những liên kết - Thông qua những liên kết và việc xây dựng mạng lưới giữa các nhóm khác nhau trong cộng đồng LGBT, phát triển cộng đồng nhằm đem lại cho người LGBT những kỹ năng quản lý nội bộ và giữa mọi người với nhau trong tiến trình tổ chức; 4) Dân chủ phổ quát - Tính dân chủ phổ quát đòi hỏi các thuộc tính như xây dựng sự đồng lòng trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và tham gia các dự án cộng đồng; 5) Chuyển biến xã hội - Phát triển cộng đồng tìm cách thay đổi đời sống của cộng đồng LGBT và toàn thể xã hội - một thực thể có thể đáp ứng nhu cầu của cá nhân cũng như nhu cầu của cộng đồng; 6) Phát triển lãnh đạo địa phương - Phát triển cộng đồng nhằm mục đích xác định những lãnh đạo từ trong cộng đồng và trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để phục vụ cộng đồng tốt hơn (Nguyễn Thụy Diễm Hương, 2012).

Trên cơ sở các mục đích này mà vai trò của tác viên cộng đồng làm việc với cộng đồng LGBT cũng được xác định như sau:

- *Người thúc đẩy:* thúc đẩy cộng đồng LGBT tham gia lập mục đích, mục tiêu và xếp thứ tự ưu tiên;
- *Người hỗ trợ:* giúp các nhóm trong cộng đồng LGBT xác định vấn đề/nhu cầu của họ và hành động dựa trên những mục đích và mục tiêu lập ra để giải quyết vấn đề, đáp ứng những nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng;
- *Người hướng dẫn:* hướng dẫn các nhóm trong cộng đồng LGBT làm việc vượt qua những khó khăn;
- *Người khởi xướng:* khởi xướng hành động của cộng đồng LGBT thông qua giáo dục, minh chứng những kỹ thuật và những chiến lược;
- *Người trung gian giới thiệu, kết nối:* làm trung gian giữa các nhóm LGBT, giữa cộng đồng LGBT và tài nguyên bên ngoài;
- *Người biện hộ:* biện hộ cho bất cứ nhóm hoặc thành phần thiệt thòi hoặc cả cộng đồng LGBT;
- *Cố vấn:* cung cấp những kiến thức và thông tin chuyên môn để xây dựng những kế hoạch và mục tiêu khả thi cho cộng đồng LGBT;
- *Người can thiệp:* can thiệp cho và nhân danh người LGBT để tham gia vào việc lập nên những chương trình, dịch vụ và dự án an sinh xã hội đem lại lợi ích hoặc tạo ra những ảnh hưởng tích cực trên cộng đồng LGBT hoặc can thiệp khi lợi ích và an sinh của cộng đồng LGBT gặp nguy cơ;
- *Người lập kế hoạch:* đóng vai trò người lập kế hoạch các dịch vụ an sinh xã hội trong hội đồng ở cấp độ phường xã, quận huyện, vùng miền và quốc gia;
- *Nghiên cứu viên:* thực hiện các cuộc nghiên cứu về các vấn đề hiện thời, nhu cầu và những vấn nạn làm nền tảng cho việc lập kế hoạch hành động (Nguyễn Thụy Diễm Hương. Sđd. 2012). Hiện nay, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện rất nhiều nghiên cứu ở các chủ đề khác nhau trên các nhóm LGBT và cả cộng đồng LGBT.

Trong nhiều năm qua, các tổ chức vì người LGBT đã kết hợp với các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ thực hiện nhiều dự án nhằm hỗ trợ cộng đồng người LGBT trên các mặt: sức khỏe, việc làm, học tập, cung cấp dịch vụ, đấu tranh cho quyền của người LGBT. Những dự án này đã mang lại những kết quả hết sức khả quan, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về LGBT, thúc đẩy sự khẳng định bản thân, dám sống cho mình, đảm bảo sự cung ứng công bằng trong dịch vụ cũng như quyền cho người LGBT.

3.2. Các dự án phát triển cộng đồng với người đồng tính, song tính và chuyển giới

3.2.1. Các tổ chức/dự án trong trường học

Dự án Trường học Cầu Vồng ra đời vào năm 2010 và được hưởng ứng bởi hàng triệu người, trong đó có hàng trăm các ngôi sao, người nổi tiếng, các cơ quan, doanh nghiệp và nhiều trường học trên thế giới. Ngày thứ Năm của tuần thứ 3 trong tháng được chọn là Ngày tinh thần (Spirit Day) xuất phát từ thực tế: trẻ em, trẻ vị thành niên LGBT thường phải gánh chịu bạo lực và phân biệt đối xử do xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới khác biệt của mình. Mục đích của Ngày tinh thần là nhằm nâng cao nhận thức và sự ủng hộ của xã hội với cộng đồng LGBT và để chống lại nạn bạo lực học sinh, sinh viên là LGBT trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, bắt đầu từ năm 2011, ngày hội "Nào ta cùng tím" được trung tâm ICS phát động, tạo nên một làn sóng ủng hộ mạnh mẽ cho sự đa dạng giới tính trong trường học. Năm 2012 đã diễn ra chiến dịch thu thập 10.000 chữ ký gửi Bộ trưởng Bộ Giáo dục "Vì một trường học cởi mở hơn cho LGBT". Năm 2013, lần đầu tiên kiến thức LGBT được giảng dạy công khai và trở thành một môn học của Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đến năm 2015, Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM kết hợp với Tổ chức Save the Children thực hiện dự án "Phòng ngừa phân biệt đối xử và thực thi quyền trẻ em cho trẻ em yếu thế ở Việt Nam" (giai đoạn 1) với mục tiêu của dự án là trao quyền thông qua việc tăng cường năng lực cho các nhóm LGBT, nhân viên công tác xã hội, cơ quan Nhà nước và các tổ chức đoàn thể để cung cấp dịch vụ hỗ trợ cộng đồng này; Thực hiện các chiến dịch nhằm vận động quyền và giảm thiểu sự ngược đãi, phân biệt đối xử và gây tâm lý căng thẳng đối với thanh thiếu niên LGBT; Vận động để xã hội công nhận nhóm LGBT, lồng ghép các vấn đề liên quan đến LGBT trong các chính sách và chương trình liên quan của Chính phủ. Trên cơ sở này, các hoạt động đã được triển khai, bao gồm: (1) Trao quyền cho thanh thiếu niên đường phố LGBT thông qua tiếp cận đồng đẳng; (2) Phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp làm việc để bảo vệ quyền lợi của trẻ em và thanh thiếu niên LGBT; (3) Nâng cao nhận thức về LGBT cho chính quyền địa phương, cơ quan Nhà nước và các tổ chức đoàn thể; (4) Mở rộng phong trào PLAG sang các tỉnh khác ở Đồng bằng sông Cửu Long; (5) Hỗ trợ việc thể chế hóa chương trình giảng dạy LGBT ở các trường cao đẳng và đại học; (6) Nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề LGBT; (7) Mở rộng chiến dịch chống bắt nạt tại các trường học; (8) Vận động để thành viên LGBT có HIV/AIDS có thể tiếp cận với các dịch vụ y tế dễ dàng hơn. Năm 2017, Dự án (giai đoạn 2) thành lập câu lạc bộ W.A.Y UP trực thuộc trường trong các hoạt động hỗ trợ sinh viên LGBT, tiến hành tập huấn nâng cao kiến thức về LGBT, giới thiệu giáo trình Công tác xã hội với người LGBT tại các Trường Đại học Thủ Dầu Một (Bình Dương), Đại học Cần Thơ cũng như tiến hành giảng dạy môn học này tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Và cũng từ năm 2017, môn học Công tác xã hội với người LGBT trở thành môn học chính thức trong chương trình đào tạo chuyên ngành công tác

ISBN: 978-604-73-8639-0

xã hội của khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM. Hiện nay, dự án (giai đoạn 3) cũng đang triển khai thực hiện một cách linh hoạt với cộng đồng LGBT trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (ĐH KHXH&NV và SCI, 2021).

Với sứ mệnh "Vì môi trường học đường thân thiện và cởi mở với cộng đồng LGBT", năm 2014, Trung tâm ICS chính thức phát động dự án xã hội mang tên "Trường học Cầu Vồng" với mong muốn đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là LGBT trong môi trường học tập, xây dựng một xã hội tử tế, không chỉ với bản dạng giới, xu hướng tính dục mà còn là tất cả những sự đa dạng của cuộc sống.

Dự án Trường học Cầu Vồng hiện có 05 hoạt động chính, bao gồm:

+ Sự kiện "Nào ta cùng tím";

+ Chuyên mục "Bạn có biết";

+ Chuyên mục "Tập huấn kiến thức LGBT";

+ Chuyên mục "Trường học Cầu Vồng thân mến";

+ Hộp email nóng "Hỗ trợ khẩn cấp" (ICS center, 2014).

Hiện dự án Trường học Cầu Vồng đã có mặt ở hầu như khắp các tỉnh/thành trong cả nước, góp phần không nhỏ trong nâng cao nhận thức của cộng đồng nói chung và giáo viên/người làm công tác trong môi trường giáo dục/phụ huynh/học sinh về sự đa dạng tính dục, LGBT.

Bên cạnh đó, không thể không đề cập đến các dự án nhỏ của các nhóm đồng đẳng, hoạt động vì quyền của người LGBT, các câu lạc bộ đội nhóm trong các trường đại học đã có những hoạt động/dự án như chiếu phim nâng cao nhận thức về LGBT, tập huấn, nói chuyện chuyên đề,… trong hỗ trợ học sinh, sinh viên LGBT và nâng cao nhận thức về LGBT cho cộng đồng.

3.2.2. Dự án thành lập trung tâm tư vấn/ tham vấn tâm lý cho thanh thiếu niên LGBT và trẻ em LGBT đường phố

Nhiều trẻ em và thanh thiếu niên là đồng tính, song tính hoặc chuyển giới cảm thấy lo sợ khi mình không biết chia sẻ với ai về những vấn đề của mình. Do đó, họ mong muốn tìm được người có thể trò chuyện với họ - người mà họ có thể tin tưởng và sẽ thấu hiểu những gì họ đang cảm nhận. Người đó có thể là thầy/cô, tư vấn/tham vấn viên học đường, một người bạn hoặc người họ hàng. Nếu may mắn, trẻ em LGBT cũng có thể liên hệ với các tổ chức LGBT tại địa phương hoặc một nhóm hỗ trợ các thanh thiếu niên LGBT trong cộng đồng hoặc một chi nhánh của "Hội cha mẹ, thân nhân và bạn bè của những người LGBT" (PFLAG) gần nơi các em đang ở. Trong các tổ chức này, các em sẽ có thể tìm được người trò chuyện, những người cảm thông với những gì các em đã và đang trải qua.

Trong trường hợp muốn giữ bí mật về danh tính, các thanh thiếu niên LGBT có thể ẩn danh và những tổ chức này sẽ không yêu cầu các em phải cho biết tên và địa chỉ thật của mình. Các em có thể gởi email đến địa chỉ PFLAG, hoặc gọi điện thoại đến các chi nhánh và cho họ biết các em đang cần được tư vấn hoặc xin lời khuyên nhưng vẫn phải giữ bí mật thông tin vì các em không muốn bất kỳ ai khác biết mình là LGBT. Với những người làm công tác tư vấn/ tham vấn tâm lý cho thanh thiếu niên và người LGBT, họ biết rất rõ quy định về việc giữ bí mật thông tin và đời tư của các thân chủ.

Trong thực tế hiện nay, các địa chỉ tư vấn tâm lý cho thanh thiếu niên và người LGBT nói chung không nhiều tại Việt Nam, và những địa chỉ này chủ yếu ở những thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Long Xuyên. Một số địa chỉ tư vấn tâm lý chuyên dành cho các thanh thiếu niên LGBT mà các em có thể truy cập trực tiếp trên web/fanpage hoặc gọi tới số điện thoại được công khai trên web/fanpage như: ics.org.vn, vientamlygiaoduc.com, tamgiaan.com, dhsptn.edu.vn, csaga.org.vn, camnanggiadinh.com.vn,...

Bên cạnh những địa chỉ trên, có một số nhân viên xã hội và nhân viên tâm lý đang tham gia tư vấn hỗ trợ cho các thanh thiếu niên LGBT. Ví dụ như các dự án/hoạt động của các nhóm tư vấn miễn phí thông qua facebook cho các em LGBT có nhu cầu (SEED - Mầm Xanh, phòng Tham vấn tâm lý SPC của Khoa Công tác xã hội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM,…). Mọi thông tin đều được hoàn toàn giữ bí mật. Có thể tìm hiểu các địa chỉ liên hệ này thông qua tổ chức SCI, ICS hoặc trên các diễn đàn về Công tác xã hội.

3.3.3. Dự án thành lập các nhóm hỗ trợ đồng đẳng tại địa phương dành cho LGBT và gia đình của họ

Người LGBT và gia đình của họ thường phải chịu nhiều định kiến và bị kỳ thị, cô lập ở nơi họ sinh sống vì được dán nhãn "khác với người bình thường". Để bảo vệ và phát huy quyền của người LGBT và gia đình của họ, đã có những nhóm tổ chức ra đời nhằm giúp đỡ, cung cấp thông tin, tài liệu, tổ chức các lớp tập huấn và các sự kiện giao lưu nhằm tạo sự tương tác và phát huy tiềm lực ngay trong cộng đồng người LGBT. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm ICS đã tiến hành phân phát tài liệu giáo dục giới tính đến thư viện của các trường đại học, cao đẳng. Một tổ chức xã hội tại Hà Nội - V Smile, cũng cố gắng tiếp cận đến một cộng đồng lớn hơn thông qua việc tổ chức các buổi tập huấn, các buổi tọa đàm để thảo luận về vấn đề LGBT. Ở Đà Nẵng, cộng đồng LGBT đã xây dựng được một mạng lưới giữa các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực quyền LGBT và MSM để tổ chức các buổi tọa đàm về các vấn đề liên quan đến LGBT dành cho cộng đồng rộng hơn. Nhóm Sáu Sắc Cầu Vồng đã sản xuất nhiều video mang tính giáo dục, truyền tải thông điệp ngắn gọn nhưng bao quát về vấn đề giới tính. Tương tự, bangaivn (một cộng đồng dành cho người đồng tính nữ trên mạng) cũng hỗ trợ việc thành lập hai cộng đồng nhỏ để chia sẻ thông tin về vấn đề giới tính: nhóm Cầu Vồng ở Hà Nội và Tôi Chuyển Động ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhóm Cầu Vồng tuy hoạt động chủ yếu tại khu vực phía Bắc, cũng đã hợp tác với một nhóm đồng tính nữ tại Tiền Giang, để viết và chia sẻ thông tin về giới tính trên các diễn đàn mạng như bangaivn.net, thuvienlgbtq.org, facebook ketnoicauvong, facebook thuvienlgbt. Bên cạnh đó, nhóm Cầu Vồng cũng cung cấp dịch vụ tư vấn cho những người đồng tính nữ trẻ trên diễn đàn bangaivn.

Định kiến và phân biệt đối xử đối với người LGBT mặc dù đã được cải thiện những vẫn còn rất phổ biến tại Việt Nam. Để thay đổi điều này, Cơ quan Phát triển Quốc tế Thuỵ Điển (SIDA) và iSEE đã hợp tác cùng nhau trong một dự án kéo dài từ năm 2011 đến năm 2013 nhằm cung cấp hoạt động tư vấn và giáo dục giới tính tại Việt Nam. SIDA đã hỗ trợ Hiệp hội Giáo dục Giới tính Thụy Điển (RFSU) trong việc cung cấp các hỗ trợ về mặt kỹ thuật giúp ICS triển khai dự án này.

Tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cộng đồng LGBT đã bắt đầu hình thành các mạng lưới thông qua những tổ chức như trung tâm ICS. Tại Hà Nội, nhóm V Smile đã thu hút được nhiều tình nguyện viên và đồng minh tổ chức các sự kiện nhằm kết nối nhóm người đồng tính nam và chuyển giới. Câu lạc bộ Youth Dream cũng triển khai tổ chức những chương trình kết nối

 ISBN: 978-604-73-8639-0

cộng đồng và thảo luận chống lại vấn đề phân biệt đối xử bên trong nội bộ cộng đồng LGBT. Những diễn đàn trực tuyến như Tình Yêu Trai Việt gắn kết các tổ chức xã hội, thành viên cộng đồng khắp trong và ngoài nước tham gia các hoạt động trực tuyến và ngoại tuyến của mình. Bangaivn lại chú trọng vào việc cung cấp nguồn thông tin chính xác và cập nhật đến nhóm đồng tính nữ nhỏ lẻ trên phạm vi cả nước.

G3VN, một tổ chức được dẫn dắt bởi cộng đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành lập năm 2011 và đăng ký là doanh nghiệp xã hội năm 2016, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe - tinh thần thông qua các chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi, tổ chức sự kiện quy tụ mạng lưới lớn người chuyển giới trong cộng đồng tham gia. Để phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng nam quan hệ đồng giới (MSM) và người chuyển giới (TG), G3VN đã xây dựng mạng lưới kinh doanh online bao cao su liên tỉnh. Đặc biệt, G3VN còn liên kết với phòng khám chăm sóc sức khỏe cộng đồng Galant để cung cấp các dịch vụ xét nghiệm và điều trị HIV, STI nhanh chóng, thân thiện và bảo mật cho cộng đồng. Phương pháp công tác xã hội với cộng đồng được G3VN phát huy và mang lại hiệu quả rõ rệt với cách tiếp cận dựa vào cộng đồng (community - based approach). Với những cố gắng của mình, từ 2015 đến nay, G3VN truyền thông, tư vấn và xét nghiệm tại cộng đồng (laytest) cho hơn 8.000 MSM-TG tại Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ dự án USAID C-Link; trong đó, kết nối và duy trì điều trị cho hơn 700 người dương tính với HIV mới. Đặc biệt, MSM là nhóm khách hàng nhiều bạn tình, trung bình cứ 1 MSM có khoảng 10 bạn tình thường xuyên. Việc kết nối thành công 700 người dương tính mới vào điều trị chính là gián tiếp dự phòng cho hơn 7.000 MSM-TG khác trong cộng đồng. Điều này góp phần đẩy nhanh hoàn thành mục tiêu 90-90-90 của thành phố. Định hướng trong tương lai của G3VN là vững mạnh tài chính để bền vững tổ chức và vì vậy, huy động tài trợ từ nhiều nguồn quỹ khác nhau; Trở thành cộng đồng yêu thích nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung; Liên kết với phòng khám tư nhân thân thiện nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và dự phòng HIV tốt nhất cho cộng đồng MSM-TG; Là doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm thương mại dự phòng HIV (bao cao su/chất bôi trơn/PrEP/PEP) dành cho cộng đồng với mạng lưới phát triển liên tỉnh; Trở thành tổ chức cộng đồng cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp về truyền thông đặc biệt trong lĩnh vực y tế công cộng, và là đối tác đáng tin cậy của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; Tiếp tục các hoạt động từ thiện huy động từ cộng đồng cho cộng đồng (G3VN, 2020).

Ở các tỉnh/thành khác, người LGBT đang từng bước nỗ lực xây dựng cộng đồng của riêng mình. Người đồng tính nữ ở Tiền Giang, Đồng Nai tổ chức các sự kiện thi đấu thể thao để giao lưu kết nối. Ở Hải Phòng và Cần Thơ, họ gắn kết với nhau qua các hoạt động từ thiện. Đây cũng là cách mà Diễn đàn Asian Labys và Táo Xanh đang thực hiện. Bằng cách này, hình ảnh của cộng đồng cũng đang dần được cải thiện tích cực hơn.

Ngoài ra, các nhóm hoạt động vì người LGBT, đặc biệt là các thanh niên cũng đã tích cực trong việc viết dự án để được nhận tài trợ từ các tổ chức quốc tế và trong nước (ví dụ Chương trình Rút ngắn khoảng cách của LIN) để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho cộng đồng của mình. Bên cạnh, CSAGA cũng phối hợp với các trường đại học để tiến hành tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí cho các dự án với đối tượng là cộng đồng LGBT được triển khai từ sinh viên. Điều này mang lại những ý nghĩa nhất định cho cộng đồng LGBT.

Như vậy, trong ứng dụng phương pháp phát triển cộng đồng, triển khai cụ thể bằng các dự án với cộng đồng LGBT, có rất nhiều nội dung mà tác viên cộng đồng cùng với cộng đồng tại địa

phương có thể tổ chức thực hiện các dự án nhằm hỗ trợ: 1) Nâng cao nhận thức cho người dân địa phương, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội về LGBT để phòng tránh sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người LGBT; 2) Bảo vệ quyền lợi cho người LGBT trong giáo dục, y tế, văn hóa,…; 3) Kêu gọi sự ủng hộ và hoạt động nhằm cải thiện, bổ sung luật pháp theo hướng đòi hỏi quyền lợi chính đáng cho người LGBT (cho phép kết hôn đồng giới, nhận con nuôi,…). Rõ ràng với các hoạt động được triển khai trong thời gian vừa qua, các tổ chức vì người LGBT cũng như các tổ chức xã hội, các dự án có quan tâm đến cộng đồng LGBT đã góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về LGBT, giảm thiểu sự kỳ thị và phân biệt đối xử của mọi người đối với cộng đồng. Bên cạnh, các dự án, chương trình phát triển cộng đồng cũng mang tới cho cộng đồng LGBT những hiểu biết chính xác về bản thân và cộng đồng của mình, góp phần thúc đẩy sự tự tin của họ về bản thân. Từ đó, cộng đồng LGBT dám sống vì mình, vì tương lai mình cũng như dám đặt ra các mong muốn về quyền cá nhân của bản thân (được kết hôn, được có con,...). Đây là những kết quả hết sức khích lệ cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của các tổ chức, chương trình và dự án xã hội hoạt động vì người LGBT.

4. KẾT LUẬN

Phát triển cộng đồng với việc triển khai cụ thể các chương trình, dự án thông qua các tổ chức xã hội đã hỗ trợ cho cộng đồng LGBT trong nâng cao nhận thức về chính bản thân mình, nâng cao nhận thức xã hội, giảm sự kỳ thị, phân biệt và đối xử từ trong gia đình, họ hàng, bạn bè và cộng đồng đối với người LGBT cũng như liên kết, tập hợp người LGBT thành một cộng đồng thống nhất, đoàn kết và có sự phát triển mạnh mẽ. Rõ ràng, phát triển cộng đồng là một phương pháp thật sự có hiệu quả khi làm việc với các cộng đồng yếu thế, dễ bị tổn thương – cụ thể trong bài viết là cộng đồng LGBT. Trong thời gian tới, cùng với sự ra đời của các nhóm, các tổ chức mang tính chuyên môn cũng như sự quan tâm của toàn xã hội cho cộng đồng này, cộng đồng LGBT sẽ có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với các dự án phát triển mang tính tiềm năng để gia tăng nguồn lực cho sự phát triển của chính bản thân mình.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo sự công bằng trong thụ hưởng lợi ích mà các dự án phát triển cộng đồng đối với người LGBT mang lại, theo tôi, trong thời gian tới chúng ta cần: (1) Triển khai các dự án tại các vùng/miền khác nhau, không chỉ là tập trung ở các thành phố lớn. Hiện nay, hầu hết các dự án đều đang thực hiện ở các thành phố trung tâm như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,... mà thiếu sự hiện diện ở các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa. Nhận thức của cộng đồng về LGBT ở những nơi này còn rất thấp. Do đó người LGBT vẫn còn chịu nhiều sự kỳ thị cũng như còn rất tự ti, mặc cảm bản thân. (2) Mở rộng các đối tượng thực hiện dự án. Hiện nay đa phần các dự án làm việc với thanh thiếu niên, sinh viên LGBT. Trong khi đó các nhóm khác như người cao tuổi hầu như thiếu vắng các dữ liệu nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ họ mặc dù đây là nhóm rất cần sự quan tâm và giúp đỡ. (3) Triển khai rộng hơn các dự án hỗ trợ người LGBT trong các lĩnh vực như nhà ở, y tế - đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19. (4) Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức về giới tính và sức khỏe sinh sản, trong đó có kiến thức về LGBT tại các trường tiểu học và trung học cơ sở. (5) Bổ sung và triển khai các nghiên cứu/dự án trên nhóm người nữ yêu nữ. Trước đây, các nghiên cứu/dự án thường ít tập trung vào nhóm này dù đây là nhóm gặp nhiều khó khăn hơn do những nguyên nhân xuất phát từ vấn đề bất bình đẳng giới.

ISBN: 978-604-73-8639-0

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bongartz Heinz & Dev Raj Dahal. (1996). *Development Studies: Self-help Organization, NGOs and Civil Society*. Nepal Foundation for Advanced Studies.
2. Lê Thị Mỹ Hiền. (2006). *Phát triển cộng đồng.* Ban xuất bản Đại học Mở - Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thụy Diễm Hương. (2012). *Phát triển cộng đồng.* Trung tâm Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng SDRC. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Oanh. (1995). *Giáo trình Phát triển cộng đồng.* Ban xuất bản Đại học Mở - Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.

THỰC TRẠNG DẠY NGHỀ CHO THANH NIÊN LGBT TẠI THÀNH PHỐ BẾN TRE

CURRENT SITUATION OF VOCATIONAL TRAINING FOR LGBT YOUNG YOUTH IN BEN TRE CITY

***Đặng Thanh Trâm*[*],**
***Nguyễn Văn Sia*[**],**
***Vũ Thị Minh Phương*[***]**

TÓM TẮT

Dạy nghề là một quá trình quan trọng giúp cho mỗi người có thể lựa chọn nghề nghiệp và quyết định tương lai của chính mình. Đây cũng chính là điều kiện để mỗi người thể hiện năng lực riêng, từ sở thích của cá nhân phối hợp với nhu cầu xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát thực trạng nghề nghiệp của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) đang sinh sống tại thành phố Bến Tre, từ đó nhận thấy rằng nhu cầu cần học nghề của người LGBT là cấp thiết. Song song với việc khảo sát thực trạng, chúng tôi cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy nghề cho người LGBT tại thành phố Bến Tre.

Từ khóa: *dạy nghề, thanh niên, người đồng tính, người song tính, người chuyển giới.*

ABSTRACT

Vocational training is an important process that helps each person choose a career and decide their own future. This is also an opportunity for each person to show their own capacity, from individual interests in combination with social needs. In this article, we survey the occupational status of gay, bisexual and transgender (LGBT) people living in Ben Tre city, thereby realizing that the need for vocational training of LGBT people is at the highest level. Simultaneously with surveying the actual situation, we also pointed out the factors affecting the vocational training process for LGBT people in Ben Tre city.

Keywords: *vocational training, youth, gay, bisexual, transgender.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dạy nghề là một vấn đề được xã hội quan tâm đối với lứa tuổi thanh niên, đây là việc làm cần thiết, trang bị cho thanh niên hành trang để hội nhập vào cuộc sống xã hội. Đặc biệt, thanh niên LGBT lại rất khó xin việc làm hoặc có chăng cũng gặp nhiều điều không thuận lợi. Chính vì vậy, việc khảo sát việc làm của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre là cần thiết, từ đó tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc dạy nghề cho thanh niên LGBT và tìm các giải pháp để điều chỉnh nghề nghiệp của họ một cách kịp thời và có hiệu quả. Đây là một việc làm có tính nhân văn trong xã hội nói chung và trong cộng đồng LGBT nói riêng, giúp đảm bảo tương lai cho thanh niên LGBT.

Thực hiện được việc dạy nghề có hiệu quả cho cộng đồng người LGBT tại Bến Tre sẽ giúp cho họ có công việc hợp lý, phù hợp với nguyện vọng và ổn định trong cuộc sống, giúp cho xã hội định hướng đúng đắn về nghề nghiệp và có cái nhìn khách quan hơn đối với cộng đồng LGBT.

[*] Học viên cao học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM. Email: trambt81@gmail.com.
[**] Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Trà Vinh. Email: asia@tvu.edu.vn.
[***] Thạc sĩ, Giảng viên, Trường Đại học Lao động- Xã hội (CSII). Email: phuongvtm@ldxh.edu.vn.

ISBN: 978-604-73-8639-0

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp cả phương pháp định lượng và định tính, phương pháp định lượng được sử dụng chủ yếu là khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp định tính là phỏng vấn sâu.

Bảng khảo sát với 200 mẫu tại Thành phố Bến Tre, được thiết kế trên cơ sở khái niệm về dạy nghề, dạy nghề cho thanh niên LGBT, đồng thời dựa trên các ý kiến thảo luận của chuyên gia, thu thập dữ liệu định tính trước đó. Các biến số nghiên cứu tập trung vào các thuận lợi và khó khăn trong việc dạy nghề cho thanh niên LGBT và các yếu tố ảnh hưởng đến dạy nghề cho thanh niên LGBT. Bảng khảo sát được tiến hành nghiên cứu thử nghiệm (pilot) trên mẫu nhỏ, được điều chỉnh và chuẩn hoá nhiều lần bởi nhóm nghiên cứu, độ tin cậy (cronbach'alpha) đạt 7.50 trước khi đưa vào nghiên cứu chính thức.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng dạy nghề cho thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

Bảng 1. Thực trạng dạy nghề cho thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

STT	Ngành nghề được đào tạo	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Buôn bán nhỏ	1.95	1.04
2	Lái xe	2.09	1.04
3	Cắt tóc, gội đầu	2.10	1.06
4	Nấu ăn	2.09	1.02
5	Điện/Điện lạnh	2.15	1.01
6	Thợ may	1.98	1.03
7	Thợ cơ khí	1.91	1.15
8	Nghề liên quan đến xây dựng	0.74	0.61
9	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	0.54	0.60
10	Điện công nghiệp	0.50	0.58
11	Điện tử công nghiệp	0.74	0.60
12	Kế toán doanh nghiệp	0.80	0.58
13	Nghệ sỹ, nghệ thuật, thẩm mỹ	0.65	0.59
14	Nghề kinh doanh	0.61	0.58
15	Kỹ thuật thiết kế thời trang	0.98	0.50
16	Hướng dẫn viên du lịch	0.87	0.54
17	Quản lý nhà hàng khách sạn	0.86	0.54

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy các ngành nghề được đào tạo cho thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre cũng khá đa dạng và đáp ứng nhu cầu về sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Kết quả khảo sát cho ta thấy nghề nghiệp của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre rất đa dạng, từ những nghề đòi hỏi kiến thức, kỹ năng đến những nghề lao động phổ thông. Điển hình

nhất là các ngành kỹ thuật Điện/Điện lạnh với điểm trung bình cao nhất là 2.15 điểm. Chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, máy móc gần như thay thế phần lớn sức lao động của con người trong gia đình. Ngày càng nhiều các sản phẩm mới điện tử - điện lạnh ra đời phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân, các sản phẩm này ngày càng phổ biến và đáp ứng được mong muốn của con người. Chính vì vậy, việc học sinh lựa chọn học ngành nghề Điện/Điện lạnh là nhu cầu khách quan tất yếu.

Ở vị trí thứ hai trong các ngành được thanh niên LGBT chọn để học nghề là ngành cắt tóc/gội đầu với điểm trung bình là 2.10 điểm, đây được xem là một nghề phổ biến dễ kiếm việc và tạo ra thu nhập bởi vì thời gian đào tạo ngắn, cung - cầu nhiều và vốn đầu tư không nhiều. Nhu cầu làm đẹp về tóc luôn là nhu cầu thiết yếu hàng ngày của tất cả mọi người, khi nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở được đáp ứng thì các nhu cầu chiếm vị trí cao tiếp theo là nhu cầu về làm đẹp, đặc biệt là tóc, dân gian vẫn luôn có câu "hàm răng, mái tóc là vóc con người".

Tiếp theo là nghề nấu ăn với điểm trung bình 2.09 điểm, đây là nghề khá phổ biến vì không đòi hỏi phức tạp và dễ tiếp cận, gần gũi nhiều nhóm đối tượng, đa dạng độ tuổi và dành cho nhiều thanh niên có sở thích nấu ăn, đo đó được nhiều cơ sở nghề, cơ sở giáo dục tổ chức đào tạo. Hơn nữa, xã hội ngày càng phát triển, các dịch vụ nhà hàng - khách sạn ra đời nhiều phục vụ cho nhu cầu giao lưu, hợp tác của mọi người. Bên cạnh đó con người ngày càng bận rộn với các công việc của bản thân nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ ăn uống bên ngoài rất cao… đó cũng là một trong những nguyên nhân nghề nấu ăn được các bạn thanh niên lựa chọn nhiều.

Cùng có điểm trung bình 2.09 điểm là nghề lái xe. Nền kinh tế hàng hóa phát triển, nhu cầu giao lưu, vận chuyển hàng hóa giữa các vùng miền ngày càng cao. Cơ sở hạ tầng giao thông phát triển, các phương tiện giao thông ra đời ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu đi lại của con người. Thành phố Bến Tre là một trong những địa phương có vị trí địa lý trọng điểm, phát triển các ngành nghề kinh tế khác nhau đặc biệt là du lịch vì vậy cũng không ít các thanh niên chọn nghề lái xe để phát triển trong tương lai.

Tiếp đến là các ngành thợ may, buôn bán nhỏ, thợ cơ khí với điểm trung bình lần lượt là 1.98, 1.95 và 1.91. Đây là các ngành phổ thông được ưu tiên đào tạo để đáp ứng các nhu cầu khác của địa phương.

Các ngành nghề đòi hỏi cao về trình độ học vấn như kế toán, ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, nghệ thuật lại ít được các bạn thanh niên quan tâm với điểm trung bình có xu hướng giảm dần. Cụ thể, kỹ thuật thiết kế thời trang với điểm trung bình là 0.98. Đây là ngành không bao giờ lỗi thời với thị trường lao động, tuy nhiên đòi hỏi người học rất nhiều kỹ năng, do đó thực trạng đào tạo và người theo học không quá nhiều dẫn đến việc đào tạo ngành này cũng hạn chế.

Các ngành có điểm trung bình tiếp theo là hướng dẫn viên du lịch - 0.87 và quản lý nhà hàng khách sạn - 0.86. Đối với Bến Tre, đây là một trong những địa điểm du lịch và đang được phát triển, do đó đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch đang được quan tâm. Trong đó nghề hướng dẫn viên và quản lý nhà hàng, khách sạn đang được phát triển. Thanh niên LGBT tham gia học còn ít do đòi hỏi của ngành nghề cao và phụ thuộc khả năng của các bạn.

Các ngành đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao bao gồm kế toán doanh nghiệp có điểm trung bình là 0.80, các nghề liên quan đến xây dựng và điện tử công nghiệp cùng có điểm trung bình là 0.74. Tiếp theo là các ngành liên quan đến nghệ sỹ, nghệ thuật, thẩm mỹ với ĐTB là 0.65 và nghề

ISBN: 978-604-73-8639-0

kinh doanh là 0.61. Các ngành nghề trên ít được đào tạo vì lượng người học thấp, điều kiện cũng hạn chế. Thấp nhất là hai nhóm ngành kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính và điện công nghiệp có điểm trung bình lần lượt là 0.54 và 0.50.

3.2. Nhu cầu học nghề của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

Bảng 2. Tiêu chí lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

STT	Tiêu chí	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Nghề được xã hội coi trọng	2.25	1.77
2	Nghề có thu nhập cao	2.70	0.76
3	Nghề làm việc chân tay	2.60	0.86
4	Nghề có khả năng thăng tiến	2.59	0.75
5	Nghề xã hội đang cần	2.80	0.66
6	Nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều	2.37	1.02
7	Nghề có thu nhập cao	3.21	0.75
8	Nghề phù hợp năng lực bản thân	3.46	0.53
9	Nghề phù hợp với sở thích, đam mê	3.14	0.73
10	Nghề được nhiều người ưa chuộng	3.34	0.52
11	Nghề được bạn bè chọn nhiều	3.19	0.69
12	Nghề dễ xin việc	3.21	0.71
13	Nghề theo truyền thống gia đình	3.11	0.69
14	Nghề đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội	3.72	1.07
15	Nghề theo điều kiện kinh tế gia đình	3.12	0.71
13	Nghề phù hợp với điều kiện sức khoẻ tâm lý	3.10	0.69

Từ kết quả khảo sát trên Bảng 2 của thanh niên LGBT thành phố Bến Tre cho thấy nhu cầu học nghề thấp nhất là học nghề được xã hội coi trọng với điểm trung bình 2.25, tiếp theo là nhu cầu học nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều với điểm trung bình 2.37. Có thể thấy được, các nghề được xã hội coi trọng không là mối quan tâm lớn của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre tham gia khảo sát.

Tiếp theo đó, nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều cũng có điểm trung bình khá thấp. Những nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều đòi hỏi nhiều kỹ năng mềm, những yếu tố phản xạ liên quan đến khả năng bẩm sinh của cá nhân nhiều hơn. Do đó, những ngành nghề này cần kỹ năng giao tiếp tốt, không ngại tiếp xúc với nhiều người, có ngoại hình ổn và có kỹ năng giữ mối quan hệ tốt với nhiều người trong thời gian dài. Với tiêu chuẩn khá cao, có thể đây là lý do tại sao nhu cầu học nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều không cao.

Những ngành nghề mà thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre tham gia khảo sát cho rằng có nhu cầu học nhiều hơn đó là nghề đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội (3.72), nghề phù hợp với năng lực bản thân (3.46) và nghề được nhiều người ưa chuộng (3.34). Trong đó, nghề đáp ứng

nhu cầu thực tế của xã hội có điểm trung bình cao nhất. Từ kết quả khảo sát có thể thấy được, đối với nghề đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội và nghề được nhiều người ưa chuộng không thể hiện cụ thể nghề nghiệp nào mà chỉ thể hiện xu thế nghề nghiệp của xã hội.

Cuối cùng là nhu cầu học nghề phù hợp với năng lực của bản thân. Năng lực là một trong những yếu tố quan trọng của mỗi cá nhân, là yếu tố cần phải nhận thức rõ ràng. Việc chọn nghề phù hợp với năng lực sẽ giúp mỗi cá nhân có được nghề nghiệp không quá sức, không quá khả năng cho phép. Có thể vì vậy, nhu cầu học nghề phù hợp với bản thân được chọn cao hơn so với những yếu tố liên quan đến bản thân khác như học nghề phù hợp với sở thích, đam mê; nghề phù hợp với điều kiện sức khỏe tâm lý. Tuy nhiên, nhìn chung, yếu tố học nghề xuất phát từ bản thân cũng có điểm trung bình ở mức khá cao, dao động từ 3.10 đến 3.34.

Nhu cầu học nghề của thanh niên LGBT có thể được nhóm lại như sau: *Nhóm các nghề nghiệp cố định, dễ liên tưởng* (nghề được xã hội coi trọng với điểm trung bình là 2.25, nghề làm việc chân tay là 2.60, nghề có mối quan hệ giao tiếp nhiều là 2.37); *Nhóm đặc điểm cơ hội của nghề nghiệp* (nghề có thu nhập cao với điểm trung bình là 3.21, nghề có khả năng thăng tiến là 2.59); *Nhóm các nghề nghiệp liên quan đến nhu cầu xã hội* (nghề xã hội đang cần là 2.80, nghề được nhiều người ưa chuộng là 3.34, nghề dễ xin việc là 3.21, nghề đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội là 3.72); *Nhóm các nghề nghiệp liên quan đến cá nhân như gia đình, bạn bè* (nghề được bạn bè chọn nhiều là 3.19, nghề theo truyền thống gia đình là 3.11, nghề theo điều kiện kinh tế gia đình là 3.12) và *Nhóm các nghề nghiệp xuất phát từ bản thân* (nghề phù hợp với năng lực của bản thân là 3.46; nghề phù hợp với sở thích, đam mê là 3.14; nghề phù hợp với điều kiện sức khỏe tâm lý là 3.10).

Như vậy, nhóm các nghề nghiệp cố định, dễ liên tưởng là nhóm có nhu cầu học thấp nhất; nhóm các nghề nghiệp liên quan đến nhu cầu xã hội là nhóm có nhu cầu cao nhất. Ngoài ra, có thể kể đến hai nhóm là nhóm nghề nghiệp xuất phát từ bản thân và nhóm nghề nghiệp liên quan đến cá nhân như gia đình, bạn bè. Đây cũng là hai nhóm có nhu cầu tương đối cao thông qua khảo sát. Đối với nhóm đặc điểm cơ hội của nghề nghiệp, yếu tố nghề có thu nhập cao được quan tâm khá cao nhưng yếu tố nghề có khả năng thăng tiến lại khá thấp.

3.3. Các yếu tố tác động đến dạy nghề cho thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

3.3.1. Yếu tố cá nhân (độ tuổi, giới tính và học vấn)

Bảng 3. Yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến dạy nghề cho thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

STT	Yếu tố cá nhân	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC *(Độ lệch chuẩn)*
1	Kết quả học tập của cá nhân	2.88	0.72
2	Năng khiếu (năng lực) của cá nhân	3.15	0.63
3	Sở thích của cá nhân	3.11	0.59
4	Truyền thống gia đình	3.26	0.61
5	Nhu cầu của xã hội, địa phương	3.26	0.54
6	Địa vị xã hội của bố mẹ	3.23	0.58

 ISBN: 978-604-73-8639-0

7	Khả năng xin được việc làm sau này	3.10	0.67
8	Điều kiện kinh tế của gia đình	3.17	0.65
9	Tính cách của cá nhân	3.75	0.84

Bảng 3 thể hiện kết quả các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến hướng nghiệp và dạy nghề cho thanh niên LGBT thành phố Bến Tre bao gồm: kết quả học tập cá nhân, năng khiếu (năng lực) của cá nhân, sở thích của cá nhân, truyền thống của gia đình, nhu cầu của xã hội, địa phương, địa vị xã hội của bố mẹ, khả năng xin được việc làm sau này, điều kiện kinh tế của gia đình và tính cách cá nhân. Kết quả này cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến hướng nghiệp, dạy nghề cũng khá đa dạng.

Yếu tố được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến hướng nghiệp và dạy nghề cho thanh niên LGBT là yếu tố tính cách cá nhân với điểm trung bình là 3.75. Đây là yếu tố có thể cho thấy thanh niên LGBT tham gia khảo sát rất quan tâm đến sự phù hợp giữa tính cách cá nhân với nghề nghiệp. Trong đó, tính cách là thuộc tính tâm lý của cá nhân vừa mang đặc điểm của cá nhân vừa mang đặc điểm của điều kiện xã hội. Như vậy, có thể thấy được việc hướng nghiệp - dạy nghề không thể chỉ quan tâm đến những yếu tố xã hội mà còn cần phải quan tâm đến yếu tố tâm lý, không chỉ thể hiện qua nhu cầu mà còn qua các yếu tố khác như tính cách của mỗi cá nhân. Ví dụ: có những người có năng khiếu thẩm mỹ, sự khéo léo, óc sáng tạo họ sẽ chọn hoặc thích những ngành liên quan đến thế mạnh của bản thân cá nhân họ,…

Hai yếu tố cùng có điểm trung bình cao thứ hai là yếu tố nhu cầu của xã hội, địa phương và yếu tố liên quan đến truyền thống gia đình với điểm trung bình là 3.26. Việc lựa chọn nghề nghiệp dựa trên nhu cầu của xã hội và địa phương là tất yếu do bản thân cá nhân cho dù học bất kỳ ngành nghề nào thì đầu ra luôn là mối quan tâm của tất cả mọi người. Việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của địa phương sẽ giúp cho bản thân cá nhân trong quá trình học được tạo điều kiện tốt nhất để học tập. Xu hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương có ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng nghề nghiệp của thanh niên LGBT hiện nay vì phần lớn các bạn rất muốn lập nghiệp và đóng góp công sức của mình xây dựng quê hương. Đây là một trong những yếu tố tất yếu góp phần tạo ra sự phân luồng trong định hướng nghề nghiệp cho người học.

Tiếp đến là các yếu tố liên quan đến địa vị xã hội của bố mẹ có điểm trung bình là 3.23 và điều kiện kinh tế của gia đình là 3.17. Bố mẹ thường hay định hướng cho con cái đi theo những ngành nghề mà mình đang làm vì sẽ tiếp nối truyền thống gia đình, dễ dàng có công việc khi hoàn thành đào tạo nghề. Bên cạnh đó, điều kiện gia đình ảnh hưởng nhiều đến sự lựa chọn ngành nghề của thanh niên LGBT, quyết định đến việc học và sự lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên LGBT. Do đó, việc lựa chọn nghề nghiệp nhiều khi không phải do chính thanh niên LGBT đam mê hoặc có khả năng mà do các yếu tố liên quan đến gia đình, đòi hỏi gia đình cần phải có quan niệm, cách nhìn nhận đúng đắn về giá trị nghề nghiệp trong xã hội hiện nay. Và khi gia đình đánh giá được đúng bản chất của nghề nghiệp thì việc cần quan tâm tiếp theo là gia đình phải tìm hiểu về những nhu cầu, sở thích, nguyện vọng, và cần không quên đánh giá khả năng, thế mạnh, năng lực của con mình,... Trên các cơ sở hiểu biết đó gia đình sẽ tư vấn, trao đổi, góp ý cho thanh niên LGBT có được một sự lựa chọn đúng đắn nhất.

Các yếu tố về năng khiếu (năng lực) của cá nhân chiếm điểm trung bình là 3.15, sở thích của cá nhân là 3.11. Yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp đầu tiên chính là năng lực bản thân và đam mê, sở thích của bản thân nhưng nó lại được xếp vị trí ưu tiên sau so với các yếu tố gia

đình và xã hội. Thực tế đã chứng minh, có rất nhiều các bạn trẻ chọn ngành nghề theo mong muốn của bố mẹ và nhu cầu của xã hội vì ngành đó lương cao, dễ xin việc, được mọi người trong xã hội coi trọng,… nhưng trong quá trình học các bạn thiếu đi đam mê, sự yêu thích và mục tiêu nghề nghiệp nên dẫn đến các bạn dễ buông xuôi, chán nản nếu gặp khó khăn trong học tập… Nếu bản thân chúng ta không có năng lực sẽ không thể nào đáp ứng các tiêu chuẩn đòi hỏi của ngành nghề. Nếu không dựa trên sở thích sẽ không thể làm bất cứ điều gì một cách tận tâm và không đủ động lực để vượt qua trong những lúc gặp trở ngại. Ngược lại, nếu yêu thích ngành nghề và công việc đó, các bạn thanh niên sẽ luôn nảy ra được những ý tưởng tuyệt vời và những phương pháp khắc phục khó khăn nhanh chóng. Do đó, chọn nghề theo năng lực và sở thích là yếu tố cần được chú trọng.

Yếu tố liên quan đến khả năng xin được việc làm sau này có điểm trung bình là 3.10. Đối với nhiều thanh niên LGBT tìm kiếm việc làm là một trong những thách thức lớn sau khi ra trường. Phải thừa nhận rằng lao động và việc làm đang là một bài toán khó đặt ra với cả các cơ quan, tổ chức, các nhà lãnh đạo và toàn xã hội. Ngành nghề nào cũng cần có trong xã hội hiện đại với những ưu điểm và nhược điểm riêng, và nó sẽ có sự phù hợp với từng cá nhân. Tuy nhiên, việc có được việc làm luôn là yếu tố được các bạn thanh niên LGBT xem trọng.

Yếu tố được cho là ít ảnh hưởng đến hướng nghiệp và dạy nghề cho thanh niên LGBT là yếu tố kết quả học tập với điểm trung bình là 2.88. Xét yếu tố kết quả học tập, có thể thấy được đa số thanh niên LGBT tham gia khảo sát cho rằng học tập và hướng nghiệp, dạy nghề là hai vấn đề cần được xem xét khá độc lập. Đây là tư duy nên có trong vấn đề hướng nghiệp, kết quả học tập không nên là rào cản của bất kỳ cá nhân nào để lựa chọn công việc, nghề nghiệp mong muốn. Kết quả học tập trong suốt quá trình học tập chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ để đánh giá được cá nhân có làm tốt công việc của mình hay không?

Như vậy, để lựa chọn được ngành nghề cho bản thân mình thanh niên LGBT cũng có nhiều yếu tố phải cân nhắc trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Trên đây là những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, dù xuất phát từ yếu tố nào thì việc các bạn được tham gia vào các chương trình hướng nghiệp - dạy nghề cũng là điều kiện tốt để các bạn có thể nhìn nhận năng lực, sở thích của bản thân và có những định hướng về nhu cầu của xã hội để các bạn có thể học tập và rèn luyện nghiêm túc trong quá trình được đào tạo. Sự quan tâm của các cấp chính quyền và gia đình là điều kiện và động lực để các bạn vững tin hơn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp cho cá nhân mình.

3.3.2. Yếu tố chính sách đến học nghề của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

Bảng 4. Yếu tố chính sách ảnh hưởng đến học nghề của thanh niên LGBT tại thành phố Bến Tre

STT	Yếu tố chính sách	**ĐTB** *(Điểm trung bình)*	**ĐLC** **(***Độ lệch chuẩn)*
1	Chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo khu vực	3.06	0.62
2	Chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, cho vay để học nghề	3.15	0.52
3	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho dân tộc thiểu số	3.18	0.54

ISBN: 978-604-73-8639-0

STT	Yếu tố chính sách	ĐTB *(Điểm trung bình)*	ĐLC **(***Độ lệch chuẩn)*
4	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật thương binh, bộ đội xuất ngũ	3.16	0.60
5	Hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn cho thanh niên nông thôn	1.24	0.52
6	Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ học nghề	1.47	0.47
7	Chính sách đặc thù từ chính quyền địa phương	1.43	0.46
8	Chính sách hỗ trợ học nghề do thay đổi sinh kế	1.08	0.61

Các yếu tố liên quan đến chính sách việc làm là một trong những chính sách xã hội cơ bản của mọi quốc gia nhằm góp phần đảm bảo an sinh, ổn định và phát triển xã hội. Chính sách vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa có ý nghĩa về mặt chính trị xã hội. Chính vì vậy, bất kỳ cá nhân nào cũng mong muốn Nhà nước có những chính sách nhằm tạo điều kiện để người dân có thể yên tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và các bạn thanh niên LGBT đang học nghề cũng vậy.

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy, các chính sách được xem là rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến hướng nghiệp và học nghề là: chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo khu vực (3.06); chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, cho vay để học nghề (3.15); chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho dân tộc thiểu số (3.18); chính sách hỗ trợ người khuyết tật thương binh, bộ đội xuất ngũ (3.16). Các chính sách về chế độ ưu tiên khu vực và miễn giảm hay hỗ trợ học phí luôn được quan tâm đặc biệt với các bạn ở nông thôn và các bạn có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách,… Với một số hộ gia đình ở nông thôn thì kinh phí để cho con đi học nghề luôn là vấn đề quan tâm đầu tiên, vì vậy nếu có các chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và của địa phương sẽ giúp họ yên tâm được phần nào khi cho con tham gia vào các lớp/trung tâm đào tạo.

Bên cạnh đó, các chính sách được các bạn thanh niên LGBT xem là ít quan trọng với hướng nghiệp và học nghề là chính sách hỗ trợ học nghề do thay đổi sinh kế (1.08), chính sách hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn cho thanh niên nông thôn (1.24).

4. KẾT LUẬN

Thực trạng tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp, việc làm không ổn định còn diễn ra, nhất là đối với các thanh niên ở nông thôn nói chung và Bến Tre nói riêng. Do đó, các hoạt động dạy nghề tại địa phương có vai trò rất quan trọng và là tiền đề giải quyết các vấn đề khác của xã hội, chính vì vậy hoạt động này cần được quan tâm và tạo điều kiện, đặc biệt là đối với các bạn thanh niên LGBT. Hơn thế nữa, nhiều người trong cộng đồng người LGBT có năng khiếu chuyên biệt, nên nếu chúng ta biết khai thác năng khiếu này gắn kết với nghề nghiệp nhất định thì sẽ rất có ích cho xã hội. Vì vậy, Nhà nước và các tổ chức xã hội phải chú ý đến cộng đồng này và định hướng nghề nghiệp cho họ một cách có hiệu quả, việc này sẽ giúp ích cho xã hội ở những lĩnh vực nhất định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tất Dong (1989), *Giúp bạn chọn nghề*, NXB Giáo dục.

2. Phạm Tất Dong (chủ biên) (1990), *Công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông*, NXB ĐHQG Hà Nội.

3. Đỗ Thị Lệ Hằng (2010), "Lịch sử phát triển và các mô hình tham vấn hướng nghiệp trên thế giới", *Tạp chí Tâm lý học*, số 6/2010.
4. Nguyễn Thị Hằng (2012), "Một số giải pháp quản lý công tác đào tạo nghề ở các trường dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội", *Tạp chí Giáo dục* (293), tr. 9,10,11.
5. Bùi Tôn Hiến (2008), *Thị trường lao động - Việc làm của lao động qua đào tạo nghề*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
6. Nguyễn Thị Lan Hương (2010), *Xu hướng Lao động và xã hội Việt Nam 2009/2010 Thập kỉ việc làm bền vững châu Á 2006-2015,* Viện Khoa học Lao động và Xã hội.
7. Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Bích Thúy (2013), *Nghiên cứu nhu cầu học nghề, hỗ trợ việc làm sau học nghề của phụ nữ và đề xuất giải pháp phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề thuộc Hội phụ nữ, phục vụ triển khai Đề án 295,* Viện Khoa học Lao động và Xã hội.

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT): THÀNH TỰU QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

CONFERENCE PROCEEDINGS

SOCIAL WORK WITH LESBIAN, GAY, BISEXUAL, TRANSGENDER (LGBT) CLIENTS: INTERNATIONAL SUCCESS AND LESSONS FOR VIET NAM

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở:
Phòng 501, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM,
phường Linh Trung, TP Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 028 62726361
E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

Văn phòng đại diện:
Tòa nhà K-Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
ĐT: 028 62726390
Website: www.vnuhcmpress.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
TS ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập
LÊ THỊ THU THẢO, LÊ THỊ MINH HUỆ

Sửa bản in
PHAN KHÔI, THANH HÀ

Trình bày bìa
HỒNG ĐỨC

Đối tác liên kết
KHOA CÔNG TÁC XÃ HỘI,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN (ĐHQG-HCM)

Xuất bản lần thứ 1. Số lượng in: 200 cuốn, khổ 20 x 28 cm. Số XNĐKXB: 3600-2021/CXBIPH/1-60/ĐHQGTPHCMM. QĐXB số 216/QĐ-NXB cấp ngày 19/11/2021. In tại: Công ty TNHH MTV In Song Nguyên. Địa chỉ: 931/10 Hương lộ 2, Phường Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, TP.HCM. Nộp lưu chiểu: Quý 4/2021. ISBN: **978-604-73-8639-0.**

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!